



CITY

Hướng dẫn sử dụng

Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng sau biểu tượng **CHÚ Ý**. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản khác, hoặc môi trường.

Các biểu tượng    trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng giúp vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng   được mã hóa bằng màu để biểu thị “nguy hiểm” (màu đỏ), “cảnh báo” (màu cam), hoặc “thận trọng” (màu hồ phách).

 **Nhãn an toàn** Tr. 100

Một số lưu ý về an toàn

An toàn của bạn, an toàn của mọi người là rất quan trọng và vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra khiến bạn và những người khác bị thương.

Tất nhiên, các thông tin này khó có thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải sử dụng khả năng phán đoán của chính bản thân mình.

Bạn sẽ thấy các thông tin an toàn quan trọng này theo những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Nhãn an toàn** - trên xe.
- **Cảnh báo an toàn** - được dán phía sau biểu tượng cảnh báo an toàn  và một trong ba cụm từ sau: **NGUY HIỂM**, **CẢNH BÁO**, hoặc **THẬN TRỌNG**. Những cụm từ này có nghĩa:

 NGUY HIỂM Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

 CẢNH BÁO Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

  CẢNH BÁO Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

 THẬN TRỌNG Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

- **Đề mục an toàn** - chẳng hạn như những Chú ý quan trọng về an toàn.
- **Phản hướng dẫn an toàn** - chẳng hạn như Lái xe an toàn.
- **Hướng dẫn** - cách sử dụng xe đúng cách và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn – hãy đọc kỹ.

Thiết bị ghi nhận dữ liệu sự cố

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thường được gọi là Thiết bị ghi nhận dữ liệu sự cố. Các thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu thời gian thực khác nhau của xe như sự cố nổ túi khí SRS và lỗi xảy ra tại các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc sự cho phép của chủ xe. Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda ủy quyền và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy quyền có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Thiết bị ghi chẩn đoán dịch vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu hệ thống truyền động và điều kiện lái xe.

Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong việc chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai có thể truy cập dữ liệu này trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc sự cho phép của chủ xe. Tuy nhiên, Honda, các đại lý Honda ủy quyền và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy quyền có thể truy cập dữ liệu này vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này là một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho các loại xe của dòng xe này. Tài liệu này có thể mô tả các thiết bị và tính năng không có trên chiếc xe của bạn.

Những hình ảnh trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này (bao gồm cả bìa trước) mô tả những tính năng, thiết bị và màn hình Đồng hồ đo chỉ có ở một số loại xe nhất định, không phải có ở tất cả các loại xe.

Thông tin và các thông số kỹ thuật trong tài liệu này có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor có quyền cất bỏ hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu hướng dẫn này áp dụng với cả hai loại xe có vô lăng bên phải và vô lăng bên trái, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại xe có vô lăng bên phải.

➤ Lái xe an toàn Tr. 35		
Lái xe an toàn Tr. 36	Dây đai an toàn Tr. 41	Túi khí Tr. 51
➤ Bảng điều khiển Tr. 101		
Đèn báo Tr. 102	Đồng hồ đo và màn hình hiển thị Tr. 128	
➤ Điều khiển Tr. 179		
Đồng hồ Tr. 180	Khóa và mở khóa cửa Tr. 183	
Cửa kính Tr. 202	Cửa sổ trời* Tr. 207	
Ghế Tr. 233	Các hạng mục tiện ích bên trong khác Tr. 242	
➤ Tính năng Tr. 265		
➤ Lái xe Tr. 267		
Trước khi lái xe Tr. 268	Kéo rơ-moóc Tr. 271	Khi lái xe Tr. 272
Nạp nhiên liệu Tr. 387	Tiết kiệm nhiên liệu và lượng khí thải CO ₂ Tr. 390	
➤ Bảo dưỡng Tr. 393		
Trước khi thực hiện bảo dưỡng Tr. 394	Hệ thống giám sát dầu* Tr. 397	
Bảo dưỡng dưới nắp ca-pô Tr. 411	Thay bóng đèn Tr. 428	
Ắc-quy Tr. 446	Bảo dưỡng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa Tr. 450	
Vệ sinh Tr. 454	Phụ kiện và điều chỉnh Tr. 459	
➤ Xử lý sự cố bất ngờ Tr. 461		
Dụng cụ Tr. 462	Nếu lốp xe bị xẹp Tr. 463	
Không gạt được cần số Tr. 492	Quá nhiệt Tr. 493	
Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)* Tr. 518		
➤ Thông tin Tr. 523		
Thông số kỹ thuật Tr. 524	Số nhận dạng Tr. 529	

Nội dung

An toàn cho trẻ Tr. 62

Nguy hiểm do khí thải Tr. 99

Nhân an toàn Tr. 100

Hướng dẫn tham khảo nhanh Tr. 4

Lái xe an toàn Tr. 35

Mở và đóng nắp Tr. 195

Vận hành các công tắc quanh vô lăng Tr. 209

Hệ thống sưởi* và làm mát* Tr. 254

Hệ thống an ninh Tr. 198

Gương Tr. 230

Hệ thống điều hòa không khí tự động* Tr. 259

Bảng điều khiển Tr. 101

Điều khiển Tr. 179

Tính năng Tr. 265

Honda SENSING* Tr. 308

Phanh Tr. 376

Đổ xe Tr. 381

Xe có động cơ tăng áp* Tr. 391

Lái xe Tr. 267

Thông báo nhắc bảo dưỡng* Tr. 402

Kiểm tra và thay lưới gạt nước Tr. 437

Bảo dưỡng hệ thống sưởi* và hệ thống làm mát*/hệ thống điều hòa không khí tự động* Tr. 452

Lịch bảo dưỡng Tr. 404

Kiểm tra và thay lốp Tr. 439

Bảo dưỡng Tr. 393

Xử lý sự cố bất ngờ Tr. 461

Xử lý kích nâng Tr. 482

Đèn báo sáng/nhấp nháy Tr. 497

Động cơ không khởi động Tr. 483

Cầu chì Tr. 503

Nếu ắc-quy hết điện Tr. 488

Kéo xe khẩn cấp Tr. 517

Thông tin Tr. 523

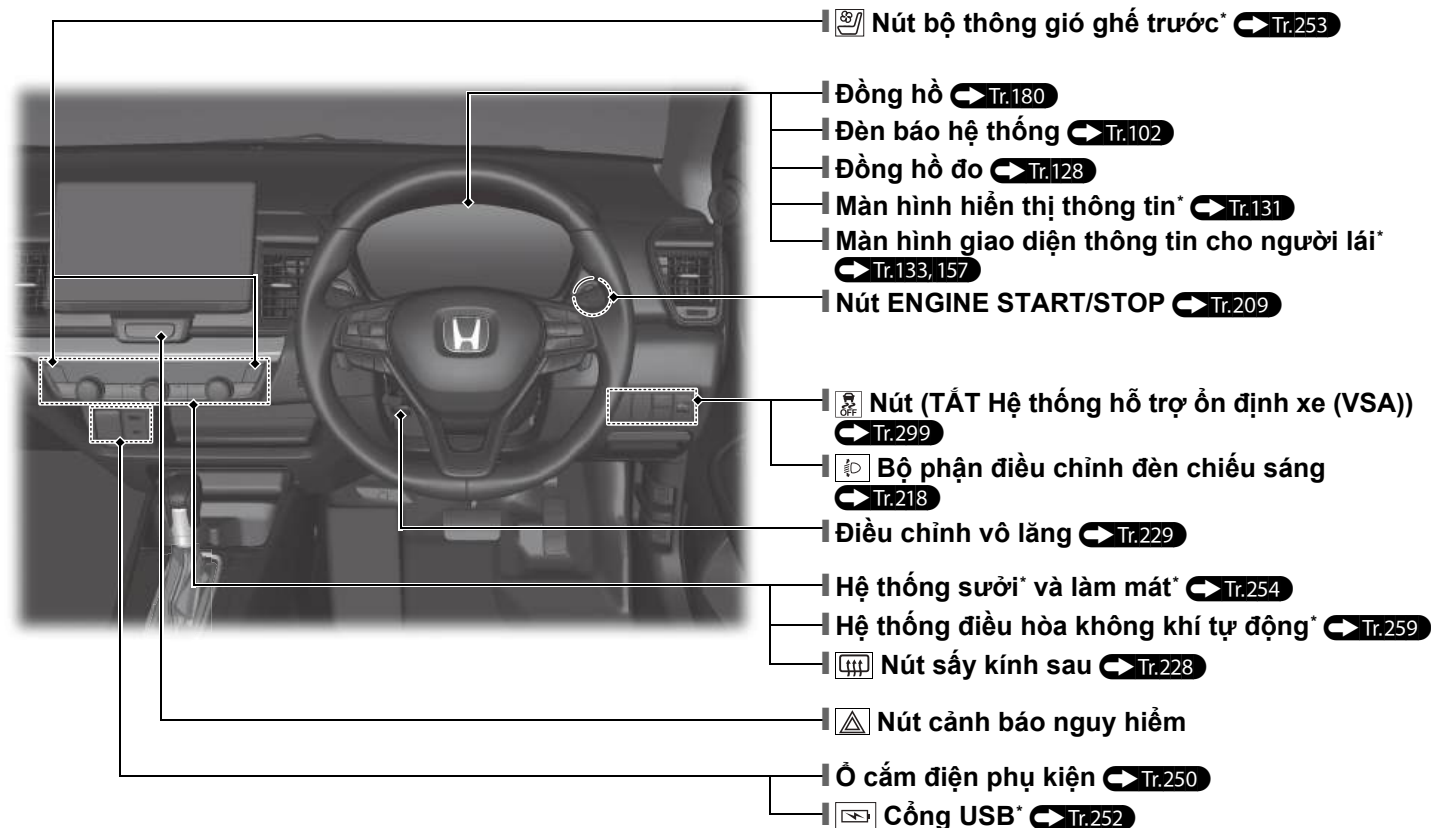
Mục lục Tr. 538

Thiết bị phát sóng vô tuyến* Tr. 531

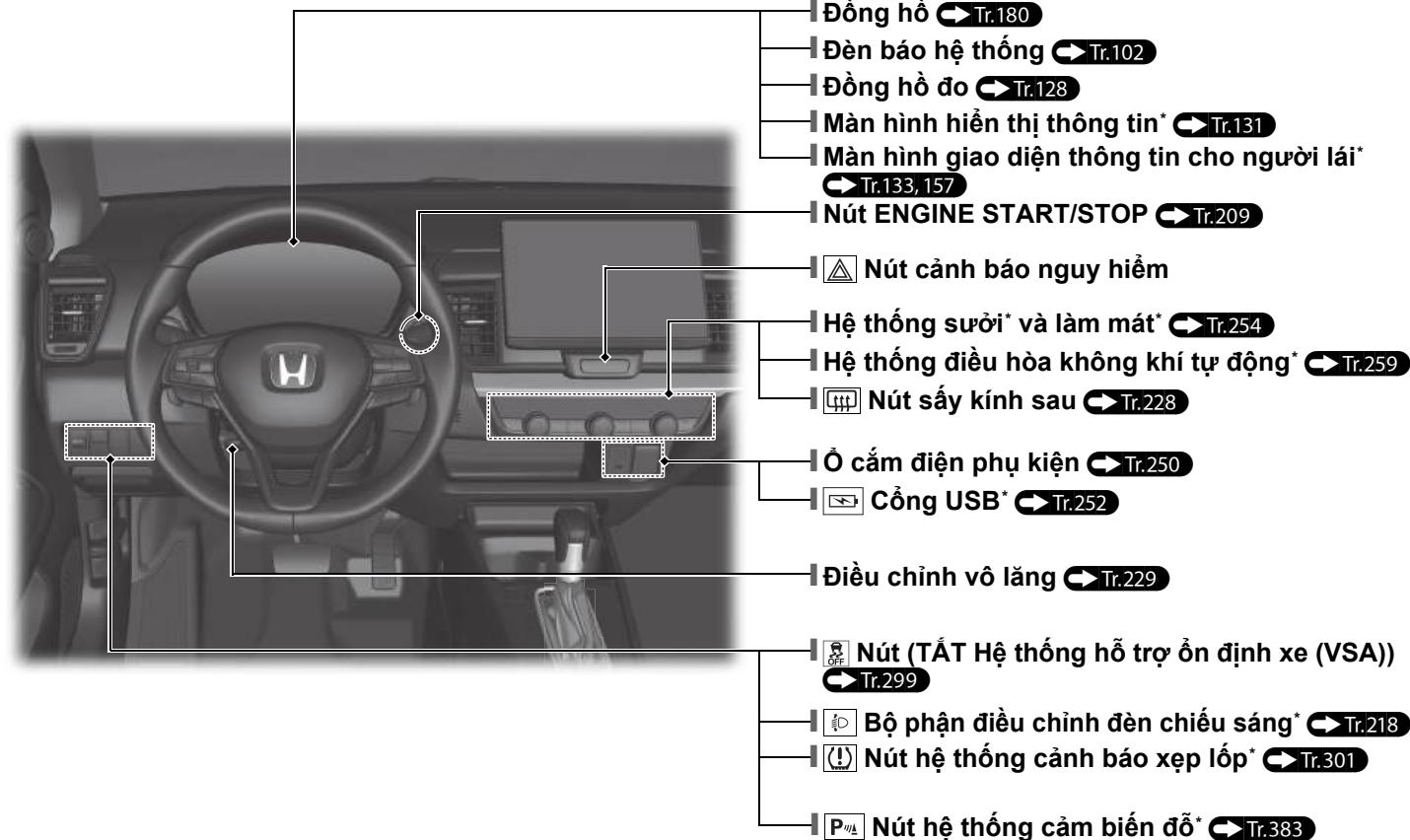
Giấy phép mã nguồn mở Tr. 537

Mục lục trực quan

Loại xe có vô lăng bên phải

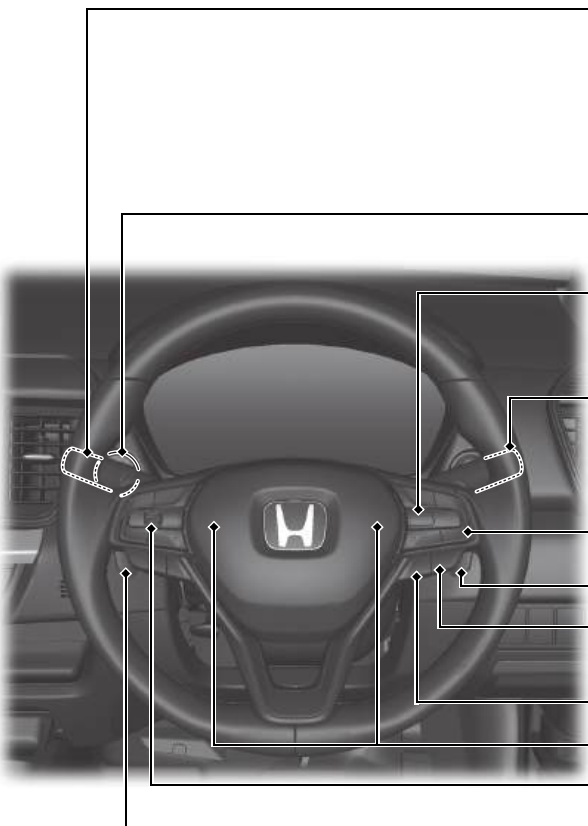


Loại xe có vô lăng bên trái



Mục lục trực quan

Tất cả các loại xe



Loại xe có vô lăng bên trái

Đèn chiếu sáng/ Đèn xi nhan ➡ Tr.212, 213

Đèn sương mù phía sau* ➡ Tr.217

Nút quan sát làn đường*, *1

Loại xe có vô lăng bên phải

Cần gạt nước/ Rửa kính ➡ Tr.223

Nút CAMERA*, *1

Điều chỉnh độ sáng ➡ Tr.226

Nút TRIP/CLOCK* ➡ Tr.131, 180

Nút CRUISE* ➡ Tr.294

Nút kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)* ➡ Tr.337

Loại xe có vô lăng bên phải

Đèn chiếu sáng/ Đèn xi nhan ➡ Tr.212, 213

Nút quan sát làn đường*, *1

Loại xe có vô lăng bên trái

Cần gạt nước/ Rửa kính ➡ Tr.223

Nút kiểm soát hành trình* ➡ Tr.295

Lấy sang số* (Tăng số) ➡ Tr.285

Nút hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)* ➡ Tr.355

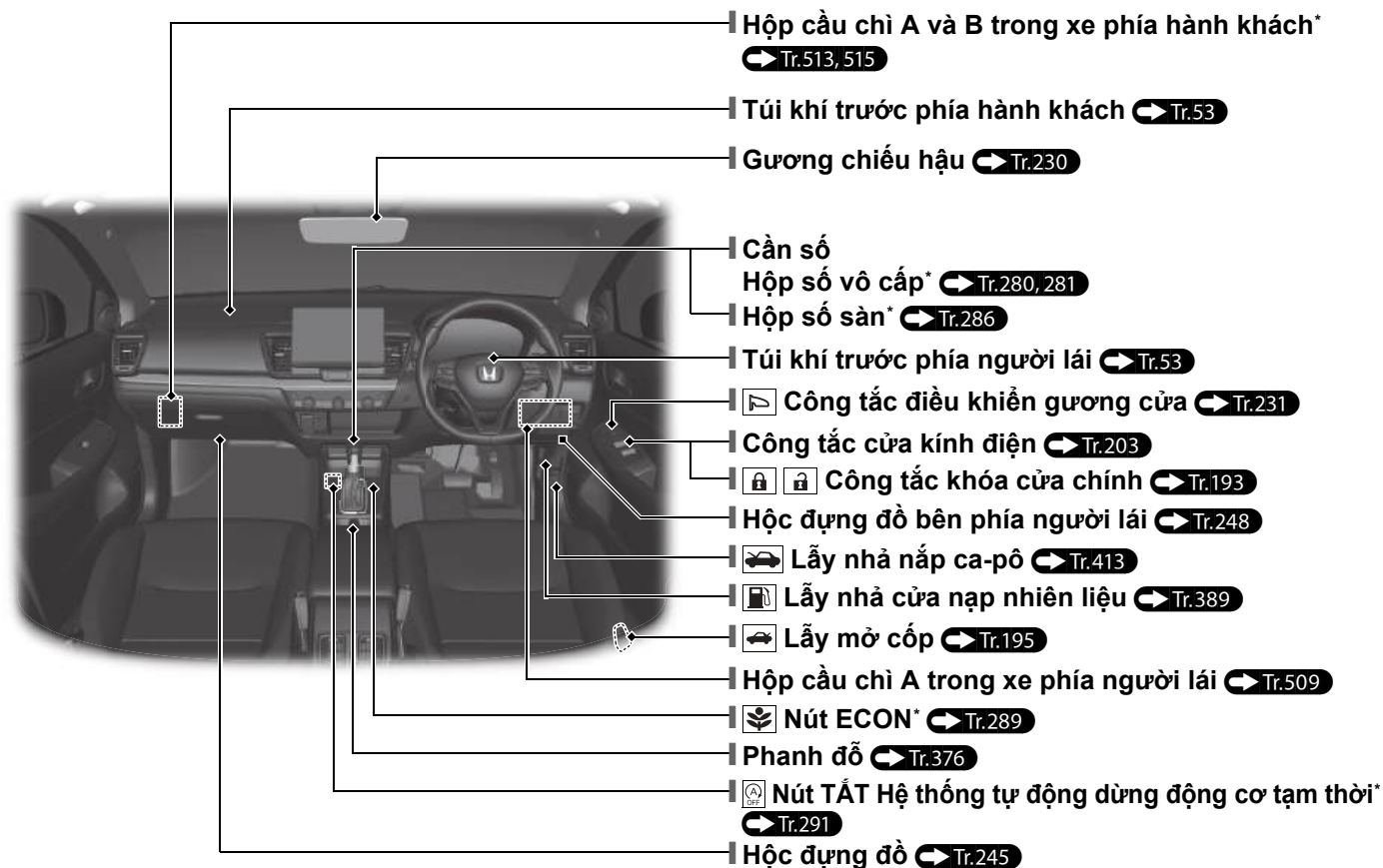
Nút khoảng cách* ➡ Tr.350

Còi (Ấn khu vực xung quanh)

Vòng lựa chọn bên trái ➡ Tr.133, 157

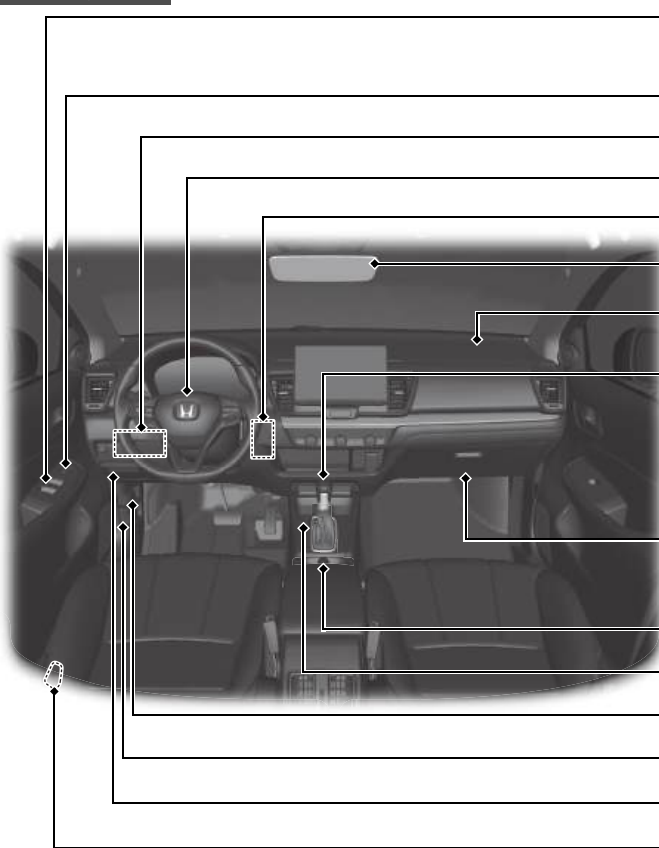
Lấy sang số* (Giảm số) ➡ Tr.285

*1 : Thông tin chi tiết được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng màn hình.



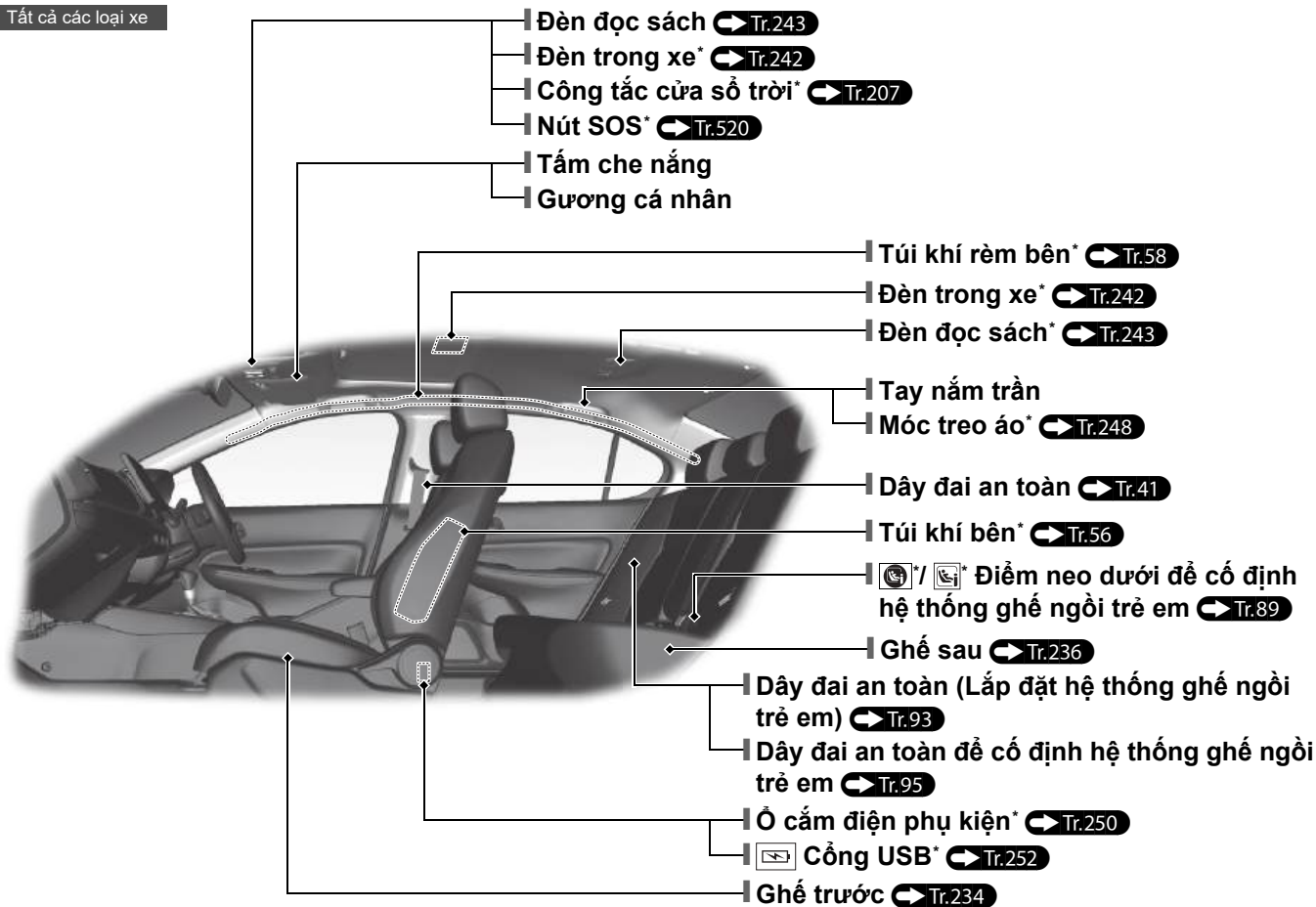
Mục lục trực quan

Loại xe có vô lăng bên trái



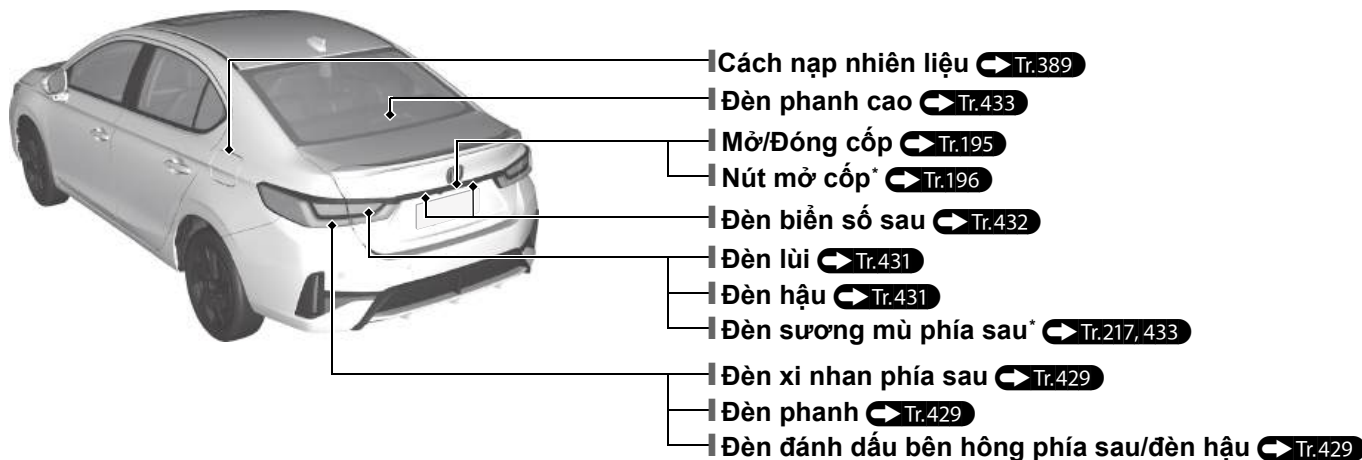
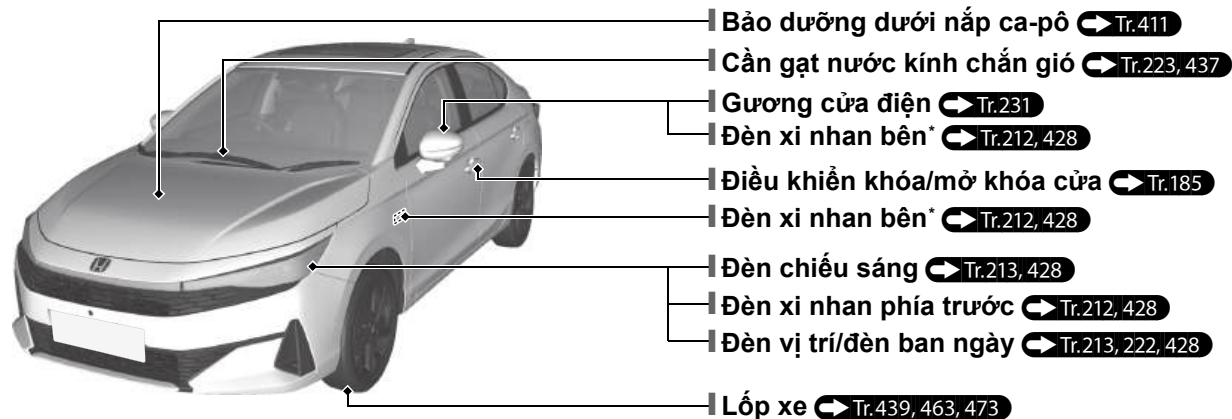
- Công tắc cửa kính điện ➡ Tr.203
-   Công tắc khóa cửa chính ➡ Tr.193
-  Công tắc điều khiển gương cửa ➡ Tr.231
- Hộp cầu chì A trong xe phía người lái ➡ Tr.509
- Túi khí trước phía người lái ➡ Tr.53
- Hộp cầu chì B trong xe phía người lái ➡ Tr.511
- Gương chiếu hậu ➡ Tr.230
- Túi khí trước phía hành khách ➡ Tr.53
- Cần số
Hộp số vô cấp ➡ Tr.280, 281
- Hộc đựng đồ ➡ Tr.245
- Phanh đỗ ➡ Tr.376
-  Nút ECON ➡ Tr.289
-  Lấy nhà cửa nạp nhiên liệu ➡ Tr.389
-  Lấy nhà nắp ca-pô ➡ Tr.413
- Hộc đựng đồ bên phía người lái ➡ Tr.248
-  Lấy mở cốp ➡ Tr.195

Tất cả các loại xe



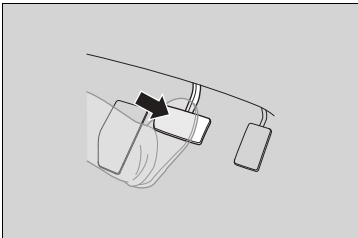
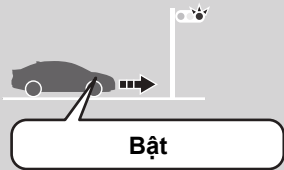
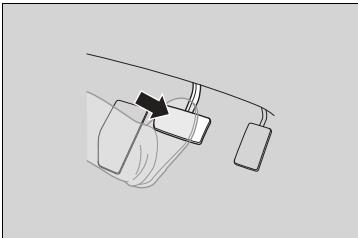
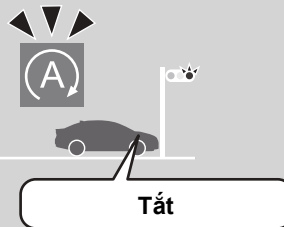
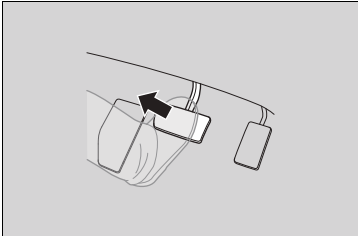
* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Mục lục trực quan



Chức năng tự động dừng động cơ tạm thời*

Để cải thiện khả năng tiết kiệm nhiên liệu, động cơ sẽ dừng và sau đó khởi động lại như mô tả dưới đây. Khi bật chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời, đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (màu xanh lục) sẽ sáng. ➡ Tr.290

Khi	Hộp số vô cấp	Trạng thái động cơ
Giảm tốc 	 Dừng xe và nhấn bàn đạp phanh.	 Bật
Dừng 	 Nhấn giữ bàn đạp phanh.	 Tắt
Khởi động	 Nhả bàn đạp phanh.	 Khởi động lại

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống hỗ trợ lái Eco*

Đèn viền đồng hồ

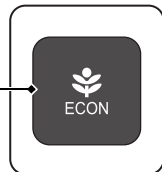
- Màu sắc của đèn viền đồng hồ sẽ chuyển sang màu xanh lục để biểu thị rằng xe đang được vận hành một cách tiết kiệm nhiên liệu.



Đèn báo chế độ ECON ➡ Tr.116
Đèn sáng khi ấn nút ECON.



Nút ECON ➡ Tr.289
Giúp tối đa hóa khả năng tiết kiệm nhiên liệu.



*1 : Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*3 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

Lái xe an toàn ➡ Tr.35

Danh mục kiểm tra trước khi lái xe ➡ Tr.39

- Trước khi lái xe, hãy kiểm tra xem ghế trước, tựa đầu, vô lăng và các gương đã được điều chỉnh đúng hay chưa.

Dây đai an toàn ➡ Tr.41

- Thắt dây đai an toàn và ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra xem hành khách trên xe đã thắt dây đai an toàn đúng cách hay chưa.



Thắt dây an toàn ngang hông ở vị trí thấp nhất có thể.

Nguy hiểm do khí thải ➡ Tr.99

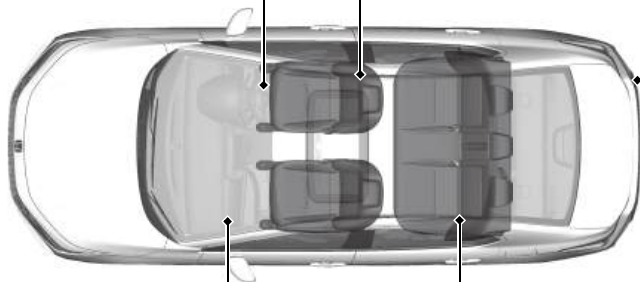
- Xe của bạn xả ra một lượng khí thải nguy hiểm có chứa CO. Không khởi động xe ở không gian kín, nơi có thể tích tụ khí CO.

An toàn cho trẻ ➡ Tr.62

- Tất cả trẻ em từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau.

Túi khí ➡ Tr.51

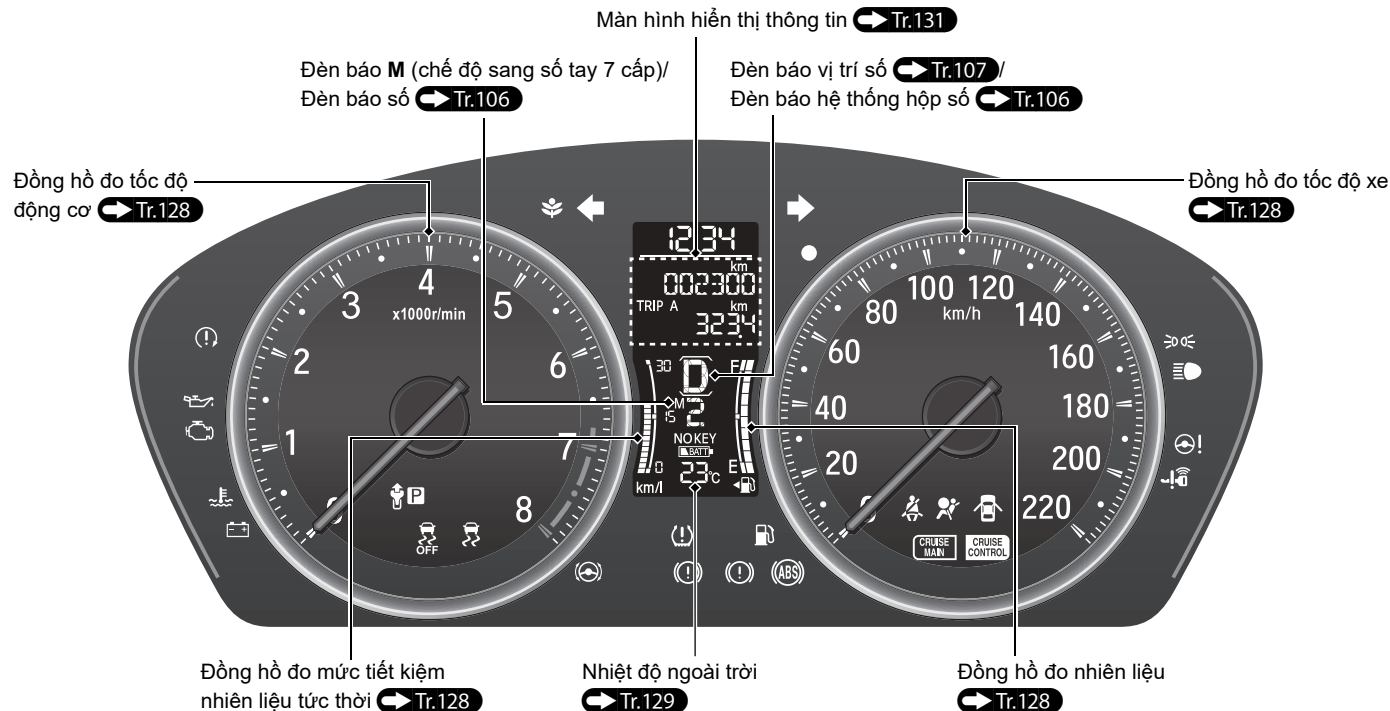
- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh.

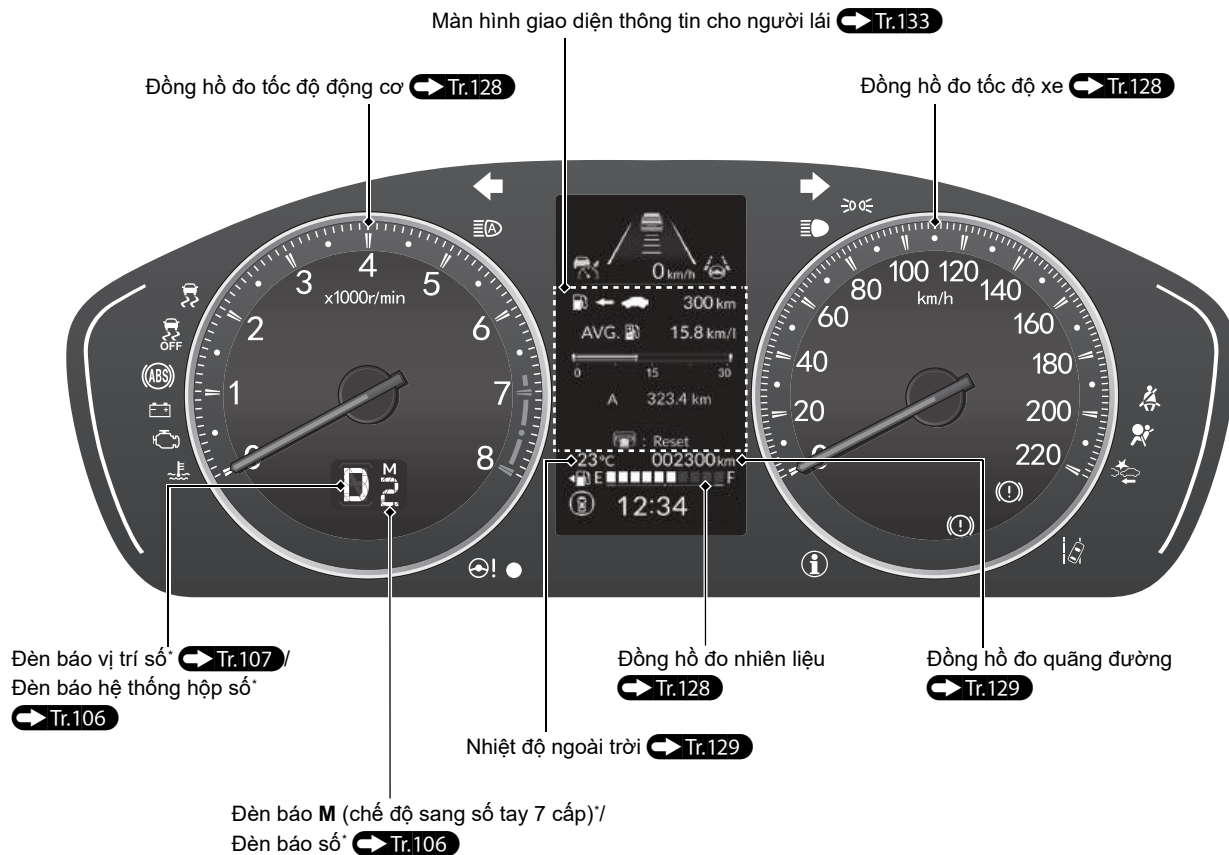


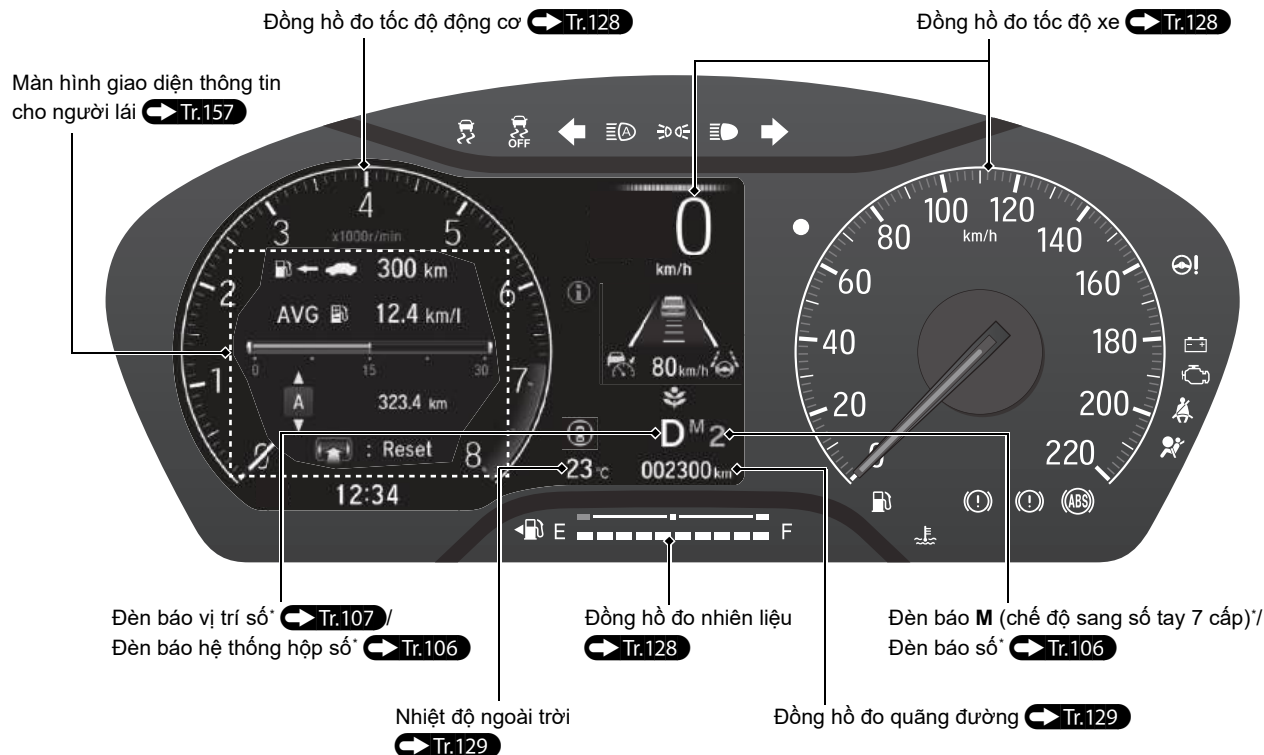
Bảng điều khiển ➡ Tr.101

Đèn báo ➡ Tr.102 / Đồng hồ đo ➡ Tr.128 / Màn hình hiển thị thông tin* ➡ Tr.131 /
Màn hình giao diện thông tin cho người lái* ➡ Tr.133, 157

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin







Điều khiển ➡ Tr.179

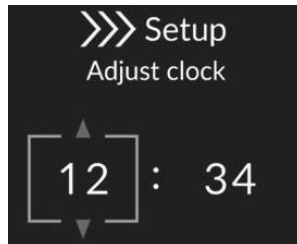
Đồng hồ ➡ Tr.180

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

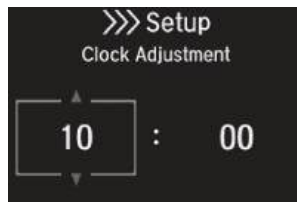
Bạn có thể điều chỉnh thời gian trong màn hình hiển thị thông tin bằng cách sử dụng nút **TRIP/CLOCK**, nút **+** hoặc nút **-**.



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)

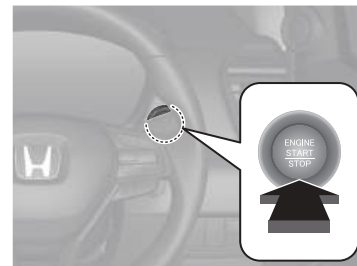


Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)



Nút ENGINE START/STOP ➡ Tr.209

Ấn nút để thay đổi chế độ nguồn của xe.



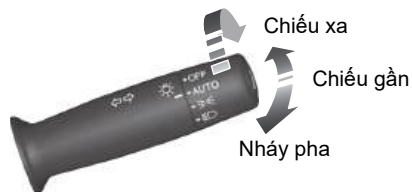
Xi nhan ➡ Tr.212

Cần điều khiển xi nhan



Đèn ➔ Tr.213

Công tắc điều khiển đèn



Cần gạt nước và rửa kính

➔ Tr.223

Cần điều khiển gạt nước/rửa kính

MIST

OFF

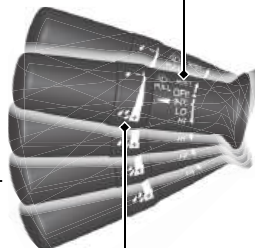
AUTO*1: Tốc độ cần gạt nước thay đổi tự động

INT*2: Tốc độ thấp và ngắt quãng

LO: Gạt chậm

HI: Gạt nhanh

Kéo về phía bạn để phun nước rửa kính.



Vòng điều chỉnh*

☐: Độ nhạy thấp*1

⬇: Gạt chậm, gạt ít*2

☐: Độ nhạy cao*1

⬆: Gạt nhanh, gạt nhiều*2

*1 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

*2 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn thủ công

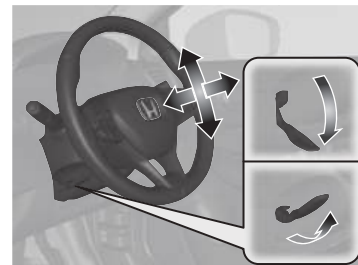
Loại xe có chế độ gạt nước gián đoạn tự động

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn TẮT chế độ **AUTO** (TỰ ĐỘNG) khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Lái xe qua trạm rửa xe
- Trời không mưa

Vô lăng ➔ Tr.229

- Để điều chỉnh, hãy đẩy cần điều chỉnh xuống, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về đúng vị trí.



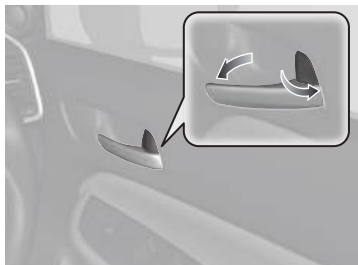
Mở khóa cửa trước từ bên trong ➡ Tr.192

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

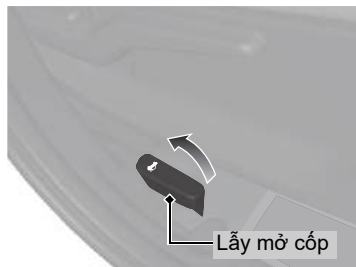
- Kéo tay nắm bên trong cửa người lái để mở khóa và mở cửa cùng lúc.

Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

- Kéo tay nắm bên trong của một trong hai cửa trước để mở khóa và mở cửa cùng lúc.



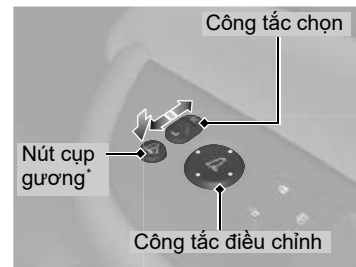
Cốp ➡ Tr.195



- Kéo lấy mở cốp ở cạnh ngoài ghế người lái để mở khóa và mở cốp.
- Ấn nút mở cốp* trên nắp cốp để mở khóa và mở cốp.
- Ấn nút mở cốp trên chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa và mở cốp.

Gương cửa điện ➡ Tr.231

- Khi chế độ nguồn ở vị trí BẬT, hãy gạt công tắc chọn đến L hoặc R.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp gương* để cụp và mở các gương cửa.



Cửa kính điện Tr.202

- Mở và đóng các cửa kính điện khi chế độ nguồn BẬT.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, từng cửa kính của hành khách có thể được mở và đóng bằng công tắc riêng của cửa kính đó.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí BẬT (đèn báo sáng), từng công tắc cửa kính của hành khách sẽ bị vô hiệu hóa.



Hệ thống sưởi* và làm mát* ➔ Tr.254

- Ấn nút  để bật hoặc tắt hệ thống.
- Xoay núm điều khiển quạt để điều chỉnh tốc độ quạt.
- Xoay núm điều khiển chế độ sang  /  /  /  để chọn các lỗ thông hơi mà luồng khí thoát ra.
- Xoay núm xoay điều chỉnh nhiệt độ để điều chỉnh nhiệt độ.
- Ấn nút  để làm tan sương kính chắn gió.

 Luồng khí từ khe thông gió trên bảng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm*.

 Luồng khí từ khe thông gió sàn.

 Luồng khí từ khe thông gió sàn và trên bảng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm*.

 Luồng khí từ khe thông gió sàn và hệ thống sấy kính chắn gió.

Nút  (Lấy gió trong)*4

Nút **A/C** (Điều hòa không khí)*4

Núm điều chỉnh nhiệt độ*4

Nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA)*1, *4

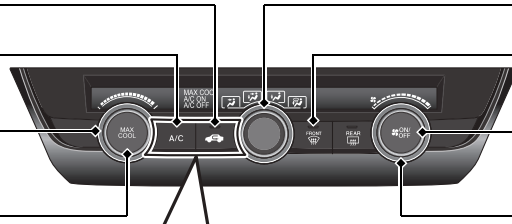
Núm điều khiển chế độ

Nút  (Sấy kính chắn gió)*3

Nút  (ON/OFF) (BẬT/TẮT)*4

Nút **MAX A/C**
(Điều hòa không khí TỐI ĐA)*2

Núm điều khiển quạt*4



Loại vô lăng bên trái



Nút  (Sấy kính chắn gió)

*1: Loại xe có nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA)

*2: Loại xe có nút **MAX A/C** (Điều hòa không khí TỐI ĐA)

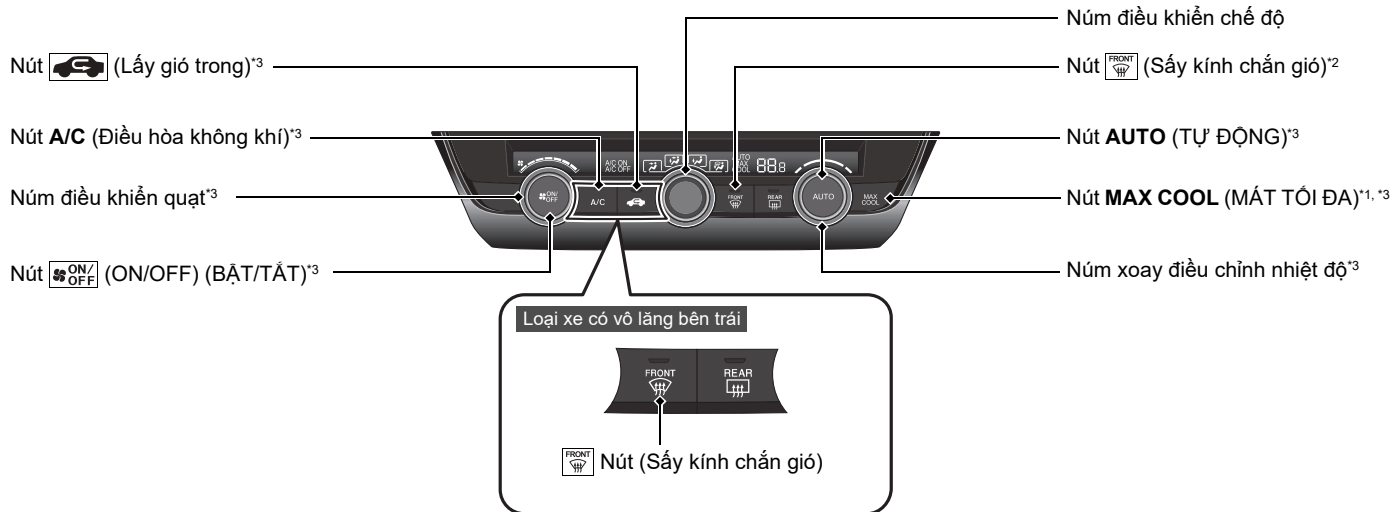
*3: Loại xe có vô lăng bên phải

*4: Hình vẽ mô phỏng loại xe có vô lăng bên phải. Đối với loại xe có vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại xe có vô lăng bên phải.

Hệ thống điều hòa không khí tự động* ➔ Tr.259

- Ấn nút **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều hòa không khí tự động.
- Ấn nút **ON/OFF** để bật và tắt hệ thống.
- Ấn nút **FRONT VPP** để làm tan sương kính chắn gió.

- | | |
|---|---|
|  Luồng khí từ khe thông gió trên bảng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm ¹ . |  Luồng khí từ khe thông gió sàn. |
|  Luồng khí từ khe thông gió sàn và trên bảng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm ¹ . |  Luồng khí từ khe thông gió sàn và hệ thống sấy kính chắn gió. |



*1: Loại xe có nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA)

*2: Loại xe có vô lăng bên phải

*3: Hình vẽ mô phỏng loại xe có vô lăng bên trái. Đối với loại xe có vô lăng bên phải, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại xe có vô lăng bên phải.

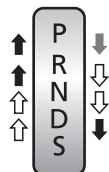
Lái xe ➡ Tr.267

Hộp số sàn* ➡ Tr.286

Hộp số vô cấp* ➡ Tr.280, 281

- Sang số [P] và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Sang số

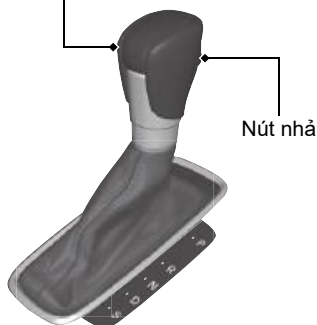


↓ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.

↕ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.

↓↑ Ấn nút nhả cần số và sang số.

Cần số



P **Số đỗ**
Dùng khi đỗ xe hoặc khi khởi động động cơ.

R **Số lùi**
Dùng khi lùi xe.

N **Số 0**
Hộp số không bị khóa.

D **Số lái**
Dùng khi:
● Lái thông thường
Loại xe có lẫy sang số
● Khi lái xe tạm thời ở chế độ sang số tay 7 cấp

S **Số lái (Số S)**
Dùng để:
● Tăng tốc tốt hơn
● Tăng phanh động cơ
● Khi lên dốc hoặc xuống dốc
Loại xe có lẫy sang số
● Khi lái xe ở chế độ sang số tay 7 cấp

Chế độ sang số tay 7 cấp* ➔ Tr.284

- Cho phép bạn tăng hoặc giảm số thủ công mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

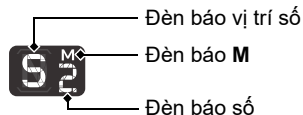
Khi vị trí số ở **S**

- Kéo lấy sang số để thay đổi từ chế độ hộp số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp.
- Đèn báo **M** và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

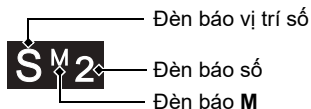
Khi vị trí số ở **D**

- Kéo lấy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ hộp số vô cấp sang chế độ sang số tay 7 cấp. Số cấp được chọn sẽ hiển thị trên đèn báo số.

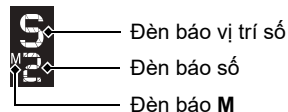
Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Lùi số
Lấy sang số



Tăng số
Lấy sang số



Bật và tắt CMBS* ➡ Tr.315

- Khi không thể tránh được khả năng xảy ra va chạm phía trước, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) có thể giúp bạn giảm tốc độ của xe và giảm va chạm mạnh.
- CMBS hoạt động mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để bật hoặc tắt CMBS, hãy sử dụng chức năng hỗ trợ an toàn của màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Bật và tắt VSA ➡ Tr.299

- Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua và giúp duy trì độ bám đường khi xe tăng tốc trên bề mặt đường trơn hoặc lầy.
- VSA tự động kích hoạt mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để vô hiệu hóa một phần hoặc khôi phục hoàn toàn chức năng VSA, ấn và giữ nút  (TẮT VSA) cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

Kiểm soát hành trình*

➡ Tr.294

- Hệ thống kiểm soát hành trình cho phép bạn duy trì tốc độ đã thiết lập mà không cần giữ chân trên bàn đạp ga.
- Để sử dụng hệ thống kiểm soát hành trình, hãy ấn nút CRUISE, sau đó ấn nút **SET/-** một lần khi bạn đã đạt được tốc độ mong muốn (trên 40 km/h hoặc 25 dặm/giờ).

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

➡ Tr.301

- Phát hiện sự thay đổi tình trạng và kích thước tổng thể của lốp do áp suất lốp giảm.
- Hệ thống cảnh báo xẹp lốp sẽ tự động bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Cần thực hiện quy trình khởi tạo/hiệu chỉnh khi xảy ra một số điều kiện nhất định.

Nạp nhiên liệu ➡ Tr.387

Nhiên liệu khuyên dùng:

Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

Xăng không chì/xăng sinh học lên tới E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Octan 91 trở lên

Loại xe tại Thái Lan

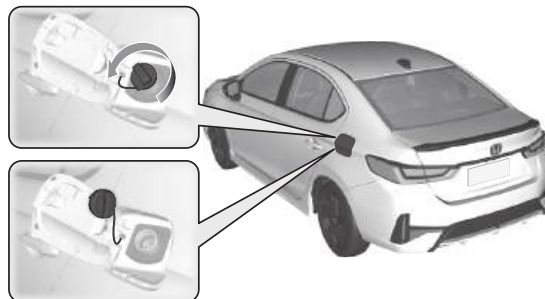
Xăng cao cấp không chì/xăng pha cồn lên tới E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Octan 95 trở lên

Ngoại trừ loại xe tại Ấn Độ, Bhutan, Nepal và Thái Lan

Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên

Dung tích bình nhiên liệu: 40 L

- 1** Kéo lấy nhả cửa nạp nhiên liệu dưới bảng táp-lô phía người lái.
- 2** Xoay từ từ nắp bình nhiên liệu để tháo nắp.
- 3** Đặt nắp lên giá đỡ cửa nạp nhiên liệu.
- 4** Sau khi nạp nhiên liệu, vặn nắp lại cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.



Honda SENSING*

➡ Tr. 308

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe như khi tăng tốc, phanh và đánh lái để hỗ trợ người lái cũng như giảm mức độ nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Honda SENSING có các chức năng sau:

Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

➡ Tr. 311

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với một xe khác (kể cả xe máy) phía trước từ phía sau, xe đang đến gần từ phía trước, xe đang đi đến từ bên cạnh, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển). CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường ➡ Tr. 325

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống phát hiện xe bạn có khả năng vô tình chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện và/hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường.

Loại xe tại Mexico

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống phát hiện xe bạn có khả năng chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc đang tiến đến mép ngoài của mặt đường (vào phần lề cỏ hoặc sỏi) hoặc xe chạy ngược chiều được phát hiện.

Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) ➡ Tr. 337

Giúp duy trì tốc độ xe không đổi và khoảng cách đã thiết lập với xe được phát hiện phía trước mà bạn không cần phải giữ chân trên bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.

Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) ➡ Tr. 355

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Cung cấp thông tin lái để giúp giữ xe ở giữa làn đường đã phát hiện và cung cấp cảnh báo bằng rung vô lăng, âm thanh và hình ảnh nếu xe bị phát hiện lệch khỏi làn đường.

Loại xe tại Mexico

Cung cấp thông tin lái để giúp giữ xe ở giữa làn đường đã phát hiện và cung cấp cảnh báo bằng rung vô lăng và hình ảnh nếu xe bị phát hiện lệch khỏi làn đường.

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

➡ Tr. 368

Thông báo cho bạn bằng cảnh báo hình ảnh và âm thanh khi xe của bạn vẫn đang dừng dù xe phía trước bạn đã bắt đầu di chuyển.

Đèn pha thích ứng tự động ➡ Tr. 219

Camera góc rộng phía trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe như đèn của xe phía trước hoặc xe ngược chiều hoặc đèn đường. Khi lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống.

Hệ thống cảm biến đỗ*

➡ Tr. 383

Các cảm biến góc sau* và cảm biến trung tâm giám sát vật cản phía sau xe, đồng thời tiếng bíp và màn hình giao diện thông tin cho người lái cho biết khoảng cách xấp xỉ giữa xe và vật cản.

Bảo dưỡng ➡ Tr.393

Dưới nắp ca-pô ➡ Tr.411

- Kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính chắn gió. Bỏ sung nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh/ly hợp*.
- Kiểm tra tình trạng ắc-quy hàng tháng.

- 1 Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài bảng táp-lô phía dưới người lái.



- 2 Xác định vị trí cần chốt nắp ca-pô, kéo cần này lên, sau đó nâng nắp ca-pô. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.



- 3 Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp ca-pô đã được khóa chắc chắn vào đúng vị trí.

Lưới gạt nước ➡ Tr.437

- Thay lưới gạt nếu lưới gạt để lại vết trên kính chắn gió hoặc có tiếng ồn.



Lốp xe ➡ Tr.439

- Kiểm tra lốp và vành xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên.
- Lắp lốp mùa đông để lái xe vào mùa đông.

Đèn ➡ Tr.428

- Kiểm tra tất cả các đèn thường xuyên.

Xử lý sự cố bất ngờ ➡ Tr.461

Xẹp lốp ➡ Tr.463

Loại xe có lốp dự phòng

- Đổ xe ở nơi an toàn và thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng trong cốp.

Loại xe có dụng cụ vá lốp

- Đổ xe ở nơi an toàn và sử dụng dụng cụ vá lốp trong cốp để vá lốp xẹp.



Động cơ không khởi động ➡ Tr.483

- Nếu ắc-quy hết điện, khởi động bằng kích ắc-quy.



Quá nhiệt ➡ Tr.493

- Đổ xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, hãy mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



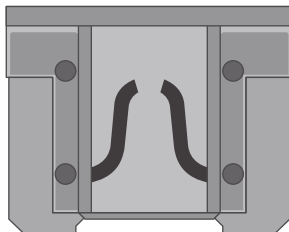
Đèn báo sáng ➡ Tr.497

- Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng để nhận diện đèn báo.



Cháy cầu chì ➡ Tr.503

- Kiểm tra cầu chì bị cháy nếu có một thiết bị điện không hoạt động.



Kéo xe khẩn cấp ➡ Tr.517

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

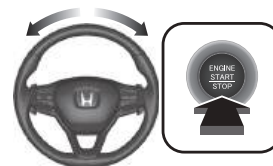


Làm gì nếu

Q Chế độ nguồn không thay đổi từ **TẮT MÁY (KHÓA)** sang **PHỤ KIỆN**. Tại sao?

A

- Vô lăng có thể bị khóa.
- Xoay vô lăng sang trái và sang phải sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.



Q Loại xe có hộp số vô cấp
Chế độ nguồn không thay đổi từ **PHỤ KIỆN** sang **TẮT MÁY (KHÓA)**. Tại sao?

A Cần số phải được gạt đến số **[P]**.



Q Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn phanh?

A Điều này có thể xảy ra khi ABS hoạt động, đó là điều bình thường. Nhấn bàn đạp phanh hết cỡ một cách chắc chắn. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.

► Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) ➔ Tr.378

Q Không mở được cửa sau từ bên trong xe.
Tại sao?

A Kiểm tra xem khóa trẻ em có ở vị trí khóa không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm bên ngoài cửa.
Để hủy chức năng này, gạt cần đến vị trí mở khóa.



Q Tại sao các cửa khóa lại sau khi tôi mở khóa các cửa?

A Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, các cửa sẽ tự động khóa lại để đảm bảo an toàn.

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa người lái?

A Tiếng bíp vang lên khi:

- Chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN.
- Các đèn ngoài xe còn sáng.

Loại xe có chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời

- Chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động.

Loại xe có chức năng tự động khóa cửa khi ra khỏi xe

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi ra khỏi xe sau khi tôi đóng cửa?

A Tiếng bíp vang lên nếu bạn di chuyển ra ngoài phạm vi hoạt động của chức năng tự động khóa cửa khi ra khỏi xe trước khi cửa đóng hoàn toàn.

➡ Khóa cửa và cốp (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe) ➡ Tr.187

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?

A Tiếng bíp vang lên khi:

- Người lái, hành khách phía trước và/hoặc hành khách phía sau* không thắt dây đai an toàn.
- Cần phanh đỗ chưa được nhả hoàn toàn.

Q Tôi thấy đèn báo màu hồ phách hình lốp xe có dấu chấm than. Điều này nghĩa là gì?

A Cần chú ý đến hệ thống cảnh báo xẹp lốp. Nếu bạn vừa bơm hoặc thay lốp, cần hiệu chỉnh lại hệ thống.

🔧 Hệ thống cảnh báo xẹp lốp* ➔ Tr.301

Q Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi nhấn bàn đạp phanh?

A Có thể cần thay má phanh. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



Loại xe tại Thái Lan

Nên sử dụng xăng không chì với chỉ số Octan (RON) từ 95 trở lên.

Có thể sử dụng xăng không chì có chỉ số Octan (RON) từ 91 trở xuống cho loại xe này không?



Dùng xăng có chỉ số Octan thấp có thể gây ra tiếng gõ kim loại trong động cơ và làm giảm hiệu suất động cơ.

Sử dụng xăng có chỉ số Octan dưới 91 có thể dẫn đến hư hỏng động cơ.

Lái xe an toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và tài liệu hướng dẫn này.

Lái xe an toàn

Các biện pháp phòng ngừa an toàn quan trọng.....	36
Tính năng an toàn của xe.....	38
Danh mục kiểm tra an toàn	39

Dây đai an toàn

Dây đai an toàn của xe.....	41
Thắt dây đai an toàn.....	46
Kiểm tra dây đai an toàn.....	49
Điểm neo	50

Túi khí

Thành phần hệ thống túi khí.....	51
Loại túi khí	53

Túi khí trước (SRS)	53
Túi khí bên*.....	56
Túi khí rèm bên*	58
Đèn báo hệ thống túi khí	59
Kiểm tra và thay thế túi khí.....	61

An toàn cho trẻ

Bảo vệ an toàn cho trẻ	62
An toàn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ ...	66
An toàn cho trẻ lớn	96

Nguy hiểm do khí thải

Khí carbon monoxide (CO).....	99
-------------------------------	----

Nhân an toàn

Vị trí nhản	100
-------------------	-----

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Những trang sau đây trình bày về các tính năng an toàn của xe và cách sử dụng các tính năng đó một cách chính xác. Dưới đây là những chú ý về an toàn quan trọng nhất mà bạn cần lưu ý.

Các biện pháp phòng ngừa an toàn quan trọng

■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

■ Bảo vệ trẻ ở tất cả các lứa tuổi

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nên được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót đặc biệt và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi trẻ có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót đặc biệt.

■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, tuy nhiên nó cũng có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong cho người ngồi quá gần túi khí, hoặc không thắt dây đai an toàn đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kỵ. Chỉ cần uống một lượng nhỏ bia rượu cũng có thể làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi xung quanh và tốc độ phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó, khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không nên để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

▣ Các biện pháp phòng ngừa an toàn quan trọng

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay khi đang lái xe.

■ Tập trung lái xe để đảm bảo an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện và người đi đường khác từ đó có thể gây ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến việc khác.

■ Kiểm soát tốc độ

Lái xe quá nhanh là nguyên nhân chính gây thương tích và tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi lái ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa cho phép là bao nhiêu.

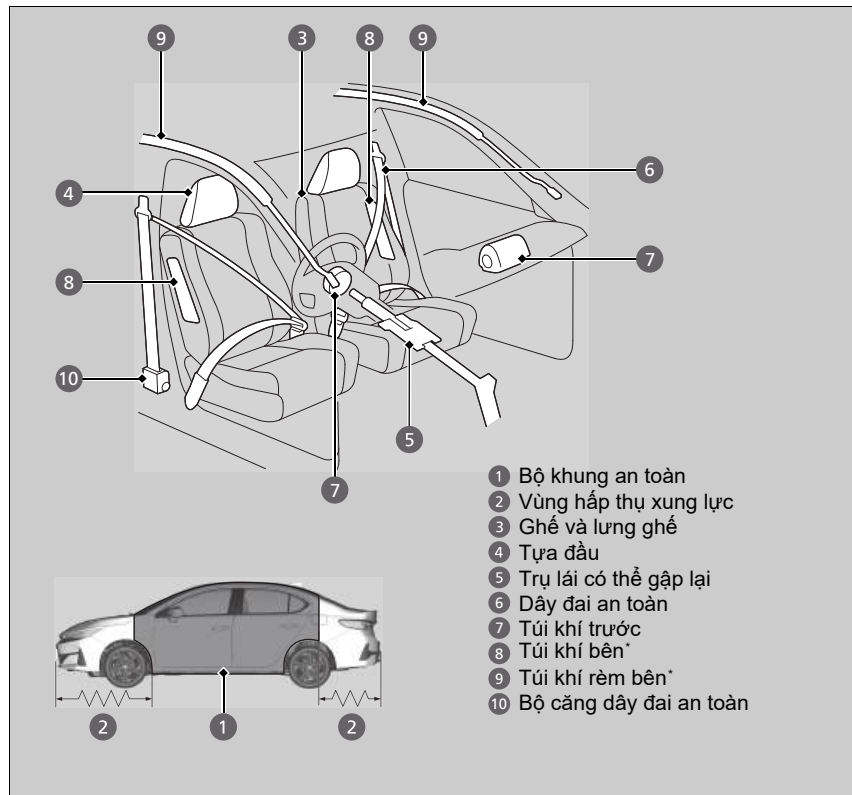
■ Giữ xe trong điều kiện hoạt động an toàn

Tình trạng xe bị xẹp lốp hoặc bị trục trặc kỹ thuật có thể rất nguy hiểm. Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như duy trì bảo dưỡng định kỳ.

■ Luôn giám sát trẻ nhỏ ngồi trên xe

Trẻ nhỏ, vật nuôi và người khuyết tật ở trong xe mà không được giám sát cẩn thận có thể kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe dẫn đến bị thương. Những đối tượng này cũng có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến họ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ trong xe có thể tăng lên rất cao, khiến họ bị nguy hiểm hoặc tử vong. Ngay cả khi hệ thống điều hòa không khí tự động đang bật, cũng không được để họ trong xe một mình vì hệ thống điều hòa không khí tự động có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

Tính năng an toàn của xe



Danh mục kiểm tra an toàn sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

►► Tính năng an toàn của xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào từ bạn. Những tính năng này bao gồm bộ khung thép chắc chắn tạo ra khung an toàn bao xung quanh khoang hành khách, vùng hấp thụ xung lực phía trước và phía sau, trụ lái có thể gấp lại và bộ căng dây đai an toàn để thắt chặt dây đai an toàn ghế trước nếu xảy ra va chạm đủ mạnh.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng bảo vệ cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

Danh mục kiểm tra an toàn

Vì sự an toàn của bạn và hành khách, hãy kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng lùi về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

► **Ghế** Tr. 233

- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.

► **Điều chỉnh tựa đầu ghế trước** Tr. 239

- Luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo tất cả hành khách đều thắt đúng cách.

► **Thắt dây đai an toàn** Tr. 46

- Bảo vệ trẻ em bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao và cân nặng của trẻ.

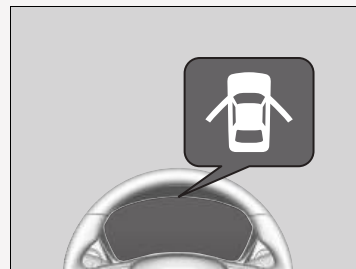
► **An toàn cho trẻ** Tr. 62

► Danh mục kiểm tra an toàn

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nếu đèn báo cửa/cốp mở sáng, một cánh cửa và/hoặc cốp chưa được đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa và cốp cho đến khi đèn báo tắt.

► **Đèn báo cửa và cốp mở*** Tr. 110



►► Danh mục kiểm tra an toàn

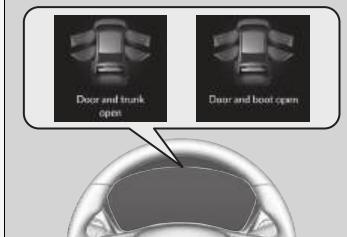
Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu thông báo cửa và/hoặc cốp mở xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, một cánh cửa và/hoặc cốp chưa được đóng hoàn toàn. Hãy đóng chặt tất cả các cửa và cốp cho đến khi thông báo biến mất.

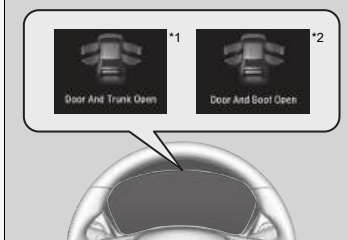
➤ **Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)* Tr. 133**

➤ **Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)* Tr. 157**

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



*1 : Loại xe tại Mexico

*2 : Loại xe tại các quốc gia khác

Dây đai an toàn của xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn hiệu quả nhất bởi vì nó giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng rất nhiều tính năng an toàn sẵn có của xe. Dây đai giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc văng ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ phụ trợ của các túi khí trong trường hợp xảy ra va chạm.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn trong hầu hết các tình huống va chạm, bao gồm:

- va chạm phía trước
- va chạm bên
- va chạm phía sau
- lộn vòng

☒ Dây đai an toàn của xe

CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo bạn và hành khách luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể và nên được thắt thấp ngang qua phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Thắt lỏng dây đai an toàn sẽ làm giảm đáng kể khả năng bảo vệ cho người sử dụng.

CẢNH BÁO: Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

CẢNH BÁO: Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người, việc vòng dây đai an toàn ngang qua trẻ nhỏ đang ngồi trong lòng người sử dụng sẽ rất nguy hiểm.

■ Dây đai an toàn hông/vai

Tất cả năm ghế ngồi đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai có bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ rút khóa dây đai an toàn cho phép bạn cử động thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi có va chạm hoặc xe dừng đột ngột, bộ rút sẽ khóa lại để bảo vệ cơ thể bạn.

Thắt dây đai an toàn đúng cách khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

► Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây đai an toàn hông/vai Tr. 93

■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt chuyến đi. Ngồi thẳng xuống và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được để phần vai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn. Điều này có thể gây chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người. Làm như vậy có thể gây ra chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Việc lắp các phụ kiện giúp bạn thoải mái hơn hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị chấn thương nặng khi xảy ra va chạm.

► Dây đai an toàn của xe

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, dây đai sẽ bị khóa lại. Nếu điều này xảy ra, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn, sau đó nói ra từ từ.

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị chấn thương nặng.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu quy định của quốc gia mà bạn lái xe.

■ Nhắc thắt dây đai an toàn

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)



■ Ghế trước

Hệ thống dây đai an toàn bao gồm một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách phía trước hoặc cả hai thắt đai an toàn.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn điện thành BẬT trước khi người lái thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng. Nếu người lái không thắt dây đai, đèn báo sẽ vẫn sáng.

Khi xe đang di chuyển, còi báo sẽ vang lên và đèn báo sẽ nhấp nháy một lúc cho đến khi dây đai an toàn được thắt.

Sau đó, tiếng bíp sẽ ngừng và đèn báo sẽ vẫn sáng.

▣ Nhắc thắt dây đai an toàn

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn trong vòng sáu giây từ khi đặt chế độ nguồn thành BẬT.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, đèn báo sẽ không sáng và tiếng bíp không vang lên.

Nếu đèn báo sáng hoặc tiếng bíp vang lên khi không có ai ngồi ở ghế hành khách trước, hãy kiểm tra xem:

- Có vật nặng nào trên ghế hành khách phía trước không.
- Người lái đã thắt dây đai an toàn chưa.

Nếu đèn báo không sáng khi hành khách ngồi vào ghế và không thắt dây đai an toàn, có thể có vật gì đó đang gây nhiễu cảm biến phát hiện người ngồi.

Hãy kiểm tra xem:

- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách phía trước ngồi đúng tư thế chưa.

Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.



■ Ghế sau*

Xe của bạn giám sát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn ghế sau thông báo cho bạn về trạng thái sử dụng dây đai an toàn ghế sau.

Đèn báo bật sáng khi:

- Hành khách ngồi ghế sau chưa thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn thành BẬT.
- Có hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn.



Xe của bạn giám sát việc sử dụng dây đai an toàn ghế sau. Màn hình giao diện thông tin cho người lái thông báo cho bạn về trạng thái sử dụng dây đai an toàn ghế sau.

Thông báo xuất hiện khi:

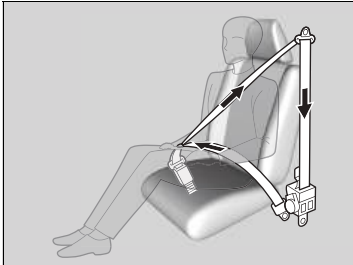
- Hành khách ngồi ghế sau chưa thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn thành BẬT.
- Cửa sau mở rồi đóng.
- Hành khách phía sau thắt hoặc tháo dây đai an toàn.

Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn nhấp nháy và tiếng bíp vang lên nếu hành khách ngồi ghế sau không thắt dây đai an toàn trong khi xe đang chạy.

■ Bộ căng dây đai an toàn tự động

Các ghế trước được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.

Bộ căng dây đai an toàn sẽ tự động siết chặt dây đai an toàn của ghế trước trong trường hợp va chạm trực diện từ mức độ trung bình đến mạnh, đôi khi ngay cả khi va chạm không đủ mạnh để kích hoạt túi khí phía trước.



►► Bộ căng dây đai an toàn tự động

Chỉ có thể sử dụng bộ căng dây đai an toàn một lần duy nhất.

Khi bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy mang xe đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó có thể không còn khả năng bảo vệ trong những lần va chạm sau đó.

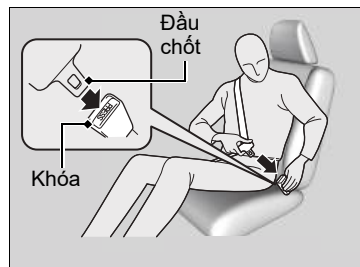
Loại xe có túi khí rèm bên

Khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ căng dây đai an toàn ở cả hai bên xe cũng sẽ kích hoạt.

Thắt dây đai an toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước đến vị trí phù hợp và trong khi ngồi thẳng và tựa lưng vào ghế:

► Ghế Tr. 233



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.

2. Gài đầu chốt vào trong khóa, sau đó giật mạnh dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.

► Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

Thắt dây đai an toàn

Không để ai ngồi ở ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không tốt. Sử dụng dây đai hoạt động không tốt sẽ không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Không được cho bất kỳ vật lạ nào vào trong khóa hoặc cơ cấu rút dây đai an toàn.

Nếu dây an toàn bị kẹt khóa ở vị trí rút lại hoàn toàn, hãy kéo mạnh dây đai vai một lần, sau đó đẩy dây đai trở lại.

Sau đó, từ từ kéo dây ra khỏi bộ rút và thắt dây đai. Nếu bạn không thể nhả dây đai an toàn khỏi vị trí rút lại hoàn toàn, không để ai ngồi vào ghế và hãy mang xe của bạn đến đại lý để sửa chữa.

► Dây đai an toàn của xe Tr. 41

► Kiểm tra dây đai an toàn Tr. 49

Dây đai an toàn
hông ở vị trí
thấp nhất có thể



3. Đặt phần hông của dây đai an toàn ở vị trí thấp nhất có thể để thắt ngang qua hông của bạn, sau đó kéo phần vai của dây đai lên sao cho phần hông ôm sát vừa vặn. Làm như vậy để nếu có va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe trên cơ thể sẽ chịu lực và giảm nguy cơ bị chấn thương nội tạng.
4. Nếu cần thiết, kéo dây đai lần nữa để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem dây đai có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Làm như vậy có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương chắc khỏe nhất của nửa phần trên cơ thể.

Thắt dây đai an toàn

⚠ CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong nếu xảy ra va chạm.

Đảm bảo thắt dây đai an toàn đúng cách trước khi lái xe.

Để nhả dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn hướng dây đai an toàn đến khi dây đai rút lại hoàn toàn.

Khi ra khỏi xe, đảm bảo dây đai an toàn đã được xếp gọn đúng cách để không bị mắc vào cửa khi đóng.

■ Lời khuyên cho phụ nữ mang thai

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng bạn khi lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn. Khi thắt dây đai an toàn, thắt dây đai vai qua phần ngực, không thắt qua vùng bụng và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt. (Xem hình.)



►► Lời khuyên cho phụ nữ mang thai

Mỗi lần đi kiểm tra sức khỏe, hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm nguy cơ xảy ra thương tích cho bạn và em bé trong bụng khi bung túi khí trước, hãy làm theo các hướng dẫn sau:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

Kiểm tra dây đai an toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra xem có bị sờn, cắt, cháy và mòn không.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa hoạt động trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
 - Nếu khi rút dây đai bị mắc, hãy làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng thuốc tẩy hoặc dung môi tẩy rửa. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi dây đai rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt.

Dây đai an toàn đã bị mòn khi xảy ra va chạm sẽ không còn đảm bảo hiệu quả bảo vệ trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

► Kiểm tra dây đai an toàn

CẢNH BÁO

Không kiểm tra hoặc bảo dưỡng dây đai an toàn có thể gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động đúng cách khi cần thiết.

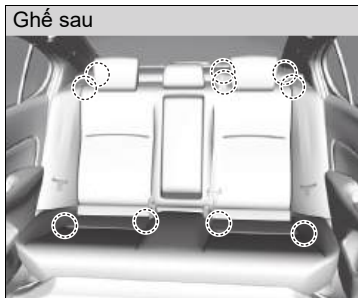
Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO: Không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn để tránh làm cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở dây đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

CẢNH BÁO: Phải thay cả bộ dây đai an toàn đã bị mòn sau khi xảy ra va chạm nghiêm trọng, hoặc ngay cả khi không thấy rõ hư hỏng trên bộ dây đai.

CẢNH BÁO: Cần bảo quản dây đai an toàn để dây đai không bị bẩn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất và đặc biệt là dung dịch axit của bình ắc-quy. Hãy làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng trung tính và nước. Hãy thay dây đai nếu dây đai bị sờn, bị bẩn hoặc bị hỏng.

Điểm neo



Khi thay thế dây đai an toàn, hãy sử dụng những điểm neo như hình vẽ.

Ghế trước có một dây đai an toàn hông/vai.

Ghế sau có ba dây đai an toàn hông/vai.

Thành phần hệ thống túi khí

Túi khí phía trước, túi khí bên*, và túi khí rèm bên* sẽ bung theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí SRS (Hệ thống bảo vệ phụ trợ) phía trước. Túi khí của người lái được đặt ở giữa vô-lăng; túi khí của hành khách phía trước được đặt ở trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

Loại xe có túi khí bên

- Hai túi khí bên. Một cho người lái và một cho hành khách phía trước. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của tựa lưng ghế. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Loại xe có túi khí rèm bên

- Hai túi khí rèm bên, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa kính bên. Trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khi chế độ nguồn BẬT, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm khác nhau, cảm biến ghế ngồi và khóa, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và thông tin khác về xe. Khi xảy ra va chạm, bộ điều khiển này sẽ ghi lại những thông tin đó.
- Bộ căng dây đai an toàn ghế trước.
- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm phía trước hoặc va chạm bên hông từ mức độ trung bình đến mạnh*.
- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo bạn nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Thông tin quan trọng về túi khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi hoạt động, túi khí phải bung với một lực rất mạnh. Do đó, túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bông, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác, thậm chí có thể gây tử vong nếu người ngồi trên xe không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

Bạn cần phải làm gì: Luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn có thể kiểm soát hoàn toàn phương tiện. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích hoặc tử vong trong các vụ va chạm mạnh, ngay cả khi đã thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí được bung ra.

Không được để vật cứng hoặc sắc nhọn ở giữa bạn và túi khí trước. Để các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích nếu túi khí trước bung ra.

Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước. Bất kỳ vật gì đặt trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** đều có thể cản trở hoạt động của túi khí hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích nếu túi khí bung ra.

►► Thông tin quan trọng về túi khí

Không được cố hủy kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn sẽ mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực bung của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

Loại túi khí

Xe của bạn được trang bị ba loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước ghế người lái và ghế hành khách trước.
- **Túi khí bên*:** Các túi khí ở trong tựa lưng ghế của người lái và của hành khách phía trước.
- **Túi khí rèm bên*:** Các túi khí ở phía trên cửa kính bên.

Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

Túi khí trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước bung ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ phần đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách phía trước.

SRS (Hệ thống bảo vệ phụ trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Các dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ chính.

■ Vị trí đặt

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và đặt trong bảng táp-lô là dành cho hành khách trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

►► Loại túi khí

Túi khí có thể bung bất cứ khi nào chế độ nguồn BẬT.

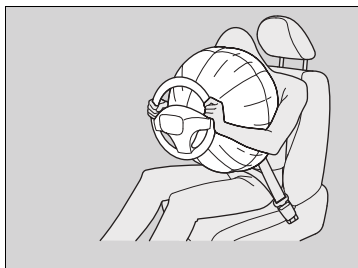
Sau khi túi khí bung ra khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một lượng khói nhỏ. Đây là lượng khói nhỏ sinh ra từ quá trình đốt cháy chất tạo khí của bộ bơm túi khí và không gây hại. Những người có vấn đề về hô hấp có thể cảm thấy khó chịu một chút. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

■ Hoạt động

Túi khí trước sẽ bung ra khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển và bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ bung ra.

Va chạm từ phía trước có thể xảy ra vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

■ Cách hoạt động của túi khí trước



Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.

Túi khí trước sẽ xẹp ngay nên nó không cản trở tầm quan sát, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe của người lái.

Túi khí bung ra và xẹp đi nhanh tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã bung cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.

■ Túi khí trước không bung ra khi

Va chạm nhẹ từ phía trước: Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, chứ không giúp bạn tránh bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ thấp hơn mức trung bình đến mạnh.

Va chạm bên: Túi khí trước có thể bảo vệ bạn khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái hoặc hành khách trước nhào về phía trước. Túi khí bên* và túi khí rèm bên* được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ chấn thương khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

Va chạm phía sau: Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không thể bảo vệ hiệu quả và không được thiết kế để hỗ trợ trong trường hợp va chạm này.

Xe bị lộn vòng: Dây đai an toàn và các túi khí rèm bên* mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp xe bị lộn vòng. Túi khí phía trước mang lại hiệu quả bảo vệ thấp nên không được thiết kế để bảo vệ trong trường hợp này.

■ Túi khí trước bung khi xảy ra va chạm làm xe bị hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí có thể nhận biết khi xe giảm tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào khung xe hoặc hệ thống treo của xe có thể làm một hoặc nhiều túi khí bung ra. Ví dụ khi gầm xe va vào lề đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định thấp khác có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm dưới gầm xe nên có thể không thấy rõ hư hỏng.

■ Túi khí trước không bung ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng bên ngoài

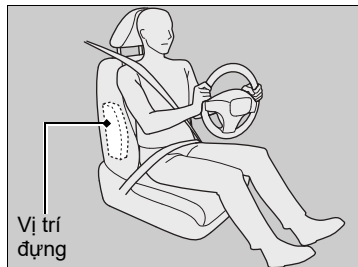
Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không bung bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi bung ra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Túi khí bên*

Túi khí bên giúp bảo vệ phần thân trên và xương chậu của người lái hoặc hành khách trước khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

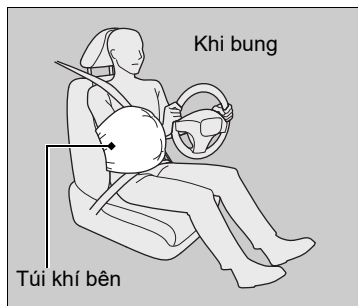
Vị trí đặt



Các túi khí bên được đặt ở mép ngoài của tựa lưng ghế người lái và hành khách.

Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Hoạt động



Khi các cảm biến phát hiện va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để bung ra ngay lập tức.

►► Túi khí bên*

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gắn túi khí bên. Việc này có thể cản trở túi khí hoạt động, hoặc làm ai đó bị thương khi túi khí bung.

Không bọc hoặc thay vỏ tựa lưng ghế trước mà không tham khảo đại lý.

Thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ tựa lưng ghế trước có thể làm túi khí bên bung ra không đúng cách khi xảy ra va chạm bên.

Không để hành khách trước dựa nghiêng sang một bên với phần đầu nghiêng về hướng bung ra của túi khí bên.

Túi khí bên bung có thể bật ra lực rất mạnh và làm hành khách bị chấn thương nặng.

■ Túi khí bên bung khi xe bị hư hỏng nhẹ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí có thể nhận biết khi xe tăng tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm túi khí bên bung ra. Trong trường hợp đó, có thể có hư hỏng nhẹ hoặc không có hư hỏng nhưng cảm biến va chạm bên đã phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để làm bung túi khí.

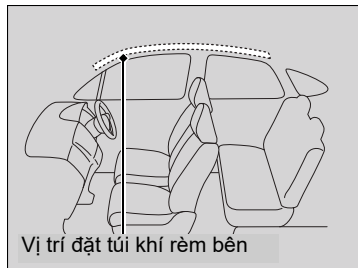
■ Túi khí bên không bung ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng

Túi khí bên có thể không bung ra khi xảy ra va chạm gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi điểm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi bung ra.

Túi khí rèm bên*

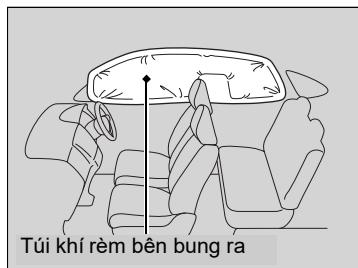
Túi khí rèm bên giúp bảo vệ đầu của người lái và hành khách ở vị trí ngồi ngoài cùng trong trường hợp va chạm bên hông từ mức độ trung bình đến mạnh.

Vị trí đặt



Túi khí rèm bên được đặt trên trần xe, ngay phía trên cửa kính bên ở hai bên của xe.

Hoạt động



Túi khí rèm bên được thiết kế để bung ra khi xảy ra va chạm bên hông với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Túi khí rèm bên bung khi có va chạm từ phía trước

Một hoặc cả hai túi khí rèm bên có thể bung ra trong trường hợp va chạm góc xe phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

►► Túi khí rèm bên*

Túi khí rèm bên có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa vào lưng ghế.

Không gắn bất cứ vật gì vào cửa kính bên hoặc trụ đỡ nóc xe vì việc đó có thể làm cho túi khí rèm bên hoạt động không tốt.

Loại xe có móc treo áo

Không treo mắc áo hoặc vật cứng lên móc treo áo để tránh bị thương nếu túi khí rèm bên bung ra.

Đèn báo hệ thống túi khí

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ bật sáng.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ bật sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ (SRS)

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



■ Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT

Đèn báo sáng trong vài giây sau đó tắt. Điều này cho biết hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động đúng cách khi cần.

►► Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ (SRS)

⚠ CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động tốt.

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo bạn có thể xảy ra sự cố.



*1 : Loại xe tại Mexico

*2 : Loại xe tại các quốc gia khác

Kiểm tra và thay thế túi khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ bộ phận nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn nên mang xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

■ Sau khi túi khí bung

Sau khi túi khí bung, phải thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan. Tương tự, phải thay bộ căng dây đai an toàn tự động sau khi bộ này được kích hoạt.

■ Sau khi xe bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không bung, hãy đến đại lý để kiểm tra các bộ phận sau: bộ căng dây đai an toàn ghế trước và từng dây đai an toàn xem có bị mòn sau khi xảy ra va chạm không.

► Kiểm tra và thay thế túi khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

Trong trường hợp túi khí có sự cố hoặc ngưng hoạt động, hoặc sau khi túi khí bung/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, hãy yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

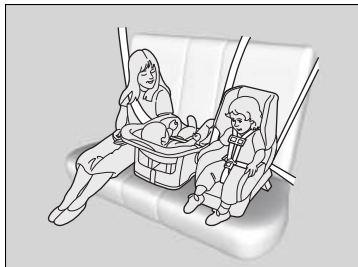
Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

Bảo vệ an toàn cho trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương tích hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi bởi vì không được giữ an toàn hoặc được giữ an toàn không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ em cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.

Trẻ em phải ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau. Vì những lý do sau:



- Túi khí trước bụng có thể gây chấn thương hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.
- Trẻ em ngồi ở ghế trước có thể làm phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Số liệu thống kê cho thấy trẻ nhỏ với mọi tầm vóc và lứa tuổi sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

▣ Bảo vệ an toàn cho trẻ

⚠ CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc bảo vệ không đúng cách có thể bị chấn thương nặng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, trẻ cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Tại nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ dưới 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Tại nhiều quốc gia, cần sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở ghế hành khách bất kỳ. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của quốc gia sở tại.

▣ **Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em Tr. 69**

- Tuyệt đối không được ôm trẻ em trên đùi bởi việc làm này không thể bảo vệ trẻ trong trường hợp xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua cả bạn và trẻ. Trong trường hợp xảy ra va chạm, dây đai có khả năng sẽ siết sâu vào trẻ và gây ra các thương tích nghiêm trọng hoặc gây tử vong.
- Không để hai trẻ sử dụng chung một dây đai an toàn. Cả hai trẻ có thể bị thương tích rất nghiêm trọng trong trường hợp xảy ra va chạm.
- Nếu trẻ quá nhỏ để có thể thắt dây đai an toàn, trẻ phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.

►► Bảo vệ an toàn cho trẻ

Tấm che nắng hành khách phía trước

⚠ CẢNH BÁO

⚠ AIRBAG





TUYỆT ĐỐI KHÔNG ĐƯỢC sử dụng ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế được bảo vệ bởi **TÚI KHÍ ĐANG HOẠT ĐỘNG** ở phía trước, **TRẺ EM** có thể bị **TỬ VONG** hoặc **THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG**.

- Không để trẻ em vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt khi trời nóng, vì nhiệt độ trong xe có thể nóng đến mức khiến trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể vô tình kích hoạt hệ thống điều khiển làm cho xe di chuyển.

► Bảo vệ an toàn cho trẻ

Thanh dọc cửa hành khách phía trước*

⚠ CẢNH BÁO



Rất nguy hiểm!

KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế được bảo vệ bởi túi khí ở phía trước!

CẢNH BÁO: Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để ngăn trẻ nghịch cửa kính bởi việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm cho trẻ hoặc khiến người lái mất tập trung.

► **Mở/đóng cửa kính điện Tr. 202**

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa điện mỗi khi rời khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

► Bảo vệ an toàn cho trẻ

Để nhắc bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn cho trẻ, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng phía hành khách. Hãy đọc và tuân theo các hướng dẫn trên nhãn này.

► **Nhãn an toàn Tr. 100**

An toàn cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

■ Bảo vệ trẻ sơ sinh

Trẻ sơ sinh phải được giữ đúng cách trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn cân nặng hoặc chiều cao của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em dành cho ghế.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- Bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ở ghế ngay phía sau ghế hành khách trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em và để trống ghế ngồi đó.
- Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau. Nếu không, bạn có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.

►► Bảo vệ trẻ sơ sinh

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách bung ra.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách, người lái hoặc hành khách ngồi ghế trước không thể ngã ghế hết cỡ về phía sau hoặc không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

▣ Bảo vệ trẻ sơ sinh

Các chuyên gia khuyến nghị nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

Không lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở vị trí ngồi quay mặt về phía trước.

Luôn tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

Túi khí trước phía hành khách bung ra có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ gặp chấn thương nặng.

■ Bảo vệ trẻ nhỏ

Nếu trẻ có cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên đặt trẻ ngồi chắc chắn trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế sau.

Việc lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Vị trí đặt ở hàng ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

► Bảo vệ trẻ nhỏ

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong nếu túi khí trước bung ra.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy dịch chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại quốc gia sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

■ Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới. Một số loại sử dụng đầu nổi dạng cứng, trong khi các loại khác sử dụng đầu nổi dạng mềm. Cả hai loại này đều dễ sử dụng. Một số hệ thống ghế ngồi trẻ em hiện có và trước đây chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo hướng dẫn sử dụng và bảo quản của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này. Việc lắp đặt đúng cách là yếu tố then chốt để đảm bảo an toàn tối đa cho trẻ.

Loại đầu nổi dạng mềm có thể không được cung cấp tại quốc gia của bạn.

Đối với các vị trí ngồi và xe không được trang bị móc neo phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em sử dụng dây đai an toàn và dây thắt trên cùng để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyến nghị bạn nên sử dụng dây đai an toàn để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

■ Lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc theo quy định của quốc gia sở tại. Hãy tìm nhãn kiểm duyệt và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất hệ thống trên vỏ hộp.

☒ Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới rất đơn giản.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới đã được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

Loại xe tại Malaysia, Thái Lan, Mexico và Ấn Độ

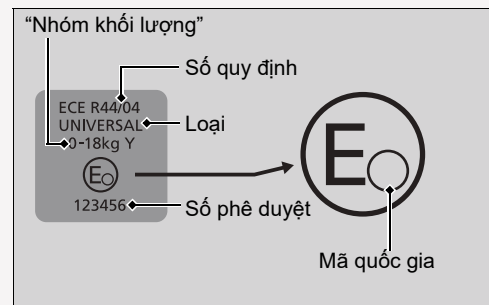
Chúng tôi khuyến nghị sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX chính hãng của Honda, quay mặt về phía sau hoặc phía trước, tương ứng cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ. Hãy hỏi đại lý.

■ Tiêu chuẩn hệ thống ghế ngồi trẻ em

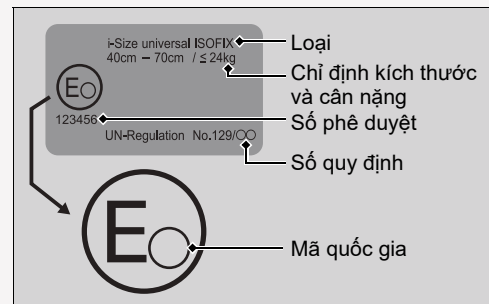
Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em (loại i-Size/ISOFIX hoặc loại có dây đai an toàn) đáp ứng Quy định liên quan của Liên Hợp Quốc, hệ thống sẽ được dán nhãn kiểm duyệt như hình minh họa trong bảng bên cạnh. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy kiểm tra nhãn kiểm duyệt để đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe của bạn, với trẻ và đáp ứng Quy định của Liên Hợp Quốc.

☒ Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy định số 44 của Liên Hợp Quốc



Minh họa nhãn kiểm duyệt theo Quy định số 129 của Liên Hợp Quốc



■ Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới

Hai ghế sau phía ngoài trong xe được trang bị các móc neo phía dưới. Tuy nhiên, không phải tất cả các loại hệ thống ghế ngồi trẻ em khác nhau đều phù hợp để sử dụng trong xe. Trước khi bạn mua hoặc sử dụng bất kỳ hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới (i-Size/ISOFIX) nào, hãy tham khảo các bảng sau để đảm bảo rằng hệ thống ghế an toàn phù hợp cho xe, vị trí ngồi, cùng cân nặng (nhóm khối lượng) và kích thước của trẻ.

▣ Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới

Nhóm khối lượng được quy định cho một số hệ thống ghế an toàn. Đảm bảo kiểm tra nhóm khối lượng như được chỉ định trong hướng dẫn của nhà sản xuất cũng như trên bao bì và nhãn của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Các hệ thống ghế ngồi trẻ em cụ thể được liệt kê trong bảng là các sản phẩm chính hãng Honda. Các hệ thống này có sẵn tại đại lý.

Để lắp đặt chính xác, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng đi kèm với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Loại xe tại Ấn Độ

■ Hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Nhóm kích thước	Đồ gá	Vị trí ISOFIX trên xe				Hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyến dùng ^{*1}
			Ghế trước	Hàng thứ 2			
			Hành khách	Bên trái	Bên phải	Giữa	
Xe nội	F	ISO/L1	—	X	X	—	
	G	ISO/L2	—	X	X	—	
Nhóm 0 đến 10 kg	E	ISO/R1	—	IL	IL	—	
Nhóm 0+ đến 13 kg	E	ISO/R1	—	IL	IL	—	
	D	ISO/R2	—	IL	IL	—	Honda Baby & Kids i-Size (Quay mặt về phía sau)
	C	ISO/R3	—	IL	IL	—	Honda Baby & Kids i-Size (Quay mặt về phía sau)
Nhóm I 9 kg đến 18 kg	D	ISO/R2	—	IL	IL	—	Honda Baby & Kids i-Size (Quay mặt về phía sau)
	C	ISO/R3	—	IL	IL	—	Honda Baby & Kids i-Size (Quay mặt về phía sau)
	B	ISO/F2	—	IUF, IL	IUF, IL	—	
	B1	ISO/ F2X	—	IUF, IL	IUF, IL	—	Honda Baby & Kids i-Size (Quay mặt về phía trước)
	A	ISO/F3	—	IUF, IL	IUF, IL	—	
Nhóm II 15 kg đến 25 kg			—	X	X	—	
Nhóm III 22 kg đến 36 kg			—	X	X	—	

► Hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế tương thích với xe.

Nhóm kích thước ISOFIX	Đồ gá (CRF)	Mô tả
G	ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nội)
F	ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nội)
E	ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau
D	ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
C	ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích cỡ tiêu chuẩn
B1	ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
B	ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
A	ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao

-
- IUF: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX quay mặt về phía trước thuộc hạng phổ thông được phê duyệt để sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- IL: Thích hợp cho các hệ thống ghế ngồi trẻ em (CRS) ISOFIX cụ thể, bao gồm những hệ thống được liệt kê trong ô tương ứng tại cột phải của bảng. Các CRS ISOFIX này thuộc những hệ thống thuộc hạng “xe cụ thể”, “hạng chế” hoặc “bản phổ thông”.
- X: Vị trí ghế không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.
- : Vị trí ghế không được trang bị móc neo ISOFIX.
- *1: Các hệ thống ghế ngồi trẻ em (CRS) được nêu tên phản ánh các khuyến nghị của Honda tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý Honda ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyến dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.
-

■ Hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size

	Vị trí ngồi				Hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyến dùng*1
	Hành khách phía trước	Bên trái phía sau	Bên phải phía sau	Giữa phía sau	
Hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size	X	i-U	i-U	X	Honda Baby & Kids i-Size

i-U: Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em “phổ thông” i-Size quay mặt về phía trước và phía sau.

i-UF: Chỉ thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em “phổ thông” i-Size quay mặt về phía trước.

X: Vị trí ngồi không phù hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em “phổ thông” i-Size.

*1: Các hệ thống ghế ngồi trẻ em (CRS) được nêu tên phản ánh các khuyến nghị của Honda tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý Honda ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyến dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

■ Hệ thống ghế ngồi trẻ em cần được lắp đặt với dây đai an toàn hông/vai

Không phải tất cả các loại hệ thống ghế ngồi trẻ em khác nhau đều phù hợp để sử dụng trong xe. Trước khi bạn mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy tham khảo bảng sau để đảm bảo rằng hệ thống ghế an toàn phù hợp cho xe, vị trí ngồi, cùng cân nặng (nhóm khối lượng) và kích thước của trẻ.

▣ Hệ thống ghế ngồi trẻ em cần được lắp đặt với dây đai an toàn hông/vai

Nhóm khối lượng được quy định cho một số hệ thống ghế an toàn. Đảm bảo kiểm tra nhóm khối lượng như được chỉ định trong hướng dẫn của nhà sản xuất cũng như trên bao bì và nhãn của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Các hệ thống ghế ngồi trẻ em cụ thể được liệt kê trong bảng là các sản phẩm chính hãng Honda.

Các hệ thống này có sẵn tại đại lý.

Để lắp đặt chính xác, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng đi kèm với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

Loại xe tại Ấn Độ

■ Hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt với dây đai an toàn

Nhóm KHỐI LƯỢNG	Vị trí ghế				Hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyến dùng* ¹
	Ghế hành khách phía trước	Hàng thứ 2			
		Bên trái	Bên phải	Giữa	
Nhóm 0 Đến 10 kg	X	U	U	U	
Nhóm 0+ Đến 13 kg	X	U	U	U	
Nhóm I 9 kg đến 18 kg	UF ^{*2}	U	U	U	
Nhóm II 15 kg đến 25 kg	UF ^{*2}	U	U	U	
Nhóm III 22 kg đến 36 kg	UF ^{*2}	U	U	U	

-
- U: Thích hợp cho các ghế an toàn hạng “phổ thông” được phê duyệt để sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- UF: Thích hợp cho các ghế an toàn hạng “phổ thông” quay mặt về phía trước được phê duyệt để sử dụng trong nhóm khối lượng này.
- L: Thích hợp cho các hệ thống ghế ngồi trẻ em vùi thể được đưa ra trong danh sách này. Các ghế an toàn này có thể thuộc hạng mục “xe cụ thể”, “hạng chế” hoặc “bán phổ thông”.
- X: Vị trí ghế không thích hợp cho trẻ em trong nhóm khối lượng này.
- *1: Các hệ thống ghế ngồi trẻ em (CRS) được nêu tên phản ánh các khuyến nghị của Honda tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý Honda ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyến dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.
- *2: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau và điều chỉnh tựa lưng ghế hết cỡ về vị trí khóa phía trước. Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em vướng vào tựa đầu và không thể lắp chắc chắn, hãy nâng tựa đầu. Nếu tựa đầu có thể tháo rời thì hãy tháo ra. Nếu nâng tựa đầu có thể giúp tránh vướng thì không cần thiết phải tháo tựa đầu ra. Lưu ý rằng tựa đầu đã tháo nên được cất giữ trong khoang hành lý để tựa đầu này không vướng khi phanh gấp hoặc va chạm. Ngoài ra, nếu bạn tháo hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn. Tuy nhiên, khi chỉ sử dụng đệm nâng, không được tháo tựa đầu.
-

Nhóm kích thước được quy định cho một số hệ thống ghế ngồi trẻ em. Đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước như được chỉ định trong hướng dẫn, trên bao bì và nhãn của ghế ngồi trẻ em của nhà sản xuất.

Để biết cách lắp đặt chính xác, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng của ghế ngồi trẻ em.

Vị trí lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em

Loại xe tại Malaysia



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng.

*1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau và điều chỉnh tựa lưng ghế hết cỡ về vị trí khóa phía trước.

*2: Chỉ quay mặt về phía trước

*4: Phải tháo tựa đầu ra khi lắp ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước được phê duyệt theo Quy định R129 của Liên Hợp Quốc. cất giữ tựa đầu đã tháo trong khoang hành lý để không bị văng khi phanh gấp hoặc va chạm. Ngoài ra, khi tháo ghế lót đặc biệt, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.

*5: Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với phần lưng của hệ thống ghế ngồi trẻ em, nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo vai của dây đai an toàn.

Có thể lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ trên vị trí ngồi không phải cho loại i-Size. Tuy nhiên, ngoại trừ ghế giữa.

Số vị trí ghế	Nhóm kích thước Cân nặng Chiều cao		Vị trí ngồi			
			①	②	③	④
			Hành khách phía trước ^{*1, *5}	Hàng thứ 2		
				Trái	Giữa	Phải
Vị trí ngồi phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10 kg	Không	Có	Không	Có
	Nhóm 0+	Đến 13 kg				
	Nhóm I	9-18 kg	Có ^{*2}	Có	Có ^{*2}	Có
	Nhóm II	15-25 kg				
	Nhóm III	22-36 kg				
Vị trí ngồi cho loại i-Size (có/không)	≤ 150 cm		Không	Có	Không	Có
Vị trí ngồi phù hợp với CRS chính hãng được khuyến nghị ^{*3}	Tham khảo danh sách CRS chính hãng		Không	Có	Không	Có
Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10 kg	Không	R3	Không	R3
	Nhóm 0+	Đến 13 kg				
	Nhóm I	9-18 kg				
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18 kg	Không	F3	Không	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤ 150 cm		B3 ^{*4}	B3	B3	B3

- *1: Điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau và điều chỉnh tựa lưng ghế hết cỡ về vị trí khóa phía trước.
- *2: Chỉ quay mặt về phía trước
- *3: Các hệ thống ghế ngồi trẻ em (CRS) được nêu tên phản ánh các khuyến nghị của Honda tại thời điểm xuất bản tài liệu hướng dẫn này. Bạn nên trao đổi với đại lý Honda ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các loại CRS được khuyến dùng. Các loại CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn - hãy tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.
- *4: Phải tháo tựa đầu ra khi lắp ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước được phê duyệt theo Quy định R129 của Liên Hợp Quốc. Cất giữ tựa đầu đã tháo trong khoang hành lý để không bị vướng khi phanh gấp hoặc va chạm. Ngoài ra, khi tháo ghế lót đặc biệt, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn.
- *5: Nếu bạn không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế sao cho song song với phần lưng của hệ thống ghế ngồi trẻ em, nhưng vẫn giữ ở phía trước điểm neo vai của dây đai an toàn.

Có thể lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ trên vị trí ngồi không phải cho loại i-Size. Tuy nhiên, ngoại trừ ghế giữa.

►► Vị trí lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế tương thích với xe.

Đồ gá (CRF)	Mô tả
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nội)
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nội)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích cỡ tiêu chuẩn
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao
ISO/B2	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn
ISO/B3	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài

Loại xe tại Thái Lan



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng.

- *1: Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau.
- *2: Điều chỉnh góc tựa lưng ghế về vị trí thẳng đứng nhất.
- *3: Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn được phê duyệt theo Quy định R129 của Liên Hợp Quốc, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế trước về vị trí thẳng đứng nhất và tháo tựa đầu.
- *4: Nếu CSR và tựa đầu vướng vào nhau, hãy tháo tựa đầu. Tựa đầu đã tháo nên được cất giữ trong khoang hành lý để tựa đầu này không vướng khi phanh gấp hoặc va chạm.
Ngoài ra, hãy tháo CSR và nếu có người lớn ngồi, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn. Hãy tham khảo trang về tựa đầu để biết cách lắp đặt Tr. 239

			Vị trí ngồi và Số vị trí ghế			
	Nhóm kích thước Cân nặng Chiều cao		①	②	③	④
			Hành khách phía trước*1	Hàng thứ 2		
				Trái	Giữa	Phải
Vị trí ngồi phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10 kg	Không	Có	Không	Có
	Nhóm 0+	Đến 13 kg				
	Nhóm I	9-18 kg	Có*2, *4, *5	Có	Có*5	Có
	Nhóm II	15-25 kg				
	Nhóm III	22-36 kg				
Vị trí ngồi cho loại i-Size (có/không)	≤ 150 cm		Không	Có	Không	Có
Vị trí ngồi phù hợp với CRS chính hãng được khuyến nghị	Tham khảo danh sách CRS chính hãng		Không	Có	Không	Có
Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10 kg	Không	R3	Không	R3
	Nhóm 0+	Đến 13 kg				
	Nhóm I	9-18 kg				
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18 kg	Không	F3	Không	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤ 150 cm		B3*3, *4	B3	B3	B3

- *1: Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau.
- *2: Điều chỉnh góc tựa lưng ghế về vị trí thẳng đứng nhất.
- *3: Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn được phê duyệt theo Quy định R129 của Liên Hợp Quốc, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế trước về vị trí thẳng đứng nhất và tháo tựa đầu.
- *4: Nếu CSR và tựa đầu vướng vào nhau, hãy tháo tựa đầu. Tựa đầu đã tháo nên được cất giữ trong khoang hành lý để tựa đầu này không vướng khi phanh gấp hoặc va chạm. Ngoài ra, hãy tháo CSR và nếu có người lớn ngồi, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn. Hãy tham khảo trang về tựa đầu để biết cách lắp đặt Tr. 239
- *5: Chỉ quay mặt về phía trước

Cũng có thể lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở vị trí ngồi hành khách phía trước, chỗ mà không thể lắp đặt được hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size. Tuy nhiên, ngoại trừ ghế giữa.

► Vị trí lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế tương thích với xe.

Đồ gá (CRF)	Mô tả
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nội)
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nội)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích cỡ tiêu chuẩn
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao
ISO/B2	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn
ISO/B3	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài

Loại xe tại Mexico



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp bằng dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế được trang bị điểm neo Dây thắt trên cùng.

- *1: Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau.
- *2: Điều chỉnh góc tựa lưng ghế về vị trí thẳng đứng nhất.
- *3: Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn được phê duyệt theo Quy định R129 của Liên Hợp Quốc, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế trước về vị trí thẳng đứng nhất và tháo tựa đầu.
- *4: Nếu CSR và tựa đầu vướng vào nhau, hãy tháo tựa đầu. Tựa đầu đã tháo nên được cất giữ trong khoang hành lý để tựa đầu này không vướng khi phanh gấp hoặc va chạm.
Ngoài ra, hãy tháo CSR và nếu có người lớn ngồi, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn. Hãy tham khảo trang về tựa đầu để biết cách lắp đặt Tr. 239

			Vị trí ngồi và Số vị trí ghế			
	Nhóm kích thước Cân nặng Chiều cao		①	②	③	④
			Hành khách phía trước*1	Hàng thứ 2		
				Trái	Giữa	Phải
Vị trí ngồi phù hợp với loại thông dụng có dây đai (có/không)	Nhóm 0	Đến 10 kg	Không	Có	Không	Có
	Nhóm 0+	Đến 13 kg				
	Nhóm I	9-18 kg	Có*2, *4, *5	Có	Có*5	Có
	Nhóm II	15-25 kg				
	Nhóm III	22-36 kg				
Vị trí ngồi cho loại i-Size (có/không)	≤ 150 cm		Không	Có	Không	Có
Vị trí ngồi phù hợp với CRS chính hãng được khuyến nghị	Tham khảo danh sách CRS chính hãng		Không	Có	Không	Có
Vị trí ngồi thích hợp cho việc cố định bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Đến 10 kg	Không	R3	Không	R3
	Nhóm 0+	Đến 13 kg				
	Nhóm I	9-18 kg				
Phù hợp nhất cho loại quay mặt về phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18 kg	Không	F3	Không	F3
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤ 150 cm		B3*3, *4	B3	B3	B3

- *1: Khi lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy điều chỉnh thanh trượt ghế hết cỡ về phía sau.
- *2: Điều chỉnh góc tựa lưng ghế về vị trí thẳng đứng nhất.
- *3: Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn được phê duyệt theo Quy định R129 của Liên Hợp Quốc, hãy điều chỉnh góc tựa lưng ghế trước về vị trí thẳng đứng nhất và tháo tựa đầu.
- *4: Nếu CSR và tựa đầu vướng vào nhau, hãy tháo tựa đầu. Tựa đầu đã tháo nên được cất giữ trong khoang hành lý để tựa đầu này không vướng khi phanh gấp hoặc va chạm. Ngoài ra, hãy tháo CSR và nếu có người lớn ngồi, hãy lắp lại tựa đầu vào ghế ban đầu và đảm bảo tựa đầu được lắp chắc chắn. Hãy tham khảo trang về tựa đầu để biết cách lắp đặt Tr. 239
- *5: Chỉ quay mặt về phía trước

Cũng có thể lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở vị trí ngồi hành khách phía trước, chỗ mà không thể lắp đặt được hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size. Tuy nhiên, ngoại trừ ghế giữra.

► Vị trí lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế tương thích với xe.

Đồ gá (CRF)	Mô tả
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nội)
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nội)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về phía sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau loại thấp
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau kích cỡ tiêu chuẩn
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao
ISO/B2	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn
ISO/B3	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài

■ Danh sách CRS chính hãng tại Đông Nam Á

Phạm vi chiều cao	Hệ thống ghế ngồi trẻ em	Loại
Dưới 100 cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Trên 71 cm và 15 tháng đến 100 cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX

■ Danh sách CRS chính hãng tại Ấn Độ

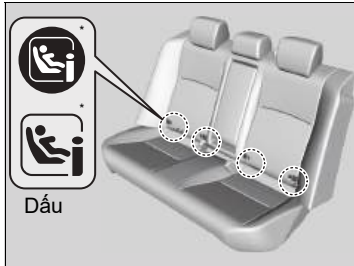
Nhóm khối lượng	Hệ thống ghế ngồi trẻ em	Loại
Nhóm 0 đến 10 kg	—	—
Nhóm 0+ đến 13 kg	Honda Baby & Kids i-Size	Semi-universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Nhóm I 9 kg đến 18 kg	Honda Baby & Kids i-Size	Semi-universal ISOFIX
Nhóm II, III 15 kg đến 36 kg	—	—

■ Danh sách CRS chính hãng tại Châu Mỹ La-tinh và Caribbean

Nhóm khối lượng	Hệ thống ghế ngồi trẻ em	Loại
Nhóm 0 đến 10 kg	—	—
Nhóm 0+ đến 13 kg	Honda Baby & Kids	Semi-universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Nhóm I 9 kg đến 18 kg	Honda Baby & Kids	Semi-universal ISOFIX
Nhóm II, III 15 kg đến 36 kg	—	—

■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới

Có thể lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới ở một trong hai ghế sau phía ngoài. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới bằng loại đầu nối cứng hoặc loại đầu nối mềm.



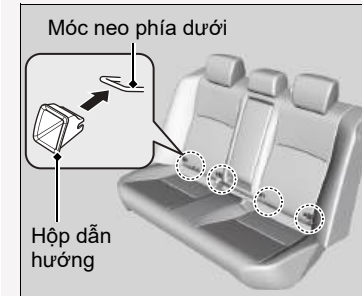
1. Cố định móc neo phía dưới bên dưới dấu.

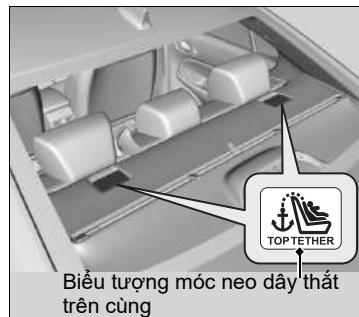
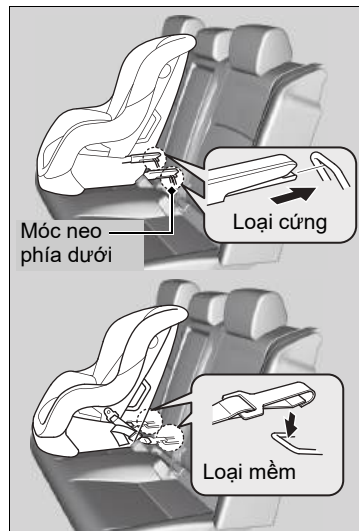
■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới

⚠ CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó sẽ không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và có thể bị gãy, khiến trẻ bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh làm hỏng mặt ghế. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo phía dưới như hình minh họa.





2. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe, sau đó gắn hệ thống ghế ngồi trẻ em vào các móc neo phía dưới theo hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế ngồi trẻ em.

- Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai an toàn hoặc bất kỳ vật gì khác.
- Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em sao cho khoảng cách giữa hệ thống ghế an toàn và lưng ghế càng nhỏ càng tốt.

► Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo phía dưới

CẢNH BÁO: Không được sử dụng móc không có Biểu tượng điểm neo dây thắt trên cùng để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em đã lắp đặt.

Vì sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, hãy đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em được cố định chắc chắn trên xe. Hệ thống ghế ngồi trẻ em không được cố định đúng cách sẽ không bảo vệ trẻ em một cách đầy đủ trong trường hợp va chạm và có thể gây thương tích cho trẻ em hoặc những người ngồi trong xe khác.

Loại mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây cố định

3. Mở nắp đầu buộc móc neo phía sau tựa đầu.



4. Loại dây thắt trên cùng thẳng

Luồn dây cố định qua phần đỉnh tựa đầu.
Đảm bảo dây không bị xoắn.

Loại dây thắt trên cùng khác

Luồn dây cố định vòng qua tựa đầu.
Đảm bảo dây không bị xoắn.

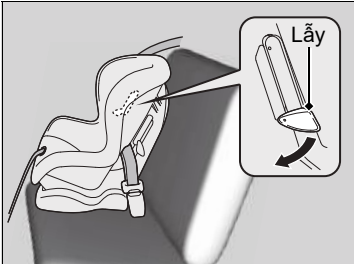
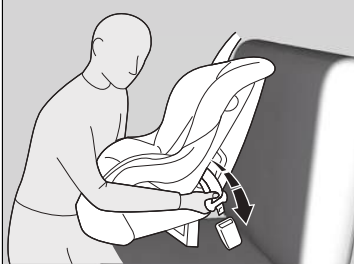
5. Lắp đầu móc dây cố định vào móc neo.
6. Thắt chặt dây cố định như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
7. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.



Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ

3. Duỗi chân đỡ ra cho đến khi chạm sàn như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
 - Đảm bảo khu vực sàn nơi đặt chân đỡ bằng phẳng. Nếu khu vực đó không bằng phẳng, chân đỡ sẽ không đỡ được.
 - Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau.
4. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.

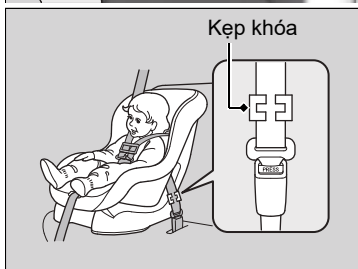
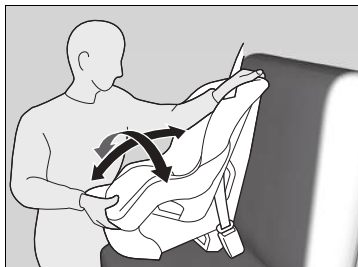
■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây đai an toàn hông/vai



1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế ngồi trên xe.
2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.
 - Gài đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
3. Đẩy lấy xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào trong khe ở cạnh bên của hệ thống ghế ngồi trẻ em.
4. Giữ phần vai của dây đai gần ổ khóa và kéo lên để phần hông của dây đai hết chùng.
 - Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy ghế vào trong ghế xe.
5. Đặt dây đai an toàn vào đúng vị trí và đẩy lấy lên. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
 - Khi đẩy lấy lên, hãy kéo phần vai phía trên của dây đai lên để dây đai hết chùng.

▣ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây đai an toàn hông/vai

Hệ thống ghế ngồi trẻ em không được cố định đúng cách sẽ không bảo vệ trẻ em một cách đầy đủ trong trường hợp va chạm và có thể gây thương tích cho trẻ em hoặc những người ngồi trong xe khác.



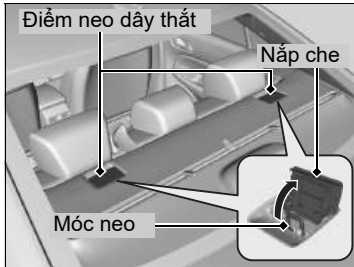
6. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, hãy lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ cảm nhận được một chút dịch chuyển.
7. Đảm bảo cài ổ khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khóa vào dây đai an toàn.

Sau khi xong bước 1 và 2, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.

3. Nắm chặt phần dây đai gần đầu chót. Kẹp chặt hai phần của dây đai lại với nhau để chúng không bị trượt qua đầu chót. Tháo khóa dây đai an toàn.
4. Lắp kẹp khóa như hình minh họa. Lắp kẹp càng gần đầu chót càng tốt.
5. Gài đầu chót vào trong ổ khóa. Chuyển sang bước 6 và 7.

■ Tăng thêm độ an toàn bằng dây thắt



Điểm neo dây thắt nằm ở phía sau các vị trí ngồi sau phía ngoài.

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em đi kèm dây thắt nhưng có thể sử dụng dây đai an toàn để lắp đặt, bạn cũng có thể sử dụng dây thắt để tăng độ an toàn.

1. Xác định vị trí điểm neo dây thắt phù hợp.

2. Loại dây thắt trên cùng thẳng

Luồn dây cố định qua phần đỉnh tựa đầu. Đảm bảo dây không bị xoắn.

Loại dây thắt trên cùng khác

Luồn dây cố định vòng qua tựa đầu. Đảm bảo dây không bị xoắn.

3. Lắp đầu móc dây cố định vào móc neo.

4. Thắt chặt dây cố định như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



► Tăng thêm độ an toàn bằng dây thắt

CẢNH BÁO: Các móc neo ghế ngồi trẻ em được thiết kế chỉ để chịu tải mà hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt đúng cách tác dụng lên. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng các móc neo này cho dây đai an toàn của người lớn, dây đai đa điểm hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị khác vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước cho dù có dùng hay không dùng dây đai an toàn hoặc các móc neo phía dưới.

An toàn cho trẻ lớn

■ Bảo vệ trẻ lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra độ phù hợp của dây đai an toàn, loại ghế lót đặc biệt nào cần sử dụng khi cần thiết và những biện pháp phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

■ Kiểm tra độ phù hợp của dây đai an toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra các mục sau:



■ Danh mục kiểm tra

- Đầu gối của trẻ có gập thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có vắt ngang qua giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và có chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn hông/vai đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt cho đến khi dây đai an toàn phù hợp với cơ thể trẻ mà không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

►► An toàn cho trẻ lớn

⚠ CẢNH BÁO

Để trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm trẻ bị thương tích hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách bung ra.

Nếu buộc phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế trước càng lùi về sau càng tốt, để trẻ ngồi thẳng lưng đúng tư thế và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

■ Ghế lót đặc biệt



Nếu chưa thể sử dụng dây đai an toàn hông/vai đúng cách, hãy đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra xem trẻ có đáp ứng các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót đặc biệt không.

Phần tựa lưng được thiết kế riêng cho ghế lót đặc biệt. Lắp tựa lưng vào ghế lót đặc biệt và điều chỉnh cho vừa ghế xe theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót. Đảm bảo luôn dây đai qua khe dẫn hướng ở phần vai của tựa lưng ghế lót và không để dây đai chạm và vắt ngang qua cổ của trẻ.

■ Ghế lót đặc biệt

Khi lắp ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn. Ghế lót đặc biệt có loại cao và loại thấp. Hãy chọn loại ghế lót đặc biệt để trẻ có thể thắt dây đai an toàn đúng cách.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có tựa lưng để điều chỉnh dây đai vai dễ dàng hơn.

■ Bảo vệ an toàn cho trẻ lớn - Kiểm tra lần cuối

Xe được trang bị một ghế sau để có thể giữ an toàn cho trẻ đúng cách. Nếu trên xe có một nhóm trẻ và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu đầy đủ về hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Dịch chuyển ghế hành khách phía trước lùi về phía sau hết mức có thể.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra xem dây đai an toàn đã được thắt đúng vị trí chưa để đảm bảo trẻ được bảo vệ an toàn trên ghế.

■ Giám sát trẻ em

Bạn nên để mắt đến trẻ khi có trẻ trên xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành đôi khi cũng cần nhắc thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

Khí carbon monoxide (CO)

Khí xả động cơ của xe có chứa carbon monoxide (CO), là một chất khí không màu, không mùi và cực kỳ độc hại. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí CO này sẽ không lọt vào trong xe.

■ Kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi:

- Có âm thanh khác lạ trong hệ thống xả.
- Hệ thống xả có thể đã bị hư hại.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà cốp đang mở, luồng khí có thể lừa khí xả vào trong xe và gây ra tình trạng nguy hiểm. Nếu bạn buộc phải mở cốp khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và cài đặt hệ thống sưởi* và làm mát* hoặc hệ thống điều hòa không khí tự động* như sau.

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.
2. Chọn chế độ .
3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.
4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái nhất.

Điều chỉnh hệ thống sưởi* và làm mát* hoặc hệ thống điều hòa không khí tự động* theo cách tương tự nếu bạn ngồi trong xe đang đỗ với động cơ đang chạy.

⚠️ Khí carbon monoxide (CO)

⚠️ CẢNH BÁO

Khí carbon monoxide (CO) là khí độc.

Hít phải khí CO có thể gây bất tỉnh và thậm chí tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những hoạt động làm bạn phải tiếp xúc với khí CO.

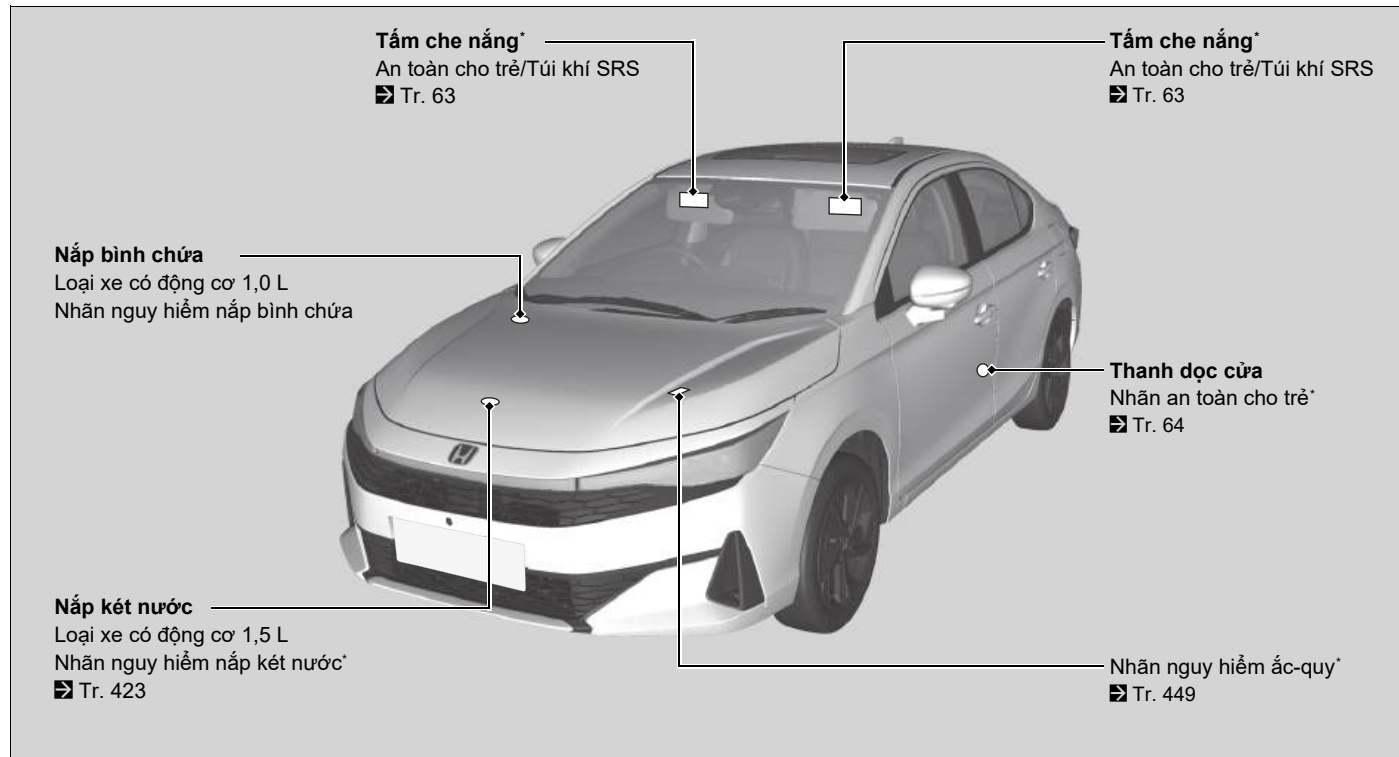
Khí carbon monoxide (CO) có thể tích tụ nhanh chóng ở những không gian kín như gara. Không được chạy động cơ khi cửa gara đang đóng. Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Vị trí nhãn

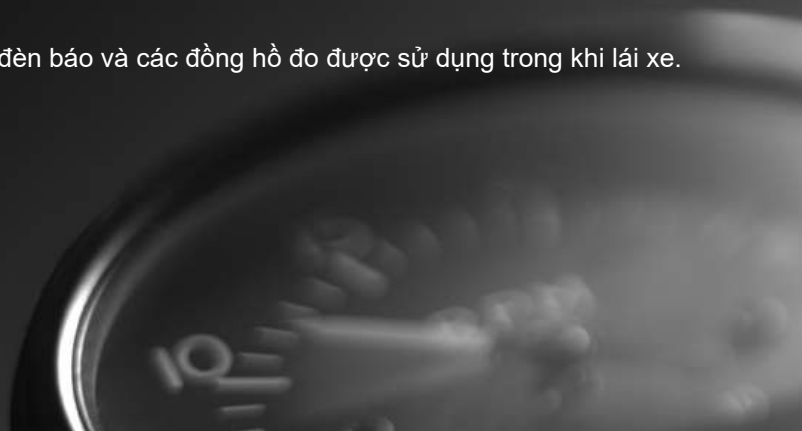
Các nhãn này nằm ở các vị trí như hình minh họa. Chúng cảnh báo bạn về những nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu có nhãn nào bị mất hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.



Bảng điều khiển

Chương này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.



Đèn báo	102
Đồng hồ đo và màn hình hiển thị ...	128
Đồng hồ đo.....	128
Màn hình hiển thị thông tin*.....	131
Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)*	133
Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)*.....	157

Đèn báo bật sáng/nhấp nháy tùy thuộc vào tình trạng của xe. Các thông báo có thể hiển thị đồng thời trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*. Hãy làm theo thông báo hướng dẫn, ví dụ như liên hệ với đại lý.

	*1	Đèn báo Phanh đỗ và Hệ thống phanh (màu đỏ)	→ Tr. 104
	*1	Đèn báo Hệ thống phanh (màu hổ phách)	→ Tr. 105
	*1	Đèn báo áp suất dầu thấp*	→ Tr. 105
	*1	Đèn báo sự cố	→ Tr. 105
	*1	Đèn báo hệ thống nạp điện	→ Tr. 105
	*2, *3	Đèn báo hệ thống hộp số*	→ Tr. 106
	*4		
	*2	Đèn báo M (Chế độ sang số tay 7 cấp)*/ Đèn báo số*	→ Tr. 106
	*3		
	*4		

	*2, *3	Đèn báo vị trí số*	→ Tr. 107
	*4		
		Đèn báo tăng số*	→ Tr. 107
		Đèn báo giảm số*	→ Tr. 107
		Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn	→ Tr. 108
	*1	Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn ghế sau*	→ Tr. 109
		Đèn báo mức nhiên liệu thấp (màu hổ phách)	→ Tr. 109
	*1	Đèn báo Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	→ Tr. 109
	*1	Đèn báo Hệ thống bảo vệ phụ trợ	→ Tr. 109
	*1	Đèn báo cửa và cốp mở*	→ Tr. 110

	*1	Đèn báo Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)	→ Tr. 111
	*1	Đèn báo TẮT VSA	→ Tr. 111
	*1	Đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS)	→ Tr. 111
		Đèn báo xi nhan và cảnh báo nguy hiểm	→ Tr. 112
		Đèn báo đèn bật	→ Tr. 112
		Đèn báo chiếu xa	→ Tr. 112
	*1	Đèn báo đèn pha thích ứng tự động*	→ Tr. 112
		Đèn báo đèn sương mù phía sau*	→ Tr. 113
	*1	Đèn báo điều khiển đèn*	→ Tr. 113

	^{*1} Đèn báo Hệ thống mở cửa không chia khóa → Tr. 116		Đèn báo thông báo hệ thống → Tr. 119		^{*1} Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (màu hổ phách)* → Tr. 122
	Đèn báo chế độ ECON* → Tr. 116	NO KEY	Đèn báo NO KEY* → Tr. 126		Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (màu trắng/màu xanh lục)* → Tr. 122
ECO	Đèn báo ECO* → Tr. 116		Đèn báo KEY BATT* → Tr. 126		^{*1} Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách)* → Tr. 122
	Đèn báo CRUISE MAIN* → Tr. 116		^{*1} Đèn báo nhiệt độ cao (màu đỏ)* → Tr. 110		Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu xám)* → Tr. 122
	Đèn báo CRUISE CONTROL* → Tr. 116		Đèn báo nhiệt độ thấp (màu xanh dương) → Tr. 110		Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu xám)* → Tr. 122
	^{*1} Đèn báo hệ thống khởi động* → Tr. 117		Đèn báo hệ thống chống nổ máy → Tr. 114		^{*1} Đèn báo giảm thiểu chệch làn đường (màu hổ phách)* → Tr. 123
	Đèn báo xoay vô lăng* → Tr. 117		Đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh → Tr. 115		Đèn báo Tự động TẮT tính năng Hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường → Tr. 123
	Đèn báo chuyển cần số về vị trí đỗ* → Tr. 117		^{*1} Đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (màu hổ phách)* → Tr. 120		Đèn báo giảm thiểu chệch làn đường (màu xám)* → Tr. 123
	^{*1} Đèn báo cuộc gọi khẩn cấp (eCall)* → Tr. 117		Đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (màu xanh lục)* → Tr. 120		^{*1} Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách)* → Tr. 124
	^{*1} Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp → Tr. 118		^{*1} Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) (màu hổ phách)* → Tr. 121		Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu xanh lục/màu xám)* → Tr. 126
80 km/h	^{*1} Đèn báo cảnh báo tốc độ* → Tr. 119		Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) (màu trắng/màu xanh lục)* → Tr. 121		
120 km/h	^{*1} Đèn báo cảnh báo tốc độ* → Tr. 119				

^{*1} : Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Các đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo Phanh đỗ và Hệ thống phanh (màu đỏ)	Đèn sáng khi kéo phanh đỗ và tắt khi nhả phanh đỗ.	Tiếng bíp vang lên và đèn báo bật sáng nếu bạn lái xe khi phanh đỗ chưa được nhả hoàn toàn.
		Đèn sáng khi dầu phanh ở mức thấp.	Đèn sáng trong khi lái xe - Đảm bảo đã nhả phanh đỗ. Dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra mức dầu phanh.  Làm gì khi đèn báo sáng khi đang lái xe Tr. 500
		Đèn sáng nếu hệ thống phanh có sự cố.	Loại xe tại Thái Lan Đèn sáng cùng với đèn báo Phanh đỗ và Hệ thống phanh (màu hổ phách) - Dừng ngay xe ở nơi an toàn. Liên hệ với đại lý để sửa chữa. Không vận hành bàn đạp phanh hơn. Nhấn bàn đạp sâu hơn bình thường. Tất cả các loại xe Đèn sáng cùng với đèn báo ABS - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.  Nếu đèn báo Hệ thống phanh (màu đỏ) sáng Tr. 500

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
 (màu hổ phách)	Đèn báo Hệ thống phanh (màu hổ phách)	Đèn sáng nếu hệ thống liên quan đến phanh có sự cố, ngoài hệ thống phanh thông thường.	Loại xe tại Thái Lan Đèn sáng trong khi lái xe - Tránh lái xe với tốc độ cao và phanh đột ngột. Mang ngay xe đến đại lý. Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan Đèn sáng trong khi lái xe - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường.
	Đèn báo áp suất dầu thấp*	Đèn sáng khi áp suất dầu động cơ thấp.	Đèn sáng trong khi lái xe - Dừng ngay xe ở nơi an toàn. ➤ Nếu đèn báo áp suất dầu thấp sáng Tr. 497
	Đèn báo sự cố	- Đèn sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải có sự cố. - Nhấp nháy khi phát hiện hiện tượng mất lửa trong các xy-lanh động cơ.	➤ Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy Tr. 500
	Đèn báo hệ thống nạp điện	Đèn sáng khi hệ thống nạp điện có sự cố.	- Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý. ➤ Kiểm tra ắc-quy Tr. 446 ➤ Nếu đèn báo hệ thống nạp điện sáng Tr. 499

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
 *1, *2  *3	Đèn báo hệ thống hộp số*	Đèn nhấp nháy nếu hệ thống hộp số có sự cố.	- Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra. Loại xe tại Thái Lan Do not drive (Không lái xe) hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái - Dừng xe ngay lập tức ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý.
 *1  *2  *3	Đèn báo M (chế độ sang số tay 7 cấp) ¹ / Đèn báo số*	Đèn sáng khi chế độ sang số tay 7 cấp được áp dụng.	➡ Chế độ sang số tay 7 cấp Tr. 284

*1: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*3: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo vị trí số*	Hiện thị vị trí số hiện tại.	 Sang số Tr. 281
	Đèn báo tăng số*	Đèn sáng khi hệ thống khuyến nghị chuyển số lên.	 Đèn báo tăng số/giảm số* Tr. 287
	Đèn báo giảm số*	Đèn sáng khi được khuyến nghị chuyển xuống số thấp hơn.	 Đèn báo tăng số/giảm số* Tr. 287

*1: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin hoặc đồng hồ đo loại A

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn	• Đèn sáng nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi đặt chế độ nguồn thành BẬT. • Nếu hành khách trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng sau đó vài giây. Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh, Ấn Độ, Bhutan, Nepal và Malaysia có màn hình giao diện thông tin cho người lái • Đèn sáng trong một lúc nếu bất kỳ hành khách phía sau nào tháo dây đai an toàn trong khi chế độ nguồn ở BẬT. • Đèn nhấp nháy và tiếng bíp vang lên trong khi lái xe khi bạn hoặc hành khách phía chưa cài dây đai an toàn hoặc bất kỳ hành khách phía sau nào tháo dây đai an toàn. Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh, Ấn Độ, Bhutan, Nepal và Malaysia có màn hình giao diện thông tin cho người lái Loại xe có màn hình hiển thị thông tin • Đèn báo nhấp nháy và tiếng bíp vang lên trong khi lái xe khi bạn hoặc hành khách phía trước chưa cài dây đai an toàn.	Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh, Ấn Độ, Bhutan, Nepal và Malaysia có màn hình giao diện thông tin cho người lái • Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách thắt dây đai an toàn. • Vẫn sáng sau khi bạn và/hoặc hành khách đã thắt dây đai an toàn - Có thể đã xảy ra lỗi phát hiện ở cảm biến. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. 📌 Nhắc thắt dây đai an toàn Tr. 43 Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh, Ấn Độ, Bhutan, Nepal và Malaysia có màn hình giao diện thông tin cho người lái Loại xe có màn hình hiển thị thông tin • Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách phía trước cài dây đai an toàn. • Đèn vẫn sáng sau khi bạn và/hoặc hành khách phía trước đã cài dây đai an toàn - Có thể đã xảy ra lỗi phát hiện ở cảm biến. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. 📌 Nhắc thắt dây đai an toàn Tr. 43

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo nhắc thắt dây đai an toàn ghế sau*	- Đèn sáng nếu dây đai an toàn ghế sau chưa cài khi bạn đặt chế độ nguồn thành BẬT. - Đèn báo nhấp nháy và tiếng bíp vang lên trong khi lái xe nếu dây đai an toàn ghế sau chưa cài.	- Đèn tắt khi hành khách phía sau đã cài dây đai an toàn. ► Nhắc thắt dây đai an toàn Tr. 43
	Đèn báo mức nhiên liệu thấp (màu hổ phách)	- Đèn sáng khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 6,0 Lít). - Đèn nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố.	- Nạp nhiên liệu càng sớm càng tốt. - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	Đèn sáng nếu ABS có sự cố.	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng phanh. ► Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) Tr. 378
	Đèn báo hệ thống bảo vệ phụ trợ	- Đèn sáng nếu phát hiện một trong các hệ thống sau có sự cố: - Hệ thống bảo vệ phụ trợ - Hệ thống túi khí bên* - Hệ thống túi khí rèm bên* - Bộ căng dây đai an toàn	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo nhiệt độ cao (màu đỏ)*	Đèn báo nhấp nháy khi nhiệt độ nước làm mát động cơ tăng lên và sáng liên tục nếu nhiệt độ tiếp tục tăng.	- Đèn sáng màu xanh dương khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp. Đèn báo nhấp nháy trong khi lái xe - Lái xe chậm để tránh quá nhiệt. Đèn sáng liên tục trong khi lái xe - Dừng xe ngay lập tức ở nơi an toàn và để động cơ nguội.  Quá nhiệt Tr. 493
	Đèn báo nhiệt độ thấp (màu xanh dương)	Đèn sáng khi nhiệt độ nước làm mát động cơ thấp.	Nếu đèn báo vẫn sáng sau khi động cơ đã đạt đến nhiệt độ hoạt động bình thường, có thể các cảm biến nhiệt có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo cửa và nắp mở*	- Đèn sáng nếu bất kỳ cửa nào hoặc nắp không được đóng hoàn toàn. - Tiếng bíp vang lên và đèn báo bật sáng nếu nắp hoặc bất kỳ cửa nào mở ra trong khi lái xe.	Tắt khi nắp và tất cả các cửa đã được đóng.

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)	• Đèn nhấp nháy khi VSA hoạt động. • Đèn sáng nếu có sự cố với hệ thống VSA, hệ thống hỗ trợ phanh, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc, chức năng phanh hỗ trợ khởi động*, hoặc hỗ trợ xử lý nhanh. • Đèn sáng nếu hệ thống VSA bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy.	— • Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. ☑ Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) Tr. 298 ☑ Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp Tr. 379 ☑ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc Tr. 277 ☑ Chức năng phanh hỗ trợ khởi động Tr. 293 ☑ Hỗ trợ xử lý nhanh Tr. 300 • Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo TẮT hỗ trợ ổn định xe (VSA)	• Đèn sáng khi bạn tắt một phần VSA. • Đèn sáng nếu hệ thống VSA bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy.	• Bật và tắt VSA Tr. 299 • Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS)	• Đèn sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.	• Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. • Do Not Drive (Không lái xe) hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái - Dừng xe ngay lập tức ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý. ☑ Nếu đèn báo hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sáng Tr. 501

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo xi nhan và cảnh báo nguy hiểm	• Đèn nhấp nháy khi bạn gạt cần xi nhan. • Đèn báo nhấp nháy cùng với tất cả đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.	• Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy nhanh  Thay bóng đèn Tr. 428, 429
		Ngoại trừ loại xe tại Mexico • Đèn nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi lái xe ở tốc độ cao.	 Tín hiệu dừng khẩn cấp Tr. 380
	Đèn báo đèn bật	• Đèn sáng khi đèn vị trí, đèn hậu và các đèn ngoài xe sáng.	 Công tắc đèn Tr. 213
	Đèn báo chiếu xa	• Đèn sáng khi các đèn chiếu xa bật.	—
	Đèn báo đèn pha thích ứng tự động*	• Đèn sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện hoạt động của đèn pha thích ứng tự động.	 Đèn pha thích ứng tự động* Tr. 219

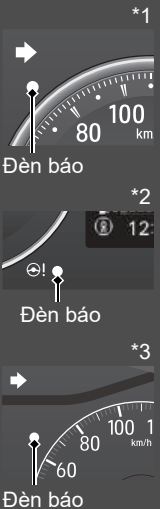
Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo đèn sương mù phía sau*	Đèn sáng khi đèn sương mù phía sau bật.	 Đèn sương mù phía sau* Tr. 217
	Đèn báo điều khiển đèn*	- Đèn sáng nếu hệ thống điều khiển chiếu sáng tự động có sự cố. - Đèn sáng nếu đèn chiếu sáng có sự cố.	Đèn sáng trong khi lái xe - Bật đèn bằng tay và mang xe của bạn đến đại lý để kiểm tra. Đèn sáng trong khi lái xe - Đèn chiếu sáng có thể không sáng. Khi điều kiện cho phép bạn lái xe an toàn, hãy mang xe của bạn đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt.

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
 *1 Đèn báo *2 Đèn báo *3 Đèn báo	Đèn báo hệ thống chống nổ máy	Đèn nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa.	Nhấp nháy - Bạn không thể khởi động động cơ. Đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, sau đó chọn lại chế độ BẬT. Nhấp liên tục - Hệ thống có thể có sự cố. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị nào khác vào hệ thống, để tránh xảy ra sự cố điện.

*1: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*3: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
 *1 Đèn báo *2 Đèn báo *3 Đèn báo	Đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh	Đèn nhấp nháy khi cảnh báo hệ thống an ninh được thiết lập.	☑ Hệ thống cảnh báo an ninh Tr. 199

*1: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

*2: Loại xe có đồng hồ đo loại A

*3: Loại xe có đồng hồ đo loại B

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hệ thống mở cửa không chìa khóa*	Đèn sáng ngay khi phát hiện một sự cố trong hệ thống mở cửa không chìa khóa* hoặc hệ thống khởi động không chìa khóa.	Đèn sáng liên tục hoặc hoàn toàn không sáng - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo chế độ ECON*	Đèn sáng khi chế độ ECON bật.	 Chế độ ECON* Tr. 289
ECO	Đèn báo ECO*	Đèn sáng trong khi động cơ đang hoạt động ở phạm vi tiết kiệm nhất.	—
	Đèn báo CRUISE MAIN*	Đèn sáng khi bạn ấn nút CRUISE.	 Kiểm soát hành trình* Tr. 294
	Đèn báo CRUISE CONTROL*	Đèn sáng khi bạn đã thiết lập tốc độ cho hệ thống kiểm soát hành trình.	 Kiểm soát hành trình* Tr. 294

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hệ thống khởi động*	Đèn sáng nếu hệ thống khởi động có sự cố.	Biện pháp xử lý tạm thời là nhấn và giữ nút ENGINE START/STOP trong 15 giây trong khi nhấn bàn đạp phanh và khởi động động cơ thủ công. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo xoay vô lăng*	Đèn sáng khi vô lăng bị khóa.	Xoay vô lăng sang trái và sang phải trong khi nhấn nút ENGINE START/STOP.
	Đèn báo chuyển cần số về vị trí đỗ*	Đèn báo nhấp nháy nếu bạn ấn nút ENGINE START/STOP để tắt động cơ mà cần số không ở vị trí P.	Ấn nút ENGINE START/STOP hai lần sau khi di chuyển cần số về vị trí P.
	Đèn báo cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*	Đèn sáng nếu hệ thống cuộc gọi khẩn cấp có sự cố.	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.  Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)* Tr. 518

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*	• Đèn có thể bật sáng trong giây lát nếu chế độ nguồn được đặt thành BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, để cho biết quy trình khởi tạo vẫn chưa hoàn tất. • Đèn sáng liên tục khi: - Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác định là quá thấp. - Hệ thống chưa được hiệu chỉnh.	• Đèn sáng trong khi lái xe - Dừng xe nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp nếu cần. • Tiếp tục sáng sau khi bơm lốp đến áp suất khuyến nghị - Hệ thống cần được khởi tạo. ▣ Khởi tạo/Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp Tr. 303
		• Đèn báo nhấp nháy khoảng một phút, sau đó sáng liên tục nếu có sự cố với hệ thống cảnh báo xẹp lốp, hoặc khi lốp dự phòng tạm thời*/lốp dự phòng cỡ nhỏ* được lắp tạm thời.	• Nhấp nháy và tiếp tục sáng - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu xe được trang bị lốp dự phòng tạm thời*/lốp dự phòng cỡ nhỏ*, hãy sửa chữa hoặc thay lốp thông thường của xe và lắp lại vào xe sớm nhất có thể.
		• Đèn sáng nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy.	• Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
80 km/h	Đèn báo cảnh báo tốc độ*	- Đèn sáng khi tốc độ xe vượt quá 80 km/h. Âm báo nhắc nhở vang lên khoảng hai phút một lần. - Đèn nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm báo nhắc nhở vang lên liên tục.	- Đèn báo này sẽ sáng liên tục khi tốc độ xe của bạn vượt quá 80 km/h. - Đèn báo này sẽ nhấp nháy liên tục khi tốc độ xe của bạn vượt quá 120 km/h.
120 km/h	Đèn báo cảnh báo tốc độ*	Đèn nhấp nháy khi tốc độ xe vượt quá 120 km/h. Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên.	Đèn báo này sẽ nhấp nháy liên tục khi tốc độ xe của bạn vượt quá 120 km/h.
	Đèn báo thông báo hệ thống*	Đèn sáng cùng với một tiếng bíp khi phát hiện có sự cố. Đồng thời, thông báo hệ thống cũng sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.	- Trong khi đèn báo sáng, ấn nút  (màn hình chính) và chọn  để xem lại thông báo. ► Chuyển đổi màn hình hiển thị Tr. 133, 157 - Tham khảo thông tin các Đèn báo trong phần này khi thông báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Phản hồi lại thông báo tương ứng. - Màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ không trở lại màn hình bình thường trừ khi hủy cảnh báo, hoặc ấn vòng lựa chọn bên trái.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (màu hổ phách)*	Đèn sáng khi tắt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời bằng nút TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.	 BẬT/TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời Tr. 291
		Đèn nhấp nháy nếu Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời có sự cố.	Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (màu xanh lục)*	Đèn sáng khi Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động. Động cơ sẽ tự động tắt.	 Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời* Tr. 290

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) (màu hổ phách)*	Đèn sáng nếu ACC có sự cố.	Đèn sáng trong khi lái xe - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		- Đèn sáng nếu ACC bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy. - Đèn báo có thể bật sáng tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép. - ACC đã tự động bị hủy.	- Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép. ► Giới hạn tải trọng Tr. 270 Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) (màu trắng/màu xanh lục)*	- Đèn sáng màu trắng khi bạn ấn nút . - Đèn sáng màu xanh lục khi hệ thống đang hoạt động.	► Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) Tr. 337

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (màu hổ phách)*	Đèn sáng nếu LKAS có sự cố.	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		Đèn báo có thể bật sáng tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép.	- Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép. ☒ Giới hạn tải trọng Tr. 270 Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn báo Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (màu trắng/màu xanh lục)*	- Đèn sáng màu trắng khi bạn ấn nút LKAS. - Đèn sáng màu xanh lục khi LKAS đang hoạt động.	☒ Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) Tr. 355
	Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách)*	Đèn sáng nếu CMBS có sự cố hoặc tạm thời không thể sử dụng hệ thống do các vấn đề như kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn.	Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) sáng cùng lúc. ☒ Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách)* Tr. 125
		Loại xe có đồng hồ đo loại A Đèn sáng khi CMBS tắt.	☒ Hỗ trợ an toàn* Tr. 139
	Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu xám)*	Đèn sáng khi CMBS tắt.	☒ Hỗ trợ an toàn* Tr. 139

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo giảm thiểu chệch làn đường (màu hổ phách)*	Đèn sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có sự cố hoặc tạm thời không thể sử dụng hệ thống do kính chắn gió gần camera bị bụi bẩn.	Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) sáng cùng lúc. ► Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách)* Tr. 125
		Loại xe có đồng hồ đo loại A Đèn sáng khi tính năng hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường tự động tắt.	► Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường Tr. 325
		Loại xe có đồng hồ đo loại A Đèn sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường tắt.	► Hỗ trợ an toàn* Tr. 139
	Đèn báo Tự động TẮT tính năng Hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường*	Đèn sáng khi tính năng hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường tự động tắt.	► Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường Tr. 325
	Đèn báo giảm thiểu chệch làn đường (màu xám)*	Đèn sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường tắt.	► Hỗ trợ an toàn* Tr. 139

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

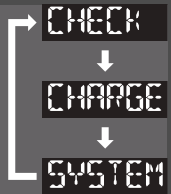
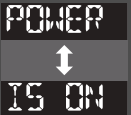
Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách)*	Đèn sáng khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường hoặc CMBS có sự cố.	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		Đèn báo có thể bật sáng tạm thời khi vượt quá trọng tải tối đa cho phép.	- Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn trọng tải tối đa cho phép.  Giới hạn tải trọng Tr. 270 Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
		Đèn sáng nếu Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và CMBS bị vô hiệu hóa tạm thời sau khi ngắt kết nối và kết nối lại ắc-quy.	Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách)*	Đèn sáng khi hệ thống Giảm thiểu chệch làn đường và/hoặc CMBS tự động tắt.	Sáng liên tục - Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động để làm mát camera. Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ bên trong camera giảm xuống.  Camera góc rộng phía trước Tr. 374
			Sáng liên tục - Vùng xung quanh camera bị bụi bẩn, bám bùn, v.v. Hãy dừng xe ở nơi an toàn, dùng vải mềm lau sạch bụi bẩn. - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn xuất hiện ngay cả khi đã lau sạch vùng xung quanh camera.  Camera góc rộng phía trước Tr. 374 - Đèn báo có thể sáng khi môi trường xung quanh tối, như khi lái xe qua đường hầm, hoặc lái xe vào ban đêm, lúc sáng sớm, hoặc lúc chập tối.

Đèn báo	Tên	Sáng/Nhấp nháy	Diễn giải
	Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu xanh lục/màu xám)*	- Đèn sáng màu xanh lục khi Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và CMBS đang bật. - Đèn sáng màu xanh lục và màu xám khi một hoặc nhiều hệ thống kể trên tắt. - Đèn sáng màu xám khi tất cả các hệ thống trên tắt.	➤ Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường Tr. 325 ➤ Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) Tr. 311
NOKEY	Đèn báo NO KEY*	Đèn sáng khi bạn đóng cửa với chế độ nguồn ở BẬT mà không có chìa khóa điều khiển từ xa ở bên trong xe.	Đèn báo tắt khi bạn mang chìa khóa điều khiển từ xa trở lại bên trong xe và đóng cửa.
	Đèn báo KEY BATT*	Đèn sáng khi pin của chìa khóa điều khiển từ xa yếu.	- Thay pin càng sớm càng tốt. ➤ Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa Tr. 450

Thông báo cảnh báo và thông tin trên màn hình hiển thị thông tin*

Các thông báo thông tin sau đây chỉ xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin.

Thông báo	Điều kiện	Diễn giải
	- Xuất hiện khi cảm biến trên ắc-quy có sự cố. - Xuất hiện cùng với đèn báo hệ thống nạp điện ắc-quy khi ắc-quy không nạp điện.	Sáng liên tục - Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. - Tắt hệ thống sưởi và làm mát*/hệ thống điều hòa không khí tự động* và sấy kính sau để giảm mức tiêu hao điện ắc-quy. ► Nếu đèn báo Hệ thống nạp điện sáng Tr. 499
	Xuất hiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN.	—
	Xuất hiện nếu bạn ấn nút ENGINE START/STOP để tắt động cơ mà cần số không ở số P.	Chuyển số sang số P, sau đó ấn nút ENGINE START/STOP hai lần.
	Xuất hiện khi vô lăng bị khóa.	Xoay vô lăng sang trái và sang phải và đồng thời ấn nút ENGINE START/STOP.

Đồng hồ đo và màn hình hiển thị

Đồng hồ đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan khác. Các đồng hồ này hiển thị khi chế độ nguồn BẬT.

Đồng hồ đo tốc độ xe

Hiển thị tốc độ lái xe của bạn tính bằng km/h và mph (dặm/giờ)*.

Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình chứa nhiên liệu.

Đồng hồ đo tốc độ động cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ tính bằng vòng/phút.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Đồng hồ đo mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ cột tính bằng km/l* hoặc l/100 km*.

Đồng hồ đo tốc độ xe

Loại xe tại Mexico

Bạn có thể thay đổi đơn vị tốc độ/khoảng cách.

- **Đơn vị tốc độ/khoảng cách** Tr. 141, 159
- **Cài đặt** Tr. 142, 167

Đồng hồ đo nhiên liệu

CHÚ Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng sắp đến . Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, làm hỏng bộ trung hòa khí xả.

Sau khi nạp thêm ít nhiên liệu hoặc tùy thuộc vào tình trạng xe, lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

Đồng hồ đo tốc độ động cơ

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Có thể bật hoặc tắt màn hình hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ.

- **Cài đặt** Tr. 167

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

■ Đồng hồ đo quãng đường

Hiển thị tổng số km hoặc dặm* mà xe của bạn đã đi được.

■ Nhiệt độ ngoài trời

Hiển thị nhiệt độ ngoài trời theo đơn vị độ C.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm bạn đặt chế độ nguồn thành BẬT, đèn báo nhiệt độ ngoài trời sẽ nhấp nháy trong 10 giây.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm bạn đặt chế độ nguồn thành BẬT, thông báo **Outside Temperature Low** (Nhiệt độ ngoài trời thấp) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Điều chỉnh màn hình hiển thị nhiệt độ ngoài trời

Điều chỉnh chỉ số đo nhiệt độ lên đến $\pm 3^{\circ}\text{C}$ nếu chỉ số đo nhiệt độ có vẻ không chính xác.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

1. Đặt chế độ nguồn thành BẬT.
2. Nhấn và giữ nút **TRIP/CLOCK** từ 10 giây trở lên trong khi nhiệt độ ngoài trời đang được hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin.
 - Màn hình thông tin sẽ chuyển sang chế độ điều chỉnh nhiệt độ. Màn hình bắt đầu hiển thị từ -3°C đến $+3^{\circ}\text{C}$.
3. Nhả nút **TRIP/CLOCK** khi mức điều chỉnh phù hợp hiển thị.
 - Quá trình điều chỉnh hoàn tất.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

►► Nhiệt độ ngoài trời

Cảm biến nhiệt độ nằm ở cản trước. Nhiệt từ mặt đường và khí xả từ các xe khác có thể ảnh hưởng đến chỉ số đo nhiệt độ khi tốc độ xe của bạn dưới 30 km/h (19 dặm/giờ).

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi chỉ báo nhiệt độ đã ổn định.

►► Điều chỉnh màn hình hiển thị nhiệt độ ngoài trời

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể điều chỉnh chỉ báo nhiệt độ.

► Cài đặt Tr. 142, 167

■ Đồng hồ

Hiển thị đồng hồ.

■ Chế độ hiện tại cho ACC và LKAS*

Hiển thị chế độ hiện tại cho ACC và LKAS.

➤ **Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)** Tr. 337

➤ **Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)** Tr. 355

» Đồng hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và thay đổi định dạng màn hình đồng hồ hiển thị theo kiểu 12 giờ hoặc 24 giờ.

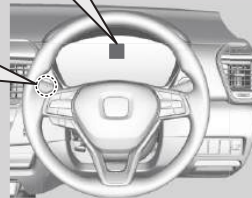
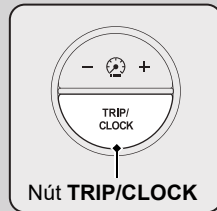
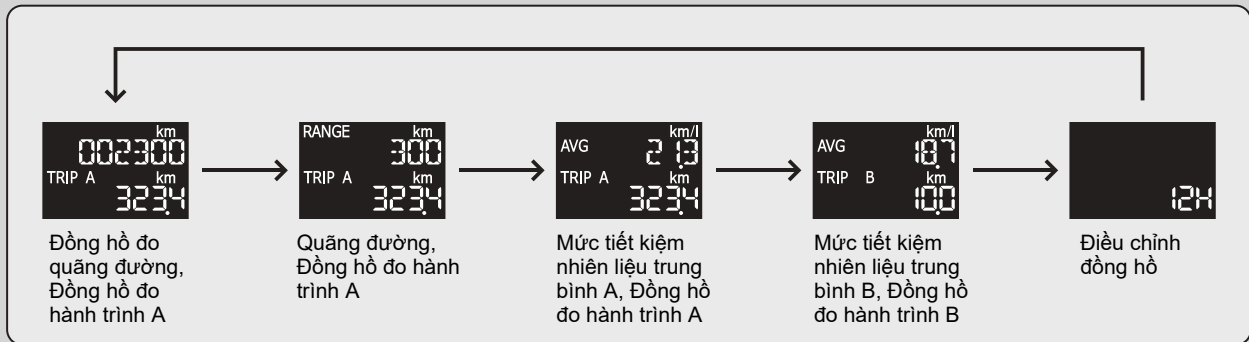
➤ **Đồng hồ** Tr. 180

Màn hình hiển thị thông tin*

Màn hình hiển thị thông tin hiển thị đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình và các đồng hồ đo khác.

■ Chuyển đổi màn hình hiển thị

Ấn nút **TRIP/CLOCK** để thay đổi màn hình hiển thị.



■ Đồng hồ đo quãng đường

Hiển thị tổng số km mà xe của bạn đã đi được.

■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

■ Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, hãy bật hiển thị đồng hồ này, sau đó nhấn và giữ nút **TRIP/CLOCK**. Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình ước tính cho từng đồng hồ đo hành trình tính bằng km/l* hoặc l/100km*. Màn hình hiển thị được cập nhật tại những khoảng thời gian đã thiết lập. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Quãng đường

Hiển thị quãng đường ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại của xe.

» Đồng hồ đo hành trình

Ấn nút **TRIP/CLOCK** để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.

Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)*

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiết kiệm nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo và các thông tin hữu ích khác.

Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý để kiểm tra xe nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu xuất hiện thông báo **Engine oil pressure low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine temperature too hot** (Nhiệt độ động cơ quá cao).

📖 Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện Tr. 498

📖 Quá nhiệt Tr. 493

■ Chuyển đổi màn hình hiển thị

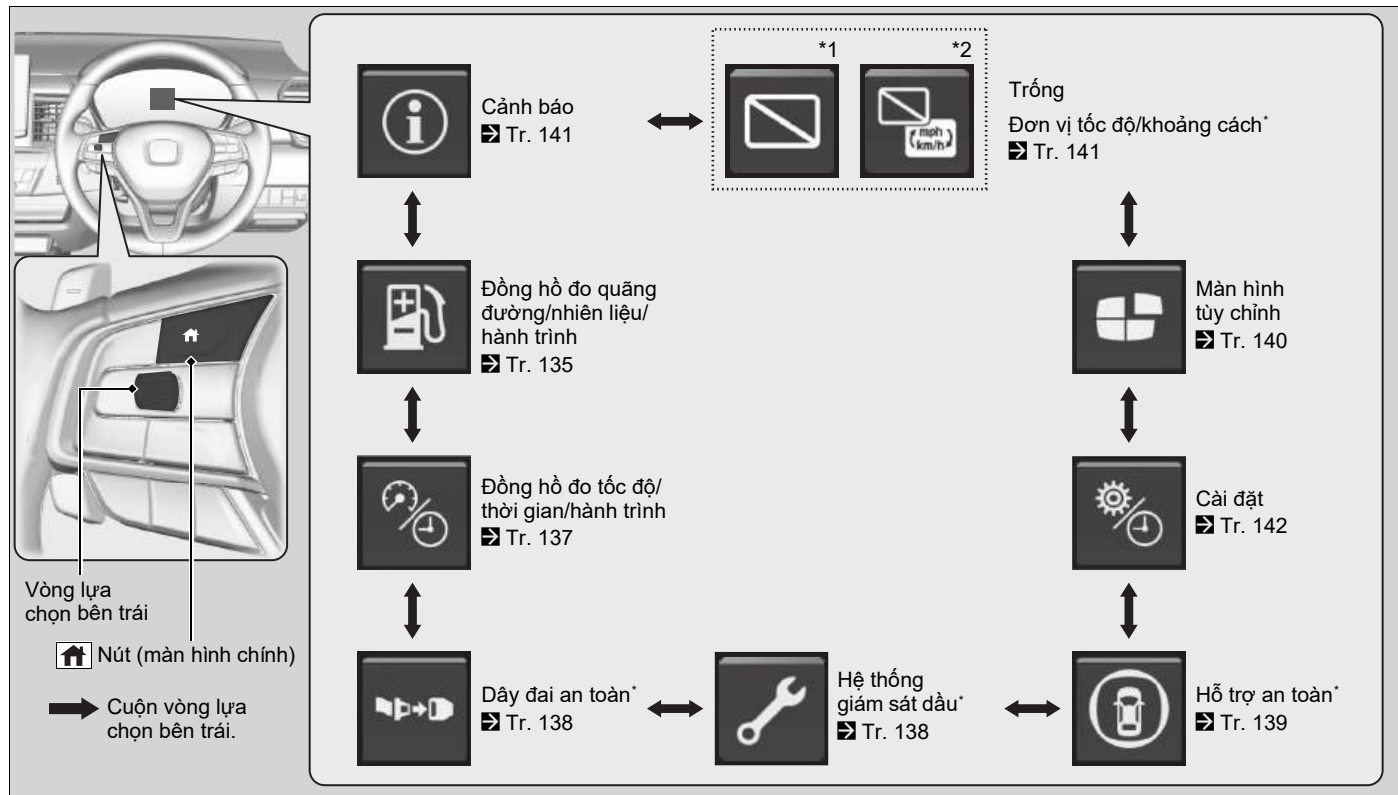
Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến nội dung mà bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

🔍 Chuyển đổi màn hình hiển thị

Để quay lại màn hình chính, hãy ấn nút  (màn hình chính).

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung khỏi màn hình giao diện thông tin cho người lái.

📖 **Customize Display (Màn hình tùy chỉnh)**
Tr. 140

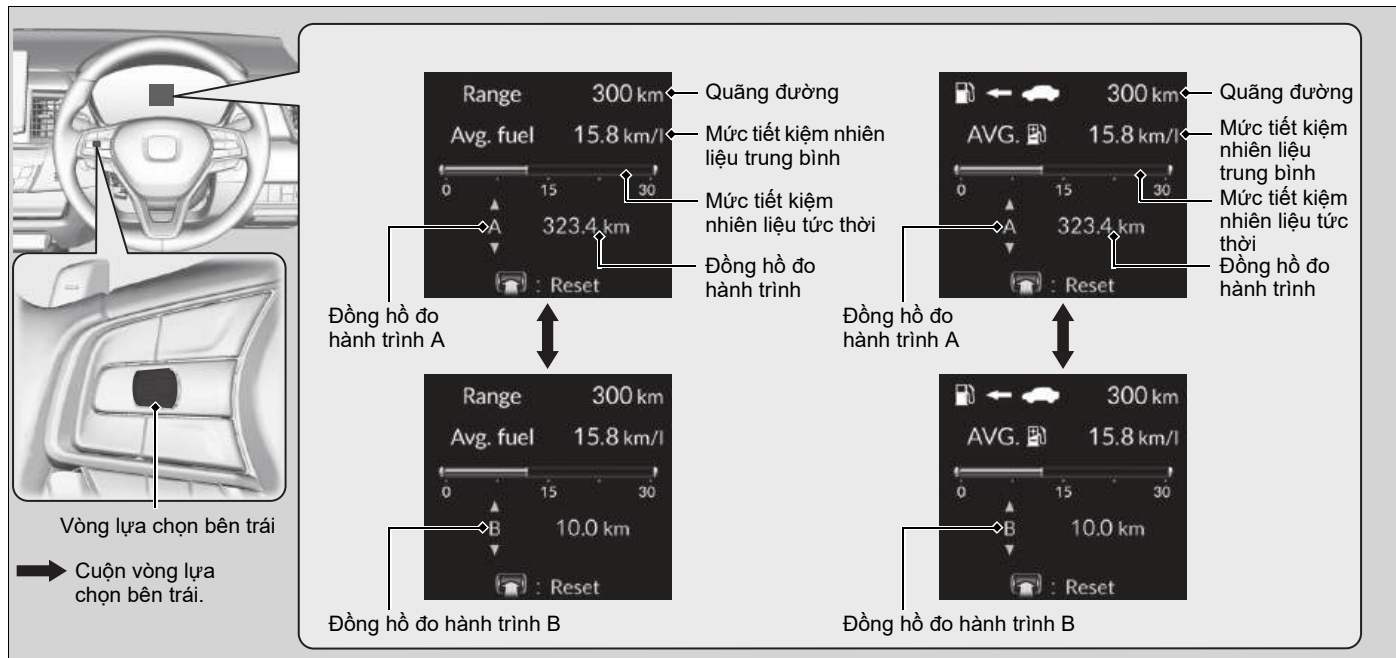


*1: Ngoại trừ loại xe tại Mexico

*2: Loại xe tại Mexico

■ Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái, sau đó chọn **Reset**.

► Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ 0.0.

■ Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình ước tính cho từng đồng hồ đo hành trình tính bằng km/l, l/100 km*, hoặc mpg (dặm/gallon)*.

Màn hình hiển thị được cập nhật tại những khoảng thời gian đã thiết lập. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ cột tính bằng km/l, l/100 km*, hoặc mpg (dặm/gallon)*.

■ Quãng đường

Hiển thị quãng đường ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại của xe.

►► Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo lường tiêu thụ nhiên liệu tính bằng km/l và l/100km.

► **Cài đặt** Tr. 142

►► Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình.

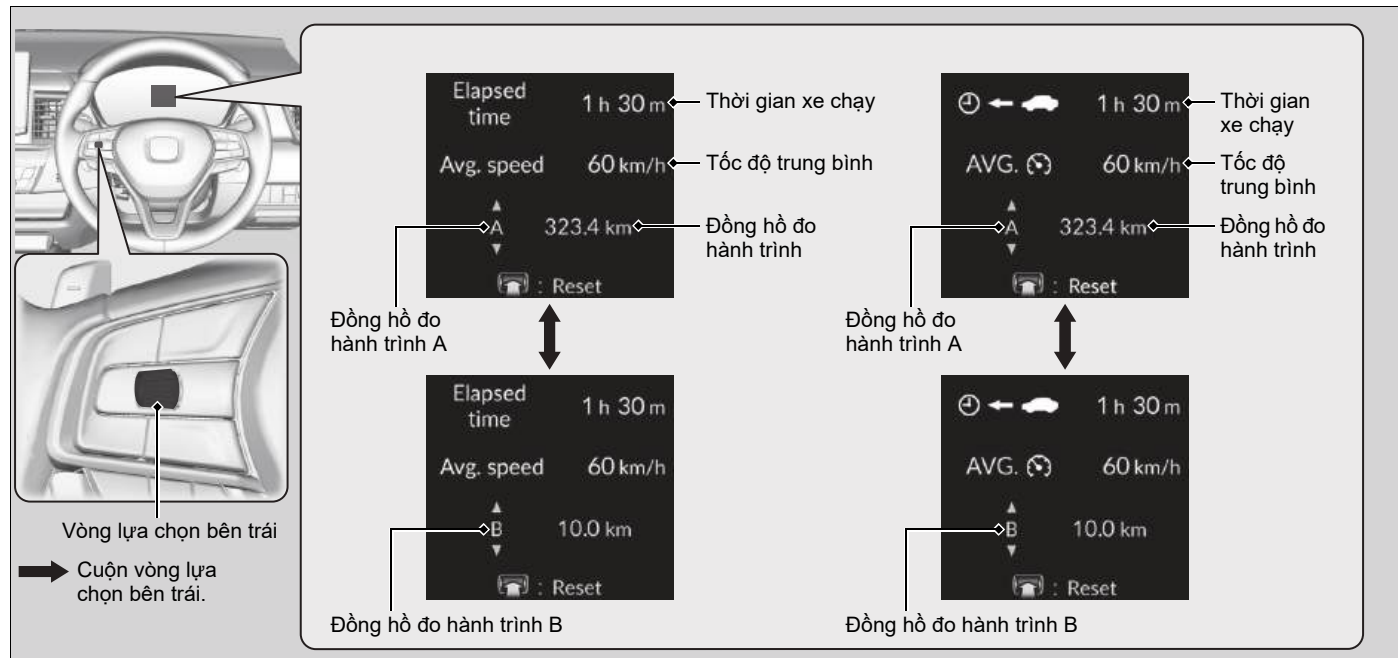
► **Cài đặt** Tr. 142

►► Quãng đường

Quãng đường di chuyển hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể đi được.

■ Đồng hồ đo tốc độ/thời gian/hành trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



■ Đồng hồ đo hành trình

► Đồng hồ đo hành trình Tr. 136

■ Thời gian xe chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

■ Tốc độ trung bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h từ lúc cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

■ Dây đai an toàn*

Xuất hiện trong những điều kiện cụ thể khi thắt hoặc tháo dây đai an toàn.

► Nhắc nhở dây đai an toàn Tr. 43

■ Hệ thống giám sát dầu*

Hiển thị hệ thống giám sát dầu.

► Hệ thống giám sát dầu* Tr. 397

►► Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

► Cài đặt Tr. 142

►► Tốc độ trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

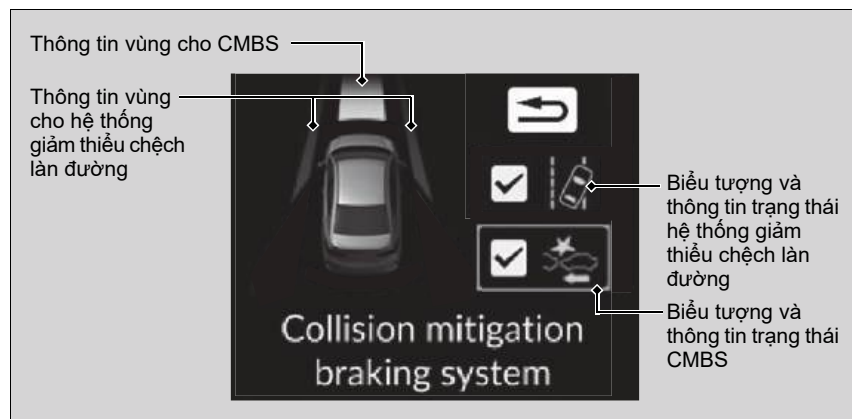
► Cài đặt Tr. 142

■ Hỗ trợ an toàn*

Cho biết trạng thái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và CMBS, chẳng hạn như Bật, Tắt, hoặc Lỗi bằng màu sắc và chữ.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu xám: Hệ thống tắt.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.



► Hỗ trợ an toàn*

Nếu hệ thống hiển thị màu hổ phách, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

► Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Tr. 325

► Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) Tr. 311

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo.

► Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách)* Tr. 122

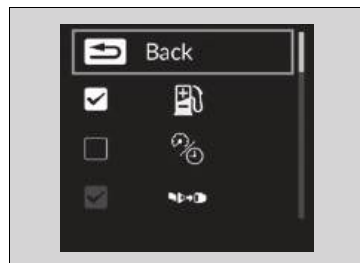
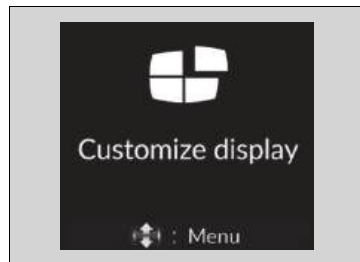
► Đèn báo giảm thiểu chệch làn đường (màu hổ phách)* Tr. 123

► Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách)* Tr. 124

► Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu xanh lục/màu xám)* Tr. 126

■ Customize Display (Màn hình tùy chỉnh)

Bạn có thể chọn các biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các biểu tượng.

» Customize Display (Màn hình tùy chỉnh)

Bạn không thể xóa các biểu tượng màu xám khỏi màn hình chính.

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi tùy chỉnh cài đặt, hãy sang số **P**.

Loại xe có hộp số sàn

Khi bạn tùy chỉnh cài đặt, hãy gài phanh đỗ.

■ Đơn vị tốc độ/khoảng cách*

Cho phép bạn hiển thị một đơn vị khác trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và cài đặt các thông số đo hiển thị ở dạng km và km/h hoặc dặm và mph (dặm/giờ).

Ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái khi bạn chọn màn hình  trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Mỗi lần bạn thực hiện thao tác này, đơn vị sẽ thay đổi từ km và km/h sang dặm và mph (dặm/giờ) hoặc ngược lại. Sau đó, một màn hình xác nhận sẽ xuất hiện trong vài giây.

■ Cảnh báo

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào đang hoạt động không.

» Cảnh báo

Nếu có nhiều cảnh báo, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

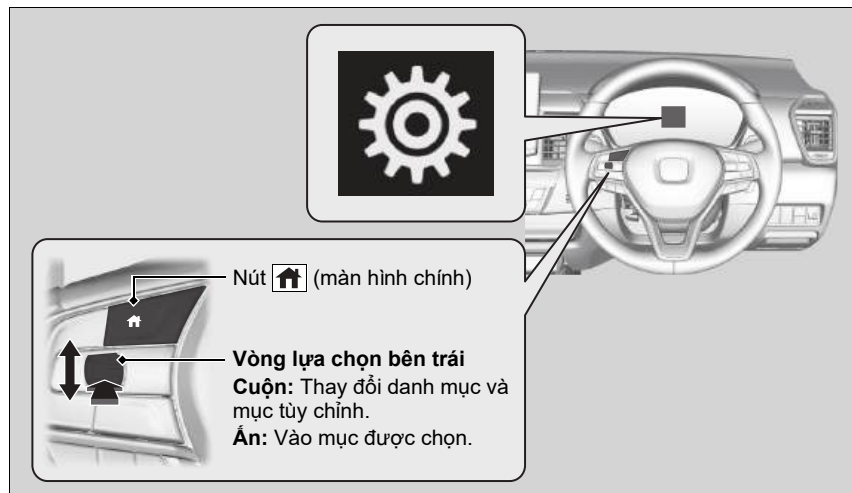
* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Cài đặt

Sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chỉnh một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chỉnh

Ấn nút  (màn hình chính), sau đó chọn màn hình  bằng cách cuộn vòng lựa chọn bên trái trong khi chế độ nguồn BẬT, xe đã dừng hẳn. Sau đó, ấn vòng lựa chọn bên trái.



►► Cài đặt

Để tùy chỉnh các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

► **Danh sách tùy chỉnh** Tr. 143

► **Ví dụ về các cài đặt tùy chỉnh** Tr. 153

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi tùy chỉnh cài đặt, hãy sang số **P**.

Loại xe có hộp số sàn

Khi bạn tùy chỉnh cài đặt, hãy gài phanh đỗ.

■ Danh sách tùy chỉnh

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Loại xe tại Mexico TPMS calibration (Hiệu chỉnh TPMS)	—	Khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp.	Loại xe tại Mexico Calibrate/Cancel (Hiệu chỉnh/Hủy)
Loại xe tại các quốc gia khác Deflation warning system* (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*)			Loại xe tại các quốc gia khác Initialise/Cancel (Khởi tạo/Hủy)
Clock setup (Thiết lập đồng hồ)	Adjust clock (Điều chỉnh đồng hồ)	Điều chỉnh thời gian. 🔘 Điều chỉnh đồng hồ Tr. 180	—
	Clock display (Màn hình đồng hồ)	Đặt định dạng hiển thị thời gian theo kiểu 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.	24h/12h*1/OFF (24h/12h*1/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Driver assist system setup* (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái*)	Forward collision warning distance (Khoảng cách cảnh báo va chạm phía trước)	Thay đổi khoảng cách mà Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) cảnh báo.	Long/Normal^{*1}/Short (Dài/Trung bình ^{*1} /Ngắn)
	Preceding vehicle proximity warning distance (Khoảng cách cảnh báo trạng thái gần với xe phía trước)		Far/Normal^{*1}/Near (Xa/Trung bình ^{*1} /Gần)
	ACC forward vehicle detect beep (Âm báo khi ACC phát hiện xe phía trước)	Kích hoạt hệ thống phát tiếng bíp khi phát hiện thấy xe hoặc khi xe nằm ngoài phạm vi của ACC.	ON/OFF ^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})
	ACC vehicle ahead detected beep (Âm báo khi ACC phát hiện có xe chạy phía trước)		
	Lead car departure notification system (Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành)	Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành.	Normal^{*1}/Early/OFF (Bình thường ^{*1} /Sớm/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Driver assist system setup* (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái*)	Road departure mitigation setting (Cài đặt giảm thiểu chệch làn đường)	Thay đổi cài đặt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.	Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal Early/Normal/Delayed ^{*1} (Sớm/Bình thường/Muộn ^{*1})
	Lane keeping assist suspend beep (Tiếng bíp tạm dừng hỗ trợ giữ làn đường)	Kích hoạt hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị tạm dừng.	Ngoại trừ loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal Narrow/Normal ^{*1} / Wide/Warning only (Hẹp/Trung bình ^{*1} /Rộng/Chỉ cảnh báo) Early/Normal ^{*1} / Delayed/Warning only (Sớm/Bình thường ^{*1} /Muộn/Chỉ cảnh báo)
	Lane keep assist beep (Tiếng bíp hỗ trợ giữ làn đường)		ON/OFF ^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Meter setup (Cài đặt đồng hồ đo)	Language selection* (Lựa chọn ngôn ngữ)	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.	English/Français/Español*¹ (Tiếng Anh/Tiếng Pháp/Tiếng Tây Ban Nha* ¹)
	Adjust outside temp. Display (Màn hình điều chỉnh nhiệt độ ngoài trời)	Điều chỉnh chỉ số đo nhiệt độ tăng giảm một vài độ.	-3°C ~ ±0°C*¹ ~ +3°C
	“Trip A” reset timing (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình A”)	Thay đổi cài đặt về cách đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A.	When fully refueled/IGN OFF/Manually reset*¹ (Khi được đổ đầy nhiên liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Đặt lại thủ công* ¹) When fully refueled/When ignition is turned OFF/ Manual reset*¹ (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công* ¹)
	“Trip B” reset timing (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình B”)	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B.	When fully refueled/IGN OFF/Manually reset*¹ (Khi được đổ đầy nhiên liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Đặt lại thủ công* ¹) When fully refueled/When ignition is turned OFF/ Manual reset*¹ (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công* ¹)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Meter setup (Cài đặt đồng hồ đo)	Adjust alarm volume (Điều chỉnh âm lượng cảnh báo)	Thay đổi âm lượng cảnh báo, chẳng hạn như tiếng còi báo, âm thanh cảnh báo, tiếng xi nhan, v.v.	High/Mid^{*1}/Low (Cao/Trung bình ^{*1} /Thấp)
	Alarm volume control (Kiểm soát âm lượng cảnh báo)		Max/Mid^{*1}/Min (Tối đa/Vừa ^{*1} /Tối thiểu)
	Fuel efficiency backlight* (Đèn nền hiệu suất nhiên liệu*)	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Rear seat reminder (Nhắc ghế sau)	Bật và tắt tính năng nhắc ghế sau.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Speed/distance units* (Đơn vị tốc độ/khoảng cách*)	Chọn đơn vị tốc độ/khoảng cách.	mph·miles/km/h·km^{*1} (dặm/giờ·dặm/km/giờ·km ^{*1})
	Fuel economy unit* (Đơn vị tính mức tiết kiệm nhiên liệu*)	Chọn đơn vị tính mức tiết kiệm nhiên liệu.	km/l, l/100 km (Cài đặt mặc định thay đổi tùy từng loại xe.)

*1: Cài đặt mặc định

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Keyless access setup* (Cài đặt mở cửa không chìa khóa*)	Door unlock mode* (Chế độ mở khóa cửa*)	Thay đổi cửa sẽ được mở khóa khi nắm tay nắm cửa người lái.	Driver door only*¹/All doors (Chỉ cửa người lái* ¹ /Tất cả các cửa)
	Keyless access beep volume (Âm lượng tiếng bíp mở cửa không chìa khóa)	Thay đổi âm tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước.	High*¹/Low (Cao* ¹ /Thấp)
	Keyless access light flash* (Nháy đèn khi mở cửa không chìa khóa*)	Kích hoạt một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa các cửa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Keyless access beep (Tiếng bíp mở cửa không chìa khóa)	Kích hoạt tiếng bíp vang lên khi mở khóa/khóa các cửa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Remote start system ON/OFF* (BẬT/TẮT* hệ thống khởi động từ xa)	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Lighting setup (Cài đặt chiếu sáng)	Auto high-beam* (Đèn pha thích ứng tự động*)	Bật và tắt đèn pha thích ứng tự động.	ON^{*1}/OFF (BẬT^{*1}/TẮT)
	Auto High-Beam* (Đèn pha thích ứng tự động*)		
	Interior light dimming time (Thời gian mờ của đèn trong xe)	Thay đổi thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa.	60sec/30sec^{*1}/15sec (60 giây/30 giây ^{*1} /15 giây)
	Interior light dimmer duration (Thời gian chỉnh độ sáng đèn trong xe)		
	Headlight auto off timer (Hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng)	Thay đổi thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái.	60sec/30sec/15sec^{*1}/0sec (60 giây/30 giây/15 giây ^{*1} /0 giây)
	Headlight auto OFF timer (Hẹn giờ tự động TẮT đèn chiếu sáng)		
	Auto light sensitivity* (Độ nhạy đèn tự động*)	Thay đổi thời điểm đèn chiếu sáng bật sáng.	Max/High/Mid^{*1}/Low/Min (Tối đa/Cao/Trung bình ^{*1} /Thấp/Tối thiểu)

*1: Cài đặt mặc định

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Lighting setup (Cài đặt chiếu sáng)	Auto interior illumination sensitivity (Độ nhạy cường độ sáng trong xe tự động)	Thay đổi độ nhạy của độ sáng bằng điều khiển khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG).	Max/High/Mid^{*1}/Low/Min (Tối đa/Cao/Trung bình ^{*1} /Thấp/Tối thiểu)
	Instrument illumination sensitivity (Độ nhạy cường độ sáng bằng điều khiển)		
	Auto headlight ON with wiper ON (Tự động BẬT đèn chiếu sáng khi BẬT cần gạt nước) Headlight integration with wipers (Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước)	Thay đổi cài đặt hoạt động của cần gạt nước khi các đèn chiếu sáng tự động bật sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG).	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Door setup (Cài đặt cửa)	Auto door lock* (Khóa cửa tự động*)	Thay đổi cài đặt về thời điểm các cửa tự động khóa.	With vehicle speed*¹/Shift from P*²/OFF (Theo tốc độ xe* ¹ /Sang số từ P* ² /TẮT)
	Auto door unlock* (Mở khóa cửa tự động*)	Thay đổi cài đặt khi mở khóa các cửa tự động.	Shift to P*²,*³/IGN OFF*⁴/OFF (Sang số P* ² ,* ³ /TẮT KHÓA ĐIỆN* ⁴ /TẮT)
	Key and remote unlock mode* (Chế độ mở khóa bằng chìa khóa và điều khiển từ xa*)	Cài đặt để chỉ mở khóa cửa người lái hoặc tất cả các cửa trong lần thao tác đầu tiên trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc chìa khóa tích hợp.	Driver door*¹/All doors (Cửa người lái* ¹ /Tất cả các cửa)
	Walk away auto lock* (Tự động khóa khi rời khỏi xe*) Walk away lock* (Khóa khi rời khỏi xe)	Thay đổi cài đặt chức năng tự động khóa khi bạn rời khỏi xe trong khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.	ON/OFF *¹ (BẬT/TẮT* ¹)

*1: Cài đặt mặc định

*2: Loại xe có hộp số vô cấp

*3: Cài đặt mặc định cho loại xe có hộp số vô cấp

*4: Cài đặt mặc định cho loại xe có hộp số sàn

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Door setup (Cài đặt cửa)	Keyless lock answer back (Phản hồi xác nhận khóa không chìa khóa)	KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy. KHOÁ (ấn lần 2) - Tiếng bíp vang lên.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Keyless lock notification (Thông báo khóa không chìa khóa)		
	Security relock timer (Hẹn giờ khóa lại an toàn)	Thay đổi thời gian để các cửa tự động khóa lại và hệ thống an ninh thiết lập sau khi bạn mở khóa xe mà không mở bất kỳ cửa nào.	90sec/60sec/30sec^{*1} (90 giây/60 giây/30 giây ^{*1})
	Auto folding door mirror[*] (Tự động cụp gương cửa [*])	Thay đổi cách cụp gương cửa.	Auto fold with keyless^{*1}/ Manual only (Tự động cụp bằng chìa khóa điều khiển từ xa ^{*1} /Chỉ thủ công)
Maintenance reset[*] (Đặt lại bảo dưỡng [*])	—	Đặt lại thông tin hệ thống giám sát dầu ^{*2} / màn hình hiển thị thông báo nhắc bảo dưỡng ^{*3} khi bạn đã thực hiện dịch vụ bảo dưỡng.	Cancel/Reset (Hủy/Cài đặt lại)
Default all (Mặc định cho tất cả)	—	Hủy các thay đổi tùy chỉnh mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục lại về cài đặt mặc định.	Cancel/Set (Hủy/Thiết lập) Cancel/OK (Hủy/OK)

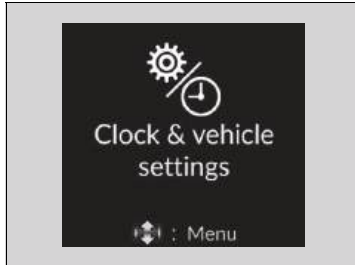
*1: Cài đặt mặc định

*2: Loại xe tại Thái Lan

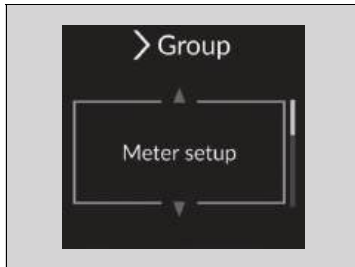
*3: Loại xe tại Mexico

■ Ví dụ về các cài đặt tùy chỉnh

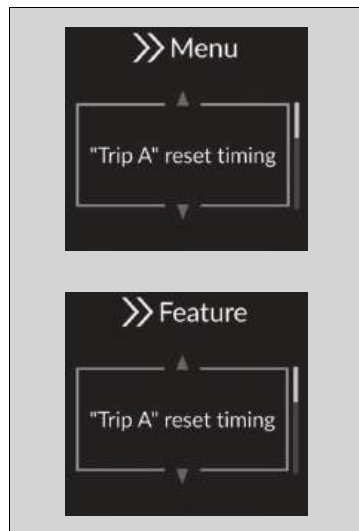
Các bước thay đổi cài đặt “**Trip A**” **reset timing** (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình A”) thành **When fully refueled** (Khi được đổ đầy nhiên liệu) được minh họa như bên dưới. Cài đặt mặc định cho “**Trip A**” **reset timing** (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình A”) là **Manually reset/Manual reset** (Đặt lại thủ công).



1. Ấn nút  (màn hình chính) và cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

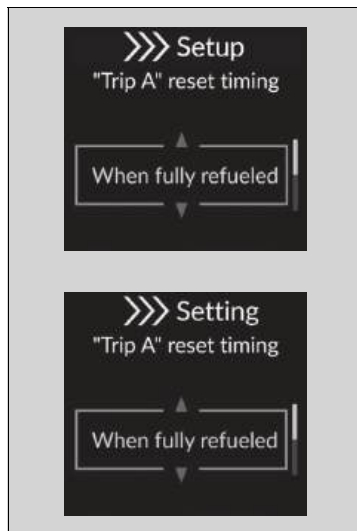


2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Meter setup** (Cài đặt đồng hồ đo) xuất hiện trên màn hình hiển thị.
3. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

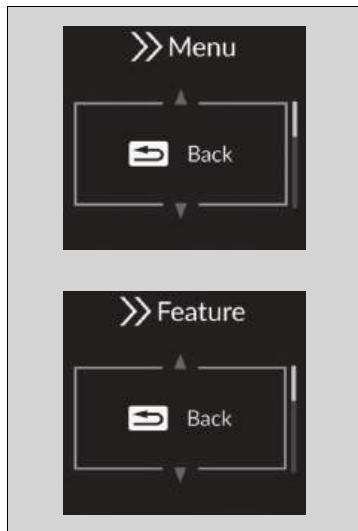


4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **"Trip A" reset timing** (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành trình A") xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình chuyển sang màn hình cài đặt tùy chỉnh, tại đây bạn có thể chọn **When fully refueled, IGN OFF/When ignition is turned OFF, Manually reset/Manual reset** (Khi được đổ đầy nhiên liệu, TẮT KHÓA ĐIỆN/Khi TẮT khóa điện, Đặt lại thủ công), hoặc **Back** (Quay lại).



5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **When Fully Refueled** (Khi được đổ đầy nhiên liệu), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
- Màn hình quay trở về màn hình danh mục tùy chọn.



6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Back** (Quay lại) xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Lặp lại bước 6 cho đến khi trở về màn hình bình thường.

Màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)*

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiết kiệm nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo và các thông tin hữu ích khác.

Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý để kiểm tra xe nếu cần thiết. Hãy tham khảo các trang sau nếu xuất hiện thông báo **Engine Oil Pressure Low** (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine Temperature Too Hot** (Nhiệt độ động cơ quá cao).

📖 Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện Tr. 498

📖 Quá nhiệt Tr. 493

■ Chuyển đổi màn hình hiển thị

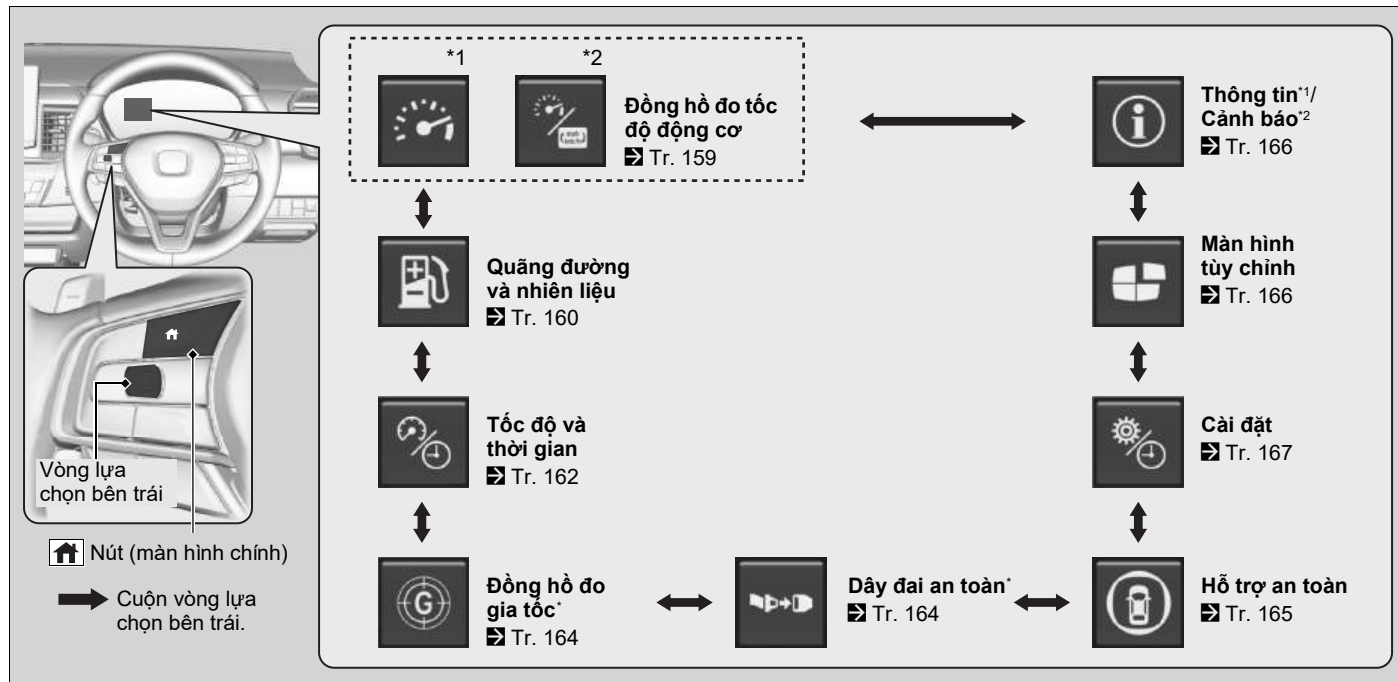
Ấn nút  (màn hình chính), sau đó cuộn vòng lựa chọn bên trái để cuộn đến nội dung mà bạn muốn xem. Ấn vòng lựa chọn bên trái để xem thông tin chi tiết.

►► Chuyển đổi màn hình hiển thị

Để quay lại màn hình chính, hãy ấn nút  (màn hình chính).

Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung khỏi màn hình giao diện thông tin cho người lái.

📖 **Customize Display (Màn hình tùy chỉnh)**
Tr. 166



*1: Ngoại trừ loại xe tại Mexico

*2: Loại xe tại Mexico

■ Đồng hồ đo tốc độ động cơ

Hiện thị số vòng quay của động cơ trên phút và các nội dung khác sẽ bị ẩn.

Loại xe tại Mexico

■ Đơn vị tốc độ/khoảng cách

Cho phép bạn hiển thị một đơn vị khác trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và cài đặt các thông số đo hiển thị ở dạng kilomet hoặc dặm, km/h hoặc mph (dặm/giờ).

Ấn và giữ vòng lựa chọn bên trái khi bạn chọn **Đồng hồ đo tốc độ động cơ** trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Mỗi lần bạn thực hiện thao tác này, đơn vị sẽ thay đổi từ kilomet, km/h sang dặm, mph (dặm/giờ) hoặc ngược lại. Sau đó, một màn hình xác nhận sẽ xuất hiện trong vài giây.

☒ Đồng hồ đo tốc độ động cơ

Có thể bật và tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ bằng cách sử dụng **Cài đặt**.

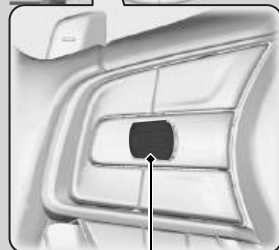
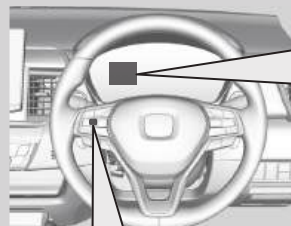
➡ **Cài đặt** Tr. 167

Ngay cả khi bạn đã tắt đồng hồ đo tốc độ động cơ bằng **Cài đặt**, nếu mục **Đồng hồ đo tốc độ động cơ** được chọn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, màn hình sẽ chuyển sang chỉ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ.

➡ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 157

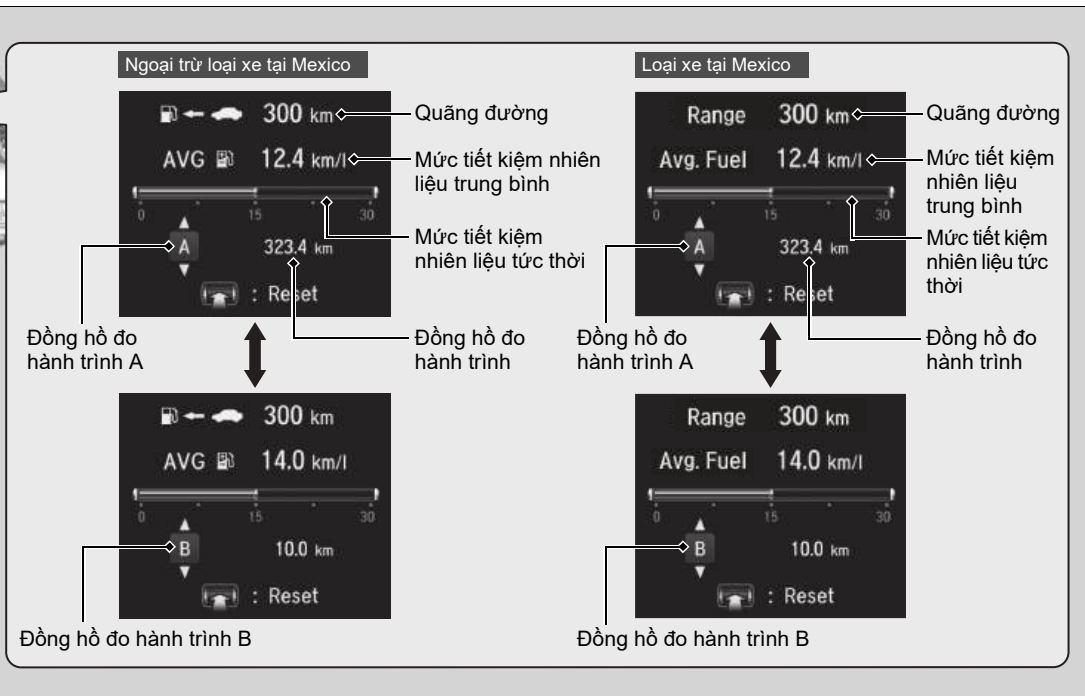
■ Đồng hồ đo quãng đường/nhiên liệu/hành trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



Vòng lựa chọn bên trái

➡ Cuộn vòng lựa chọn bên trái.



■ Đồng hồ đo hành trình

Hiển thị tổng số km hoặc dặm* đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn vòng lựa chọn bên trái, sau đó chọn **Reset**.

► Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình ước tính cho từng đồng hồ đo hành trình tính bằng km/l*, l/100 km* hoặc mpg (dặm/gallon)*.

Màn hình hiển thị được cập nhật tại những khoảng thời gian đã thiết lập. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ cột tính bằng km/l*, l/100 km* hoặc mpg (dặm/gallon)*.

■ Quãng đường

Hiển thị quãng đường ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại của xe.

►► Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình.

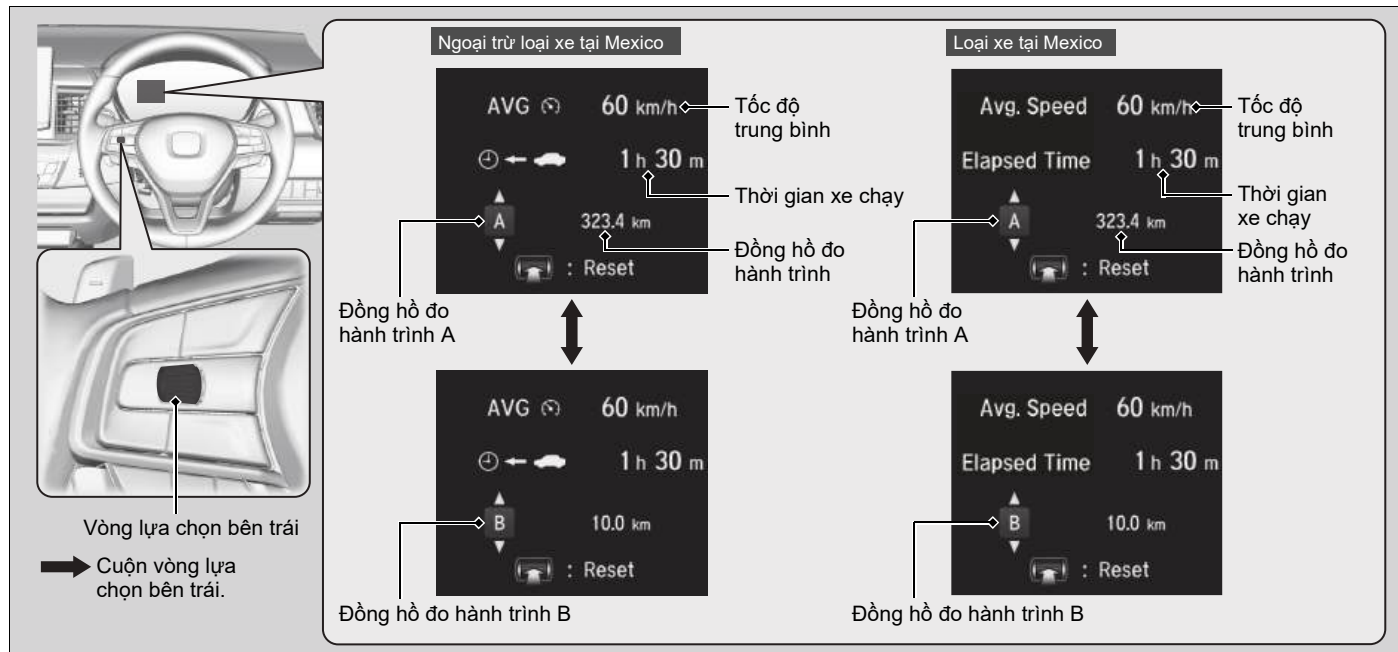
► Cài đặt Tr. 167

►► Quãng đường

Quãng đường di chuyển hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể đi được.

■ Đồng hồ đo tốc độ/thời gian/hành trình

Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.



■ Đồng hồ đo hành trình

📏 Đồng hồ đo hành trình Tr. 161

■ Thời gian xe chạy

Hiển thị thời gian xe chạy từ lần gần nhất cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

■ Tốc độ trung bình

Hiển thị tốc độ trung bình tính bằng km/h hoặc dặm/giờ* từ lần gần nhất cài đặt lại Hành trình A hoặc Hành trình B.

⌘ Thời gian xe chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian xe chạy.

📏 Cài đặt Tr. 167

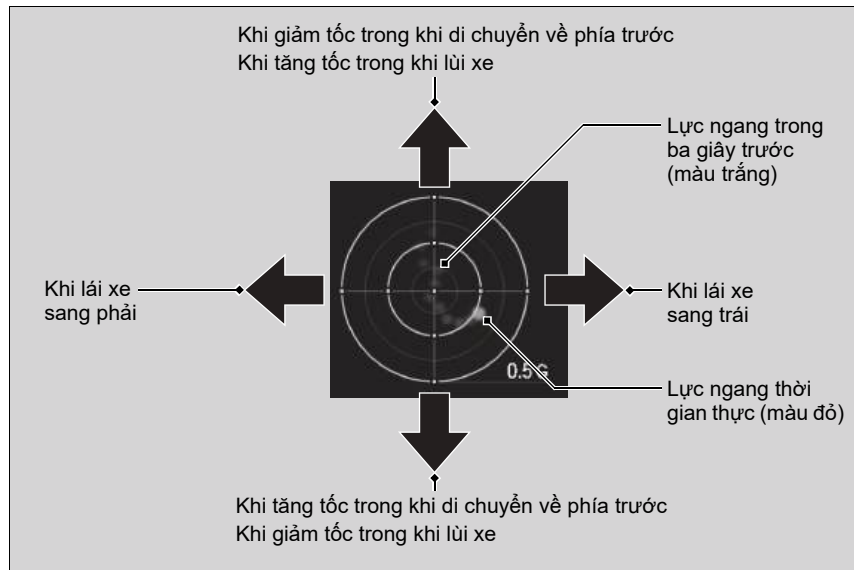
⌘ Tốc độ trung bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

📏 Cài đặt Tr. 167

■ Đồng hồ đo gia tốc*

Hiển thị độ lớn (lực gia tốc) và hướng của tải trọng tác động lên xe trong khi lái.



■ Dây đai an toàn*

Xuất hiện trong những điều kiện cụ thể khi thắt hoặc tháo dây đai an toàn.

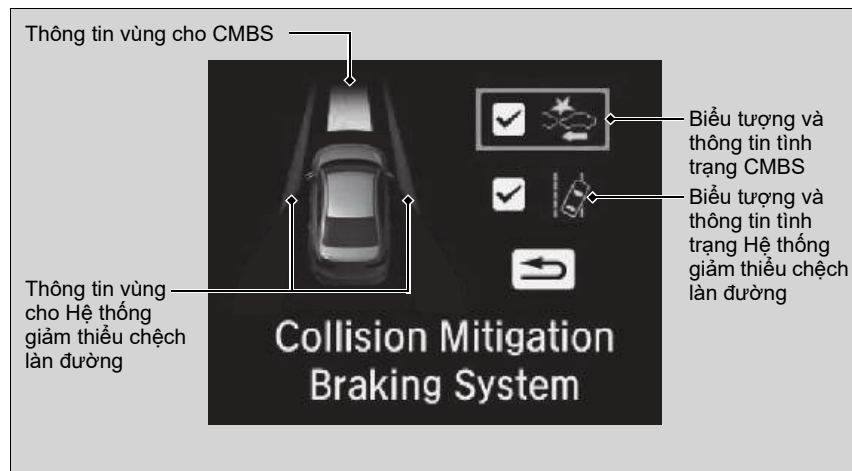
☒ **Nhắc thất dây đai an toàn** Tr. 43

■ Hỗ trợ an toàn

Cho biết tình trạng của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường và CMBS, chẳng hạn như Bật, Tắt, hoặc Lỗi, bằng màu sắc và chữ.

Các màu sắc sau đây biểu thị tình trạng của bất kỳ hệ thống nào được đề cập ở trên:

- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu xám: Hệ thống tắt.
- Màu hổ phách: Hệ thống có sự cố.



■ Hỗ trợ an toàn

Nếu hệ thống hiển thị màu hổ phách, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy xoay vòng lựa chọn bên trái để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

► Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Tr. 325

► Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) Tr. 311

Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng thông qua màu sắc của đèn báo.

► Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách)* Tr. 122

► Đèn báo Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu xám)* Tr. 122

► Đèn báo giảm thiểu chệch làn đường (màu hổ phách)* Tr. 123

► Đèn báo giảm thiểu chệch làn đường (màu xám)* Tr. 123

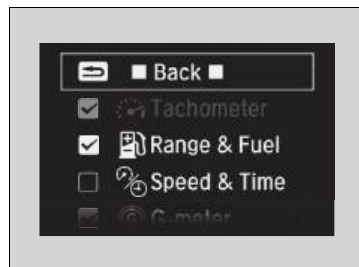
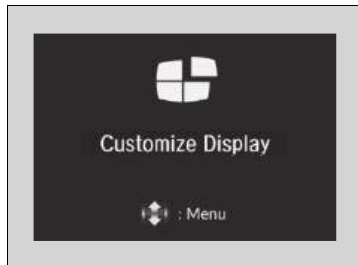
► Đèn báo Tự động TẮT tính năng Hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường* Tr. 123

► Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách)* Tr. 124

► Đèn báo hỗ trợ an toàn (màu xanh lục/màu xám)* Tr. 126

■ Customize Display (Màn hình tùy chỉnh)

Bạn có thể chọn các biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.



1. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Customize Display** (Màn hình tùy chỉnh), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái.
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi biểu tượng, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để chọn hoặc bỏ chọn các biểu tượng.

■ Information (Thông tin)*1/Warnings (Cảnh báo)*2

Bạn có thể kiểm tra xem có thông báo cảnh báo nào đang hoạt động không.

*1 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico

*2 : Loại xe tại Mexico

►► Customize Display (Màn hình tùy chỉnh)

Bạn không thể xóa các biểu tượng màu xám khỏi màn hình chính.

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi tùy chỉnh cài đặt, hãy sang số **[P]**.

Loại xe có hộp số sàn

Khi bạn tùy chỉnh cài đặt, hãy gài phanh đỗ.

►► Information (Thông tin)*1/Warnings (Cảnh báo)*2

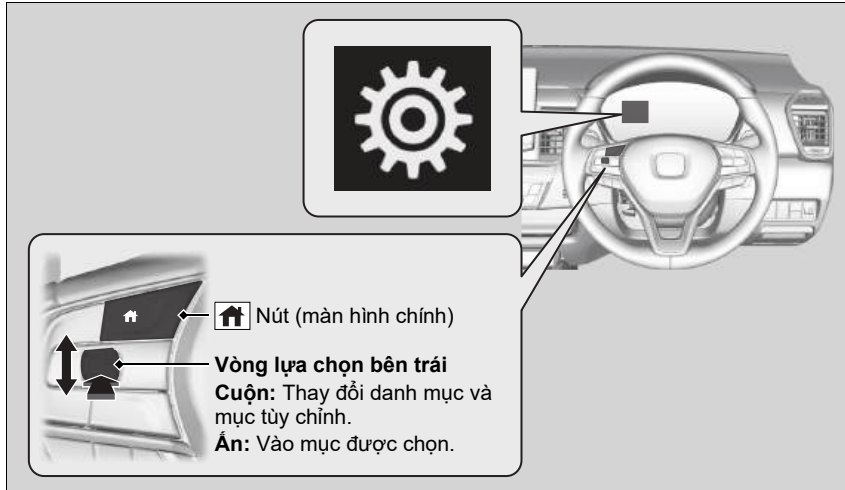
Nếu có nhiều cảnh báo hoặc thông tin, bạn có thể cuộn vòng lựa chọn bên trái để xem các cảnh báo khác.

■ Cài đặt

Sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chỉnh một số tính năng cụ thể.

■ Cách tùy chỉnh

Ấn nút  (màn hình chính), sau đó chọn màn hình  bằng cách cuộn vòng lựa chọn bên trái trong khi chế độ nguồn ở BẬT, xe đã dừng hẳn. Sau đó, ấn vòng lựa chọn bên trái.



► Cài đặt

Để tùy chỉnh các tính năng khác, cuộn vòng lựa chọn bên trái.

► **Danh sách tùy chỉnh** Tr. 168

► **Ví dụ về các cài đặt tùy chỉnh** Tr. 177

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi tùy chỉnh cài đặt, hãy sang số **P**.

Loại xe có hộp số sàn

Khi bạn tùy chỉnh cài đặt, hãy gài phanh đỗ.

■ Danh sách tùy chỉnh

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Ngoại trừ loại xe tại Mexico Deflation Warning System* (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*) Loại xe tại Mexico TPMS Calibration (Hiệu chỉnh TPMS)	—	Khởi tạo hệ thống cảnh báo xẹp lốp.	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Initialise/Cancel (Khởi tạo/Hủy) Loại xe tại Mexico Calibrate/Cancel (Hiệu chỉnh/Hủy)
	Clock Adjustment (Điều chỉnh đồng hồ)	Điều chỉnh thời gian. 🔘 Điều chỉnh đồng hồ Tr. 180	—
Clock Setup (Thiết lập đồng hồ)	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Clock Display (Màn hình đồng hồ) Loại xe tại Mexico Clock Format (Định dạng đồng hồ)	Đặt định dạng hiển thị thời gian theo kiểu 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.	24h/12h^{*1}/OFF (24h/12h ^{*1} /TẮT)
Driver Assist System Setup (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái)	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Preceding Vehicle Proximity Warning Distance (Khoảng cách cảnh báo trạng thái gần với xe phía trước) Loại xe tại Mexico Forward Collision Warning Distance (Khoảng cách cảnh báo va chạm phía trước)	Thay đổi khoảng cách mà Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) cảnh báo.	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Far/Normal^{*1}/Near (Xa/Trung bình^{*1}/Gần) Loại xe tại Mexico Long/Normal^{*1}/Short (Dài/Trung bình^{*1}/Ngắn)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Driver Assist System Setup (Cài đặt hệ thống hỗ trợ người lái)	Ngoại trừ loại xe tại Mexico ACC Vehicle Ahead Detected Beep (Âm báo khi ACC phát hiện có xe chạy phía trước)	Kích hoạt hệ thống phát tiếng bip khi phát hiện thấy xe hoặc khi xe nằm ngoài phạm vi của ACC.	ON/OFF^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})
	Loại xe tại Mexico ACC Forward Vehicle Detect Beep (Âm báo khi ACC phát hiện xe phía trước)		
	Road Departure Mitigation Setting (Cài đặt giảm thiểu chệch làn đường)	Thay đổi cài đặt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.	Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal Early/Normal/Delayed^{*1} (Sớm/Bình thường/Muộn ^{*1}) Loại xe tại Mexico Narrow/Normal^{*1}/Wide/Warning Only (Hẹp/Trung bình ^{*1} /Rộng/Chỉ cảnh báo) Loại xe tại các quốc gia khác Early/Normal^{*1}/Delayed/Warning Only^{*2} (Sớm/Bình thường ^{*1} /Muộn/Chỉ cảnh báo ^{*2})
	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Lane Keep Assist Beep (Tiếng bip hỗ trợ giữ làn đường)	Kích hoạt hệ thống phát ra tiếng bip khi LKAS bị tạm dừng.	ON/OFF^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})
	Loại xe tại Mexico Lane Keeping Assist Suspend Beep (Tiếng bip tạm dừng hỗ trợ giữ làn đường)		
	Lead Car Departure Notification System* (Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*)	Thay đổi cài đặt cho hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành.	Normal^{*1}/Early/OFF (Bình thường ^{*1} /Sớm/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

*2: Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Meter Setup (Cài đặt đồng hồ đo)	Loại xe tại Mexico Language Selection (Lựa chọn ngôn ngữ)	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.	Loại xe tại Mexico English/Français/Español ^{*1} (Tiếng Anh/Tiếng Pháp/Tiếng Tây Ban Nha ^{*1})
	Loại xe tại Trung Đông Language		Loại xe tại Trung Đông ENGLISH/Arabic ^{*1} (TIẾNG ANH/Tiếng Ả Rập ^{*1})
	Adjust Outside Temp. Display (Màn hình điều chỉnh nhiệt độ ngoài trời)	Điều chỉnh chỉ số đo nhiệt độ tăng giảm một vài độ.	-3°C ~ ±0°C^{*1} ~ +3°C
	“Trip A” Reset Timing (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình A”)	Thay đổi cài đặt về cách đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A.	Ngoại trừ loại xe tại Mexico When Fully Refueled/When Ignition Is Turned OFF/Manual Reset ^{*1} (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công ^{*1})
			Loại xe tại Mexico When Fully Refueled/IGN OFF/Manually Reset ^{*1} (Khi được đổ đầy nhiên liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Đặt lại thủ công ^{*1})
	“Trip B” Reset Timing (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình B”)	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B.	Ngoại trừ loại xe tại Mexico When Fully Refueled/When Ignition Is Turned OFF/Manual Reset ^{*1} (Khi được đổ đầy nhiên liệu/Khi TẮT khóa điện/Đặt lại thủ công ^{*1})
			Loại xe tại Mexico When Fully Refueled/IGN OFF/Manually Reset ^{*1} (Khi được đổ đầy nhiên liệu/TẮT KHÓA ĐIỆN/Đặt lại thủ công ^{*1})

*1: Cài đặt mặc định

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Meter Setup (Cài đặt đồng hồ đo)	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Alarm Volume Control (Kiểm soát âm lượng cảnh báo)	Thay đổi âm lượng cảnh báo, chẳng hạn như tiếng còi báo, âm thanh cảnh báo, tiếng xi nhan, v.v.	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Max/Mid*¹/Min (Tối đa/Vừa* ¹ /Tối thiểu)
	Loại xe tại Mexico Adjust Alarm Volume (Điều chỉnh âm lượng cảnh báo)		Loại xe tại Mexico High/Mid*¹/Low (Cao/Trung bình* ¹ /Thấp)
	Fuel Efficiency Backlight* (Đèn nền hiệu suất nhiên liệu*)	Bật và tắt tính năng đèn viền đồng hồ.	ON*¹/OFF (BẬT*¹/TẮT)
	Rear Seat Reminder (Nhắc ghế sau)	Bật và tắt tính năng nhắc ghế sau.	ON*¹/OFF (BẬT*¹/TẮT)
	Speed/Distance Units* (Đơn vị tốc độ/khoảng cách*)	Chọn đơn vị tốc độ/khoảng cách.	km/h·km*¹/mph·miles (km/giờ·km* ¹ /dặm/giờ·dặm)
	Tachometer (Đồng hồ đo tốc độ động cơ)	Chọn xem đồng hồ đo tốc độ động cơ có hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái hay không.	ON*¹/OFF (BẬT*¹/TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Keyless access setup (Cài đặt mở cửa không chìa khóa)	Door Unlock Mode* (Chế độ mở khóa cửa*)	Thay đổi cửa sẽ được mở khóa khi nắm tay nắm cửa người lái.	Driver Door Only*¹/All Doors (Chỉ cửa người lái* ¹ /Tất cả các cửa)
	Keyless Access Beep Volume (Âm lượng tiếng bíp mở cửa không chìa khóa)	Thay đổi âm tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước.	High*¹/Low (Cao* ¹ /Thấp)
	Keyless Access Light Flash* (Nháy đèn khi mở cửa không chìa khóa*)	Kích hoạt một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi mở khóa/khóa các cửa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Keyless Access Beep (Tiếng bíp mở cửa không chìa khóa)	Kích hoạt tiếng bíp vang lên khi mở khóa/khóa các cửa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Remote Start System ON/OFF* (BẬT/TẮT* hệ thống khởi động từ xa)	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Lighting Setup (Cài đặt chiếu sáng)	Auto High-Beam (Đèn pha thích ứng tự động)	Bật và tắt đèn pha thích ứng tự động.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Interior Light Dimmer Duration (Thời gian chỉnh độ sáng đèn trong xe)	Thay đổi thời gian sáng của các đèn trong xe sau khi bạn đóng các cửa.	60sec/30sec^{*1}/15sec (60 giây/30 giây ^{*1} /15 giây)
	Loại xe tại Mexico Interior Light Dimming Time (Thời gian mờ của đèn trong xe)		
	Headlight Auto OFF Timer (Hẹn giờ tự động TẮT đèn chiếu sáng)	Thay đổi thời gian sáng của các đèn ngoài xe sau khi bạn đóng cửa người lái.	60sec/30sec/15sec^{*1}/0sec (60 giây/30 giây/15 giây ^{*1} /0 giây)
	Auto Light Sensitivity[*] (Độ nhạy đèn tự động [*])	Thay đổi thời điểm đèn chiếu sáng bật sáng.	Max/High/Mid^{*1}/Low/Min (Tối đa/Cao/Trung bình ^{*1} /Thấp/Tối thiểu)
	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Instrument Illumination Sensitivity (Độ nhạy cường độ sáng bảng điều khiển)	Thay đổi độ nhạy của độ sáng bảng điều khiển khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG).	Max/High/Mid^{*1}/Low/Min (Tối đa/Cao/Trung bình ^{*1} /Thấp/Tối thiểu)
	Loại xe tại Mexico Auto interior illumination sensitivity (Độ nhạy cường độ sáng trong xe tự động)		

*1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Lighting Setup (Cài đặt chiếu sáng)	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Headlight Integration With Wipers (Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước)	Thay đổi cài đặt hoạt động của cần gạt nước khi các đèn chiếu sáng tự động bật sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO (TỰ ĐỘNG).	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Loại xe tại Mexico Auto Headlight ON With Wiper ON (Tự động BẬT đèn chiếu sáng khi BẬT cần gạt nước)		

*1: Cài đặt mặc định

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Door Setup (Cài đặt cửa)	Auto Door Lock* (Khóa cửa tự động*)	Thay đổi cài đặt về thời điểm các cửa tự động khóa.	With Vehicle Speed*¹/Shift From P²/OFF (Theo tốc độ xe* ¹ / Sang số từ P ² /TẮT)
	Auto Door Unlock* (Mở khóa cửa tự động*)	Thay đổi cài đặt khi mở khóa các cửa tự động.	Shift To P², *³/IGN OFF⁴/OFF (Sang số P ² , * ³ /TẮT KHÓA ĐIỆN ⁴ /TẮT)
	Key And Remote Unlock Mode* (Chế độ mở khóa bằng chìa khóa và điều khiển từ xa*)	Cài đặt để chỉ mở khóa cửa người lái hoặc tất cả các cửa trong lần thao tác đầu tiên trên chìa khóa điều khiển từ xa.	Driver Door Only*¹/All Doors (Chỉ cửa người lái* ¹ /Tất cả các cửa)
	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Walk Away Lock (Khóa khi rời khỏi xe) Loại xe tại Mexico Walk Away Auto Lock (Tự động khóa khi rời khỏi xe)	Thay đổi cài đặt chức năng tự động khóa khi bạn rời khỏi xe trong khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.	ON/OFF *¹ (BẬT/TẮT* ¹)

*1: Cài đặt mặc định

*2: Loại xe có hộp số vô cấp

*3: Cài đặt mặc định cho hộp số vô cấp

*4: Cài đặt mặc định cho hộp số sàn

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Bảng điều khiển

Nhóm cài đặt	Tính năng tùy chỉnh	Mô tả	Cài đặt có thể lựa chọn
Door Setup (Cài đặt cửa)	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Keyless Lock Notification (Thông báo khóa không chìa khóa)	KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy. KHOÁ (ấn lần 2) - Tiếng bíp vang lên.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Loại xe tại Mexico Keyless Lock Answer Back (Phản hồi xác nhận khóa không chìa khóa)		
	Security relock timer (Hẹn giờ khóa lại an toàn)	Thay đổi thời gian để các cửa tự động khóa lại và hệ thống an ninh thiết lập sau khi bạn mở khóa xe mà không mở bất kỳ cửa nào.	90sec/60sec/30sec^{*1} (90 giây/60 giây/30 giây ^{*1})
	Auto Folding Door Mirror[*] (Tự động cụp gương cửa*)	Thay đổi cách cụp gương cửa.	Auto Fold With Keyless^{*1}/Manual Only (Tự động cụp gương cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa ^{*1} /Chỉ thủ công)
Maintenance Reset[*] (Đặt lại bảo dưỡng*)		Đặt lại màn hình hiển thị thông báo nhắc bảo dưỡng khi bạn đã thực hiện dịch vụ bảo dưỡng.	Cancel/Reset (Hủy/Cài đặt lại)
Default All (Mặc định cho tất cả)	—	Hủy các thay đổi tùy chỉnh mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục lại về cài đặt mặc định.	Ngoại trừ loại xe tại Mexico Cancel/OK (Hủy/OK) Loại xe tại Mexico Cancel/Set (Hủy/Thiết lập)

*1: Cài đặt mặc định

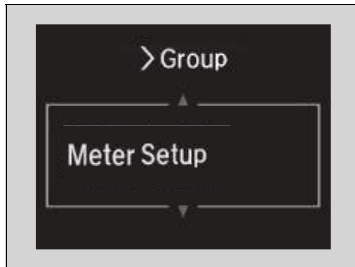
* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Ví dụ về các cài đặt tùy chỉnh

Các bước thay đổi cài đặt “**Trip A**” **Reset Timing** (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình A”) thành **When Fully Refueled** (Khi được đổ đầy nhiên liệu) được minh họa như bên dưới. Cài đặt mặc định cho “**Trip A**” **Reset Timing** (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình A”) là **Manual Reset**^{*1}/**Manually Reset**^{*2} (Đặt lại thủ công).



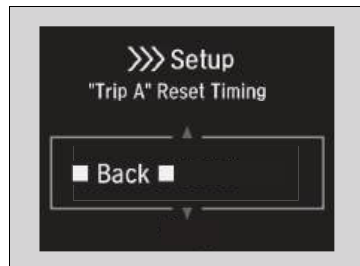
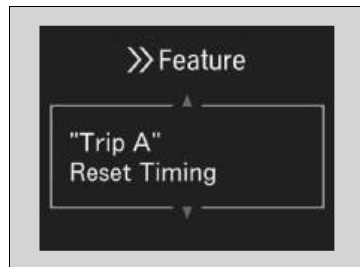
1. Ấn nút  (màn hình chính) và cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.



2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Meter Setup** (Cài đặt đồng hồ đo) xuất hiện trên màn hình hiển thị.
3. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

*1 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico

*2 : Loại xe tại Mexico



4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **“Trip A” Reset Timing** (Hẹn giờ cài đặt lại “Hành trình A”) xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chỉnh, tại đây bạn có thể chọn **When Fully Refueled**, **When Ignition Is Turned OFF**^{*1}/**IGN OFF**^{*2}, **Manual Reset**^{*1}/**Manually Reset**^{*2} (Khi được đổ đầy nhiên liệu, Khi TẮT khóa điện/TẮT KHÓA ĐIỆN, Đặt lại thủ công), hoặc **Back** (Quay lại).

5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **When Fully Refueled** (Khi được đổ đầy nhiên liệu), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình quay trở về màn hình danh mục tùy chọn.

6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Back** (Quay lại) xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

7. Lặp lại bước 6 cho đến khi trở về màn hình bình thường.

*1 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico

*2 : Loại xe tại Mexico

Điều khiển

Chương này mô tả cách vận hành một số chức năng cần thiết khi điều khiển xe.

Đồng hồ	180
Khóa và mở khóa cửa	
Chìa khóa	183
Khóa/Mở khóa cửa từ bên ngoài.....	185
Khóa/Mở khóa cửa từ bên trong	192
Khóa an toàn trẻ em	193
Khóa/Mở khóa cửa tự động*	194
Mở và đóng cốp	195
Hệ thống an ninh	
Hệ thống chống nổ máy	198
Hệ thống cảnh báo an ninh	199
Cửa kính	202
Cửa sổ trời	207

Vận hành các công tắc quanh vô lăng	
Nút ENGINE START/STOP.....	209
Xi nhan	212
Công tắc đèn	213
Đèn sương mù phía sau*	217
Bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng*	218
Đèn pha thích ứng tự động*	219
Đèn ban ngày	222
Cần gạt nước và rửa kính	223
Điều chỉnh độ sáng.....	226
Nút sấy kính sau.....	228
Điều chỉnh vô lăng	229

Gương

Gương chiếu hậu bên trong xe	230
Gương cửa điện	231

Ghế

Ghế trước.....	233
Tựa tay*	241

Các hạng mục tiện ích bên trong khác

Hệ thống sưởi* và làm mát*

Sử dụng khe thông gió, sưởi* và điều hòa không khí	254
--	-----

Hệ thống điều hòa không khí tự động*

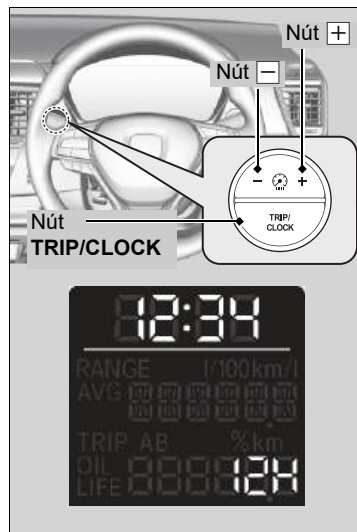
Sử dụng điều hòa không khí tự động	259
Cảm biến điều hòa không khí tự động	263

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Điều chỉnh đồng hồ

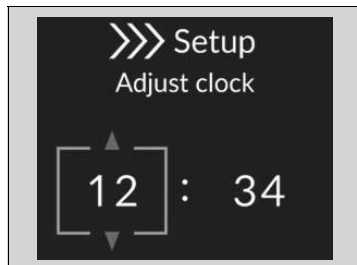
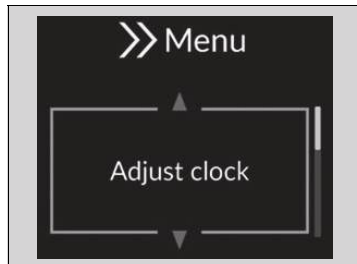
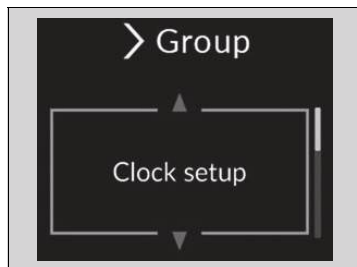
Bạn có thể điều chỉnh thời gian trên màn hình đồng hồ khi chế độ nguồn BẬT.

■ Điều chỉnh thời gian



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

1. Ấn liên tục nút **TRIP/CLOCK** cho đến khi thời gian hiển thị nhấp nháy.
2. Ấn và giữ nút **TRIP/CLOCK** để thay đổi cài đặt giữa định dạng 12h và 24h, hoặc để tắt đồng hồ.
3. Ấn nút **+** hoặc **-** để điều chỉnh số phút. Khi bạn tăng hoặc giảm số phút, số giờ sẽ tăng hoặc giảm theo.
4. Ấn nút **TRIP/CLOCK** để hoàn tất việc điều chỉnh đồng hồ.



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái
(Đồng hồ đo loại A)

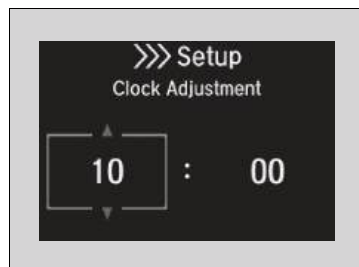
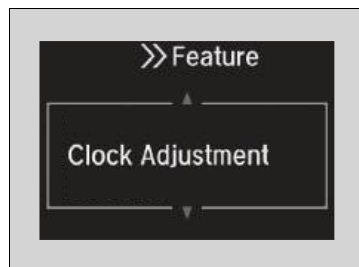
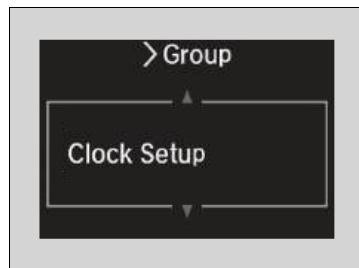
1. Chọn màn hình **Settings** (Cài đặt).
 ► **Cài đặt** Tr. 142
2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock setup** (Thiết lập đồng hồ), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Adjust clock** (Điều chỉnh đồng hồ) xuất hiện trên màn hình hiển thị.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.
5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
7. Ấn nút  để trở về màn hình bình thường.

►► Điều chỉnh thời gian

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể tùy chỉnh màn hình đồng hồ để hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.

► **Cài đặt** Tr. 142, 167



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)

1. Chọn màn hình **Settings** (Cài đặt).

■ **Cài đặt** Tr. 167

2. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Clock Setup** (Thiết lập đồng hồ), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Clock Adjustment** (Điều chỉnh đồng hồ) xuất hiện trên màn hình hiển thị.

4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.

5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi giờ, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

6. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để thay đổi phút, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

7. Ấn nút  để trở về màn hình bình thường.

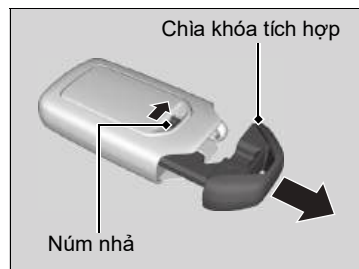
Chìa khóa

Xe này có những chìa khóa sau:



Sử dụng chìa khóa để khởi động và dừng động cơ, khóa và mở khóa tất cả cửa xe và mở cốp.

Chìa khóa tích hợp



Có thể sử dụng chìa khóa tích hợp để khóa/mở khóa các cửa khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu và không thể khóa/mở khóa cửa điện.

Để tháo chìa khóa tích hợp, trượt núm nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong chìa khóa điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

Chìa khóa

Tất cả các chìa khóa đều có hệ thống chống nỗ máy. Hệ thống chống nỗ máy giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

➔ **Hệ thống chống nỗ máy** Tr. 198

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh nắng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc đè vật nặng lên.
- Để chìa khóa cách xa các chất lỏng, bụi bẩn và cát.
- Không tháo rời các bộ phận của chìa khóa trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hỏng, động cơ có thể không khởi động được và bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa có thể không hoạt động.

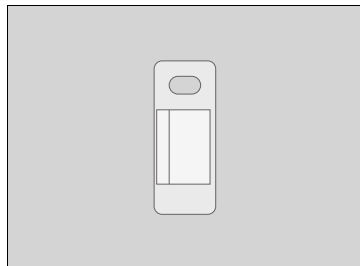
Nếu chìa khóa không hoạt động, hãy mang chìa khóa đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có chức năng khởi động động cơ từ xa

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chức năng khởi động động cơ từ xa.

➔ **Khởi động động cơ từ xa*** Tr. 274

■ Thẻ mã số chia khóa



Chứa mã số mà bạn sẽ cần khi mua chìa khóa thay thế.

Tín hiệu chìa khóa điều khiển từ xa yếu

Xe truyền sóng vô tuyến để xác định vị trí chìa khóa điều khiển từ xa để khởi động động cơ; khóa và mở khóa* các cửa và mở* cốp.

Trong các trường hợp sau đây, việc khởi động động cơ, khóa/mở khóa* các cửa, hoặc mở* cốp có thể bị ngăn cản, hoặc hoạt động có thể không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát tín hiệu sóng vô tuyến mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa cùng với các thiết bị viễn thông, máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang tiếp xúc hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa.

►► Thẻ mã số chia khóa

Để thẻ mã số chia khóa tách biệt với chìa khóa tại một nơi an toàn bên ngoài xe. Nếu muốn mua thêm chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

►► Tín hiệu chìa khóa điều khiển từ xa yếu

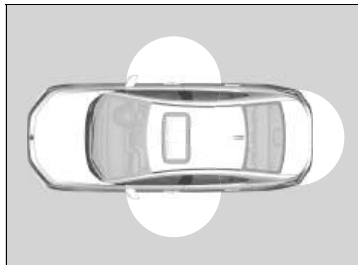
Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa. Tuổi thọ của pin được khoảng 2 năm, nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng. Pin sẽ tiêu hao mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa nhận được sóng vô tuyến mạnh. Tránh đặt chìa khóa cạnh các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Có thể tắt chức năng thu sóng vô tuyến để giảm tiêu hao pin. Khi giữ cùng lúc các nút khóa và mở khóa trong khoảng ba giây, đèn LED sẽ nhấp nháy hai lần và chức năng thu sóng vô tuyến sẽ tắt. Nếu ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điều khiển từ xa, chức năng thu sóng vô tuyến sẽ hoạt động trở lại.

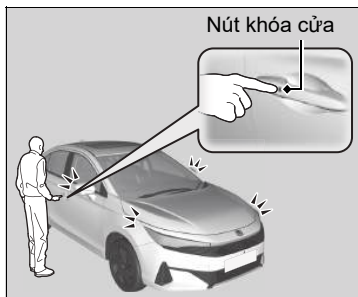
Khóa/Mở khóa cửa từ bên ngoài

■ Sử dụng hệ thống mở cửa không chìa khóa*



Bạn có thể khóa/mở khóa các cửa và mở cốp khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

Bạn có thể khóa/mở khóa các cửa hoặc mở cốp trong phạm vi bán kính khoảng 80 cm tính từ tay nắm cửa bên ngoài hoặc nút mở cốp.



■ Khóa cửa và cốp

Ấn nút khóa cửa trên cửa trước.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy; tiếng bíp vang lên; tất cả các cửa và cốp khóa; và hệ thống an ninh được thiết lập.

⌘ Khóa/Mở khóa cửa từ bên ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt theo cửa, đèn trong xe sẽ bật sáng khi bạn mở khóa cửa xe.

Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây. Các cửa được khóa lại bằng chìa khóa điều khiển từ xa: Đèn tắt ngay lập tức.

📖 **Đèn trong xe** Tr. 242

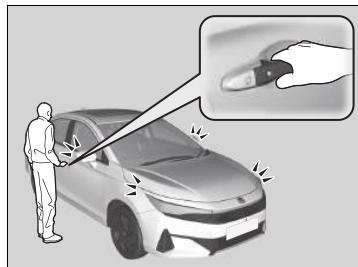
⌘ Sử dụng hệ thống mở cửa không chìa khóa*

Nếu bạn không mở cửa xe trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng hệ thống mở cửa không chìa khóa, các cửa sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng hệ thống mở cửa không chìa khóa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Hệ thống mở cửa không chìa khóa sẽ không khóa xe khi một cửa đang mở.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe



■ Mở khóa cửa và cốp

Loại xe tại Mexico

Nắm tay nắm cửa người lái:

- Cửa người lái mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

Nắm tay nắm cửa hành khách trước:

- Tất cả các cửa mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

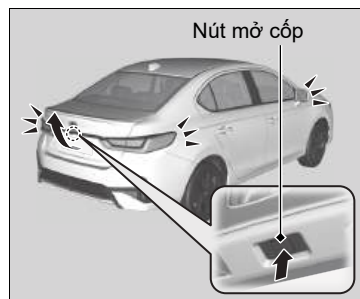
Nắm tay nắm cửa trước:

- Tất cả các cửa và cốp mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên hai lần.

Ấn nút mở cốp:

- Cốp mở khóa và mở ra.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bíp vang lên.

❏ Sử dụng nút mở cốp* Tr. 196



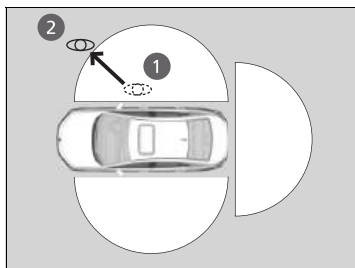
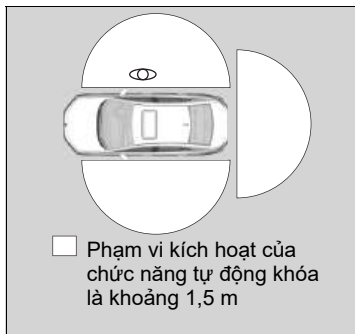
►► Sử dụng hệ thống mở cửa không chìa khóa*

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa bên trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang chìa khóa theo bạn.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể khóa/mở khóa các cửa khi có ai đó mang theo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong phạm vi cho phép.
- Nếu tay nắm cửa bị nước bao phủ khi trời mưa lớn hoặc khi rửa xe, bạn có thể mở khóa cửa xe khi có chìa khóa điều khiển từ xa ở trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm tay nắm cửa trước, cảm biến cửa có thể phản hồi chậm hoặc không phản hồi khi mở khóa cửa.
- Sau khi khóa cửa, bạn có tối đa 2 giây để kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa khóa chưa. Nếu muốn mở khóa ngay sau khi khóa cửa, hãy đợi ít nhất 2 giây trước khi cầm tay nắm cửa, nếu không cửa sẽ không mở khóa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo cửa ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và xác nhận rằng cửa đã mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Ngay cả trong phạm vi bán kính 80 cm, bạn có thể không khóa/mở khóa được các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa nếu thiết bị này nằm ở phía trên hoặc phía dưới tay nắm bên ngoài.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu thiết bị này ở quá gần cửa và kính cửa.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Có thể tùy chỉnh cài đặt nhấp đèn*, tiếng bíp và chế độ mở khóa cửa* bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

❏ Cài đặt Tr. 142, 167



■ Khóa cửa và cốp (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe*)

Khi bạn rời khỏi xe với tất cả các cửa đã đóng trong khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, các cửa sẽ tự động khóa. Chức năng tự động khóa sẽ kích hoạt khi tất cả các cửa đóng và chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi bán kính khoảng 1,5 m tính từ tay nắm cửa bên ngoài hoặc nút mở cốp.

Ra khỏi xe, đồng thời mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng (các) cửa.

1. Cách xe khoảng 1,5 m.

► Tiếng bíp vang lên; chức năng khóa cửa tự động sẽ được kích hoạt.

2. Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra ngoài xe, cách xe 1,5 m và ở ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy; tiếng bíp vang lên; tất cả các cửa sau đó sẽ khóa.

▣ Khóa cửa và cốp (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe*)

Chức năng tự động khóa được cài đặt thành TẮT theo thiết lập mặc định của nhà sản xuất. Có thể BẬT chức năng tự động khóa bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nếu bạn cài đặt chức năng tự động khóa thành BẬT bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái, chỉ bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa đã được dùng để mở khóa cửa người lái trước khi thay đổi cài đặt mới có thể kích hoạt tự động khóa.

▣ Cài đặt Tr. 142, 167

Sau khi chức năng tự động khóa được kích hoạt, khi bạn ở trong phạm vi vận hành khóa/mở khóa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa sẽ tiếp tục nhấp nháy cho đến khi các cửa khóa.

Khi bạn ở bên cạnh xe trong phạm vi hoạt động, các cửa sẽ tự động khóa trong khoảng 30 giây sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên.

Nếu mở một cửa sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng tự động khóa vang lên, chức năng tự động khóa sẽ bị hủy.

Trong những trường hợp sau, chức năng tự động khóa sẽ không kích hoạt:

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
 - Tiếng bíp không vang lên.
- Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra ngoài phạm vi hoạt động trước khi đóng tất cả các cửa.
 - Tiếng bíp vang lên.

Để tạm thời hủy kích hoạt chức năng:

1. Đặt chế độ nguồn thành TẮT.
2. Mở cửa người lái.
3. Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:
Khóa→Mở khóa→Khóa→Mở khóa.
► Tiếng bíp vang lên và chức năng bị hủy kích hoạt.

Để khôi phục chức năng (bất kỳ bước nào bên dưới):

- Đặt chế độ nguồn thành BẬT.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa tự động.
- Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đi ra xa khỏi phạm vi hoạt động của chức năng khóa tự động.
- Mở một cửa bất kỳ.

►► Khóa cửa và cốp (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe*)

Chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động ở bất kỳ điều kiện nào dưới đây.

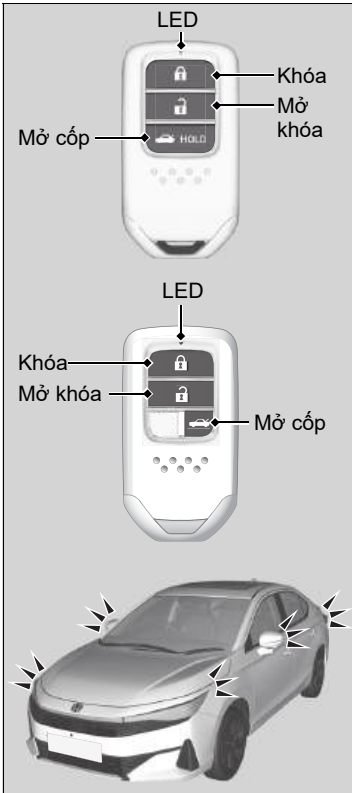
- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
- Cửa hoặc nắp ca-pô không đóng.
- Đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa không nằm trong phạm vi bán kính khoảng 1,5 m tính từ xe khi bạn rời khỏi xe và đóng các cửa.

Tiếng bíp báo dừng hoạt động của chức năng khóa tự động

Sau khi chức năng tự động khóa được kích hoạt, tiếng bíp báo dừng hoạt động của chức năng tự động khóa vang lên khoảng hai giây trong các trường hợp sau.

- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa vào bên trong xe qua cửa kính.
 - Bạn đứng quá gần xe.
 - Đặt chìa khóa điều khiển từ xa vào bên trong cốp.
- Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, hãy kiểm tra để đảm bảo bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa. Sau đó, mở/đóng cửa và xác nhận tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa tự động vang lên một lần.

Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa



■ Khóa cửa

Ấn nút khóa.

Một lần:

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tất cả các cửa đóng và hệ thống an ninh được thiết lập.

Hai lần (trong vòng năm giây sau khi bấm lần thứ nhất):

- Tiếng bíp vang lên và xác nhận hệ thống an ninh được thiết lập.

■ Mở khóa cửa

Loại xe tại Mexico

Ấn nút mở khóa.

Một lần:

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và cửa người lái mở khóa.

Hai lần:

- Các cửa còn lại mở khóa.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Ấn nút mở khóa.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tất cả các cửa mở khóa.

❏ Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa

Nếu bạn không mở cửa xe trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa, các cửa sẽ tự động khóa lại.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể thay đổi cài đặt bộ hẹn giờ khóa lại.

❏ Cài đặt Tr. 142, 167

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa sử dụng tín hiệu công suất thấp, vì vậy phạm vi hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường xung quanh.

Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa sẽ không khóa xe khi một cửa đang mở.

Nếu khoảng cách hoạt động của bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hay bị thay đổi, pin có thể sẽ bị yếu. Thay pin cúc áo càng sớm càng tốt khi điều này xảy ra.

Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, có thể đã hết pin.

❏ Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa Tr. 450

■ Khóa/Mở khóa cửa bằng chìa khóa

Nếu nút khóa hoặc mở khóa của chìa khóa điều khiển từ xa không hoạt động, hãy dùng chìa khóa.



Cắm chặt chìa khóa và xoay.

►► Khóa/Mở khóa cửa bằng chìa khóa

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Khi bạn khóa/mở khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

Loại xe tại Mexico

Khi bạn khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác sẽ khóa cùng một lúc. Khi mở khóa, cửa người lái mở khóa trước. Xoay chìa khóa lần thứ hai trong vòng vài giây sẽ không mở khóa các cửa còn lại.

Tất cả các loại xe

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, cảnh báo sẽ vang lên.

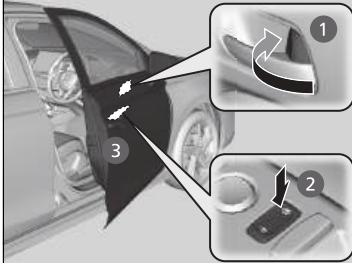
Loại xe tại Mexico có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể tùy chỉnh cài đặt chế độ mở khóa cửa.

► Cài đặt Tr. 142, 167

■ Khóa cửa không sử dụng chìa khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa, hoặc vì lý do nào đó bạn không thể khóa cửa bằng chìa khóa, bạn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa khóa.



■ Khóa cửa người lái

Đẩy tay khóa về phía trước ❶ hoặc đẩy công tắc khóa cửa chính theo hướng khóa ❷, sau đó kéo và giữ tay nắm cửa bên ngoài ❸. Đóng cửa, sau đó thả tay nắm.

■ Khóa cửa hành khách

Đẩy tay khóa về phía trước và đóng cửa.

■ Hệ thống chống khóa cửa

Các cửa không thể khóa khi chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.

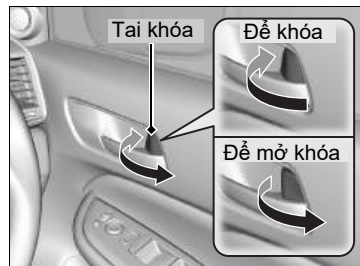
► Khóa cửa không sử dụng chìa khóa

Khi bạn khóa cửa người lái, tất cả các cửa khác sẽ khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, hãy đảm bảo chìa khóa không ở trong xe.

Khóa/Mở khóa cửa từ bên trong

■ Sử dụng tai khóa



■ Khóa cửa

Đẩy tai khóa về phía trước.

■ Mở khóa cửa

Kéo tai khóa về phía sau.

■ Mở khóa bằng tay nắm bên trong cửa trước



Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Kéo tay nắm bên trong cửa người lái.

- Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Kéo tay nắm bên trong cửa trước.

- Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

►► Sử dụng tai khóa

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Khi bạn khóa/mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

Loại xe tại Mexico

Khi bạn khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác sẽ khóa cùng một lúc.

Khi bạn mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, chỉ cửa người lái sẽ mở khóa.

►► Mở khóa bằng tay nắm bên trong cửa trước

Ngoại trừ loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Tay nắm bên trong cửa người lái được thiết kế để cho phép người lái mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người lái tuyệt đối không kéo tay nắm bên trong cửa khi xe đang di chuyển.

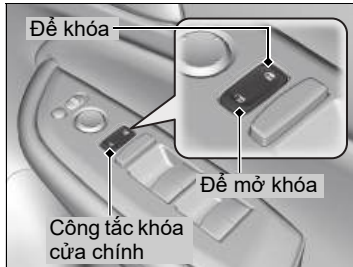
Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh

Tay nắm bên trong cửa trước được thiết kế để cho phép người ngồi ghế trước mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người ngồi ghế trước tuyệt đối không kéo tay nắm bên trong cửa trước khi xe đang di chuyển.

Trẻ em phải luôn ngồi ở hàng ghế sau nơi có trang bị khóa an toàn trẻ em.

►► **Khóa an toàn trẻ em** Tr. 193

■ Sử dụng công tắc khóa cửa chính



Ấn công tắc khóa cửa chính như hình minh họa để khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa.

Khóa an toàn trẻ em

Khóa an toàn trẻ em giúp ngăn không cho các cửa sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tay khóa ở đâu.

■ Cài đặt khóa an toàn trẻ em



Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm cửa bên ngoài.

►► Sử dụng công tắc khóa cửa chính

Khi bạn khóa/mở khóa cửa người lái bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

►► Khóa an toàn trẻ em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa an toàn trẻ em bật, gạt tay khóa đến vị trí mở khóa, hạ cửa kính sau, đưa tay ra bên ngoài cửa kính và kéo tay nắm cửa bên ngoài.

Khóa/Mở khóa cửa tự động*

Xe của bạn tự động khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa khi đáp ứng một điều kiện nhất định.

■ Khóa cửa tự động

■ Chế độ khóa khi lái xe

Tất cả các cửa sẽ khóa khi tốc độ xe khoảng 15 km/h.

■ Mở khóa cửa tự động

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Chế độ mở khóa khi đỗ xe

Tất cả các cửa mở khóa khi đưa hộp số vào số **[P]** và nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số sàn

■ Chế độ mở khóa theo chế độ nguồn

Tất cả các cửa mở khóa khi chế độ nguồn thoát khỏi trạng thái BẬT.

⌘ Khóa/Mở khóa cửa tự động*

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động khác trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

📄 **Cài đặt** Tr. 142, 167

Lưu ý khi mở/đóng cốp

■ Mở cốp

Mở cốp hoàn toàn.

- ▶ Nếu cốp không mở hết, nắp cốp có thể tự đóng lại bởi chính trọng lượng của nắp.

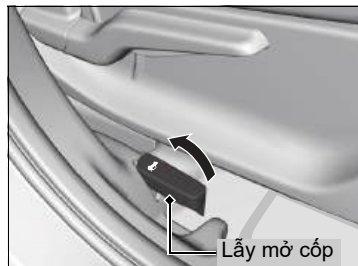
■ Đóng cốp

Luôn đóng nắp cốp trong khi đang lái xe để:

- ▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
- ▶ Ngăn không cho khí xả lọt vào trong xe.

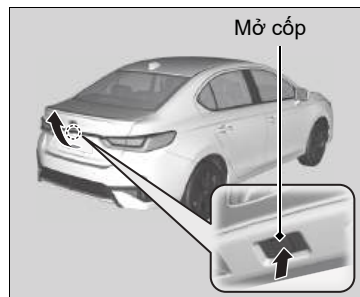
⚠ **Nguy hiểm do khí thải** Tr. 99

Sử dụng lẫy mở cốp



Kéo lẫy mở cốp ở cạnh ngoài của ghế người lái để mở khóa và mở cốp.

Sử dụng nút mở cốp*



Ấn nút mở trên nắp cốp lên sau khi các cửa đã được mở khóa.

Loại xe có hệ thống mở cửa không chìa khóa

Ngay cả khi cốp bị khóa, bạn vẫn có thể mở cốp nếu mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.

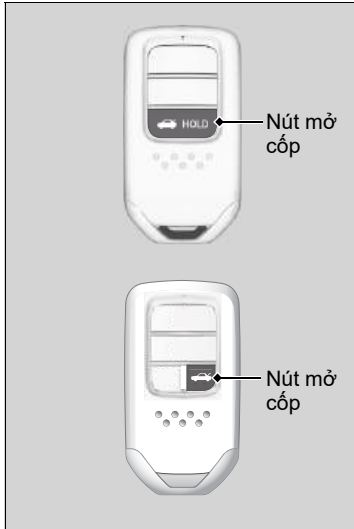
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bip vang lên một lần.

►► Sử dụng nút mở cốp*

Loại xe có hệ thống mở cửa không chìa khóa

- Nếu bạn để quên chìa khóa điều khiển từ xa bên trong, tiếng bip sẽ vang lên và cốp sẽ không đóng.
- Người không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa có thể mở khóa cốp nếu có người đang mang chìa khóa đó ở trong phạm vi hoạt động.
- Nếu tiếng bip vang lên sau khi bạn đóng cốp, hãy di chuyển chìa khóa điều khiển từ xa ra xa cốp rồi đóng lại.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu ở quá gần cốp.

Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa



Ấn nút mở cốp khoảng một giây để mở khóa và mở cốp.

☒ Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa

Nếu cửa người lái bị khóa, cốp sẽ tự động khóa khi bạn đóng cốp. Nếu không, bạn sẽ phải khóa cốp bằng tay.

Hệ thống chống nổ máy

Hệ thống này giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký.

Chú ý những điểm sau khi ấn nút **ENGINE START/STOP**:

- Không để đồ vật có sóng vô tuyến mạnh gần nút **ENGINE START/STOP**.
- Đảm bảo chìa khóa không bị những vật bằng kim loại đè lên hoặc chạm vào.
- Không đưa chìa khóa thuộc hệ thống chống nổ máy của xe khác lại gần nút **ENGINE START/STOP**.
- Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như ti vi và các hệ thống âm thanh phát ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

» Hệ thống chống nổ máy

CHÚ Ý

Để chìa khóa trong xe có thể làm mất trộm xe hoặc vô tình làm xe di chuyển. Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi rời khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào.

Nếu không, có thể làm hỏng hệ thống và không thể khởi động xe.

Nếu hệ thống liên tục không nhận mã chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý. Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động khi cổ cạy mở cốp, nắp ca-pô hoặc các cửa. Cảnh báo không kích hoạt nếu cốp hoặc các cửa được mở bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa*.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động

Còi vang lên từng hồi và một số đèn ngoài xe nhấp nháy.

■ Hệ thống cảnh báo an ninh

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác vào.

Nếu không, có thể làm hỏng hệ thống và không thể khởi động xe.

Loại xe tại Mexico

Hệ thống cảnh báo an ninh tiếp tục hoạt động trong tối đa hai phút cho đến khi hệ thống cảnh báo an ninh tắt.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục hoạt động trong khoảng 5 phút trước khi hệ thống an ninh tắt. Hệ thống sẽ tiến hành đủ mười chu kỳ, mỗi chu kỳ 30 giây, trong quá trình đó còi sẽ kêu và đèn báo khẩn cấp sẽ nhấp nháy.

Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong hơn 5 phút.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Tắt hệ thống cảnh báo an ninh

Sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa*, hoặc đặt chế độ nguồn thành BẬT để mở khóa xe. Hệ thống cùng với còi và các đèn đang nhấp nháy sẽ tắt.

■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tự động thiết lập khi đáp ứng những điều kiện sau:

- Đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.
- Nắp ca-pô đóng.
- Tất cả cửa được khóa từ bên ngoài bằng chìa khóa, bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa, hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa*.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy và chu kỳ nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

■ Để hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh bị hủy khi xe được mở khóa bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa*, hoặc khi đặt chế độ nguồn thành BẬT. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tắt cùng lúc.

►► Hệ thống cảnh báo an ninh

Không cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể vô tình kích hoạt khi:

- Mở khóa cửa bằng tay khóa.
- Mở cốp bằng lẫy mở cốp.
- Mở nắp ca-pô bằng lẫy mở nắp ca-pô.

Loại xe tại Mexico

- Đưa hộp số ra khỏi số **P**.

Nếu ắc-quy hết điện sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, cảnh báo an ninh có thể vang lên một lần khi nạp lại hoặc thay ắc-quy.

Nếu điều này xảy ra, hãy tắt hệ thống cảnh báo an ninh bằng cách mở khóa một cửa bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa*.

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp trong khi hệ thống an ninh hoạt động, cảnh báo sẽ vang lên.

■ Chế độ báo động*



■ Nút báo động trên bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa

Nếu bạn ấn nút báo động trong khoảng một giây, các hoạt động sau sẽ diễn ra trong khoảng 30 giây:

- Còi vang lên.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy.

■ Hủy chế độ báo động

- Ấn bất kỳ nút nào trên bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa.
- Đặt chế độ nguồn thành BẬT.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Mở/đóng cửa kính điện

Có thể sử dụng công tắc trên các cửa để mở và đóng các cửa kính điện khi chế độ nguồn BẬT.

Có thể sử dụng các công tắc phía người lái để mở và đóng tất cả các cửa kính. Để mở và đóng các cửa kính từ vị trí bất kỳ trừ ghế người lái thì phải tắt nút khóa cửa kính điện phía người lái.

Khi ấn nút khóa cửa kính điện, đèn báo sẽ sáng và bạn chỉ có thể vận hành cửa kính người lái. Bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ nhỏ trên xe.

➤Mở/đóng cửa kính điện

CẢNH BÁO

Đóng cửa kính điện trong khi ai đó để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính có thể gây thương tích nghiêm trọng.

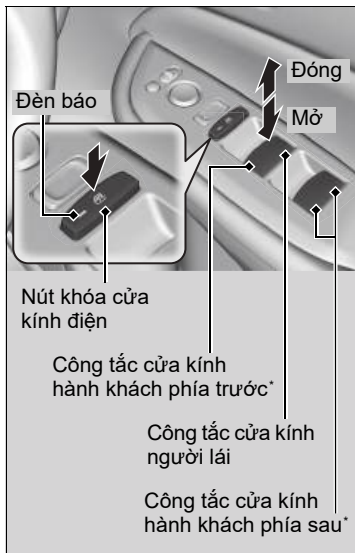
Đảm bảo hành khách cách xa cửa kính khi đóng cửa kính.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa điện mỗi khi rời khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Loại xe có chức năng mở/đóng tự động cửa kính điện trên tất cả cửa kính

Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY. Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

■ Mở/Đóng cửa kính bằng chức năng mở/đóng tự động



■ Vận hành bằng tay

Để mở: Ấn nhẹ công tắc xuống và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

Để đóng: Kéo nhẹ công tắc lên và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

■ Mở/Đóng tự động

Để mở: Ấn dứt khoát công tắc xuống.

Để đóng: Kéo dứt khoát công tắc lên.

Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Ấn hoặc kéo nhanh công tắc để dừng cửa kính bất cứ lúc nào.

▣ Mở/đóng cửa kính điện

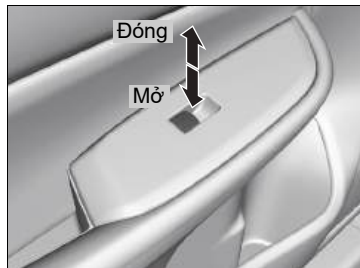
Chức năng tự động đảo chiều

Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi đang đóng tự động, cửa sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính người lái sẽ ngừng hoạt động khi bạn liên tục kéo công tắc lên.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

■ Mở/Đóng cửa kính không có chức năng mở/đóng tự động*

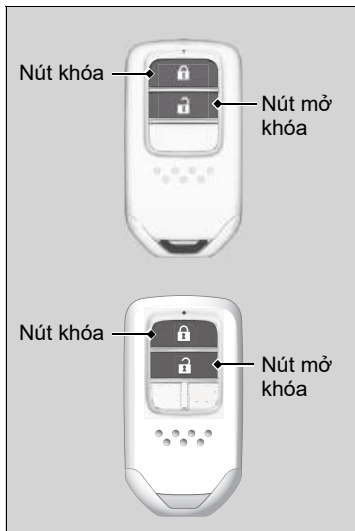


Để mở: Ấn công tắc xuống.

Để đóng: Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính đạt đến vị trí mong muốn.

■ Mở/Đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa*



Để mở: Ấn nút mở khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ nút.

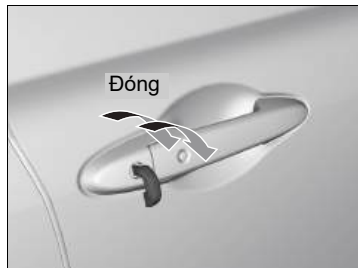
Để đóng: Ấn nút khóa và sau đó trong vòng 10 giây, ấn thêm một lần nữa và giữ.

Nếu cửa kính dừng ngang chừng, hãy thực hiện lại các bước ở trên.

▣ Mở/Đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa*

Nếu bạn mở/đóng các cửa kính bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa, cửa sổ trời sẽ tự động mở/đóng theo cửa kính.

■ Đóng cửa kính bằng chìa khóa*



Khóa cửa người lái bằng chìa khóa. Trong vòng 10 giây sau khi xoay chìa khóa đến vị trí giữa, xoay chìa khóa theo hướng khóa và giữ tại đó.

Nhả chìa khóa để dừng cửa kính ở vị trí mong muốn. Nếu muốn điều chỉnh thêm, hãy thực hiện lại các bước ở trên.

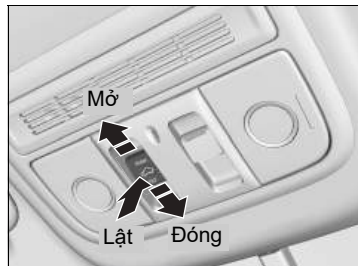
►► Đóng cửa kính bằng chìa khóa*

Nếu bạn đóng các cửa kính bằng chìa khóa, cửa sổ trời sẽ tự động đóng theo.

Mở/Đóng cửa sổ trời

Bạn có thể vận hành cửa sổ trời khi chế độ nguồn ở BẬT. Sử dụng công tắc ở phía trước trần xe để mở và đóng cửa sổ trời.

Sử dụng công tắc cửa sổ trời



Mở/Đóng tự động

Để mở: Kéo dứt khoát công tắc về phía sau.

Để đóng: Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước.

Cửa sổ trời sẽ tự động mở hoặc đóng hoàn toàn. Để dừng cửa sổ trời giữa chừng, hãy chạm vào công tắc trong thời gian ngắn.

Vận hành bằng tay

Để mở: Kéo nhẹ công tắc về phía sau và giữ cho đến khi cửa sổ trời đến vị trí mong muốn.

Để đóng: Đẩy nhẹ công tắc về phía trước và giữ cho đến khi cửa sổ trời đến vị trí mong muốn.

Lật cửa sổ trời lên

Để lật: Ấn vào giữa công tắc cửa sổ trời.

Để đóng: Đẩy dứt khoát công tắc về phía trước, rồi thả ra.

Cửa sổ trời*

⚠ CẢNH BÁO

Mở hoặc đóng cửa sổ trời có thể gây thương tích nghiêm trọng cho tay hoặc ngón tay của ai đó.

Hãy đảm bảo tất cả tay và ngón tay đều không chạm vào cửa sổ trời trước khi mở hoặc đóng.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa điện mỗi khi rời khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

CHÚ Ý

Mở cửa sổ trời khi nhiệt độ dưới mức đóng băng hoặc khi cửa sổ bị phủ bởi tuyết hoặc băng có thể làm hỏng tấm cửa sổ trời hoặc mô-tơ.

Loại xe có chức năng mở/đóng tự động cửa kính điện trên tất cả cửa kính

Cửa sổ trời có thể được vận hành trong vòng 10 phút sau khi bạn đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY. Đóng cửa người lái sẽ hủy chức năng này.

Khi phát hiện có lực cản, chức năng đảo chiều tự động sẽ khiến cửa sổ trời đổi hướng, sau đó dừng lại. Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm biến khi cửa sổ trời gần đóng để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn. Đảm bảo tất cả các vật, kể cả ngón tay, tránh xa cửa sổ trời.

►► Cửa sổ trời*

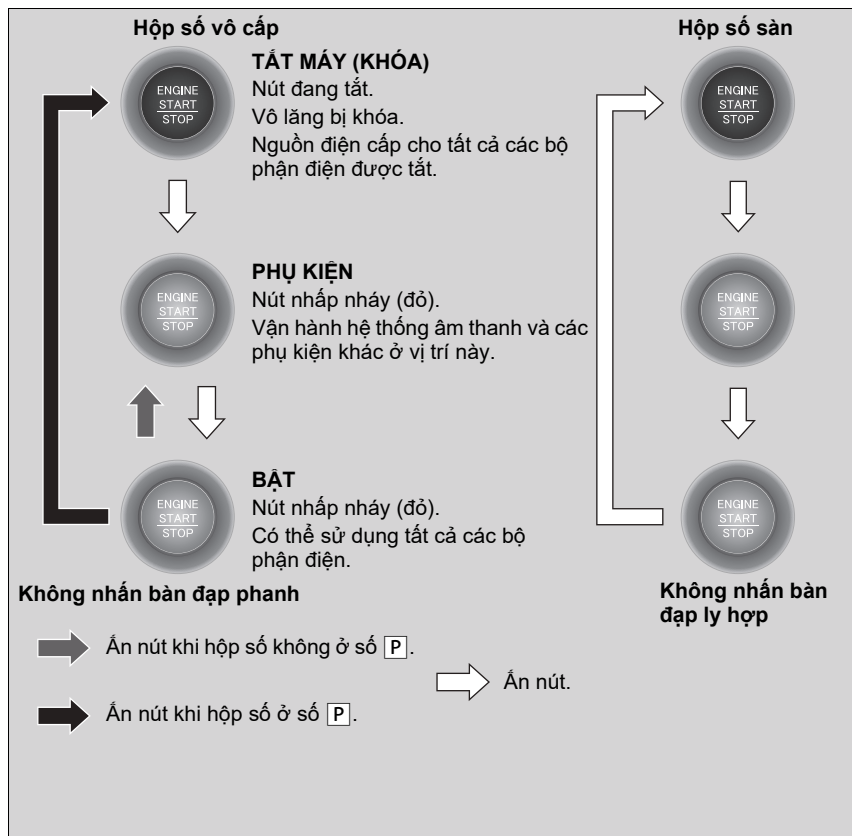
Bạn có thể sử dụng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc chìa khóa để vận hành cửa sổ trời*.

► **Mở/Đóng cửa kính bằng chìa khóa điều khiển từ xa*** Tr. 205

► **Đóng cửa kính bằng chìa khóa*** Tr. 206

Nút ENGINE START/STOP

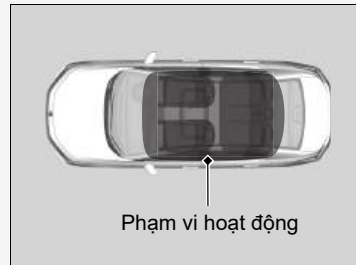
Thay đổi chế độ nguồn



Nút ENGINE START/STOP

Phạm vi hoạt động của nút ENGINE START/STOP

Bạn có thể khởi động động cơ khi chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.



Nếu pin của chìa khóa điều khiển từ xa yếu, động cơ có thể không khởi động khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**. Nếu động cơ không khởi động, hãy tham khảo liên kết sau đây.

➤ **Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu**
Tr. 485

Động cơ cũng có thể hoạt động nếu chìa khóa điều khiển từ xa ở gần cửa hoặc cửa kính, ngay cả khi chìa khóa này ở bên ngoài xe.

Chế độ **BẬT**:

Nút **ENGINE START/STOP** bật (màu đỏ), nếu động cơ đang hoạt động.

■ Tắt nguồn tự động

Nếu bạn ra khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút với hộp số ở số **P** (hộp số vô cấp) và chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như TẮT MÁY (KHÓA) để tránh làm hao điện ắc-quy.

Khi xe ở chế độ này:

Vô lăng không khóa. Bạn không thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa*.

Ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHÓA).

■ Nhắc chế độ nguồn

Nếu bạn mở cửa người lái khi chế độ nguồn được đặt thành PHỤ KIỆN, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên.

► Nút ENGINE START/STOP

Nếu chế độ nguồn không chuyển từ TẮT MÁY thành PHỤ KIỆN, hãy ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi xoay vô lăng sang trái và phải. Vô lăng sẽ mở khóa, cho phép chế độ thay đổi.

Không để chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT khi bạn rời khỏi xe.

■ Nhắc chìa khóa điều khiển từ xa

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại A)



Keyless remote not detected

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái (Đồng hồ đo loại B)



Keyless Remote Not Detected

Khi bạn đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT và mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe và đóng cửa, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên. Nếu âm thanh cảnh báo tiếp tục vang lên, hãy để chìa khóa điều khiển từ xa ở một nơi khác.

■ Khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

■ Khi chế độ nguồn ở BẬT

Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ cả bên trong và bên ngoài xe. Ngoài ra, đèn cảnh báo cũng sẽ sáng trên bảng điều khiển.

■ Nhắc chìa khóa điều khiển từ xa

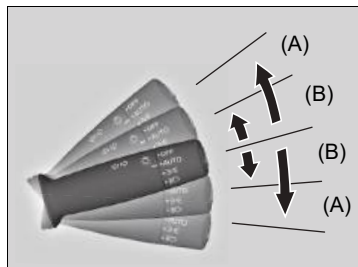
Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống và cửa người lái đã đóng, chức năng cảnh báo sẽ bị hủy.

Nếu mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe sau khi động cơ đã khởi động, bạn không thể thay đổi chế độ nguồn hoặc khởi động lại động cơ. Luôn đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn vận hành nút **ENGINE START/STOP**.

Lấy chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt tiếng còi cảnh báo.

Không đặt chìa khóa điều khiển từ xa lên bảng tập-lô hoặc trong hộc đựng đồ. Điều này sẽ làm cho còi cảnh báo vang lên. Trong một số điều kiện khác có thể khiến xe không xác định được chìa khóa điều khiển từ xa, còi báo cảnh báo có thể vang lên ngay cả khi chìa khóa điều khiển từ xa vẫn nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống.

Xi nhan



Có thể sử dụng xi nhan khi chế độ nguồn BẬT.

■ (A): Xi nhan

Đẩy cần gạt lên hoặc xuống theo hướng bạn muốn rẽ và đèn xi nhan sẽ nhấp nháy.

■ (B): Gạt xi nhan một lần

Khi bạn đẩy nhẹ cần xi nhan lên hoặc xuống và thả tay, đèn xi nhan sẽ nhấp nháy 3 lần.

- Nếu bạn đẩy nhẹ cần gạt theo hướng đối diện trong khi đèn xi nhan đang nhấp nháy, đèn xi nhan sẽ dừng nhấp nháy.

►► Xi nhan

Đèn báo xi nhan trên bảng điều khiển sẽ nhấp nháy khi đèn xi nhan bên ngoài nhấp nháy.

► Đèn báo Tr. 102

Công tắc đèn

Vận hành bằng tay



Xoay công tắc đèn để bật và tắt các đèn, bất kể cài đặt chế độ nguồn là gì.

■ Chiếu xa

Đẩy cần gạt về phía trước cho đến khi nghe tiếng tách.

■ Chiếu gần

Khi đang bật đèn chiếu xa, kéo cần gạt về phía sau để trở về đèn chiếu gần.

■ Nháy đèn chiếu xa

Kéo cần gạt về phía sau và thả ra.

■ Tắt đèn*

Xoay cần gạt về vị trí **OFF** (TẮT) khi xảy ra một trong hai trường hợp sau:

- Hộp số ở số **[P]** (Loại xe có hộp số vô cấp).
- Đã gài phanh đỗ.

Để bật lại đèn, hãy xoay cần gạt về vị trí **OFF** (TẮT) để hủy chế độ tắt đèn. Ngay cả khi bạn không hủy chế độ tắt đèn, các đèn sẽ sáng tự động khi:

- Đưa hộp số ra khỏi số **[P]** (Loại xe có hộp số vô cấp) và nhả phanh đỗ.
- Xe bắt đầu di chuyển.

☞ Công tắc đèn

Nếu bạn để chế độ nguồn ở **TẮT MÁY** trong khi các đèn đang sáng, âm báo sẽ vang lên khi cửa người lái mở.

Khi các đèn sáng, đèn báo đèn bật trên bảng điều khiển sẽ sáng.

☞ Đèn báo Tr. 102

Không để đèn sáng khi động cơ đã tắt để tránh làm hao điện ắc-quy.

Loại xe không có bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng

Nếu bạn nghi ngờ đèn chiếu sáng không được đặt đúng vị trí, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Vận hành tự động (điều khiển chiếu sáng tự động)

Ngoại trừ loại xe tại Mexico



Loại xe tại Mexico



Có thể sử dụng điều khiển chiếu sáng tự động khi chế độ nguồn ở BẬT.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Khi công tắc đèn ở vị trí **AUTO (TỰ ĐỘNG)**, đèn chiếu sáng và các đèn ngoài xe khác sẽ tự động bật và tắt tùy theo độ sáng xung quanh.

Loại xe tại Mexico

Khi bạn xoay công tắc đèn sang vị trí **AUTO (TỰ ĐỘNG)**, đèn chiếu sáng và các đèn ngoài xe khác sẽ tự động bật và tắt tùy theo độ sáng ngoài trời.

Tất cả các loại xe

Đèn chiếu sáng bật sáng khi bạn mở khóa một cửa ở khu vực tối với công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí **AUTO (TỰ ĐỘNG)**.

- Sau khi bạn khóa cửa, đèn chiếu sáng sẽ tắt.

►► Vận hành tự động (điều khiển chiếu sáng tự động)

Bạn nên bật đèn bằng tay khi lái xe vào ban đêm, trong sương mù dày đặc hoặc ở khu vực tối như đường hầm dài hoặc khu vực đỗ xe.

Cảm biến ánh sáng được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới.

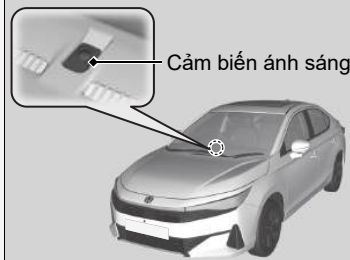
Không được che phủ bất cứ vật gì lên cảm biến ánh sáng này; nếu không, hệ thống chiếu sáng tự động có thể không hoạt động đúng cách.

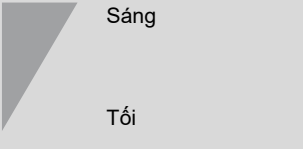
Loại xe có chế độ gạt nước gián đoạn tự động

Cảm biến ánh sáng



Loại xe không có chế độ gạt nước gián đoạn tự động



►► Vận hành tự động (điều khiển chiếu sáng tự động)	
Loại xe tại Mexico có màn hình giao diện thông tin cho người lái	
Cài đặt	Các đèn ngoài xe sáng khi ánh sáng ngoài trời ở mức
Tối đa	 Sáng Tối
Cao	
Trung bình	
Thấp	
Tối thiểu	

Điều khiển

■ Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước

Các đèn chiếu sáng sẽ tự động sáng khi các cần gạt nước được sử dụng vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở chế độ **AUTO** (TỰ ĐỘNG).

Các đèn chiếu sáng tự động tắt sau vài phút nếu các cần gạt nước ngừng gạt.

■ Tính năng tắt đèn tự động

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn ngoài xe khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt sau 15 giây sau khi đặt chế độ nguồn thành **TẮT MÁY**, hãy mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng cửa người lái.

Nếu bạn đặt chế độ nguồn thành **TẮT MÁY** khi công tắc đèn chiếu sáng bật nhưng không mở cửa, các đèn sẽ tắt sau 10 phút (3 phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO** (TỰ ĐỘNG)).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở khóa hoặc mở cửa người lái. Nếu bạn mở khóa cửa nhưng không mở cửa trong vòng 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa người lái, bạn sẽ nghe thấy âm báo nhắc các đèn đang bật.

►► Đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước

Tính năng này được kích hoạt khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO** (TỰ ĐỘNG). Độ sáng bảng điều khiển không thay đổi khi các đèn chiếu sáng bật.

Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cần gạt nước là bao nhiêu.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể bật và tắt chức năng đèn chiếu sáng tích hợp với cần gạt nước.

➡ **Cài đặt** Tr. 142, 167

►► Tính năng tắt đèn tự động

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

➡ **Cài đặt** Tr. 142, 167

Đèn sương mù phía sau*

Có thể sử dụng khi đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng bật.



■ Để bật đèn sương mù phía sau

Xoay công tắc tới vị trí ☀. Đèn báo ☀ sẽ sáng.

Bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng*



Bạn có thể điều chỉnh góc chiếu dọc của đèn chiếu gần khi đèn vị trí hoặc đèn chiếu sáng bật.

Xoay núm xoay điều chỉnh để chọn góc phù hợp cho các đèn chiếu sáng.

Số vạch điều chỉnh càng lớn thì góc chiếu càng thấp.

■ Để chọn vị trí núm xoay điều chỉnh

Hãy tham khảo bảng dưới đây để chọn vị trí núm xoay phù hợp với điều kiện vận hành và tải trọng của xe.

Điều kiện	Vị trí vạch
Một người lái	0
Một người lái và một hành khách trước	
Năm người ở hàng ghế trước và hàng ghế sau	1
Năm người ở hàng ghế trước và hàng ghế sau, cùng hành lý trong cốp, trong giới hạn trọng tải trực tối đa cho phép và trọng tải xe tối đa cho phép	2
Một người lái cùng hành lý trong cốp, trong giới hạn trọng tải trực tối đa cho phép và trọng tải xe tối đa cho phép	3

Đèn pha thích ứng tự động*

Camera góc rộng phía trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe như đèn của xe phía trước hoặc xe ngược chiều hoặc đèn đường. Khi lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống.

Cách sử dụng đèn pha thích ứng tự động

Kích hoạt hệ thống

Đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng và hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng tình huống khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau.



- Chế độ nguồn BẬT.
- Công tắc đèn ở **AUTO** (TỰ ĐỘNG).
- Cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.
- Đèn chiếu sáng đã được kích hoạt tự động.
- Bên ngoài trời tối.

Nếu đèn báo đèn pha thích ứng tự động vẫn không bật sáng ngay cả khi tắt cả các điều kiện trên được đáp ứng, hãy thực hiện một trong hai quy trình sau và đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến  sau đó xoay công tắc đèn đến **AUTO** (TỰ ĐỘNG).

Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

- Lái xe một lúc.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn pha thích ứng tự động*

Hệ thống đèn pha thích ứng tự động không phải lúc nào cũng hoạt động trong mọi tình huống. Hệ thống này chỉ để hỗ trợ người lái. Bạn cần phải luôn quan sát xung quanh và dùng tay chuyển đổi đèn chiếu sáng giữa chế độ chiếu xa và chiếu gần nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra nguồn sáng sẽ thay đổi tùy vào điều kiện xung quanh xe.

Tham khảo phần sau đây để biết thêm thông tin về xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió.

Camera góc rộng phía trước Tr. 374

Để hệ thống đèn pha thích ứng tự động hoạt động đúng cách:

- Không đặt bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh khu vực kính chắn gió xung quanh camera. Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc màng phủ lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu camera bị tác động mạnh hoặc cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

Nếu bạn chuyển cần gạt khỏi vị trí chiếu gần, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ tắt.

■ Tự động chuyển đổi giữa đèn chiếu xa và đèn chiếu gần

Khi đèn báo đèn pha thích ứng tự động bật sáng, có thể chuyển chế độ từ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại theo các điều kiện dưới đây.

Chiếu xa

Đáp ứng tất cả các điều kiện sau trước khi chế độ chiếu xa bật.

- Tốc độ xe từ 30 km/h (19 dặm/giờ)^{*1}/ 40 km/h (25 dặm/giờ)^{*2} trở lên.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều không bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.
- Có ít đèn đường ở đoạn đường phía trước.



Chiếu gần

Đáp ứng một trong các điều kiện sau trước khi bật đèn chiếu gần.

- Tốc độ xe từ 24 km/h (15 dặm/giờ) trở xuống.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.
- Có nhiều đèn đường ở đoạn đường phía trước.

▣ Cách sử dụng đèn pha thích ứng tự động

Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống đèn pha thích ứng tự động không thể chuyển đèn chiếu sáng một cách chính xác hoặc thời gian chuyển có thể thay đổi. Nếu bạn không quen sử dụng chức năng chuyển chiếu sáng tự động, hãy điều chỉnh bằng tay.

- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe ngược chiều quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v.).
- Các nguồn sáng xung quanh như đèn đường, đèn biển quảng cáo điện tử và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường gồ ghề hoặc có nhiều khúc cua.
- Có xe khác đột ngột xuất hiện ngay trước xe bạn hoặc có xe phía trước không chạy cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Tín hiệu giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh về phía xe bạn.
- Xe ngược chiều thường xuyên khuất sau các lùm cây bên đường hoặc dải phân cách.
- Xe phía trước hoặc xe ngược chiều là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống đèn pha thích ứng tự động sẽ duy trì ở chế độ chiếu gần khi:

- Cần gạt kính chắn gió gạt với tốc độ cao.
- Camera phát hiện có sương mù dày đặc.

*1 : Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

*2 : Ngoại trừ loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Ngoại trừ loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

Nếu bạn muốn dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây. Lưu ý rằng khi bạn làm vậy, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ tắt và đèn pha thích ứng tự động sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng cần điều khiển:

Kéo cần về phía bạn để nháy đèn chiếu xa rồi thả ra.

- Để bật lại đèn pha thích ứng tự động, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây và đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ sáng.
- Kéo cần điều khiển về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn sang , sau đó sang **AUTO** (TỰ ĐỘNG) khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.

Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn sang .

- Để bật lại đèn pha thích ứng tự động, hãy xoay công tắc đèn sang **AUTO** (TỰ ĐỘNG) khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ bật sáng.

Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

Nếu bạn muốn dùng tay để chuyển giữa chế độ chiếu xa và chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện quy trình dưới đây. Lưu ý rằng khi bạn làm vậy, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ tắt và đèn pha thích ứng tự động sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn sang .

- Để bật lại đèn pha thích ứng tự động, hãy xoay công tắc đèn sang **AUTO** (TỰ ĐỘNG) khi cần điều khiển ở vị trí chiếu gần, đèn báo đèn pha thích ứng tự động sẽ bật sáng.

» Cách sử dụng đèn pha thích ứng tự động

Cách tắt hệ thống đèn pha thích ứng tự động

Bạn có thể bật và tắt hệ thống đèn pha thích ứng tự động.

► Cài đặt Tr. 142, 167

Đèn ban ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày sẽ sáng khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn ở BẬT.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO** (TỰ ĐỘNG).

Loại xe tại Mexico

- Công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO** (TỰ ĐỘNG) hoặc .

Tắt cả các loại xe

Đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY sẽ làm tắt đèn ban ngày.

Đèn ban ngày tắt khi công tắc đèn chiếu sáng được bật, hoặc khi công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO** (TỰ ĐỘNG) và bên ngoài trời tối dần.

Cần gạt nước và rửa kính

■ Cần gạt nước kính chắn gió/rửa kính



Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính khi chế độ nguồn BẬT.

■ MIST

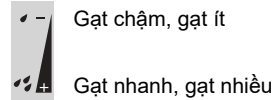
Các cần gạt nước hoạt động ở tốc độ cao cho đến khi bạn thả cần.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT*/AUTO*, LO, HI)

Gạt cần lên hoặc xuống để thay đổi cài đặt cần gạt nước.

■ Điều chỉnh hoạt động cần gạt nước*

Xoay vòng điều chỉnh để điều chỉnh hoạt động của cần gạt nước.



■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần về phía mình.

Khi bạn thả cần trong hơn một giây, nước rửa kính sẽ ngừng phun, cần gạt nước sẽ quét thêm hai hoặc ba lần để làm sạch kính chắn gió trước khi dừng lại.

► Cần gạt nước và rửa kính

CHÚ Ý

Không vận hành các cần gạt nước khi kính chắn gió khô. Kính chắn gió sẽ bị xước, hoặc các lưới cao su sẽ bị hỏng.

CHÚ Ý

Tắt chế độ rửa kính nếu không có nước rửa kính phun ra. Bơm có thể bị hỏng.

Mô-tơ cần gạt nước có thể dừng hoạt động tạm thời để tránh quá tải. Vận hành cần gạt nước sẽ trở lại bình thường trong vài phút.

Loại xe có vòng điều chỉnh thời gian ngắt quãng

Nếu xe tăng tốc khi các cần gạt nước đang gạt ngắt quãng, cần sẽ gạt nhanh hơn. Khi xe tăng tốc, tốc độ gạt của cần gạt nước khi cài đặt ở chế độ nhanh nhất (HI) và ở chế độ LO sẽ giống nhau.

*1 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn thủ công

*2 : Loại xe có cần gạt nước gián đoạn tự động

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

► Cần gạt nước và rửa kính

CHÚ Ý

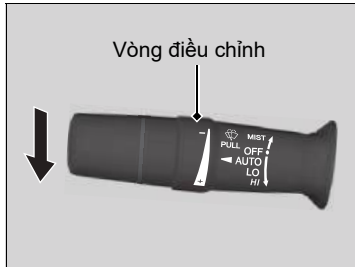
Khi trời lạnh, các lưỡi gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió.

Vận hành các cần gạt trong điều kiện này có thể làm hỏng cần gạt. Sử dụng sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật cần gạt nước.

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết tích tụ, hãy đỗ xe ở nơi an toàn.

Xoay công tắc cần gạt nước đến **OFF (TẮT)** và đặt chế độ nguồn thành PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY, sau đó lấy vật cản ra.

■ Chế độ gạt tự động ngắt quãng*



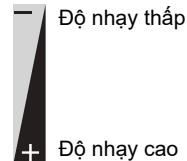
Khi bạn gạt cần điều khiển đến **AUTO** (TỰ ĐỘNG), cần gạt nước kính chắn gió gạt một lần rồi chuyển sang chế độ tự động.

Cần gạt nước gạt ngắt quãng, gạt chậm hoặc gạt nhanh và dừng tùy theo lượng mưa mà cảm biến nước mưa phát hiện.

■ Điều chỉnh độ nhạy TỰ ĐỘNG

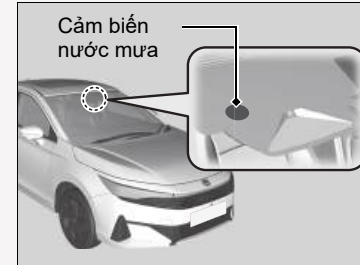
Khi cài đặt chức năng cần gạt nước ở chế độ **AUTO** (TỰ ĐỘNG), bạn có thể điều chỉnh độ nhạy của cảm biến nước mưa (sử dụng vòng điều chỉnh) để cần gạt hoạt động theo ý muốn của bạn.

Độ nhạy của cảm biến



►► Chế độ gạt tự động ngắt quãng*

Cảm biến nước mưa được lắp tại vị trí như hình minh họa bên dưới.



CHÚ Ý

Để tránh làm hỏng hệ thống cần gạt nước, luôn **TẮT** chế độ **AUTO** (TỰ ĐỘNG) khi:

- Vệ sinh kính chắn gió
- Lái xe qua trạm rửa xe
- Trời không mưa

Điều chỉnh độ sáng



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Khi độ sáng của đồng hồ đo bị giảm, bạn có thể sử dụng nút **+** hoặc **-** để điều chỉnh độ sáng bằng điều khiển.

Tăng độ sáng: Ấn nút **+**.

Giảm độ sáng: Ấn nút **-**.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Khi chế độ nguồn **BẬT**, bạn có thể sử dụng nút **+** hoặc **-** để điều chỉnh độ sáng bằng điều khiển.

Tăng độ sáng: Ấn nút **+**.

Giảm độ sáng: Ấn nút **-**.

Bạn sẽ nghe thấy một tiếng bíp khi độ sáng đạt mức tối thiểu hoặc tối đa. Vài giây sau khi điều chỉnh độ sáng, màn hình sẽ trở về màn hình trước đó.

►► Điều chỉnh độ sáng

Độ sáng của bảng điều khiển sẽ giảm trong các điều kiện sau:

- Chế độ nguồn **BẬT**.
- Công tắc đèn ở vị trí bất kỳ trừ vị trí tắt và bên ngoài trời tối.

Có thể cài đặt độ sáng khác nhau khi các đèn ngoài xe bật và tắt.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

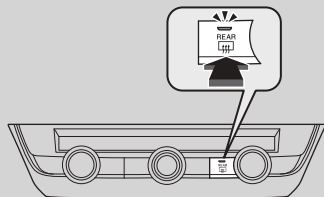


■ Chỉ báo mức độ sáng

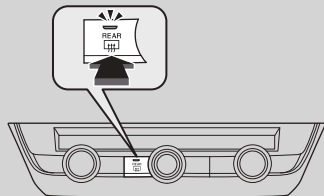
Mức độ sáng được hiển thị trên màn hình hiển thị trong khi bạn điều chỉnh độ sáng.

Nút sấy kính sau

Loại xe có vô lăng bên phải



Loại xe có vô lăng bên trái



Ấn nút sấy kính sau để làm tan sương cửa kính sau khi chế độ nguồn ở BẬT.

Sấy kính sau sẽ tự động tắt sau 10-30 phút tùy thuộc vào nhiệt độ ngoài trời.

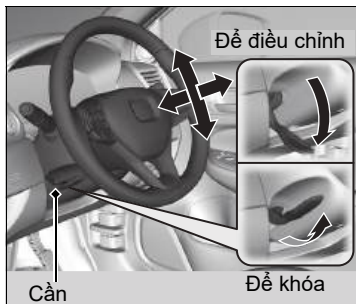
Tuy nhiên, nếu nhiệt độ ngoài trời là từ 0°C trở xuống, tính năng này sẽ không tự động tắt.

►► Nút sấy kính sau

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, do vậy hãy tắt hệ thống này khi cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu khi động cơ đang hoạt động không tải. Điều này có thể làm ắc-quy bị yếu, khó khởi động động cơ.

Điều chỉnh vô lăng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao và khoảng cách từ vô lăng đến người mình để có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái xe.



1. Khi xe dừng, đẩy cần điều chỉnh vô lăng xuống.
► Cần điều chỉnh vô lăng nằm dưới trụ lái.
2. Di chuyển vô lăng lên hoặc xuống, vào trong hoặc ra ngoài.
► Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo của bảng điều khiển.
3. Kéo cần điều chỉnh vô lăng lên để khóa vô lăng vào đúng vị trí.
► Sau khi điều chỉnh vị trí, để đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng đúng vị trí, hãy thử di chuyển vô lăng lên, xuống, vào trong và ra ngoài.

Điều chỉnh vô lăng

⚠ CẢNH BÁO

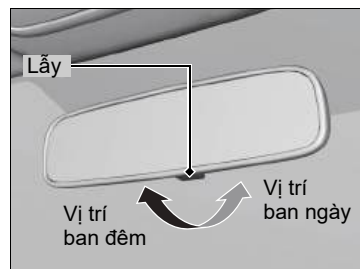
Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái có thể làm bạn mất kiểm soát xe và bị thương tích nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe dừng.

Gương chiếu hậu bên trong xe

Điều chỉnh góc của gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

■ Gương chiếu hậu ở các vị trí ban ngày và ban đêm*



Lật lấy để thay đổi vị trí.

Vị trí ban đêm giúp giảm độ chói từ các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn khi lái xe lúc trời tối.

■ Gương chiếu hậu làm mờ tự động*



Khi lái xe lúc trời tối, gương chiếu hậu làm mờ tự động sẽ làm giảm độ chói của các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn dựa trên thông tin đầu vào từ cảm biến gương. Tính năng này luôn hoạt động.

» Gương

Giữ sạch các gương chiếu hậu bên trong xe và ngoài xe và điều chỉnh các gương này để nhìn rõ nhất.

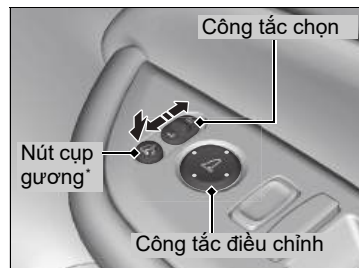
Điều chỉnh các gương trước khi lái xe.

📌 **Ghế trước** Tr. 233

» Gương chiếu hậu làm mờ tự động*

Chức năng làm mờ tự động hủy khi hộp số ở số **R**.

Gương cửa điện



Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi chế độ nguồn ở BẬT.

■ Điều chỉnh vị trí gương

Công tắc chọn L/R (Trái/Phải): Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, xoay lại công tắc về vị trí giữa.

Công tắc điều chỉnh vị trí gương: Ấn công tắc sang trái, phải, lên, hoặc xuống để điều chỉnh gương.

■ Cụp gương cửa*

Ấn nút cụp gương để cụp và mở các gương cửa.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Chức năng tự động cụp gương cửa*

■ Cụp các gương cửa

Nhấn nút khóa trên bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa, hoặc ấn nút khóa cửa trên cửa trước.

- Các gương bắt đầu tự động cụp vào.

■ Mở các gương cửa

Mở khóa cửa người lái bằng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa hoặc hệ thống mở cửa không chìa khóa.

- Các gương bắt đầu tự động mở ra.

⌘ Chức năng tự động cụp gương cửa*

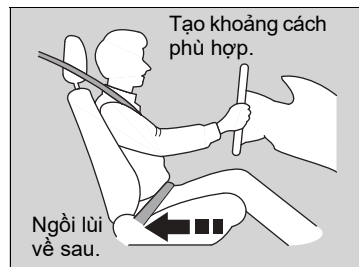
Bạn không thể tự động mở gương nếu đã ấn nút cụp gương để cụp các gương.

Bạn có thể bật và tắt chức năng tự động cụp gương cửa.

⌘ Cài đặt Tr. 142, 167

Các gương cửa sẽ không tự động cụp khi khóa từ bên trong xe bằng tay khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.

Ghế trước



Điều chỉnh ghế lái lùi hết cỡ về phía sau mà vẫn đảm bảo bạn có thể hoàn toàn kiểm soát được xe. Bạn nên ở tư thế ngồi thẳng lưng, sát vào lưng ghế và có thể dễ dàng nhấn bàn đạp mà không cần cúi về phía trước và cầm vô lăng một cách thoải mái. Điều chỉnh ghế hành khách theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

❏ Ghế

Luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

❏ Ghế trước

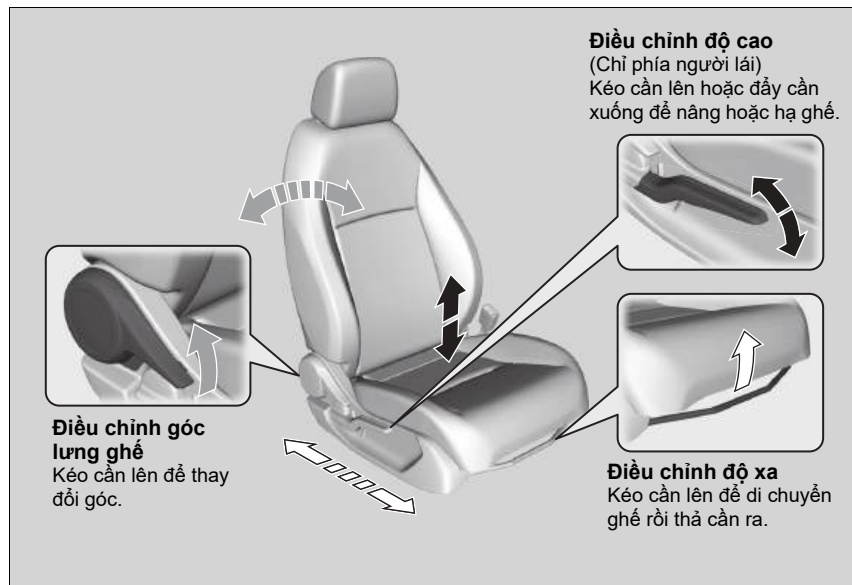
⚠ CẢNH BÁO

Ngồi quá gần túi khí trước có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong nếu túi khí trước bung ra.

Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo duy trì khả năng điều khiển xe.

Ngoài điều chỉnh ghế ngồi, bạn có thể điều chỉnh vô lăng lên và xuống, vào trong và ra ngoài. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô lăng và ngực người lái là 25 cm.

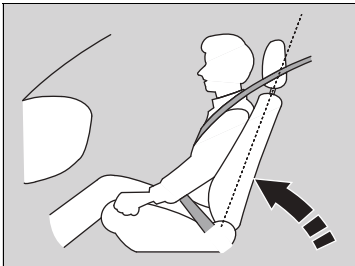
■ Điều chỉnh vị trí ghế ngồi



▣ Điều chỉnh vị trí ghế ngồi

Sau khi điều chỉnh, hãy lắc ghế qua lại để đảm bảo ghế đã được khóa vào đúng vị trí.

■ Điều chỉnh lưng ghế



Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, thẳng đứng để tạo một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thoải mái, thẳng đứng.

Ngả lưng ghế mà phần đai vai của dây an toàn không vắt qua ngực của người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây an toàn, làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai an toàn khi xảy ra va chạm và dẫn đến thương tích nghiêm trọng. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

▣ Điều chỉnh lưng ghế

⚠ CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá xa có thể gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế thẳng đứng và ngồi sát vào lưng ghế.

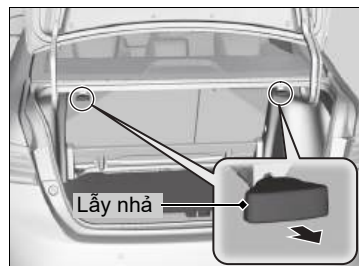
Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn.

Làm vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động của dây đai an toàn hoặc túi khí.

Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp nhằm đảm bảo lái xe an toàn.

Ghế sau

■ Gập ghế sau xuống*



1. Đặt tựa tay trở lại vào tựa lưng ghế.
2. Tháo dây đai an toàn vai ở giữa ra khỏi khe dẫn hướng.

3. Kéo lấy nhả trong cốp để nhả khóa.

4. Gập tựa lưng ghế xuống.

► Gập ghế sau xuống*

⚠ CẢNH BÁO

Đảm bảo chốt chặt các tựa lưng ghế trước khi lái xe.

Bạn có thể gập tựa lưng ghế sau xuống để chứa những vật dụng cồng kềnh hơn trong cốp.

Không lái xe khi tựa lưng ghế gập xuống và nắp cốp mở.

⚠ Nguy hiểm do khí thải Tr. 99

Để khóa thẳng tựa lưng ghế, đẩy tựa lưng về phía sau cho đến khi tựa lưng ghế khóa lại. Khi dựng thẳng lưng ghế về vị trí ban đầu, đẩy dứt khoát lưng ghế về phía sau. Ngoài ra, cần đảm bảo tất cả dây đai an toàn vai ghế sau được đặt ở phía trước tựa lưng ghế và dây đai an toàn vai ở giữa được đặt lại đúng vị trí trong khe dẫn hướng.

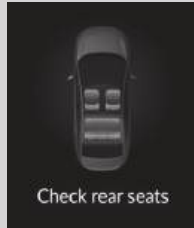
Hãy đảm bảo mọi vật trong cốp hoặc các vật kéo dài tới khoảng mở vào khu vực ghế sau đều được cố định đúng cách. Các vật không được cố định có thể văng về phía trước nếu bạn phải phanh gấp.

Hãy lấy hết đồ vật ra khỏi đệm ghế sau và sàn xe trước khi gập ghế sau xuống.

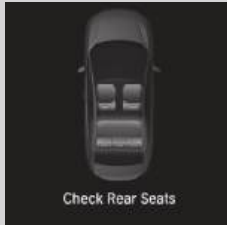
Nhắc ghế sau*

Tính năng này cảnh báo cho bạn biết có thể có hành khách hoặc có vật gì đó ở ghế sau trước khi bạn ra khỏi xe. Tính năng này hoạt động khi xe được đặt ở chế độ TẮT MÁY nếu các cửa sau đã được mở ngay trước hoặc sau khi xe được đặt ở chế độ BẬT.

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



Một thông báo nhắc xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và cảnh báo sẽ vang lên khi chế độ nguồn được đặt thành TẮT MÁY.

► Nhắc ghế sau*

Khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY, nhắc ghế sau sẽ bật trong giây lát, sau đó chức năng bị vô hiệu hóa.

Tính năng nhắc ghế sau sẽ không hoạt động nếu chế độ nguồn không được đặt ở BẬT trong vòng 10 phút từ khi vận hành các cửa sau.

Hệ thống sẽ không phát hiện có hành khách ở ghế sau. Thay vào đó, hệ thống có thể phát hiện khi cửa sau được mở và đóng, cho biết có thể có gì đó ở ghế sau.

Bạn có thể cài đặt tắt thông báo.

► Cài đặt Tr. 142, 167

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Duy trì vị trí ngồi thích hợp

Sau khi tắt cả người ngồi đã điều chỉnh ghế, tựa đầu và thắt dây đai an toàn, việc duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ tắt là rất quan trọng.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi xảy ra va chạm. Ví dụ, nếu một hành khách ngồi khom lưng, nằm trên ghế, quay người sang một bên, ngồi rướn về phía trước, nghiêng người về phía trước hoặc sang một bên, hoặc để một hoặc cả hai chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi xảy ra va chạm sẽ là rất lớn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí thì có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí trước đang bung.

►► Duy trì vị trí ngồi thích hợp

CẢNH BÁO

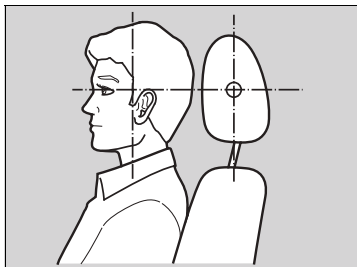
Ngồi không đúng tư thế có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

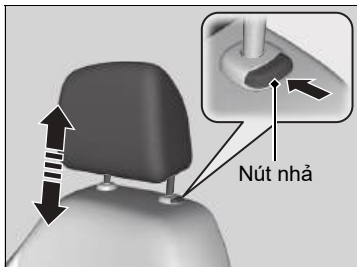
Tựa đầu

Xe bạn được trang bị tựa đầu ở tất cả các vị trí ngồi.

■ Điều chỉnh tựa đầu ghế trước



Tựa đầu có tác dụng bảo vệ tốt nhất tránh tổn thương cổ do giật mạnh và các thương tích do va chạm từ phía sau khi phần giữa phía sau đầu của người ngồi tựa sát với phần chính giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với độ cao phần giữa của tựa đầu.



Để nâng tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên.

Để hạ tựa đầu:

Ấn tựa đầu xuống trong khi ấn nút nhả.

►► Điều chỉnh tựa đầu ghế trước

⚠ CẢNH BÁO

Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ và làm tăng nguy cơ bị thương tích nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh phù hợp trước khi lái xe.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động đúng cách:

- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và tựa lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí.

■ Tháo và lắp lại tựa đầu ghế trước

Có thể tháo tựa đầu ra để vệ sinh hoặc sửa chữa.

Để tháo tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó, ấn nút nhỏ, kéo tựa đầu lên rồi kéo tựa đầu ra.

Để lắp lại tựa đầu:

Lắp các chân vào đúng vị trí, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhỏ. Kéo tựa đầu lên để kiểm tra xem tựa đầu đã được khóa vào đúng vị trí chưa.

►► Tháo và lắp lại tựa đầu ghế trước

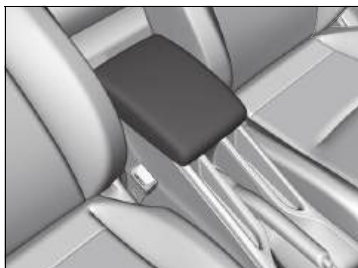
⚠ CẢNH BÁO

Việc không lắp lại hoặc lắp lại không đúng cách tựa đầu có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng trong trường hợp va chạm.

Luôn lắp lại tựa đầu trước khi lái xe.

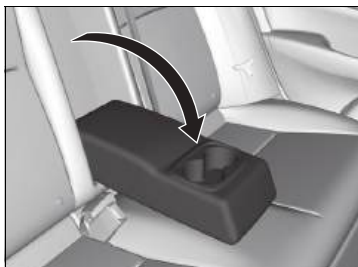
Tựa tay*

■ Sử dụng tựa tay ghế trước*



Có thể sử dụng nắp hộp đựng đồ để làm tựa tay.

■ Sử dụng tựa tay ghế sau*

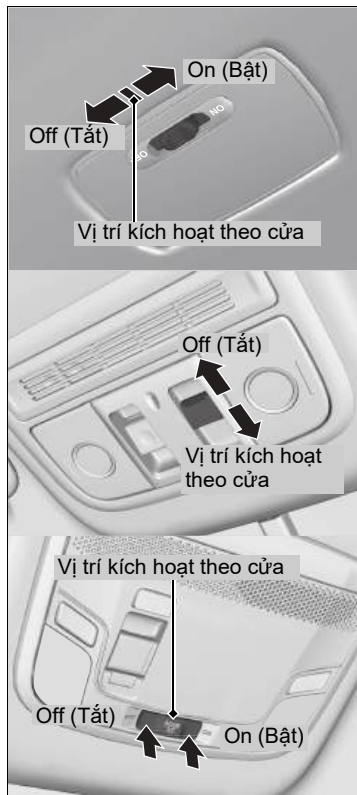


Kéo tựa tay ở tựa lưng giữa xuống.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đèn trong xe

■ Công tắc đèn trong xe



■ ON (BẬT)

Đèn trong xe bật sáng cho dù các cửa mở hay đóng.

■ Kích hoạt theo cửa

Đèn trong xe bật sáng trong những trường hợp sau:

- Khi có một cửa mở.
- Khi mở khóa cửa người lái.
- Khi đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.

■ OFF (TẮT)

Đèn trong vẫn tắt vẫn tắt dù cửa mở hay đóng.

» Công tắc đèn trong xe

Ở vị trí kích hoạt theo cửa, đèn trong xe mờ dần rồi tắt sau khi đóng các cửa khoảng 30 giây.

Đèn tắt sau khoảng 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi bạn mở khóa cửa người lái nhưng không mở cửa.
- Khi đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY nhưng không mở cửa nào.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ của đèn trong xe.

■ Cài đặt Tr. 142, 167

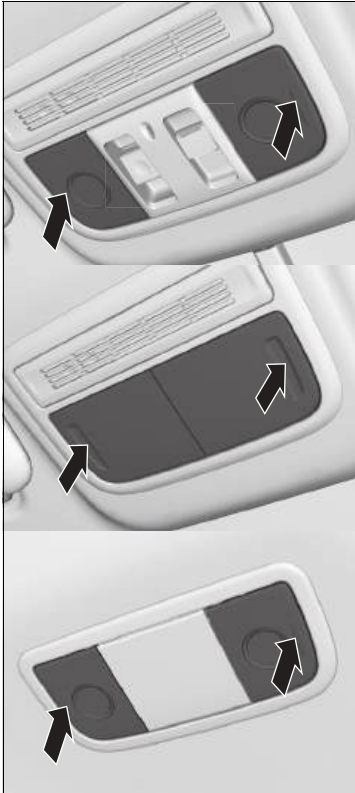
Đèn trong xe tắt ngay trong những trường hợp sau:

- Khi khóa cửa người lái.
- Khi đóng cửa người lái với chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN.
- Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT.

Nếu bất kỳ cửa nào mở khi xe đang chế độ TẮT MÁY, đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

Để tránh làm hao điện ắc-quy, không để đèn trong xe bật trong một khoảng thời gian dài sau khi đã tắt động cơ.

■ Công tắc đèn đọc sách



Có thể ấn vào thấu kính đèn để bật và tắt đèn đọc sách.

▣ Công tắc đèn đọc sách

Khi công tắc đèn trong xe phía trước ở vị trí kích hoạt theo cửa và bất kỳ cửa nào đang mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn vào thấu kính đèn.



Có thể ấn vào nút  để bật và tắt đèn đọc sách.

► Công tắc đèn đọc sách

Khi công tắc đèn trong xe phía trước ở vị trí kích hoạt theo cửa và bất kỳ cửa nào đang mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn nút .

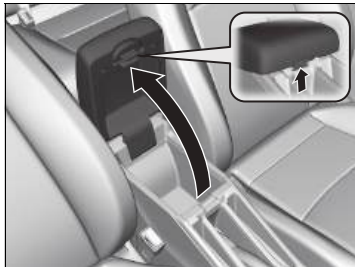
Ngăn để đồ

■ Hộp đựng đồ



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

■ Hộp đựng đồ trung tâm*



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ trung tâm.

▣ Hộp đựng đồ

⚠ CẢNH BÁO

Để hộp đựng đồ mở có thể làm cho hành khách bị thương tích nghiêm trọng khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt đai dây an toàn.

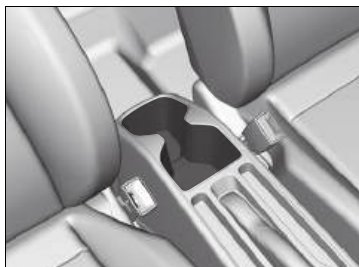
Luôn đóng hộp đựng đồ khi lái xe.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Hộc giữ cốc



■ Hộc giữ cốc ghế trước



■ Hộc giữ cốc ghế trước (loại bốn hộc giữ cốc)*

» Hộc giữ cốc

CHÚ Ý

Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các bộ phận điện trong xe.

Cẩn thận khi sử dụng hộc giữ cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.



■ **Hộc giữ cốc bên cửa trước**

Nằm ở cả hai cánh cửa trước.



■ **Hộc giữ cốc bên cửa sau**

Nằm ở cả hai cánh cửa sau.

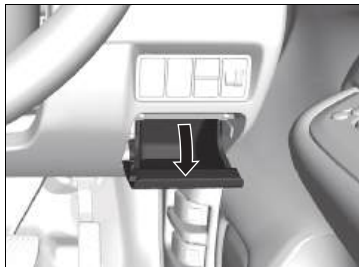


■ **Hộc giữ cốc ghế sau***

Gập tựa tay xuống để sử dụng hộc giữ cốc ghế sau.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Hộp đựng đồ bên phía người lái



Kéo nắp để mở hộp đựng đồ.

■ Móc treo áo*



Có móc treo áo trên tay nắm trần phía sau bên phải. Kéo móc này xuống để sử dụng.

» Móc treo áo*

Móc treo áo không dùng để treo các đồ vật to hoặc nặng.

■ Khu vực lưu trữ dưới sàn xe*



Kéo nắp sàn cốp lên.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Các hạng mục tiện ích bên trong khác

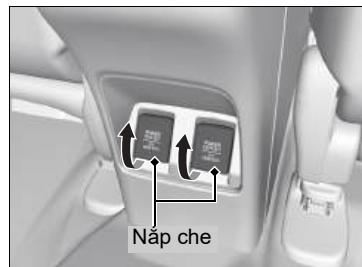
■ Ổ cắm điện phụ kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN hoặc BẬT.



■ Ổ cắm điện phụ kiện trên cụm bảng điều khiển trung tâm

Mở nắp che để sử dụng ổ cắm.



■ Ổ cắm điện phụ kiện ở phía sau hộp đựng đồ trung tâm*

Mở nắp che để sử dụng ổ cắm.

» Ổ cắm điện phụ kiện

CHÚ Ý

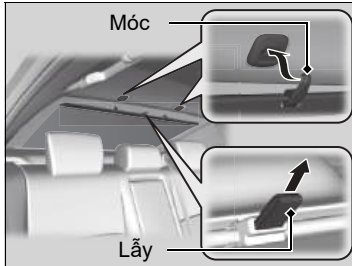
Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này, để tránh làm ổ cắm điện phụ kiện bị quá nhiệt.

Các ổ cắm điện phụ kiện được thiết kế để cung cấp nguồn điện cho các phụ kiện dùng điện một chiều 12 V với công suất định mức từ 180 W (15 A) trở xuống.

Để tránh làm ắc-quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang hoạt động.

Khi không sử dụng ổ cắm điện phụ kiện, hãy đóng nắp che để ngăn không cho bất kỳ vật nhỏ nào lọt vào ổ cắm điện phụ kiện.

■ Tầm che nắng phía sau*



Kéo lấy và cuộn tầm che nắng lên hết mức có thể. Sử dụng móc để treo tầm che nắng.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

► Tầm che nắng phía sau*

CHÚ Ý

Cẩn thận không làm xước các bộ phận gia nhiệt trên kính chắn gió phía sau khi sử dụng tầm che nắng phía sau.

Loại xe tại Ấn Độ

Không sử dụng tầm che nắng khi đang lái xe vì tầm che có thể cản trở tầm quan sát của người lái.

Có thể sử dụng tầm che nắng để bảo vệ phần nội thất khi đỗ xe dưới ánh nắng trực tiếp trong thời gian dài.

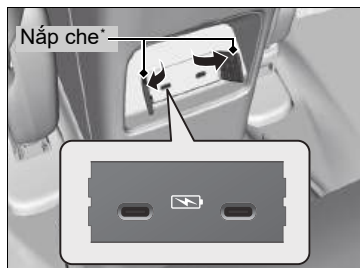
Kiểm tra và tuân thủ các yêu cầu theo luật pháp tại địa phương trước khi sử dụng tầm che nắng.

■ Cổng USB để sạc*

Cắm đầu nối USB vào cổng USB (3,0 A) để sạc thiết bị.
Cổng USB có ký hiệu  chỉ dùng để sạc pin.



■ Trên bảng điều khiển phía trước*



■ Phía sau hộp đựng đồ trung tâm*

■ Cổng USB để sạc*

- Không để thiết bị sạc trong xe. Ánh nắng mặt trời trực tiếp và nhiệt độ cao có thể làm hỏng thiết bị.
- Bạn nên sử dụng cáp nối dài với cổng USB.
- Không kết nối thiết bị để sạc bằng bộ chia.
- Không sử dụng thiết bị như đầu đọc thẻ, ổ cứng để tránh làm hỏng thiết bị hoặc các tệp.
- Bạn nên lưu dự phòng dữ liệu của mình trước khi sử dụng thiết bị trên xe.

Cổng USB có thể cấp nguồn điện lên tới 3,0 A.
Cổng này không cấp ra dòng điện 3,0 A trừ khi thiết bị yêu cầu.

Để biết chi tiết về cường độ dòng điện, hãy đọc tài liệu hướng dẫn vận hành thiết bị cần sạc điện.
Trước tiên, đặt chế độ nguồn thành PHỤ KIỆN hoặc BẬT.

Ở một số điều kiện nhất định, thiết bị được cắm vào cổng cũng có thể gây nhiễu khi bạn nghe radio.

Nếu sạc USB trở nên quá nóng, quá trình sạc có thể bị tạm dừng.

Không đưa vật lạ vào thiết bị sạc.

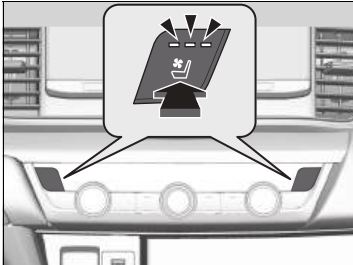
Không làm đổ chất lỏng (ví dụ như nước, đồ uống, v.v.) lên thiết bị.

■ Thông gió ghế trước*



Có thể sử dụng bộ thông gió ghế khi chế độ nguồn ở BẬT.

Bộ thông gió ghế: Sử dụng các bộ thông gió khi muốn thông gió bề mặt ghế ngồi. Khi sử dụng bộ thông gió cùng điều hòa không khí, bề mặt ghế ngồi sẽ được làm mát dễ dàng hơn.



Ấn nút thông gió:

Một lần - Chế độ HI (CAO) (ba đèn báo sáng)

Hai lần - Chế độ MID (TRUNG BÌNH) (hai đèn báo sáng)

Ba lần - Chế độ LO (THẤP) (một đèn báo sáng)

Bốn lần - Chế độ OFF (TẮT) (không đèn báo nào sáng)

Khi chế độ nguồn được bật sau khi đã tắt, cài đặt đã chọn trước đó vẫn được duy trì.

■ Thông gió ghế trước*

Không sử dụng chức năng thông gió ghế, ngay cả ở chế độ LO (THẤP), khi động cơ TẮT. Những điều kiện như vậy có thể làm yếu ắc-quy, làm động cơ khó khởi động.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Sử dụng khe thông gió, sưởi* và điều hòa không khí



Khe thông gió trên bảng táp-lô và phía sau hộp đựng đồ trung tâm*



Khe thông gió trên bảng táp-lô và sàn và phía sau hộp đựng đồ trung tâm*



Khe thông gió sàn



Khe thông gió sàn và sấy kính

Núm điều khiển chế độ

Thay đổi luồng khí.

Núm xoay điều chỉnh nhiệt độ^{*3}

Điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe.

Nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)^{*1, *3}

Ấn để làm mát bên trong xe nhanh.

Nút A/C (Điều hòa không khí)^{*3}

Ấn để làm mát bên trong xe hoặc hút ẩm.



Nút (Lấy gió trong)^{*3}

Ấn nút  và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.

Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng):

Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt):

Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.



Nút (ON/OFF) (BẬT/TẮT)^{*3}

Ấn để bật và tắt hệ thống.

Nút MAX A/C (Điều hòa không khí TỐI ĐA)^{*2}

Bật A/C (Điều hòa không khí), chọn luồng khí từ khe thông gió trên bảng táp-lô và chuyển chế độ sang lấy gió trong.

^{*1}: Loại xe có nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA)

^{*2}: Loại xe có nút **MAX A/C** (Điều hòa không khí TỐI ĐA)

^{*3}: Hình vẽ mô phỏng loại xe có vô lăng bên phải. Đối với loại xe có vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại xe có vô lăng bên phải.

Sưởi*

Bộ sưởi sử dụng nước làm mát động cơ để làm ấm không khí.

1. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng nút điều khiển quạt.
2. Chọn .
3. Điều chỉnh nhiệt độ bằng nút xoay điều chỉnh nhiệt độ.
4. Ấn nút  (đèn báo tắt).

■ Để làm ấm bên trong xe nhanh

1. Đặt quạt ở tốc độ tối đa.
2. Chọn .
3. Đặt nhiệt độ ở mức ấm tối đa.
4. Ấn nút  (đèn báo bật).

■ Để hút ẩm bên trong xe

Khi được sử dụng kết hợp với bộ sưởi, hệ thống điều hòa không khí sẽ làm bên trong xe ấm và khô, đồng thời có thể ngăn cửa kính không bị đọng sương.

1. Bật quạt.
2. Ấn nút **A/C** (Điều hòa không khí) (**A/C ON** (Điều hòa không khí BẬT) xuất hiện) để bật điều hòa không khí.
3. Chọn  và ấn nút  (đèn báo tắt).
4. Điều chỉnh nhiệt độ theo mong muốn.

► Sử dụng khe thông gió, sưởi* và điều hòa không khí

Loại xe tại Thái Lan

Ở chế độ tự động dừng động cơ tạm thời, điều hòa không khí sẽ tạm ngừng và chỉ có quạt gió vẫn hoạt động.

Nếu bạn không muốn tạm ngừng điều hòa không khí, ấn nút **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời để hủy hệ thống.

► Để làm ấm bên trong xe nhanh

Thay đổi thành chế độ lấy gió ngoài khi bên trong xe đủ ấm. Cửa kính có thể đọng sương nếu bị giữ ở chế độ lấy gió trong.

■ Làm mát

1. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng nút điều khiển quạt.
2. Chọn .
3. Điều chỉnh nhiệt độ bằng nút xoay điều chỉnh nhiệt độ.
4. Ấn nút **A/C** (Điều hòa không khí) (**A/C ON** (Điều hòa không khí BẬT) xuất hiện).
5. Ấn nút  (đèn báo tắt).

■ Để làm mát bên trong xe nhanh

Loại xe có nút MAX A/C (Điều hòa không khí TỐI ĐA)

1. Đặt quạt ở tốc độ tối đa.
2. Ấn nút **MAX A/C** (Điều hòa không khí TỐI ĐA) (**MAX A/C** (Điều hòa không khí TỐI ĐA) xuất hiện).

Loại xe có nút MAX COOL (MÁT TỐI ĐA)

Ấn nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA) (**MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA) xuất hiện).

»» Làm mát

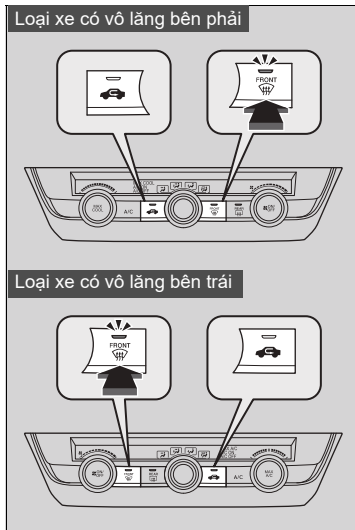
Loại xe có hộp số vô cấp

Khi ở chế độ **ECON**, hệ thống có thể có thể làm giảm hiệu suất làm mát.

»» Để làm mát bên trong xe nhanh

Nếu bên trong xe rất ẩm, bạn có thể làm mát bên trong xe nhanh hơn bằng cách mở hé cửa kính.

■ Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính



1. Đặt quạt ở tốc độ cao.
2. Ấn nút .
3. Ấn nút  (đèn báo tắt).
4. Điều chỉnh nhiệt độ cho đến khi cảm thấy luồng khí ấm.
 - Nếu muốn làm tan sương cửa kính nhanh: Đặt quạt ở tốc độ tối đa và nhiệt độ cao hơn, sau đó ấn nút  (đèn báo bật).

■ Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính

Vi sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái xe.

Không đặt nhiệt độ gần mức thấp nhất. Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, mặt ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

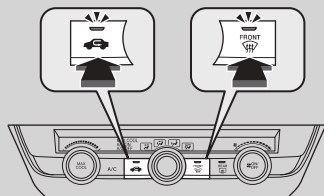
Loại xe tại Thái Lan

Nếu cửa kính bên động sương, hãy điều chỉnh các cửa khe thông gió cho khí thổi vào cửa kính bên.

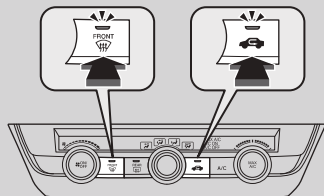
Nếu ấn nút  khi ở Chế độ động dừng động cơ tạm thời, động cơ sẽ tự động khởi động lại.

■ Để làm tan sương các cửa kính

Loại xe có vô lăng bên phải



Loại xe có vô lăng bên trái



►► Để làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm, dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

259

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

*1 : Loại xe có nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA)

*2 : Hình vẽ mô phỏng loại xe có vô lăng bên phải. Đối với loại xe có vô lăng bên trái, các nút này nằm ở vị trí đối xứng với loại xe có vô lăng bên phải.

■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài

Ấn nút  (Lấy gió trong) và chuyển đổi chế độ tùy theo điều kiện môi trường. Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

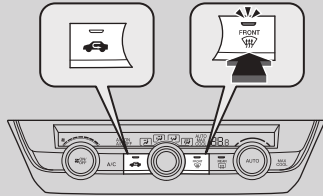
» Sử dụng điều hòa không khí tự động

Một số loại xe

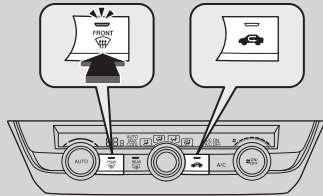
Để ngăn không khí lạnh bên ngoài tràn vào bên trong xe, quạt sẽ không khởi động ngay lập tức khi bạn ấn nút **AUTO** (TỰ ĐỘNG).

■ Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính

Loại xe có vô lăng bên phải



Loại xe có vô lăng bên trái



Ấn nút  để bật hệ thống điều hòa không khí và hệ thống sẽ tự động chuyển đổi sang chế độ lấy gió ngoài.

Một số loại xe

Ấn nút  (đèn báo tắt) để chuyển đổi sang chế độ lấy gió ngoài.

► Nếu muốn làm tan sương cửa kính nhanh:

Ấn nút  (đèn báo bật).

Ấn lại nút  để tắt và hệ thống sẽ trở về các cài đặt trước đó.

▣ Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính

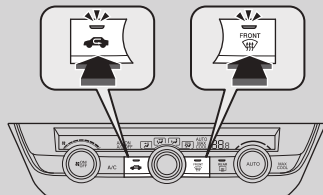
Vi sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái xe.

Không đặt nhiệt độ gần mức thấp nhất.

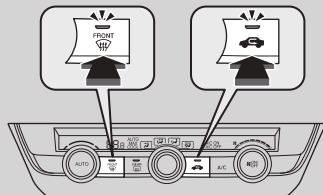
Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, mặt ngoài của kính chắn gió có thể đọng sương.

■ Để làm tan sương các cửa kính

Loại xe có vô lăng bên phải



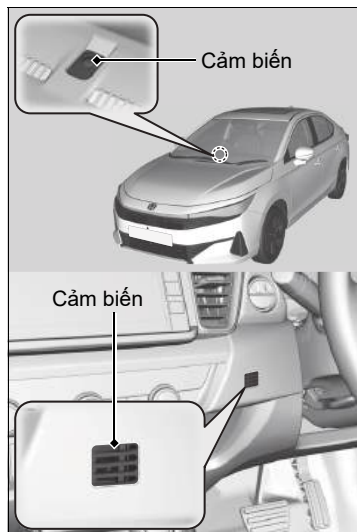
Loại xe có vô lăng bên trái



►► Để làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm, dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

Cảm biến điều hòa không khí tự động



Hệ thống điều hòa không khí tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm đổ chất lỏng vào cảm biến này.

Tính năng

Nếu xe này được trang bị hệ thống âm thanh, vui lòng tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống âm thanh.
Tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.



Lái xe

Chương này đề cập đến việc lái xe và nạp nhiên liệu.



Trước khi lái xe	
Chuẩn bị lái xe	268
Giới hạn tải trọng	270
Kéo rơ-moóc	271
Khi lái xe	
Khởi động động cơ	272
Biện pháp phòng ngừa khi lái xe	279
Hộp số vô cấp*	280
Sang số	281, 286
Chế độ ECON*	289
Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời*	290
Kiểm soát hành trình*	294
Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) ...	298

Hỗ trợ xử lý nhanh	300
Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*	301
Honda SENSING*	308
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)	311
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường ..	325
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) ..	337
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) ..	355
Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*	368
Camera góc rộng phía trước	374
Phanh	
Hệ thống phanh	376
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) ..	378

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp	379
Ngoại trừ loại xe tại Mexico	
Tín hiệu dừng khẩn cấp	380
Đỗ xe	
Khí xe đã dừng	381
Hệ thống cảm biến đỗ*	383
Nạp nhiên liệu	
Thông tin nhiên liệu	387
Cách nạp nhiên liệu	389
Tiết kiệm nhiên liệu và lượng khí thải	
CO ₂	390
Xe có động cơ tăng áp*	391

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Chuẩn bị lái xe

Kiểm tra các mục sau trước khi bắt đầu lái xe.

Kiểm tra bên ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn ngoài xe hoặc các bộ phận khác của xe.
 - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
 - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái xe hoặc ảnh hưởng đến những người tham gia giao thông khác. Nếu tuyết đã đóng cứng, gạt bỏ băng khi đã tan bớt.
 - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
 - ▶ Nếu nắp ca-pô mở ra khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
 - ▶ Kiểm tra áp suất không khí, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
 - ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

❏ **Kiểm tra và thay lốp** Tr. 439

❏ Kiểm tra bên ngoài

CHÚ Ý

Khi các cửa bị đóng băng, hãy đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở cửa, vì việc này có thể làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Khi đã làm xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa.
Sẽ không thể cắm chìa khóa vào ổ khóa nếu nước bị đóng băng trong lỗ khóa.

Nhiệt từ động cơ và khí xả có thể làm bắt cháy các vật liệu dễ cháy bám dưới nắp ca-pô, gây ra hỏa hoạn. Nếu bạn đỗ xe trong một thời gian dài, hãy kiểm tra và loại bỏ bất kỳ mảnh vụn nào có thể đã tích tụ, chẳng hạn như cỏ khô và lá rụng hoặc những vật liệu mà động vật nhỏ mang vào để làm tổ. Đồng thời kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó thực hiện bảo dưỡng xe.

Kiểm tra bên trong

- Cất giữ hoặc cố định chắc chắn tất cả các đồ vật trên xe.
 - Chờ quá nhiều hành lý hoặc xếp hàng lý không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định, khoảng cách dừng, lốp xe và làm giảm độ an toàn.
- ✚ **Giới hạn tải trọng** Tr. 270
- Không để các đồ vật cao hơn tựa lưng ghế.
 - Các đồ vật này có thể che tầm nhìn của bạn và xô về phía trước trong trường hợp phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo gắn chắc thảm lót sàn.
 - Đồ vật hoặc thảm lót sàn không được cố định chắc chắn sẽ cản trở bạn nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ga trong khi lái xe.
- Nếu có vật nuôi trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
 - Vật nuôi có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt tất cả các cửa và cốp.
 - ✚ **Khóa/Mở khóa cửa từ bên trong** Tr. 192
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
 - Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
 - ✚ **Ghế** Tr. 233
 - ✚ **Điều chỉnh tựa đầu ghế trước** Tr. 239
- Điều chỉnh các gương và vô lăng đúng cách.
 - Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế phù hợp.
 - ✚ **Gương** Tr. 230
 - ✚ **Điều chỉnh vô lăng** Tr. 229

Kiểm tra bên trong

Hướng của đèn chiếu sáng là do nhà máy cài đặt và không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở các vật nặng trong cốp, hãy đến đại lý hoặc để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

Loại xe có bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng

Bạn có thể tự điều chỉnh góc đèn chiếu gần.

- ✚ **Bộ phận điều chỉnh đèn chiếu sáng*** Tr. 218

- Đảm bảo các đồ vật để dưới sàn phía sau ghế trước không lặn dưới các ghế.
 - Các đồ vật này có thể cản trở khả năng vận hành bàn đạp của người lái và vận hành của ghế.
- Mọi người trong xe đều phải thắt dây đai an toàn.
 - 📌 **Thắt dây đai an toàn** Tr. 46
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng điều khiển bật sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
 - Nếu đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
 - 📌 **Đèn báo** Tr. 102

Giới hạn tải trọng

Khi bạn chất hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá trọng tải tối đa cho phép.

📌 **Thông số kỹ thuật** Tr. 524

📌 **Giới hạn tải trọng**

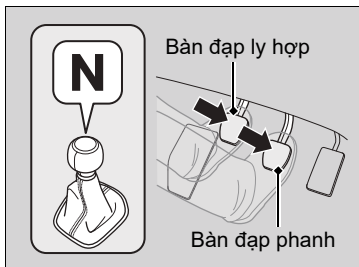
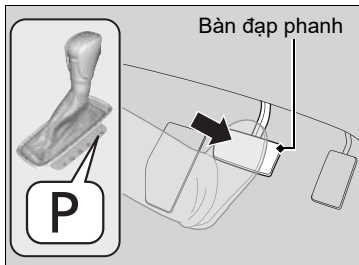
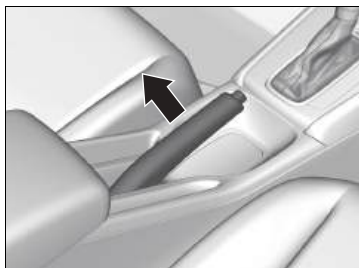
⚠ CẢNH BÁO

Tải quá nặng hoặc xếp tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc xử lý và độ cân bằng của xe và có thể gây ra va chạm khiến bạn bị thương hoặc tử vong.

Tuân theo tất cả các giới hạn tải trọng và các hướng dẫn xếp tải trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc và không thể kéo rơ-moóc cũng như không thể lắp móc kéo vào xe một cách an toàn. Không lắp móc kéo lên xe hoặc dùng xe để kéo.

Khởi động động cơ



1. Đảm bảo đã gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Đảm bảo hộp số ở số **[P]**, sau đó nhấn bàn đạp phanh.

► Mặc dù có thể khởi động xe ở số **[N]**, nhưng khởi động xe ở số **[P]** vẫn an toàn hơn.

Loại xe có hộp số sàn

2. Kiểm tra xem cần số có đang ở số **[N]**. Sau đó, nhấn bàn đạp phanh bằng chân phải và nhấn bàn đạp ly hợp bằng chân trái.

► Phải nhấn hết mức bàn đạp ly hợp để khởi động động cơ.

Khởi động động cơ

Để chắc chắn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

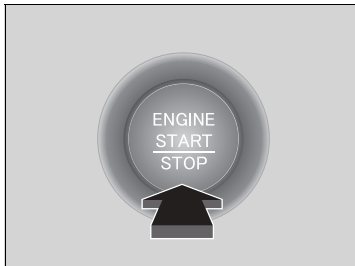
Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và không khí loãng ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, hãy tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống sưởi* và làm mát*/hệ thống điều hòa không khí tự động*, hệ thống sấy kính sau để giảm mức tiêu hao điện ắc-quy.

Nếu hệ thống xả phát ra âm thanh bất thường hoặc bạn ngửi thấy mùi khí xả bên trong xe, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Có thể động cơ hoặc hệ thống xả có sự cố.

Để chìa khóa điều khiển từ xa gần nút **ENGINE START/STOP** nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu.

► Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu
Tr. 485



Tất cả các loại xe

3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ga.

►► Khởi động động cơ

Động cơ có thể không khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa tiếp xúc với sóng vô tuyến mạnh.

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động, hãy chờ thêm ít nhất 30 giây, sau đó khởi động lại động cơ.

Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu sử dụng chìa khóa (hoặc thiết bị khác) được mã hóa không đúng cách, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

► **Hệ thống chống nổ máy** Tr. 198

Loại xe tại Thái Lan

Khi khởi động động cơ, bạn có thể cảm thấy bàn đạp phanh hơi lún xuống. Điều này là bình thường.

■ Khởi động động cơ từ xa*

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.

■ Để khởi động động cơ

LED: Nhấp nháy khi
ấn nút bất kỳ.



Ấn nút , sau đó ấn và giữ nút .

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần.

Nếu động cơ khởi động thành công, một số đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy sáu lần.

►► Khởi động động cơ từ xa*

⚠ CẢNH BÁO

Khí xả từ động cơ có chứa carbon monoxide (CO) độc hại.

Hít phải CO có thể gây chết người hoặc gây bất tỉnh.

Không được khởi động động cơ từ xa khi xe đang đỗ trong gara hoặc khu vực khác có hệ thống thông gió kém.

Khởi động động cơ từ xa có thể vi phạm các quy định ở địa phương.

Trước khi sử dụng khởi động động cơ từ xa, hãy xem lại các quy định của địa phương.

Nếu có toà nhà hoặc vật cản giữa xe và chìa khóa điều khiển từ xa, phạm vi sẽ bị thu hẹp. Khoảng cách có thể thay đổi do nhiễu điện từ bên ngoài.



Nếu động cơ không khởi động, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy.

► Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

Khi khởi động từ xa, động cơ tự động tắt sau 10 phút chạy ở chế độ không tải và/hoặc không đồng thời nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP**. Nếu muốn chạy không tải thêm 10 phút nữa ở lần lần bánh đầu tiên, ấn nút , sau đó ấn và giữ nút .

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy sáu lần nếu yêu cầu chạy không tải thêm 10 phút được gửi đi thành công.

►► Khởi động động cơ từ xa*

Không thể khởi động động cơ từ xa nếu:

• Bạn đã tắt cài đặt khởi động động cơ từ xa*.

► **Cài đặt** Tr. 142, 167

• Chế độ nguồn không ở TẮT MÁY.

• Hộp số đang ở vị trí khác ngoài **[P]**.

• Nắp ca-pô mở, hoặc một cửa bất kỳ hoặc cốp không khóa.

• Bạn đã sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa hai lần để khởi động động cơ.

• Một chìa khóa điều khiển từ xa đã được đăng ký khác ở trong xe.

• Có ăng-ten nào đó bị lỗi.

• Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.

• Áp suất dầu động cơ thấp.

• Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.

• Bộ điều khiển viễn thông gặp trục trặc*.

• Không thiết lập hệ thống cảnh báo an ninh.

■ Để dừng động cơ



Ấn và giữ nút  trong một giây.



Nếu động cơ dừng thành công, các đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy một lần.



Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm ngoài phạm vi của hệ thống mở cửa không chìa khóa, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy. Động cơ sẽ không dừng lại.

► Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

►► Khởi động động cơ từ xa*

Động cơ có thể dừng trong khi đang chạy nếu:

- Không khởi động xe trong vòng 10 phút sau khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Dừng động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Không thiết lập hệ thống cảnh báo an ninh.
- Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.
- Nắp ca-pô mở, hoặc một cửa bất kỳ hoặc cốp không khóa.
- Bạn ấn nút nhà cần số.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Ắc-quy yếu.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Đèn báo sự cố bật sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải gặp sự cố.

Trong khi động cơ đang hoạt động, xe sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe.

Khi trời ấm:

- Hệ thống sưởi* và làm mát*/hệ thống điều hòa không khí tự động* được kích hoạt ở chế độ lấy gió trong.

Khi trời lạnh:

- Bộ sấy sẽ điều chỉnh nhiệt độ ấm vừa phải.
- Sấy kính sau được kích hoạt.

Bắt đầu lái xe

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa*

1. Nhấn và giữ bàn đạp phanh, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Khi khởi động động cơ trong trường hợp bất kỳ

2. Giữ chân phải trên bàn đạp phanh, nhả phanh đỗ. Đảm bảo đèn báo Phanh đỗ và Hệ thống phanh (màu đỏ) đã tắt.

➡ Phanh đỗ Tr. 376

3. Đặt cần số ở số **[D]**. Chọn số **[R]** khi lùi xe.

4. Từ từ nhả bàn đạp phanh và nhẹ nhàng nhấn bàn đạp ga để cho xe bắt đầu di chuyển.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ giữ phanh trong thời gian ngắn để giúp ngăn xe trôi trên dốc khi bạn chuyển chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Loại xe có hộp số sàn

Nhấn bàn đạp ly hợp và chuyển sang một trong các số tiến khi xe hướng lên dốc, hoặc sang số **[R]** khi xe hướng xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số vô cấp

Đưa hộp số vào số **[D]** hoặc **[S]** khi đối mặt với dốc lên, hoặc **[R]** khi đối mặt với dốc xuống, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Bắt đầu lái xe

Khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa*

Động cơ dừng khi đưa hộp số ra khỏi số **[P]** trước khi ấn nút **ENGINE START/STOP**. Thực hiện bước 1 khi bắt đầu lái xe.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc có thể không ngăn được xe khỏi bị trôi xuống dốc khi dốc dừng đứng hoặc trơn trượt và sẽ không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vẫn hoạt động ngay cả khi VSA tắt.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

■ Dừng động cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

1. Nhấn bàn đạp phanh và chuyển vị trí số sang **P**.
2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Loại xe có hộp số sàn

- Nếu cần số ở số **N**, hãy ấn nút **ENGINE START/STOP**.
- Nếu cần số đang ở số bất kỳ ngoài vị trí **N**, hãy nhấn bàn đạp ly hợp, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Biện pháp phòng ngừa khi lái xe

■ Khi có sương mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe, bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, sử dụng vạch kẻ đường ở giữa, lan can và đèn hậu của xe phía trước xe bạn làm mốc dẫn hướng khi lái xe.

■ Khi có gió mạnh

Nếu gió thổi mạnh khi đang lái xe, hãy giữ chặt vô lăng. Từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cẩn thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông, hoặc lái xe qua khu vực trống như mỏ đá hoặc khi có xe tải lớn đi qua.

■ Khi trời mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh, xoay vô lăng đột ngột và thận trọng hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường bị hằn lún nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước. Bởi vì việc này có thể làm hỏng động cơ, hệ thống truyền động hoặc các bộ phận điện.

► Biện pháp phòng ngừa khi lái xe

THẬN TRỌNG: Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe qua chỗ nước sâu sẽ làm hỏng động cơ và các thiết bị điện và làm xe bị xuống cấp.

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Không vận hành cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga. Bạn có thể làm hỏng hộp số.

Tất cả các loại xe

CHÚ Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc giữ vô lăng ở vị trí đánh lái hết sang trái hoặc phải trong một lúc, hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế hiệu suất. Vô lăng sẽ trở nên càng khó vận hành hơn. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ khôi phục hoạt động. Liên tục vận hành xe trong các điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu chế độ nguồn được đặt ở PHỤ KIẾN trong khi lái xe, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không chọn **N** khi đang lái xe để tránh làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

■ Các biện pháp phòng ngừa khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu dưới gầm xe.

Hộp số vô cấp*

■ Xe chuyển động từ từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao, xe sẽ tự chuyển động từ từ. Nhấn chắc bàn đạp phanh khi dừng xe hoặc đảm bảo chế độ giữ phanh được kích hoạt.

■ Đạp hết ga

Nhấn đột ngột bàn đạp ga trong khi lái xe lên dốc có thể làm hộp số chuyển về tỷ số truyền thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái xe trên đường trơn trượt và khúc cua.

»Biện pháp phòng ngừa khi lái xe

Trong 1.000 km vận hành đầu tiên, tránh tăng tốc đột ngột hoặc tăng ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền lực.

Tránh phanh gấp trong 300 km đầu tiên sau khi mua xe mới hoặc thay má phanh hoặc rô-to, để chạy roda đúng cách.

»Khi trời mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe trên đường ngập đầy nước với tốc độ quá cao, một lớp nước sẽ hình thành giữa lốp xe và mặt đường. Nếu điều này xảy ra, bạn sẽ không thể điều khiển xe như xoay vô lăng và phanh theo ý muốn.

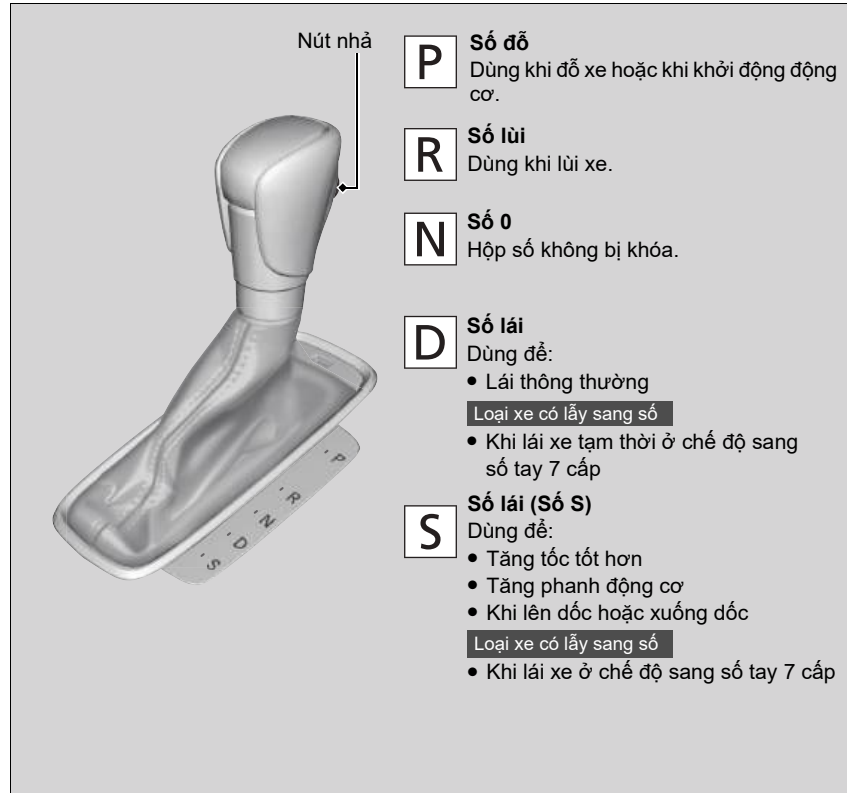
Từ từ giảm tốc khi bạn giảm số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột sẽ làm lốp bị trượt.

Loại xe có hộp số vô cấp

Sang số

Chuyển vị trí số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Vị trí cần số



►► Vị trí cần số

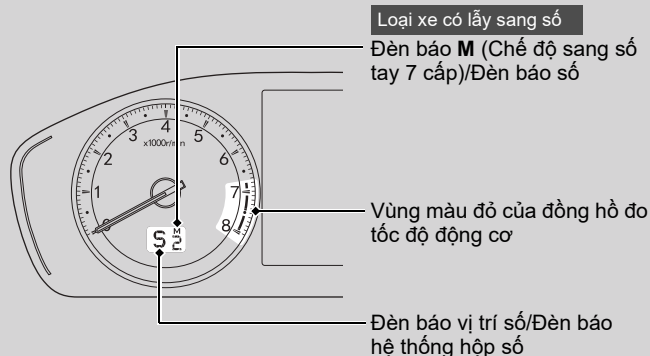
Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi cần số ở [P].

Xe có thể di chuyển rất nhẹ ngay cả ở số [N] khi động cơ nguội.

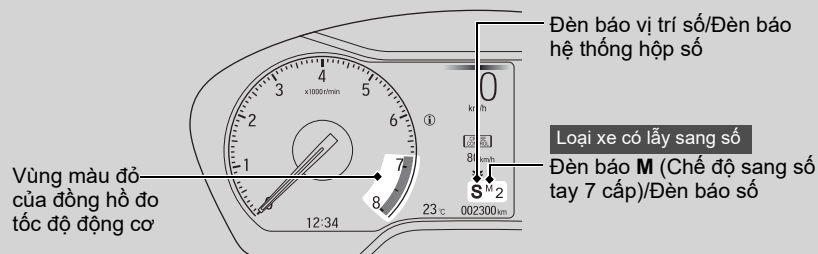
Nhấn chắc bàn đạp phanh, và kéo phanh đỗ khi cần.

Vận hành cần số

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



Vận hành cần số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển cần số từ **D** sang **R** và ngược lại, hãy dừng hẳn xe và nhấn giữ bàn đạp phanh. Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo vị trí số để kiểm tra vị trí cần số trước khi xe bắt đầu di chuyển.

Nếu đèn báo hệ thống hộp số nhấp nháy khi đang lái xe, ở bất kỳ vị trí số nào, thì hộp số đang có sự cố.

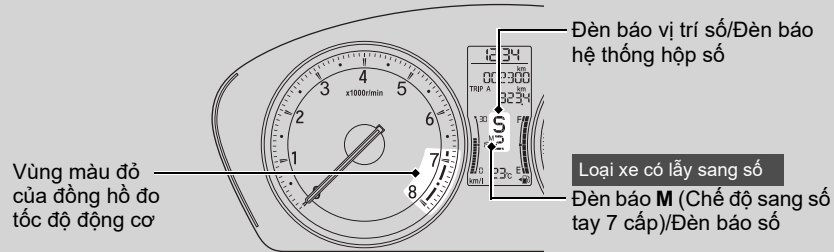
Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe với tốc độ động cơ nằm trong hoặc vượt quá vùng màu đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

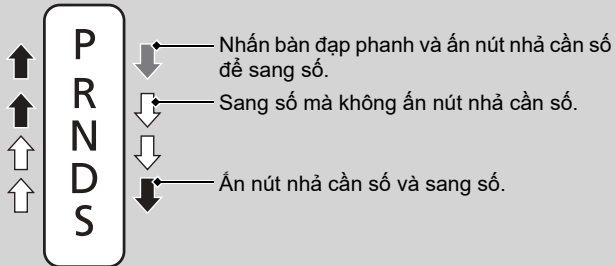
Có thể không vận hành được cần số nếu nhấn bàn đạp phanh trong khi đang ấn giữ nút nhả cần số. Nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi chuyển vị trí số ở nhiệt độ quá thấp (-30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số hiển thị. Luôn xác nhận vị trí số đúng trước khi lái xe.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Tất cả các loại xe



Loại xe có lấy sang số

■ Chế độ sang số tay 7 cấp

Dùng lấy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp nếu bạn kéo lấy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

■ Khi cần số ở vị trí **[D]**:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp và số sẽ hiển thị trên đèn báo số.

Chế độ sang số tay 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ cố định hoặc tăng tốc và số trên đèn báo số sẽ tắt.

Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lấy sang số **[+]** trong vài giây.

Chế độ sang số tay 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

■ Khi cần số ở vị trí **[S]**:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số tay 7 cấp. Đèn báo **M** và số tốc độ được hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, hộp số sẽ tự động giảm xuống số tương ứng. Khi xe chuẩn bị dừng, hộp số sẽ tự động giảm xuống số 1.

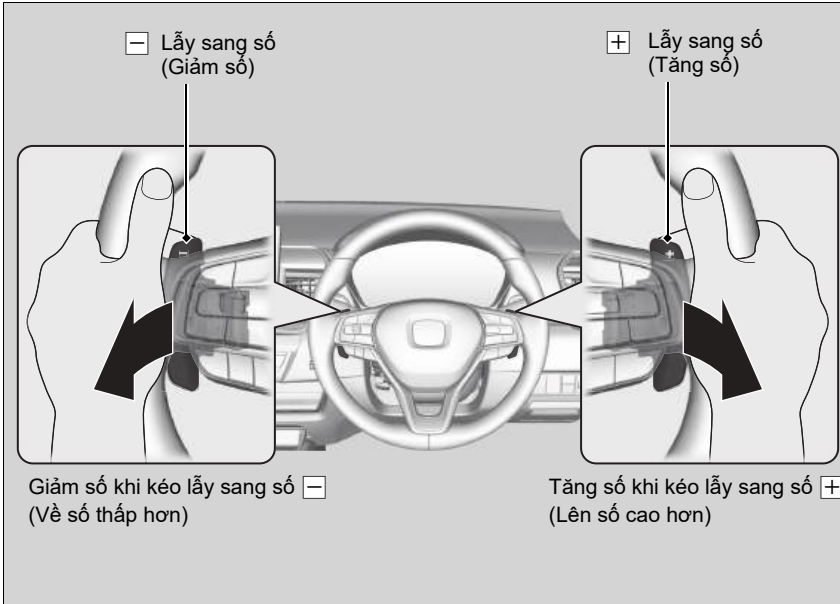
Nếu tốc độ xe tăng và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng màu đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Khi hủy chế độ sang số tay 7 cấp, hãy chuyển cần số từ vị trí **[S]** sang **[D]**. Khi chế độ sang số tay 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

Bạn chỉ có thể khởi hành khi ở số 1.

Loại xe có lẫy sang số

■ Vận hành chế độ sang số tay 7 cấp



■ Vận hành chế độ sang số tay 7 cấp

Ở chế độ sang số tay 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lẫy sang số trong các điều kiện sau:

Tăng số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.

Giảm số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng màu đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, hộp số sẽ tự động tăng số.

Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, hộp số sẽ tự động giảm số.

Vận hành lẫy sang số trên bề mặt trơn trượt có thể làm lốp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số tay 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường [D].

Mỗi lần vận hành lẫy sang số sẽ làm chuyển một số.

Để chuyển số liên tục, nhả lẫy sang số trước khi kéo lần nữa để sang số tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Điều này có nghĩa là không thể sang số với tốc độ xe đang chạy.

Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

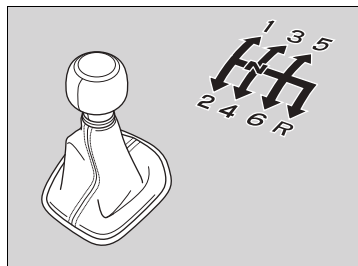
Loại xe có hộp số sàn

Sang số

Vận hành cần số

Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để vận hành cần số và chuyển số, sau đó từ từ nhả bàn đạp.

Nhấn bàn đạp ly hợp và dừng vài giây trước khi chuyển sang số [R], hoặc chuyển sang một trong các số tiến trong giây lát. Việc này làm các bánh răng dừng lại để không bị “cọ xát”.



Khi không sang số, không đặt chân lên bàn đạp ly hợp. Việc làm này có thể khiến ly hợp bị mòn nhanh hơn.

►► Sang số

CHÚ Ý

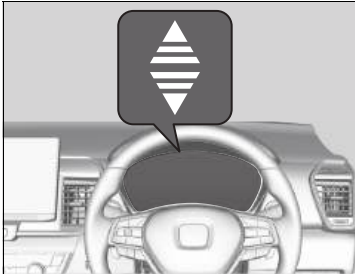
Không chuyển số sang [R] trước khi xe dừng hẳn. Chuyển số sang [R] trước khi xe dừng có thể làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Trước khi giảm số, hãy đảm bảo tốc độ động cơ sẽ không đi vào vùng màu đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ. Nếu điều này xảy ra, động cơ có thể bị hư hỏng nghiêm trọng.

Nếu bạn vượt quá tốc độ tối đa của số đang sử dụng, tốc độ động cơ sẽ đi vào vùng màu đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ. Khi điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy xe hơi giật nhẹ.

■ Đèn báo tăng số/giảm số*



Đèn báo bật sáng để thông báo cho bạn rằng việc tăng số hoặc giảm số là cần thiết để ngăn động cơ bị quá tốc độ vòng tua hoặc chết máy.

Đèn báo tăng số: Đèn sẽ sáng khi hệ thống khuyến nghị lên số.

Đèn báo giảm số: Đèn sẽ sáng khi hệ thống khuyến nghị giảm số.

▣ Đèn báo tăng số/giảm số*

Đèn báo này sẽ không nhắc bạn giảm số để tăng cường lực phanh động cơ. Bạn phải tự giảm số để tăng cường lực phanh động cơ khi lái xe xuống dốc.

Luôn giảm về số thấp ở tốc độ xe phù hợp.

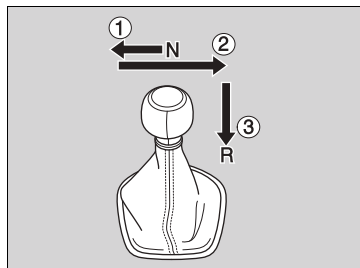
Đèn báo giảm số không bật sáng khi giảm số từ [2] xuống số [1].

Tùy theo điều kiện đường sá và tình hình giao thông, bạn có thể cần chuyển số vào thời điểm khác với thời điểm được chỉ dẫn.

■ Khóa sang số ngược

Hộp số sàn có cơ cấu khóa sang số ngược để ngăn bạn vô tình chuyển sang số **R** từ một số tiến khi xe đang di chuyển vượt quá một tốc độ nhất định.

Nếu bạn không thể chuyển sang số **R** khi xe đã dừng, hãy thực hiện như sau:



1. Nhấn bàn đạp ly hợp, di chuyển cần số hết sang trái, rồi chuyển sang số **R**.
2. Nếu vẫn không thể chuyển sang số **R**, hãy kéo phanh đỗ và đặt chế độ nguồn sang PHỤ KIỆN hoặc TẮT MÁY.
3. Nhấn bàn đạp ly hợp và chuyển sang số **R**.
4. Tiếp tục nhấn bàn đạp ly hợp và khởi động động cơ.

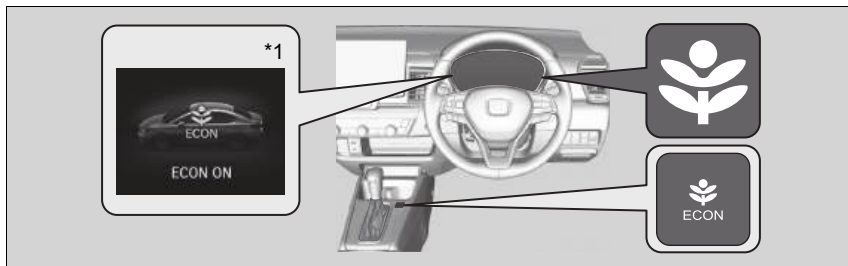
►► Khóa sang số ngược

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu bạn liên tục phải thực hiện quy trình này.

Chế độ ECON*

Chế độ ECON giới hạn công suất đầu ra để hỗ trợ lái xe tiết kiệm nhiên liệu.

► Để BẬT và TẮT chế độ ECON, hãy ấn nút **ECON**.



Chế độ ECON*

Khi ở chế độ ECON, hệ thống sưởi* và làm mát/hệ thống điều hòa không khí tự động* sẽ kém hiệu quả hơn và xe tăng tốc chậm hơn.

Có thể không thay đổi được chế độ trong một số điều kiện lái.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu có lỗi hệ thống xe, thông báo cũng sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và bạn không thể thay đổi chế độ lái.

*1 : Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời*

Để giúp tiết kiệm nhiên liệu tối đa, động cơ sẽ tự động dừng khi xe dừng, tùy thuộc vào điều kiện môi trường và điều kiện vận hành của xe. Đèn báo (màu xanh lục) bật sáng vào thời điểm này.



Các điều kiện môi trường và tình trạng của xe ảnh hưởng đến hoạt động của Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời rất đa dạng.

► **Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời**
kích hoạt khi: Tr. 292

Sau đó, động cơ sẽ khởi động lại khi xe chuẩn bị di chuyển và đèn báo (màu xanh lục) sẽ tắt.

► **Động cơ tự động khởi động lại khi:**
Tr. 293

Nếu cửa người lái được mở trong khi đèn báo (màu xanh lục) bật sáng, còi báo sẽ vang lên để thông báo cho bạn biết chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động.

Thông báo liên quan đến Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

►► Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời*

Ắc-quy 12 vôn lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.

Không sử dụng đúng loại ắc-quy 12 vôn theo quy định sẽ làm giảm tuổi thọ của ắc-quy 12 vôn và làm Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời không kích hoạt. Nếu bạn cần thay ắc-quy 12 vôn, hãy đảm bảo chọn đúng loại quy định. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

► **Thông số kỹ thuật** Tr. 524

Thời gian vận hành của Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời:

- Tăng lên ở chế độ ECON, so với khi chế độ ECON tắt và đang sử dụng hệ thống làm mát.

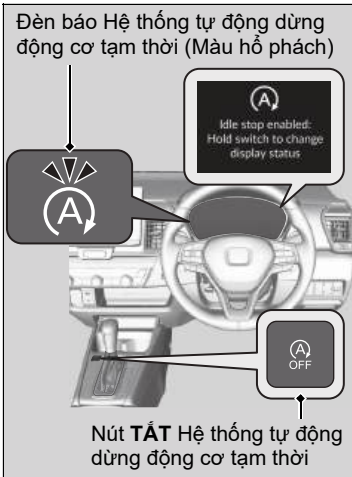
► **Chế độ ECON*** Tr. 289



Thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời không thể kích hoạt.

► **BẬT/TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời** Tr. 291

■ BẬT/TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời



Ấn nút này để tắt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời. Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ ngừng hoạt động.

► Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ ngừng hoạt động, đèn báo sẽ bật sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

►► BẬT/TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời

Nếu bạn tắt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời khi hệ thống đang hoạt động, động cơ sẽ khởi động lại.

► **Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời kích hoạt khi:** Tr. 292

Nếu bạn nhấn và giữ nút **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời, bạn có thể chọn hiển thị thông báo trạng thái hoặc không.

■ Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời kích hoạt khi:

Xe dừng với cần số ở số **[D]** và nhấn bàn đạp phanh.

Khi nhanh chóng chuyển số sang **[P]** khi đang nhấn bàn đạp phanh, Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời tiếp tục hoạt động, ngay cả khi nhả bàn đạp phanh.

► Nếu bạn nhấn bàn đạp phanh, động cơ có thể tự động khởi động lại.

■ Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời không kích hoạt khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.
- Người lái không thắt dây đai an toàn.
- Động cơ chưa đủ ấm hoặc nhiệt độ nước làm mát cao.
- Nhiệt độ dầu hộp số thấp hoặc cao.
- Xe lại chuẩn bị dừng trước khi tốc độ xe đạt 5 km/h sau khi động cơ khởi động.
- Dừng xe trên dốc cao.
- Hộp số ở vị trí khác ngoài số **[D]**.
- Khởi động động cơ khi nắp ca-pô mở.
 - Tắt động cơ. Đóng nắp ca-pô trước khi khởi động lại động cơ để kích hoạt Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.
- Mức nạp điện ắc-quy thấp.
- Nhiệt độ bên trong ắc-quy là từ 5°C trở xuống.
- Nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA) BẬT.
-  bật cùng với quạt đang hoạt động.

■ Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời có thể không kích hoạt khi:

- Dừng xe bằng cách phanh đột ngột.
- Xoay vô lăng.
- Tăng ga và giảm ga liên tục khi xe chạy ở tốc độ thấp.

►► Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời kích hoạt khi:

Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động. Nếu nắp ca-pô mở, động cơ sẽ không tự động khởi động lại.

Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ bằng nút **ENGINE START/STOP**.

►► **Khởi động động cơ** Tr. 272

Ấn nút **ENGINE START/STOP** sẽ làm cho động cơ không tự động khởi động lại được nữa. Hãy thực hiện quy trình tiêu chuẩn để khởi động động cơ.

►► **Khởi động động cơ** Tr. 272

■ Động cơ tự động khởi động lại khi:

- Nhả bàn đạp phanh.
- Khi đưa hộp số vào số **[P]** từ **[D]** hoặc **[N]** khi xe đang trên dốc.

■ Động cơ khởi động lại ngay cả khi nhấn bàn đạp phanh khi:

- Ấn nút **TẮT** Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.
- Xoay vô lăng.
- Khi đưa hộp số vào số **[R]** hoặc **[S]**, hoặc khi đưa hộp số từ **[N]** sang **[D]**.
 - Nếu bạn đưa hộp số vào số **[P]** sau khi Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời kích hoạt, Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời sẽ tiếp tục hoạt động. Trong trường hợp này, động cơ sẽ khởi động lại khi bạn nhấn bàn đạp phanh.
- Áp lực lên bàn đạp phanh giảm và xe bắt đầu di chuyển khi đang dừng trên đường dốc.
- Bàn đạp phanh được nhả ra một chút khi dừng lại.
- Mức sạc của ắc-quy trở nên thấp.
- Nhấn bàn đạp ga.
- Người lái chưa cài dây đai an toàn.
- Nút **MAX COOL** (MÁT TỐI ĐA) BẬT.
-  bật cùng với quạt đang hoạt động.

■ Chức năng phanh hỗ trợ khởi động

Phanh vẫn bám một lúc sau khi đã nhả bàn đạp phanh để khởi động lại động cơ. Điều này sẽ giữ cho xe của bạn không di chuyển bất ngờ khi đang dừng trên dốc.

⚠ Động cơ tự động khởi động lại khi:

Nếu bạn sử dụng thiết bị điện tử trong khi Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động, thiết bị này có thể tạm thời bị tắt khi động cơ khởi động lại.

Kiểm soát hành trình*

Duy trì tốc độ xe ổn định mà không cần phải giữ chân trên bàn đạp ga. Sử dụng hệ thống kiểm soát hành trình trên đường cao tốc hoặc đường thông thoáng, nơi bạn có thể lái xe với tốc độ ổn định mà không cần tăng tốc hoặc giảm tốc nhiều.

Thời điểm sử dụng

- Tốc độ xe cho kiểm soát hành trình:
Tốc độ mong muốn trong phạm vi trên khoảng 40 km/h
- Vị trí số cho kiểm soát hành trình:
Ở vị trí số **D** hoặc **S**

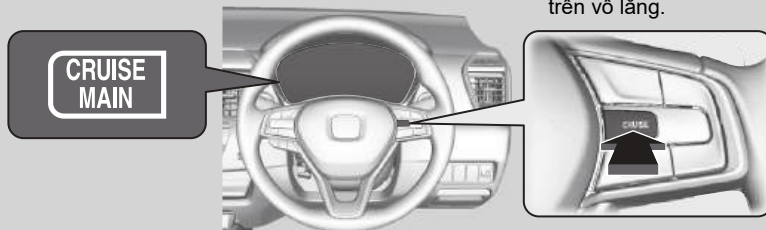
Luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn và xe phía trước.



Cách sử dụng

CRUISE MAIN sáng trên bảng điều khiển.
Hệ thống kiểm soát hành trình sẵn sàng sử dụng.

- Ấn nút **CRUISE** trên vô lăng.



⚠ Kiểm soát hành trình*

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng hệ thống kiểm soát hành trình không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

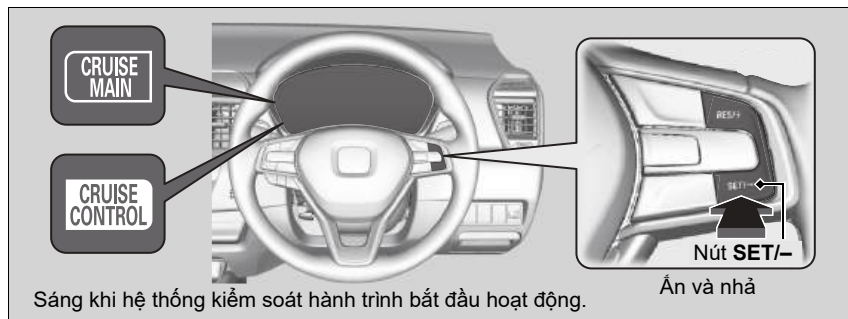
Chỉ sử dụng kiểm soát hành trình khi lái xe trên đường cao tốc thông thoáng trong điều kiện thời tiết tốt.

Hệ thống có thể không thể duy trì tốc độ ổn định khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc.

Khi không sử dụng hệ thống kiểm soát hành trình:
Tắt kiểm soát hành trình bằng cách ấn nút **CRUISE**.

Khi ở chế độ **ECON**, xe có thể mất tương đối nhiều thời gian hơn để tăng tốc nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập.

■ Để thiết lập tốc độ xe

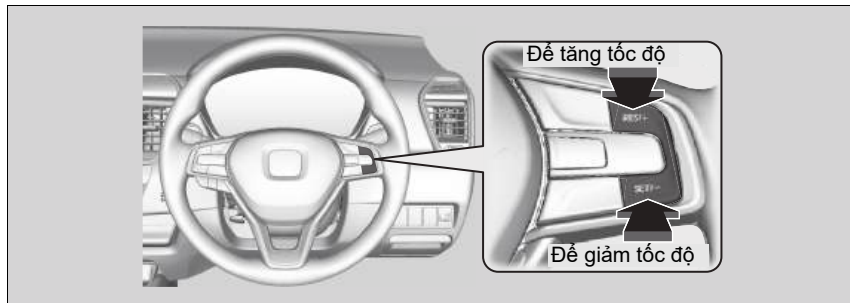


Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **SET/-** khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn.

Vào thời điểm bạn nhả nút **SET/-**, tốc độ thiết lập được cố định và kiểm soát hành trình bắt đầu hoạt động. Đèn báo **CRUISE CONTROL** bật sáng.

■ Để điều chỉnh tốc độ xe

Tăng hoặc giảm tốc độ xe bằng các nút **RES/+** hoặc **SET/-** trên vô lăng.

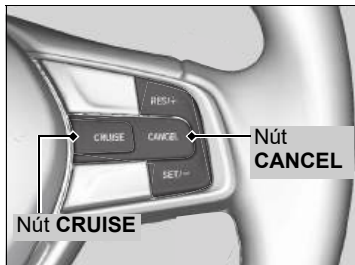


- Mỗi lần bạn ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm khoảng 1,6 km/h.
- Nếu nhấn giữ nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm cho đến khi bạn nhả nút. Tốc độ này sau đó sẽ được thiết lập.

▣ Để điều chỉnh tốc độ xe

Bạn có thể thiết lập tốc độ xe bằng nút **SET/-** trên vô lăng khi đang điều chỉnh tốc độ bằng bàn đạp ga và bàn đạp phanh.

■ Để hủy



Để hủy kiểm soát hành trình, hãy làm bất kỳ thao tác nào dưới đây:

- Ấn nút **CANCEL**.
- Ấn nút **CRUISE**.
- Nhấn bàn đạp phanh.

Đèn báo **CRUISE CONTROL** tắt.

▣ Để hủy

Khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó:

Sau khi hệ thống điều khiển hành trình bị hủy, bạn vẫn có thể khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó bằng cách ấn nút **RES/+** khi đang lái xe ở tốc độ từ 40 km/h trở lên.

Bạn không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ xe dưới 40 km/h
- Khi nút **CRUISE** tắt

Khi tốc độ xe từ 35 km/h trở xuống, hệ thống kiểm soát hành trình sẽ bị hủy tự động.

Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi vào cua nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. Hệ thống cũng hỗ trợ duy trì độ bám trên các bề mặt trơn trượt. Hệ thống này làm được như vậy nhờ điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

Vận hành VSA



Khi VSA hoạt động, bạn có thể nhận thấy động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy tiếng ồn phát ra từ hệ thống phanh thủy lực. Bạn cũng sẽ nhìn thấy đèn báo nhấp nháy.

►► Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)

VSA không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức quy định.

Khi đèn báo hệ thống VSA bật sáng và vẫn sáng liên tục trong khi lái xe thì có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái thông thường, nhưng bạn vẫn nên mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

VSA không thể cải thiện độ ổn định của xe trong mọi tình huống lái xe và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp với điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng chính của hệ thống VSA là Điều khiển ổn định điện tử (ESC). Hệ thống cũng bao gồm chức năng kiểm soát độ bám.

Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)*, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hỗ trợ ổn định xe, hỗ trợ an toàn*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)*, và giảm thiểu chệch làn đường* có thể bật sáng màu hổ phách, cùng với thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn thành BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Bật và tắt VSA



Nút này nằm trên bảng điều khiển phía người lái.
Để tắt một số chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút này cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

Xe bạn sẽ có khả năng phanh và vào cua bình thường, nhưng chức năng kiểm soát độ bám sẽ kém hiệu quả hơn.

Để bật lại các chức năng/tính năng VSA, ấn và giữ nút  (**TẮT VSA**) đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.

VSA sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

▣ Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA)

Trong một số điều kiện bất thường như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe sẽ dễ thoát ra hơn khi tắt tạm thời VSA.

Khi ấn nút  (**TẮT VSA**) chức năng kiểm soát độ bám trở nên kém hiệu quả hơn. Điều này cho phép bánh xe quay tự do hơn ở tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo bật lại VSA. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống, ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

Hỗ trợ xử lý nhanh

Phanh nhẹ bánh trước nếu cần khi bạn xoay vô lăng, điều này sẽ giúp hỗ trợ tính ổn định và vận hành của xe trong khi rẽ.

📖 Hỗ trợ xử lý nhanh

Chức năng hỗ trợ xử lý nhanh không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi điều kiện lái. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp với điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng liên tục trong khi lái, chức năng hỗ trợ xử lý nhanh sẽ không hoạt động.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh từ khoang động cơ khi chức năng hỗ trợ xử lý nhanh hoạt động. Điều này là bình thường.

Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống cảnh báo xẹp lốp của xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hoặc nhiều lốp bị non hơi.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Điều này sẽ khiến đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp bật sáng.

► Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái xe ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp bật sáng.

Nên kiểm tra và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ẩm hơn.

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

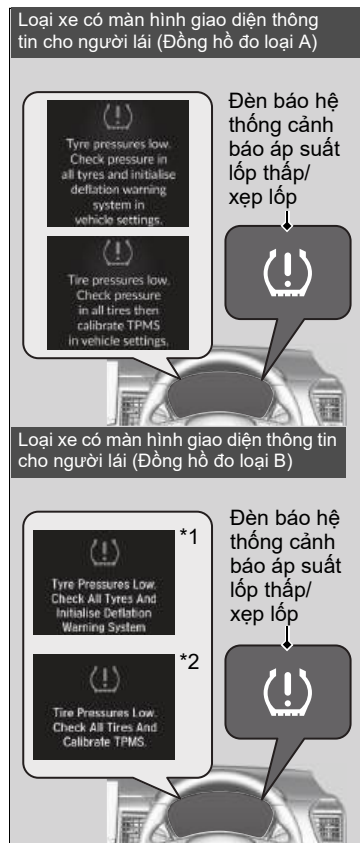
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.

► **Kiểm tra và thay lốp** Tr. 439

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng chậm hoặc có thể không sáng chút nào khi:

- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng nhanh.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Sử dụng xích bọc lốp*.
- Áp suất lốp giảm nhanh.



*1 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico

*2 : Loại xe tại Mexico

Việc này sẽ khiến đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp bật sáng và thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

►► Hệ thống cảnh báo xẹp lốp*

Đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ bật sáng trong những điều kiện sau:

- Sử dụng lốp dự phòng tạm thời/lốp dự phòng cỡ nhỏ^{*}.
- Sử dụng xích bọc lốp^{*}.

Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)^{*}, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn^{*}, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)^{*} và Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường^{*} có thể bật sáng màu hổ phách, cùng với thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn thành **BẬT** sau khi kết nối lại ắc-quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Từ đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Khởi tạo/Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Bạn phải bắt đầu khởi tạo/hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp mỗi khi:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay thế một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi khởi tạo/hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Đặt áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

🔍 **Kiểm tra lốp** Tr. 439

Hãy đảm bảo:

- Xe dừng hẳn.

Loại xe có hộp số vô cấp

- Cần số ở số **P**.

Loại xe có hộp số sàn

- Cần số ở số **N**.

Tất cả các loại xe

- Chế độ nguồn ở **BẬT**.

►► Khởi tạo/Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Không thể khởi tạo/hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp nếu đang lắp lốp dự phòng tạm thời/lốp dự phòng cỡ nhỏ*.

Quy trình khởi tạo/hiệu chỉnh cần khoảng 30 phút lái xe cộng dồn ở tốc độ trong khoảng 40–100 km/h (25–62 dặm/giờ).

Trong thời gian này, nếu động cơ được bật và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, bạn có thể nhận thấy đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp bật sáng trong giây lát. Điều này là bình thường và cho biết quy trình khởi tạo/hiệu chỉnh vẫn chưa hoàn thành.

Nếu đã lắp xích bọc lốp*, hãy tháo các xích này trước khi khởi tạo/hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp vẫn sáng ngay cả khi đã lắp đặt loại lốp thông thường đúng quy định được bơm đúng áp suất, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp có cùng nhãn hiệu, chủng loại và kích cỡ với lốp ban đầu. Hãy hỏi đại lý để biết thông tin chi tiết.

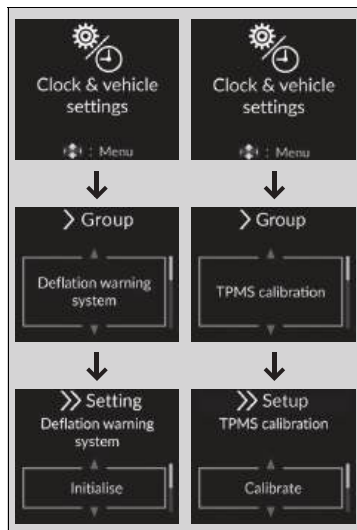
* Không áp dụng cho tất cả các loại xe



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nhấn và giữ nút hệ thống cảnh báo xẹp lốp cho đến khi đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp nhấp nháy hai lần, cho biết quy trình hiệu chỉnh đã bắt đầu.

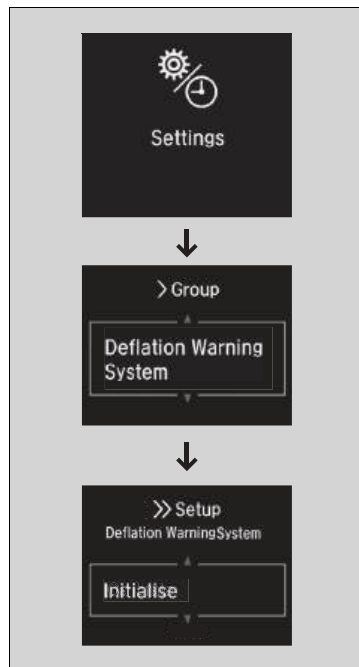
- Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp không nhấp nháy, hãy xác nhận các điều kiện trên, sau đó nhấn và giữ lại nút hệ thống cảnh báo xẹp lốp.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.



Đồng hồ đo loại A

Bạn có thể khởi tạo hệ thống từ các tính năng tùy chỉnh trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Ấn nút (màn hình chính).
 2. Cuộn vòng điều khiển lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - xuất hiện trên màn hình hiển thị.
 3. Cuộn vòng điều khiển lựa chọn bên trái để chọn **Deflation warning system** (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp)/**TPMS calibration** (Hiệu chỉnh TPMS), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chỉnh, bạn có thể chọn **Cancel** (Hủy) hoặc **Initialise** (Khởi tạo)/**Calibrate** (Hiệu chỉnh).
 4. Cuộn vòng điều khiển lựa chọn bên trái để chọn **Initialise** (Khởi tạo)/**Calibrate** (Hiệu chỉnh), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - Màn hình **Completed** (Hoàn thành)/**Calibration started** (Bắt đầu hiệu chỉnh) xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị trở về màn hình cài đặt tùy chỉnh.
- Nếu thông báo **Failed** (Thất bại)/**Calibration failed to start** (Không thể bắt đầu hiệu chỉnh) xuất hiện, lặp lại bước 3 – 4.
 - Quy trình khởi tạo tự động kết thúc.



Ngoại trừ loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

Bạn có thể khởi tạo hệ thống từ các tính năng tùy chỉnh trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Ấn nút (màn hình chính).
2. Cuộn vòng điều khiển lựa chọn bên trái để chọn , sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► xuất hiện trên màn hình hiển thị.

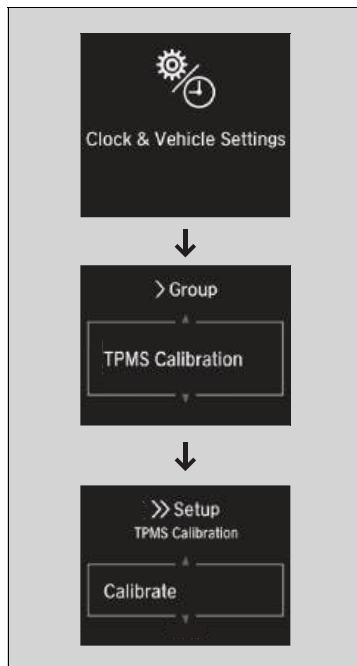
3. Cuộn vòng điều khiển lựa chọn bên trái để chọn **Deflation Warning System** (Hệ thống cảnh báo xẹp lốp), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chỉnh, bạn có thể chọn **Cancel** (Hủy) hoặc **Initialise** (Khởi tạo).

4. Cuộn vòng điều khiển lựa chọn bên trái để chọn **Initialise** (Khởi tạo), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.

► Màn hình **Completed** (Hoàn thành) xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị trở về màn hình cài đặt tùy chỉnh.

- Nếu thông báo **Failed** (Thất bại), lặp lại bước 3 – 4.
- Quy trình khởi tạo tự động kết thúc.



Loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống từ các tính năng tùy chỉnh trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

1. Ấn nút (màn hình chính).
2. Cuộn vòng điều khiển lựa chọn bên trái để chọn sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - xuất hiện trên màn hình hiển thị.
3. Cuộn vòng điều khiển lựa chọn bên trái để chọn **TPMS Calibration** (Hiệu chỉnh TPMS), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn, bạn có thể chọn **Cancel** (Hủy) hoặc **Calibrate** (Hiệu chỉnh).
4. Cuộn vòng điều khiển lựa chọn bên trái để chọn **Calibrate** (Hiệu chỉnh), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
 - Màn hình **Calibration Started** (Bắt đầu hiệu chỉnh) xuất hiện, sau đó màn hình hiển thị trở về màn hình cài đặt tùy chỉnh.

- Nếu thông báo **Calibration Failed To Start** (Không thể bắt đầu hiệu chỉnh) xuất hiện, lặp lại bước 3 – 4.
- Quy trình hiệu chỉnh tự động kết thúc.

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe như khi tăng tốc, phanh, và đánh lái để hỗ trợ người lái cũng như giảm mức độ nghiêm trọng khi xảy ra va chạm.

Honda SENSING có các chức năng sau:

■ Các chức năng không cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) 🚩 Tr. 311
- Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường 🚩 Tr. 325
- Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành* 🚩 Tr. 368
- Đèn pha thích ứng tự động 🚩 Tr. 219
- Hệ thống cảm biến đỗ* 🚩 Tr. 383

■ Các chức năng cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) 🚩 Tr. 337
- Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) 🚩 Tr. 355

🚩Honda SENSING*

Đảm bảo tất cả các lớp có cùng kích cỡ, chủng loại và nhãn hiệu được quy định và mòn đều. Nếu bạn sử dụng các lớp có kích cỡ, chủng loại, nhãn hiệu hoặc mức độ mòn khác nhau, hệ thống có thể không hoạt động tốt.

Không sửa đổi hệ thống treo. Việc thay đổi chiều cao của xe có thể khiến hệ thống hoạt động không tốt.

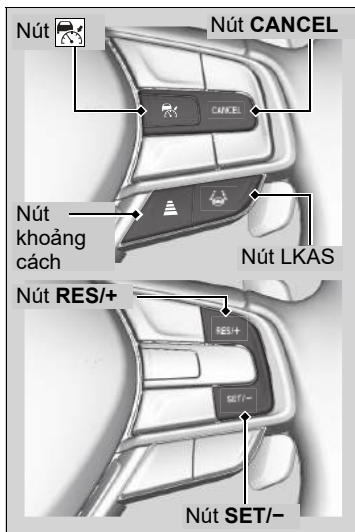
Loại xe tại Thái Lan

THẬN TRỌNG: Khi vận hành thiết bị này, phải để bộ phận phát xạ cách xa thân người (không bao gồm các đầu chi: tay, cổ tay, bàn chân và mắt cá chân) ít nhất 20 cm trở lên.

Thiết bị viễn thông này phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của NTC.

Thiết bị viễn thông này có tần số EMF phù hợp với tiêu chuẩn phơi nhiễm EMF của NTC.

■ Công tắc vận hành cho Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)/Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)



■ Nút

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho ACC.
Hoặc ấn để hủy hệ thống.

■ Nút LKAS

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho LKAS.
Hoặc ấn để hủy hệ thống.

■ Nút RES/+ và SET/-

Ấn nút **RES/+** để cài đặt hoặc tiếp tục ACC hoặc tăng tốc độ xe.

Ấn nút **SET/-** để cài đặt ACC hoặc giảm tốc độ xe.

■ Nút khoảng cách

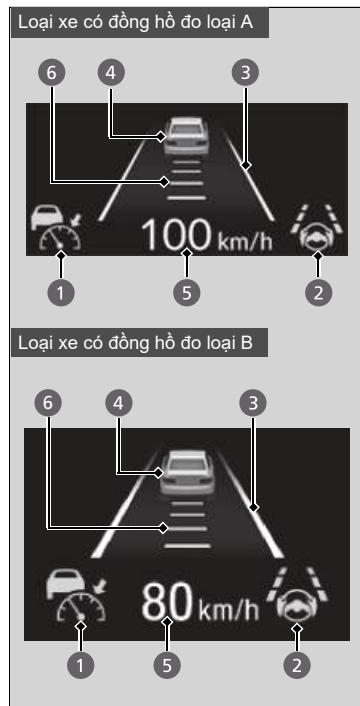
Ấn để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC.

■ Nút CANCEL

Ấn để hủy ACC.

Nội dung hiển thị trên đồng hồ đo

Bạn có thể xem trạng thái hiện tại của ACC và LKAS.



- ❶ Biểu thị ACC đã sẵn sàng hoạt động.
 - Màu xanh lục: Hệ thống bật.
 - Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
 - Màu đỏ: Hệ thống có sự cố.
- ❷ Biểu thị LKAS đã sẵn sàng hoạt động.
 - Màu xanh lục: Hệ thống đang hoạt động.
 - Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
 - Màu đỏ: Hệ thống có sự cố.
- ❸ Biểu thị LKAS được kích hoạt và có phát hiện các vạch làn đường giao thông hay không.
 - Vạch màu xanh lục: Hệ thống đang hoạt động.
 - Vạch màu trắng: Phát hiện vạch làn đường giao thông.
 - Vạch màu đỏ: Phát hiện chệch làn đường.
- ❹ Biểu thị ACC có phát hiện xe phía trước hay không.
- ❺ Biểu thị ACC hiển thị tốc độ xe đã được thiết lập.
 - Màu trắng: Tốc độ xe được thiết lập
 - Màu xám: Tốc độ đã thiết lập trước đó
- ❻ Biểu thị ACC hiển thị khoảng cách giữa các xe đã được thiết lập.

Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với một xe khác (kể cả xe máy) phía trước từ phía sau, xe đang đến gần từ phía trước, xe đang đi đến từ bên cạnh, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển). CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

►► Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)

Nhắc nhở quan trọng về an toàn

CMBS có chức năng làm giảm mức độ nghiêm trọng của va chạm không thể tránh được. Hệ thống không thể giúp xe tránh bị va chạm hay dừng xe tự động. Bạn vẫn có trách nhiệm vận hành bàn đạp phanh và vô lăng phù hợp với điều kiện lái.

CMBS có thể không kích hoạt hoặc không phát hiện xe phía trước trong các điều kiện nhất định:

► **Điều kiện và hạn chế của CMBS** Tr. 316

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera góc rộng phía trước được trang bị cho hệ thống này.

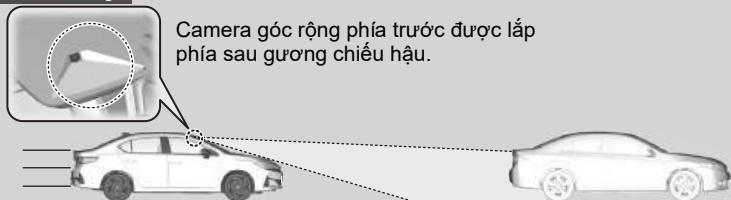
► **Camera góc rộng phía trước** Tr. 374

Loại xe có hộp số sàn

Khi CMBS kích hoạt, động cơ có thể tự động dừng. Khởi động lại động cơ bằng thao tác bình thường nếu động cơ dừng.

■ Cách hoạt động của hệ thống

Thời điểm sử dụng



Hệ thống bắt đầu giám sát đoạn đường phía trước khi tốc độ xe của bạn khoảng 5 km/h (3 dặm/giờ) trở lên và sẽ tìm kiếm xe (bao gồm cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước bạn.

CMBS kích hoạt khi:

- Chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe (bao gồm cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển được phát hiện phía trước xe bạn đạt khoảng 5 km/h (3 dặm/giờ) trở lên và có nguy cơ va chạm.
- Tốc độ xe của bạn khoảng 30 km/h (18 dặm/giờ) trở xuống và có khả năng xảy ra va chạm trực diện với một xe chạy ngược chiều (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển được phát hiện khi bạn rẽ phải^{*1}/trái^{*2} tại đoạn đường giao nhau.
- Tốc độ xe của bạn khoảng 100 km/h (62 dặm/giờ) trở xuống và hệ thống xác định có nguy cơ va chạm với:
 - Xe chạy ngược chiều hoặc đang dừng được phát hiện ở phía trước bạn.
 - Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển được phát hiện ở phía trước bạn.
 - Xe đang đến gần từ bên cạnh ở phía trước bạn.

CMBS sẽ bị hủy khi xe của bạn dừng hoặc hệ thống xác định không còn khả năng xảy ra va chạm.

CMBS cũng có thể bị hủy khi người lái vận hành vô lăng và bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga để tránh va chạm.

*1 : Loại xe có vô lăng bên phải

*2 : Loại xe có vô lăng bên trái

▶▶ Cách hoạt động của hệ thống

Camera góc rộng phía trước ở CMBS cũng được thiết kế để phát hiện người đi bộ.

Tuy nhiên, tính năng phát hiện người đi bộ này có thể không kích hoạt hoặc không thể phát hiện ra người đi bộ phía trước xe trong các điều kiện nhất định.

Tham khảo thông tin về những hạn chế của chức năng phát hiện người đi bộ trong danh sách.

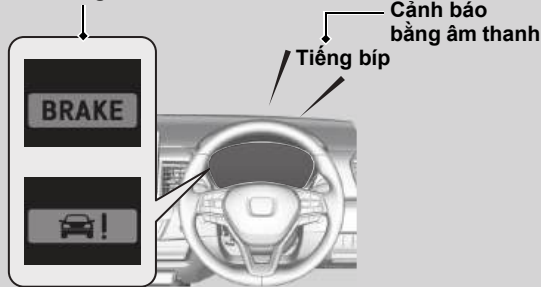
▶▶ Điều kiện và hạn chế của CMBS Tr. 316

■ Khi hệ thống hoạt động

Hệ thống đưa ra cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh giúp nhận biết khả năng xảy ra va chạm và dừng cảnh báo nếu tránh được va chạm.

► Thực hiện hành động phù hợp để tránh va chạm (dùng phanh, chuyển làn, v.v.)

Cảnh báo bằng hình ảnh



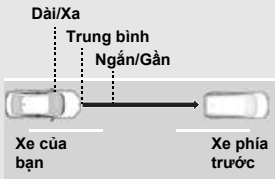
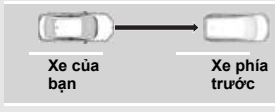
Bạn có thể thay đổi khoảng cách (**Long** (Dài)/**Normal** (Trung bình)/**Short** (Ngắn), **Far** (Xa)/**Normal** (Trung bình)/**Near** (Gần)) giữa các xe mà hệ thống sẽ phát ra cảnh báo va chạm sớm nhất.

📖 Cài đặt Tr. 142, 167

Khi ở khoảng cách **Long** (Dài)/**Far** (Xa), cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh sẽ xuất hiện ở khoảng cách xa hơn so với xe phía trước so với **Normal** (Trung bình) và **Short** (Ngắn)/**Near** (Gần), ở khoảng cách ngắn hơn so với **Normal** (Trung bình).

■ Giai đoạn cảnh báo va chạm

Hệ thống có ba giai đoạn cảnh báo khả năng va chạm. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp, CMBS có thể không thực hiện tất cả các giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn cuối.

Khoảng cách giữa các xe		CMBS		
		Cảm biến phát hiện xe	CẢNH BÁO bằng âm thanh và hình ảnh	Phanh
Giai đoạn 1		Có khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước xe bạn.	Đèn báo nhấp nháy. Nếu khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước càng gần hơn, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên cùng với đèn báo nhấp nháy. ► Có thể thay đổi khoảng cách cảnh báo va chạm. 📺 Cài đặt Tr. 142, 167	—
Giai đoạn 2		Khả năng xảy ra va chạm tăng lên, thời gian phản ứng giảm.	Cảnh báo bằng cả hình ảnh và âm thanh.	Nhấn nhẹ
Giai đoạn 3		CMBS xác định không thể tránh khỏi va chạm.		Nhấn mạnh

■ **Bật và tắt CMBS**

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

📺 **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 131

📺 **Hỗ trợ an toàn*** Tr. 165

CMBS sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt tính năng này ở lần lái xe gần đây nhất.

📺 **Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)**

Bạn không thể tắt CMBS khi đang lái xe.

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và Hệ thống phanh giảm thiểu va Chạm (CMBS) (màu hổ phách) sẽ bật sáng và sáng liên tục trong các điều kiện nhất định.

📺 **Điều kiện và hạn chế của CMBS** Tr. 316

CMBS chưa hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Khi CMBS được kích hoạt, hệ thống vẫn sẽ hoạt động kể cả khi chỉ nhấn một phần bàn đạp ga. Tuy nhiên, hệ thống sẽ bị hủy nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), và Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể bật sáng màu hổ phách, cùng với thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn thành **BẬT** sau khi kết nối lại ắc-quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Điều kiện và hạn chế của CMBS

Trong những tình huống sau, camera góc rộng phía trước có thể không phát hiện được chính xác các xe, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc điều kiện đường sá, có thể khiến CMBS hoạt động không đúng cách.

➡ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 374

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Có rất ít khác biệt giữa vật thể và nền không gian.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên các phương tiện (bao gồm cả xe máy), người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc mặt đường.
- Các vật thể hoặc cấu trúc đường sá bị hiểu nhầm là phương tiện và người đi bộ.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không phát hiện ra xe khác [kể cả xe máy], người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển).

■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt (vạch kẻ đường bị che khuất, vệt xe, ánh sáng phản chiếu, nước bắn trên đường, độ tương phản cao).
- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

❖ Điều kiện và hạn chế của CMBS

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra nếu bạn phát hiện thấy bất kỳ hoạt động bất thường nào của hệ thống (ví dụ: thông báo cảnh báo xuất hiện quá thường xuyên).

■ Tình trạng của xe

- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Camera góc rộng phía trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, khác kích cỡ hoặc cấu tạo, bơm không đúng áp suất, lốp dự phòng cỡ nhỏ/lốp dự phòng tạm thời*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Tầm nhìn của camera bị che khuất bởi những giọt nước bắn ra từ hệ thống rửa kính hoặc từ các lưới gạt nước.
- Xe vận hành không ổn định do đường trơn trượt. v.v.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Ví dụ về những hạn chế trong việc phát hiện chính xác của camera góc rộng phía trước do tình trạng của xe phía trước, xe chạy ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển**

- Khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước bạn quá gần.
- Xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển bất ngờ cắt ngang phía trước mặt hoặc bất ngờ lao ra.
- Xe đạp hoặc phương tiện đang dừng ở vị trí quay ngang.
- Xe đi ngược chiều hoặc xe phía trước (kể cả xe máy) chạy ngang qua hoặc quay chéo.
- Khi xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển lẫn vào nền không gian, khiến hệ thống không nhận ra.
- Khi có nhóm người đi bộ di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi có nhóm người đi xe đạp di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển cắt ngang qua đường quá nhanh.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển theo hướng ngược chiều.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước xe bạn hoặc xe chạy ngược chiều sáng một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khi một phần của người đi bộ (đầu, tay chân, v.v.) bị đồ vật mang theo che khuất.
- Khi người đi bộ cúi xuống hoặc ngồi xổm, khi giơ hai tay hoặc đang chạy.

- Khi người đi bộ thấp hơn 1 mét hoặc cao hơn 2 mét.
- Khi người đi bộ đang đẩy xe đẩy hoặc dắt xe đạp.
- Xe đang đến gần theo hướng chéo từ bên cạnh.
- Xe có hình dạng đặc biệt (chẳng hạn như xe bồn hoặc xe tải không chở hàng) đang đến gần từ bên cạnh.
- Xe đang đến gần từ bên cạnh đang đi trên một khúc cua hoặc đường đồi.

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc vận hành của hệ thống

- Khi xe phía trước bạn (kể cả xe máy) là xe máy nhỏ, xe máy có thùng xe bên, xe lăn, xe ba bánh*, hoặc các phương tiện có hình dạng đặc biệt khác.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, ví dụ như xe tải không chở hàng, hoặc xe hẹp.
- Khi xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển không ở phía chính diện xe bạn.
- Sự chênh lệch về tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển là rất lớn.
- Sự chênh lệch về tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang đi đến từ bên cạnh là rất lớn.
- Khi xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước giảm tốc độ đột ngột.
- Khi người lái nhấn bàn đạp phanh và xoay vô lăng để tránh va chạm.

- Khi xe bạn đến gần xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, người đi bộ, hoặc xe đạp đang di chuyển trong khi tăng tốc nhanh hoặc xoay vô lăng (trừ khi rẽ phải^{*1}/trái^{*2} ở đoạn đường giao nhau, v.v.)^{*3}.
- Khi xe đạp đang di chuyển là xe đạp trẻ em, xe đạp gấp, xe ba bánh hoặc các loại xe đạp khác có lốp nhỏ, hoặc xe đạp dài như xe đạp đôi.
- Khi camera góc rộng phía trước không thể nhận diện đúng hình dạng của xe phía trước (kể cả xe máy), xe chạy ngược chiều, xe đang đến gần từ bên cạnh, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi có xe (kể cả xe máy) với khoảng sáng gầm tối thiểu rất cao ở phía trước bạn hoặc đang đến gần từ bên cạnh.

*1: Loại xe có vô lăng bên phải

*2: Loại xe có vô lăng bên trái

*3: Khi có khả năng xảy ra va chạm trực diện với xe đi ngược chiều khi rẽ phải^{*1}/trái^{*2}, CMBS được kích hoạt. Tuy nhiên, hệ thống có thể không kích hoạt nếu bạn xoay vô lăng đột ngột.

■ Tự động tắt

CMBS có thể tắt tự động và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hổ phách) sẽ sáng và sáng liên tục khi:

- Lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa, đường núi, hoặc đường quanh co và gập ghềnh trong thời gian dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Nhiệt độ camera góc rộng phía trước quá cao.
- Camera góc rộng phía trước bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đồ càn, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (kích thước lốp không đúng, lốp bị xẹp, v.v.).

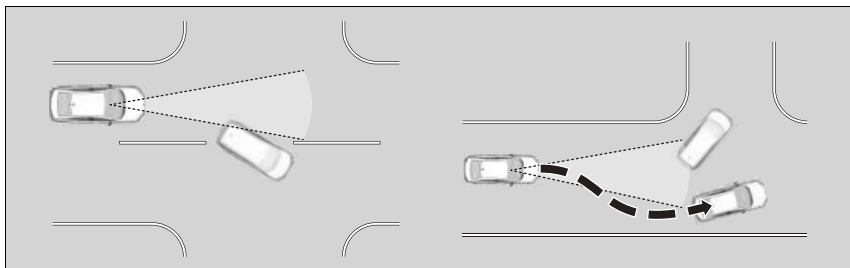
Khi các điều kiện làm CMBS bị tắt được cải thiện hoặc được xử lý (ví dụ làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

■ Trường hợp ít có khả năng xảy ra va chạm

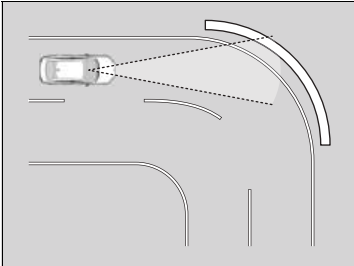
Ngay cả khi khả năng va chạm rất thấp, CMBS vẫn có thể kích hoạt trong các điều kiện sau.

Đồng thời, hệ thống có thể hoạt động nếu phát hiện có khả năng xảy ra va chạm với người đi bộ, xe đạp đang di chuyển, hoặc xe khác.

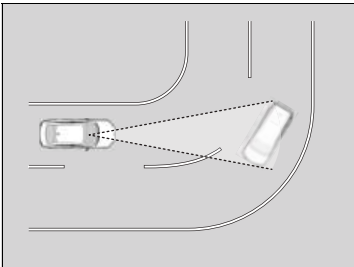
- Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Xe của bạn tiến gần xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.



- Khi xe bạn tiến gần xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển vượt lên phía trước xe bạn.
- Khi lái xe qua công trình thấp hoặc qua cổng hẹp ở tốc độ cao.
- Khi có các biển báo giao thông hoặc các công trình như lan can ở đoạn đường dọc theo khúc cua.



- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe chạy ngược chiều ở ngay phía trước mặt bạn.



- Khi xe bạn đến gần xe đang đứng yên hoặc đến gần bức tường, chẳng hạn như khi đỗ xe.

- Xe đang đi đến từ bên cạnh khi xe đó đang lái qua một khúc cua.
- Bạn vượt qua một xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Bạn vượt phía trước một xe khác (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đang đi đến từ bên cạnh.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp rẽ trái hoặc rẽ phải khi đến gần xe bạn từ bên cạnh.
- Bạn cố vượt trước một chiếc xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy) hoặc xe đạp đang cố vượt lên trước xe bạn khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải.
- Một chiếc xe (kể cả xe máy), người đi bộ hoặc xe đạp đi vào phần đường của xe bạn và dừng lại trước mặt xe bạn.
- Khi bạn đang rẽ trái hoặc rẽ phải, một người đi bộ băng qua phần đường của xe bạn và dừng lại trước mặt xe bạn.
- Bạn đi ngang qua sát bên cạnh một chiếc xe đang đỗ trên đường.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống phát hiện xe bạn có khả năng vô tình chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện và/hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường.

Loại xe tại Mexico

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống phát hiện xe bạn có khả năng chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc đang tiến đến mép ngoài của mặt đường (vào phần lề cỏ hoặc sỏi) hoặc xe chạy ngược chiều được phát hiện.

▶▶ Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Nhắc nhở quan trọng về an toàn

Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ khác, Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường cũng có hạn chế. Quá phụ thuộc vào Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn luôn có trách nhiệm giữ xe đi trong làn đường của mình.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường chỉ cảnh báo khi phát hiện xe đang đi chệch làn đường mà không bật xi nhan. Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể không phát hiện được tất cả vạch kẻ đường hoặc tình trạng lệch làn; độ chính xác sẽ thay đổi tùy theo thời tiết, tốc độ và tình trạng của vạch kẻ đường. Bạn luôn phải có trách nhiệm lái xe an toàn và tránh va chạm.

Loại xe tại Mexico

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sẽ cảnh báo bạn khi hệ thống phát hiện bạn đang tiến đến mép ngoài của mặt đường (vào phần lề cỏ hoặc sỏi), xe chạy ngược chiều hoặc đi chệch sang làn đường khác mà không sử dụng xi nhan.

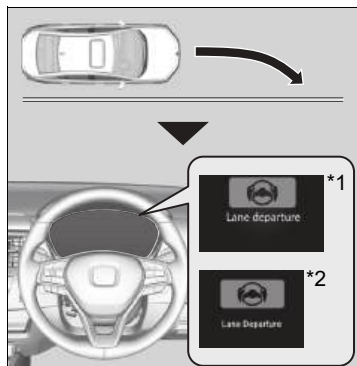
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc việc lấn làn.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể không phát hiện bạn đang tiến đến mép ngoài của mặt đường (được bao quanh bởi cỏ hoặc sỏi) hoặc xe chạy ngược chiều.

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể không hỗ trợ bạn tùy thuộc vào thời tiết, tốc độ hoặc điều kiện đường sá.

■ Cách hoạt động của hệ thống

Ngoại trừ loại xe tại Mexico



Camera trước nằm phía sau gương chiếu hậu sẽ theo dõi vạch kẻ đường bên trái và bên phải (màu trắng hoặc vàng). Nếu xe của bạn đang đến quá gần các vạch kẻ đường được phát hiện mà không bật xi nhan, ngoài cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác dụng mô-men xoắn lái và cảnh báo bạn bằng các rung động nhanh trên vô lăng để giúp bạn duy trì xe trong làn đường được phát hiện.

➤ **Cài đặt** Tr. 142, 167

Dưới dạng cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane departure** (Chệch làn đường)^{*1/} **Lane Departure** (Chệch làn đường)^{*2} xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ thống sẽ hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh đi chệch ra khỏi vạch kẻ đường được phát hiện.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

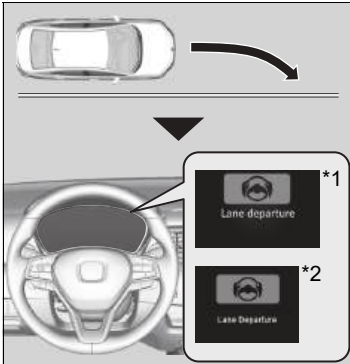
▶▶ Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường không được kích hoạt trong khoảng 15 giây sau khi động cơ được khởi động.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

➤ **Camera góc rộng phía trước** Tr. 374

Loại xe tại Mexico



Camera trước nằm phía sau gương chiếu hậu sẽ giám sát vạch kẻ đường bên trái và bên phải màu trắng hoặc vàng, mép ngoài của mặt đường (được bao quanh bởi cỏ hoặc sỏi) hoặc xe chạy ngược chiều được phát hiện.

Nếu xe của bạn tiến đến bất kỳ vạch kẻ đường nào được phát hiện, mép ngoài của mặt đường (được bao quanh bởi cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện xe đang đến gần khi chưa bật xi nhan, hệ thống sẽ kích hoạt.

▶ Nếu hệ thống không thể phát hiện vạch kẻ đường (màu trắng hoặc vàng), sẽ không có hỗ trợ nào được cung cấp để tránh va chạm với xe chạy ngược chiều. Ngoài cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống còn hỗ trợ đánh lái và cảnh báo bạn bằng cách rung vô lăng nhanh để giúp bạn giữ nguyên làn đường đã phát hiện.

📖 Cài đặt Tr. 167

Dưới dạng cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane departure** (Chệch làn đường)^{*1/} **Lane Departure** (Chệch làn đường)^{*2} xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

📖 Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

📖 Điều kiện và hạn chế của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường Tr. 333

Đôi khi bạn có thể không nhận thấy được các chức năng của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường do hoạt động của xe hoặc tình trạng mặt đường.

Loại xe tại Mexico

Hệ thống sẽ hủy các thao tác hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh vượt qua vạch kẻ đường đã phát hiện hoặc tiến đến mép ngoài của mặt đường (vào phần lề cỏ hoặc sỏi) hoặc xe chạy ngược chiều.

▶▶ Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.

Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định rằng xe bạn có khả năng vượt qua vạch kẻ đường đã được phát hiện.

➡ **Cài đặt** Tr. 142, 167

Loại xe tại Mexico

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.

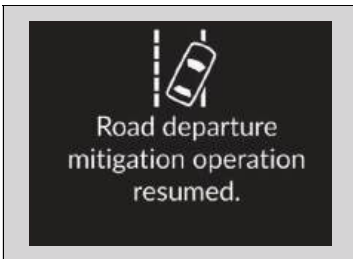
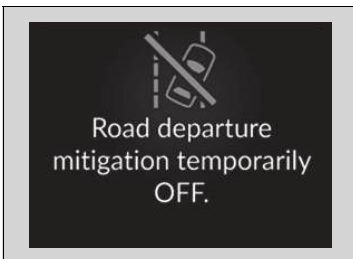
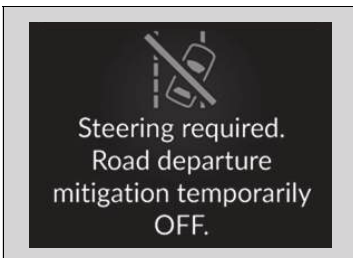
Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định rằng xe của bạn có khả năng vượt qua vạch kẻ đường đã được phát hiện, mép ngoài của mặt đường (vào phần lề cỏ hoặc sỏi) hoặc xe chạy ngược chiều.

➡ **Cài đặt** Tr. 167

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Ngoại trừ loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại A



Nếu hệ thống hoạt động vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn biết. Sau đó, tính năng hỗ trợ lái của Giảm thiểu chệch làn đường tạm thời dừng hoạt động và hệ thống sẽ chỉ cảnh báo bạn bằng âm thanh cảnh báo.

Sau một vài phút, thông báo ở bên trái được hiển thị và Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường được khôi phục hoàn toàn.

*1 : Loại xe tại Mexico

*2 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico

▶▶ Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Loại xe có đồng hồ đo loại B



Ngoại trừ loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B



Nếu hệ thống hoạt động vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn biết. Sau đó, đèn báo TẮT Tự động tính năng Hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sáng, tính năng hỗ trợ lái của Giảm thiểu chệch làn đường tạm thời dừng hoạt động và hệ thống sẽ chỉ cảnh báo bạn bằng âm thanh cảnh báo.

Sau một vài phút, đèn báo TẮT Tự động tính năng Hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sẽ tắt và Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường được khôi phục hoàn toàn.

Loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

Nếu hệ thống hoạt động vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn biết.

■ Cách hệ thống kích hoạt

Hệ thống sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Xi nhan tắt.
- Hệ thống xác định được người lái không chủ động tăng tốc, phanh hoặc xoay vô lăng.
- Vạch kẻ làn đường màu trắng (màu vàng).

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 180 km/h.

Loại xe tại Mexico

Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 145 km/h (45 và 90 dặm/giờ).

▶ Khi xe chạy ngược chiều đang di chuyển

Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 145 km/h (45 và 90 dặm/giờ).

Loại xe tại Mexico

- Mép ngoài của mặt đường là phần lồi hoặc sỏi.
Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 145 km/h (45 và 90 dặm/giờ).

▣ Cách hệ thống kích hoạt

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) và đèn báo giảm thiểu chệch làn đường (màu hổ phách)* sẽ sáng liên tục.

▣ Đèn báo Tr. 102

Chức năng Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể bị ảnh hưởng khi xe:

- Lái ở mép trong của khúc cua hoặc bên ngoài làn đường.
- Lái ở làn đường hẹp.

Bật và tắt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Bạn có thể bật và tắt hệ thống bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

➤ **Chuyển đổi màn hình hiển thị** Tr. 133

➤ **Hỗ trợ an toàn*** Tr. 139

Ngoại trừ loại xe tại Ấn Độ, Bhutan, Nepal

Mỗi lần bạn khởi động động cơ, Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường sẽ bật hoặc tắt theo lựa chọn ở lần lái xe gần đây nhất.

Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan, Nepal

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống trong lần lái xe trước đó.

▶▶ Bật và tắt Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Ngoại trừ loại xe tại Ấn Độ, Bhutan, Nepal

Khi bạn chọn **Warning only** (Chỉ cảnh báo)^{*1/}
Warning Only (Chỉ cảnh báo)^{*2/}, hệ thống không vận hành vô lăng.

➤ **Cài đặt** Tr. 142, 167

Tắt cả các loại xe

Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp^{*}, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể bật sáng màu hổ phách, cùng với thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn thành **BẬT** sau khi kết nối lại ắc-quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

Điều kiện và hạn chế của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Hệ thống có thể không phát hiện đúng vạch kẻ đường và vị trí xe của bạn trong một số điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

Loại xe tại Mexico

Hệ thống có thể không phát hiện đúng vạch kẻ đường (màu trắng hoặc vàng), mép ngoài của mặt đường (vào phần lề bằng cỏ hoặc sỏi) hoặc xe chạy ngược chiều trong một số điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

■ Điều kiện môi trường

- Có rất ít khác biệt giữa các vạch làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Bóng của vật thể gần đây (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ vạch làn đường, mặt đường hoặc xe chạy ngược chiều).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch làn đường và bề mặt đường.

Loại xe tại Mexico

- Mép ngoài của đường được bao quanh bởi các vật thể, vật liệu, v.v. không phải cỏ hoặc sỏi.

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch kẻ đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch kẻ đường khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa chữa đường hoặc vạch kẻ đường xuống cấp.
- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch kẻ đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.
- Một phần của vạch kẻ đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch làn đường đôi.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Đi qua ngã tư.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường xá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.

■ Tình trạng của xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Khi người lái nhấn bàn đạp phanh và xoay vô lăng.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, khác kích cỡ hoặc cấu tạo, bơm không đúng áp suất, lốp dự phòng cỡ nhỏ/lốp dự phòng tạm thời*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

Loại xe tại Mexico

■ Ví dụ về những hạn chế trong việc phát hiện do điều kiện của các xe chạy ngược chiều

- Xe chạy ngược chiều hoặc xe phía trước đang quay ngang.
- Xe chạy ngược chiều đột ngột xuất hiện phía trước xe bạn.
- Khi xe chạy ngược chiều lấn vào nền không gian, khiến hệ thống không thể nhận ra xe đó.
- Đèn chiếu sáng của xe chạy ngược chiều chỉ sáng một bên hoặc không sáng cả hai bên ở nơi tối.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe chạy ngược chiều quá gần.
- Một phần của xe chạy ngược chiều bị xe phía trước xe bạn che khuất.
- Phía trước có nhiều làn đường ngược chiều hoặc làn rẽ.
- Xe ở làn bên cạnh đang đỗ hoặc di chuyển với tốc độ rất chậm.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Mexico

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc vận hành của hệ thống

- Khi xe chạy ngược chiều có hình dạng đặc biệt.
- Khi camera không thể xác định chính xác hình dạng của phương tiện chạy ngược chiều.

Loại xe tại Mexico

■ Trường hợp ít có khả năng xảy ra va chạm

Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể kích hoạt trong các điều kiện dưới đây.

- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe chạy ngược chiều ở ngay phía trước mặt bạn.

Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)

Giúp duy trì tốc độ xe không đổi và khoảng cách đã thiết lập với xe được phát hiện phía trước mà bạn không cần phải giữ chân trên bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.

Khi ACC giảm tốc độ xe bằng cách tác động phanh xe, đèn phanh của xe sẽ sáng lên.

Thời điểm sử dụng



Camera góc rộng phía trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.



■ Tốc độ xe cho ACC: Tốc độ mong muốn trong khoảng trên 30 km/h (18 dặm/giờ)

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Vị trí số cho ACC: Ở vị trí số **D** hoặc **S**

Loại xe có hộp số sàn

■ Vị trí số cho ACC: Ở vị trí số **2** hoặc cao hơn

▶▶ Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng ACC không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng ACC khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện đường sá và thời tiết tốt.

⚠ CẢNH BÁO

ACC có khả năng phanh hạn chế. Khi tốc độ xe của bạn giảm xuống dưới 25 km/h (16 dặm/giờ), ACC sẽ tự động hủy và sẽ không còn tác động đến phanh xe của bạn nữa.

Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

Nhắc nhở quan trọng

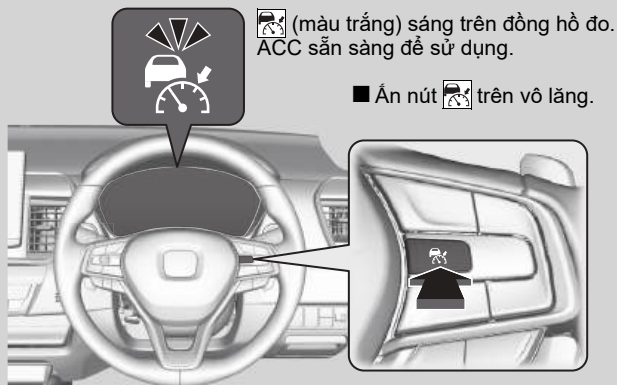
Giống như bất kỳ hệ thống nào, ACC cũng có các hạn chế. Hãy sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn với các xe khác.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

▶▶ Camera góc rộng phía trước Tr. 374

■ Cách kích hoạt hệ thống

Cách sử dụng



▶▶ Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)

ACC có thể không hoạt động đúng trong các điều kiện nhất định.

▶ Điều kiện và hạn chế của ACC Tr. 345

Khi không sử dụng ACC: Ấn nút  để tắt hành trình thích ứng.

Không sử dụng ACC trong những điều kiện sau:

- Trên đường có phương tiện chuyển làn thường xuyên hoặc dừng và di chuyển liên tục, ACC không thể giữ khoảng cách thích hợp giữa xe của bạn và xe phía trước.
- Trên đường có khúc cua gấp.
- Trên đường có các đoạn xuống dốc cao, vì xe thả trôi có thể vượt quá tốc độ xe đã thiết lập. Trong những trường hợp như vậy, ACC sẽ không tác động phanh để duy trì tốc độ đã thiết lập.
- Trên đường có các trạm thu phí hoặc các vật thể khác chắn giữa làn đường giao thông, hoặc ở khu vực đỗ xe, hoặc tại các cơ sở có lối đi cho xe chạy qua.
- Trên đường có thời tiết xấu (có mưa, sương mù, tuyết, v.v.) khiến ACC không thể phát hiện đúng khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước.
- Trên đường có bề mặt trơn trượt hoặc bị đóng băng. Các bánh xe có thể quay trượt và xe của bạn có thể mất kiểm soát trong điều kiện đó.

► Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)

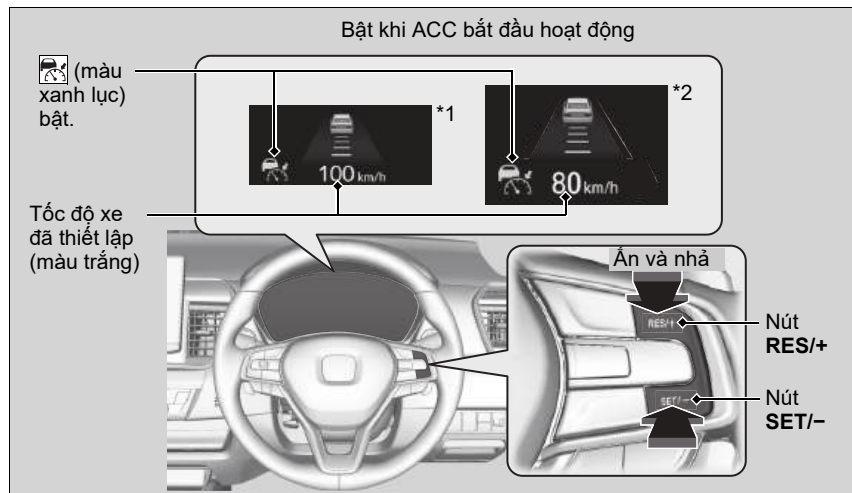
Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC), hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) và Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường có thể bật sáng màu hồ phách, cùng với thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn thành **BẬT** sau khi kết nối lại ắc-quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có hộp số sàn

Khi tốc độ động cơ giảm xuống, hãy thử giảm số. Khi tốc độ động cơ tăng lên, hãy thử tăng số. Bạn có thể duy trì tốc độ đã thiết lập nếu chuyển số trong vòng năm giây.

■ Để thiết lập tốc độ xe



Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-** khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn.

Vào thời điểm bạn nhả nút **RES/+** hoặc **SET/-** tốc độ thiết lập được cố định và ACC bắt đầu hoạt động.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

►► Để thiết lập tốc độ xe

Loại xe tại Mexico

Bạn có thể chuyển đổi đơn vị hiển thị tốc độ đã thiết lập trên màn hình giao diện thông tin cho người lái giữa km/h và dặm/giờ.

► Đồng hồ đo tốc độ xe Tr. 128

► Cài đặt Tr. 142, 167



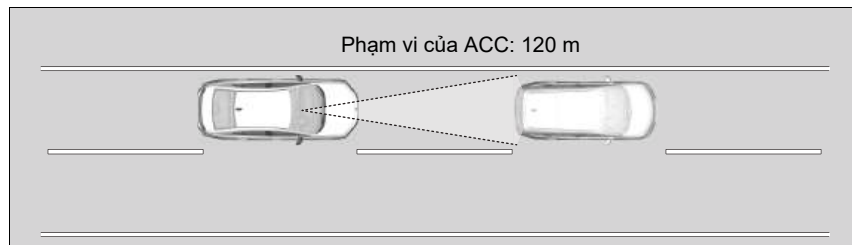
Khi ACC bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các vạch biểu thị khoảng cách và tốc độ đã thiết lập sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

■ Khi hoạt động

■ Có xe phía trước

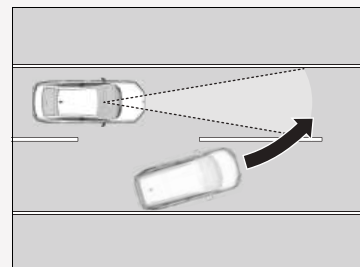
ACC giám sát xem xe phía trước xe bạn có đi vào phạm vi của ACC hay không. Nếu phát hiện có xe đi vào phạm vi này, hệ thống ACC sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ đã thiết lập của xe để giữ khoảng cách theo sau mà xe đã thiết lập với xe phía trước.

➤ Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác Tr. 350

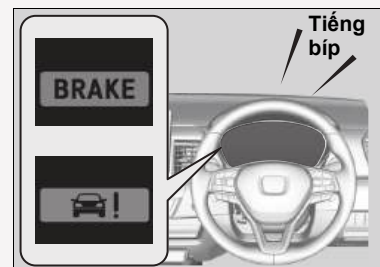


■ Khi hoạt động

Nếu xe phía trước bạn đột ngột giảm tốc độ hoặc nếu có xe khác cắt ngang trước mặt bạn, tiếng bíp sẽ vang lên và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.





Khi camera phát hiện thấy có một xe chạy với tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập của xe bạn đi tới hoặc cắt ngang qua đầu xe bạn, xe của bạn sẽ bắt đầu giảm tốc.

▶▶ Khi hoạt động

Ngay cả khi khoảng cách giữa xe bạn và xe được phát hiện ở phía trước gần nhau, ACC vẫn có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước xe bạn chạy với tốc độ gần bằng hoặc nhanh hơn xe bạn.
- Một xe chen vào phía trước chạy nhanh hơn xe bạn, làm khoảng cách giữa hai xe tăng dần.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát tiếng bíp khi phát hiện xe phía trước đi vào và ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC.

Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp phát hiện xe.

▶ **Cài đặt** Tr. 142, 167

Hạn chế

Bạn có thể cần sử dụng phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC. Bên cạnh đó, ACC có thể không hoạt động đúng trong các điều kiện nhất định.

▶ **Điều kiện và hạn chế của ACC** Tr. 345

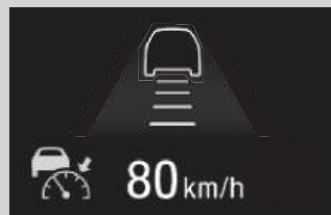
■ Không có xe phía trước

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Biểu tượng xe có đường viền xuất hiện trên đồng hồ đo.

Loại xe có đồng hồ đo loại B



Biểu tượng xe có đường viền xuất hiện trên đồng hồ đo.

■ Khi nhấn bàn đạp ga

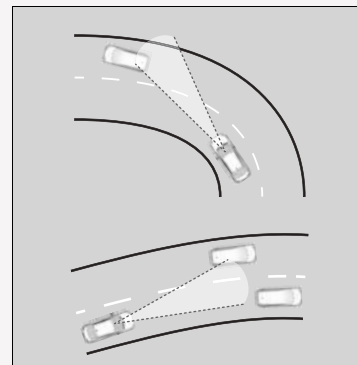
Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có cảnh báo bằng âm thanh hay hình ảnh kể cả khi xe đang ở trong phạm vi của ACC.

ACC vẫn bật trừ khi bạn hủy. Khi nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ tiếp tục tốc độ đã thiết lập.

Xe của bạn duy trì tốc độ đã thiết lập mà không phải giữ chân trên bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga. Nếu trước đó phát hiện có xe phía trước khiến xe bạn không thể giữ tốc độ đã thiết lập, ACC sẽ tăng tốc đến tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.

►► Khi hoạt động

- ACC có thể tạm thời kiểm soát khoảng cách giữa xe bạn và xe trong làn đường liền kề hoặc các xe xung quanh xe bạn tùy thuộc vào điều kiện đường sá (ví dụ: khúc cua) hoặc điều kiện của xe (ví dụ: xoay vô lăng hoặc vị trí của xe trong làn đường).



- Khi xe phía trước xe bạn rời đi, chẳng hạn như khi đi vào nút giao thông hoặc trạm dừng chân, ACC có thể tiếp tục duy trì khoảng cách theo sau đã thiết lập trong thời gian ngắn.

■ Điều kiện và hạn chế của ACC

Hệ thống có thể tự động tắt trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của ACC.

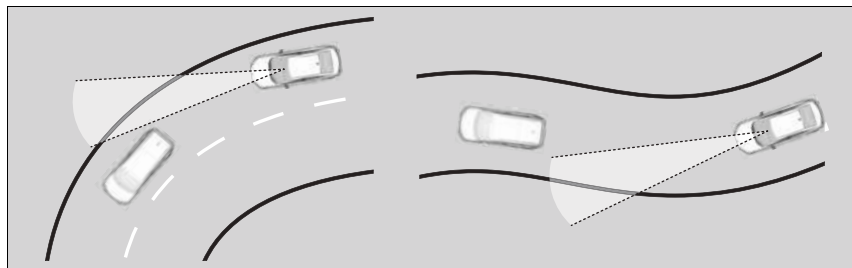
📷 **Camera góc rộng phía trước** Tr. 374

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên xe hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ toàn bộ xe).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).

■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh hoặc đường dốc.



- Lái xe trên đường bị hằn lún (đường tuyết hoặc đường không trải nhựa, v.v.).
- Mặt đường ướt nước hoặc có nhiều vũng nước.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Tình trạng của xe

- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Khi lắp xích bọc lốp*.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đèn can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, khác kích cỡ hoặc cấu tạo, bơm không đúng áp suất, lốp dự phòng cỡ nhỏ*/lốp dự phòng tạm thời*, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

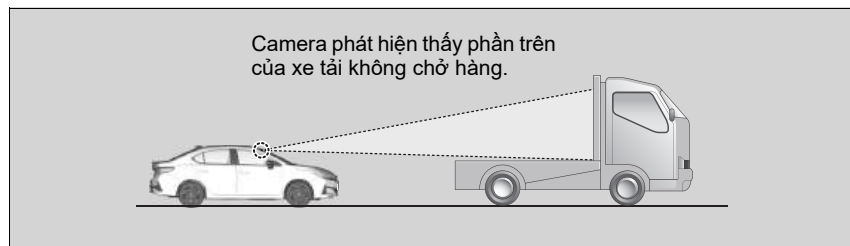
* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ **Ví dụ về các trường hợp khi camera có thể không phát hiện chính xác xe phía trước**

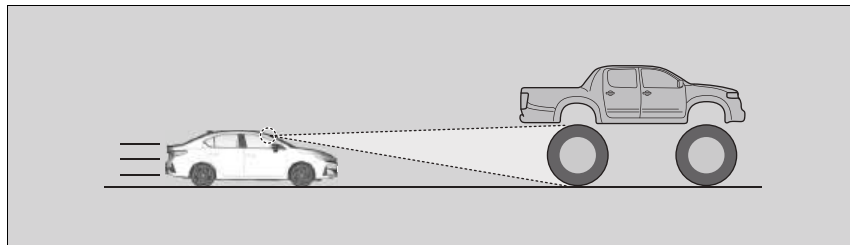
- Một xe bất ngờ cắt ngang phía trước xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Khi xe phía trước lấn vào nền không gian, khiến hệ thống không thể nhận ra xe đó.
- Khi xe phía trước có chiều cao thấp.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước chỉ sáng một bên hoặc không sáng cả hai bên ở nơi tối.

■ Ví dụ về các trường hợp khi hệ thống có thể không hoạt động đúng

- Xe phía trước dừng lại và có chênh lệch rất lớn giữa tốc độ của xe bạn và xe phía trước.
- Khi xe phía trước giảm tốc đột ngột.
- Khi xe phía trước xe bạn là xe ba bánh* hoặc xe có hình dạng đặc biệt.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, ví dụ như xe tải không chở hàng, hoặc xe hẹp.



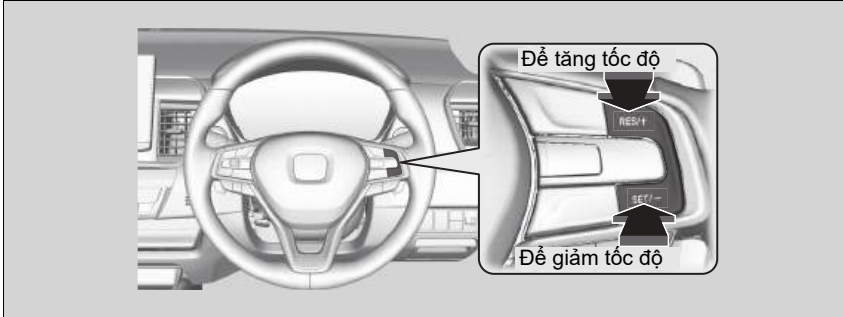
- Khi xe bạn hoặc xe phía trước đi trên mép của làn đường.
- Khi xe phía trước là xe có bề ngang hẹp, ví dụ như xe máy.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước xe bạn rất cao.



- Khi camera không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước xe bạn.

■ Để điều chỉnh tốc độ xe

Ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.



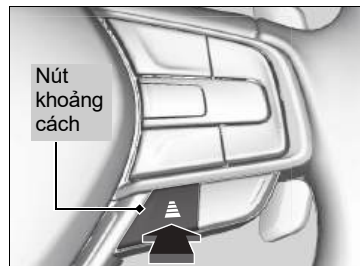
- Mỗi lần bạn ấn nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h hoặc 1 dặm/giờ.
- Nếu ấn và giữ nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 10 km/h hoặc 10 dặm/giờ.

■ Để điều chỉnh tốc độ xe

Nếu phát hiện xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc của bạn, ACC không thể tăng tốc độ của xe. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã thiết lập giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi nhấn bàn đạp ga, sau đó ấn và nhả nút **RES/+** hoặc **SET/-**, tốc độ hiện tại của xe được thiết lập.

■ Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác



Ấn nút khoảng cách để thay đổi khoảng cách theo sau xe khác của ACC.

Mỗi lần ấn nút, cài đặt khoảng cách với xe khác (khoảng cách phía sau xe được phát hiện ở phía trước xe bạn) sẽ chuyển lần lượt qua các mức rất xa, xa, trung bình và ngắn.

Xác định khoảng cách với xe khác phù hợp nhất tùy theo điều kiện lái xe cụ thể. Đảm bảo tuân theo mọi yêu cầu của địa phương về khoảng cách với xe khác.

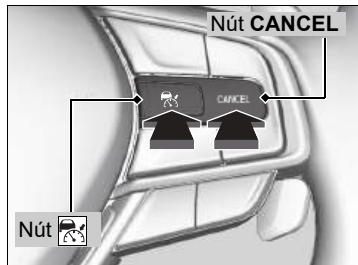
Tốc độ chạy theo sau của xe bạn càng cao thì khoảng cách theo sau xe khác ở các mức ngắn, trung bình, xa hoặc rất xa càng dài. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

Khoảng cách xe		Khi tốc độ đã thiết lập là:	
		80 km/h (50 dặm/giờ)	104 km/h (65 dặm/giờ)
Ngắn		26,6 mét 1,2 giây	33,7 mét 1,2 giây
Trung bình		34,6 mét 1,6 giây	44,9 mét 1,6 giây
Xa		44,0 mét 2,0 giây	57,1 mét 2,0 giây
Rất xa		53,6 mét 2,4 giây	70,0 mét 2,4 giây

■ Thiết lập hoặc thay đổi khoảng cách với xe khác

Trong mọi trường hợp, người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu hoặc thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật giao thông đường bộ ở địa phương và người lái phải có trách nhiệm tuân thủ pháp luật.

Để hủy



Để hủy ACC, hãy làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
 - Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển thành đèn báo (màu trắng).
- Ấn nút .
 - Đèn báo (màu xanh lục) tắt.
- Nhấn bàn đạp phanh khi xe đang di chuyển về phía trước.
 - Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển thành đèn báo (màu trắng).

Loại xe có hộp số sàn

- Nhấn bàn đạp ly hợp trong năm giây trở lên.
 - Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển thành đèn báo (màu trắng).

Để hủy

Khôi phục tốc độ đã thiết lập trước đó: Sau khi hủy ACC, bạn có thể kích hoạt ACC với tốc độ đã thiết lập trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách ấn nút **RES/+**.

Khi bạn tắt ACC bằng cách ấn nút **CANCEL** (HỦY) hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ đã thiết lập trước đó sẽ hiển thị trên đồng hồ đo với màu xám.

Khi ấn nút **RES/+**, ACC được kích hoạt với tốc độ đang hiển thị.

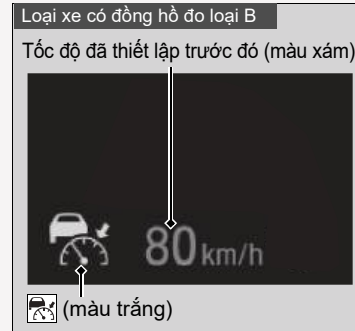
Nếu đèn báo (màu trắng) hiển thị và bạn ấn nút **RES/+**, nhưng tốc độ đã thiết lập trước đó (màu xám) không hiển thị, thì tốc độ sẽ được thiết lập thành tốc độ hiện tại của xe bạn.

■ Hủy tự động

Tiếng bip vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi ACC bị hủy tự động. ACC sẽ tự động bị hủy ở bất kỳ điều kiện nào sau đây:

- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện tình trạng lốp xe bất thường hoặc lốp xe bị trượt.
- Lái xe trên đường đồi núi trong thời gian dài hoặc lái xe trên địa hình ngoài đường nhựa.
- Thao tác vô lăng đột ngột.
- Khi ABS, VSA, hoặc CMBS được kích hoạt.
- Khi đèn báo hệ thống VSA bật sáng.
- Khi tốc độ xe dưới 25 km/h (16 dặm/giờ).
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Khi phát hiện xe khác nằm trong phạm vi ACC ở quá gần với xe bạn.
- Khi tăng tốc nhanh.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Xe chờ hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Khi đi qua khu vực tối, ví dụ như đường hầm.
- Khi đèn báo Phanh đỗ và Hệ thống phanh (màu hổ phách) bật sáng.
- Nhấn phanh liên tục để duy trì tốc độ đã thiết lập (ví dụ như khi đang xuống dốc dài).
- Khi hệ thống không phát hiện bất kỳ thao tác lái xe nào từ người lái trong một khoảng thời gian nhất định trong khi LKAS cũng được kích hoạt.

▶▶ Để hủy



Không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập khi tắt ACC bằng cách ấn nút . Ấn nút để kích hoạt hệ thống, sau đó thiết lập tốc độ mà bạn mong muốn.

Bạn không thể khôi phục nếu tốc độ xe dưới 30 km/h (18 dặm/giờ).

Loại xe có hộp số sàn

- Bỏ qua chỉ báo tăng số hoặc giảm số hiển thị trên đồng hồ đo sẽ hủy ACC sau khoảng 10 giây.
- Tốc độ động cơ đạt đến vùng màu đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ.
- Tốc độ động cơ giảm xuống dưới 1.000 vòng/phút.
- Bạn tạm thời chuyển về số không khi chuyển lên số cao hơn hoặc xuống số thấp hơn.
- Khi đưa hộp số vào số **[N]** mà không nhấn bàn đạp ly hợp.

Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Cung cấp thông tin lái để giúp giữ xe ở giữa làn đường đã phát hiện và cung cấp cảnh báo bằng rung vô lăng, âm thanh và hình ảnh nếu xe bị phát hiện lệch khỏi làn đường.

Loại xe tại Mexico

Cung cấp thông tin lái để giúp giữ xe ở giữa làn đường đã phát hiện và cung cấp cảnh báo bằng rung vô lăng và hình ảnh nếu xe bị phát hiện lệch khỏi làn đường.

►► Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

Nhắc nhở quan trọng về an toàn

LKAS chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện. Đây không phải là hệ thống lái tự động và người lái luôn cần chú ý và điều khiển xe. Hệ thống không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không điều khiển lái xe.

LKAS rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Không để bất cứ vật gì lên bảng điều khiển. Các vật đó có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường.

LKAS chỉ cảnh báo khi phát hiện xe đang đi chệch làn đường mà không bật xi nhan. LKAS có thể không phát hiện được tất cả vạch kẻ đường hoặc tình trạng lệch làn; độ chính xác sẽ thay đổi tùy theo thời tiết, tốc độ và tình trạng của vạch kẻ đường. Bạn luôn phải có trách nhiệm lái xe an toàn và tránh va chạm.

LKAS có thể không hoạt động hiệu quả khi lái xe trong điều kiện giao thông dừng tiến liên tục hoặc trên đường có những khúc cua gấp.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

📷 **Camera góc rộng phía trước** Tr. 374

LKAS không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

📷 **Điều kiện và hạn chế của LKAS** Tr. 364

▶▶ Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS)

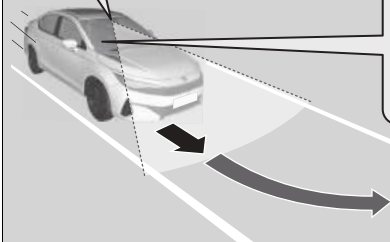
Nếu LKAS không phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tạm thời bị hủy. Khi phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tự động hoạt động trở lại.

■ Hỗ trợ hệ thống lái

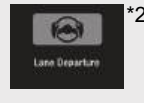
Hệ thống tác dụng mô-men xoắn lên hệ thống lái nhằm giữ xe ở giữa vạch làn đường bên trái và bên phải. Mô-men xoắn sẽ lớn dần khi xe đến gần một trong hai vạch làn đường.



■ Camera góc rộng phía trước
Giám sát vạch làn đường



*1



*2

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

■ Cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh và bằng hình ảnh

Vô lăng rung liên tục, cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện để báo cho bạn biết xe bạn đang đi lệch khỏi làn đường được phát hiện.

Loại xe tại Mexico

■ Cảnh báo bằng rung vô lăng và hình ảnh
Vô lăng rung liên tục, và hình ảnh cảnh báo sẽ xuất hiện để báo cho bạn biết xe bạn đang đi lệch khỏi làn đường được phát hiện.

Khi bạn bật xi nhan để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ tạm dừng và tiếp tục hoạt động sau khi tắt xi nhan.

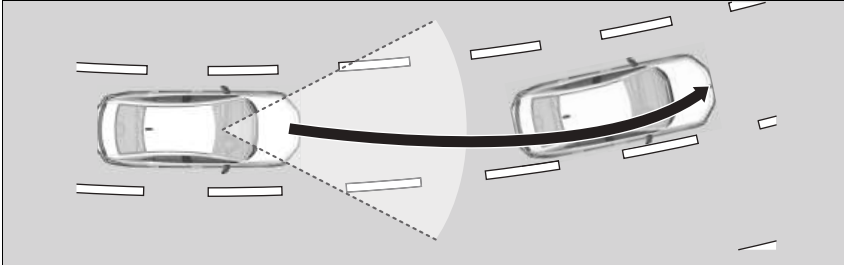
Nếu bạn chuyển làn đường mà không bật xi nhan, cảnh báo LKAS sẽ kích hoạt và mô-men xoắn sẽ được tác động vào hệ thống lái.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Chức năng hỗ trợ giữ làn đường

Hỗ trợ xe đi giữa làn đường. Khi xe đi đến gần vạch trắng hoặc vàng, lực lái của hệ thống trợ lực điện sẽ tăng lên.



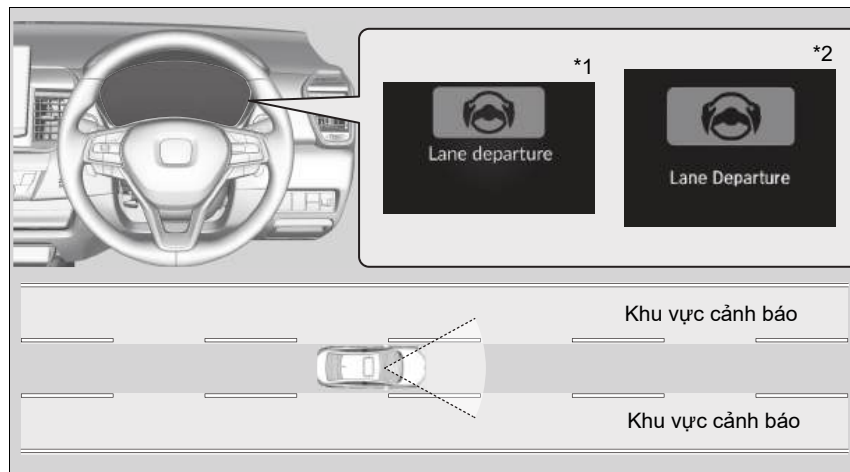
■ Chức năng cảnh báo chệch làn đường

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời xuất hiện cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.

Loại xe tại Mexico

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo bạn bằng cách làm vô lăng rung nhẹ cũng như hiển thị màn hình cảnh báo.



*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Có thể sử dụng hệ thống khi

Có thể sử dụng hệ thống khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Làn đường đang lái có các vạch phân cách làn đường để phát hiện ở cả hai bên đường và xe bạn đang đi giữa làn đường.
- Lái xe trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Xi nhan tắt.
- Không nhấn bàn đạp phanh.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

- Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 180 km/h.

Loại xe tại Mexico

- Xe chạy với tốc độ khoảng từ 72 đến 145 km/h (45 và 90 dặm/giờ).

■ Cách kích hoạt hệ thống



1. Ấn nút LKAS.

- ▶ Đèn báo LKAS (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.
Hệ thống ở chế độ chờ.
- ▶ Nếu phát hiện vạch làn đường giao thông, vạch màu trắng sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

▶▶ Có thể sử dụng hệ thống khi

Nếu xe tạt sang làn đường bên trái hoặc bên phải do mô-men xoắn tác động lên hệ thống, hãy tắt LKAS và mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Đảm bảo thực hiện theo các chỉ dẫn sau đây để hệ thống hoạt động hiệu quả:

- Đảm bảo kính chắn gió xung quanh camera luôn sạch sẽ.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.
- Không dán nhãn dán lên khu vực quanh camera.

Nếu ấn nút LKAS khi có thể sử dụng hệ thống, LKAS sẽ bật mà không cần ở chế độ chờ.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

Loại xe có đồng hồ đo loại A

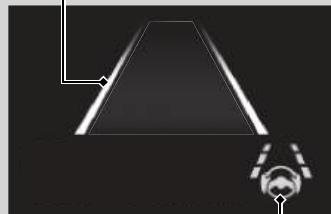
Vạch màu xanh lục



Đèn báo LKAS (màu xanh lục)

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Vạch màu xanh lục

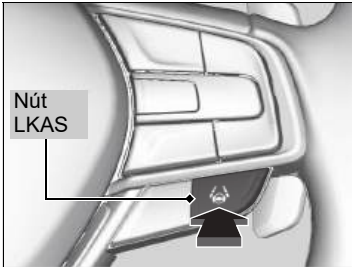


Đèn báo LKAS (màu xanh lục)

2. Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.

- Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang màu xanh lục và vạch màu trắng chuyển sang màu xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch kẻ đường bên trái và bên phải.

■ Để hủy

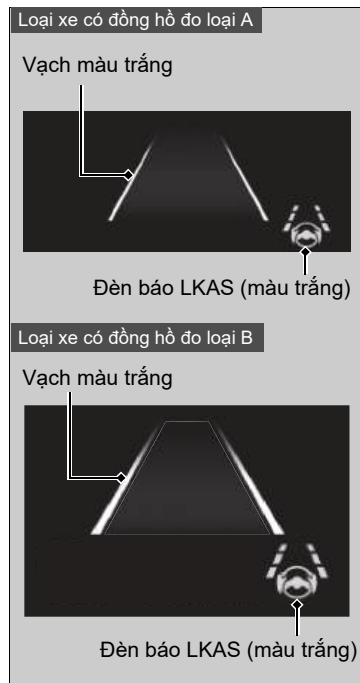


Ấn nút LKAS.

LKAS sẽ tắt mỗi khi bạn tắt động cơ, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống ở làn lái xe gần đây nhất.

■ LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

Khi LKAS tạm dừng trong những trường hợp sau, các vạch màu xanh lục trên đồng hồ đo chuyển thành các vạch màu trắng hoặc biến mất và tiếng bíp vang lên (nếu được kích hoạt).



- Giảm tốc độ xe xuống khoảng 64 km/h (40 dặm/giờ) hoặc thấp hơn.
► Tăng tốc độ xe lên khoảng 72 km/h (45 dặm/giờ) trở lên sẽ khôi phục hoạt động của LKAS.
- Xe đang đi lệch sang bên phải hoặc bên trái làn đường.
- Hệ thống không phát hiện ra vạch làn đường.
- Xoay vô lăng nhanh.
- Bạn không điều khiển được hướng xe.
- Lái xe qua khúc cua gấp.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

- Lái xe ở tốc độ vượt quá khoảng 185 km/h.

Loại xe tại Mexico

- Lái xe ở tốc độ vượt quá khoảng 150 km/h (93 dặm/giờ).

Tất cả các loại xe

- Sử dụng hệ thống ABS hoặc VSA.
 - Đột ngột nhấn bàn đạp phanh.
- LKAS sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

►► LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp tạm dừng LKAS.

► Cài đặt Tr. 142, 167

■ LKAS có thể tự động hủy khi:

Trong những trường hợp sau, vạch làn đường giao thông có thể biến mất trên đồng hồ đo, tiếng bíp có thể vang lên và LKAS có thể tự động hủy:

- Nhiệt độ camera quá cao.
- Camera phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera, bao gồm cả kính chắn gió, bị bẩn.

■ Điều kiện và hạn chế của LKAS

Hệ thống có thể không phát hiện được vạch kẻ đường (màu trắng hoặc vàng) và hệ thống LKAS có thể không hoạt động đúng cách trong một số điều kiện nhất định, bao gồm:

■ Điều kiện môi trường

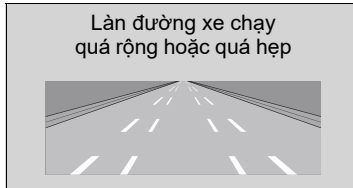
- Có rất ít khác biệt giữa các vạch làn đường và bề mặt đường.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).
- Bóng của vật thể gần đấy (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ vạch làn đường hoặc mặt đường).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch làn đường và bề mặt đường.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch kẻ đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch kẻ đường khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa chữa đường hoặc vạch kẻ đường xuống cấp.

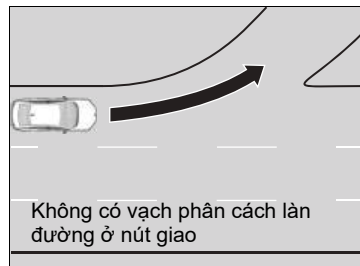


- Đường có vạch đánh dấu nhập làn, tách làn hoặc giao cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành cho người đi bộ.
- Vạch kẻ đường quá hẹp, quá rộng, hoặc thay đổi liên tục.



- Một phần của vạch kẻ đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe trên đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe của bạn bị rung lắc mạnh trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v.) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không trải nhựa, hoặc mặt đường mấp mô.

- Lái xe trên đường có vạch làn đường đôi.
- Lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường ướt nước hoặc có nhiều vũng nước.
- Không nhận dạng được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường sá như khúc cua, khúc quanh hoặc đường đồi dốc.
- Lái xe trên đường không trải nhựa hoặc bị hằn lún.
- Đi qua nút giao.



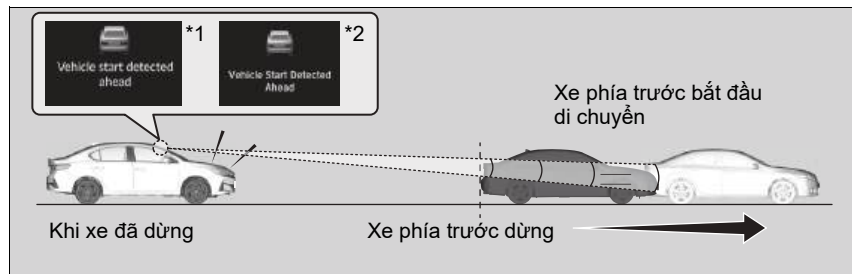
■ Tình trạng của xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Tình trạng lốp hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, khác kích cỡ hoặc cấu tạo, bơm không đúng áp suất, lốp dự phòng cỡ nhỏ*/lốp dự phòng tạm thời*, v.v.).
- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.
- Khi lắp xích bọc lốp*.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

Đưa ra cảnh báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại bắt đầu di chuyển.



► Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

⚠ CẢNH BÁO

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành là một hệ thống hỗ trợ lái. Hệ thống không thể thông báo cho bạn biết khi nào an toàn để bắt đầu lái.

Sử dụng hệ thống này không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Luôn quan sát bằng mắt để xác nhận an toàn xung quanh trước khi lái xe và duy trì khoảng cách an toàn với xe khác khi lái xe.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin về cách xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

► **Camera góc rộng phía trước** Tr. 374

Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống này có thể không hoạt động hiệu quả do thời tiết, điều kiện môi trường, v.v.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Cách hoạt động của hệ thống

Hệ thống sẽ phát hiện ra xe khác dừng phía trước xe bạn khi hai xe cách nhau trong vòng 10 m và cả hai xe đều đã dừng lại được một thời gian. Khi phát hiện xe dừng phía trước di chuyển nhưng xe bạn không di chuyển, hệ thống sẽ hoạt động.

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Vị trí số ở số **D** hoặc **S**

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh.

■ Khi vị trí số ở **N**

Hệ thống sẽ hoạt động khi xe dừng, nhấn bàn đạp phanh, hoặc phanh đỗ đang hoạt động.

Loại xe có hộp số sàn

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh, hoặc phanh đỗ đang hoạt động.

Tất cả các loại xe

Bạn có thể chọn một trong hai chế độ thời điểm hoạt động của hệ thống, **Normal** (Bình thường) và **Early** (Sớm).

🔧 Cài đặt Tr. 142, 167

Ở chế độ **Normal** (Bình thường), hệ thống hoạt động khi xe phía trước đã di chuyển cách nơi dừng xe khoảng 3 m.

Ở chế độ **Early** (Sớm), hệ thống hoạt động ngay khi phát hiện xe phía trước di chuyển.

🔧 Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành*

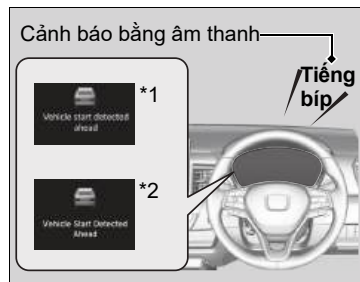
Bạn có thể tắt Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành.

🔧 Cài đặt Tr. 142, 167

Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành sẽ không hoạt động trong khi đèn báo Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) sáng.

🔧 Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)
Tr. 337

■ Khi hệ thống hoạt động



Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống hoạt động.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Điều kiện và hạn chế của Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành

Trong các điều kiện sau, hệ thống có thể hoạt động hoặc không hoạt động bất kể xe phía trước có di chuyển hay không.

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm, hoặc dưới bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Ánh sáng mạnh phản chiếu lên xe hoặc mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như đường hầm (do điều kiện ánh sáng yếu nên không chiếu rõ toàn bộ xe).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc hoàng hôn).

■ Điều kiện đường sá

- Lái xe trên đường cong, quanh co, nhấp nhô hoặc dốc, hoặc ngay sau khi rẽ trái hoặc rẽ phải.

■ Tình trạng của xe

- Xe bị nghiêng do hành lý nặng trong cốp hoặc ghế sau.
- Xe chỉ dừng lại trong một khoảng thời gian ngắn.
- Mặt trước của camera bị che khuất bởi bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết ướt, phụ kiện, đề can, nhãn dán, tấm phim, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc trong bóng tối (như đường hầm) với đèn chiếu sáng tắt.
- Trên kính chắn gió có cặn bẩn do cặn gạt nước tạo ra.
- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, khác kích cỡ hoặc cấu tạo, bơm không đúng áp suất, lốp dự phòng tạm thời^{*}, v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

■ Ví dụ về các trường hợp khi camera có thể không phát hiện chính xác xe phía trước

- Xe phía trước chỉ dừng lại trong một khoảng thời gian ngắn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Xe phía trước đang chạy quá chậm.
- Xe phía trước rẽ phải, rẽ trái hoặc quay đầu đột ngột.
- Xe phía trước lấn vào cảnh vật xung quanh và hệ thống không phát hiện được.
- Xe phía trước chỉ có một hoặc không có đèn hậu nào bật.

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện của hệ thống

- Có người đi bộ, xe đạp, xe máy hoặc xe có hình dạng đặc biệt phía trước xe bạn.
- Một xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp di chuyển giữa xe bạn và xe phía trước.
- Xe phía trước không ở ngay trước mặt xe bạn.

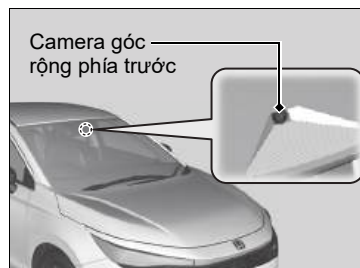
■ Ví dụ về các hạn chế khác trong hoạt động của hệ thống

- Camera không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước.
- Xe phía trước có khoảng sáng gầm xe rất cao.
- Xe phía trước, ví dụ như xe tải không có rơ-moóc, có phần sau nhỏ hơn phần trước.

Camera góc rộng phía trước

Camera, được sử dụng trong các hệ thống như Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS), Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường, Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC), Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS), Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành* và hệ thống đèn pha thích ứng tự động, được thiết kế để phát hiện vật thể kích hoạt bất kỳ hệ thống nào để vận hành chức năng của hệ thống đó.

Lưu ý về vị trí và mẹo xử lý camera



Camera được lắp phía sau gương chiếu hậu.

Giúp làm giảm tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến của camera tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm hoặc che phía trước xe để ánh nắng mặt trời không chiếu vào khi đỗ xe. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không che phần vỏ camera để tránh tình trạng làm tập trung nhiệt vào camera.

Camera góc rộng phía trước

Không dán tấm phim hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió, nắp ca-pô hoặc lưới tản nhiệt trước để tránh làm cản tầm nhìn của camera và khiến cho hệ thống hoạt động bất thường.

Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hãng Honda. Việc thực hiện dù chỉ các sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hãng cũng có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường.

Sau khi thay kính chắn gió, hãy mang xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera. Cần hiệu chỉnh camera đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Không để vật gì lên trên bảng điều khiển. Đồ vật có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không thể phát hiện chính xác vạch làn đường.

▶▶ Camera góc rộng phía trước

Nếu thông báo **Some driver assist systems cannot operate: Camera temperature too high**^{*1}/**Some Driver Assist Systems Cannot Operate: Camera Temperature Too High**^{*2} (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không thể hoạt động: Nhiệt độ camera quá cao) xuất hiện:

- Sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động để làm mát bên trong xe và nếu cần, sử dụng cả chế độ sấy với luồng khí hướng thẳng vào camera.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, qua đó sẽ làm giảm nhiệt độ vùng xung quanh camera.

Loại xe có đồng hồ đo loại A

Nếu thông báo **Some driver assist system cannot operate: Clean front windshield or poor viewing condition/Some driver assist systems cannot operate: Clean front windscreen or poor viewing condition** (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không thể hoạt động: Làm sạch kính chắn gió phía trước hoặc điều kiện quan sát kém) xuất hiện:

- Đổ xe ở nơi an toàn và đảm bảo kính chắn gió sạch. Lau sạch kính chắn gió nếu bị bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn lái xe đi một đoạn, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có đồng hồ đo loại B

Nếu thông báo **Some Driver Assist Systems Cannot Operate: Clean Front Windshield Or Poor Viewing Condition**^{*3}/**Some Driver Assist Systems Cannot Operate: Clean Front Windscreen Or Poor Viewing Condition**^{*4} (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không thể hoạt động: Làm sạch kính chắn gió phía trước hoặc điều kiện quan sát kém) xuất hiện:

- Đổ xe ở nơi an toàn và đảm bảo kính chắn gió sạch. Lau sạch kính chắn gió nếu bị bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn lái xe đi một đoạn, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

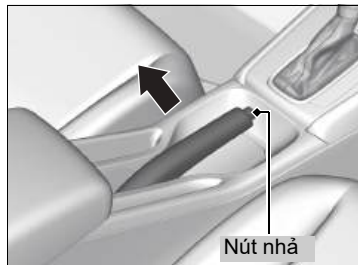
*3 : Loại xe tại Mexico

*4 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Hệ thống phanh

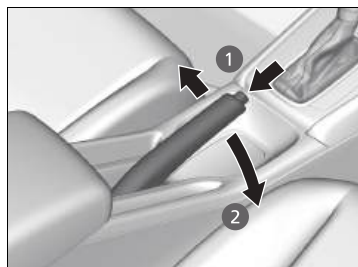
■ Phanh đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe đứng yên khi đỗ xe.



Để giải:

Kéo cần phanh đỗ lên hết mức mà không ấn nút nhả.



Để nhả:

1. Kéo nhẹ cần phanh đỗ, rồi nhấn và giữ nút nhả.
2. Hạ cần phanh xuống hết mức, sau đó nhả nút.

» Hệ thống phanh

Loại xe tại Thái Lan

Khi nhấn bàn đạp phanh, bạn có thể nghe thấy tiếng vù vù phát từ khoang động cơ. Điều này là do hệ thống phanh đang hoạt động và là bình thường.

» Phanh đỗ

CHÚ Ý

Nhả hoàn toàn phanh đỗ trước khi lái xe. Phanh sau và trục xe có thể bị hư hỏng nếu bạn lái xe khi đang gài phanh đỗ.

Nếu bạn bắt đầu lái xe khi chưa nhả hoàn toàn phanh đỗ, còi báo sẽ vang lên để cảnh báo và thông báo **Release parking brake**^{*1}/**Release Parking Brake**^{*2} (Nhả phanh đỗ) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*.

Luôn kéo phanh đỗ khi đỗ xe.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Phanh chân

Loại xe tại Malaysia có bánh xe 16 inch

Loại xe tại Việt Nam có hệ thống mở cửa không chìa khóa

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở cả bốn bánh xe.

Bộ trợ lực chân không giúp giảm lực nhấn lên bàn đạp phanh.

Loại xe khác

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở phía trước và phanh tang trống ở các bánh sau.

Bộ trợ lực chân không giúp giảm lực nhấn lên bàn đạp phanh.

Tất cả các loại xe

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp giúp tăng lực dừng khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

► **Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp** Tr. 379

► **Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)** Tr. 378

Phanh chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái qua vùng nước sâu, hoặc khi có nước đọng trên mặt đường. Nếu cần, hãy làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít liên tục phát ra do ma sát kim loại khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Kích hoạt phanh động cơ bằng cách nhấn chân khỏi bàn đạp ga và giảm số xuống vị trí số/tốc độ thấp hơn. Với hộp số sàn, hãy sử dụng số thấp hơn để tăng hiệu quả phanh động cơ.

Không đặt chân lên phanh khi đang lái, vì việc này sẽ tác dụng nhẹ lên phanh, làm giảm hiệu quả phanh và giảm tuổi thọ má phanh. Đồng thời cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng.

Loại xe tại Thái Lan

Bất cứ khi nào phanh được kích hoạt bởi CMBS hoặc một hệ thống khác tự động điều khiển phanh, bàn đạp phanh sẽ được nhấn xuống và nhả ra theo chức năng phanh.

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

■ ABS

Giúp các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát lái nhờ việc nhấp nhả phanh nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) thuộc hệ thống ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và bánh sau theo tải trọng xe.

Bạn không được nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hỗ trợ bạn bằng cách luôn duy trì lực nhấn mạnh, ổn định lên bàn đạp phanh. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và đánh lái”.

■ Hoạt động của ABS

Bàn đạp phanh có thể rung nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ chắc bàn đạp phanh. Trên mặt đường khô ráo, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS kích hoạt. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS kích hoạt ngay lập tức nếu bạn cố dừng xe trên đường có tuyết hoặc băng.

Hệ thống ABS có thể kích hoạt khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong lúc lái xe trên:

- Đường ướt hoặc phủ tuyết.
- Đường lát đá.
- Đường có bề mặt không bằng phẳng, ví dụ như đường có ổ gà, vết nứt, hố ga, v.v.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h (6 dặm/giờ), ABS dừng hoạt động.

►► Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

CHÚ Ý

ABS có thể không hoạt động hiệu quả nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại hoặc kích cỡ.

Nếu đèn báo **ABS** bật sáng trong khi lái xe, có thể hệ thống có sự cố.

Mặc dù phanh thông thường sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng có khả năng hệ thống ABS sẽ không hoạt động. Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Hệ thống ABS không được thiết kế nhằm mục đích giảm thời gian hoặc quãng đường cần thiết để xe dừng lại: Hệ thống được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh, vốn có thể dẫn đến trượt bánh và mất khả năng điều khiển lái.

Trong các trường hợp sau, xe có thể cần khoảng cách xa hơn để dừng so với xe không có ABS:

- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết.
- Lấp xích bọc lốp*.

Có thể xuất hiện các hiện tượng sau với hệ thống ABS:

- Tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ khi nhấn phanh hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi khởi động động cơ và trong khi xe đang tăng tốc.
 - Bàn đạp phanh và/hoặc thân xe rung lên khi ABS hoạt động.
- Hiện tượng rung và tiếng ồn này là bình thường với hệ thống ABS và không cần lo ngại.

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Có chức năng hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Nhấn chắc bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

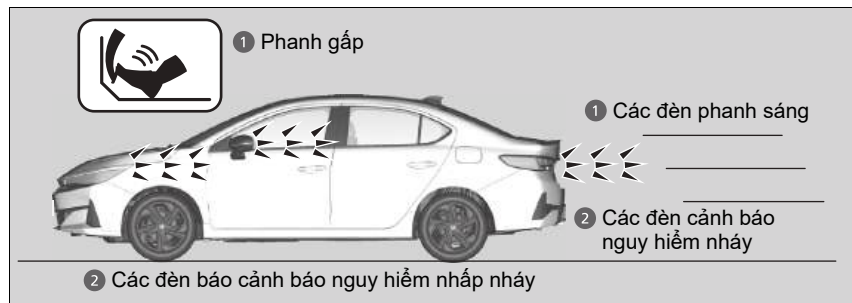
Khi hệ thống hỗ trợ phanh hoạt động, bàn đạp phanh có thể rung nhẹ và có thể nghe thấy tiếng ồn hoạt động. Điều này là bình thường. Tiếp tục nhấn mạnh bàn đạp phanh xuống.

Ngoại trừ loại xe tại Mexico

Tín hiệu dừng khẩn cấp

Hoạt động khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái xe ở tốc độ từ 60 km/h trở lên nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh bất ngờ bằng cách nhấp liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe bạn.

■ Khi hệ thống kích hoạt:



Các đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nhấp nháy khi:

- Nhả bàn đạp phanh.
- ABS ngừng hoạt động.
- Tốc độ giảm tốc của xe bạn trở nên vừa phải.
- Ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

» Tín hiệu dừng khẩn cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm từ phía sau có khả năng xảy ra do bạn phanh gấp. Hệ thống này làm đèn cảnh báo nguy hiểm nhấp khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

Khi xe đã dừng

1. Nhấn chắc bàn đạp phanh.
2. Kéo phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

3. Thay đổi vị trí số sang **[P]**.
4. Tắt động cơ.

Loại xe có hộp số sàn

3. Di chuyển cần số đến số **[N]**.
4. Tắt động cơ và di chuyển cần số đến số **[R]** hoặc **[1]**.

Luôn gài phanh đỗ, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

Đỗ xe

Loại xe có hộp số vô cấp

⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể bị trôi nếu chưa đảm bảo đã gài vị trí Đỗ.

Xe bị trôi có thể gây ra va chạm dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn giữ chân trên bàn đạp phanh cho đến khi bạn xác nhận **[P]** hiển thị trên đèn báo vị trí số.

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Thay đổi vị trí số sang **[P]** trước khi xe dừng hẳn.

Tất cả các loại xe

Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa, như cỏ khô, dầu hoặc gỗ.

Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.

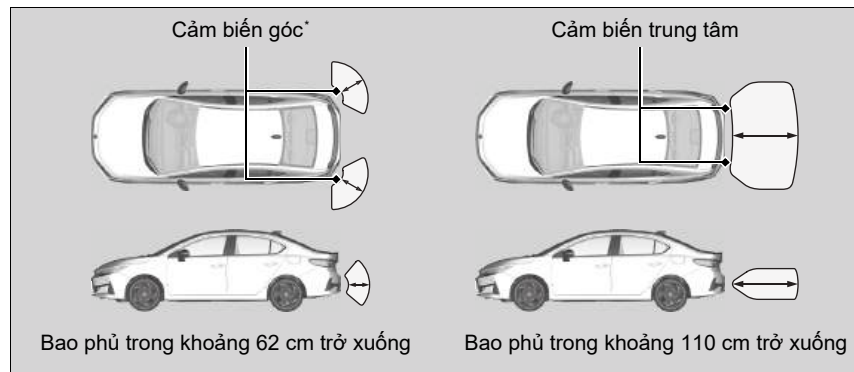
►► Đỗ xe

Ở nhiệt độ quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi gài. Nếu dự kiến sẽ có nhiệt độ như vậy thì không gài phanh đỗ. Nếu đỗ xe trên dốc, hãy xoay các bánh trước sao cho các bánh này tiếp xúc với lề đường nếu xe trôi xuống dốc, hoặc chèn các bánh xe để giữ cho xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị trôi bất ngờ, dẫn đến va chạm.

Hệ thống cảm biến đỗ*

Các cảm biến góc sau* và cảm biến trung tâm giám sát vật cản phía sau xe, đồng thời tiếng bíp và màn hình giao diện thông tin cho người lái* cho biết khoảng cách xấp xỉ giữa xe và vật cản.

■ Vị trí và phạm vi của cảm biến



Loại xe không có nút hệ thống cảm biến đỗ

Hệ thống kích hoạt khi hộp số ở số **R** và tốc độ xe dưới 9 km/h (6 dặm/giờ).

►►Hệ thống cảm biến đỗ*

Ngay cả khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác nhận xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động đúng cách khi:

- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi bẩn che phủ.
- Xe được để ngoài trời trong thời tiết nóng hoặc lạnh.
- Có đồ vật gần đó phát ra sóng siêu âm hoặc âm thanh tần số cao.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).

Hệ thống không thể phát hiện các vật cản sau:

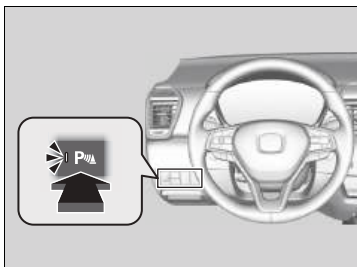
- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc miếng bọt biển.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Hệ thống có thể phát hiện sai vật cản trong các trường hợp sau:

- Xe chạy ở nơi không bằng phẳng, như chỗ có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Khi ở gần xe khác có cảm biến siêu âm hoặc các vật thể khác phát ra sóng siêu âm.
- Nước bắn gần các cảm biến do mưa to, v.v.

Loại xe có nút hệ thống cảm biến đỗ

■ Bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ



Khi chế độ nguồn ở BẬT, ấn nút hệ thống cảm biến đỗ để bật hoặc tắt hệ thống. Đèn báo trên nút sẽ sáng khi hệ thống bật.

Các cảm biến trung tâm phía sau và cảm biến góc bắt đầu phát hiện vật cản khi cần số ở số **R** và tốc độ xe dưới 9 km/h (6 dặm/giờ).

►►Hệ thống cảm biến đỗ*

Không được đặt bất kỳ phụ kiện nào lên trên hoặc xung quanh các cảm biến.

Loại xe có nút hệ thống cảm biến đỗ

►Nếu bạn đặt bất kỳ phụ kiện nào (như giá để xe đạp) lên hoặc xung quanh cảm biến sau, hệ thống có thể kích hoạt nếu phát hiện các phụ kiện này là vật cản. Trong trường hợp này, hãy tắt cảm biến sau.

🔌 **Tắt tất cả các cảm biến sau** Tr. 386

►►Bật và tắt hệ thống cảm biến đỗ

Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT, hệ thống sẽ ở trạng thái đã chọn trước đó.

■ Khi khoảng cách giữa xe và vật cản trở nên ngắn hơn

Độ dài tiếng bíp	Khoảng cách giữa tấm cản và vật cản		Đèn báo ^{*1}	Màn hình giao diện thông tin cho người lái ^{*1}
	Cảm biến góc*	Cảm biến trung tâm		
Trung bình	—	Khoảng 60-110 cm	Nhấp nháy màu vàng ^{*2}	 Đèn báo sáng lên tại vị trí cảm biến phát hiện vật cản
Ngắn	Khoảng 45-62 cm	Khoảng 50-60 cm	Nhấp nháy màu hổ phách	
Rất ngắn	Khoảng 35-45 cm	Khoảng 40-50 cm		
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Khoảng 40 cm trở xuống	Nhấp nháy màu đỏ	

*1: Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

*2: Ở giai đoạn này, chỉ có các cảm biến trung tâm phát hiện vật cản.

Loại xe có nút hệ thống cảm biến đỗ

■ Tắt tất cả các cảm biến sau

Để tắt các cảm biến sau, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Đảm bảo hệ thống cảm biến đỗ không kích hoạt.
 - Đèn báo ở nút tắt.
2. Đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.
3. Ấn và giữ nút hệ thống cảm biến đỗ, và đặt chế độ nguồn ở BẬT.
4. Ấn giữ nút khoảng 10 giây. Nhả nút khi đèn báo ở nút nhấp nháy.
 - Tiếng bíp vang lên một lần.
5. Trong khi đèn báo nhấp nháy, hãy ấn nút một lần nữa. Đèn báo ở nút tắt.
 - Tiếng bíp vang lên hai lần. Bây giờ các cảm biến sau đã tắt. Các cảm biến vẫn sẽ tắt cho đến khi được bật lại bằng tay. Để bật lại các cảm biến sau, hãy thực hiện quy trình trên. Tiếng bíp vang lên ba lần khi các cảm biến sau hoạt động trở lại.

►►Tắt tất cả các cảm biến sau

Khi chuyển vị trí số sang **R**, đèn báo ở nút hệ thống cảm biến đỗ sẽ nhấp nháy để nhắc rằng các cảm biến sau đã tắt.

Thông tin nhiên liệu

■ Nhiên liệu khuyến dùng

Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

Xăng không chì/xăng pha cồn lên tới E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Octan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn, liên tục và làm hỏng động cơ.

Loại xe tại Thái Lan

Xăng cao cấp không chì/xăng pha cồn lên tới E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Octan 95 trở lên

Việc sử dụng xăng có chỉ số octan thấp hơn quy định có thể khiến động cơ đôi khi phát ra tiếng gõ kim loại và làm giảm hiệu suất của động cơ.

Sử dụng xăng có chỉ số Octan dưới 91 có thể dẫn đến hư hỏng động cơ.

Ngoại trừ loại xe tại Ấn Độ, Bhutan, Nepal và Thái Lan

Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn, liên tục và làm hỏng động cơ.

■ Dung tích bình nhiên liệu: 40 L

📖 Thông tin nhiên liệu

CHÚ Ý

Sử dụng xăng có chì có thể dẫn đến những rủi ro sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ chuyển đổi xúc tác
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng có hại đến động cơ và các hệ thống khác

Loại xe tại Thái Lan

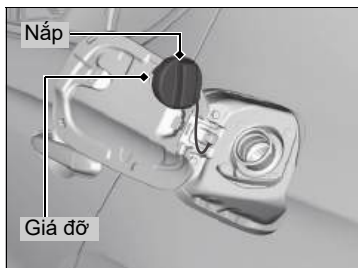
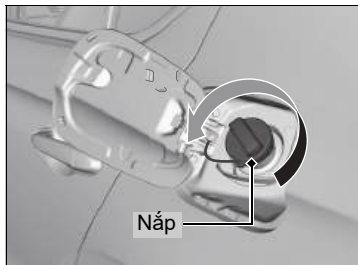
■ Dung dịch vệ sinh động cơ

Chất lượng nhiên liệu thay đổi theo vùng. Thêm dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng theo hướng dẫn về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Hãy sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun chính hãng Honda. Nếu không có sẵn, hãy sử dụng dung dịch vệ sinh gốc PEA (polyetheramine) để thay thế.

Có thể cần thường xuyên sử dụng dung dịch vệ sinh kim phun ở các quốc gia hoặc khu vực không có lịch bảo dưỡng. Tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin.

Cách nạp nhiên liệu



1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở bên trái và phía sau xe.
2. Tắt động cơ.
3. Kéo lấy mở cửa nạp nhiên liệu nằm dưới góc ngoài phía dưới bên người lái của bảng táp-lô.
► Cửa nạp nhiên liệu mở.
4. Từ từ xoay nắp bình nhiên liệu. Nếu bạn nghe thấy tiếng khí thoát ra, hãy chờ cho đến khi tiếng này dừng lại, sau đó từ từ xoay núm để mở nắp bình nhiên liệu.
5. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.
6. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào hết mức.
► Khi bình nhiên liệu đầy, vòi bơm sẽ tự động ngắt. Điều này giúp để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.
7. Sau khi nạp nhiên liệu, đẩy nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp cho đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.
► Dừng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

► Cách nạp nhiên liệu

⚠ CẢNH BÁO

Xăng rất dễ cháy và dễ nổ. Bạn có thể bị bỏng hoặc thương tích nghiêm trọng khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ và để xe tránh xa nhiệt, các tia lửa và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn.

⚠ THẬN TRỌNG

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu, giúp nhiên liệu không bị tràn ra ngoài do thay đổi nhiệt độ không khí.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động ngắt. Đổ thêm nhiên liệu có thể làm bình nhiên liệu bị tràn.

Cải thiện mức tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO₂

Tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO₂ phụ thuộc vào một số yếu tố bao gồm điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng của xe. Tùy theo các yếu tố này và một số yếu tố khác, có thể bạn không thể đạt được mức tiết kiệm nhiên liệu định mức của xe.

Bảo dưỡng và tiết kiệm nhiên liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách. Thực hiện theo lịch bảo dưỡng và nếu cần, hãy tham khảo thông tin dịch vụ được cung cấp cho xe của bạn.

➤ **Lịch bảo dưỡng** Tr. 404

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt khuyến dùng.

➤ **Dầu động cơ khuyến dùng** Tr. 415

- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không chở đồ quá trọng lượng cho phép.
- Giữ xe sạch sẽ. Tuyệt hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe làm tăng trọng lượng và tăng sức cản gió.

➤ Cải thiện mức tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO₂

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái xe.

100	×	Số lít nhiên liệu	÷	Số kilomet đi được	=	L trên 100 km
Số kilomet đi được	÷	Số lít nhiên liệu	=	Số kilomet trên mỗi Lit		
Số dặm đi được	÷	Số gallon nhiên liệu	=	Số dặm trên mỗi Gallon		

Loại xe tại các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC)

Bạn có thể cải thiện quãng đường và giảm lượng khí thải CO₂ của xe bằng cách thực hiện theo các lời khuyên sau:

- Vận hành xe bạn một cách chính xác.
- Thường xuyên bảo dưỡng xe.
- Duy trì áp suất lốp thích hợp.
- Tránh chờ quá tải.
- Áp dụng các kỹ thuật lái xe hiệu quả, chẳng hạn như lái xe ở tốc độ thấp hơn, giảm thời gian chạy không tải và tránh lái xe một cách hung hăng.

Lưu ý khi xử lý

Bộ tăng áp là thiết bị có độ chính xác cao dùng để đạt được công suất lớn hơn bằng cách đưa một lượng lớn không khí nén vào động cơ nhờ tua-bin được dẫn động bởi áp suất khí xả của động cơ.

- Khi động cơ còn lạnh ngay sau khi khởi động, tránh tăng tốc động cơ hoặc tăng ga đột ngột.
- Luôn thay dầu động cơ và lọc dầu động cơ theo Hệ thống giám sát dầu. Tua-bin quay ở tốc độ rất cao, trên 100.000 vòng/phút và nhiệt độ tua-bin trên 700°C. Tua-bin được bôi trơn và làm mát bằng dầu động cơ. Nếu bạn không thay dầu động cơ và lọc dầu theo quãng đường hoặc chu kỳ quy định, dầu động cơ đã xuống cấp có thể gây ra sự cố như kẹt và tiếng ồn bất thường ở ổ trục tua-bin.

☒ Xe có động cơ tăng áp*

Các chu kỳ bảo dưỡng định kỳ để thay dầu động cơ và lọc dầu hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Hãy thực hiện theo lịch bảo dưỡng này.

☒ **Hệ thống giám sát dầu*** Tr. 397

☒ **Dầu động cơ khuyến dùng** Tr. 415

Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Nhiệt độ động cơ quá cao. Không lái xe. Để động cơ nguội) hoặc **Engine temperature near limit. Avoid strong acceleration and high speed.** (Nhiệt độ động cơ gần đến giới hạn. Tránh tăng tốc nhanh và lái ở tốc độ cao) có thể xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn khởi động lại động cơ sau khi lái xe trong điều kiện tải trọng cao, chẳng hạn như ở tốc độ cao hoặc trên địa hình đồi núi. Điều này là bình thường. Thông báo sẽ tắt sau khi bạn cho xe chạy không tải hoặc lái xe trong khoảng một phút.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Bảo dưỡng

Chương này đề cập đến quy trình bảo dưỡng cơ bản.



Trước khi thực hiện bảo dưỡng

Kiểm tra và bảo dưỡng.....	394
An toàn khi thực hiện bảo dưỡng.....	395
Phụ tùng và dung dịch dùng trong bảo dưỡng.....	396
Hệ thống giám sát dầu*	397
Thông báo nhắc bảo dưỡng*	402
Lịch bảo dưỡng	404
Bảo dưỡng dưới nắp ca-pô	
Các mục bảo dưỡng dưới nắp ca-pô.....	411
Mở nắp ca-pô.....	413
Dầu động cơ khuyến dùng.....	415
Kiểm tra dầu.....	417

Bổ sung dầu động cơ.....	419
Nước làm mát động cơ.....	420
Dầu hộp số.....	424
Dầu phanh/ly hợp*.....	425
Bổ sung nước rửa kính.....	427
Lọc nhiên liệu.....	427
Thay bóng đèn	428
Kiểm tra và thay lưới gạt nước ..	437
Kiểm tra và thay lốp	
Kiểm tra lốp.....	439
Vạch báo độ mòn lốp.....	441
Tuổi thọ lốp.....	441
Thay lốp và bánh xe.....	442

Đảo lốp.....	443
Thiết bị bám đường tuyết.....	444
Ắc-quy	446
Bảo dưỡng bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa	
Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa.....	450
Bảo dưỡng hệ thống sưởi* và hệ thống làm mát*/hệ thống điều hòa không khí tự động*	452
Vệ sinh	
Vệ sinh nội thất.....	454
Vệ sinh ngoại thất.....	456
Phụ kiện và điều chỉnh	459

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Kiểm tra và bảo dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện bất kỳ dấu hiệu bất thường nào (có tiếng ồn, có mùi, thiếu dầu phanh, cạn dầu trên đất, v.v.), hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra. Tham khảo lịch bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin chi tiết về quy trình kiểm tra và bảo dưỡng.

📖 **Lịch bảo dưỡng** Tr. 404

Phân loại kiểm tra và bảo dưỡng

■ Kiểm tra thường xuyên

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh/ly hợp* hàng tháng.
📖 **Dầu phanh/ly hợp*** Tr. 425
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra gân lốp có bị mòn và dính vật gì lạ không.
📖 **Kiểm tra và thay lốp** Tr. 439
- Kiểm tra các đèn bên ngoài xe hàng tháng.
📖 **Thay bóng đèn** Tr. 428
- Kiểm tra tình trạng của các cần gạt nước ít nhất sáu tháng một lần.
📖 **Kiểm tra và thay lưới gạt nước** Tr. 437

An toàn khi thực hiện bảo dưỡng

Sau đây là một số biện pháp phòng ngừa an toàn quan trọng nhất. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các mối nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện công việc bảo dưỡng đã đưa ra hay không.

An toàn khi bảo dưỡng

- Để giảm nguy cơ cháy nổ, hãy để ắc-quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Tuyệt đối không để giẻ lau, khăn, hoặc các vật dễ cháy khác dưới nắp ca-pô.
 - Nhiệt từ các bộ phận xung quanh có thể làm các vật này bắt lửa, gây ra hỏa hoạn.
- Để làm sạch các phụ tùng, hãy dùng chất tẩy dầu mỡ hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng có bán trên thị trường, không dùng xăng.
- Đeo kính và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc-quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa khí carbon monoxide (CO) rất độc hại và có thể gây chết người.
 - Chỉ vận hành động cơ trong khu vực có thông gió tốt.

An toàn khi thực hiện bảo dưỡng

⚠ CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không xử lý sự cố trước khi lái xe có thể gây ra tai nạn khiến bạn bị chấn thương nặng hoặc tử vong.

Luôn tuân thủ các khuyến nghị và lịch kiểm tra, bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

⚠ CẢNH BÁO

Không thực hiện theo đúng các hướng dẫn và các biện pháp phòng ngừa bảo dưỡng có thể khiến bạn bị thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và biện pháp phòng ngừa trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

■ An toàn cho xe

- Xe phải ở trạng thái dừng hẳn.
 - Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, gài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Đảm bảo quạt kết tản nhiệt ngừng hoạt động trước khi kiểm tra khoang động cơ.
 - Tùy theo tình trạng của xe, quạt kết tản nhiệt có thể hoạt động ngay cả khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận còn nóng có thể gây bỏng.
 - Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi chạm vào các bộ phận trên xe.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận chuyển động có thể khiến bạn bị thương.
 - Không khởi động động cơ trừ khi được hướng dẫn và không để tay chân gần các bộ phận chuyển động.

Loại xe có chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời

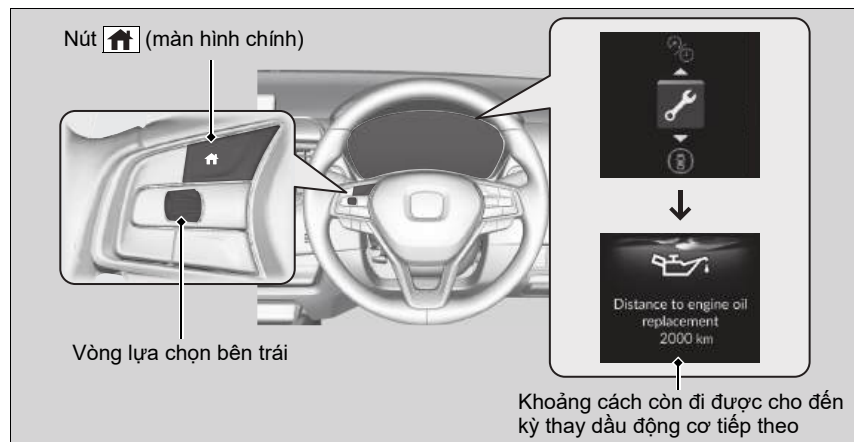
- Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động.

Phụ tùng và dung dịch dùng trong bảo dưỡng

Hãy sử dụng Phụ tùng chính hãng Honda và các loại dung dịch được khuyến dùng khi bảo dưỡng và sửa chữa xe. Phụ tùng chính hãng Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao và được sử dụng cho xe của Honda.

Thông tin cảnh báo sẽ xuất hiện để nhắc bạn khi cần thay dầu động cơ, hoặc khi cần mang xe đến đại lý để bảo dưỡng theo lịch.

Hiện thị thông tin hệ thống giám sát dầu



1. Đặt chế độ nguồn thành BẬT.
2. Ấn nút (màn hình chính).
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi hiển thị.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái để chuyển đến màn hình thông tin hệ thống giám sát dầu. Tuổi thọ dầu động cơ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Đèn báo thông báo hệ thống () sáng liên tục trên bảng điều khiển khi xe đến kỳ bảo dưỡng. Hãy mang ngay xe đến đại lý để được bảo dưỡng.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hiện thị thông tin hệ thống giám sát dầu

Dựa vào điều kiện hoạt động của động cơ và dầu động cơ, quãng đường xe còn đi được cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo sẽ được tính toán và hiển thị.

Tùy theo điều kiện lái, quãng đường thực tế có thể ngắn hơn quãng đường được hiển thị.

Bất kể thông tin hệ thống giám sát dầu hiển thị điều gì, hãy thực hiện bảo dưỡng thường xuyên. Hãy tham khảo lịch bảo dưỡng để biết thêm thông tin chi tiết.

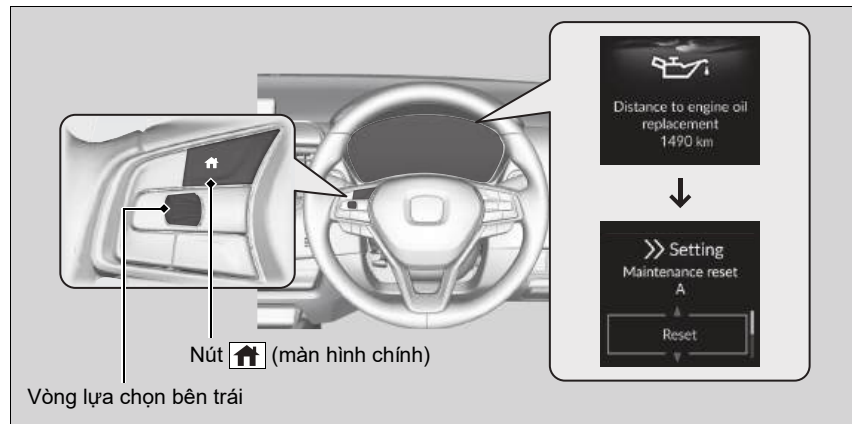
➤ **Lịch bảo dưỡng Tr. 404**

Thông báo cảnh báo	Màn hình tuổi thọ dầu	Thông tin
Sắp đến hạn thay dầu  Engine oil replacement due soon  Engine oil and filter replacement due soon	 Distance to engine oil replacement 1490 km  Distance to engine oil and filter replacement 1490 km	Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu sắp hết hạn sử dụng.
Đến hạn thay dầu  Engine oil replacement due now  Engine oil and filter replacement due now	 Distance to engine oil replacement 490 km  Distance to engine oil and filter replacement 490 km	Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã gần hết hạn sử dụng và (các) hạng mục dịch vụ bảo dưỡng cần được kiểm tra và bảo dưỡng càng sớm càng tốt.

Thông báo cảnh báo	Màn hình tuổi thọ dầu	Thông tin
Quá hạn thay dầu  Engine oil replacement overdue  Engine oil and filter replacement overdue	 Distance to engine oil replacement - 10 km  Distance to engine oil and filter replacement - 10 km	Dầu động cơ hoặc dầu động cơ và lọc dầu đã quá hạn sử dụng. (Các) hạng mục dịch vụ bảo dưỡng phải được kiểm tra và bảo dưỡng ngay.

■ Thiết lập lại màn hình

Thiết lập lại thông tin hệ thống giám sát dầu động cơ khi bạn đã thực hiện dịch vụ bảo dưỡng.



1. Đặt chế độ nguồn thành BẬT.
2. Ấn nút (màn hình chính).
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Clock & vehicle settings** (Cài đặt đồng hồ và xe) hiển thị.
4. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Maintenance reset** (Đặt lại bảo dưỡng) hiển thị.
5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Reset** (Cài đặt lại) (Bạn cũng có thể chọn **Cancel** (Hủy) để kết thúc quy trình).
6. Ấn vòng lựa chọn bên trái để thiết lập lại mục đã chọn.
► Khi màn hình hiển thị thông tin hệ thống giám sát dầu được đặt lại, tuổi thọ dầu động cơ sẽ được đặt lại về ----- km.

►► Thiết lập lại màn hình

CHÚ Ý

Không thiết lập lại tuổi thọ dầu động cơ sau khi bảo dưỡng sẽ làm hệ thống hiển thị sai thời gian bảo dưỡng và có thể dẫn đến sự cố cơ khí nghiêm trọng.

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ sau khi hoàn thành dịch vụ bảo dưỡng cần thiết. Nếu không phải đại lý thực hiện dịch vụ bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình tuổi thọ dầu động cơ.

Khi quãng đường di chuyển của xe bạn tích lũy đến một mức nhất định, bạn sẽ thấy một thông báo nhắc nhở rằng đã đến lúc phải đưa xe đi bảo dưỡng định kỳ.

📖 **Lịch bảo dưỡng** Tr. 404

Khi gần đến thời điểm bảo dưỡng cần thiết

Thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái mỗi lần bạn đặt chế độ nguồn thành BẬT.

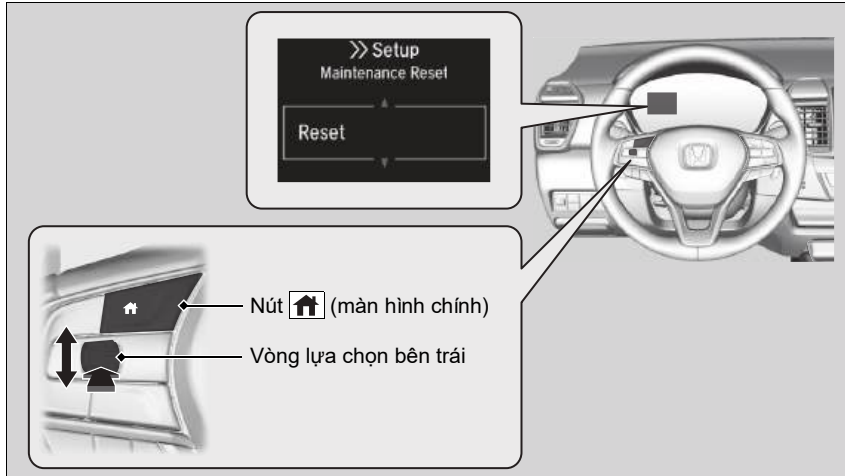
Thông báo nhắc trên màn hình giao diện thông tin cho người lái

Thông báo nhắc	Diễn giải	Thông tin
	Quãng đường tích lũy của xe bạn là từ 8.500 km đến 10.000 km. Sau khi bạn chuyển đổi màn hình bằng cách cuộn vòng lựa chọn bên trái, thông báo này sẽ biến mất.	Xe nên được kiểm tra và bảo dưỡng sớm.
	Quãng đường tích lũy của xe đã vượt quá 10.000 km mà chưa thực hiện bảo dưỡng định kỳ. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chuyển sang màn hình khác.	Hãy thực hiện bảo dưỡng định kỳ càng sớm càng tốt.

Đèn báo thông báo hệ thống (i) bật sáng cùng với thông tin nhắc nhở dịch vụ bảo dưỡng.

■ Thiết lập lại màn hình

Thiết lập lại màn hình hiển thị thông báo nhắc bảo dưỡng khi bạn đã thực hiện dịch vụ bảo dưỡng.



1. Đặt chế độ nguồn thành **BẬT**
2. Ấn nút 🏠 (màn hình chính) và cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn ⚙️, sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái.
3. Cuộn vòng lựa chọn bên trái cho đến khi **Maintenance Reset** (Đặt lại bảo dưỡng) xuất hiện trên màn hình hiển thị.
4. Ấn vòng lựa chọn bên trái.
5. Cuộn vòng lựa chọn bên trái để chọn **Reset** (Cài đặt lại), sau đó ấn vòng lựa chọn bên trái để cài đặt lại quãng đường tích lũy cho bảo dưỡng định kỳ.
 - Nếu muốn hủy chế độ đặt lại màn hình về bảo dưỡng cần thiết, hãy chọn **Cancel** (Hủy).

▣ Thiết lập lại màn hình

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình thông báo nhắc bảo dưỡng sau khi hoàn thành các dịch vụ bảo dưỡng cần thiết. Nếu không phải đại lý thực hiện dịch vụ bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình này.

Nếu xe của bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ này. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt quy trình bảo dưỡng cần thiết tối thiểu cần thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi hoạt động. Do sự khác nhau về vùng miền và khí hậu, có thể cần bổ sung một số quy trình bảo dưỡng. Hãy tham khảo thông tin bảo dưỡng kèm theo xe bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý Honda ủy quyền đáp ứng tất cả các yêu cầu này:

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

Bảo dưỡng tại mốc quãng đường hoặc thời gian được chỉ định – tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ	Bình thường	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
	Khắc nghiệt	Sau mỗi 5.000 km hoặc 6 tháng									
Thay lọc dầu động cơ	Bình thường	Sau mỗi 20.000 km hoặc 2 năm									
	Khắc nghiệt	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay lọc gió động cơ		Sau mỗi 30.000 km ^{*2}									
		Sau mỗi 20.000 km ^{*3}									
Kiểm tra khe hở xu-páp ^{*1}		Sau mỗi 120.000 km									

*1: Phương pháp cảm nhận: Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở mốc 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.

*2: Ngoại trừ các loại xe tại Ấn Độ

*3: Loại xe tại Ấn Độ

Bảo dưỡng tại mốc quãng đường hoặc thời gian được chỉ định – tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay bugi		Sau mỗi 100.000 km									
Kiểm tra dây đai truyền động			•		•		•		•		•
Thay nước làm mát động cơ		Sau 200.000 km hoặc 10 năm Sau đó thay thế sau mỗi 100.000 km hoặc 5 năm									
Thay dầu hộp số	MT Bình thường						•				
	Khắc nghiệt			•			•			•	
	CVT		•		•		•		•		•
Thay lọc gió điều hòa		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thay lọc nhiên liệu ^{*1}	Bình thường	Sau mỗi 120.000 km ^{*2, *3, *4} Sau mỗi 140.000 km ^{*5}									
	Khắc nghiệt	Sau mỗi 60.000 km ^{*2, *3, *4} Sau mỗi 90.000 km ^{*5}									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Kiểm tra việc điều chỉnh phanh đỗ		•	•		•		•		•		•
Đào lốp (Kiểm tra tình trạng và độ căng của lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									

*1: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu nhanh bị tắc.

*2: Loại xe tại Ấn Độ, Zambia, Zimbabwe, Botswana, Namibia, Mozambique, Seychelles, Mauritius, Kenya, Guyana, Suriname và Indonesia

*3: Loại xe tại các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC)

*4: Loại xe tại Châu Phi

*5: Loại xe tại các quốc gia khác

Bảo dưỡng tại mốc quãng đường hoặc thời gian được chỉ định – tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
		12	24	36	48	60	72	84	96	108	120

Kiểm tra trực quan các mục sau:

Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi Thành phần hệ thống treo Chấn bụi trực truyền động	Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm										
Mức điện phân ắc-quy ^{*1}	Sau mỗi 10.000 km hoặc 6 tháng										
Các ống phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA) Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.	.

*1: Loại xe tại các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC)

Loại xe tại Thái Lan

Bảo dưỡng tại mốc quãng đường hoặc thời gian được chỉ định – tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000 tháng	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
Thay dầu động cơ		12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay lọc dầu động cơ											
Thay thế lõi lọc gió											
Kiểm tra khe hở xu-páp ^{*1}											
Thay bugi											
Thay dây đai cam						•					•
Kiểm tra dây đai truyền động			•		•		•		•		•
Thay nước làm mát động cơ											
Thay dầu hộp số			•		•		•		•		•
Kiểm tra phanh trước và sau											

*1: Phương pháp cảm nhận: Điều chỉnh xu-páp trong khi bảo dưỡng ở 120.000 km nếu phát ra tiếng ồn.

Bảo dưỡng tại mốc quãng đường hoặc thời gian được chỉ định – tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Thay lọc nhiên liệu	Bình thường	Sau mỗi 140.000 km									
	Khắc nghiệt	Sau mỗi 90.000 km ^{*1}									
Kiểm tra việc điều chỉnh phanh đỗ		•	•		•		•		•		•
Thay lọc gió điều hòa		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Đảo lốp (Kiểm tra tình trạng và độ căng của lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km									
Kiểm tra trực quan các mục sau:											
Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái, chấn bụi		Sau mỗi 10.000 km hoặc 1 năm									
Thành phần hệ thống treo											
Chấn bụi trục truyền động											
Các ống phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA)											
Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•
Hệ thống xả											
Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu											

*1: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu nhanh bị tắc.

Tất cả các loại xe

Nếu lái trong các điều kiện khắc nghiệt, bạn phải thực hiện bảo dưỡng các mục sau đây theo lịch bảo dưỡng dành cho điều kiện khắc nghiệt.

Mục	Điều kiện
Dầu động cơ và lọc dầu	A, B, C, D và E
Dầu hộp số	B, D

►► Lịch bảo dưỡng

Điều kiện được coi là khắc nghiệt khi bạn lái xe:

- A. Lái dưới 8 km, hoặc dưới 16 km trong điều kiện nhiệt độ đóng băng mỗi chuyến đi.
- B. Trong điều kiện nhiệt độ cực kỳ nắng nóng trên 35°C.
- C. Chạy không tải quá lâu hoặc chạy xe ở tình trạng dừng-tiến trong thời gian dài.
- D. Với tải nặng trên giá nóc, hoặc trên đường đồi núi.
- E. Trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

Ghi chép bảo dưỡng

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại tất cả các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết vào bên dưới. Hãy giữ lại tất cả các hóa đơn bảo dưỡng xe.

	Km hoặc Tháng	Ngày	Chữ ký hoặc Đóng dấu
	20.000 km (hoặc 12 tháng)		
	40.000 km (hoặc 24 tháng)		
	60.000 km (hoặc 36 tháng)		
	80.000 km (hoặc 48 tháng)		
	100.000 km (hoặc 60 tháng)		
	120.000 km (hoặc 72 tháng)		
	140.000 km (hoặc 84 tháng)		
	160.000 km (hoặc 96 tháng)		
	180.000 km (hoặc 108 tháng)		
	200.000 km (hoặc 120 tháng)		

Các mục bảo dưỡng dưới nắp ca-pô

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

Loại xe có vô lăng bên phải

Dầu phanh/ly hợp*
(Nắp màu đen)

Que thăm dầu động cơ
(Màu cam)

Nắp đổ dầu động cơ

Nước rửa kính
(Nắp màu xanh dương)

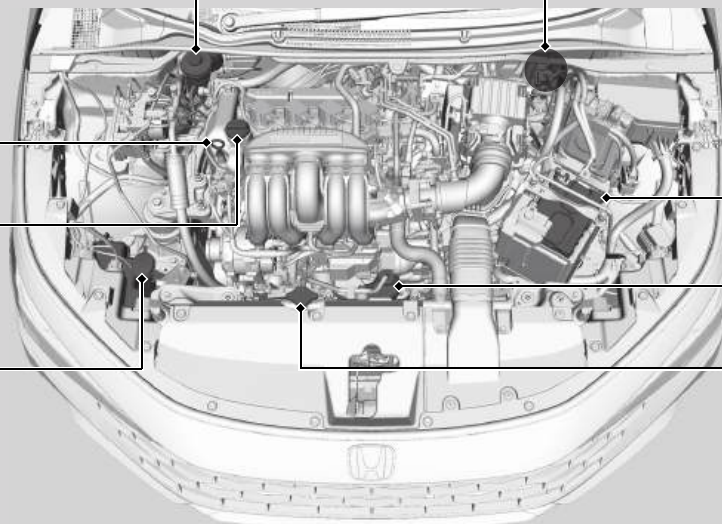
Loại xe có vô lăng bên trái

Dầu phanh/ly hợp*
(Nắp màu đen)

Ắc-quy

Bình chứa nước
làm mát động cơ

Nắp két nước



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Loại xe tại Thái Lan

Dầu phanh
(Nắp màu đen)

Bình chứa

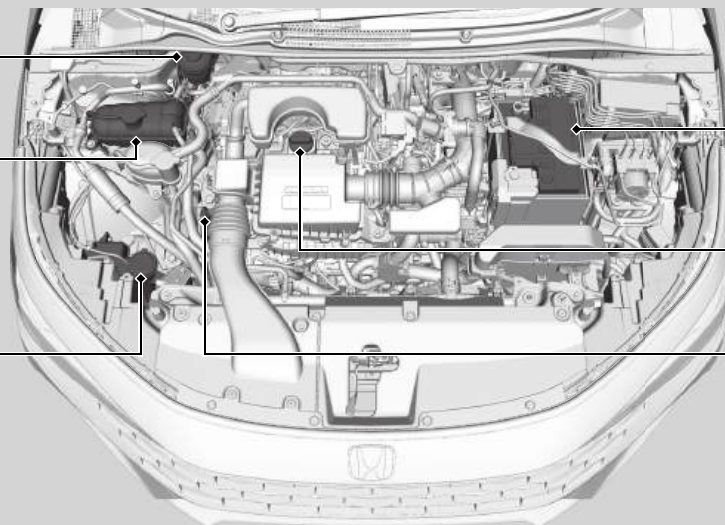
Nắp bình chứa

Nước rửa kính
(Nắp màu xanh dương)

Ắc-quy

Nắp đổ dầu động cơ

Que thăm dầu động cơ
(Màu cam)



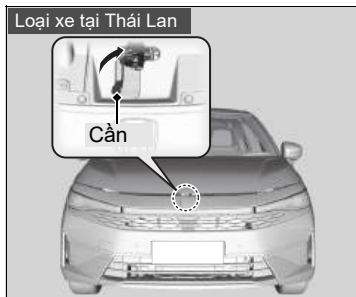
Mở nắp ca-pô



1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và gài phanh đỗ.
2. Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài bảng táp-lô phía dưới người lái.
► Nắp ca-pô sẽ nảy nhẹ lên.



3. Kéo cần chốt nắp ca-pô lên (nằm ở dưới mép trước của nắp ca-pô, lệch về giữa) và nâng nắp ca-pô lên. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.



► Mở nắp ca-pô

CHÚ Ý

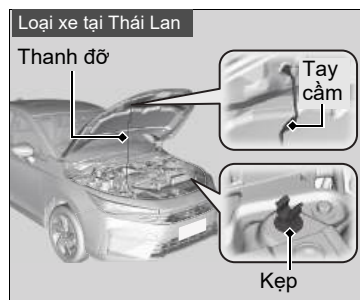
Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang nâng lên. Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước làm hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nhấc cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn cơ chế chốt.

Loại xe có chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời

Không mở nắp ca-pô khi chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời đang hoạt động.



4. Dùng tay cầm để tháo thanh đỡ ra khỏi kẹp. Lắp thanh đỡ vào nắp ca-pô.

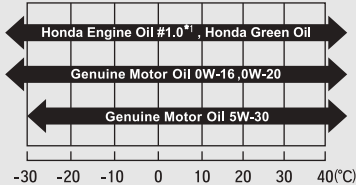
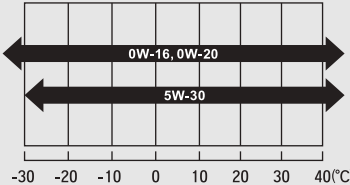
Khi đóng, tháo thanh đỡ và lắp lại vào kẹp, sau đó nhẹ nhàng hạ nắp ca-pô xuống. Khi nắp ca-pô hạ thấp xuống khoảng 30 cm, bỏ tay ra và để nắp ca-pô tự đóng.

Dầu động cơ khuyến dùng

Sử dụng dầu động cơ chính hãng hoặc loại dầu động cơ khác trên thị trường với loại và độ nhớt phù hợp (đối với nhiệt độ môi trường) như hình minh họa bên dưới.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lái xe với lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

Dầu động cơ chính hãng	Dầu động cơ trên thị trường
- DẦU Động cơ Honda #1.0 - DẦU Honda Green - Dầu động cơ Honda Genuine Motor Oil	- Dầu đạt API cấp SN hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn - Nhãn chứng nhận API “Starburst” hoặc “Shield” - ACEA A5/B5
 Nhiệt độ môi trường xung quanh	 Nhiệt độ môi trường xung quanh

*1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

►► Dầu động cơ khuyến dùng

Chất phụ gia dầu động cơ
Xe của bạn không cần dùng chất phụ gia cho dầu động cơ. Trên thực tế, chất phụ gia không đảm bảo chất lượng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

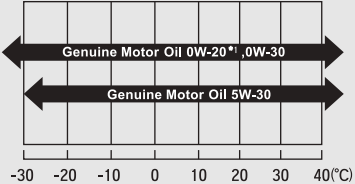
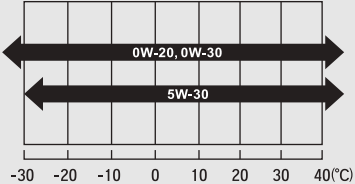
Con dấu dưới đây biểu thị dầu đang dùng là loại tiết kiệm năng lượng và đáp ứng các yêu cầu mới nhất của Viện Dầu mỏ Hoa Kỳ.



Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan



Loại xe tại Thái Lan

Dầu động cơ chính hãng	Dầu động cơ trên thị trường
Dầu chính hãng Honda Motor	- Dầu đạt API cấp SN hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn - Nhãn chứng nhận API “Starburst” - ACEA A5/B5
 Nhiệt độ môi trường xung quanh	 Nhiệt độ môi trường xung quanh

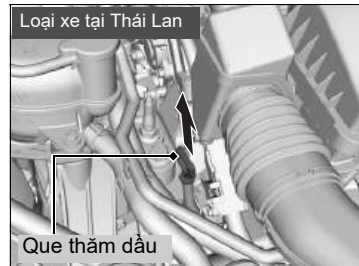
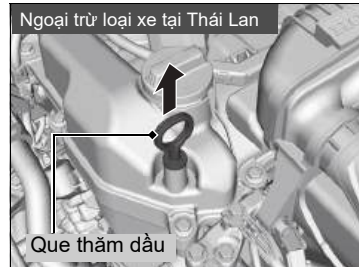
*1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

Kiểm tra dầu

Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu.

Đỗ xe nơi bằng phẳng.

Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.

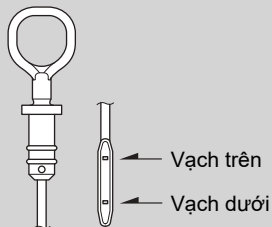


1. Rút que thăm dầu (màu cam) ra.
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu hết cỡ vào lỗ.

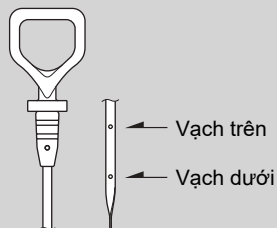
► Kiểm tra dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

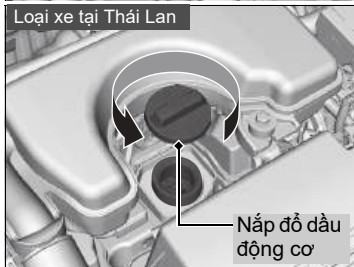
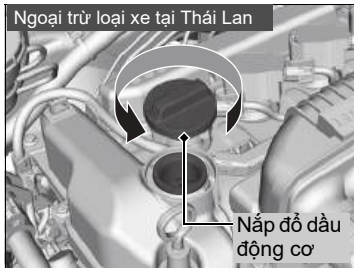


Loại xe tại Thái Lan



4. Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Mức dầu phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

Bỏ sung dầu động cơ



1. Xoay và tháo nắp đổ dầu động cơ.
2. Đổ dầu từ từ vào bình.
3. Lắp lại nắp đổ dầu động cơ và vặn thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

►► Bỏ sung dầu động cơ

CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu tràn dầu, hãy lau sạch ngay để tránh làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

Nước làm mát động cơ

Nước làm mát quy định: Chất chống đông Honda Antifreeze/ Coolant Type 2 dành cho mọi mùa

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không đổ thêm chất chống đông chưa qua pha chế hoặc nước.

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa trước. Nếu bình chứa cạn, kiểm tra cả mức nước làm mát trong két tản nhiệt. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

Loại xe tại Thái Lan

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa. Bổ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

►► Nước làm mát động cơ

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp két nước.

Loại xe tại Thái Lan

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp bình chứa khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

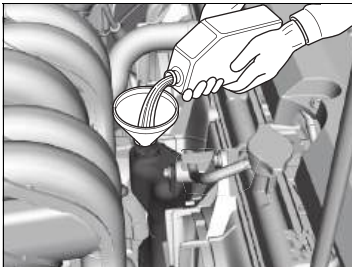
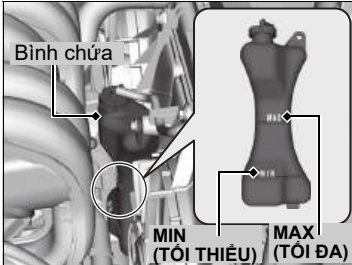
Luôn để động cơ và két tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp bình chứa.

CHÚ Ý

Nếu nhiệt độ thường xuyên dưới -30°C, thì nên thay đổi hỗn hợp nước làm mát có nồng độ đặc hơn. Liên hệ với đại lý Honda để biết chi tiết về hỗn hợp nước làm mát phù hợp.

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

Bình chứa



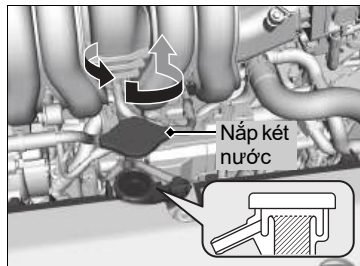
1. **Đảm bảo động cơ và kết tủa nhiệt đều nguội.**
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
 - Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN (TỐI THIỂU)**, hãy đổ thêm nước làm mát được quy định cho đến khi đầy đến vạch **MAX (TỐI ĐA)**.
3. Kiểm tra hệ thống làm mát xem có bị rò rỉ hay không.

►► Nước làm mát động cơ

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không chứa silicat của một thương hiệu lớn khác để thay thế tạm thời. Kiểm tra xem đó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyến dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng nước làm mát không chính hãng Honda trong thời gian dài có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Súc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát của Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát của xe. Vì các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các bộ phận của động cơ.

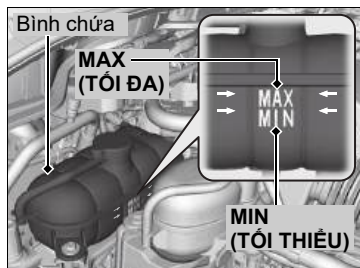
■ Két tản nhiệt



1. **Đảm bảo động cơ và két tản nhiệt đều nguội.**
2. Xoay nắp két nước 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp két nước xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nắp ra.
4. Mức nước làm mát phải lên đến chân cổ rót. Bổ sung nước làm mát nếu mức nước bị thấp.
5. Đậy nắp két nước và vặn chặt.

Loại xe tại Thái Lan

■ Kiểm tra nước làm mát



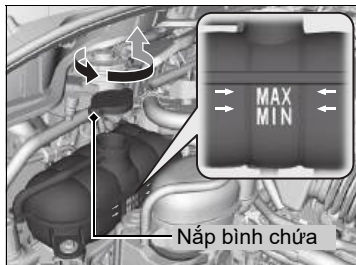
1. **Đảm bảo động cơ và két tản nhiệt đều nguội.**
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
 - Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN** (TỐI THIỂU), hãy đổ thêm nước làm mát được quy định cho đến khi đầy đến vạch **MAX** (TỐI ĐA).
3. Kiểm tra hệ thống làm mát xem có bị rò rỉ hay không.

►► Két tản nhiệt

CHÚ Ý

Từ từ đổ nước làm mát vào và cẩn thận không làm nước làm mát tràn ra. Lau sạch ngay nước làm mát tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

■ Bổ sung nước làm mát



1. Đảm bảo động cơ và két tản nhiệt đều nguội.
2. Xoay nắp bình chứa 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Xoay nắp bình chứa ngược chiều kim đồng hồ để tháo ra.
4. Đổ nước làm mát vào bình chứa cho đến khi đầy đến vạch **MAX** (TỐI ĐA).
5. Đậy nắp bình chứa lại và vặn chặt hoàn toàn.

■ Nắp két nước*



- Không được mở khi còn nóng.
- Nước làm mát còn nóng sẽ làm bạn bị bỏng.
- Van xả áp bắt đầu mở ở 108 kPa.

►► Bổ sung nước làm mát

CHÚ Ý

Từ từ đổ nước làm mát vào và cẩn thận không làm nước làm mát tràn ra. Lau sạch ngay nước làm mát tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Dầu hộp số

Loại xe có hộp số sàn

Dầu hộp số sàn

Dầu quy định: Honda MTF

Mang xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay dầu nếu cần thiết.
Thực hiện theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số sàn.

📖 **Lịch bảo dưỡng** Tr. 404

Không được phép tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số sàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

Dầu hộp số vô cấp (CVT)

Dầu quy định: Honda HCF-2

Mang xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay dầu nếu cần thiết.
Thực hiện theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp.

📖 **Lịch bảo dưỡng** Tr. 404

Không được phép tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp.

►► Dầu hộp số sàn

CHÚ Ý

Nếu không có sẵn Honda MTF, bạn có thể sử dụng dầu động cơ đạt chứng nhận API có độ nhớt SAE 0W-20 hoặc 5W-20 như một biện pháp thay thế tạm thời.

Hãy thay thế bằng MTF càng sớm càng tốt. Dầu động cơ không chứa các chất phụ gia thích hợp cho hộp số và việc tiếp tục sử dụng có thể làm giảm hiệu suất chuyển số và dẫn đến hư hỏng hộp số.

►► Dầu hộp số vô cấp (CVT)

CHÚ Ý

Không pha dầu Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác.

Sử dụng dầu hộp số khác không phải Honda HCF-2 có thể ảnh hưởng xấu đến sự vận hành cũng như độ bền của hộp số xe bạn, đồng thời có thể gây hư hỏng hộp số.

Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

Dầu phanh/ly hợp*

Dầu quy định: Dầu phanh đạt chuẩn DOT 3 hoặc DOT 4

Kiểm tra dầu phanh



Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** (TỐI THIỂU) và **MAX** (TỐI ĐA) ở sườn bình chứa.

Loại xe có hộp số sàn

Bình chứa dầu phanh cũng được sử dụng chung cho dầu ly hợp của xe. Nếu duy trì mức dầu phanh theo đúng hướng dẫn ở trên, bạn sẽ không cần phải kiểm tra mức dầu ly hợp.

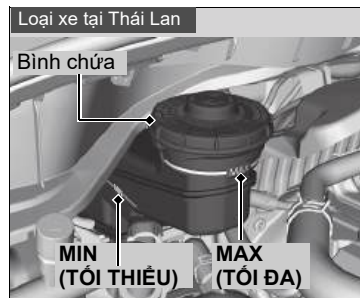
►► Dầu phanh/ly hợp*

CHÚ Ý

Dầu phanh ký hiệu DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh trên xe bạn và có thể gây ra những hư hỏng nghiêm trọng.

Bạn nên sử dụng loại dầu phanh chính hãng.

Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức **MIN** (TỐI THIỂU), hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.



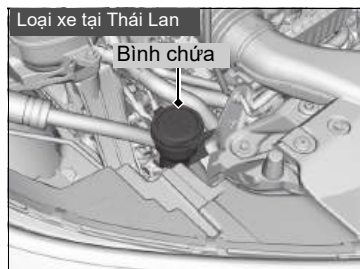
Bỏ sung nước rửa kính

Kiểm tra lượng nước rửa kính bằng cách quan sát bình chứa.



Nếu mức nước bị thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính. Không để tràn ra khỏi bình chứa.



Lọc nhiên liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Phải để kỹ thuật viên có tay nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể chảy ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

►► Bỏ sung nước rửa kính

CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giấm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió. Nước chống đông có thể làm hỏng sơn xe. Dung dịch giấm/nước có thể làm hỏng bơm nước rửa kính chắn gió.

Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.

Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tích tụ cặn vôi.

Thay bóng đèn

Bóng đèn chiếu sáng

Đèn chiếu sáng là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn xi nhan phía trước, Đèn vị trí/đèn ban ngày

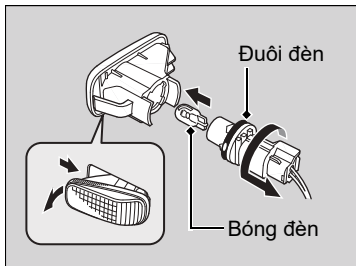
Đèn xi nhan phía trước, đèn vị trí/đèn ban ngày là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Bóng đèn xi nhan bên/đèn báo khẩn cấp

Loại chấn bunn

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn xi nhan bên: 5 W Màu hổ phách (WY5W)



Loại gương cửa

Đèn xi nhan bên gương cửa là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

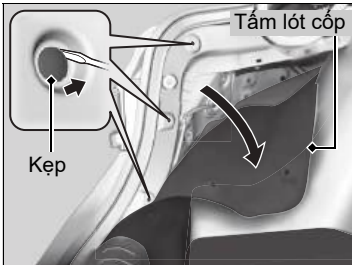
»Bóng đèn chiếu sáng

Hướng của đèn chiếu sáng là do nhà máy cài đặt và không cần điều chỉnh. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở các vật nặng trong cốp, hãy đến đại lý hoặc để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

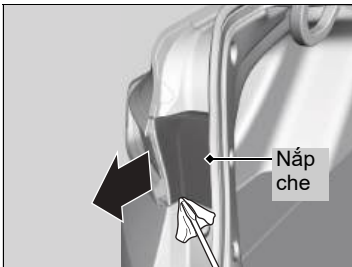
Bóng đèn phanh, đèn đánh dấu bên hông phía sau/đèn hậu và đèn xi nhan phía sau

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn phanh:	Loại LED
Đèn đánh dấu bên hông phía sau/đèn hậu:	Loại LED
Đèn xi nhan phía sau:	21 W Màu hổ phách (WY21W)



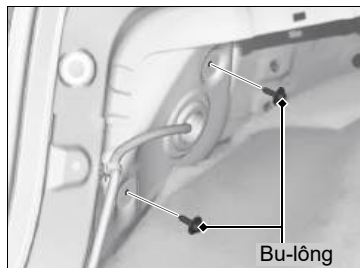
1. Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo các kẹp giữ, sau đó kéo tấm lót về phía sau.



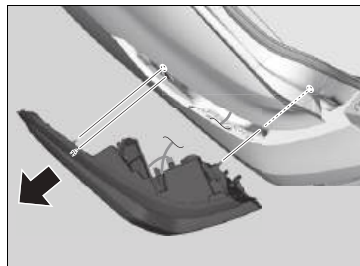
2. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép nắp che để tháo nắp che.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

►Bóng đèn phanh, đèn đánh dấu bên hông phía sau/đèn hậu và đèn xi nhan phía sau

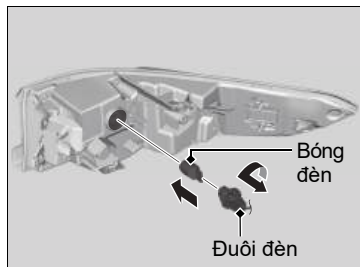
Đèn phanh, đèn đánh dấu bên hông phía sau/đèn hậu là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.



3. Sử dụng tua-vít đầu Phillips hoặc đầu khẩu để tháo các bu-lông.



4. Kéo cụm đèn ra khỏi trụ sau.



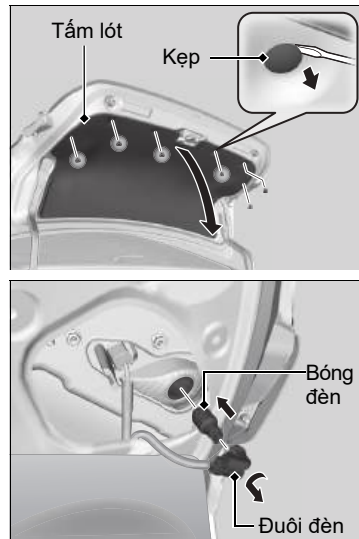
5. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.

6. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

Bóng đèn lùi và đèn hậu

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn lùi:	16 W (W16W)
Đèn hậu:	Loại LED



1. Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo các kẹp giữ, sau đó kéo tấm lót về phía sau.
2. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
3. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

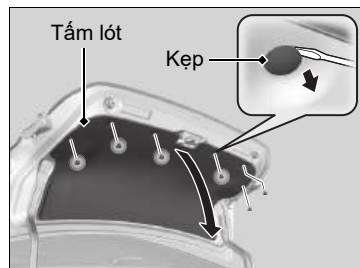
▣ Bóng đèn lùi và đèn hậu

Đèn hậu là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

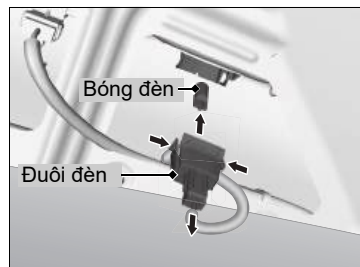
Bóng đèn biển số sau

Khi thay, sử dụng bóng đèn sau.

Đèn biển số sau: 5 W (W5W)



1. Dùng tua-vít đầu dẹt để tháo các kẹp giữ, sau đó kéo tấm lót về phía sau.



2. Tháo cụm đèn biển số bằng cách bóp các vấu ở cả hai bên của đuôi đèn.

3. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

Đèn phanh cao

Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn sương mù phía sau*

Đèn sương mù phía sau là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Đèn lưới tản nhiệt*

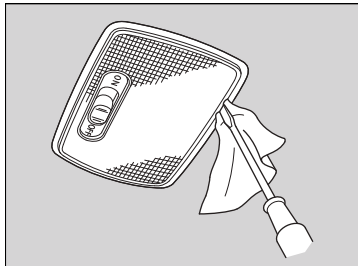
Đèn lưới tản nhiệt là loại đèn LED. Hãy mang xe đến đại lý Honda ủy quyền để kiểm tra và thay cụm bóng đèn.

Bóng đèn khác

■ Bóng đèn trần*

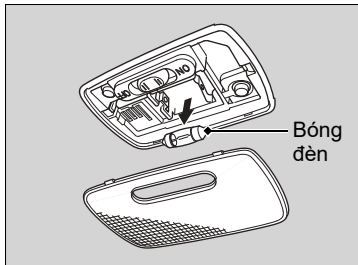
Khi thay, sử dụng bóng đèn sau.

Đèn trần: 8 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

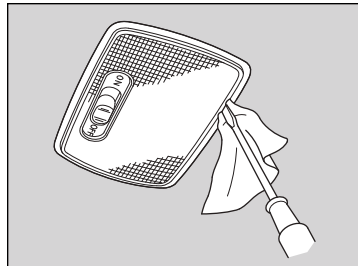


2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

■ Bóng đèn trần*

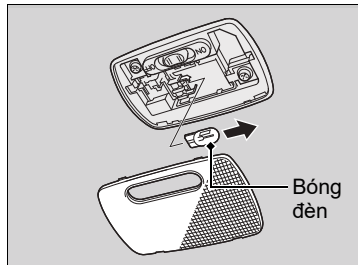
Khi thay, sử dụng bóng đèn sau.

Đèn trần: 8 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



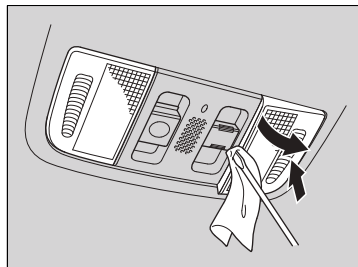
2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

Loại xe có cửa sổ trời

■ Bóng đèn đọc sách*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

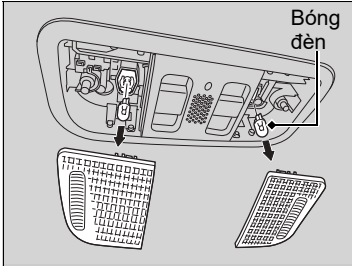
Đèn đọc sách: 8 W



1. Ấn vào mặt đèn của phía đối diện phía bạn đang thay thế.

2. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



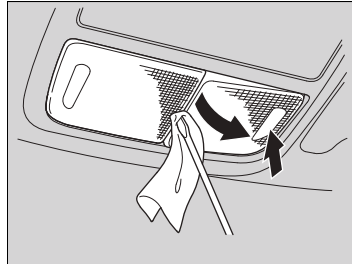
3. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

Loại xe không có cửa sổ trời

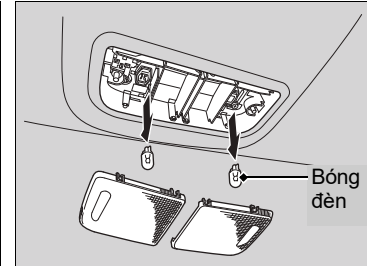
Bóng đèn đọc sách*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn đọc sách: 8 W



1. Ấn vào mặt đèn của phía đối diện phía bạn đang thay thế.
2. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy vào mép giữa các mặt đèn để tháo vỏ.
 - Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



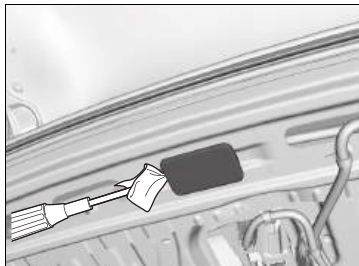
3. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Bóng đèn cốp

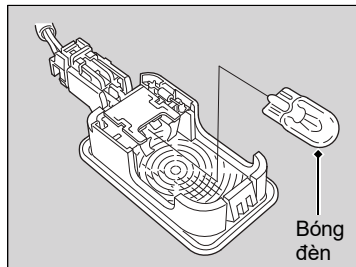
Khi thay, sử dụng bóng đèn sau.

Đèn cốp: 5 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

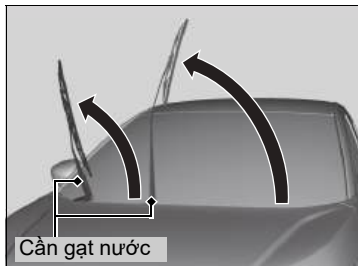


2. Tháo bóng đèn cũ và lắp bóng đèn mới.

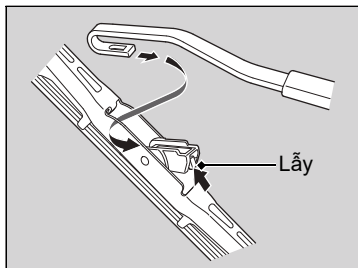
Kiểm tra lưỡi gạt nước

Nếu miếng cao su của lưỡi gạt nước xuống cấp sẽ để lại các vết bẩn, tạo ra tiếng ồn và bề mặt lưỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

Thay cao su lưỡi gạt nước



1. Nâng cần gạt nước phía người lái trước, sau đó nâng cần gạt phía hành khách.

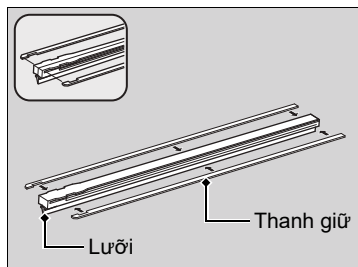
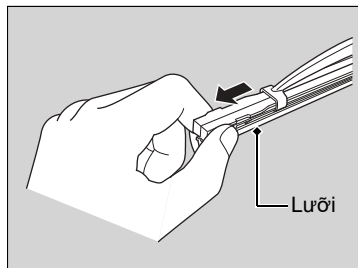


2. Ấn lẫy lên và giữ, sau đó trượt thanh kẹp ra khỏi cần gạt nước.

Thay cao su lưỡi gạt nước

CHÚ Ý

Tránh thả mạnh cần gạt nước lên kính chắn gió để tránh làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.



3. Trượt lưới gạt nước ra khỏi thanh kẹp bằng cách kéo đầu cài lấy ra.

4. Tháo các thanh giữ ra khỏi lưới gạt nước đã được tháo và lắp vào một lưới gạt nước mới.

► Căn chỉnh chính xác phần nhô ra của lưới gạt nước và các rãnh của thanh giữ.

5. Trượt lưới gạt nước mới vào thanh kẹp từ đầu phía dưới.

► Lấy trên thanh kẹp phải khớp vào vết lõm của lưới gạt nước.

6. Trượt thanh kẹp vào cần gạt nước một cách chắc chắn.

7. Hạ cần gạt nước phía hành khách xuống trước, sau đó đến phía người lái.

Kiểm tra lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp và được bơm đúng áp suất.

■ Hướng dẫn bơm lốp

Lốp xe được bơm đúng áp suất sẽ giúp điều khiển xe dễ dàng, êm ái và nâng cao tuổi thọ gân lốp. Tham khảo nhãn trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất quy định.

Lốp xe bơm thiếu áp suất bị mòn không đều, ảnh hưởng xấu đến khả năng điều khiển và mức tiết kiệm nhiên liệu, dễ bị hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp xe bơm quá áp suất làm cho xe của bạn vận hành dằn xóc, dễ bị ảnh hưởng bởi các nguy hiểm trên đường hơn và bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý từng lốp. Nếu một lốp trông có vẻ xẹp hơn các lốp kia, hãy kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

Ít nhất mỗi tháng một lần hoặc trước những chuyến đi dài, hãy sử dụng đồng hồ đo để đo áp suất trong tất cả các lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng*. Ngay cả lốp xe ở tình trạng tốt cũng có thể giảm 10-20 kPa (0,1-0,2 bar, 1-2 psi) mỗi tháng.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

🔍 Kiểm tra lốp

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về bơm lốp và thay lốp.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội. Điều này nghĩa là đo áp suất khi đã đỗ xe được ít nhất ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km. Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xả bớt hơi cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra khi nóng, áp suất lốp có thể cao hơn tới 30–40 kPa (0,3-0,4 bar, 4-6 psi) so với khi kiểm tra lúc nguội.

Hãy đến đại lý kiểm tra lốp xe nếu bạn cảm thấy rung lắc liên tục khi lái xe. Lốp mới và bất kỳ lốp nào đã được tháo và lắp lại phải được cân chỉnh đúng cách.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

🔍 Hệ thống cảnh báo xẹp lốp* Tr. 301

■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van lốp.

Hãy kiểm tra:

- Chỗ phình hoặc vết lõm ở thành lốp hoặc trên gân lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn ở thành lốp. Thay lốp nếu thấy lốp mòn đến lớp bố sợi vải hoặc sợi màng.
- Loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ hơi lốp.
- Nếu độ mòn lốp không đều, hãy mang xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.
 - ❏ **Vạch báo độ mòn lốp** Tr. 441
- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van lốp.

►► Kiểm tra lốp

Lái xe tốc độ cao

Chúng tôi khuyến cáo bạn không nên lái xe nhanh hơn giới hạn tốc độ quy định trên đoạn đường cụ thể và điều kiện cho phép. Nếu bạn lái xe ở tốc độ cao liên tục (trên 160 km/h), hãy điều chỉnh áp suất lốp người như minh họa bên dưới để tránh tích tụ nhiệt quá mức và làm lốp bị hỏng đột ngột.

Loại xe với lốp 185/60R15 84H	
Kích thước lốp	185/60R15 84H
Áp suất ^{*1}	Trước: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi) Sau: 230 kPa (2,3 bar, 33 psi)
Áp suất ^{*2}	Trước: 250 kPa (2,5 bar, 36 psi) Sau: 230 kPa (2,3 bar, 33 psi)

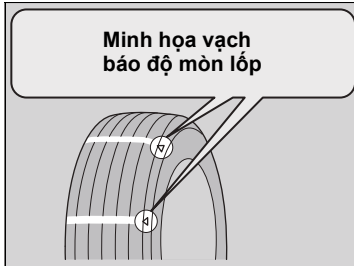
*1: Loại xe tại Ấn Độ

*2: Loại xe tại các quốc gia khác

Loại xe với lốp 185/55R16 83H	
Kích thước lốp	185/55R16 83H
Áp suất	Trước: 250 kPa (2,5 bar, 36 psi) Sau: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi)

Loại xe với lốp 185/55R16 87H	
Kích thước lốp	185/55R16 87H
Áp suất	Trước: 260 kPa (2,6 bar, 38 psi) Sau: 240 kPa (2,4 bar, 35 psi)

Vạch bảo độ mòn lốp



Rãnh lốp là nơi có vạch bảo độ mòn lốp, nông hơn khoảng 1,6 mm so với các vị trí khác trên lốp. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch bảo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay.

Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.

Tuổi thọ lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm thói quen lái xe, điều kiện đường sá, tải trọng xe, áp suất bơm lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp, bạn nên kiểm tra lốp hàng năm sau 5 năm sử dụng lốp. Tất cả lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng, cần phải được thay sau 10 năm tính từ ngày sản xuất, bất kể điều kiện hoặc độ mòn lốp lúc đó như thế nào.

Thay lốp và bánh xe

Thay lốp xe của bạn bằng lốp bổ tủa tròn có cùng kích cỡ, cấp tải trọng, chỉ số tốc độ và định mức áp suất lốp tối đa khi nguội (như được hiển thị trên thành lốp). Sử dụng lốp không cùng kích cỡ hoặc cấu tạo sẽ làm cho một số hệ thống của xe như hệ thống ABS và hỗ trợ ổn định xe (VSA) hoạt động kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể cả bốn lốp cùng lúc, hãy thay lốp xe phía trước hoặc phía sau theo từng cặp.

Đảm bảo rằng các thông số kỹ thuật của bánh xe và đai ốc khớp với các thông số của bánh xe ban đầu.

Thay lốp và bánh xe

CẢNH BÁO

Lắp đặt bánh xe, đai ốc bánh xe và lốp xe không phù hợp trên xe của bạn có thể ảnh hưởng đến khả năng điều khiển và độ ổn định. Điều này có thể dẫn đến va chạm gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe có cùng chủng loại và kích cỡ như trên nhãn thông tin lốp xe dán trên xe.

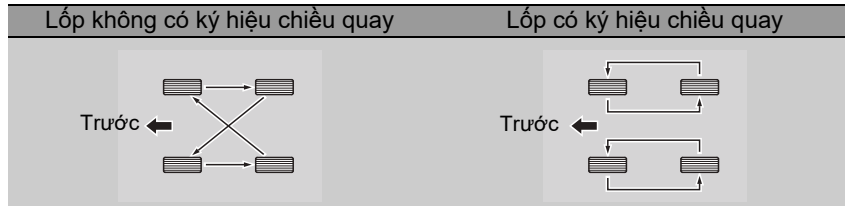
Đào lốp

Đào lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mòn và gia tăng tuổi thọ lốp.

Mô hình đào lốp xe

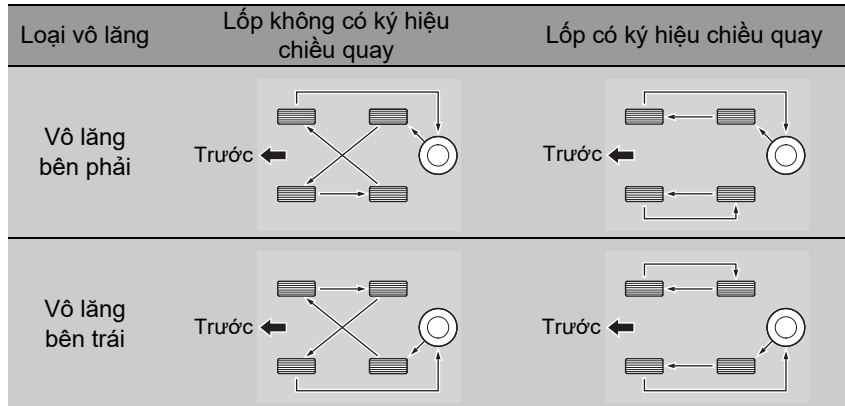
Loại xe có lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời

Đào lốp như hình minh họa dưới đây.



Loại xe có lốp dự phòng kích cỡ tiêu chuẩn

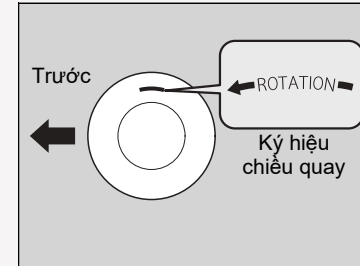
Đào lốp, bao gồm cả lốp dự phòng, như hình minh họa dưới đây.



* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Đào lốp

Lốp xe loại gân lốp định hướng chỉ nên được đào từ trước ra sau (không đào từ bên này sang bên kia). Lốp xe định hướng phải được lắp với ký hiệu chiều quay hướng về phía trước như hình minh họa dưới đây.



Khi đào lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Mỗi khi đào lốp, bạn phải chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

► Hệ thống cảnh báo xẹp lốp* Tr. 301

Lực siết đai ốc bánh xe cho lốp được trang bị tiêu chuẩn cho xe của bạn như sau.

Lực siết đai ốc bánh xe:
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

Thiết bị bám đường tuyết

Nếu lái xe trên đường tuyết hoặc đóng băng, cần lắp lốp mùa đông hoặc xích bọc lốp; giảm tốc độ; và duy trì khoảng cách phù hợp với xe khác khi lái.

Đặc biệt chú ý khi vận hành vô lăng hoặc phanh để không bị trượt.

Sử dụng xích bọc lốp, lốp mùa đông, hoặc lốp dùng cho cả bốn mùa khi cần thiết hoặc theo quy định của pháp luật.

Khi lắp, chú ý các điểm sau.

Đối với lốp mùa đông:

- Chọn các lốp có kích cỡ và giới hạn tải giống như các lốp ban đầu.
- Lắp lốp cho tất cả bốn bánh.

Đối với xích bọc lốp:

- Liên hệ với đại lý trước khi mua bất kỳ loại xích nào cho xe của bạn.
- Chỉ lắp xích bọc lốp cho lốp trước.
- Vì xe của bạn có giới hạn bề mặt lốp, bạn nên sử dụng các loại xích sau:

Loại xe tại Bhutan, Campuchia, Ấn Độ, Lào, Nepal và Philippines

Kích thước lốp ban đầu*1	Loại xích
185/60R15 84H	RUD-matic classic 48478
185/55R16 83H	RUD-matic classic 48479
185/55R16 87H	

*1: Kích thước lốp ban đầu có trên nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.

►► Thiết bị bám đường tuyết

CẢNH BÁO

Sử dụng sai xích bọc lốp, hoặc lắp xích không đúng cách có thể làm hỏng các dây phanh, dẫn đến va chạm gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về việc lựa chọn và sử dụng xích bọc lốp.

CHÚ Ý

Các thiết bị bám đường sai kích cỡ hoặc được lắp đặt không đúng cách có thể làm hỏng dây phanh, hệ thống treo, thân xe và bánh xe. Dừng xe nếu các thiết bị này chạm vào bất cứ bộ phận nào của xe.

- Làm theo hướng dẫn của nhà sản xuất xích khi lắp đặt. Lắp càng chặt càng tốt.
- Đảm bảo xích không chạm vào dây phanh hoặc hệ thống treo.
- Lái chậm.

■ Thiết bị bám đường tuyết

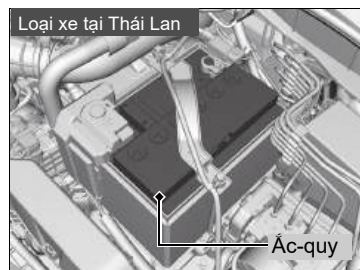
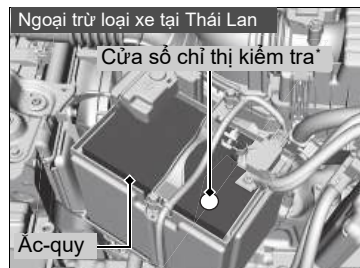
Khi lắp xích bọc lốp, hãy tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất xích liên quan các giới hạn vận hành của xe.

Chỉ dùng xích bọc lốp trong trường hợp khẩn cấp hoặc ở khu vực nhất định theo quy định của pháp luật.

Bạn cần chú ý hơn khi lái xe có xích bọc lốp trên đường tuyết hoặc băng. Xích bọc lốp làm hạn chế thao tác xử lý tình huống so với lốp mùa đông không có xích bọc lốp.

Nếu xe của bạn được trang bị lốp dùng cho mùa hè, thì cần lưu ý loại lốp này không được thiết kế cho điều kiện lái xe mùa đông. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với đại lý.

Kiểm tra ắc-quy



Loại xe có cửa sổ chỉ thị kiểm tra trên ắc-quy

Kiểm tra tình trạng ắc-quy hàng tháng. Nhìn vào cửa sổ chỉ thị kiểm tra và kiểm tra các cực xem có bị ăn mòn không. Tình trạng ắc-quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm. Nếu có vấn đề với cảm biến, thông báo cảnh báo trên màn hình hiển thị thông tin*/màn hình giao diện thông tin cho người lái* sẽ cho bạn biết. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe không có cửa sổ chỉ thị kiểm tra trên ắc-quy

Tình trạng ắc-quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm của ắc-quy. Nếu có vấn đề với cảm biến, màn hình hiển thị thông tin*/màn hình giao diện thông tin cho người lái* sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra ăn mòn các cực ắc-quy hàng tháng.

Nếu ắc-quy xe của bạn bị ngắt kết nối hoặc hết điện:

- Đồng hồ được thiết lập lại.
➡ Đồng hồ Tr. 180

»Ắc-quy

⚠CẢNH BÁO

Ắc-quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc ngọn lửa có thể làm nổ ắc-quy gây tử vong hoặc chấn thương nặng.

Không để ắc-quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc-quy.

⚠CẢNH BÁO

Ắc-quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn cao và rất độc hại.

Để chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ khi làm việc hoặc đứng gần ắc-quy.

Nuốt chất điện phân có thể gây tử vong nếu không được xử lý kịp thời.

ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM

Nạp ắc-quy

Tháo cả hai cáp ắc-quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn ngắt kết nối cáp âm (-) trước tiên và kết nối lại cáp này sau cùng.

Ắc-quy

Phương pháp sơ cứu khẩn cấp

Mắt: Rửa sạch bằng nước lấy từ cốc hoặc thùng chứa khác trong khoảng ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi ngay cho bác sĩ.

Da: Thay quần áo bị dính axit. Rửa sạch da bằng nhiều nước. Gọi ngay cho bác sĩ.

Nuốt phải: Uống nước hoặc sữa. Gọi ngay cho bác sĩ.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, lau sạch các cực ắc-quy bằng dung dịch bột nở và nước. Lau sạch các cực bằng khăn ẩm. Dùng vải/khăn mềm lau khô ắc-quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ắc-quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ắc-quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.

Tham khảo ý kiến đại lý để biết thêm thông tin.

Loại xe có cửa sổ chỉ thị kiểm tra trên ắc-quy

Thông tin về màu sắc của chỉ thị kiểm tra nằm trên ắc-quy.

Vị trí của cửa sổ chỉ thị kiểm tra có thể khác nhau tùy thuộc vào từng loại xe.

»Ắc-quy

Loại xe có chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời

Ắc-quy 12 vôn lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.

Việc sử dụng loại Ắc-quy 12 vôn khác với loại được chỉ định có thể làm giảm tuổi thọ Ắc-quy và ngăn Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời kích hoạt. Nếu bạn cần thay Ắc-quy, đảm bảo chọn đúng loại và kích thước quy định. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

📖 Thông số kỹ thuật Tr. 524

Các đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)*, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hỗ trợ ổn định xe (VSA), hỗ trợ an toàn*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)*, và giảm thiểu chệch làn đường* có thể bật sáng màu hổ phách, cùng với thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn thành **BẬT** sau khi kết nối lại Ắc-quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (dặm/giờ). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Nhãn ắc-quy*



▣ Nhân ắc-quy*

NGUY HIỂM

- Để ắc-quy tránh xa ngọn lửa và tia lửa. Ắc-quy sinh ra khí nổ có thể gây nổ.
- Đeo kính bảo hộ và găng tay cao su khi xử lý ắc-quy để tránh nguy cơ bị bỏng hoặc mất thị lực nếu tiếp xúc với chất điện phân của ắc-quy.
- Không cho trẻ em xử lý ắc-quy trong bất kỳ trường hợp nào. Đảm bảo bất kỳ ai xử lý ắc-quy đều hiểu rõ các mối nguy hiểm và có quy trình xử lý đúng.
- Đặc biệt cẩn thận khi xử lý chất điện phân của ắc-quy vì có chứa axit sunfuric loãng. Tiếp xúc với mắt hoặc da có thể gây bỏng hoặc mất thị lực.
- Đọc kỹ và hiểu rõ hướng dẫn này trước khi xử lý ắc-quy. Nếu không có thể gây chấn thương và hư hỏng xe.
- Không sử dụng ắc-quy nếu mức điện phân ở mức hoặc thấp hơn mức khuyến nghị. Sử dụng ắc-quy có mức điện phân thấp có thể khiến ắc-quy phát nổ, gây thương tích nghiêm trọng.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

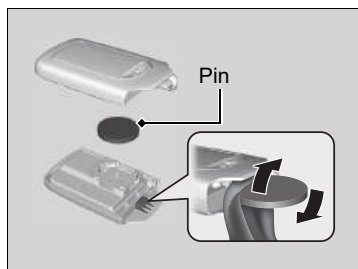
Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa

Khi ấn nút mà không thấy đèn báo bật sáng, phải thay pin.



Loại pin: CR2032

1. Tháo chìa khóa tích hợp.



2. Hướng mặt các nút bấm xuống dưới, tháo nửa trên của nắp bằng cách dùng một đồng xu cẩn thận cậy vào phần cạnh.

► Bọc tay đồng xu bằng một miếng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

3. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.

Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa

⚠ ⚠ CẢNH BÁO

NGUY HIỂM BÔNG HÓA CHẤT

Pin cấp nguồn cho bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa có thể gây bông nội tạng nghiêm trọng và thậm chí có thể dẫn đến tử vong nếu nuốt phải.

Đề pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em. Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay cơ sở y tế để được can thiệp kịp thời.

THẬN TRỌNG: Thay pin không đúng cách có thể gây cháy nổ. Chỉ thay pin cùng loại hoặc tương đương.

THẬN TRỌNG: Không để pin ở nhiệt độ quá cao như dưới ánh nắng mặt trời, lửa hoặc những thứ tương tự để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy trong quá trình sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển.

THẬN TRỌNG: Không vứt pin vào lửa hoặc lò nướng nóng, hoặc nghiền nát hay cắt pin bằng biện pháp cơ học, vì có thể dẫn đến nổ.

THẬN TRỌNG: Không để pin ở nơi có áp suất không khí cực thấp tại độ cao lớn, vì có thể dẫn đến nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.

Dấu cảnh báo ở gần pin cục áo*.

► Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa

CHÚ Ý

Thải bỏ pin không đúng cách sẽ gây hại cho môi trường. Luôn tìm hiểu quy định của địa phương trước khi thải bỏ pin.

Thay pin có bán trên thị trường hoặc pin ở đại lý.

Lọc gió điều hòa

■ Thời điểm nên thay lọc gió điều hoà

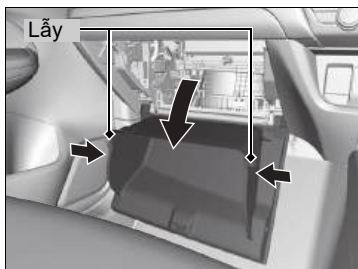
Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng được khuyến nghị cho xe của bạn. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

➤ Lịch bảo dưỡng Tr. 404

■ Cách thay lọc gió điều hoà



1. Mở hộp đựng đồ.



2. Ấn hai bên tấm ốp để tháo hai lẫy.

3. Xoay nắp hộp đựng đồ ra khỏi vị trí.

» Lọc gió điều hòa

Nếu luồng khí từ hệ thống sưởi* và hệ thống làm mát*/hệ thống điều hòa không khí tự động* bị giảm đáng kể và cửa kính nhanh bị đọng sương, đó là lúc cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

Lọc gió điều hòa có tác dụng hút bụi, phấn hoa và các mảnh vụn nhỏ khác trong không khí.



4. Ấn vào các lẫy ở các góc của vỏ hộp lọc gió điều hoà, rồi tháo ra.
5. Tháo lọc gió ra khỏi hộp.
6. Lắp lọc gió mới vào hộp.
 - Đặt mũi tên **AIR FLOW** (Luồng gió) hướng xuống dưới.

►► Lọc gió điều hòa

Nếu bạn không biết thay lọc gió điều hoà, hãy mang xe đến đại lý để thay.

Vệ sinh nội thất

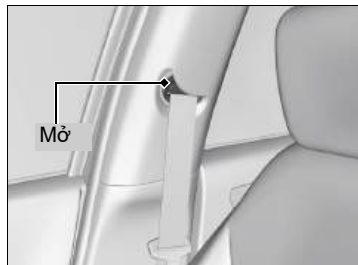
Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau.

Dùng khăn ẩm thấm hỗn hợp chất tẩy rửa nhẹ và nước ấm để lau sạch bụi bẩn.

Dùng khăn sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

Vệ sinh dây đai an toàn

Dùng bài chải mềm với hỗn hợp xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn. Để dây đai an toàn tự khô. Dùng khăn sạch lau sạch các khe neo dây đai an toàn.



Vệ sinh cửa kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

Vệ sinh nội thất

Không làm đổ chất lỏng bên trong xe. Các thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào.

Không xịt chất gốc silicon lên các thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc.

Làm như vậy có thể khiến các thiết bị hỏng hoặc gây cháy bên trong xe.

Nếu không may xịt chất gốc silicon lên các thiết bị điện, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần, các hóa chất và chất thơm dạng lỏng có thể làm các chi tiết nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt. Không dùng dung môi kiềm hoặc dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ.

Không để giẻ đã qua sử dụng lên trên các chi tiết nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài mà không giặt sạch.

Chú ý không làm đổ nước khử mùi dạng lỏng ra xe.

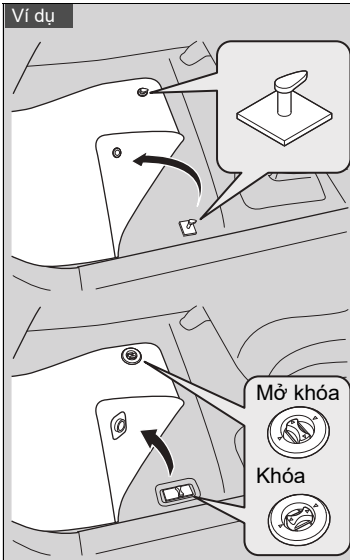
Vệ sinh cửa kính

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau.

Dùng giẻ mềm để lau cửa kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.

Cẩn thận không làm tràn các chất lỏng như nước hoặc nước rửa kính lên trên hoặc xung quanh nắp của các bộ phận điện* xung quanh gương chiếu hậu.

Thảm lót sàn



Thảm lót sàn phía người lái được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt về phía trước.

Không đặt thêm thảm lót sàn lên trên thảm đã được móc cố định.

Vệ sinh đồ da chính hiệu*

Để vệ sinh đồ da đúng cách:

1. Trước tiên, dùng máy hút bụi hoặc khăn khô mềm để lau sạch bụi hoặc vết bẩn.
2. Làm sạch đồ da bằng vải mềm thấm dung dịch có tỷ lệ 90% nước và 10% xà phòng trung tính.
3. Dùng khăn ẩm sạch lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn sót lại và để đồ da khô tự nhiên trong bóng râm.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Thảm lót sàn

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn kèm theo xe, đảm bảo phải sử dụng loại thảm dành riêng cho loại xe của bạn, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe.

Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu không được cố định đúng vị trí, thảm lót sàn có thể ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

Vệ sinh đồ da chính hiệu*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn hoặc bụi càng nhanh càng tốt. Các chất lỏng tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Vết bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo tối màu có thể chà xát vào ghế da, làm phai màu hoặc tạo vết ố bẩn.

Vệ sinh ngoại thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe. Thường xuyên kiểm tra xem có vết xước trên bề mặt sơn không. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

Rửa xe

Rửa xe thường xuyên. Rửa xe thường xuyên hơn nữa trong các điều kiện sau:

- Nếu lái trên đường có rải muối.
- Nếu lái trên đường bờ biển.
- Nếu nhựa đường, muội than, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

Sử dụng máy rửa xe tự động

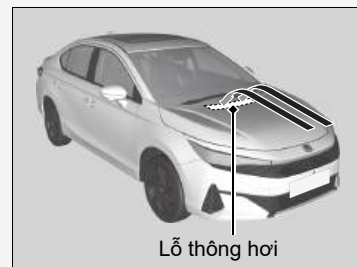
- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Cụp các gương cửa.
- Đối với loại xe có chế độ gạt tự động ngắt quãng, hãy tắt cần gạt nước.

Sử dụng máy rửa xe áp suất cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh các cửa kính. Đứng quá gần có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, hãy sử dụng nước áp lực thấp và chất tẩy rửa nhẹ.
- Không phun nước trực tiếp lên camera* hoặc khu vực xung quanh camera. Nước có thể lọt vào thấu kính và khiến camera gặp sự cố.

» Rửa xe

Không được phun nước vào các lỗ thông hơi để tránh xảy ra sự cố.



Nếu có nước và bất kỳ hóa chất nào bám trên phanh khi đang rửa xe, hãy lái xe một đoạn ngắn và nhấn phanh nhiều lần trước khi đỗ xe. Đỗ xe khi phanh còn ướt có thể khiến phanh bị gỉ sét.

■ Phủ sáp

Một lớp sáp tốt phủ ngoài thân xe sẽ giúp bảo vệ lớp sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Sáp sẽ bị mòn theo thời gian và làm lộ ra lớp sơn xe, vì vậy hãy phủ lại sáp khi cần thiết.

■ Vệ sinh cản xe và các bộ phận phủ nhựa khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, nước làm mát động cơ hoặc dung dịch ắc-quy lên các bộ phận phủ nhựa có thể làm các bộ phận này mất màu hoặc bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

■ Vệ sinh cửa kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

■ Vệ sinh bánh xe vành nhôm*

Nhôm dễ bị xuống cấp do muối và các chất bẩn khác trên đường. Khi cần, hãy dùng miếng bọt biển và chất tẩy rửa nhẹ để lau sạch các chất bẩn này càng sớm càng tốt. Không dùng bàn chải cứng hoặc các chất tẩy rửa mạnh (bao gồm một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp hoàn thiện bảo vệ trên vành nhôm, dẫn đến tình trạng ăn mòn. Tùy vào loại lớp hoàn thiện mà vành bánh xe có thể mất đi độ bóng hoặc bị mài mòn. Để tránh bị gỉ do nước, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi còn ướt.

►► Phủ sáp

CHÚ Ý

Dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, kim loại và nhựa trên xe. Lau sạch ngay nếu có.

►► Vệ sinh cản xe và các bộ phận phủ nhựa khác

Liên hệ với đại lý về vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận phủ nhựa.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Thấu kính đèn bên ngoài bị mờ

Các thấu kính bên trong của đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong thấu kính đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong thấu kính đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là hiện tượng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.

Đặc tính thiết kế của thấu kính đèn có thể làm tăng độ ẩm trên bề mặt khung của thấu kính đèn. Đây cũng không phải là sự cố.

Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong thấu kính đèn, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Phụ kiện

Khi lắp phụ kiện, chú ý các mục sau:

- Không lắp phụ kiện lên kính chắn gió. Chúng có thể cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.
- Không lắp bất kỳ phụ kiện nào ngoại trừ Phụ kiện chính hãng Honda thiết kế riêng cho xe của bạn lên các khu vực được đánh dấu **SRS AIRBAG** (TÚI KHÍ SRS), lên cạnh hoặc lưng ghế trước*, lên các trụ trước hoặc trụ bên*, hoặc gần các cửa kính bên.
Lắp các phụ kiện không phải là Phụ kiện chính hãng Honda dành riêng cho xe của bạn lên những chỗ này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí bung.
- Đảm bảo các phụ kiện điện tử không làm quá tải mạch điện hoặc không làm cản trở hoạt động bình thường của xe.
➔ **Cầu chì** Tr. 503
- Trước khi lắp bất cứ phụ kiện điện tử nào, người lắp đặt phải liên lạc với đại lý để hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Phụ kiện và điều chỉnh

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng các phụ kiện hoặc tiến hành điều chỉnh không đúng cách có thể ảnh hưởng đến khả năng xử lý, độ ổn định và hiệu suất của xe, đồng thời có thể gây ra tai nạn khiến bạn bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về phụ kiện và điều chỉnh.

Khi được lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo, máy bộ đàm, ăng-ten vô tuyến và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng Phụ kiện chính hãng Honda để đảm bảo cho xe hoạt động tốt.

Một số Phụ kiện chính hãng Honda có sách hướng dẫn sử dụng kèm theo về cách vận hành và bảo dưỡng chi tiết của phụ kiện đó. Nếu có sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng đó để biết đầy đủ thông tin chi tiết.

Điều chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến khả năng xử lý, độ ổn định và chắc chắn của xe, hoặc lắp phụ tùng hoặc phụ kiện không chính hãng Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự.

Ngay cả những điều chỉnh nhỏ trong hệ thống xe cũng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động tổng thể của xe.

Luôn đảm bảo lắp đặt và bảo dưỡng đúng cách tất cả các thiết bị trên xe, không điều chỉnh xe hoặc các hệ thống của xe khi việc điều chỉnh đó vi phạm các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Cổng chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được lắp trên xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị khác được Honda phê duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng xấu đến các hệ thống điện tử của xe hoặc khiến các hệ thống này bị xâm nhập, có khả năng dẫn đến trục trặc hệ thống, ắc-quy bị tiêu hao hoặc các vấn đề ngoài ý muốn khác.

Không điều chỉnh hoặc cố gắng sửa bất kỳ thiết bị điện tử nào.

►► Phụ kiện và điều chỉnh

Nếu bất kỳ Phụ kiện chính hãng Honda nào không hoạt động được, hãy tham khảo sách hướng dẫn sử dụng phụ kiện kèm theo (nếu có) hoặc hỏi ý kiến đại lý để được hỗ trợ xử lý sự cố.

Xử lý sự cố bất ngờ

Chương này đề cập đến các cách xử lý các tình huống bất ngờ.

Dụng cụ	
Loại dụng cụ	462
Nều lốp xe bị xẹp	
Loại xe có dụng cụ vá lốp	
Vá lốp xẹp tạm thời.....	463
Loại xe có lốp dự phòng	
Thay lốp xẹp	473
Loại xe có dụng cụ vá lốp	
Xử lý kích nâng	482
Động cơ không khởi động	
Kiểm tra động cơ	483
Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu	485
Dừng động cơ khẩn cấp	487

Nếu ắc-quy hết điện	488
Không gạt được cần số	492
Quá nhiệt	
Cách xử lý quá nhiệt.....	493
Đèn báo sáng/nhấp nháy	
Loại xe có màn hình hiển thị thông tin	
Nếu đèn báo áp suất dầu thấp sáng.....	497
Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái	
Nếu cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện	498
Nếu đèn báo Hệ thống nạp điện sáng	499
Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy	500

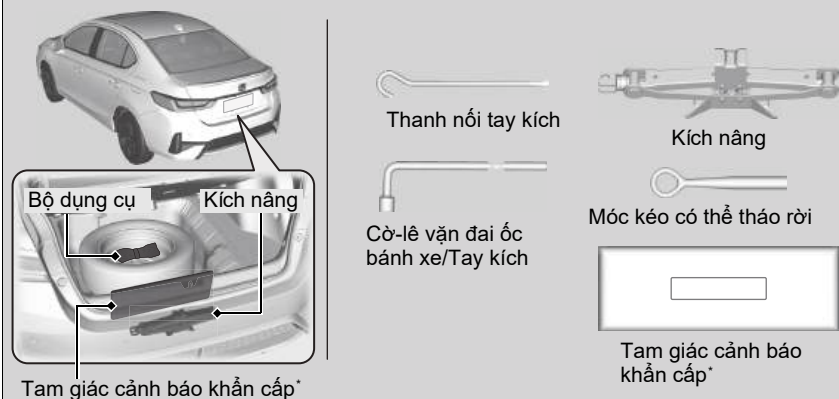
Nếu đèn báo Hệ thống phanh (màu đỏ) sáng.....	500
Nếu đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sáng	501
Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp	
Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng hoặc nhấp nháy	502
Cầu chì	
Vị trí cầu chì	503
Kiểm tra và thay cầu chì	516
Kéo xe khẩn cấp	517
Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*	518

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Dụng cụ

Loại dụng cụ

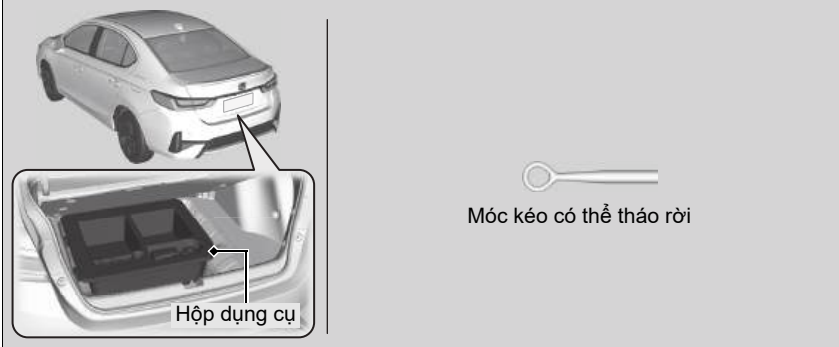
Loại xe có lớp dự phòng



Loại dụng cụ

Dụng cụ được cất trong cốp.

Loại xe có dụng cụ và lốp



Nếu lốp xe bị xẹp

Loại xe có dụng cụ vá lốp

Vá lốp xẹp tạm thời

Nếu lốp xe có vết cắt lớn hoặc bị hư hỏng nặng, bạn cần phải gọi dịch vụ kéo xe. Nếu lốp chỉ có lỗ thủng nhỏ, ví dụ như bị đinh đâm, bạn có thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp trước khi lái xe đến trạm sửa chữa xe gần nhất.

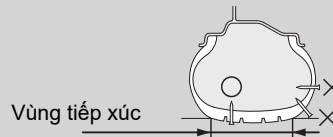
Nếu lốp bị xẹp trong khi lái xe, hãy giữ chắc vô lăng và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, dừng xe ở nơi an toàn.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và kéo phanh đỗ.
2. Đưa hộp số vào số **P**.
3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.

❏ Vá lốp xẹp tạm thời

Không nên sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp trong các trường hợp sau. Hãy liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ cứu hộ ven đường để kéo xe.

- Keo vá lốp hết hạn.
- Nhiều lốp bị thủng cùng một lúc.
- Vết thủng hoặc vết cắt lớn hơn 4 mm.
- Thành lốp bị hư hỏng hoặc vết thủng nằm ngoài vùng tiếp xúc.

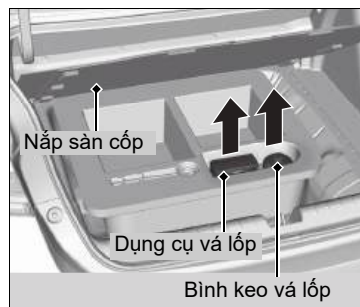
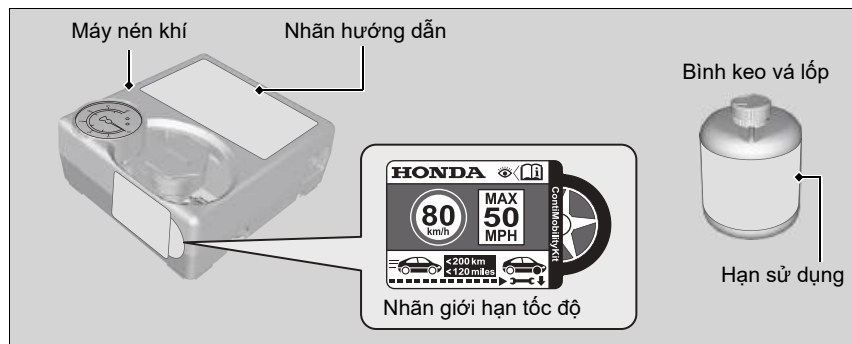


Lốp xe bị thủng:	Sử dụng bộ dụng cụ
Nhỏ hơn 4 mm	Có
Lớn hơn 4 mm	Không

- Hư hỏng do lái xe khi lốp quá non.
- Mép lốp không lắp khít.
- Vành bánh xe bị hỏng.

Không rút đinh hoặc vít đã đâm thủng lốp. Bởi nếu rút ra, bạn sẽ không thể sử dụng dụng cụ vá lốp khẩn cấp.

■ Chuẩn bị vá lốp xẹp tạm thời



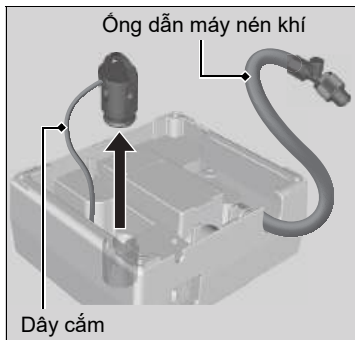
1. Mở nắp sàn trong cốp.
2. Lấy bộ dụng cụ và bình keo vá lốp ra khỏi hộp.
3. Đặt bộ dụng cụ nằm ngửa trên mặt đất phẳng gần lốp xẹp và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng bộ dụng cụ.

▣ Chuẩn bị vá lốp xẹp tạm thời

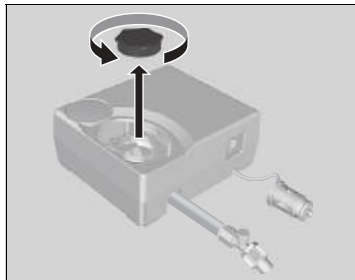
Nhãn giới hạn tốc độ được dán ở mặt bên của dụng cụ vá lốp tạm thời.

Khi tiến hành sửa chữa tạm thời, hãy đọc kỹ nhãn hướng dẫn trên bộ dụng cụ.

■ Bơm keo vá lốp và bơm hơi



1. Tháo ống dẫn máy nén khí và dây cắm ra khỏi mặt sau của máy nén khí.



2. Tháo nắp máy nén khí.

▣ Bơm keo vá lốp và bơm hơi

⚠ CẢNH BÁO

Keo vá lốp có chứa chất có hại và có thể gây tử vong nếu nuốt phải.

Nếu không may nuốt phải, không được cố ép để nôn ra. Hãy uống nhiều nước và đến ngay cơ sở y tế.

Nếu keo vá lốp dính vào da hoặc mắt, hãy rửa sạch bằng nước mát và đến cơ sở y tế nếu cần.

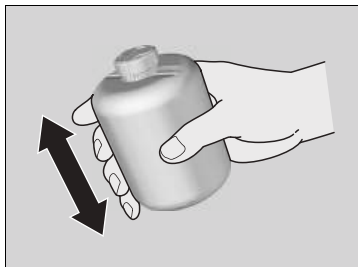
Để bình keo vá lốp tránh xa tầm tay của trẻ nhỏ.

Ở nhiệt độ lạnh, keo vá lốp có thể không chảy ra dễ dàng. Trong tình huống này, hãy để bình trong khoảng hành khách để làm ấm trước khi sử dụng.

Keo vá lốp có thể làm đổi màu quần áo và các chất liệu khác. Hãy cẩn thận trong quá trình xử lý và lau sạch ngay nếu keo tràn ra.

Không được tháo bình keo đã hết sau khi bơm keo vá lốp.

Đến đại lý Honda để mua bình keo mới và thải bỏ bình keo đã hết đúng cách.

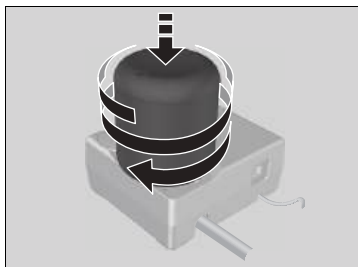


3. Lắc đều bình keo vá lốp.



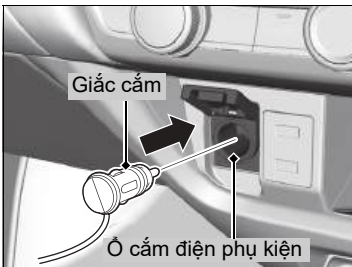
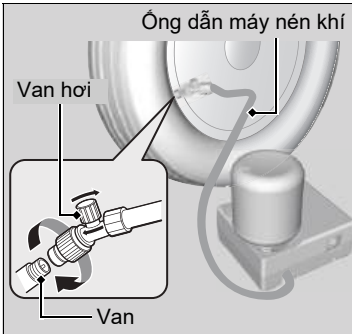
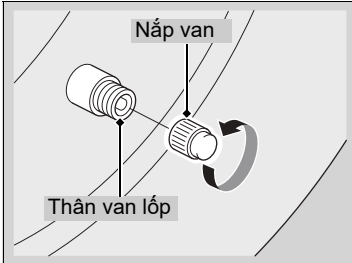
4. Tháo nắp bình keo vá lốp.

► Không tháo lớp bảo vệ.



5. Vặn chặt bình keo còn lớp bảo vệ vào máy nén khí.

► Vặn chặt bình keo để không bị lỏng.



6. Tháo nắp van ra khỏi thân van lốp.

7. Lắp ống dẫn máy nén khí vào van lốp.

- Đảm bảo đã đóng van hơi và tắt máy nén khí.

8. Cắm giắc máy nén vào ổ cắm điện phụ kiện.

- Cẩn thận không làm kẹp dây vào cửa hoặc cửa kính.
- Không cắm bất kỳ thiết bị điện nào khác vào các ổ cắm điện phụ kiện khác*.

► **Ổ cắm điện phụ kiện** Tr. 250

9. Khởi động động cơ.

► **Khí carbon monoxide (CO)** Tr. 99

► Bơm keo vá lốp và bơm hơi

⚠ CẢNH BÁO

Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể khiến bạn bất tỉnh và thậm chí tử vong. Chỉ được phép chạy động cơ để cấp nguồn cho máy nén khí khi xe đang ở ngoài trời.

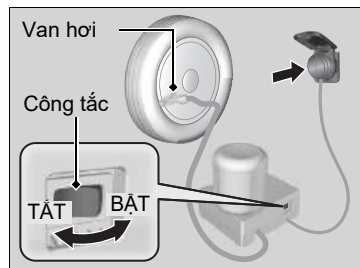
Tắt máy nén khí khi nối ống dẫn máy nén khí.

Bạn có thể nghe thấy tiếng mô-tơ của máy nén khí đang hoạt động. Điều này là bình thường.

Nếu trong vòng 10 phút bơm mà không đạt được mức áp suất lốp quy định, lốp xe có thể bị hỏng quá nặng nên không thể dùng dụng cụ vá lốp và cần phải kéo xe đi.

Nếu muốn đo áp suất lốp bằng đồng hồ đo, trước tiên hãy tắt máy nén khí.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe



10. Bật công tắc máy nén khí để bơm lốp.
 - Máy nén bắt đầu bơm keo vá lốp và hơi vào lốp.
 - Tham khảo nhãn trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất quy định.
11. Sau khi áp suất lốp đạt mức quy định, hãy tắt máy nén khí.
 - Kiểm tra đồng hồ đo áp suất lốp trên máy nén khí.
 - Nếu lốp quá căng, hãy xả bớt hơi bằng cách vặn van hơi. Cần thận trọng để keo vá lốp tràn ra ngoài.
12. Rút bộ dụng cụ ra khỏi ổ cắm điện phụ kiện.
13. Vặn ống dẫn máy nén khí ra khỏi van lốp. Lắp nắp van.
 - Cần thận trọng để keo vá lốp tràn ra ngoài khi tháo ống dẫn. Lau sạch nếu keo tràn ra ngoài.
14. Cất dụng cụ vá lốp vào trong cốp.
 - Không tháo bình keo vá lốp ra khỏi máy nén khí.

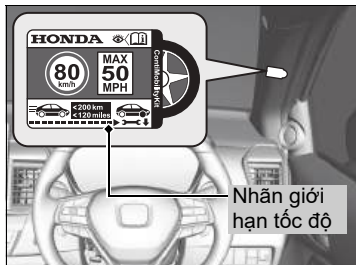
►► Bơm keo vá lốp và bơm hơi

Hãy thông báo cho đại lý Honda hoặc dịch vụ cứu hộ giao thông biết bạn đã sử dụng keo vá lốp khi bạn yêu cầu thay hoặc vá lốp xẹp.

Máy nén khí này được thiết kế dành cho lốp xe ô tô. Kiểm tra phần sau:

- Nguồn điện của máy nén khí chỉ được cấp từ ổ cắm điện phụ kiện dùng điện một chiều 12 V trên xe của bạn.
 - Không vận hành máy nén của dụng cụ vá lốp tạm thời quá 10 phút. Máy nén có thể bị quá nhiệt và hư hỏng vĩnh viễn.
- Để máy nén nguội bớt khi cần sử dụng liên tục.

■ Phân bổ keo vá lốp trong lốp xe



1. Dán nhãn giới hạn tốc độ vào vị trí như hình minh họa.
2. Lái xe khoảng 10 phút hoặc từ 3 đến 10 km.
► Không vượt quá 80 km/h.
3. Dừng xe ở nơi an toàn.

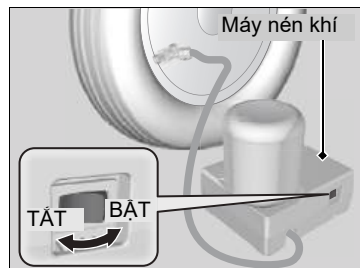
▣ Phân bổ keo vá lốp trong lốp xe

⚠ CẢNH BÁO

Nổ máy trong khu vực kín gió hoặc không thông thoáng sẽ gia tăng khả năng tích tụ khí độc CO.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể khiến bạn bất tỉnh và thậm chí tử vong. Chỉ được phép chạy động cơ để cấp nguồn cho máy nén khí khi xe đang ở ngoài trời.

Tham khảo nhãn trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất quy định.



4. Sử dụng đồng hồ đo trên máy nén để kiểm tra lại áp suất lốp.

- Không bật công tắc máy nén khí khi kiểm tra áp suất lốp.

5. Nếu áp suất lốp

- Dưới 130 kPa (1,3 bar, 19 psi): Không bơm thêm hơi hoặc tiếp tục lái xe. Lốp bị thủng nặng. Gọi dịch vụ kéo xe.

☒ **Kéo xe khẩn cấp** Tr. 517

- Từ áp suất lốp quy định (Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái) trở lên: Tiếp tục lái xe cho tới khi đến trạm sửa chữa xe gần nhất. Không vượt quá 80 km/h.

- Trên 130 kPa (1,3 bar, 19 psi), nhưng thấp hơn áp suất lốp quy định (Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái): Bơm lốp đến áp suất lốp quy định.

☒ **Bơm lốp non hơi** Tr. 471

Và lặp lại các bước từ 2 đến 4 cho tới khi đến trạm sửa chữa xe gần nhất. Không vượt quá 80 km/h.

- Khoảng cách đến trạm sửa chữa xe gần nhất phải trong phạm vi khoảng 200 km.

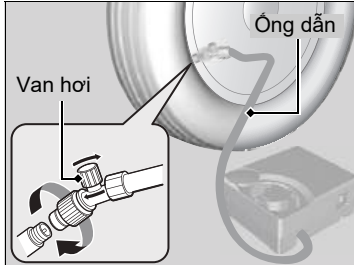
6. Cát và xếp gọn dụng cụ.

☒ **Phân bổ keo vá lốp trong lốp xe**

Đảm bảo cát máy nén khí cùng với bình keo đã hết ở trong cốp.

■ Bơm lốp non hơi

Bạn có thể sử dụng bộ dụng cụ để bơm lốp non hơi không bị thủng.



1. Mở nắp sàn cốp.
2. Chuẩn bị vá lốp xẹp tạm thời Tr. 464
3. Đặt bộ dụng cụ quay mặt lên trên, trên bề mặt bằng phẳng gần lốp cần bơm và tránh xa khu vực có các phương tiện đang lưu thông. Không đặt nghiêng bộ dụng cụ.
4. Tháo nắp van.
5. Lắp ống dẫn vào thân van lốp. Vặn chặt ống dẫn.
6. Đảm bảo đã đóng van hơi.
7. Cắm giắc máy nén vào ổ cắm điện phụ kiện.
8. Cẩn thận không làm kẹp dây vào cửa hoặc cửa kính.
9. Không cắm bất kỳ thiết bị điện nào khác vào các ổ cắm điện phụ kiện khác*.
10. Tắm che nắng phía sau* Tr. 251
11. Khởi động động cơ.
12. Khí carbon monoxide (CO) Tr. 99

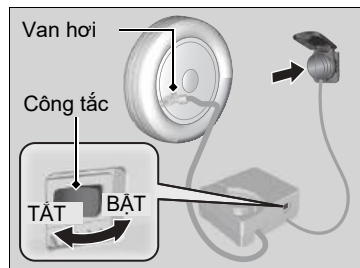
■ Bơm lốp non hơi

⚠ CẢNH BÁO

Chạy động cơ trong khu vực khép kín hoặc thậm chí là khép kín một phần có thể gia tăng khả năng tích tụ khí carbon monoxide (CO) độc hại.

Hít phải khí không màu, không mùi này có thể làm bạn bất tỉnh và thậm chí tử vong. Chỉ được phép chạy động cơ để cấp nguồn cho máy nén khí khi xe đang ở ngoài trời.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe



7. Bật công tắc máy nén khí để bơm lốp xe.

► Máy nén khí bắt đầu bơm hơi vào lốp xe.

► Nếu bạn đã khởi động động cơ, hãy để động cơ chạy trong khi bơm hơi.

8. Bơm lốp đến áp suất lốp quy định.

9. Tắt máy nén khí.

► Kiểm tra đồng hồ đo áp suất trên máy nén khí.

► Nếu lốp quá căng, ấn van hơi để xả bớt hơi.

10. Tắt động cơ, sau đó tháo giắc cắm máy nén khí khỏi ổ cắm điện phụ kiện.

11. Vặn ống dẫn máy nén khí ra khỏi thân van lốp. Lắp lại nắp van.

12. Cất và xếp gọn dụng cụ vá lốp.

►► Bơm lốp non hơi

CHÚ Ý

Không vận hành máy nén của dụng cụ vá lốp khẩn cấp quá 10 phút. Máy nén có thể bị quá nhiệt và hư hỏng vĩnh viễn.

Loại xe có lốp dự phòng

Thay lốp xẹp

Nếu lốp bị xẹp trong khi lái xe, hãy giữ chắc vô lăng và nhấn phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, dừng xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng cỡ nhỏ. Mang xe đến đại lý càng sớm càng tốt để sửa hoặc thay lốp thông thường.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và kéo phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Đưa hộp số vào số **P**.

Loại xe có hộp số sàn

2. Đưa hộp số vào số **R**.

Tất cả các loại xe

3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY.

Thay lốp xẹp

Tuân theo các biện pháp phòng ngừa cho lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời:

Lốp dự phòng cỡ nhỏ

Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng cỡ nhỏ. Áp suất lốp phải đạt mức quy định. Áp suất quy định: 420 kPa (4,2 bar, 60 psi)

Lốp dự phòng tạm thời

Kiểm tra áp suất khí của lốp dự phòng tạm thời cỡ 185/60R15 mỗi khi bạn kiểm tra các lốp xe thông thường khác. Lốp này nên được bơm đến mức áp suất khuyến nghị ghi ở nhãn trên thanh đọc cửa người lái.

Lốp dự phòng cỡ nhỏ

Khi lái xe với lốp dự phòng cỡ nhỏ, cần duy trì tốc độ lái dưới 80 km/h. Thay bằng lốp thông thường càng sớm càng tốt.

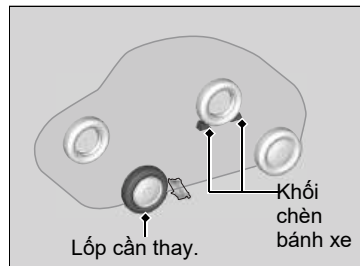
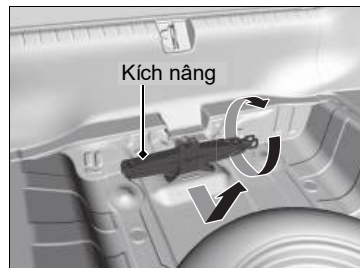
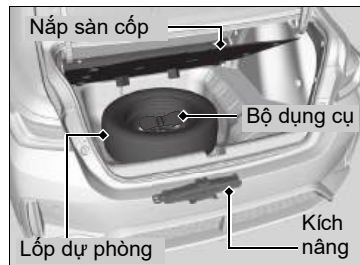
Lốp dự phòng tạm thời

Khi lái xe với lốp dự phòng tạm thời, cần duy trì tốc độ lái dưới 120 km/h. Thay bằng lốp thông thường càng sớm càng tốt.

Lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời

Lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời và bánh xe trên xe bạn là dành riêng cho loại xe này. Không sử dụng cho xe khác. Không sử dụng lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời hoặc bánh xe loại khác cho xe bạn.

■ Chuẩn bị thay lốp xẹp



1. Mở nắp sàn cốp.

2. Lấy bộ dụng cụ và kích nâng ra khỏi cốp.

► Tháo kích nâng ra bằng cách xoay chốt giữ đầu kích sang bên trái để rơi lỏng.

3. Tháo bu-lông tai và tháo đệm côn. Sau đó, tháo lốp dự phòng.

4. Chèn khối chèn bánh xe hoặc chèn hòn đá vào phía trước và phía sau của bánh xe chéo với lốp cần thay.

►► Thay lốp xẹp

Lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời

Không lắp xích bọc lốp vào lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời.

Nếu lốp trước có gắn xích bị xẹp, hãy tháo một trong các lốp sau thông thường và lấy lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời thay cho chiếc lốp sau vừa tháo. Tháo lốp trước bị xẹp và thay bằng lốp sau cùng kích cỡ vừa tháo. Sau đó, gắn xích bọc lốp vào lốp trước.

Lốp dự phòng cỡ nhỏ

Dùng lốp dự phòng cỡ nhỏ sẽ làm xe đi gằn hơn và làm giảm độ bám đường của xe. Bạn cần lái xe cẩn thận hơn.

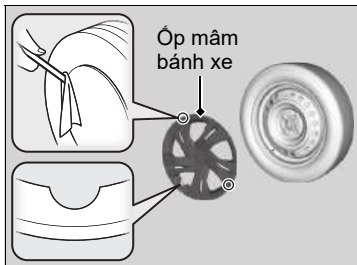
Lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời

Lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời có kích cỡ nhỏ hơn lốp thông thường. Khoảng sáng gầm xe sẽ thấp hơn khi lắp lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời. Lái xe qua những đoạn đường nhiều mảnh vỡ hoặc có gờ giảm tốc có thể làm hư hỏng gầm xe.

CẢNH BÁO: Chỉ sử dụng kích nâng để hỗ trợ xe bị hỏng khẩn cấp, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hoặc bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường nào khác.



- 5. Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, gần lốp cần thay.**



Loại xe có ốp mâm bánh xe

- 6. Đặt đầu dẹt của thanh nối tay kích vào mép của ốp mâm bánh xe. Cần thận cạy phần mép và tháo ốp mâm.**

► Bọc đầu dẹt của thanh nối tay kích bằng một miếng vải để tránh làm xước ốp mâm.



Tất cả các loại xe

- 7. Dùng cờ-lê vặn xoay một vòng để nới lỏng từng đai ốc bánh xe.**

► Thay lốp xẹp

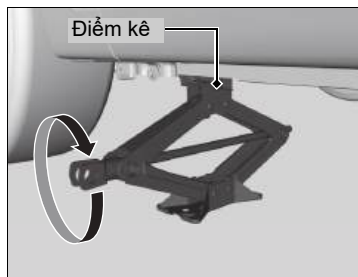
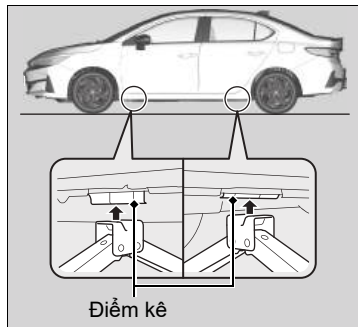
CHÚ Ý

Không dùng kích nâng nếu kích không hoạt động tốt. Hãy gọi đại lý hoặc dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

Lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời

Không sử dụng nhiều hơn một lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời cùng một lúc.

■ Cách đặt kích nâng



1. Đặt kích nâng bên dưới điểm kê gần nhất với lốp cần thay.

2. Xoay đầu tay quay theo chiều kim đồng hồ như hình minh họa cho đến khi đầu kích chạm vào điểm kê.

► Đảm bảo vấu điểm kê tỳ vào rãnh kích nâng.

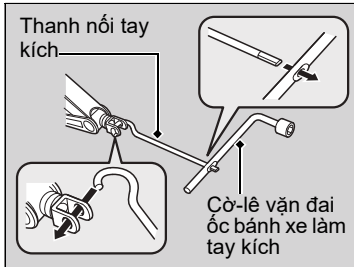
► Cách đặt kích nâng

⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kích nâng, gây chấn thương nặng cho người đang làm việc dưới gầm xe.

Làm đúng theo hướng dẫn thay lốp, không được để ai ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kích nâng.

CẢNH BÁO: Kích nâng phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn, bằng với bề mặt đang đỡ xe.



3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

► Cách đặt kích nâng

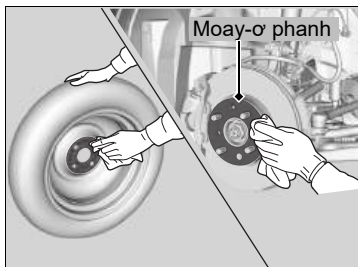
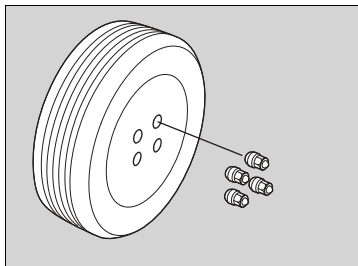
Không dùng kích nâng khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

Dùng kích nâng dành riêng cho xe bạn. Các kích khác có thể không phù hợp với trọng lượng ("tải trọng") hoặc không vừa với điểm kê.

Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kích nâng an toàn:

- Không dùng kích nâng khi động cơ đang hoạt động.
- Chỉ sử dụng kích nâng trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kích tại điểm kê.
- Không được vào xe khi đang dùng kích nâng.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kích nâng.

■ Thay lốp xẹp



1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.

2. Lau sạch bề mặt lắp của bánh xe bằng vải sạch.

3. Lắp lốp dự phòng vào.

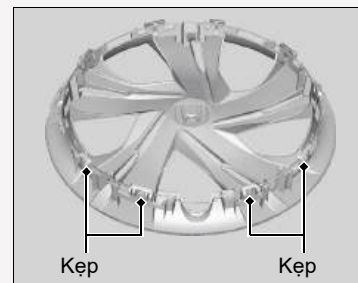
4. Vặn đai ốc bánh xe đến khi chạm vào miệng xung quanh các lỗ lắp thì ngừng vặn.

► Thay lốp xẹp

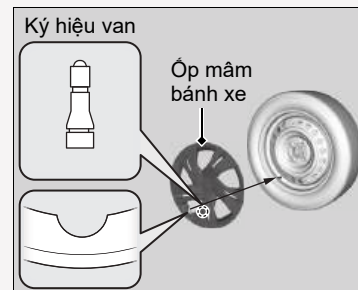
Không siết đai ốc bánh xe quá chặt bằng cách dùng chân hoặc ống nối để tác dụng thêm lực siết.

Loại xe có ốp mâm bánh xe

Đảm bảo vòng thép hỗ trợ đã được móc vào các kẹp xung quanh mép của ốp mâm bánh xe.



Căn ký hiệu van trên mâm ốp bánh xe thẳng hàng với van bánh xe, sau đó lắp ốp mâm bánh xe.





5. Hạ thấp xe và tháo kích nâng ra. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình minh họa. Siết lần lượt từng đai ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.

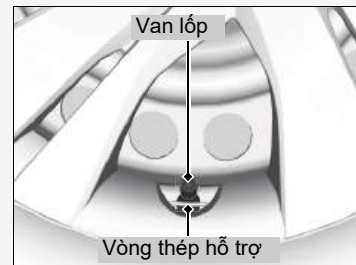
Lực siết đai ốc bánh xe:

108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

► Thay lốp xẹp

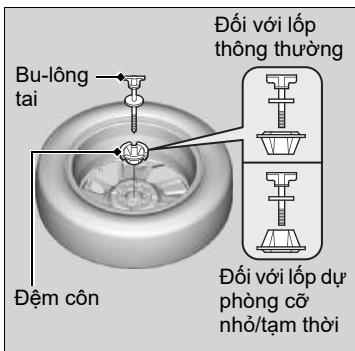
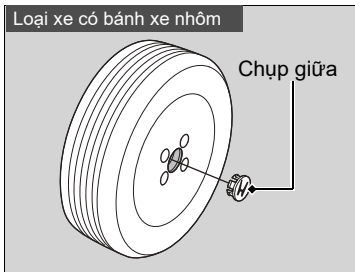
Loại xe có ốp mâm bánh xe

Đảm bảo vòng thép hỗ trợ nằm ở mặt ngoài của van lốp như hình minh họa.



Cất giữ lốp xẹp

Loại xe có bánh xe nhôm



Loại xe có bánh xe nhôm

1. Tháo chụp giữa.

Tất cả các loại xe

- Đặt úp lốp xẹp vào khoang chứa lốp dự phòng.
- Tháo đệm côn ra khỏi bu-lông tai, lật ngược lại và lắp lại vào bu-lông. Siết chặt lốp xẹp bằng bu-lông tai.
- Cất giữ cẩn thận cờ-lê vận đai ốc bánh xe và thanh nổi tay kích vào túi dụng cụ. Cất túi dụng cụ và kích nâng vào cốp.

Cất giữ lốp xẹp

⚠ CẢNH BÁO

Các vật dụng cất giữ không chắc chắn có thể bị văng trong xe trong trường hợp xảy ra va chạm và gây chấn thương nặng cho người ngồi trong xe.
Cất bánh xe, kích nâng và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

■ Hệ thống cảnh báo xẹp lốp và lốp dự phòng

Lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời

Nếu bạn thay lốp bị xẹp bằng lốp dự phòng, đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sẽ bật sáng khi bạn đang lái xe. Sau khi lái xe được vài kilomet (dặm), thông báo **Tyre pressure monitor system problem**^{*1}/**Tire pressure monitor system problem. Check tire pressure. See your dealer.**^{*2}/**Tyre Pressure Monitor System Problem**^{*3}/**Tire Pressure Monitor System Problem. Check Tire Pressure. See Your Dealer.**^{*4} (Sự cố hệ thống giám sát áp suất lốp. Kiểm tra áp suất lốp. Hãy đến gặp đại lý) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và đèn báo sẽ nhấp nháy trong thời gian ngắn rồi sáng liên tục; tuy nhiên, đây là hiện tượng bình thường và không đáng lo ngại.

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp khi bạn thay lốp bằng lốp thông thường quy định.

🔧 **Khởi tạo/Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp** Tr. 303

Lốp dự phòng thông thường

Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp khi bạn thay lốp bằng lốp dự phòng thông thường.

🔧 **Khởi tạo/Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp** Tr. 303

*1 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại A

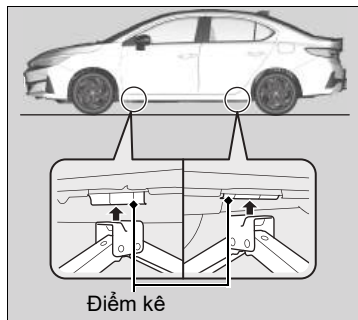
*3 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

*4 : Loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

Loại xe có dụng cụ vá lốp

Xe của bạn có các điểm kê kích như hình minh họa.

Hãy tham khảo đại lý khi thay lốp xe.



Kiểm tra động cơ

Nếu động cơ không khởi động, hãy kiểm tra bộ khởi động.

Tình trạng bộ khởi động	Danh mục kiểm tra
Bộ khởi động không khởi động hoặc quay chậm. Có thể ắc-quy hết điện. Kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp.	Kiểm tra thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*. - Nếu thông báo To start, touch start button with emblem side of remote^{*1}/To Start, Hold Remote Near Start Button^{*2} (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa/Để khởi động, hãy giữ chìa khóa điều khiển từ xa gần nút khởi động) xuất hiện - Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu Tr. 485 - Đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa trong phạm vi hoạt động - Phạm vi hoạt động của nút ENGINE START/STOP Tr. 209
Bộ khởi động khởi động bình thường nhưng động cơ không khởi động. Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục ở cột bên phải và xử lý cho phù hợp.	Xem lại quy trình khởi động động cơ. Làm theo các hướng dẫn và thử khởi động lại động cơ. - Khởi động động cơ Tr. 272 Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy. Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ. - Hệ thống chống nổ máy Tr. 198 - Đèn báo hệ thống chống nổ máy Tr. 114 Kiểm tra mức nhiên liệu. Cần có đủ nhiên liệu trong bình. - Đồng hồ đo nhiên liệu Tr. 128 Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì hoặc đưa xe đến đại lý để kiểm tra. - Kiểm tra và thay cầu chì Tr. 516 Nếu sự cố vẫn còn: - Kéo xe khẩn cấp Tr. 517

Nếu bạn không thể khởi động động cơ sau khi đã kiểm tra tất cả các mục trong danh sách trên, hãy mang xe của bạn đến đại lý để kiểm tra.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nếu bạn cần khởi động xe ngay lập tức, hãy sử dụng xe hỗ trợ hoặc bình ắc-quy tăng cường để khởi động.

➤ **Nếu ắc-quy hết điện** Tr. 488

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** quá 15 giây.

Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu

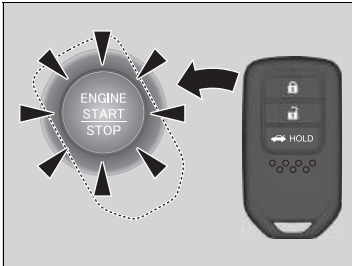
Nếu tiếng bíp vang lên, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy và động cơ sẽ không khởi động.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Thông báo **To start, touch start button with emblem side of remote**^{*1}/**To Start, Hold Remote Near Start Button**^{*2} (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa/Để khởi động, hãy giữ chìa khóa điều khiển từ xa gần nút khởi động) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Tất cả các loại xe

Khởi động động cơ như sau:



1. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

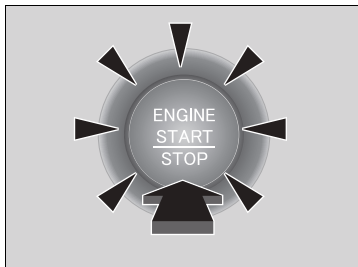
► Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy trong khoảng 30 giây.

2. Chạm vào giữa nút **ENGINE START/STOP** có biểu tượng chữ **H** trên chìa khóa điều khiển từ xa trong khi nút **ENGINE START/STOP** đang nhấp nháy. Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa phải quay về phía bạn.

► Tiếng bíp vang lên và nút **ENGINE START/STOP** sáng liên tục trong khoảng 10 giây.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B



3. Nhấn bàn đạp phanh (hộp số vô cấp) hoặc bàn đạp ly hợp (hộp số sàn) và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** sáng.

- Động cơ khởi động.
- Nếu không nhấn bàn đạp phanh, xe sẽ chuyển sang chế độ PHỤ KIẾN.

Dừng động cơ khẩn cấp

Có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong tình huống khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khóa. Tuy nhiên, vì việc tắt động cơ sẽ làm tắt nguồn điện mà động cơ cung cấp cho hệ thống lái và phanh, nên sẽ cần nhiều lực và thời gian hơn để lái và giảm tốc độ xe. Phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe và ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

Chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN khi động cơ dừng.

Để thay đổi chế độ sang TẮT MÁY, đặt hộp số ở số **P** sau khi xe dừng hoàn toàn.

Sau đó, ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe có hộp số sàn

Chế độ nguồn chuyển thành TẮT MÁY.

⚠ Dừng động cơ khẩn cấp

CHÚ Ý

Không ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ. Nếu ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ vang lên.

Quy trình kích nổ

Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.



1. Mở nắp che đầu cực trên cực dương ⊕ của ắc-quy xe.

Quy trình kích nổ

⚠ CẢNH BÁO

Ắc-quy có thể nổ nếu không làm theo đúng quy trình, gây chấn thương nặng cho bất kỳ ai ở gần ắc-quy.

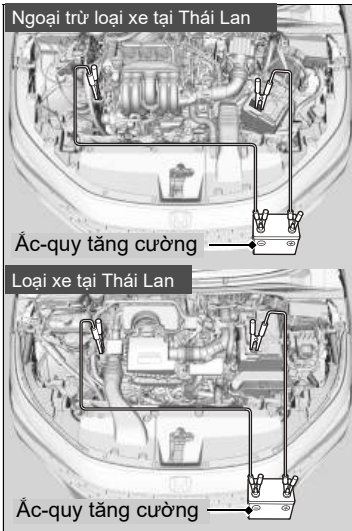
Không để ắc-quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

CHÚ Ý

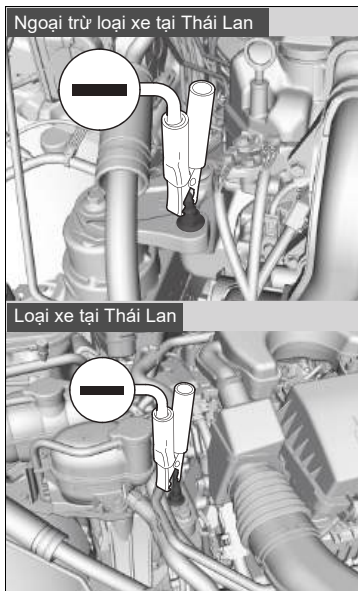
Nếu để ắc-quy trong điều kiện nhiệt độ cực lạnh, chất điện phân có thể bị đóng băng. Khởi động bằng ắc-quy nối ngoài bị đóng băng có thể gây đoản mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để không bị tuột ra khi động cơ rung. Cần thận không làm rời cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi gắn hoặc tháo các cáp nối ngoài.

Ắc-quy để trong điều kiện nhiệt độ thấp sẽ hoạt động kém hiệu quả và làm động cơ khó khởi động.



2. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực $\oplus$ của ắc-quy xe.
3. Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực $\oplus$ của ắc-quy tăng cường.
 - Chỉ sử dụng ắc-quy tăng cường loại 12 vôn.
 - Khi sử dụng bộ nạp ắc-quy ô tô để kích ắc-quy 12 vôn, chọn điện áp nạp dưới 15 vôn. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ nạp để cài đặt cho đúng.
4. Nối dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực $\ominus$ của ắc-quy tăng cường.



5. Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ hai vào gu đông như hình minh họa. Không nối dây cáp nối ngoài với bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu xe bạn được nối với xe khác, hãy khởi động động cơ của xe hỗ trợ và ga nhẹ.
7. Cố khởi động động cơ xe bạn. Nếu xe khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài đã được nối đúng và tiếp xúc tốt chưa.

■ Làm gì sau khi khởi động động cơ

Sau khi đã khởi động được động cơ, tháo các dây cáp nối ngoài theo trình tự sau.

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi gầm xe.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\ominus$ của ắc-quy tăng cường.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\oplus$ của ắc-quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\oplus$ của ắc-quy tăng cường.

Mang xe đến trạm sửa chữa xe gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

▣ Nếu ắc-quy hết điện

Đèn báo kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)*, hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA), **TẮT** hỗ trợ ổn định xe, hỗ trợ an toàn*, hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp*, Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS)*, và giảm thiểu chệch làn đường* có thể bật sáng màu hổ phách, cùng với thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn thành BẬT sau khi kết nối lại ắc-quy.

Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 dặm/giờ). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn không tắt, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

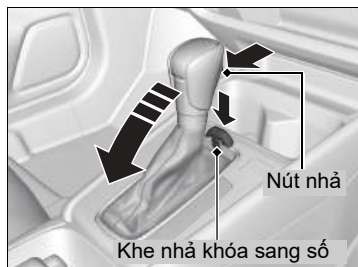
* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Không gạt được cần số

Loại xe có hộp số vô cấp

Làm theo quy trình dưới đây nếu bạn không thể gạt cần số ra khỏi vị trí **P**.

Nhả khóa



1. Đặt phanh đỗ.
2. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.
3. Cắm chìa khóa vào khe nhả khóa sang số.
4. Trong khi cắm chìa khóa vào, ấn nút nhả cần số và gạt cần số đến **N**.
 - Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.

Cách xử lý quá nhiệt

Các dấu hiệu quá nhiệt như sau:

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

- Đèn báo nhiệt độ cao bật sáng hoặc động cơ đột ngột giảm công suất.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

- Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.**^{*1}/**Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**^{*2}/**Engine Temperature Too Hot. Do Not Drive. Allow Engine To Cool.**^{*3} (Nhiệt độ động cơ quá cao. Không lái xe. Để động cơ nguội./Nhiệt độ động cơ quá cao. Để động cơ nguội./Nhiệt độ động cơ quá cao. Không lái xe. Để động cơ nguội) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Tất cả các loại xe

- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

■ Bước đầu tiên

- Đỗ ngay xe ở nơi an toàn.
- Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.
 - ▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:**
Đề động cơ chạy và mở nắp ca-pô.
 - ▶ **Có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:**
Tắt động cơ và đợi cho đến khi hơi nước hoặc tia nước không còn bắn ra.
Sau đó, mở nắp ca-pô.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

*3 : Loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

▣ Cách xử lý quá nhiệt

⚠ CẢNH BÁO

Hơi nước và tia nước bắn ra từ động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

Không mở nắp ca-pô khi có hơi nước đang bắn ra.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

CHÚ Ý

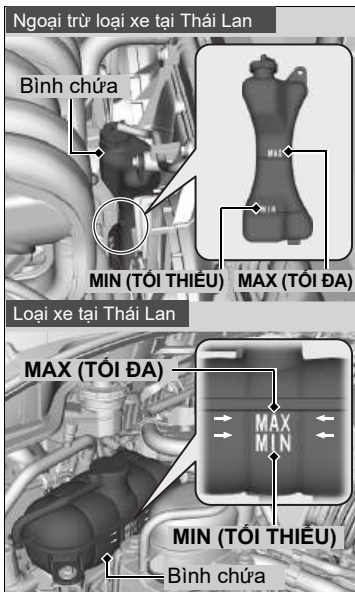
Tiếp tục lái xe khi đèn báo nhiệt độ cao sáng có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

CHÚ Ý

Tiếp tục lái xe với thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.**^{*1}/**Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**^{*2}/**Engine Temperature Too Hot. Do Not Drive. Allow Engine To Cool.**^{*3} (Nhiệt độ động cơ quá cao. Không lái xe. Để động cơ nguội./Nhiệt độ động cơ quá cao. Để động cơ nguội./Nhiệt độ động cơ quá cao. Không lái xe. Để động cơ nguội.) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái có thể làm hỏng động cơ.

Bước tiếp theo



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

- Kiểm tra xem quạt làm mát có đang hoạt động hay không và dừng động cơ ngay khi đèn báo nhiệt độ cao tắt.
 - Nếu quạt làm mát không hoạt động, phải tắt động cơ ngay.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

- Kiểm tra xem quạt làm mát có đang hoạt động hay không và dừng động cơ ngay khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.**^{*1}/**Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**^{*2}/**Engine Temperature Too Hot. Do Not Drive. Allow Engine To Cool.**^{*3} (Nhiệt độ động cơ quá cao. Không lái xe. Để động cơ nguội./Nhiệt độ động cơ quá cao. Để động cơ nguội./Nhiệt độ động cơ quá cao. Không lái xe. Để động cơ nguội.) trên màn hình giao diện thông tin cho người lái biến mất.
 - Nếu quạt làm mát không hoạt động, phải tắt động cơ ngay.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

*3 : Loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

► Cách xử lý quá nhiệt

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp két nước.

Loại xe tại Thái Lan

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp bình chứa khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp bình chứa.

Tất cả các loại xe

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy mang xe đến đại lý để súc rửa hệ thống bằng chất chống đông càng sớm càng tốt.

Tất cả các loại xe

2. Khi động cơ đã nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.

- Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, hãy đổ thêm nước làm mát đến vạch **MAX** (TỐI ĐA).

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

- Nếu không có nước làm mát trong bình chứa, kiểm tra xem két tản nhiệt có mát không. Bọc nắp két nước bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cổ lọc và đóng nắp lại.

Loại xe tại Thái Lan

- Nếu không có nước làm mát trong bình chứa, kiểm tra xem két tản nhiệt có mát không. Bọc nắp bình chứa bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cổ lọc và đóng nắp lại.

■ Bước cuối cùng

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Ngay khi động cơ đã nguội hẳn, hãy khởi động lại động cơ và kiểm tra đèn báo nhiệt độ cao.

Nếu đèn báo nhiệt độ cao tắt, hãy tiếp tục lái xe. Nếu đèn báo nhiệt độ cao vẫn sáng, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Ngay khi động cơ đã nguội hẳn, hãy khởi động lại động cơ.

Nếu thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.**^{*1}/**Engine Temperature Too Hot. Allow Engine To Cool.**^{*2}/**Engine**

Temperature Too Hot. Do Not Drive. Allow Engine To Cool.^{*3} (Nhiệt độ động cơ quá cao. Không lái xe. Để động cơ nguội./Nhiệt độ động cơ quá cao. Để động cơ nguội./Nhiệt độ động cơ quá cao. Không lái xe. Để động cơ nguội.) không xuất hiện, hãy tiếp tục lái xe. Nếu thông báo này lại xuất hiện, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

*3 : Loại xe tại Mexico có đồng hồ đo loại B

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nếu đèn báo áp suất dầu thấp sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Đèn sáng khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ Làm gì ngay khi đèn báo sáng

1. Đỗ ngay xe ở nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, hãy bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.
🔧 **Kiểm tra dầu** Tr. 417
3. Khởi động động cơ và kiểm tra đèn báo áp suất dầu thấp.
 - ▶ Đèn báo tắt: Tiếp tục lái xe.
 - ▶ Đèn báo không tắt trong vòng 10 giây: Dừng ngay động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

❗ Nếu đèn báo áp suất dầu thấp sáng

CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể khiến động cơ nhanh bị hỏng.

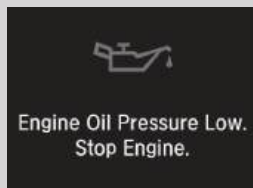
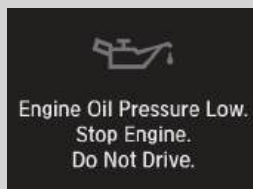
Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nền cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện

Loại xe có đồng hồ đo loại A



Loại xe có đồng hồ đo loại B



*1 : Loại xe tại Mexico

*2 : Ngoại trừ loại xe tại Mexico

*3 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*4 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

■ Nguyên nhân cảnh báo xuất hiện

Xuất hiện khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ Làm gì ngay khi cảnh báo xuất hiện

1. Đỗ ngay xe ở nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, hãy bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.

🔧 Kiểm tra dầu Tr. 417

3. Khởi động động cơ và kiểm tra xem cảnh báo **Engine oil pressure low**^{*3}/**Engine Oil Pressure Low**^{*4} (Áp suất dầu động cơ thấp) có biến mất hay không.

► Cảnh báo biến mất: Tiếp tục lái xe.

► Cảnh báo không biến mất:
Dừng ngay động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

►► Nền cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp xuất hiện

CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể khiến động cơ nhanh bị hỏng.

Nếu đèn báo Hệ thống nạp điện sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Đèn sáng khi Hệ thống nạp điện có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Tắt hệ thống sưởi* và làm mát*/hệ thống điều hòa không khí tự động*, sẩy kính sau và các hệ thống điện khác và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Dừng xe ở nơi an toàn và hãy mang xe ngay đến đại lý để kiểm tra.

▣ Nếu đèn báo Hệ thống nạp điện sáng

Nếu bạn cần dừng xe tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm nhanh hết điện ắc-quy.

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng khi hệ thống kiểm soát khí thải động cơ có sự cố.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh lái xe ở tốc độ cao và mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy, đợi ít nhất từ 10 phút trở lên từ khi động cơ dừng cho đến khi nguội.

Nếu đèn báo Hệ thống phanh (màu đỏ) sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Mức dầu phanh thấp.
- Hệ thống phanh có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng khi đang lái xe

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất phanh.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số bằng phanh động cơ để giảm tốc độ xe.

►► Nếu đèn báo sự cố sáng hoặc nhấp nháy

CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí xả và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, hãy lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ từ 50 km/h (31 dặm/giờ) trở xuống. Để đại lý kiểm tra xe.

►► Nếu đèn báo Hệ thống phanh (màu đỏ) sáng

Mang ngay xe đi sửa chữa.

Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm. Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn. Nếu cần, hãy giảm số.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp. Hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu cả đèn báo hệ thống phanh màu đỏ và màu hổ phách đều sáng, hãy dừng xe ở nơi an toàn và mang xe ngay đến đại lý để kiểm tra.

Nếu đèn báo Hệ thống trợ lực lái điện (EPS) sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng khi Hệ thống EPS có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

- Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.
Nếu đèn báo sáng và sáng liên tục, hãy mang ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

- Nếu **Do not drive**^{*1}/**Do Not Drive**^{*2} (Không lái xe) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý.

*1 : Loại xe có đồng hồ đo loại A

*2 : Loại xe có đồng hồ đo loại B

Loại xe có hệ thống cảnh báo xẹp lốp

Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng hoặc nhấp nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Áp suất lốp quá thấp, hoặc hệ thống cảnh báo xẹp lốp không được hiệu chỉnh. Nếu hệ thống cảnh báo xẹp lốp có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó sáng liên tục. Nếu xe được lắp lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời* đèn báo sẽ sáng hoặc nhấp nháy khoảng một phút rồi sáng liên tục.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định có ở nhãn trên thanh dọc cửa phía người lái.

- Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

► **Khởi tạo/Hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp** Tr. 303

Nếu lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời* làm đèn báo sáng, hãy thay sang lốp thông thường. Đèn báo tắt sau khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, rồi sáng liên tục

Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra lốp càng sớm càng tốt. Nếu lốp dự phòng cỡ nhỏ/tạm thời* làm đèn báo nhấp nháy rồi sáng liên tục, hãy thay sang lốp thông thường.

Đèn báo tắt sau khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp.

►► Nếu đèn báo hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp sáng hoặc nhấp nháy

CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp bị quá nhiệt và dẫn đến hư hỏng. Luôn bơm lốp xe đến mức quy định.

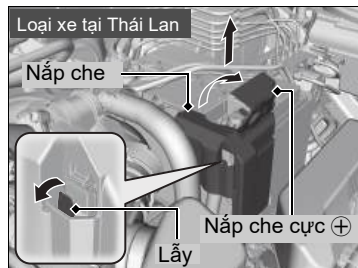
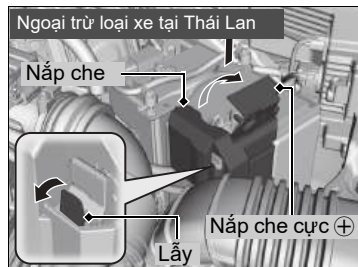
Vị trí cầu chì

Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

Có hai hộp cầu chì trong khoang động cơ.

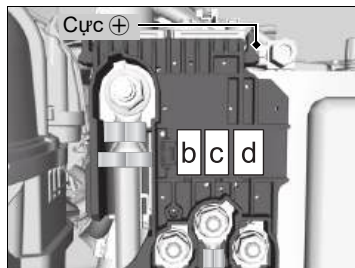
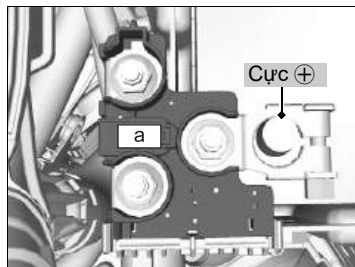
Hộp cầu chì khoang động cơ (Loại A)

Nằm gần cực $\oplus$ trên ắc-quy.

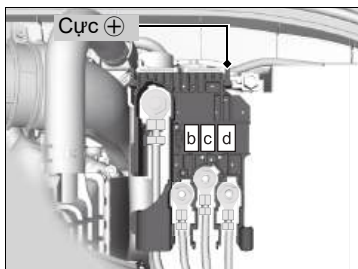
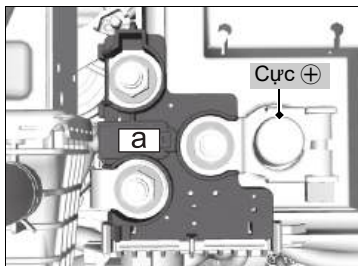


1. Mở nắp che cực $\oplus$.
2. Tháo nắp che bằng cách kéo lấy như hình minh họa.
Nên để đại lý thay cầu chì khoang động cơ.

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan



Loại xe tại Thái Lan



Tất cả các loại xe

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
a 	CHÍNH	100 A ^{*1} 150 A ^{*2}
b 	CHÍNH (QUẠT)	70 A
c 	CHÍNH (ĐỘNG CƠ)	80 A
d 	EPS	70 A

*1: Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

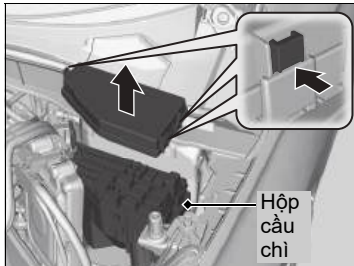
*2: Loại xe tại Thái Lan

■ Hộp cầu chì khoang động cơ (Loại B)

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

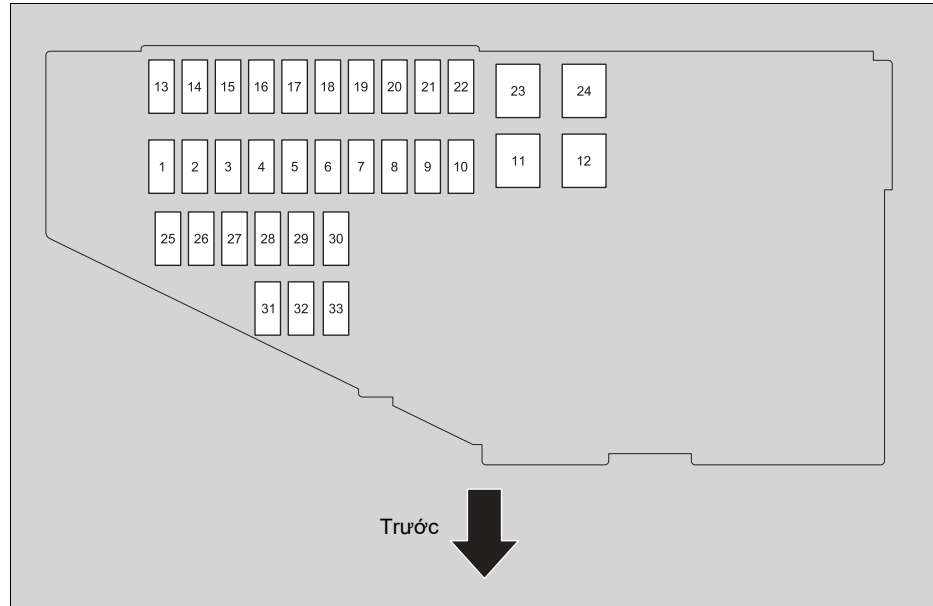
Nằm ở mặt sau của khoang động cơ ở phía bên trái.

Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.



Vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.



■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

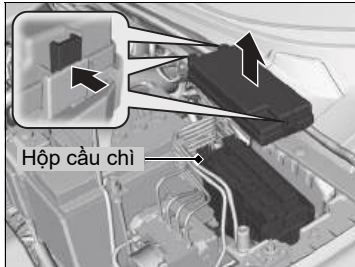
	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	Cần gạt nước	30 A
2	–	–
3	Nguy hiểm	10 A
4	Dừng	10 A
5	–	–
6	–	–
7	–	–
8	IGP	15 A
9	Cuộn IG	15 A
10	DBW	15 A
11	ABS/VSA MTR	40 A
12	QUẠT CHÍNH	30 A
13	CÔNG TẮC từ ST	30 A
14	Ly hợp MG	7,5 A
15	Cảm biến ắc-quy	7,5 A
16	Bộ điều khiển hộp số*	(10 A)
17	Dự phòng FI-ECU	10 A
18	Còi	10 A
19	–	–
20	–	–

	Mạch được bảo vệ	Ampe
21	Dự phòng chính*	(15 A)
22	Dự phòng	10 A
23	Quạt phụ*	(15 A)
24	ABS/VSA FSR	30 A
25	IGP2 Phụ	7,5 A
26	IGPS (LAF)	10 A
27	–	–
28	–	–
29	–	–
30	–	–
31	CHẶN ĐOÁN Khởi động	7,5 A
32	–	–
33	–	–

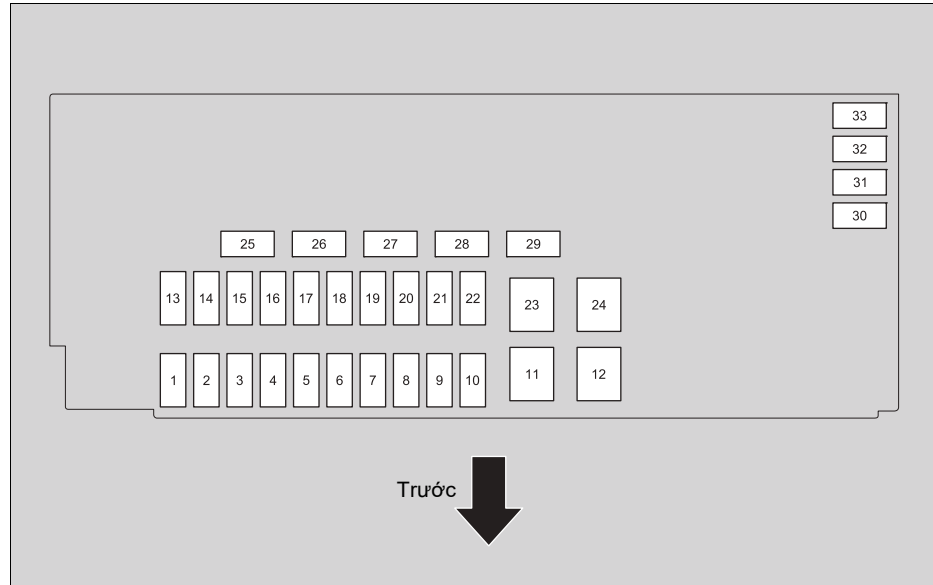
Loại xe tại Thái Lan

Nằm ở mặt sau của khoang động cơ ở phía bên trái.

Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.



Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.



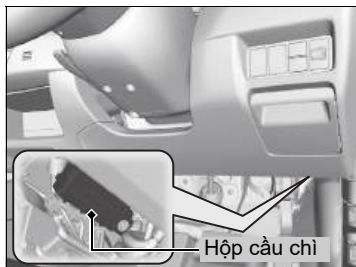
■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	–	–
2	EOP	20 A
3	Nguy hiểm	10 A
4	–	–
5	Cần gạt nước	30 A
6	Dừng	10 A
7	IGP	20 A
8	Cuộn IG	15 A
9	–	–
10	–	–
11	ABS/VSA MTR	40 A
12	Quạt chính	30 A
13	CÔNG TẮC từ ST	30 A
14	Ly hợp MG	7,5 A
15	Dự phòng FI-ECU	10 A
16	TCU	10 A
17	Bơm nước (làm mát) động cơ	10 A
18	Còi	10 A
19	–	–
20	IGP2	15 A

	Mạch được bảo vệ	Ampe
21	Dự phòng	10 A
22	–	–
23	Quạt phụ	30 A
24	ABS/VSA FSR	30 A
25	CHẨN ĐOÁN Khởi động	7,5 A
26	–	–
27	–	–
28	–	–
29	Dự phòng 2	30 A
30	–	–
31	IGP2 Phụ	7,5 A
32	–	–
33	–	–

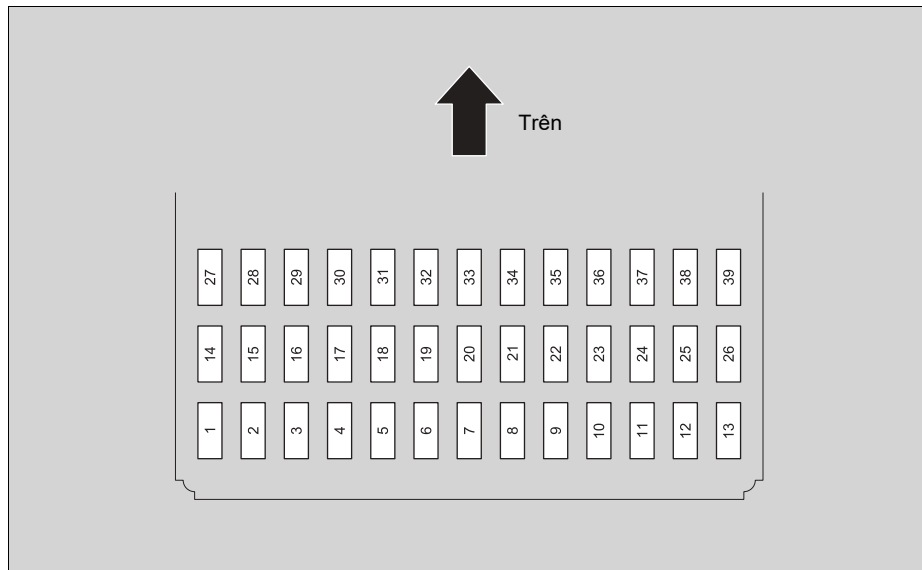
■ Hộp cầu chì A trong xe phía người lái

Nằm dưới bảng táp-lô.



Vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.



■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	Phụ kiện	7,5 A
2	Khóa chìa khóa phụ kiện	7,5 A
3	–	–
4	–	–
5	Tùy chọn	10 A
6	Tùy chọn 2	10 A
7	Đồng hồ đo	10 A
8	Bơm nhiên liệu	15 A
9	A/C	10 A
10	Ổ cắm phụ kiện sau*	(20 A)
11	Giám sát	5 A
12	Khóa cửa bên phải	10 A
13	Mở khóa cửa bên trái	10 A
14	Cửa kính điện trái sau	20 A
15	Cửa kính điện hành khách trước	20 A
16	Khóa cửa	20 A
17	Bộ điều khiển hộp số	10 A
18	–	–
19	Cửa sổ trời*	(20 A)
20	Ngắt khởi động	7,5 A

	Mạch được bảo vệ	Ampe
21	ACG	(10 A) ^{*1} (15 A) ^{*2}
22	Đèn ban ngày	7,5 A
23	Đèn sương mù phía sau*	(10 A)
24	Tùy chọn	7,5 A
25	Khóa cửa người lái*	(10 A)
26	Mở khóa cửa bên phải	10 A
27	Cửa kính điện phải sau	20 A
28	Cửa kính điện người lái	20 A
29	Ổ cắm phụ kiện trước	20 A
30	Thông minh*	(10 A)
31	USB*	(10 A)
32	Bộ thông gió ghế*	(20 A)
33	–	–
34	ABS/VSA	10 A
35	SRS	10 A
36	–	–
37	IMG*	(10 A)
38	Khóa cửa bên trái	10 A
39	Mở khóa cửa người lái*	(10 A)

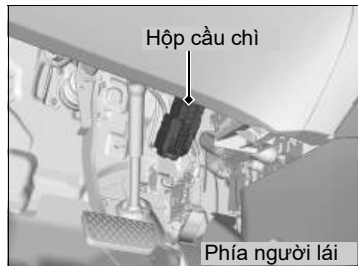
*1: Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

*2: Loại xe tại Thái Lan

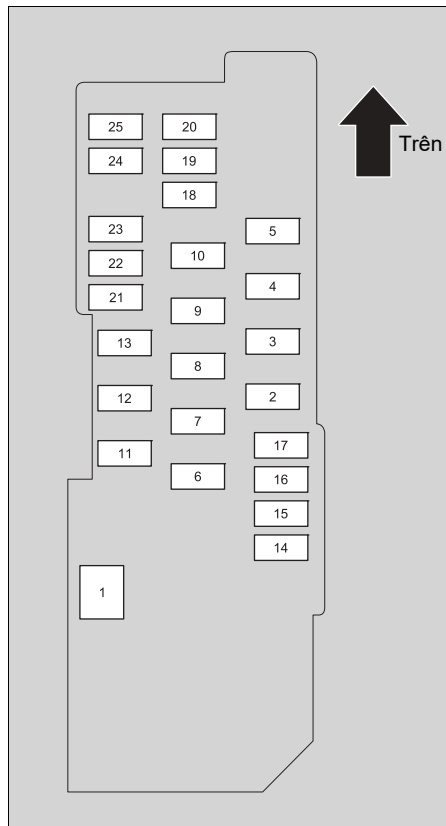
Loại xe có vô lăng bên trái

■ Hộp cầu chì B trong xe phía người lái

Nằm dưới bảng táp-lô.



Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.



■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	Hộp cầu chì chính 1 ^{*1}	60 A
2	IG Chính	30 A
3	IG Chính 2	30 A
4	Mô-đun rơ-le 1	30 A
5	Mô-đun rơ-le 2	30 A
6	Hộp cầu chì chính 2	40 A
7	Hộp cầu chì tự chọn*	(40 A)
8	–	–
9	–	–
10	–	–
11	–	–
12	Mô-tơ bộ sưởi	30 A
13	Hệ thống sấy kính sau	(30 A)* (40 A)*
14	SRS	10 A
15	–	–

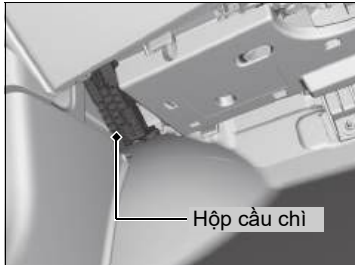
	Mạch được bảo vệ	Ampe
16	–	–
17	–	–
18	Ổ cắm PHỤ KIỆN (Trung tâm 2)*	(20 A)
19	Sạc USB*	(10 A)
20	–	–
21	Rửa kính	15 A
22	–	–
23	–	–
24	–	–
25	–	–

*1: Nên để đại lý thay cầu chì này.

Loại xe có vô lăng bên phải

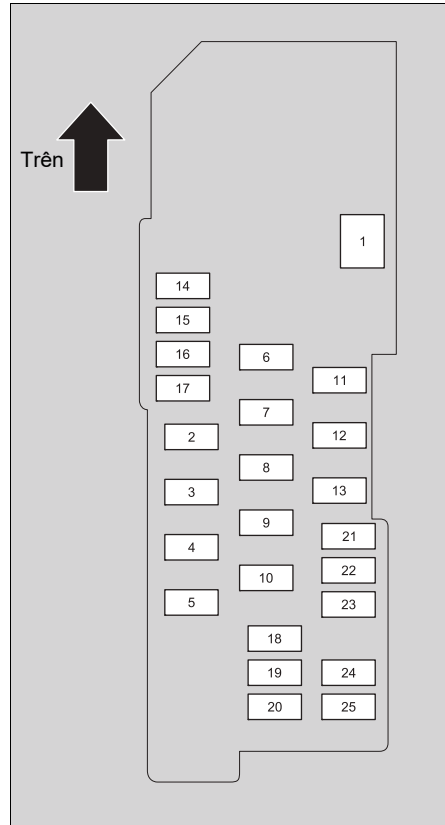
■ Hộp cầu chì A trong xe phía hành khách

Nằm dưới bảng táp-lô.



Vị trí cầu chì được mô tả trong hình minh họa dưới đây.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.



■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	Hộp cầu chì chính 1*1	60 A
2	IG Chính	30 A
3	IG Chính 2	30 A
4	Mô-đun rơ-le 1	30 A
5	Mô-đun rơ-le 2	30 A
6	Hộp cầu chì chính 2	40 A
7	Hộp cầu chì tự chọn*	(40 A)
8	–	–
9	Mô-tơ trợ lực*	(40 A)
10	DC/DC1*	(30 A)
11	–	–
12	Mô-tơ bộ sườn	30 A
13	Hệ thống sấy kính sau*	(30 A)
14	SRS	10 A
15	–	–

	Mạch được bảo vệ	Ampe
16	–	–
17	–	–
18	Ổ cắm PHỤ KIỆN (Trung tâm 2)*	(20 A)
19	Sạc USB*	(10 A)
20	Tự động thu hồi*	(7,5 A)
21	Rửa kính	15 A
22	–	–
23	–	–
24	–	–
25	–	–

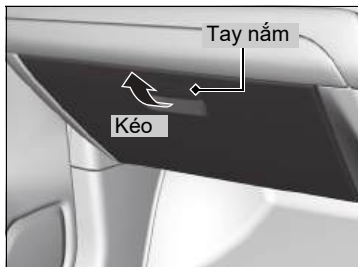
*1: Nên để đại lý thay cầu chì này.

Loại xe tại Thái Lan

■ Hộp cầu chì B trong xe phía hành khách

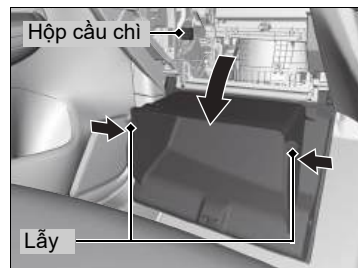
Nằm dưới bảng táp-lô.

1. Mở hộp đựng đồ.

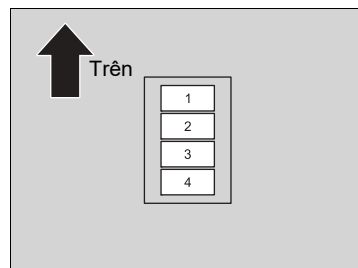


2. Ấn hai bên tấm ốp để tháo hai lẫy.

3. Xoay hộp đựng đồ ra khỏi vị trí.



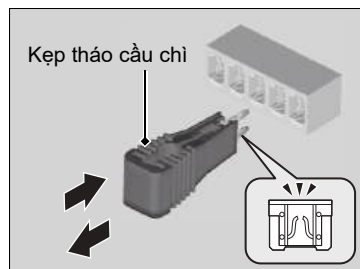
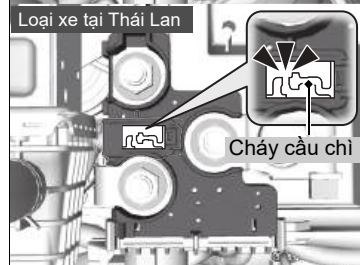
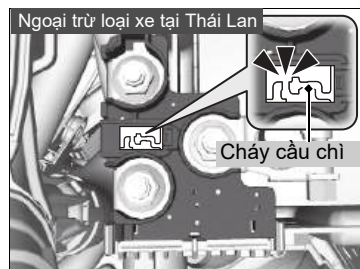
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình và sơ đồ dưới đây.



■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch được bảo vệ	Ampe
1	VST ngắt PHỤ KIỆN	7,5 A
2	–	–
3	VST IG1-1	7,5 A
4	Dự phòng 2 Chính	15 A

Kiểm tra và thay cầu chì



1. Đặt chế độ nguồn thành TẮT MÁY. Tắt các đèn chiếu sáng và tắt cả các phụ kiện.
2. Tháo vỏ hộp cầu chì.
3. Kiểm tra các cầu chì lớn trong khoang động cơ.
 - Nếu cầu chì bị cháy, hãy để đại lý thay thế.

4. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong khoang động cơ và bên trong xe.
 - Nếu có cầu chì bị cháy, tháo cầu chì bằng kẹp tháo cầu chì có bán trên thị trường và thay cái mới.

►► Kiểm tra và thay cầu chì

CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng.

Sử dụng sơ đồ để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định.

► **Vị trí cầu chì** Tr. 503

Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.

Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

■ Thiết bị kéo sàn phẳng

Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.

Đây là cách tốt nhất để vận chuyển xe của bạn.

■ Thiết bị nâng bánh xe

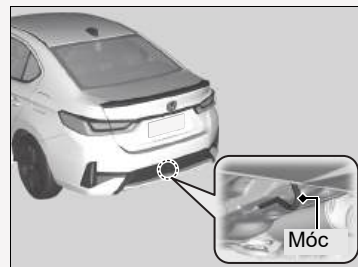
Xe kéo sử dụng hai thanh nâng đặt dưới lốp trước và nâng chúng lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

» Kéo xe khẩn cấp

CHÚ Ý

Cố nâng hoặc kéo xe bằng tấm cân sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cân không có chức năng nâng đỡ trọng lượng của xe.

Không sử dụng móc ở phía sau xe của bạn để kéo các xe khác hoặc di dời khẩn cấp xe của bạn. Móc có thể bị gãy. Nếu xe của bạn cần được kéo lùi, hãy liên hệ với đại lý hoặc dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp.

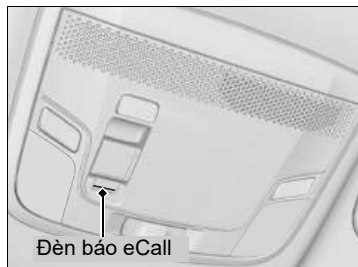


CHÚ Ý

Kéo xe không đúng cách như kéo bằng nhà di động hoặc bằng xe khác có thể làm hỏng hộp số.

Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích. Kéo xe bằng dây thừng hoặc xích rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể lắt từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt.

Cuộc gọi khẩn cấp tự động



- Số nhận dạng xe (VIN)
- Loại xe (xe chở khách hoặc xe tải loại nhỏ)
- Loại nhiên liệu xe sử dụng (xăng/diesel/CNG/LPG/điện/hydro)
- Ba điểm đến gần đây nhất của xe
- Hướng di chuyển
- Chế độ khởi động (tự động hoặc bằng tay)
- Mốc thời gian

Khi bắt đầu cuộc gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của tổng đài viên.

Khi đặt chế độ nguồn thành BẬT, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục trong 1 giây, sau đó chuyển sang màu đỏ trong 1 giây.

Nếu xe xảy ra va chạm, hệ thống sẽ cố gắng kết nối với tổng đài Điểm Trả lời An toàn Công cộng (PSAP). Khi kết nối thành công, một số thông tin về xe sẽ được gửi đến tổng đài PSAP người mà bạn có thể nói chuyện cùng. Những thông tin đó bao gồm:

❏ Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*

Xe của bạn được trang bị hệ thống dịch vụ eCall 999.

Dịch vụ eCall 999 là dịch vụ công cộng vì lợi ích chung và miễn phí truy cập.

Hệ thống eCall 999 trên xe hoạt động khi chế độ nguồn được đặt ở BẬT. Khi xảy ra va chạm, hệ thống sẽ xác định mức độ va chạm dựa vào thông tin thu được từ các cảm biến trên xe, sau đó kích hoạt chức năng gọi khẩn cấp tùy thuộc vào mức độ va chạm đó.

Hệ thống eCall 999 trên xe cũng có thể được kích hoạt thủ công nếu cần.

❏ Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút Tr. 520

Bất kỳ hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân nào thông qua hệ thống eCall 999 trên xe đều phải tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định trong Chỉ thị 95/46/EC (được thay thế bởi Chỉ thị 2016/679/EC) và 2002/58/EC và đặc biệt, phải dựa trên sự cần thiết phải bảo vệ lợi ích thiết yếu của các cá nhân theo Điều 7(d) của Chỉ thị 95/46/EC (được thay thế bởi Chỉ thị 2016/679/EC).

Việc xử lý dữ liệu cá nhân bị giới hạn nghiêm ngặt chỉ cho mục đích chỉ định của số điện thoại khẩn cấp 999 chung của Châu Âu hoặc khu vực khác.

Nếu hệ thống eCall hoạt động bình thường, đèn báo sẽ sáng màu xanh lục.

- Màu xanh lục: Hệ thống eCall đã sẵn sàng.
- Nhấp nháy màu xanh lục: Hệ thống eCall được kết nối và đang thực hiện cuộc gọi eCall với tổng đài PSAP.
- Nhấp nháy màu đỏ ngắt quãng liên tục: Lỗi kết nối hệ thống eCall với tổng đài. Đèn báo eCall sẽ tiếp tục nhấp nháy như vậy trong 30 giây, sau đó sẽ sáng màu xanh lục.

Nếu hệ thống eCall 999 bị vô hiệu hóa trong trường hợp xảy ra lỗi hệ thống nghiêm trọng, cảnh báo sau sẽ được đưa ra cho người ngồi trong xe:

- Đèn báo sáng đỏ hoặc đen hoàn toàn: Hệ thống eCall có sự cố. Nếu đèn báo tiếp tục sáng đỏ hoặc tắt lịm ngay cả khi bạn đã khởi động lại xe, hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
- Đèn báo nhấp nháy đỏ: Điện áp ắc-quy dự phòng ở mức cực thấp. Khi nguồn ở BẬT, ắc-quy sẽ tiến hành nạp lại điện. Khi ắc-quy được nạp đến một mức nhất định, đèn báo eCall sẽ sáng màu xanh lục.

►► Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*

Bên nhận dữ liệu được xử lý bởi hệ thống 999-eCall trên xe là các điểm tiếp nhận an toàn công cộng có liên quan được chỉ định bởi các cơ quan công quyền tương ứng của quốc gia nơi các điểm tiếp nhận đặt trụ sở và là những bên đầu tiên nhận được dữ liệu và là những nơi được chỉ định cho số điện thoại khẩn cấp 999 chung của Châu Âu hoặc khu vực khác.

Xe của bạn KHÔNG thể kết nối với tổng đài PSAP nếu:

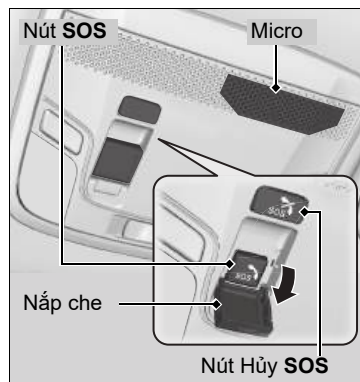
- Cả ắc-quy 12 V và ắc-quy dự phòng đều quá yếu.
- Xe của bạn nằm ngoài vùng phủ sóng di động.
- Hệ thống eCall hoặc thiết bị ngoại vi của hệ thống như micro hoặc loa có sự cố.

Ắc-quy dự phòng có tuổi thọ ít nhất 3 năm, sau đó có thể cần phải thay thế.

Ắc-quy dự phòng không có sẵn trên thị trường. Hãy đến đại lý để thay thế.

Không thể sử dụng chức năng này trong các khu vực mà eCall không khả dụng.

Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút



Nếu cần gọi khẩn cấp, bạn có thể kết nối bằng cách: Ấn và giữ nút **SOS** trong hơn 0,5 giây.

Để hủy cuộc gọi, ấn nút hủy **SOS** trong hơn 0,5 giây, trong vòng 5 giây tính từ khi ấn nút **SOS**.

Nút **SOS** có nắp che bảo vệ. Mở nắp che ra để ấn nút.

Khi bắt đầu cuộc gọi khẩn cấp, loa của xe sẽ tắt để bạn có thể nghe thấy tiếng của tổng đài viên.

► Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp bằng cách ấn nút

KHÔNG ấn nút khi bạn đang lái xe. Nếu bạn cần liên hệ với tổng đài, hãy đỗ xe ở nơi an toàn trước khi thực hiện cuộc gọi.

Nếu hệ thống eCall không thể kết nối với tổng đài PSAP ở lần gọi đầu tiên, hãy gọi lại cho đến khi kết nối thành công. Tuy nhiên, hệ thống sẽ không thể kết nối được nữa sau 2 phút tính từ lần gọi đầu tiên.

Khi hệ thống đã kết nối với tổng đài, bạn không thể hủy cuộc gọi bằng nút hủy **SOS**.

►► Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*

Quyền riêng tư dữ liệu

Hệ thống eCall 999 trên xe được thiết kế để đảm bảo:

- Dữ liệu có trong bộ nhớ hệ thống không được sao lưu ra bên ngoài hệ thống trước khi eCall hoạt động.
- Không thể truy xuất hoặc theo dõi liên tục hệ thống khi hệ thống đang hoạt động bình thường.
- Dữ liệu trong bộ nhớ trong của hệ thống được xóa tự động và liên tục.

Để hệ thống hoạt động bình thường, dữ liệu vị trí của xe liên tục được ghi đè vào bộ nhớ trong của hệ thống. Vì vậy, ba điểm đến gần đây nhất của xe được cập nhật liên tục.

Nhật ký dữ liệu hoạt động trong hệ thống eCall 999 trên xe chỉ được lưu giữ trong khoảng thời gian cần thiết nhằm mục đích xử lý cuộc gọi eCall khẩn cấp và thường được lưu không quá 13 giờ kể từ thời điểm bắt đầu thực hiện cuộc gọi khẩn cấp eCall.

►► Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*

Quyền của chủ xe

Chủ thể dữ liệu (chủ sở hữu xe) có quyền truy cập dữ liệu và nếu phù hợp, có quyền yêu cầu chỉnh sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu liên quan đến mình, mà việc xử lý dữ liệu đó không tuân thủ các quy định của Chỉ thị số 95/46/EC (được thay thế bởi Chỉ thị số 2016/679/EC).

Bất kỳ bên thứ ba nào được tiết lộ về dữ liệu phải được thông báo về việc sửa, xóa hoặc chặn dữ liệu tuân theo đúng Chỉ thị này, trừ khi chứng minh được việc thông báo là không thể hoặc không cần thiết.

Chủ thể dữ liệu có quyền khiếu nại với cơ quan bảo vệ dữ liệu có thẩm quyền nếu chủ thể thấy rằng quyền của họ bị xâm phạm trong quá trình xử lý dữ liệu cá nhân.

Thông tin dịch vụ eCall của Honda:
Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào về eCall, hãy liên hệ với văn phòng dịch vụ tại quốc gia nơi bạn đang cư trú. Xem sổ bảo dưỡng để biết danh sách văn phòng.

Thông tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng xe và các thông tin khác theo quy định.

Thông số kỹ thuật	524
Số nhận dạng	
Số nhận dạng xe (VIN), Số máy và Số hộp số	529
Thiết bị phát sóng vô tuyến*	531
Giấy phép mã nguồn mở	537

■ Thông số kỹ thuật của xe

Loại xe	CITY
Khối lượng không tải của xe	1.099-1.119 kg ^{*1}
	1.111-1.118 kg ^{*2}
	1.113-1.124 kg ^{*3}
	1.123-1.168 kg ^{*4}
	1.126-1.146 kg ^{*5, *6}
	1.110-1.134 kg ^{*7}
	1.117-1.133 kg ^{*8}
	1.113-1.120 kg ^{*9}
	1.133-1.136 kg ^{*10}
	1.144 kg ^{*11}
Trọng tải tối đa cho phép	1.580 kg
Tải trọng trực tối đa cho phép	Trước 850 kg ^{*12}
	880 kg ^{*11}
	Sau 715 kg ^{*11}
	735 kg ^{*12}

*1: Loại xe tại Philippines, Lào và Campuchia

*2: Loại xe có vô lăng bên trái tại Châu Mỹ La-tinh, ngoại trừ loại xe tại Mexico

*3: Loại xe tại Bangladesh, Brunei và Singapore

*4: Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

*5: Loại xe tại Trung Đông

*6: Loại xe tại Châu Phi

*7: Loại xe tại Việt Nam

*8: Loại xe tại Malaysia

*9: Loại xe có vô lăng bên phải tại Châu Mỹ La-tinh

*10: Loại xe tại Mexico

*11: Loại xe tại Thái Lan

*12: Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

■ Thông số kỹ thuật của động cơ

Loại	Động cơ DOHC 3 xy-lanh thẳng hàng làm mát bằng nước ^{*1}	
	Động cơ DOHC 4 xy-lanh thẳng hàng làm mát bằng nước ^{*2}	
Đường kính x Hành trình piston	73,0 x 78,7 mm ^{*1} 73,0 x 89,5 mm ^{*2}	
Dung tích	988 cm ³ *1 1.498 cm ³ *2	
Tỷ số nén	10,0:1 ^{*1} 10,6:1 ^{*2}	
Bugi	NGK	ILZKAR8H8S ^{*1} DILZKAR7C11H ^{*2}
	DENSO	DXE22HCR11H ^{*2}
Công suất tối đa ^{*3}	89 kW (119 HP)/6.600 vòng/phút	
Mô-men xoắn tối đa ^{*3}	145 N·m (14,8 kgf·m)/4.300 vòng/phút	
Tốc độ tối đa ^{*3}	190 km/h	

*1: Loại xe tại Thái Lan

*2: Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

*3: Loại xe tại Bahrain, Iraq, Kuwait, Oman, Qatar, Ả Rập Xê-út và các tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất

■ Nhiên liệu

Loại	Xăng không chì/xăng pha cồn lên tới E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Octan 91 trở lên ¹
	Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên ²
	Xăng cao cấp không chì/xăng pha cồn lên tới E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Octan 95 trở lên ³
Dung tích bình nhiên liệu	40 L

*1: Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

*2: Ngoại trừ loại xe tại Ấn Độ, Bhutan, Nepal và Thái Lan

*3: Loại xe tại Thái Lan

■Ắc-quy

Dung lượng	27AH(5)30AH(20) ^{*1}
	28AH(5)35AH(20) ^{*2}
	48AH(5)60AH(20) ^{*3}

*1: Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan và Mexico

*2: Loại xe tại Mexico

*3: Loại xe tại Thái Lan

Loại xe tại Thái Lan

Dùng động cơ tạm thời:

Ắc-quy lắp trên xe này được thiết kế đặc biệt cho loại xe có chức năng Tự động dừng động cơ tạm thời. Nếu bạn cần thay ắc-quy, hãy đảm bảo chọn loại ắc-quy được chỉ định (LN2 EFB). Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

■ Nước rửa kính

Dung tích bình chứa	1,8 L
---------------------	-------

■ Bóng đèn

Đèn chiếu sáng (Chiều xa/gần)	LED
Đèn xi nhan phía trước	LED
Đèn vị trí/đèn ban ngày	LED
Đèn lưới tản nhiệt*	LED
Đèn xi nhan bên (trên chắn bùn trước)*	5 W Màu hổ phách (WY5W)
Đèn xi nhan bên (trên gương cửa)*	LED
Đèn phanh	LED
Đèn hậu/Đèn đánh dấu bên hông phía sau	LED
Đèn hậu	LED
Đèn xi nhan phía sau	21 W Màu hổ phách (WY21W)
Đèn lùi	16 W (W16W)
Đèn sương mù sau*	LED
Đèn phanh cao	LED
Đèn biển số sau	5 W (W5W)
Đèn trong xe	
Đèn đọc sách phía trước	8 W ^{*1} LED ^{*2}
Đèn đọc sách phía sau*	LED
Đèn viền*	LED
Đèn trần*	8 W ^{*3} LED ^{*4}
Đèn hộp đựng đồ trung tâm	LED
Đèn cốp	5 W
Đèn chỗ để chân*	LED
Đèn hộp đựng đồ ở cửa*	LED
Đèn tay nắm cửa bên trong*	LED

*1: Loại xe không có đèn LED đọc sách phía trước

*2: Loại xe có đèn LED đọc sách phía trước

*3: Loại xe không có đèn trần LED

*4: Loại xe có đèn trần LED

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

■ Điều hòa không khí

Loại môi chất lạnh	HFC-134a (R-134a)
Khối lượng nạp	355 - 405 g ^{*1} 395 - 445 g ^{*2}

*1: Loại xe tại Thái Lan

*2: Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

■ Dầu phanh/ly hợp*

Chỉ định	Dầu phanh đạt chuẩn DOT 3 hoặc DOT 4
----------	--------------------------------------

■ Dầu hộp số sàn*

Chỉ định	Honda MTF
Dung tích	Thay 1,4 L

■ Dầu hộp số vô cấp*

Chỉ định	Honda HCF-2
Dung tích	Thay 2,8 L

■ Dầu động cơ

Khuyến nghị	Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan	
	· DẦU Động cơ Honda #1.0 · DẦU Honda Green · Dầu động cơ Honda Genuine Motor Oil 0W-16, 0W-20, 5W-30 · Dầu ACEA A5/B5, đạt API cấp SN hoặc cấp cao hơn 0W-16, 0W-20, 5W-30	
	Loại xe tại Thái Lan	
	· Dầu động cơ Honda Genuine Motor Oil 0W-20, 0W-30, 5W-30 · Dầu ACEA A5/B5, đạt API cấp SN hoặc cấp cao hơn 0W-20, 0W-30, 5W-30	
Dung tích	Thay	3,1 L ^{*1}
		3,5 L ^{*2}
	Thay cả lọc	3,3 L ^{*1} 3,8 L ^{*2}

*1: Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

*2: Loại xe tại Thái Lan

■ Nước làm mát động cơ

Chỉ định	Chất chống đông Honda Antifreeze/ Coolant Type 2 dành cho mọi mùa
Tỷ lệ	50/50 với nước cất
Loại xe có vỏ láng bên phải	
Dung tích	3,53 L ^{*1} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
	3,67 L ^{*2} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
	5,19 L ^{*3} (thay cả 0,6 L còn lại trong bình chứa)
Loại xe có vỏ láng bên trái	
Dung tích	3,85 L ^{*4} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
	3,86 L ^{*5} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
	3,88 L ^{*6} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
	3,98 L ^{*7, *8} (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)

- *1: Loại xe có hộp số sàn
*2: Loại xe có hộp số vô cấp ngoại trừ loại xe tại Thái Lan
*3: Loại xe tại Thái Lan
*4: Loại xe tại Bahrain, Iraq, Kuwait, Oman, Qatar, Ả Rập Xê-út và các tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất
*5: Loại xe tại Mexico
*6: Loại xe tại Ghana, Benin, Bờ Biển Ngà, Tunisia, Ai Cập, Jordan và Li-băng
*7: Loại xe tại Châu Mỹ La-tinh ngoại trừ Mexico
*8: Loại xe tại Đông Nam Á

■ Lốp xe

Thường	Kích thước ^{*1}	185/60R15 84H 185/55R16 83H 185/55R16 87H
	Áp suất	Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Lốp dự phòng cỡ nhỏ [*]	Kích thước ^{*1}	T135/80D15 99M T135/80D15 100M
	Áp suất kPa (bar) psi	420 (4,2) 60
Lốp dự phòng tạm thời [*]	Kích thước	185/60R15 84H
	Áp suất	Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Dự phòng [*] (Lốp kích cỡ tiêu chuẩn)	Kích thước ^{*1}	185/60R15 84H 185/55R16 87H
	Áp suất	Giống lốp thông thường. Xem nhãn trên thanh dọc cửa người lái.
Kích thước bánh xe	Thường	15 x 6J ^{*2} 16 x 6J ^{*3}
	Lốp dự phòng cỡ nhỏ [*]	15 x 4T
	Lốp dự phòng tạm thời [*]	15 x 5 1/2J
	Lốp dự phòng kích cỡ tiêu chuẩn [*]	15 x 6J ^{*2} 16 x 6J ^{*3}

- *1: Kích thước lốp ban đầu có trên nhãn thông tin lốp xe trên thanh dọc cửa người lái.
*2: Loại xe có bánh xe 15 inch
*3: Loại xe có bánh xe 16 inch

Chỉ loại xe tại Ấn Độ

Lốp được lắp trên xe đáp ứng yêu cầu của BIS và tuân thủ các yêu cầu theo quy tắc xe cơ giới trung ương (CMVR) năm 1989.

■ Phanh

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa phanh thông gió
Sau	Đĩa phanh đặc ^{*1, *2} Tang trống ^{*3}
Đỗ xe	Phanh cơ

- *1: Loại xe tại Malaysia có bánh xe 16 inch
*2: Loại xe tại Việt Nam có hệ thống mở cửa không chia khóa
*3: Loại xe khác

■ Kích thước xe

Loại xe tại Malaysia

Chiều dài	4.577 mm ^{*1}
	4.594 mm ^{*2}
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.467 mm
Chiều dài cơ sở	2.591 mm
Vệt bánh xe	Trước 1.496 mm ^{*3}
	1.497 mm ^{*4}
	Sau 1.483 mm ^{*3}
	1.485 mm ^{*4}

- *1: Loại xe không có cánh gió cốp xe
*2: Loại xe có cánh gió cốp xe
*3: Loại xe có bánh xe 15 inch
*4: Loại xe có bánh xe 16 inch

Loại xe tại Philippines, Lào và Campuchia

Chiều dài	4.577 mm ^{*1}
	4.594 mm ^{*2}
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.456 mm
Chiều dài cơ sở	2.588 mm
Vệt bánh xe	Trước 1.497 mm
	Sau 1.485 mm

- *1: Loại xe không có cánh gió cốp xe
*2: Loại xe có cánh gió cốp xe

Loại xe tại Việt Nam

Chiều dài	4.577 mm ^{*1}
	4.594 mm ^{*2}
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.467 mm
Chiều dài cơ sở	2.600 mm
Vệt bánh xe	Trước 1.495 mm
	Sau 1.485 mm

- *1: Loại xe không có cánh gió cốp xe
*2: Loại xe có cánh gió cốp xe

Loại xe tại Trung Đông và Châu Phi

Chiều dài	4.606 mm
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.458 mm ^{*1, *2}
	1.467 mm ^{*3, *4}
Chiều dài cơ sở	2.590 mm ^{*1, *2}
	2.600 mm ^{*3, *4}
Vệt bánh xe	Trước 1.495 mm ^{*3, *4}
	1.496 mm ^{*1, *2}
	Sau 1.483 mm

- *1: Loại xe tại Ghana, Benin, Bờ Biển Ngà, Tunisia và Ai Cập
*2: Loại xe tại Jordan và Li-băng không có bộ làm mát dầu hộp số vô cấp
*3: Loại xe tại Bahrain, Iraq, Kuwait, Oman, Qatar, Ả Rập Xê-út và các tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất
*4: Loại xe tại Jordan và Li-băng có bộ làm mát dầu hộp số vô cấp

Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan và Nepal

Chiều dài	4.594 mm
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.489 mm
Chiều dài cơ sở	2.600 mm
Vệt bánh xe	Trước 1.496 mm
	Sau 1.484 mm

Loại xe có vô lăng bên phải tại Châu Mỹ La-tinh

Chiều dài	4.588 mm
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.477 mm
Chiều dài cơ sở	2.600 mm

Loại xe có vô lăng bên trái tại Châu Mỹ La-tinh ngoại trừ loại xe tại Mexico

Chiều dài	4.588 mm
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.477 mm
Chiều dài cơ sở	2.600 mm
Vệt bánh xe	Trước 1.494 mm
	Sau 1.483 mm

Loại xe tại Bangladesh, Brunei và Singapore

Chiều dài	4.577 mm ^{*1}
	4.594 mm ^{*2}
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.467 mm
Chiều dài cơ sở	2.600 mm
Vệt bánh xe	Trước 1.495 mm
	Sau 1.483 mm

*1: Loại xe không có cánh gió cốp xe

*2: Loại xe có cánh gió cốp xe

Loại xe tại Mexico

Chiều dài	4.594 mm
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.477 mm
Chiều dài cơ sở	2.591 mm
Vệt bánh xe	Trước 1.497 mm
	Sau 1.483 mm

Loại xe tại Thái Lan

Chiều dài	4.577 mm
Chiều rộng	1.748 mm
Chiều cao	1.467 mm
Chiều dài cơ sở	2.589 mm
Vệt bánh xe	Trước 1.495 mm
	Sau 1.483 mm

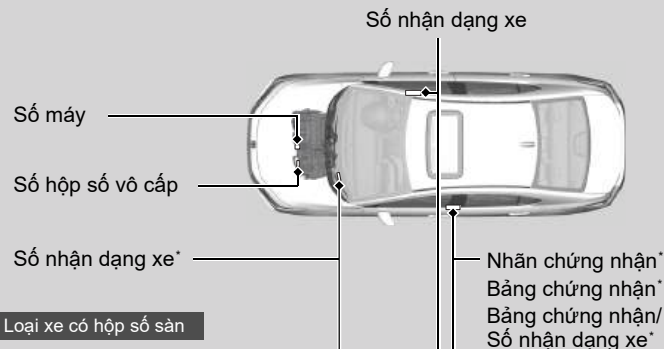
Số nhận dạng xe (VIN), Số máy và Số hộp số

Xe bạn có số nhận dạng (VIN) 17 ký tự dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp phép phương tiện và bảo hiểm.

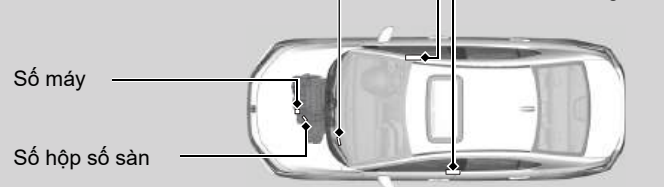
Vị trí của số VIN, số máy và số hộp số được minh họa như hình dưới đây.

Ngoại trừ loại xe tại Thái Lan

Loại xe có hộp số vô cấp



Loại xe có hộp số sàn



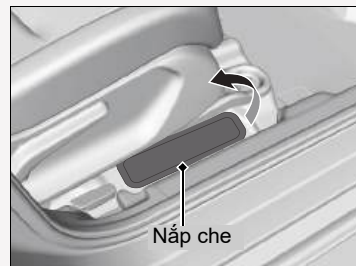
❗Số nhận dạng xe (VIN), Số máy và Số hộp số

Số nhận dạng xe (VIN) bên trong xe nằm ở bên dưới nắp che.

Loại xe có vô lăng bên phải tại Đông Nam Á và Châu Mỹ Latinh

Loại xe tại Bangladesh

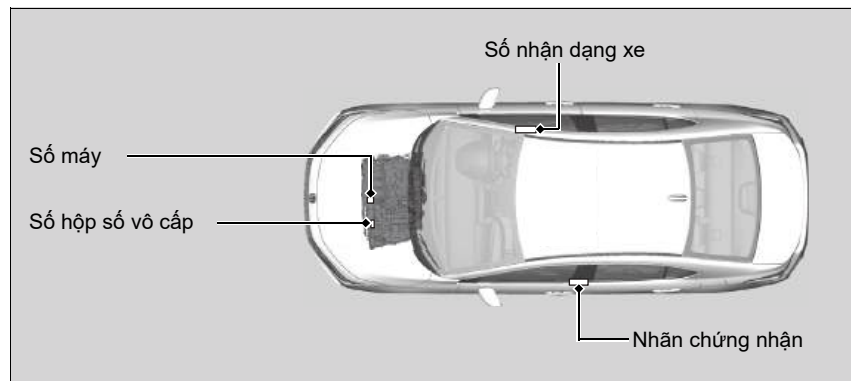
Loại xe có vô lăng bên trái



Loại xe tại Ấn Độ, Bhutan, Nepal và Thái Lan



Loại xe tại Thái Lan



Thiết bị phát sóng vô tuyến*

Các thiết bị và hệ thống trên xe dưới đây sẽ phát ra sóng vô tuyến khi hoạt động.

Hệ thống mở cửa không chìa khóa*

Loại xe tại Thái Lan

เครื่อง โตรคมนาคนและอุปกรณ์นี้ มีความสอดคล้องตามข้อกำหนดของ กสทช

Hệ thống mở cửa không chìa khóa

Loại xe tại Singapore

FOB:

Complies with
IMDA Standards
DA107248

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Hệ thống mở cửa không chìa khóa*		Cuộc gọi khẩn cấp (eCall)*		Bộ điều khiển viễn thông*
Loại xe tại các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất	FOB: TRA REGISTERED No: ER54681/17 DEALER No: 0034163/10	BCM: TRA REGISTERED No: ER71902/19 DEALER No: DA39720/15	TRA REGISTERED No: ER73675/19 DEALER No: 0019826/09	—
Loại xe tại Việt Nam	FOB/BCM HONDAVN A00092011  ICT	—	HONDAVN A00092011  ICT	

Hệ thống mở cửa không chìa khóa*		
Loại xe tại Ai Cập, Lào, Sint Maarten và Suriname	FOB: http://www.alps.com/products/common/pdf/HandUnit/TWB1G0090.pdf	BCM: http://www.sws.co.jp/en/product/document/certificate/HAR0004
		
	Theo đây, ALPSALPINE CO., LTD. tuyên bố rằng loại thiết bị vô tuyến TWB1G0090 tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU. Toàn văn tuyên bố hợp quy của Liên minh châu Âu có sẵn tại địa chỉ internet sau: http://www.alps.com/products/common/pdf/HandUnit/TWB1G0090.pdf Mục đích sử dụng: Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa Địa chỉ bưu chính: 6-3-36, Nakazato, Furukawa, Thành phố Osaki, Tỉnh Miyagi, NHẬT BẢN 989-6181 (Các) dải tần số mà thiết bị vô tuyến hoạt động; 433,92 MHz. Công suất tần số vô tuyến tối đa được truyền trong (các) dải tần số mà thiết bị vô tuyến hoạt động; 80,8dBuV/m@3m.	Theo đây, Sumitomo Wiring Systems, Ltd. tuyên bố rằng loại thiết bị vô tuyến HAR0004 tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU. Toàn văn tuyên bố hợp quy của Liên minh châu Âu có sẵn tại địa chỉ internet sau: https://www.sws.co.jp/en/product/document/certificate/HAR0004 Mục đích sử dụng: Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa Địa chỉ bưu chính: 1820, Nakanoike, Mikkaichi-cho, Suzuka, Mie 513-8631 NHẬT BẢN (Các) dải tần số mà thiết bị vô tuyến hoạt động; 125 kHz, 433,92 MHz. Công suất tần số vô tuyến tối đa được truyền trong (các) dải tần số mà thiết bị vô tuyến hoạt động; 107,2dBuV/m@10m.

Hệ thống mở cửa không chìa khóa*

FOB/BCM:

Loại xe tại Ai Cập

Tên nhà nhập khẩu: Nile Trading and Engineering Co. S.A.E.

Địa chỉ bưu chính: Khu đô thị Cairo Festival City, Fifth Province, Đường vành đai, Đại Cairo, gần học viện Mubarak, Ai Cập

Loại xe tại Lào

Loại xe tại Ai
Cập, Lào,
Sint Maarten
và Suriname

Tên nhà nhập khẩu: NCX Co., Ltd.

Địa chỉ bưu chính: Đường Suphanouvong, Ban Wattayyaithong Quận Sikhodtabong, Thủ đô Viêng Chăn, CHDCND Lào

Loại xe tại Sint Maarten

Tên nhà nhập khẩu: Motorworld

Địa chỉ bưu chính: #20 Đường Welfare, Cole Bay, Sint Maarten Tây Ấn thuộc Hà Lan

Loại xe tại Suriname

Tên nhà nhập khẩu: Fernandes Automotive (Fernandes Autohandel N.V.)

Địa chỉ bưu chính: 105-117 Keizerstraat, Paramaribo, Suriname

Hệ thống mở cửa không chìa khóa		
Loại xe tại Ghana	FOB: Mục đích sử dụng: Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa Địa chỉ bưu chính: 6-3-36, Nakazato, Furukawa, Thành phố Osaki, Tỉnh Miyagi, NHẬT BẢN 989-6181 (Các) dải tần số mà thiết bị vô tuyến hoạt động; 433,92 MHz. Công suất tần số vô tuyến tối đa được truyền trong (các) dải tần số mà thiết bị vô tuyến hoạt động; 80,8dBuV/m@3m. Tên nhà nhập khẩu: THP Ghana Ltd. Địa chỉ bưu chính: P.O. BOX 3464, KANESHIE, ACCRA, GHANA	BCM: Mục đích sử dụng: Thiết bị tầm ngắn để điều khiển từ xa Địa chỉ bưu chính: 1820, Nakanoike, Mikkaichi-cho, Suzuka, Mie 513-8631 NHẬT BẢN (Các) dải tần số mà thiết bị vô tuyến hoạt động; 125 kHz, 433,92 MHz. Công suất tần số vô tuyến tối đa được truyền trong (các) dải tần số mà thiết bị vô tuyến hoạt động; 107,2dBuV/m@10m. Tên nhà nhập khẩu: THP Ghana Ltd. Địa chỉ bưu chính: P.O. BOX 3464, KANESHIE, ACCRA, GHANA

Loại xe theo quy định FCC

Mỗi thiết bị tần số vô tuyến được lắp đặt trên xe đều tuân theo các yêu cầu và tiêu chuẩn của quy định dưới đây:

Theo yêu cầu của FCC:

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động của thiết bị phải đảm bảo hai điều kiện sau: (1) Thiết bị này không được gây ra nhiễu có hại và (2) thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu nhận được, kể cả loại nhiễu sóng có thể gây ra các hoạt động không mong muốn.

LƯU Ý THẬN TRỌNG CỦA FCC

Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm về tuân thủ phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền vận hành thiết bị đó.

Loại xe tại Mexico

Hệ thống mở cửa không chia khóa* (BCM/FOB)

La operación de este equipo está sujeta a las siguientes dos condiciones: (1) es posible que este equipo o dispositivo no cause interferencia perjudicial y (2) este equipo o dispositivo debe aceptar cualquier interferencia, incluyendo la que pueda causar su operación no deseada.

Hệ thống mở cửa không chia khóa* (FOB)

- Nhãn hiệu: HONDA
- Thiết bị được vận hành với công suất đầu ra phát tín hiệu từ 20 mW trở xuống và thường được sử dụng gần đầu (đặc biệt là gần tai) hoặc ở khoảng cách dưới 200 mm so với cơ thể người.

■ Giấy phép mã nguồn mở cho TCU*

Thông tin phần mềm mã nguồn mở/miễn phí

Xe này có Phần mềm mã nguồn mở/miễn phí (FOSS).

Hãy truy cập trang web dưới đây để biết thêm thông tin về giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS.

<https://www.denso.com/global/en/opensource/tcu/honda/>

A

ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh).....	378
ACC (Kiểm soát hành trình thích ứng).....	337
An toàn cho trẻ em.....	62
Khóa an toàn trẻ em.....	193
Áp suất lốp thấp/xẹp lốp	
Đèn báo hệ thống cảnh báo.....	118, 502
Áp suất lốp.....	526
Ắc-quy hết điện.....	488
Ắc-quy.....	446
Bảo dưỡng (Kiểm tra ắc-quy).....	446
Đèn báo Hệ thống nạp điện.....	105, 499
Nếu ắc-quy hết điện.....	488
Nhân.....	449

B

Bảng điều khiển.....	101
Điều chỉnh độ sáng.....	226
Bảng thông số kỹ thuật dầu bôi trơn.....	525
Bảo dưỡng.....	393
An toàn.....	395
Ắc-quy.....	446
Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa.....	450
Các biện pháp phòng ngừa.....	394
Dầu hộp số.....	424
Dầu phanh.....	425
Dầu.....	417
Dưới nắp ca-pô.....	411
Điều hòa không khí tự động.....	452
Hệ thống giám sát dầu.....	397

Hệ thống làm mát.....	452
Két tản nhiệt.....	422, 423
Lốp.....	439
Nước làm mát.....	420
Thay bóng đèn.....	428
Vệ sinh.....	454
Biện pháp phòng ngừa khi lái xe.....	279
Khi trời mưa.....	279
Bóng đèn halogen.....	428
Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa.....	185
Bổ sung	
Dầu động cơ.....	419
Nước làm mát.....	420
Rửa kính.....	427
Bugì.....	524

C

Các công tắc (Quanh vô lăng).....	4, 6, 209
Cài đặt đồng hồ.....	180
Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình.....	132, 136, 161
Cài đặt.....	142, 167
Cảm biến nhiệt độ.....	129, 263
Camera góc rộng phía trước.....	374
Cảnh báo.....	141
Cần gạt nước và rửa kính.....	223
Kiểm tra và thay lưỡi gạt nước.....	437
Cần số.....	281, 286
Đèn báo vị trí cần số.....	282
Không gạt được cần số.....	492
Nhà.....	492

Vận hành.....	281, 286
Cầu chì.....	503
Kiểm tra và thay thế.....	516
Vị trí.....	503, 505, 509, 511, 513, 515
CMBS (Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm).....	311
Công tắc đèn.....	213
Cổng USB.....	252
Cốp.....	195
Bóng đèn.....	436
Nắp.....	195
Cờ-lê vận đai ốc bánh xe (Tay kích).....	476
Cuộc gọi khẩn cấp (eCall).....	518
Cửa kính (Mở và đóng).....	202
Cửa kính (vệ sinh).....	454, 457
Cửa nạp nhiên liệu.....	26, 389
Cửa sổ trời.....	207
Cửa.....	183
Chìa khóa.....	183
Đèn báo cửa/cốp mở.....	39, 110
Hệ thống chống khóa cửa.....	191
Khóa cửa tự động.....	194
Khóa/Mở khóa cửa từ bên ngoài.....	185
Khóa/Mở khóa cửa từ bên trong.....	192
Mở khóa cửa tự động.....	194
Chất phụ gia, Dầu động cơ.....	415, 417
Chế độ bảo động.....	201
Chế độ ECON.....	289
Chế độ sang số tay 7 cấp.....	284

Chìa khóa.....	183
Bộ phát tín hiệu điều khiển từ xa.....	185
Cửa sau không mở.....	193
Chống khóa cửa.....	191
Phân loại và chức năng.....	183
Thẻ mã số.....	184
Chọn cần số.....	281, 286
Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em.....	69
Chức năng phanh hỗ trợ khởi động.....	293

D

Dầu (Động cơ).....	415
Bổ sung.....	419
Cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp.....	498
Dầu động cơ khuyên dùng.....	415
Đèn báo áp suất dầu thấp.....	105, 497
Độ nhớt.....	415
Kiểm tra.....	417
Dầu động cơ.....	415
Bổ sung.....	419
Cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp.....	498
Dầu động cơ khuyên dùng.....	415
Đèn báo áp suất dầu thấp.....	105, 497
Kiểm tra.....	417
Dầu ly hợp.....	425
Dây đai an toàn (Ghế).....	41
Dây đai an toàn.....	41
Đèn báo cảnh báo.....	43, 108
Kiểm tra.....	49
Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây	

đai an toàn hông/vai.....	93
Nhắc nhở.....	43
Phụ nữ mang thai.....	48
Thất.....	46
Diesel.....	26
Dụng cụ sửa chữa tạm thời (TRK).....	463
Dụng cụ.....	462
Dung dịch.....	
Dầu hộp số sàn.....	424
Dầu hộp số vô cấp.....	424
Dầu ly hợp.....	425
Dầu phanh.....	425
Nước làm mát động cơ.....	420
Nước rửa kính chắn gió.....	427
Dùng.....	381
Đạp hết ga (Hộp số vô cấp).....	280
Đèn ban ngày.....	222
Đèn báo.....	
Phanh đỗ và Hệ thống phanh.....	104, 500
Đèn báo áp suất dầu thấp.....	105, 497
Đèn báo cảnh báo sáng/nhấp nháy.....	497
Đèn báo chiếu xa.....	112
Đèn báo Hệ thống nạp điện.....	105, 499
Đèn báo hướng (Đèn xi nhan).....	212
Đèn báo mức nhiên liệu thấp.....	109
Đèn báo sự cố.....	105, 500
Đèn báo tăng/giảm số.....	287
Đèn báo xin vượt.....	213
Đèn báo.....	102
ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh) ..	109
Áp suất dầu thấp.....	105

Cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp.....	498
Cảnh báo hệ thống an ninh.....	115
Cảnh báo tốc độ.....	119
CRUISE CONTROL.....	116, 295
CRUISE MAIN.....	116, 294, 295
Cuộc gọi khẩn cấp (eCall).....	117
Cửa và cốp mở.....	110
Chế độ ECON.....	116
Chiều xa.....	112
Chuyển cần số về vị trí đỗ.....	117
Đèn báo M (chế độ sang số tay 7 cấp)/số.....	106
Đèn báo sự cố.....	105
Đèn bật.....	112
Đèn pha thích ứng tự động.....	112
Đèn sương mù phía sau.....	113
Điều khiển đèn.....	113
ECO.....	116
Giảm số.....	107
Giảm thiểu chệch làn đường (màu hồng phách).....	123
Giảm thiểu chệch làn đường (màu xám).....	123
Hệ thống bảo vệ phụ trợ.....	109
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp thấp/xẹp lốp.....	118
Hệ thống chống nổ máy.....	114
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (màu hồng phách).....	122
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS) (màu trắng/màu xanh lục).....	122
Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA).....	111
Hệ thống hộp số.....	106
Hệ thống khởi động.....	117
Hệ thống mở cửa không chìa khóa.....	116

Hệ thống nạp điện.....	105	Xi nhan.....	112	Điều chỉnh cường độ sáng	
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu hồ phách)	122	Xoay vô lăng	117	Núm	226
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS) (màu xám)	122	Đèn chiếu sáng.....	213	Điều chỉnh độ sáng (Bảng điều khiển)	226
Hệ thống phanh.....	105	Điều chỉnh	218	Điều khiển	179
Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời (màu hồ phách)	120	Hiệu chỉnh.....	428	Độ nhót (Dầu)	415, 525
Hệ thống trợ lực lái điện (EPS)	111	Làm mờ.....	213	Động cơ	
Hỗ trợ an toàn (màu hồ phách)	124, 125	Vận hành.....	213	Còi báo công tắc.....	209
Hỗ trợ an toàn (màu xanh lục/màu xám)	126	Đèn đọc sách.....	243	Dầu	415
KEY BATT	126	Đèn pha thích ứng tự động	219	Khởi động	272
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) (màu hồ phách)	121	Đèn sương mù phía sau.....	217	Nếu ắc-quy hết điện	488
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC) (màu trắng/ màu xanh lục).....	121	Đèn sương mù	217	Nước làm mát.....	420
Mức nhiên liệu thấp.....	109	Đèn trong xe	242	Sổ máy	529
NO KEY	126	Đèn	213, 428	Đồng hồ đo gia tốc.....	164
Nhắc thất dây đai an toàn ghế sau.....	109	Đèn ban ngày.....	222	Đồng hồ đo hành trình	132, 136, 161
Nhắc thất dây đai an toàn	108	Đèn báo chiếu xa	112	Đồng hồ đo mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời	128
Nhiệt độ cao	110	Đèn báo đèn bật	112	Đồng hồ đo quãng đường	132
Nhiệt độ thấp	110	Đèn sương mù	217	Đồng hồ đo tốc độ động cơ.....	128
Phanh đỗ và Hệ thống phanh.....	104	Đèn trong xe	242	Đồng hồ đo tốc độ	128
Tăng số	107	Thay bóng đèn.....	428	Đồng hồ đo	128
TẮT Tự động tính năng Hỗ trợ lái của Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường .	123	Xi nhan.....	212	Đồng hồ	180
TẮT VSA	111, 299	Điểm kê	482	Đồng hồ, đồng hồ đo.....	128
Tự động dừng động cơ tạm thời (màu xanh lục).....	120	Điều chỉnh		Đơn vị tốc độ/khoảng cách	141
Thông báo hệ thống	119	Đèn chiếu sáng	218		
Vị trí số	107	Ghế sau	236	E	
		Ghế trước	233	eCall (Cuộc gọi khẩn cấp).....	518
		Gương	230		
		Nhiệt độ.....	129	G	
		Tựa đầu	239	Gập ghế sau xuống.....	236
		Tựa tay.....	241	Ghế lót đặc biệt (dành cho trẻ em).....	97
		Vô lăng.....	229		
		Điều chỉnh (và Phụ kiện)	459		

Ghế sau (Gập xuống).....	236
Ghế trước.....	234
Điều chỉnh.....	234
Ghế.....	233
Điều chỉnh.....	233
Ghế sau.....	236
Ghế trước.....	234
Gương bên ngoài.....	231
Gương cá nhân.....	9
Gương cửa.....	231
Gương chiếu hậu bên trong xe.....	230
Gương.....	230
Cửa.....	231
Chiếu hậu bên ngoài.....	231
Chiếu hậu bên trong xe.....	230
Điều chỉnh.....	230
Giấy phép mã nguồn mở TCU.....	537
Giấy phép mã nguồn mở.....	537
Giới hạn tải trọng.....	270

H

Hành lý (Giới hạn tải trọng).....	270
Hệ thống an ninh.....	198
Đèn báo cảnh báo hệ thống an ninh.....	115
Đèn báo hệ thống chống nổ máy.....	114
Hệ thống bảo vệ phụ trợ (SRS).....	53
Hệ thống cảm biến đỗ.....	383
Hệ thống cảnh báo xẹp lốp.....	301
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS).....	378
Đèn báo.....	109

Hệ thống chống khóa cửa.....	191
Hệ thống chống nổ máy.....	198
Đèn báo.....	114
Hệ thống điều hòa không khí (Hệ thống điều hòa không khí tự động).....	259
Cảm biến.....	263
Chế độ lấy gió trong/lấy gió ngoài..	259, 260
Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính	261
Lọc gió điều hòa.....	452
Sử dụng điều hòa không khí tự động.....	259
Thay đổi chế độ.....	259
Hệ thống điều hòa không khí (Hệ thống làm mát).....	254
Làm mát.....	256
Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính	257
Lọc gió điều hòa.....	452
Hệ thống điều hòa không khí (Hệ thống sưởi và làm mát).....	255
Sưởi.....	255
Hệ thống điều hòa không khí tự động.....	259
Cảm biến.....	263
Chế độ lấy gió trong/lấy gió ngoài..	259, 260
Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính	261
Lọc gió điều hoà.....	452
Sử dụng điều hòa không khí tự động.....	259
Thay đổi chế độ.....	259
Hệ thống EPS (Trợ lực lái điện).....	111
Hệ thống ghế ngồi trẻ em.....	62
Chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em.....	69
Ghế lót đặc biệt.....	97
Hệ thống ghế ngồi trẻ em dành cho trẻ nhỏ..	68

Hệ thống ghế ngồi trẻ em dành cho trẻ sơ sinh.....	66
Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.....	66
Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng dây đai an toàn hông/vai.....	93
Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe có móc neo phía dưới.....	89
Sử dụng dây thắt.....	95
Trẻ lớn.....	96
Hệ thống giám sát dầu.....	397
Hệ thống giảm thiểu chệch làn đường.....	325
Bật và Tắt.....	332
Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường (LKAS).....	355
Hệ thống hỗ trợ lái Eco.....	12
Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA).....	298
Đèn báo hệ thống.....	111
Đèn báo TẮT.....	111
Nút tắt.....	299
Hệ thống làm mát.....	254
Làm mát.....	256
Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính	257
Lọc gió điều hoà.....	452
Hệ thống phanh giảm thiểu va chạm (CMBS).....	311
Hệ thống phanh.....	376
Dầu.....	425
Đèn báo.....	104, 500
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS).....	378
Hệ thống hỗ trợ phanh.....	379
Phanh chân.....	377
Phanh đỗ.....	376

Hệ thống sưởi và làm mát

Sưởi	255
Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời	290
Hệ thống thông báo xe phía trước khởi hành	368
Hệ thống trợ lực lái điện (EPS)	
Đèn báo	111, 501
Honda SENSING	27, 308
Hỗ trợ an toàn	139, 165
Hỗ trợ xử lý nhanh	300
Hộc đựng đồ bên phía người lái	248
Hộc đựng đồ	245
Hộc giữ cốc	246
Hộc giữ cốc	246
Hộc đựng đồ tiện ích	248
Hộc đựng đồ trung tâm	245
Hộp số sàn	286
Hộp số vô cấp	280
Dầu	424
Đạp hết ga	280
Không gạt được cần số	492
Sang số	281
Vận hành cần số	281, 282
Xe chuyển động từ từ	280
Hộp số	281, 286
CVT	281
Dầu	424
Đèn báo vị trí cần số	282
Đèn báo vị trí số	106
Hộp số sàn	286
Số máy	529

K

Kéo rơ-moóc	271
Kéo xe của bạn	
Khẩn cấp	517
Két tản nhiệt	422, 423
Kích nâng (Cờ-lê vận đai ốc bánh xe)	476
Kích nổ	488
Kiểm soát hành trình thích ứng (ACC)	337
Kiểm soát hành trình	294
Đèn báo	116
Kiểm tra an toàn	39
Kính chắn gió	
Cần gạt nước và rửa kính	223
Làm tan băng/tan sương	257, 261
Lưỡi gạt nước	437
Nước rửa kính	427
Vệ sinh	454, 457
Khẩn cấp	517
Khí carbon monoxide (CO)	99
Khóa/Mở khóa cửa tự động	194
Khóa/Mở khóa	183
Chìa khóa	183
Khóa an toàn trẻ em	193
Khóa/Mở khóa cửa tự động	194
Sử dụng chìa khóa	190
Từ bên ngoài	185
Từ bên trong	192
Khởi động động cơ từ xa	274
Khởi động động cơ	272
Còi báo công tắc động cơ	209
Không khởi động	483

Nếu ắc-quy hết điện	488
Khu vực lưu trữ dưới sàn xe	249

L

Lái xe an toàn	35
Lái xe	267
Chuyển số	281, 286
Hộp số vô cấp	280
Kiểm soát hành trình	294
Khởi động động cơ	272
Phanh	376
Làm mờ	
Đèn chiếu sáng	213
Làm tan sương kính chắn gió và cửa kính	257, 261
Lịch bảo dưỡng	404
LKAS (Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường)	355
Lọc	
Lọc gió điều hòa	452
Lọc gió điều hoà	452
Lốp dự phòng cỡ nhỏ	526
Lốp dự phòng	526
Lốp mòn	439
Lốp mùa đông	444
Xích bọc lốp	444
Lốp	439
Áp suất lốp	526
Đào lốp	443
Kiểm tra và bảo dưỡng	439
Kiểm tra	440

Lốp dự phòng	526
Lốp mùa đông.....	444
Thùng (xếp lốp)	463, 473
Vạch báo độ mòn	441
Xích bọc lốp.....	444

M

Màn hình giao diện thông tin cho người lái.....	133, 157
Chuyển đổi màn hình hiển thị.....	133, 157
Màn hình tùy chỉnh.....	140, 166
Màn hình thông tin	131
Mang theo hành lý.....	269, 270
Móc neo phía dưới.....	89
Móc treo áo	248
Mở khóa cửa người lái từ bên trong	192
Mở khóa cửa.....	185
Mở/Đóng	
Cốp.....	195
Cửa kính điện	202
Cửa sổ trời	207
Nắp ca-pô	413

N

Nạp ắc-quy yếu điện	499
Nạp nhiên liệu	387
Đèn báo mức nhiên liệu thấp	109
Đồng hồ đo nhiên liệu.....	128
Xăng	387, 524

Nắp bình nhiên liệu	26, 389
Nút cảnh báo nguy hiểm	4, 5
Nút ENGINE START/STOP	209
Nút sấy kính sau	228
Nút TẮT Hệ thống tự động dừng động cơ tạm thời.....	291
Nút TRIP/CLOCK.....	131
Nước làm mát (Động cơ).....	420
Bổ sung nước làm mát.....	422, 423
Đèn báo nhiệt độ cao	110
Đèn báo nhiệt độ thấp	110
Kiểm tra nước làm mát.....	420
Quá nhiệt.....	493
Nước làm mát động cơ.....	420
Bổ sung nước làm mát.....	422, 423
Đèn báo nhiệt độ cao	110
Đèn báo nhiệt độ thấp	110
Kiểm tra nước làm mát.....	420
Quá nhiệt.....	493
Nguy hiểm do khí thải (Carbon monoxide (CO))	99
Nhãn an toàn	100
Nhãn cảnh báo	100
Nhãn chứng nhận	529
Nhắc ghế sau	237
Nhiên liệu chỉ định	387
Nhiên liệu.....	26, 387
Đèn báo mức nhiên liệu thấp	109
Đồng hồ đo.....	128
Khuyến dùng	387
Nạp nhiên liệu	387

Quãng đường	132, 136
Tiết kiệm nhiên liệu tức thời... ..	128, 136, 161
Tiết kiệm nhiên liệu trung bình.....	136
Tiết kiệm nhiên liệu và lượng khí thải CO2	390

Nhiệt độ

Đèn báo nhiệt độ cao.....	110
Đèn báo nhiệt độ thấp.....	110
Màn hình hiển thị nhiệt độ ngoài trời	129
Nhiệt độ ngoài trời	129
Điều chỉnh	129

O

Ổ cắm điện phụ kiện.....	250
--------------------------	-----

P

Phanh chân	377
Phanh đỗ.....	376
Phụ kiện và điều chỉnh	459
Phụ nữ mang thai.....	48

Q

Quá nhiệt.....	493
Quãng đường	132, 136, 161
Que thăm (Dầu động cơ).....	417

R**Rửa kính**

Bồ sung/đổ đầy nước rửa kính	427
Công tắc	223

S

Sang số (Hộp số)	281, 286
Số (Nhận dạng)	529
Số nhận dạng xe	529
Số nhận dạng	529
Số máy và Số hộp số	529
Số nhận dạng xe	529

T

Tấm che nắng phía sau	251
Tiết kiệm nhiên liệu tức thời	128, 136, 161
Tiết kiệm nhiên liệu trung bình	132, 136, 161
Tiết kiệm nhiên liệu và lượng khí thải CO2	390
Tín hiệu dừng khẩn cấp	380
Tính năng tùy chỉnh	142, 167
Tính năng	265
Tốc độ trung bình	138, 163
Túi khí bên	56
Túi khí rèm bên	58
Túi khí SRS (Túi khí)	53
Túi khí trước (SRS)	53
Túi khí	51
Cảm biến	51
Đèn báo	59, 109

Kiểm tra và thay thế túi khí	61
Sau va chạm	54
Túi khí bên	56
Túi khí rèm bên	58
Túi khí trước (SRS)	53
Thiết bị ghi dữ liệu sự kiện	1
Tựa đầu	239
Tựa tay	241
Thay bóng đèn	428
Thay bóng đèn	428
Đèn biển số sau	432
Đèn cốp	436
Đèn chiếu sáng	428
Đèn đánh dấu bên hông phía sau	429
Đèn đọc sách	434, 435
Đèn hậu	429, 431
Đèn lùi	431
Đèn phanh cao	433
Đèn phanh	429
Đèn sương mù phía sau	433
Đèn trần	434
Đèn trong xe	434
Đèn vị trí/đèn ban ngày	428
Đèn xi nhan bên	428
Đèn xi nhan phía sau	429
Thay thế	
Ắc-quy	446, 450
Bóng đèn	428
Cao su lưới gạt nước	437
Cầu chì	503, 505, 509, 511, 513, 515
Thẻ mã số chìa khóa	184

Thiết bị phát ra sóng vô tuyến	531
Thông báo an toàn	0
Thông báo nhắc bảo dưỡng	402
Thông báo thông tin	127
Thông gió ghế trước	253
Thông gió ghế	253
Thông gió	254, 259
Thông số kỹ thuật bóng đèn	525
Thông số kỹ thuật	524
Thời gian (Cài đặt)	180
Thời gian xe chạy	138, 163
Thùng (Lốp)	463
TRK (Dụng cụ sửa chữa tạm thời)	463
Trọng tải tối đa cho phép	270

V

Vá lốp xẹp tạm thời	463
Vạch báo độ mòn (Lốp)	441
Vệ sinh nội thất	454
Vệ sinh ngoại thất	456
Vệ sinh ngoại thất	456
Vị trí cần sang số	
Hộp số sàn	286
Hộp số vô cấp	281
Vô lăng	229
Điều chỉnh	229
VSA (Hỗ trợ ổn định xe)	298

W

Watt.....	525
-----------	-----

X

Xăng.....	26, 387
Đèn báo mức nhiên liệu thấp	109
Đồng hồ đo	128
Mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời ...	128, 136
Nạp nhiên liệu.....	387
Tiết kiệm nhiên liệu và lượng khí thải CO2 ..	390
Thông tin.....	387
Xe có động cơ tăng áp.....	391
Xe chuyển động từ từ (Hộp số vô cấp).....	280
Xẹp lốp	463
Xi nhan	212
Đèn báo (Bảng điều khiển).....	112
Xử lý sự cố.....	461
Bàn đạp phanh rung	31
Còi báo vang lên khi mở cửa xe.....	33
Cửa sau không mở.....	32
Cháy cầu chì..	503, 505, 509, 511, 513, 515
Đèn báo cảnh báo	102
Động cơ không khởi động	483
Kéo xe khẩn cấp.....	517
Không gạt được cần số	492
Ồn khi phanh	33
Quá nhiệt	493
Thủng/xẹp lốp.....	463, 473



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MÀN HÌNH GIẢI TRÍ CHO MODEL L

Thông tin an toàn

Đọc kỹ tài liệu hướng dẫn sử dụng trước khi sử dụng thiết bị này. Để tài liệu hướng dẫn sử dụng này trong xe để tránh làm mất. Khi chuyển nhượng xe cho người khác, hãy giao cho họ cả tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Để đảm bảo an toàn khi sử dụng thiết bị này, cần chú ý các mục dưới đây được mô tả bằng các biểu tượng.

	Cảnh báo	Mô tả các mục là nguyên nhân gây tai nạn dẫn đến tử vong hoặc trọng thương nếu bạn không chú ý.
	Thận trọng	Mô tả các mục có thể là nguyên nhân gây tai nạn, thương tích hoặc làm hỏng xe nếu bạn không chú ý.
	Chú ý	Mô tả các mục bạn cần chú ý khi sử dụng thiết bị này để đảm bảo an toàn và thoải mái khi lái xe.

Để đảm bảo an toàn

	Cảnh báo	● Người lái không nên nhìn vào màn hình hoặc vận hành hệ thống trong khi lái xe. Nhìn vào màn hình hoặc vận hành hệ thống khi đang lái xe sẽ khiến người lái mất tập trung không quan sát phía trước xe và có thể gây ra tai nạn. Luôn dừng xe ở nơi an toàn và giải phanh đỗ trước khi xem màn hình hoặc vận hành hệ thống.
--	-----------------	---

- **Luôn tuân thủ các hướng dẫn khi lắp đặt, tháo hoặc đấu dây cho thiết bị.**

Lắp đặt hoặc đi dây sai sẽ làm hỏng thiết bị hoặc làm cháy xe. Để đảm bảo an toàn, hãy liên hệ với nơi mua hàng để được tư vấn về lắp và tháo thiết bị.

- **Sử dụng nguồn điện phù hợp.**

Thiết bị này là để dùng cho hệ thống ắc quy 12 V DC có tiếp mát âm. Không được vận hành hệ thống này bằng các hệ thống ắc quy khác, đặc biệt là hệ thống ắc quy 24 V DC.

- **Đề pin và phim cách nhiệt cách xa tầm tay trẻ nhỏ.**

Hãy đề pin và phim cách nhiệt cách xa tầm tay trẻ nhỏ để tránh trường hợp chúng nuốt phải. Hãy đưa trẻ đến cơ sở y tế ngay nếu chúng nuốt phải pin hoặc phim cách nhiệt.

- **Không tháo rời hoặc sửa đổi thiết bị.**

Không tháo rời, sửa đổi hoặc tự sửa chữa thiết bị. Nếu cần phải sửa chữa, hãy liên hệ với đại lý của bạn.

- **Không sử dụng thiết bị khi có sự cố.**

Nếu thiết bị có sự cố (không có điện, không phát ra âm thanh) hoặc có hiện tượng bất thường (bên trong có vật lạ, bị dính nước, bốc khói hoặc có mùi lạ), hãy tắt thiết bị ngay và liên hệ với đại lý.

- **Yêu cầu nhân viên dịch vụ kỹ thuật thay cầu chì.**

Nếu cầu chì nổ, hãy tìm hiểu nguyên nhân rồi yêu cầu nhân viên dịch vụ kỹ thuật thay đúng loại cầu chì chuyên dùng cho thiết bị này. Nếu thay cầu chì không đúng loại quy định sẽ làm cầu chì bốc khói, cháy và làm hỏng thiết bị.

● Lưu ý trước khi sử dụng thiết bị âm thanh di động



Cảnh báo



Khoang túi khí SRS



Cáp kết nối

- Không đặt thiết bị âm thanh di động được kết nối hoặc cáp kết nối ở nơi làm túi khí SRS không nổ được. Túi khí SRS có thể không hoạt động tốt hoặc thiết bị âm thanh di động có thể bị bung ra khi túi khí nổ, dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.

* Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với xe để biết thông tin về vị trí nổ của túi khí SRS.

- Đặt hoặc cố định tạm thời thiết bị âm thanh di động và cáp kết nối ở nơi không ảnh hưởng đến người lái khi lái xe. Nếu không, các thiết bị âm thanh này có thể ảnh hưởng đến việc lái xe hoặc gây tai nạn.



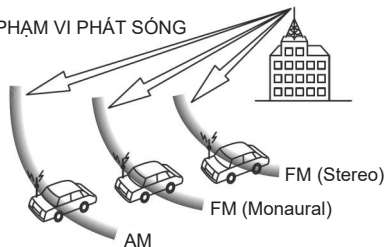
Lưu ý

- Duy trì âm lượng ở mức phù hợp.
Duy trì mức âm lượng vừa đủ nghe để nhận biết được tình trạng giao thông xung quanh khi đang lái xe.
- Đây là thiết bị dành riêng cho ô tô.
- Không sử dụng thiết bị này trong thời gian dài khi động cơ tắt.
Vận hành hệ thống âm thanh trong thời gian dài khi động cơ tắt sẽ làm hao điện ắc quy.
- Không để thiết bị dưới ánh nắng trực tiếp hoặc nhiệt độ cao.
Việc này sẽ làm tăng nhiệt độ bên trong thiết bị, và có thể gây bốc khói, cháy hoặc hư hỏng khác cho thiết bị.
- Không sử dụng thiết bị bị dính nước, bị ẩm hoặc bụi bẩn.
Để thiết bị bị dính nước, bị ẩm, hoặc bụi bẩn có thể gây bốc khói, cháy hoặc hư hỏng khác cho thiết bị. Đặc biệt, đảm bảo thiết bị không bị ẩm khi rửa xe hoặc trong những ngày mưa.
- Không tắt nguồn thiết bị khi chưa kết thúc quá trình đọc chương trình.
Nếu kết nối với ắc quy bị ngắt hoặc điện áp giảm, chương trình đang tải xuống thiết bị sẽ bị xóa. Nếu điều này xảy ra, chương trình sẽ được tải lại trong khi Màn hình Mở xuất hiện khi khởi động lại thiết bị. Hãy đợi cho đến khi quá trình đọc chương trình hoàn tất.
Nếu nguồn bị tắt trong khi đang đọc chương trình, có thể xảy ra hư hỏng bất ngờ như chức năng âm thanh không thể hoạt động.
- Không tắt nguồn trong khi cập nhật phiên bản người dùng.
- Không chạm hoặc giữ màn hình trong khi bật nguồn cho đến khi màn hình chú ý xuất hiện trên màn hình.

Lưu ý khi sử dụng

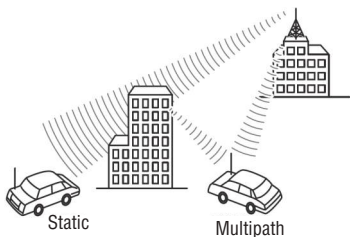
Radio

PHẠM VI PHÁT SÓNG

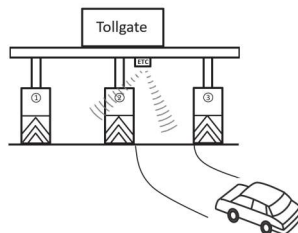


Nên điều chỉnh ăng ten để có thể thu nhận sóng tốt nhất. Thông thường, nên điều chỉnh ăng ten ngắn lại khi ở khu vực đô thị và nên kéo dài hết cỡ ăng-ten khi ở vùng xa xôi. Luôn cụp ăng ten trước khi rửa xe bằng máy rửa xe tự động.

Về việc thu nhận sóng đài FM



Nghe chương trình phát sóng FM khi xe đang chạy, các điều kiện thu nhận sóng sẽ liên tục thay đổi theo các tòa nhà, địa hình, và khoảng cách từ thiết bị phát và tiếng ồn từ các xe khác. Các hiện tượng thu nhận sóng FM trong phần Chú ý là bình thường và không phải là do radio có sự cố.



Wifi

Khi kết nối điện thoại thông minh qua Wifi và ở gần trạm thu phí điện tử (ETC), Màn hình giải trí và điện thoại thông minh có thể tạm thời bị ngắt kết nối do nhiễu sóng.



Chú ý

- **Tín hiệu kém và mất tín hiệu:** Phạm vi FM là khoảng 25 dặm (40 km), ngoại trừ đối với trạm điện công suất cao. Nếu xe di chuyển cách xa bộ truyền tín hiệu, tín hiệu nhận được sẽ kém dần và/hoặc mất tín hiệu. Điều này là bình thường khi phát sóng FM và có thể kèm theo hiện tượng méo tiếng. Có thể giảm thiểu tình trạng này bằng cách điều chỉnh sang mức tín hiệu mạnh hơn.
- **Nhiều và rung:** Khi đường truyền giữa bộ truyền tín hiệu và xe bị cản trở bởi các tòa nhà lớn hoặc vật thể tương tự, âm thanh của đài sẽ bị nhiễu và rung. Bạn cũng có thể cảm nhận âm thanh rung khi lái xe dọc theo con đường có nhiều cây. Có thể giảm độ nhiễu và rung của âm thanh bằng cách giảm âm bồng.
- **Đa tuyến:** Do đặc điểm phản xạ của các tín hiệu FM, các tín hiệu trực tiếp và phản xạ sẽ truyền đến ăng-ten cùng lúc (được gọi là đa đường), và triệt tiêu lẫn nhau. Khi xe chạy qua các điểm như vậy, có thể xảy ra tình trạng âm thanh bị rung hoặc mất tín hiệu nhất thời.
- **Hoán đổi trạm thu phát:** Khi hai trạm phát FM ở gần nhau trong cùng một phổ tần số, tín hiệu sẽ bị gián đoạn bởi điểm chết điện tử do nhiễu hoặc đa đường, do đó hệ thống sẽ tự động chuyển sang tín hiệu mạnh hơn cho đến khi tín hiệu ban đầu quay trở lại. Hiện tượng hoán đổi trạm thu phát cũng có thể xảy ra khi xe chạy cách xa trạm thu phát đó và chạy gần trạm thu phát có tín hiệu mạnh hơn.



Chú ý

- **Hiện tượng ngưng tụ hơi nước**

Màn hình cảm ứng của thiết bị này có thể bị ngưng tụ hơi nước và không hoạt động tốt nếu bật máy sưởi khi nhiệt độ trong xe ở mức thấp, v.v. Trong những trường hợp như vậy, hãy tắt thiết bị trong khoảng một giờ. Tình trạng ngưng tụ sẽ biến mất và thiết bị sẽ hoạt động bình thường. Nếu thiết bị không hoạt động bình thường ngay cả sau vài giờ, hãy liên hệ với nhà phân phối tại địa phương của bạn.

- **Đèn nền màn hình không đều**

Khi vặn nút hoặc xoay khóa điện sang BẬT ở nhiệt độ thấp, đèn nền LCD có thể không đều hoặc màn hình có thể trở nên tối hơn. Đây là đặc điểm của đèn nền LCD.

- Hãy ấn nhẹ vào màn hình. Nếu không, hình ảnh có thể bị mờ/biến dạng.

- Tham khảo ý kiến đại lý về các tùy chọn nâng cấp.
- Màn hình ở tài liệu này có thể khác so với màn hình thực tế trên thiết bị. Hãy lưu ý rằng, nội dung của tài liệu này có thể không giống với thiết bị thực tế do những thay đổi về thông số kỹ thuật.



Chú ý

- Thiết bị này sử dụng một cơ chế có độ chính xác; vì vậy, tiếng ồn tĩnh, điện tử hoặc rung có thể sẽ xóa dữ liệu bạn đã lưu. Ghi lại dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này.

- Cần lưu ý rằng các trường hợp sau đây không được bảo hành.

- ① Dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này bị thay đổi hoặc bị xóa do thiết bị bị hỏng, trục trặc hoặc lỗi hoặc ảnh hưởng của nhiễu điện từ đối với thiết bị.
- ② Dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này bị thay đổi hoặc bị xóa do bạn hoặc bên thứ ba sử dụng không đúng cách.
- ③ Dữ liệu bạn đã lưu trên thiết bị này bị thay đổi hoặc bị xóa trong khi thiết bị này đang được sửa chữa.

- Tùy thuộc vào vị trí của ăng-ten GNSS, có thể không thu được tín hiệu vệ tinh GNSS (ví dụ: trong bãi đỗ xe nhiều tầng, bãi đỗ xe ngầm, v.v.).

Nội dung

Giới thiệu	
Trước khi sử dụng thiết bị này	1
Bật nguồn	2
Bố trí các nút điều khiển	3
Thao tác cơ bản	
Thao tác nút màn hình chính	5
Chuyển nguồn âm thanh	6
Danh sách nút bấm cảm ứng và danh sách sử dụng	8
Âm thanh	
Radio	9
USB	11
Phát nhạc trên iPod	15
Phát nhạc qua âm thanh Bluetooth®	19
Camera	
Camera	24
Hệ thống Bluetooth® rảnh tay	
Điện thoại (Hệ thống điện thoại rảnh tay)	26
Kết nối điện thoại Bluetooth®	31
Gọi điện trên điện thoại Bluetooth®	33
Nhận cuộc gọi trên điện thoại Bluetooth®	36
Nói chuyện trên điện thoại Bluetooth®	37
Liên kết điện thoại thông minh	
Liên kết điện thoại thông minh	39
Bảng điều khiển bên ngoài	
Sử dụng các nút điều khiển trên vô lăng	40

Cài đặt	
Cài đặt	41
Cài đặt ngôn ngữ	42
Cài đặt Bluetooth®	43
Cài đặt danh sách điện thoại	47
Cài đặt âm thanh và âm lượng	48
Cài đặt màn hình hiển thị	49
Cài đặt đồng hồ	50
Cài đặt màn hình mở	51
Cài đặt Wi-Fi	52
Cài đặt camera lùi	53
Cài đặt quan sát làn đường	54
Cài đặt phát thanh kỹ thuật số (DAB)	55
Cài đặt hệ thống dữ liệu radio (RDS)	56
Phụ lục	
Thông tin phần mềm và Giấy phép mã nguồn mở	57
Khôi phục cài đặt gốc	58
Thông báo lỗi	59
Xử lý sự cố	61
Thông số kỹ thuật	64
Đa phương tiện và Dữ liệu có thể sử dụng trên Hệ thống âm thanh ..	65
Thương hiệu và Giấy phép	68
Luật và Quy định	69
Mục lục	72

Phụ kiện



Ghi chú: * Số lượng khác nhau tùy theo quốc gia.

Trước khi sử dụng thiết bị này

- **Cần sử dụng cẩn thận thiết bị cơ khí chính xác này.**

Không sử dụng thiết bị này ở nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp để tránh gây ra sự cố hoặc lỗi.

Không để các vật kim loại và chất lỏng tiếp xúc với thiết bị, va đập mạnh cũng có thể làm hỏng thiết bị.

- **Vệ sinh thiết bị**

<Vệ sinh thiết bị>

- Không sử dụng benzen hoặc chất tẩy rửa để vệ sinh thiết bị, vì những chất này có thể làm hỏng vỏ và bề mặt sơn.
- Nếu bạn sử dụng khăn lau thấm hóa chất, hãy cẩn thận làm theo hướng dẫn.

<Vệ sinh màn hình>

- Để vệ sinh màn hình, lau cẩn thận bằng vải mềm và khô như vải dùng để lau mắt kính.
- Chà xát màn hình bằng vải thô có thể làm trầy xước bề mặt màn hình. Màn hình là dạng tinh thể lỏng. Sử dụng benzen hoặc dung dịch kiềm có thể làm hỏng màn hình.

Bật nguồn

Chức năng âm thanh của thiết bị này tự động bật khi nổ máy. Tắt máy sẽ làm nguồn thiết bị tự động tắt.



- (1) Ấn nút khởi động động cơ hoặc xoay khoá điện đến BẬT hoặc PHỤ KIỆN.
 - Âm thanh được bật.



- Màn hình vận hành xuất hiện.



- Màn hình chú ý xuất hiện.

- (2) Đọc thông báo cảnh báo trên màn hình, rồi chọn **OK**.



Chú ý

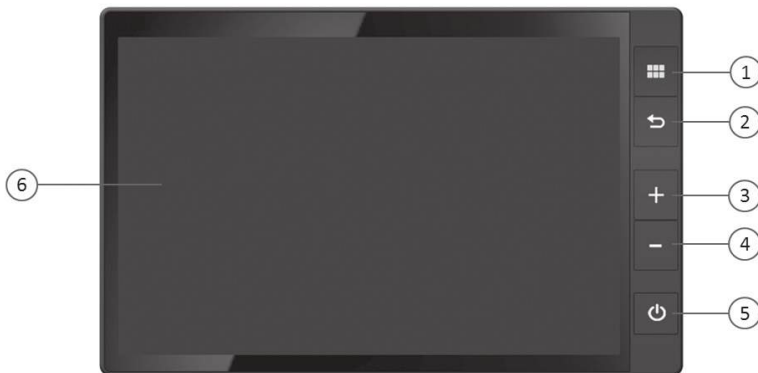
Để thay đổi ngôn ngữ, ấn Nút [Language].



- Màn hình âm thanh xuất hiện.
- Màn hình được hiển thị theo chế độ ở lần tắt nguồn gần đây nhất (ACC Ở TẮT).

Bố trí các nút điều khiển

Ấn các nút trên bảng điều khiển, hoặc chạm vào màn hình để vận hành thiết bị này.



● Các nút điều khiển

① Màn hình chính

Ấn nút này để hiển thị Màn hình chính khi ở chế độ bất kỳ.

② Quay lại

Quay lại màn hình hiển thị trước đó. Ấn và giữ nút này để hiển thị màn hình cài đặt.

③ Tăng âm lượng

Ấn nút này để tăng âm lượng lên một mức hoặc bật tiếng. Ấn và giữ nút này để tiếp tục tăng âm lượng.

④ Giảm âm lượng

Ấn nút này để giảm âm lượng xuống một mức hoặc bật tiếng. Ấn và giữ nút này để tiếp tục giảm âm lượng.

⑤ Nguồn

Ấn nút này để tắt âm thanh hoặc ấn và giữ nút này để tắt màn hình.

⑥ Màn hình cảm ứng

Chạm ngón tay vào màn hình để điều khiển các chức năng được chọn.



Chú ý

Có thể thao tác các nút ③ **Tăng âm lượng** và ④ **Giảm âm lượng** khi đang phát chế độ âm thanh bất kỳ trên nền thiết bị.



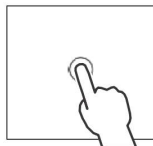
Chú ý

- Không cắm bất kỳ thiết bị nào ngoại trừ iPod, điện thoại thông minh hoặc USB vào cổng USB. Các thiết bị được kết nối qua bộ chia USB sẽ không hoạt động.
- Nếu bạn tắt nguồn của thiết bị âm thanh di động trong khi đang xem/nghe trên thiết bị này, sẽ có tiếng ồn phát ra và có thể làm hỏng loa. Tắt thiết bị âm thanh di động sau khi tắt nguồn thiết bị hoặc chuyển sang chế độ khác.
- Mỗi thiết bị có một mức âm lượng khác nhau. Không nên để âm lượng quá cao.
- Nếu âm lượng của thiết bị được kết nối ở mức cao, có thể xảy ra hiện tượng méo tiếng. Trong trường hợp như vậy, hãy điều chỉnh âm lượng trên thiết bị được kết nối.
- Nếu đã thay đổi âm lượng của thiết bị âm thanh di động kết nối với thiết bị này, hãy đặt lại mức âm lượng sau khi ngắt kết nối thiết bị âm thanh với thiết bị này.

● Các thao tác cơ bản trên màn hình

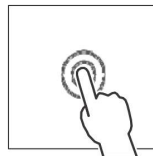
● Các thao tác màn hình cảm ứng

Để thực hiện các thao tác trên màn hình, bạn có thể chạm, bấm và giữ, gạt hoặc vuốt để chọn một mục, để hiển thị màn hình danh mục và để chuyển trang, v.v.



Bấm

Bấm nhẹ vào màn hình để chọn một mục trên màn hình.



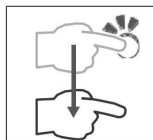
Bấm và giữ

Dùng ngón tay bấm và giữ màn hình cho đến khi màn hình thay đổi hoặc thông báo xuất hiện.



Gạt

Trượt nhanh ngón tay sang trái hoặc phải trên màn hình để chuyển trang.



Vuốt

Trượt ngón tay lên hoặc xuống trên màn hình để cuộn màn hình.

Thao tác nút màn hình chính

● Thao tác nút Home (Màn hình chính)

Ấn nút Home hiển thị Màn hình chính.



● Màn hình chính

Bạn có thể sử dụng nhiều chức năng khác nhau trên Màn hình chính.



Các Biểu tượng/Nút và ý nghĩa của chúng trên Màn hình chính:

- **Tiêu đề của màn hình**
Thể hiện tên của màn hình hiện tại.
- **Đồng hồ/Lịch**
Hiển thị thời gian và ngày.
- **Thanh trạng thái**
Hiển thị các chỉ báo.
- **Biểu tượng ứng dụng (lỗi tắt)**
Lỗi tắt cho nguồn phát âm thanh.
- **Danh sách thiết bị (lỗi tắt)**
Lỗi tắt cho danh sách thiết bị.



Chú ý

- Chức năng này sẽ không hoạt động khi xem hình ảnh camera quan sát sau hoặc/và sử dụng các chức năng hệ thống rảnh tay Bluetooth®.
- Ấn nút Nguồn để tắt âm thanh.
- Ấn và giữ nút Nguồn để tắt đa phương tiện (Màn hình âm thanh tắt).

● Thanh trạng thái

Thanh trạng thái hiển thị các chỉ báo và thời gian. Chi tiết và ý nghĩa của từng biểu tượng chỉ báo được mô tả trong bảng bên dưới.

Chỉ báo	Tên	Chức năng
	Ký hiệu USB	Hiển thị kết nối USB/iPod
	Quá nóng trong USB	Quá nóng ở Cổng 1 hoặc Cổng 2 USB
	Cường độ tín hiệu	Hiển thị cường độ tín hiệu BT-HF (Bluetooth® - Rảnh tay) của điện thoại được kết nối
	Tắt tính năng gọi	Hiển thị trạng thái tắt tính năng gọi BT-HF (Bluetooth®-Rảnh tay)
	Biểu tượng mức pin	Hiển thị mức pin của điện thoại BT-HF (Bluetooth®- Rảnh tay) được kết nối
	Biểu tượng BT	Hiển thị kết nối Bluetooth®
	Đồng hồ	Hiển thị đồng hồ cho màn hình ngoài Màn hình chính
	Kết nối từ xa	Hiển thị trạng thái kết nối ứng dụng từ xa qua kết nối Bluetooth®
	Bản tin giao thông	Tín hiệu đài thông tin giao thông
	Chương trình giao thông	Phát hiện chương trình tín hiệu bản tin giao thông
	Cường độ tín hiệu	Cường độ kết nối với tín hiệu đài kỹ thuật số DAB

Chuyển nguồn âm thanh

1 Cách chuyển nguồn âm thanh

Bạn có thể chuyển các nguồn âm thanh bằng lối tắt ở từng nguồn âm thanh.



Lối tắt

Từ Màn hình chính.

- **Radio** Chuyển sang radio FM/AM.
- **USB/iPod** Chuyển sang USB hoặc iPod.
- **Bluetooth® Audio** Chuyển sang âm thanh Bluetooth®.
- **Phone** Chuyển sang Điện thoại rảnh tay Bluetooth®.
- **Apps** Chuyển sang kết nối Điện thoại thông minh.
- **Setting** Chuyển sang các Cài đặt.



Từ Lối tắt ở từng Nguồn âm thanh.

- **Radio** Chuyển sang radio FM/AM.
- **USB/iPod** Chuyển sang USB hoặc iPod.
- **Bluetooth® Audio** Chuyển sang âm thanh Bluetooth®.
- **Phone** Chuyển sang Điện thoại rảnh tay Bluetooth®.
- **Apps** Chuyển sang kết nối Điện thoại thông minh.
- **Settings** Chuyển sang các Cài đặt.



Chú ý

Biểu tượng Ứng dụng sẽ thay đổi theo nguồn được kết nối.

● Mã ký tự hỗ trợ

Thiết bị này hỗ trợ các mã ký tự sau đây.

Các mã ký tự ngoài các mã dưới đây có thể không được hiển thị đúng.

Chức năng	Mục	Mã ký tự hỗ trợ
USB	Tên File/Thư mục	ISO8859-1
		UNICODE (UTF-8)
		UNICODE (UTF-16)
	Tên nghệ sĩ (ID3 Tag Ver.1.x)	ISO8859-1
	Tên nghệ sĩ (ID3 Tag Ver.2.x)	ISO8859-1
		UNICODE (UTF-8)
		UNICODE (UTF-16)
	Tên nghệ sĩ (WMA Tag)	UNICODE (UTF-16)
iPod	Danh sách phát / Nghệ sĩ/ Album/ Bài hát/ Podcast/ Sách nói/ Thể loại/ Tên nhạc sĩ	UNICODE (UTF-8)
Âm thanh Bluetooth®	Bài hát / Album / Tên nghệ sĩ	UNICODE (UTF-8)
		ISO8859-1
Rảnh tay		UNICODE (UTF-8)
	Tên / Số	UNICODE (UTF-16)

*ISO8859-1 (Tiếng Anh), ISO8859-15 (Bahasa)

2 Các điều kiện vận hành âm thanh

Các tính năng của thiết bị này có thể hoặc không thể hoạt động tùy thuộc vào các điều kiện dưới đây, bao gồm cả động cơ bật hoặc tắt.

Khóa điện	Âm thanh	USB (Video)
OFF	Không hoạt động	Không hoạt động
PHỤ KIỆN	Hoạt động	Hoạt động (Chỉ khi đã giải phanh đỗ)
ON	Xe đỗ	Hoạt động
	Xe đang chạy	Chỉ âm thanh (Chỉ có âm thanh vì các lý do an toàn)

Nút khởi động-dừng động cơ	Âm thanh	USB (Video)
KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ	Xe đỗ	Hoạt động
	Xe đang chạy	Hoạt động (Chỉ khi đã giải phanh đỗ) Chỉ âm thanh (Chỉ có âm thanh vì các lý do an toàn)
DỪNG ĐỘNG CƠ	Không hoạt động	Không hoạt động



Lưu ý

Đảm bảo rằng ắc quy không bị hết điện khi đặt khóa điện ở vị trí PHỤ KIỆN.

Tránh sử dụng thiết bị này trong thời gian dài khi động cơ không chạy. Nếu không, ắc quy sẽ bị hết điện và động cơ không khởi động được.



Chú ý

Trong khi xe đang chạy, một số nút cảm ứng sẽ không hoạt động, thể hiện bằng cách làm mờ màu của biểu tượng nút. Các nút sẽ không hoạt động ngay cả khi bấm chọn.

Danh sách nút bấm cảm ứng và Danh sách sử dụng



Các nút bấm
Bấm vào các nút trên màn hình để bật các chức năng này.

1 Các nút bấm cảm ứng

- Giữ nút trên màn hình cho đến khi bạn nghe thấy tiếng bíp.
- Bấm các nút một cách nhẹ nhàng để tránh làm hỏng màn hình.
- Nếu chức năng của nút không hoạt động, nhấc ngón tay ra khỏi màn hình và bấm lại.
- Các nút bấm không hoạt động được hiển thị bằng màu mờ.
- Một số nút sẽ sáng lên khi bấm vào.
- Để trở lại màn hình trước đó, bấm nút .

<Ký hiệu của các nút bấm cảm ứng có trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này>

- Các nút bấm cảm ứng được thể hiện như bên dưới trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.
(Ví dụ)



Bạn có thể chuyển sang trang khác hoặc thay đổi tên danh sách hiển thị.

2 Sử dụng danh sách thư mục và Danh sách file



- (1) Bấm  hoặc  để quay về trang trước hoặc sang trang sau.
- (2) Vuốt lên hoặc xuống trên màn hình cảm ứng để cuộn danh sách.



Radio

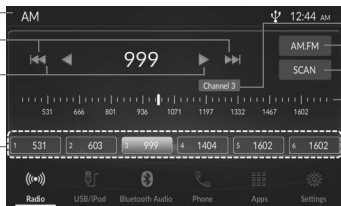
Có thể nhận và phát Radio AM hoặc FM1 hoặc FM2.

Tên chế độ đang phát

Tim kênh tiếp theo/Trước đó

Dò kênh tiếp theo/Trước đó

Các nút kênh cài đặt sẵn



Số kênh cài đặt sẵn

Nút dải tần

Nút quét

Thanh tần số

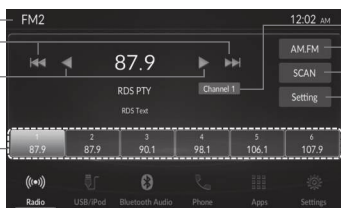
Thang chia tần số

Tên kênh đang phát

Tim kênh tiếp theo/Trước đó

Dò kênh tiếp theo/Trước đó

Các nút kênh cài đặt sẵn



Số kênh cài đặt sẵn

Nút dải tần

Nút quét

Cài đặt RDS

Vào màn hình Radio bằng cách bấm nút **Radio** trên Màn hình chính (➔ Trang 6).

- Bấm nút **AM.FM** trên màn hình Radio, dải tần radio sẽ thay đổi như sau FM1 → FM2 → AM → FM1... (mặc định là FM1).



Chú ý

Chức năng RDS không có sẵn trên tất cả loại các xe.

1 Chọn kênh

Dò kênh mong muốn bằng một trong các cách sau.



● Dò kênh cài đặt sẵn

Bấm vào một trong các nút Kênh cài đặt sẵn để chọn kênh mong muốn. Nút trên màn hình sẽ sáng và tần số kênh sẽ xuất hiện trên màn hình.

● Điều chỉnh bằng tay

- Tim kênh radio mong muốn bằng cách bấm vào Thang chia tần số, hoặc kéo Thanh tần số.
- Ấn nút **◀ ▶** để Dò kênh trước đó/Kênh tiếp theo bằng tay.
- Ấn giữ nút **◀ ▶** để Dò nhanh kênh trước đó/Tiếp theo.

● Dò tìm kiếm

Radio bắt đầu tìm kiếm kênh có tần số gần nhất và sẽ dừng lại khi tìm thấy kênh.

- Ấn nút **◀▶▶▶** để Tìm kiếm kênh trước đó/Kênh tiếp theo.
- Ấn giữ nút **◀▶▶▶** để Tìm kiếm nhanh kênh trước đó/Tiếp theo.

● Quét

Bấm nút **SCAN**. Các kênh radio được tìm kiếm và phát lần lượt trong 5 giây. Nếu bạn bấm nút **SCAN** khi tìm thấy kênh mong muốn, kênh đó sẽ được giữ lại.

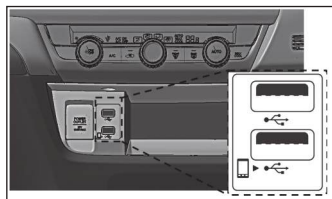
2 Cài đặt sẵn kênh



- (1) Dò đến kênh mong muốn.
 - (2) Bấm một trong các nút chọn kênh (1-6) và giữ nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp. Thao tác này sẽ thiết lập tần số hiện tại vào nút màn hình. Tần số của kênh sẽ được hiển thị trên nút màn hình.
- Để thay đổi kênh cài đặt sẵn bằng một kênh khác, thực hiện quy trình tương tự.

USB

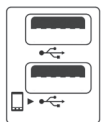
● Cắm USB.



(1) Cắm USB.



Chú ý



Cổng USB này chỉ dùng để sạc thiết bị.

Cổng USB dùng để phát các file Đa phương tiện lưu trong USB, kết nối điện thoại di động và nạp điện thiết bị.



Chú ý

- Không thể cắm qua bộ chia USB hoặc ổ cứng di động HDD.
- Tham khảo “Đa phương tiện và Dữ liệu có thể sử dụng được trên Hệ thống âm thanh” để biết chi tiết về các định dạng file được hỗ trợ (➡ Trang 65).
- Không phát được các file âm thanh và video không được mô tả trong “Đa phương tiện và Dữ liệu có thể được sử dụng trên Hệ thống âm thanh” (➡ Trang 65).

Màn hình phát nhạc trên USB

● Màn hình nhạc USB

Tên thư mục, Tên bài hát, Tên nghệ sĩ

Tên chế độ đang phát

Nút chuyển chế độ

Thời gian phát/Thanh thời gian

Nút phát/Tạm dừng

Nút danh sách

Nút phát ngẫu nhiên

Nút bài hát trước đó/ Tiếp theo

Nút Sô bài hát/ Thư mục

Nút lặp lại

● Màn hình Video USB

Tên bài hát

Thời gian phát

Tiêu đề chế độ đang phát

Nút thay đổi

Nút phát/Tạm dừng

Nút danh sách

Nút chế độ xem rộng

Thanh thời gian

Sô file

Sô thư mục

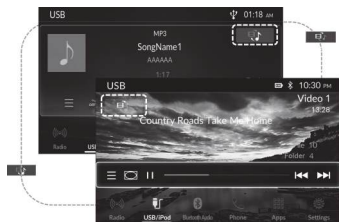
Bài hát trước đó/ Tiếp theo

1 Phát file đa phương tiện từ USB



(1) Bấm nút **USB/iPod** trên Màn hình chính (→ Trang 6).

- Hệ thống âm thanh sẽ bật ở chế độ đã sử dụng gần đây nhất.



(2) Bấm nút **[Music Icon]** trên màn hình Nhạc USB để chuyển sang chế độ Video USB.

Bấm nút **[Video Icon]** trên màn hình Video USB để chuyển sang màn hình USB.



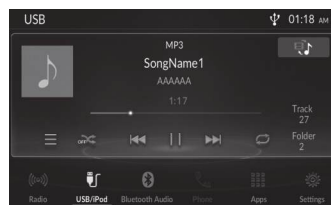
Chú ý

USB bị vô hiệu hoá khi Apple CarPlay không dây hoặc Android Auto™ không dây hoạt động.

2 Chọn Thư mục/File

Có thể chọn thư mục bạn muốn lưu trong USB.

● Chọn màn hình Danh sách thư mục/File

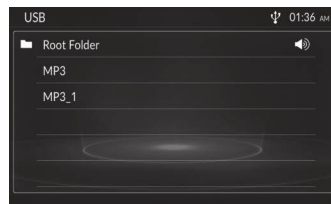


(1) Bấm nút **[Menu Icon]** trên màn hình Nhạc USB.

- Màn hình danh sách thư mục được hiển thị.



HOẶC Bấm **[Menu Icon]** trên màn hình Video USB.



(2) Bấm vào thư mục (danh sách) mà bạn muốn nghe.

- Màn hình danh sách file hiển thị.



(3) Bấm file (danh sách).

- Bắt đầu phát lại file được chọn.

● Chọn các nút trên màn hình cảm ứng



(1) Bấm nút  .

- Bấm nút  để chuyển sang file tiếp theo.
- Bấm nút  để chuyển đến phần đầu của file.
- Bấm nút  để chuyển sang file trước đó, nếu thời gian phát lại dưới 1 giây.



3 Tạm dừng và Phát lại

● Phát lại



(1) Bấm  trên Màn hình USB (➡Trang 11).

- Màn hình sẽ hiển thị  trong khi đang phát.

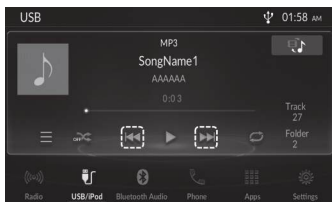
● Tạm dừng



(1) Bấm nút  trên Màn hình USB (➡Trang 11).

- Màn hình sẽ hiển thị  trong khi tạm dừng.
- Bấm nút  để phát lại.

4 Tua đi và Tua lại

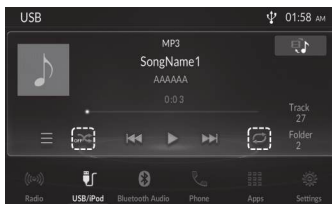


(1) Bấm nút  .

● Giữ nút  để tua đi.

● Giữ nút  để tua lại.

5 Ngẫu nhiên và Phát lại



● Bấm các nút [Ngẫu nhiên] hoặc [Phát lại] trên màn hình Nhạc USB.

● Các nút [Ngẫu nhiên] và [Phát lại] sẽ thay đổi như mô tả ở bảng bên phải.



Chú ý

Phát lại:

[Lặp lại tất cả] → [Lặp lại 1 folder] → [Lặp lại 1 file] → (trở lại)
[Lặp lại tất cả].

Phát ngẫu nhiên:

[TẮT ngẫu nhiên] → [BẬT ngẫu nhiên] → [Ngẫu nhiên 1 thư mục]
→ (quay lại) [TẮT ngẫu nhiên].

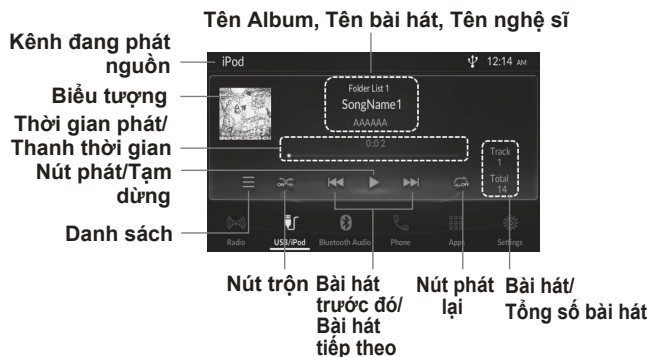
Nút	Tên	Chức năng
	TẮT ngẫu nhiên	Các file đang phát không ở chế độ ngẫu nhiên.
	BẬT ngẫu nhiên	Các file trong tất cả các thư mục của USB sẽ được chọn và phát ngẫu nhiên.
	Ngẫu nhiên 1 thư mục	Các file trong thư mục đang phát sẽ được chọn và phát ngẫu nhiên.
	Phát lại tất cả	Phát lại tất cả các file có thể phát trong USB.
	Phát lại 1 thư mục	Phát lại tất cả các file có thể phát trong thư mục đang phát.
	Phát lại 1 file	Phát lại file đang phát.

6 Chuyển sang chế độ xem rộng

Nút	Tên	Chức năng
	Phóng to (mặc định)	Mở rộng video so với tỷ lệ khung hình gốc, cho đến khi video rộng toàn bộ màn hình. Hình ảnh có thể bị cắt một phần.
	Bình thường	Hiện thị ở tỷ lệ khung hình gốc vừa với chiều rộng hoặc chiều cao.
	Toàn màn hình	Mở rộng video hết toàn bộ màn hình.

Phát nhạc trên iPod

● Màn hình phát nhạc trên iPod



(1) Bấm nút **USB/iPod** trên Màn hình chính ➔ (Trang 6).

Chú ý

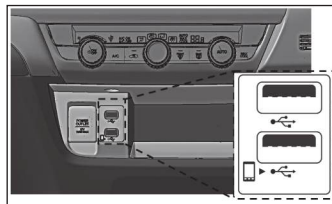
- Hệ thống này có chức năng sạc pin cho iPod.
- Khi pin của iPod yếu, iPod có thể không hoạt động. Nếu pin yếu, hãy sạc đầy pin cho iPod trước khi sử dụng.
- Tùy thuộc vào iPod được kết nối với hệ thống, một số chức năng có thể không có. Nếu không có một số chức năng do bị lỗi, hãy ngắt kết nối iPod và kết nối lại để xử lý lỗi.
- Để kết nối với hệ thống này, hãy sử dụng cáp Lightning hợp lệ.



Lưu ý

- Không kết nối iPod hoặc thao tác điều khiển thiết bị trong khi lái xe.
- Không để iPod trong xe. Đặc biệt, nhiệt độ cao bên trong xe có thể làm hỏng iPod.
- Không ấn hoặc tác động mạnh lên iPod trong khi đang kết nối vì có thể làm hỏng iPod hoặc chân iPod.
- Không đưa vật thể lạ vào cổng USB vì có thể làm hỏng iPod và chân iPod.

1 Kết nối iPod

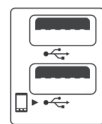


(1) Cắm cáp kết nối iPod vào cổng USB.

- Bật nguồn nếu iPod chưa bật.
- Sử dụng cáp tương thích cho thiết bị của bạn để kết nối tốt.



Chú ý



Cổng USB này chỉ dùng để sạc thiết bị.

Cổng USB này dùng để phát các file lưu trong USB, kết nối điện thoại di động và nạp điện thiết bị.

2 Phát nhạc trên iPod

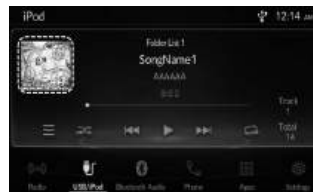


-  Bấm để tiếp tục phát bài hát.
-  Bấm để tạm dừng bài hát.
-  Bấm để chuyển sang bài hát tiếp theo.
Giữ để tua đi.
Bài hát sẽ phát khi bỏ tay ra khỏi nút.
-  Bấm để chuyển đến phần đầu của bài hát.
Bấm nút để chuyển sang bài hát trước đó, nếu thời gian phát lại dưới 1 giây.
Giữ để tua lại.
Bài hát sẽ phát khi bỏ tay ra khỏi nút.
-  Bấm để phát lại.
-  Bấm để phát ngẫu nhiên.

● Chọn Bài hát

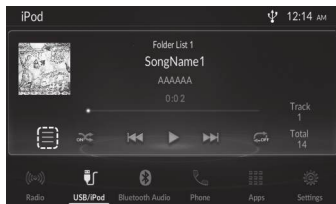
Bấm nút  hoặc nút  để chọn bài hát mong muốn.

● Biểu tượng iPod

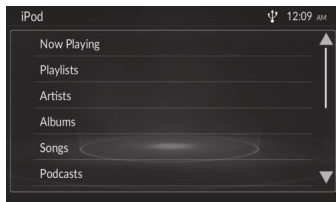


- (1) Biểu tượng iPod có thể được hiển thị trên màn hình tùy thuộc vào loại iPod hoặc dữ liệu lưu trong iPod.

● Chọn chế độ phát hoặc danh mục



- (1) Bấm  trên màn hình thao tác iPod cơ bản.



- (2) Danh sách trong chế độ phát được chọn như danh sách phát, nghệ sĩ, album, bài hát, podcast, sách nói hoặc Trộn bài sẽ được hiển thị.



- (3) Chọn bài hát mong muốn từ danh sách.

- Khi chọn một danh sách nhạc, danh sách các bài hát sẽ hiển thị. Tiếp tục chọn cho đến khi bài hát hiển thị.
- Nhạc bắt đầu phát khi bài hát được chọn.

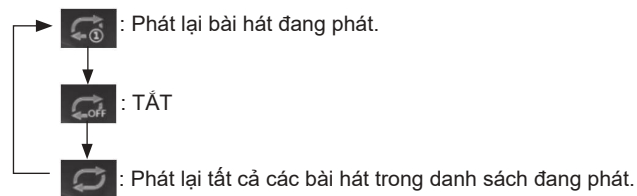
● Phát lại và Trộn bài

Bạn có thể phát lại bài hát bằng các chế độ phát lại và trộn bài.

<Chế độ phát lại>

Tự động phát lại bài hát đang phát.

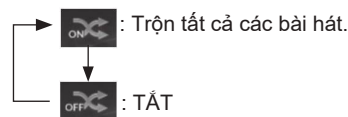
- Chế độ phát lại thay đổi như bên dưới mỗi khi bấm vào nút trên màn hình.



<Chế độ trộn bài>

Tự động trộn tất cả các bài hát trong iPod.

- Chế độ trộn bài thay đổi như bên dưới mỗi khi bấm nút trên màn hình.



Chú ý

Khi có nhiều bài hát được lưu trong iPod, việc chọn chế độ trộn bài sẽ mất nhiều thời gian hơn.

3 Các loại iPod tương thích

Dưới đây là danh sách các loại iPod được hỗ trợ. Thiết bị này chỉ hỗ trợ các loại iPod sau. Các loại đời cũ hơn không được hỗ trợ.

Dành cho

- iPod touch (thế hệ thứ 7)
- iPod touch (thế hệ thứ 6)
- iPod touch (thế hệ thứ 5)

Dành cho

- iPhone 7 Plus
- iPhone 7
- iPhone 8
- iPhone 8 Plus
- iPhone X
- iPhone XR
- iPhone XS
- iPhone XS Max
- iPhone 11
- iPhone 11 Pro
- iPhone 11 Pro Max
- iPhone SE (thế hệ thứ 2)
- iPhone 12 mini
- iPhone 12
- iPhone 12 Pro
- iPhone 12 Pro Max
- iPhone 13 Mini
- iPhone 13
- iPhone 13 Pro
- iPhone 13 Pro Max



Chú ý

- Chú ý rằng các loại được liệt kê ở trên có thể không sử dụng được với thiết bị này do những khác biệt riêng, như loại hoặc phiên bản phần mềm.
- Truy cập trang web của Apple để biết chi tiết về cách cập nhật phần mềm iPod.
- Các iPod từ thế hệ thứ 4 trở về trước không tương thích với thiết bị này.
- iPad, iPod mini, iPod shuffle và iPod photo không tương thích với thiết bị này.
- Thiết bị này không thể phát video trong iPod.

Truy cập trang web URL

http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/honda/HONDA23M/compatible_models.html



- Đối với một số loại iPod, hoạt động có thể không bình thường hoặc không ổn định. Trong trường hợp này, hãy ngắt kết nối iPod, sau đó kiểm tra tình trạng của iPod. Nếu hoạt động vẫn không được cải thiện hoặc chậm, hãy khởi động lại iPod.
- Khi bạn bật thiết bị này, iPod sẽ được sạc pin thông qua thiết bị.
- Thông tin văn bản có thể không được hiển thị chính xác.

Phát nhạc qua âm thanh Bluetooth®

● Bluetooth®

Hệ thống âm thanh Bluetooth® cho phép người dùng nghe nhạc trên máy nghe nhạc qua loa của xe thông qua kết nối không dây.

Hệ thống âm thanh này hỗ trợ Bluetooth®, một hệ thống dữ liệu không dây có khả năng phát file nhạc trên máy nghe nhạc mà không cần dây cáp. Nếu máy nghe nhạc của bạn không hỗ trợ Bluetooth®, hệ thống âm thanh Bluetooth® sẽ không hoạt động.



Lưu ý

- Không vận hành máy nghe nhạc hoặc kết nối với hệ thống âm thanh Bluetooth® trong khi lái xe.
- Không để máy nghe nhạc ở trong xe. Đặc biệt, nhiệt độ cao bên trong xe có thể làm hỏng máy nghe nhạc.



Chú ý

- Trong các điều kiện sau đây, hệ thống có thể không hoạt động.
 - Máy nghe nhạc tắt.
 - Máy nghe nhạc không được kết nối.
 - Máy nghe nhạc yếu pin.
- Tùy thuộc vào loại máy nghe nhạc được kết nối với hệ thống, một số chức năng có thể không có.
- Có thể mất nhiều thời gian để kết nối hệ thống âm thanh Bluetooth® và điện thoại di động.
- Một số thiết bị Bluetooth® (thấp hơn phiên bản Bluetooth® 2.0) có thể không kết nối với thiết bị này tùy thuộc vào phiên bản Bluetooth® của thiết bị.
- Thiết bị này có thể không hoạt động đối với một số thiết bị Bluetooth®.
- Điều kiện kết nối có thể khác nhau tùy thuộc vào môi trường của bạn.

- Máy nghe nhạc phải đáp ứng các thông số kỹ thuật sau đây thì mới có thể kết nối với hệ thống âm thanh Bluetooth®. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng một số chức năng có thể bị giới hạn tùy thuộc vào loại máy nghe nhạc.

- Thông số kỹ thuật Bluetooth®

Phiên bản.1.1 trở lên (Khuyến nghị: Phiên bản.4.2 trở lên)

- Cấu hình

A2DP (Advanced Audio Distribution Profile) (Cấu hình phân phối âm thanh nâng cao) Phiên bản 1.0 trở lên (Khuyến nghị: Phiên bản 1.3 trở lên). Đây là cấu hình để truyền âm thanh nổi hoặc âm thanh chất lượng cao đến loa.

AVRCP (Audio/Video Remote Control Profile) (Cấu hình điều khiển Âm thanh/Video từ xa) Phiên bản 1.0 trở lên (Khuyến nghị: Phiên bản 1.6 trở lên). Đây là một cấu hình để điều khiển từ xa các thiết bị A/V.



Lưu ý

- Các dải tần mà thiết bị sử dụng cũng được sử dụng cho một số thiết bị như lò vi sóng, các trạm phát sóng vô tuyến trong nhà để xác định thiết bị di động được sử dụng trong dây chuyền sản xuất của nhà máy (các trạm phát sóng vô tuyến phải có giấy phép), các trạm phát sóng vô tuyến công suất thấp (trạm phát sóng vô tuyến không cần giấy phép), và các trạm phát sóng vô tuyến nghiệp dư (các trạm phát sóng vô tuyến cần có giấy phép) (3 loại trạm phát sóng vô tuyến nêu trên sau đây sẽ được gọi là “các trạm phát sóng vô tuyến khác”) ngoại trừ các thiết bị hóa chất/y tế. Trước khi sử dụng thiết bị, hãy xác nhận rằng không có “các trạm phát sóng vô tuyến khác” đang được sử dụng ở khu vực gần đó. Trong trường hợp thiết bị gây nhiễu có hại cho “các trạm phát sóng vô tuyến khác”, hãy nhanh chóng di chuyển đến vị trí không bị nhiễu.
- Thiết bị này được sử dụng ở tần số 2.4GHz.
- Sử dụng kỹ thuật trải phổ FH-SS.
- Khoảng cách nhiều được giả thuyết là không quá 10m.
- Thiết bị có thể được sử dụng trên tất cả các dải tần đảm bảo có thể tránh được băng thông của bộ nhận dạng thiết bị di động.
- Thiết bị viễn thông này phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của NTC.

1 Chuyển sang chế độ âm thanh Bluetooth®



- (1) Bấm **Bluetooth® Audio** trên Màn hình chính (➡ Trang 6).
 - Hệ thống âm thanh sẽ bật ở chế độ đã sử dụng gần đây nhất.



- (2) Màn hình âm thanh Bluetooth® (Màn hình phát nhạc qua âm thanh Bluetooth®) sẽ hiển thị khi âm thanh Bluetooth® được kết nối.

2 Kết nối âm thanh Bluetooth®

Để sử dụng hệ thống âm thanh Bluetooth®, bạn cần ghép đôi máy nghe nhạc di động của bạn với hệ thống. Khi đã ghép đôi xong, bạn có thể nghe nhạc trên hệ thống âm thanh của xe.

● Khi thiết bị Bluetooth® không được ghép đôi

Nếu bạn chưa ghép đôi bất kỳ thiết bị Bluetooth® nào, trước tiên bạn phải ghép đôi thiết bị theo quy trình sau.



- (1) Chọn **Bluetooth Settings**.



- (2) Bấm **Add Phone** để kết nối với thiết bị Bluetooth®.
 - Không thể chọn [Add Phone] trong khi lái xe.
Hãy dừng xe và gài phanh đỗ.



- (3) Khi màn hình này hiển thị, hãy tiến hành dò tìm thiết bị “Honda” trong điện thoại của bạn.
- (4) Nhập mã bảo mật hiển thị trên màn hình vào máy nghe nhạc của bạn. Sau đó, bấm nút **Pair** trên thiết bị.

- Không yêu cầu mật khẩu đối với điện thoại Bluetooth® tương thích SSP (Secure Simple Pairing) (Ghép đôi bảo mật đơn giản). Tùy thuộc vào loại điện thoại Bluetooth® được kết nối, thông báo xác nhận ghép đôi có thể được hiển thị trên màn hình điện thoại Bluetooth®. Xác nhận và thao tác trên điện thoại Bluetooth® theo thông báo xác nhận.

- Nếu bạn muốn hủy, bấm **Cancel** trên thiết bị của bạn hoặc **Quit** trên màn hình.

- (5) Khi kết nối thành công, một màn hình tương tự bên trái sẽ được hiển thị.

- Sau khi ghép đôi thành công, hệ thống sẽ tự động kết nối với máy nghe nhạc của bạn mỗi khi bạn khởi động xe.

- Thông tin máy nghe nhạc sẽ được ghép đôi khi hệ thống âm thanh Bluetooth® được kết nối. Khi bạn chuyển nhượng xe cho người khác, hãy rút máy nghe nhạc của bạn ra (Xem phần “Rút thiết bị Bluetooth® ra” ➡ Trang 45).

● Khi thiết bị Bluetooth® không được ghép đôi

Sau khi ghép đôi một số thiết bị Bluetooth®, bạn có thể thay đổi thiết bị đã kết nối và thêm thiết bị mới.



- (1) Bấm **Add Phone** Phone trên màn hình cài đặt Bluetooth® để thêm thiết bị mới.

- Bạn có thể thêm tối đa đến 5 thiết bị.

- Mỗi lần chỉ kết nối được một thiết bị.

- (2) Nếu bạn bấm **Select Phone**, màn hình chọn điện thoại sẽ được hiển thị.

- Chọn thiết bị mà bạn muốn kết nối.

● Màn hình cài đặt Bluetooth®

Để thay đổi cài đặt Bluetooth®, xem phần “Cài đặt Bluetooth®”.

(➡ Trang 43)

3 Phát nhạc qua máy nghe nhạc Bluetooth®



- Tiêu đề của bài hát và album hiện đang phát sẽ hiển thị.
- Một số tiêu đề và nút điều khiển có thể không hiển thị tùy vào loại máy nghe nhạc Bluetooth®.

 Bấm để tạm dừng bài hát.

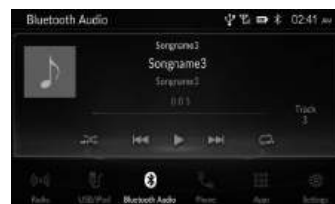
 Bấm để tiếp tục phát bài hát.

 Bấm nút để chuyển đến phần đầu của bài hát.
Bấm nút để chuyển sang bài hát trước đó, nếu thời gian phát dưới 1 giây.
Giữ để tua lại.

Bài hát sẽ phát khi bỏ tay ra khỏi nút.

 Bấm để chuyển sang bài hát tiếp theo.
Giữ để tua đi. Bài hát sẽ phát khi bỏ tay ra khỏi nút.

● Hiển thị trạng thái



Hiển thị trạng thái kết nối Bluetooth®.

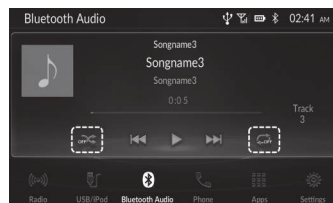
Chỉ báo	Tên	Chức năng
	Cường độ tín hiệu BT	Hiển thị cường độ tín hiệu BT-HF (Bluetooth® - rảnh tay) của điện thoại được kết nối
	Tắt tính năng gọi	Hiển thị trạng thái tắt tính năng gọi BT-HF (Bluetooth®-rảnh tay)
	Biểu tượng mức pin	Hiển thị mức pin của điện thoại BT-HF (Bluetooth®- rảnh tay) được kết nối
	Biểu tượng BT	Hiển thị kết nối Bluetooth®

Chú ý

Ăng-ten dùng để kết nối Bluetooth® được tích hợp trong màn hình. Tình trạng kết nối Bluetooth® có thể không tốt và hệ thống có thể không hoạt động khi bạn sử dụng máy nghe nhạc trong các điều kiện sau.

- Máy nghe nhạc của bạn để khuất sau màn hình (phía sau ghế hoặc trong hộp đựng đồ và hộp đựng đồ trung tâm).
- Máy nghe nhạc của bạn chạm vào hoặc bị vật liệu kim loại đè lên trên. Có thể không điều khiển được Âm thanh Bluetooth bằng công tắc trên vô lăng, tùy thuộc vào Màn hình giải trí.

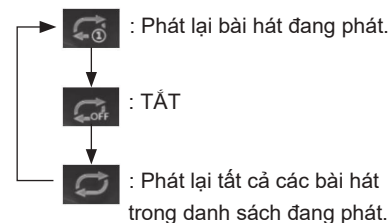
● Thứ tự phát lặp lại và ngẫu nhiên



<Chế độ phát lại>

Phát lại bài hát đang phát.

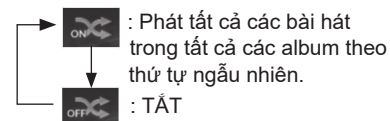
- Chế độ phát lại thay đổi như bên dưới mỗi khi bấm vào nút trên màn hình.



<Chế độ ngẫu nhiên>

Thiết bị chọn và phát các bài hát theo thứ tự ngẫu nhiên.

- Chế độ ngẫu nhiên thay đổi như bên dưới mỗi khi bấm nút trên màn hình.

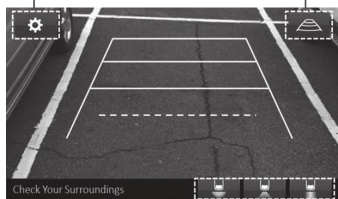


Camera

● Camera quan sát sau

Khi cần số được gạt sang vị trí SỐ LÙI (R), màn hình sẽ tự động chuyển sang hình ảnh camera quan sát sau ở chế độ toàn màn hình. Hình ảnh camera quan sát sau tự động đảo chiều và hiển thị trên màn hình phía trước.

Cài đặt camera lùi



Nút đường dẫn hướng

(1) Hiển thị màn hình camera quan sát sau.

Nút chế độ quan sát



(2) Hiển thị màn hình cài đặt camera.

- Bấm vào màn hình camera quan sát sau để điều chỉnh độ sáng và độ tương phản.

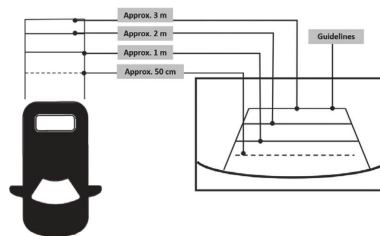
Các mục cài đặt

● Brightness	● Điều chỉnh độ sáng của màn hình camera.
● Contrast	● Điều chỉnh độ tương phản của màn hình camera.

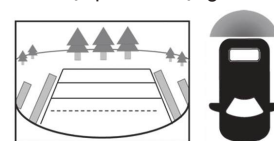
Hình ảnh hiển thị là để tham khảo và có thể khác với hình ảnh thực tế tùy theo tình trạng xe.

Vùng hiển thị camera lùi đa hướng

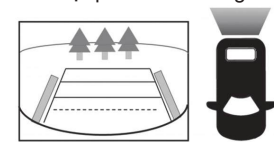
Bấm vào biểu tượng trên màn hình cảm ứng để thay đổi chế độ xem.



Chế độ quan sát rộng



Chế độ quan sát thường



Bạn có thể quan sát ba chế độ camera khác nhau trên màn hình quan sát sau.

- Loại xe có Màn hình giải trí

Bấm vào biểu tượng thích hợp để chuyển chế độ.



: Chế độ quan sát rộng

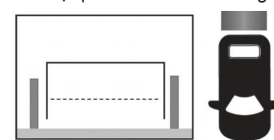


: Chế độ quan sát thường



: Chế độ quan sát từ trên xuống

Chế độ quan sát từ trên xuống



Chú ý

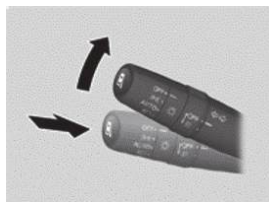
- Chức năng camera có thể không có trên tất cả các loại xe.
- Nếu thấu kính camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính và bụi bẩn.

Hệ thống quan sát làn đường

Quan sát làn đường là một hệ thống hỗ trợ cho phép bạn kiểm tra các khu vực sau phía hành khách, được hiển thị trên màn hình âm thanh/thông tin khi gạt xi nhan về phía hành khách. Camera trong gương cửa phía hành khách sẽ theo dõi khu vực này và cho phép bạn kiểm tra được xe, đồng thời kiểm tra bằng mắt thường qua gương cửa hành khách. Bạn cũng có thể để hệ thống bật để thuận tiện trong khi lái xe.

Kích hoạt chức năng quan sát làn đường

Gạt xi nhan phải/trái (tùy thuộc bạn lái xe bên nào/quốc gia nơi bạn lái xe). Màn hình Quan sát làn đường xuất hiện. Kiểm tra màn hình để biết các điểm mù và quan sát bằng mắt thường để xác nhận rằng việc thay đổi làn đường là an toàn. Bạn cũng có thể ấn nút Quan sát làn đường ở cuối nút xi nhan để quan sát màn hình thời gian thực. Ấn nút thêm một lần nữa để tắt màn hình.



Chú ý

Nếu thấu kính camera bị bụi hoặc ẩm, dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính và bụi bẩn.

Hình ảnh quan sát làn đường

Khi gạt xi nhan sang vị trí Quan sát làn đường hoặc ấn công tắc Quan sát làn đường, màn hình sẽ tự động chuyển sang hình ảnh Quan sát làn đường ở chế độ toàn màn hình.

Cài đặt quan sát làn đường



(1) Hiển thị màn hình Quan sát làn đường.



(2) Hiển thị màn hình cài đặt Quan sát làn đường.

- Bấm nút để điều chỉnh độ sáng và độ tương phản.

Vạch khoảng cách

Ba đường kẻ xuất hiện trên màn hình biểu thị khoảng cách giữa xe của bạn với xe khác hoặc với vật thể. Nếu vật thể ở gần đường kẻ 1 (màu đỏ), nghĩa là vật thể đó ở gần xe của bạn, còn nếu vật thể ở gần đường kẻ thứ 3 thì có nghĩa là vật thể đó cách xa bạn.

Điện thoại (Hệ thống điện thoại rảnh tay)



- (1) Bấm **Phone** trên Màn hình chính
(⇒ Trang 6).

Keypad

Hiển thị “Bàn phím” hoặc màn hình thao tác cơ bản của điện thoại.

0-9, *, #, +

Được sử dụng để nhập số điện thoại.

Recent Calls

Hiển thị màn hình “Cuộc gọi gần đây” để tạo cuộc gọi bằng lịch sử cuộc gọi.

Phonebook

Hiển thị màn hình “Danh bạ điện thoại” để tạo cuộc gọi bằng danh bạ.

Select Phone

Hiển thị màn hình “Chọn điện thoại” để chọn thiết bị.



Call

Dùng để tạo cuộc gọi.

Hệ thống rảnh tay Bluetooth® cho phép bạn gọi điện hoặc nhận cuộc gọi mà không cần thao tác trực tiếp trên điện thoại thông minh.

Hệ thống này hỗ trợ Bluetooth®.

Bluetooth® là một hệ thống dữ liệu không dây mà qua đó bạn có thể gọi điện mà không cần kết nối điện thoại thông minh của bạn với cáp hoặc đặt trên giá đỡ.

Quy trình vận hành của hệ thống được trình bày trong phần này.

- Về ghép đôi điện thoại Bluetooth®, xem phần “Kết nối điện thoại Bluetooth®” (⇒ Trang 31).



Lưu ý

- Chỉ sử dụng điện thoại thông minh hoặc kết nối điện thoại Bluetooth® khi nó an toàn và hợp pháp.
- Không để điện thoại thông minh trong xe. Vì nhiệt độ cao trong xe có thể làm hỏng điện thoại.
- Nếu để điện thoại Bluetooth® ở quá gần hệ thống, chất lượng âm thanh và tình trạng kết nối có thể kém đi.



Chú ý

- Nếu điện thoại thông minh của bạn không hỗ trợ tính năng Bluetooth®, hệ thống này sẽ không hoạt động.
- Tùy thuộc vào loại điện thoại thông minh, một số chức năng có thể bị hạn chế.
- Trong các điều kiện sau đây, hệ thống có thể không hoạt động.
 - Điện thoại thông minh tắt.
 - Điện thoại ở ngoài khu vực kết nối.
 - Điện thoại thông minh không được kết nối.
 - Điện thoại thông minh bị yếu pin.
 - Khi cuộc gọi đi bị hạn chế, do đường truyền điện thoại bị quá tải, v.v.
 - Khi chính điện thoại không thể sử dụng được.
 - Khi đang sao chép dữ liệu danh bạ từ điện thoại thông minh.
- Ngay cả khi điện thoại thông minh của bạn hỗ trợ cả tính năng điện thoại rảnh tay và âm thanh Bluetooth®, bạn cũng không thể kết nối hai tính năng này cùng một lúc.
- Khi sử dụng cùng lúc cả âm thanh Bluetooth® và chế độ rảnh tay, có thể xảy ra các sự cố sau.
 - Kết nối Bluetooth® có thể bị ngắt.
 - Có thể nghe thấy tiếng ồn khi phát âm thanh Bluetooth®.
- Pin điện thoại Bluetooth® sẽ nhanh bị hết hơn khi được kết nối với Bluetooth®.

- Hệ thống này hỗ trợ các cấu hình sau đây.

- Thông số kỹ thuật Bluetooth®

Công nghệ : Bluetooth® 4.2

- Cấu hình

- HFP (Hands Free Profile) (Cấu hình rảnh tay) 1.7
- A2DP (Advanced Audio Distribution Profile) (Cấu hình phân phối âm thanh nâng cao) Phiên bản 1.3
- AVRCP (Audio/Video Remote Control Profile) (Cấu hình điều khiển âm thanh/video từ xa) Phiên bản 1.6
- GAP (Generic Access Profile) (Cấu hình truy cập chung)
- PBAP (Phone Book Access Profile) (Cấu hình truy cập danh bạ) Phiên bản 1.2
- SPP (Serial Port Profile) (Cấu hình cổng nối tiếp) Phiên bản 1.2



Chú ý

- Giọng nói của người bên kia sẽ phát ra từ loa trước. Khi nhận cuộc gọi hoặc có giọng nói phát ra, âm thanh từ hệ thống âm thanh sẽ bị tắt tiếng.
- Bạn và người đầu dây bên kia lần lượt nói trên điện thoại. Nếu bạn và bên kia nói cùng một lúc, giọng nói của hai bên có thể không đến được bên kia. (Đây không phải là sự cố.)
- Để âm lượng cuộc gọi ở mức thấp. Nếu không, sẽ có tiếng vang và bên ngoài xe có thể nghe thấy giọng nói của người gọi đến. Khi nói chuyện trên điện thoại di động, hãy nói rõ ràng hướng về phía micro.
- Trong những tình huống dưới đây, người đầu dây bên kia có thể không nghe thấy giọng của bạn.
 - Lái xe trên đường không trải nhựa. (Do tiếng ồn giao thông).
 - Lái xe ở tốc độ cao.
 - Cửa kính mở.
 - Có tiếng ồn lớn từ quạt điều hòa không khí.
 - Bị ảnh hưởng từ mạng điện thoại thông minh.

1 Danh bạ điện thoại trong hệ thống

Dữ liệu dưới đây sẽ được lưu cho mỗi điện thoại được đăng ký. Khi kết nối với điện thoại khác, bạn sẽ không đọc được dữ liệu đã lưu.

- Danh bạ điện thoại
- Lịch sử cuộc gọi (Cuộc gọi gần đây)



Chú ý

Khi bạn xóa điện thoại, dữ liệu nói trên cũng sẽ bị xóa.

2 Khi bạn chuyển nhượng xe

Nhiều dữ liệu cá nhân được lưu khi bạn sử dụng hệ thống điện thoại rảnh tay. Khi bạn chuyển nhượng xe, hãy khởi tạo dữ liệu của bạn.

Bạn có thể khởi tạo dữ liệu dưới đây trong hệ thống.

- Danh bạ điện thoại
- Lịch sử cuộc gọi
- Dữ liệu điện thoại Bluetooth®



Chú ý

Nếu bạn khởi tạo dữ liệu, trạng thái trước đó sẽ không trở lại nữa.
Cẩn thận khi khởi tạo dữ liệu.
Dữ liệu sẽ bị xóa khi ngắt kết nối điện thoại thông minh.

3 Màn hình trạng thái điện thoại



- 1 Hiển thị trạng thái của kết nối Bluetooth®.



Kết nối: Xuất hiện
Không kết nối: Không xuất hiện

- 2 Hiển thị lượng pin còn lại.



Hết pin ← → Đầy pin

- Biểu tượng này không hiển thị khi điện thoại Bluetooth® không được kết nối.
- Tùy thuộc vào loại điện thoại Bluetooth®, mức pin còn lại có thể không hiển thị.
- Không phải lúc nào cũng biểu thị đúng lượng pin thực tế của điện thoại Bluetooth®. Hệ thống này không có chức năng sạc pin.

③ Hiển thị mức độ thu sóng.



- Không phải lúc nào cũng biểu thị đúng mức độ thu sóng thực tế của điện thoại.
- Mức độ thu sóng có thể không hiển thị tùy thuộc vào loại điện thoại.
- Khi bạn ra khỏi khu vực dịch vụ hoặc ở một nơi không thể truy cập bằng sóng radio,  sẽ hiển thị.

 Chú ý

- Ăng-ten dùng để kết nối Bluetooth® được tích hợp trong màn hình.
- Tình trạng kết nối Bluetooth® có thể không tốt và hệ thống có thể không hoạt động khi bạn sử dụng điện thoại Bluetooth® trong các điều kiện sau.
 - Điện thoại Bluetooth® để khuất sau màn hình (phía sau ghế hoặc trong hộp đựng đồ và hộp đựng đồ trung tâm.)
 - Điện thoại Bluetooth® chạm vào hoặc bị vật liệu kim loại đè lên trên.
- Để điện thoại Bluetooth® ở nơi có độ nhạy Bluetooth® tốt.

Kết nối điện thoại Bluetooth®

Để sử dụng hệ thống điện thoại rảnh tay Bluetooth®, bạn cần kết nối điện thoại với hệ thống. Khi đã kết nối xong, bạn có thể tạo cuộc gọi điện thoại rảnh tay.

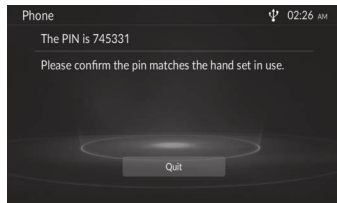
Nếu bạn chưa kết nối bất kỳ điện thoại Bluetooth® nào, trước tiên bạn phải ghép đôi theo quy trình sau.

- Hãy xem phần “Cài đặt Bluetooth®” (➡ Trang 43) để biết cách ghép đôi thêm một thiết bị mới.



- (1) Bấm **Phone** trên màn hình Chính.

- (2) Khi màn hình này hiển thị, hãy tiến hành dò tìm thiết bị từ điện thoại Bluetooth® của bạn.



- (3) Xác nhận mã hiển thị trên màn hình và mã hiển thị trên điện thoại của bạn khớp nhau.

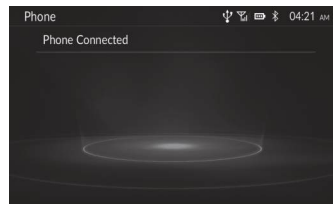
- Bấm **Pair** để tiếp tục.

- Phương pháp ghép đôi sẽ khác nhau tùy thuộc vào phiên bản Bluetooth® của thiết bị.

- Đối với điện thoại có Bluetooth® 2.1: Bạn có thể ghép đôi điện thoại với Màn hình giải trí bằng SSP (Ghép đôi bảo mật đơn giản), cách này chỉ yêu cầu xác nhận.
- Đối với điện thoại có Bluetooth® 2.0: Bạn cần nhập mã PIN trên cả điện thoại và Màn hình giải trí để ghép đôi.

- Nếu bạn muốn hủy ghép đôi, bấm **Cancel**.

- Nếu điện thoại Bluetooth® được ghép đôi có chức năng âm thanh Bluetooth®, chức năng này có thể được ghép đôi cùng một lúc.



- (4) Khi kết nối hoàn tất, màn hình này sẽ được hiển thị.

- Nếu Bluetooth® bị ngắt kết nối do bạn tắt điện thoại Bluetooth®, kết nối không thành công. Kết nối lại điện thoại Bluetooth® bằng tay.

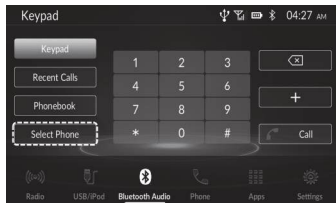


Chú ý

Để biết chi tiết về dò tìm thiết bị cho điện thoại Bluetooth® của bạn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại Bluetooth®. Chỉ thực hiện ghép đôi sau khi đỗ xe.

1 Chọn điện thoại Bluetooth®

Sau khi ghép đôi một số thiết bị Bluetooth®, bạn có thể thay đổi thiết bị đã kết nối và thêm thiết bị mới.



(1) Bấm **Select Phone**.



(2) Bấm tên thiết bị Bluetooth® để kết nối.

- Biểu tượng chọn nằm ở bên trái của tên thiết bị.
- Biểu tượng Bluetooth® sẽ xuất hiện khi bạn kết nối với thiết bị.

Chú ý

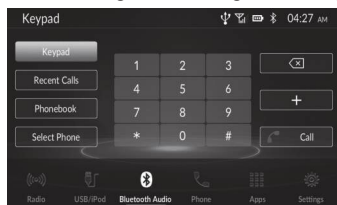
Khi bạn kết nối điện thoại trong khi đang phát âm thanh Bluetooth®, âm thanh Bluetooth® sẽ tạm dừng. Kết nối điện thoại trong khi phát âm thanh Bluetooth® có thể mất nhiều thời gian. Âm thanh có thể không phát ra.

Gọi điện trên điện thoại Bluetooth®

Sau khi đăng ký điện thoại Bluetooth®, bạn có thể gọi điện bằng hệ thống điện thoại rảnh tay Bluetooth®.

1 Bằng cách quay số

Bạn có thể gọi điện bằng cách nhập số điện thoại.



(1) Nhập số điện thoại bằng cách bấm các phím số (0 - 9, *, #, +).

- Mỗi lần bạn bấm vào , số đã nhập sẽ bị xóa.

(2) Bấm  Call.

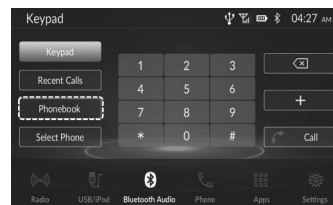


Chú ý

Không sử dụng chức năng Chọn điện thoại khi đang lái xe.

2 Bằng danh bạ điện thoại

Bạn có thể gọi điện bằng danh bạ được sao chép từ điện thoại thông minh của bạn. Hệ thống sẽ lưu một danh bạ điện thoại cho mỗi điện thoại. Bạn có thể lưu tối đa 1.000 số liên hệ cho mỗi danh bạ điện thoại.

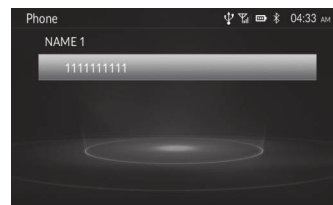


(1) Bấm **Phonebook**.



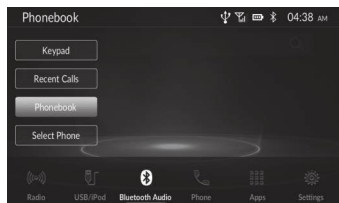
(2) Bấm vào liên hệ bạn muốn gọi trong danh sách.

- Bấm vào liên hệ bạn muốn gọi trong danh bạ điện thoại.



- Hoặc bấm vào  để hiển thị danh sách số điện thoại và bấm vào số điện thoại để gọi điện.

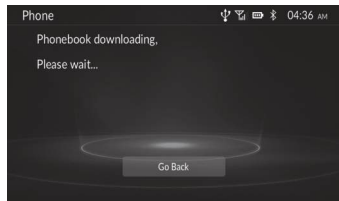
● Khi danh bạ điện thoại trống



(1) Bấm **Phonebook**.

- Nếu điện thoại của bạn không hỗ trợ dịch vụ PBAP hoặc OPP, bạn không thể sao chép danh bạ.

● Khi đang tải danh bạ điện thoại



(1) Đợi vài giây và bấm lại **Phonebook**.

HOẶC

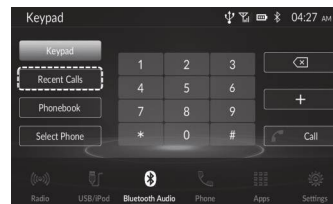
Bấm **Go back** để quay lại.



Chú ý

Khi một tên liên hệ có nhiều số điện thoại, tối đa 3 số điện thoại sẽ hiển thị.

3 Cuộc gọi gần đây



(1) Bấm **Recent Calls**.



(2) Bấm số điện thoại muốn gọi.

Bạn có thể tạo cuộc gọi bằng cuộc gọi gần đây ở 3 mục như sau.
(Hiển thị 4 liên hệ gần đây nhất của mỗi mục.)



Outgoing

Cuộc gọi đi: Các cuộc gọi bạn đã gọi



Incoming

Cuộc gọi đến: Các cuộc gọi bạn đã nhận



Missed

Cuộc gọi nhớ: Các cuộc gọi bị nhớ

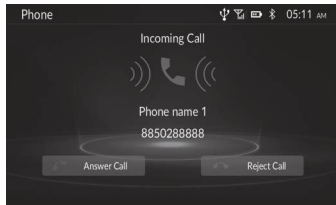


Chú ý

- Khi bạn gọi điện bằng danh bạ điện thoại, tên liên hệ (nếu đã lưu) sẽ được hiển thị.
- Khi nhận được cuộc gọi từ số điện thoại đã lưu trong danh bạ, tên liên hệ và số sẽ được hiển thị.
- Các cuộc gọi không hiện số cũng được ghi nhớ trong hệ thống.
- Có thể không thực hiện được cuộc gọi quốc tế tùy thuộc vào điện thoại thông minh của bạn.

Nhận cuộc gọi trên điện thoại Bluetooth®

Khi có cuộc gọi đến, màn hình này sẽ hiển thị cùng với âm thanh.



Để trả lời cuộc gọi:

Bấm  **Answer Call**

Để từ chối cuộc gọi:

Bấm  **Reject Call**

Để điều chỉnh âm lượng cuộc gọi đến:

Bấm nút “-” hoặc “+”.

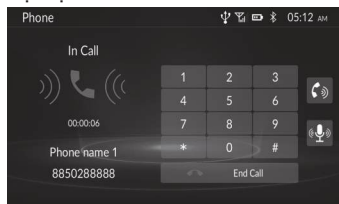


Chú ý

- Khi thực hiện cuộc gọi quốc tế, tên của người nghe có thể không hiển thị chính xác tùy thuộc vào điện thoại thông minh của bạn.
- Nếu điện thoại di động đang hiển thị video, màn hình có thể vẫn giữ nguyên.

Nói chuyện trên điện thoại Bluetooth®

Trong khi bạn đang nói chuyện qua điện thoại, màn hình này sẽ hiển thị. Bạn có thể thao tác trên màn hình như sau.



Để gác máy:

Bấm End Call.

Để tắt tiếng:

Bấm .

Để nhập số:

Bấm 0-9.

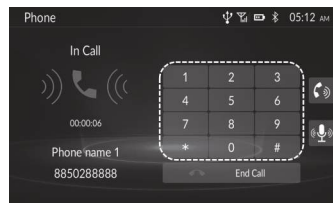
Để chuyển cuộc gọi:

Bấm đối với chế độ rảnh tay
hoặc cho chế độ dùng tay.

Chú ý

- Khi bạn chuyển cuộc gọi từ điện thoại sang cuộc gọi rảnh tay, màn hình cuộc gọi rảnh tay sẽ được hiển thị và bạn có thể thao tác trên màn hình.
- Nếu điện thoại di động đang hiển thị video, màn hình có thể vẫn giữ nguyên.

● Khi bạn bấm số “0-9”



(1) Nhập số bằng cách bấm các phím số.

Để gác máy:

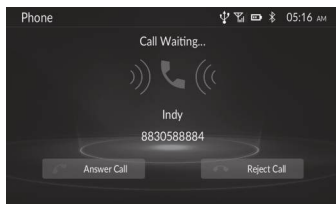
Bấm End Call.

Chú ý

- Bạn có thể thực hiện thao tác bấm số này khi muốn dùng máy trả lời điện thoại hoặc sử dụng dịch vụ điện thoại trong ngân hàng. Bạn có thể lưu số điện thoại và mã số vào trong danh bạ điện thoại.

1 Cuộc gọi chờ

Khi có một người khác gọi đến trong khi đang nói chuyện, màn hình này sẽ xuất hiện.

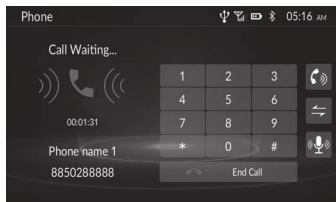


Để trả lời cuộc gọi:

Bấm  Answer Call.

Để từ chối cuộc gọi:

Bấm  Reject Call.



- Mỗi lần bạn bấm  trong khi có một người khác gọi đến, bạn sẽ chuyển cuộc gọi từ người này sang người kia.



Chú ý

- Vận hành cuộc gọi chờ có thể khác nhau tùy thuộc vào hãng điện thoại và loại điện thoại thông minh của bạn.
- Tính năng dịch vụ cuộc gọi chờ không có sẵn tùy thuộc vào chi tiết hợp đồng với hãng điện thoại.

Liên kết điện thoại thông minh

1 Về liên kết điện thoại thông minh

Liên kết điện thoại thông minh cho phép Màn hình giải trí này kết nối với điện thoại thông minh qua cáp USB hoặc kết nối wifi. Khi ở chế độ kết nối, bạn có thể sử dụng các ứng dụng của điện thoại thông minh trên thiết bị này.

Để biết cách sử dụng và điện thoại thông minh được hỗ trợ, hãy truy cập trang web.

URL

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/honda/HONDA23M/index.html>



Lưu ý

- Không kết nối điện thoại thông minh hoặc thao tác điều khiển thiết bị trong khi lái xe.
- Không để điện thoại thông minh trong xe. Vì nhiệt độ cao ở trong xe có thể làm hỏng điện thoại thông minh.
- Không ấn hoặc tác động mạnh lên điện thoại thông minh trong khi đang kết nối vì có thể làm hỏng điện thoại thông minh hoặc chân điện thoại.
- Không cho bất kỳ vật gì vào điện thoại thông minh vì có thể làm hỏng điện thoại thông minh và chân điện thoại.



Chú ý

- Các ứng dụng có thể không hiển thị do tình trạng truyền dữ liệu, v.v.
- Một số ứng dụng có thể không có ở khu vực của bạn.
- Khi ở chế độ kết nối sau khi kết nối điện thoại thông minh, không thao tác trực tiếp trên điện thoại thông minh. Nếu làm như vậy, điện thoại thông minh không đảm bảo hoạt động tốt.
- Không sử dụng chức năng âm thanh Bluetooth® và chức năng Liên kết điện thoại thông minh bằng cáp cùng một lúc trên cùng một điện thoại thông minh.
- Chức năng này chỉ cho phép vận hành ứng dụng.
- Sau khi kết nối với điện thoại thông minh, có thể sẽ mất một khoảng thời gian để hiển thị ứng dụng do tốc độ truyền dữ liệu của điện thoại thông minh.
- Khi sử dụng ứng dụng điện thoại thông minh qua kết nối wifi, thì sẽ không sử dụng được bất kỳ chức năng USB nào, ngay cả khi cắm USB.
- Phải bật ứng dụng Siri ở điện thoại thông minh để kết nối wifi với Apple CarPlay.

Sử dụng các nút điều khiển trên vô lăng

Bạn có thể điều khiển các tính năng âm thanh cơ bản bằng các nút trên vô lăng.

● Chức năng của các nút

- Nút **SOURCE** (Nguồn)
- Nút **VOL+ và VOL-** (Âm lượng)
- Nút (Kênh) **⏮ ⏭**
- Nút (HFT) **☎**
- Nút (Nhận diện giọng nói) **🗣**



1 Nút NGUỒN (Chế độ)

Thay đổi chế độ nguồn âm thanh.

- Ấn nút **SOURCE**.

Thay đổi chế độ nguồn âm thanh theo thứ tự:

FM1 → FM2 → AM → (USB/iPod*) → BT Audio(*) → (quay lại) FM1.

*1 Chế độ này chỉ hiển thị khi thiết bị được kết nối.

2 Nút VOL+ và VOL- (Âm lượng)

Điều chỉnh âm lượng

- Ấn nút **VOL+** (âm lượng) để tăng âm lượng và bật tiếng.
- Ấn nút **VOL-** (âm lượng) để giảm âm lượng và bật tiếng.

3 **⏮ ⏭** Nút (Kênh)

Radio (AM, FM1, FM2)

- Ấn nút **⏭** (Kênh) để chuyển sang kênh cài đặt sẵn tiếp theo.
- Ấn nút **⏮** (Kênh) để chuyển sang kênh cài đặt sẵn trước đó.
- Ấn và giữ trong một giây để tìm kênh có tín hiệu mạnh. Có thể vận hành tất cả các chế độ nguồn bằng nút này.
- Ấn nút **⏭** (Kênh) để bỏ qua sang bài hát, file tiếp theo, v.v.
- Ấn nút **⏮** (Kênh) để bỏ qua đến phần đầu của bài hát, file đang phát, v.v. Ấn lại nút **⏮** (Kênh) để chuyển đến phần đầu của bài hát, file trước đó, v.v.
- Ấn và giữ để tua đi/tua lại đến bài hát đầu tiên của thư mục hoặc album tiếp theo.

4 **☎** Nút (HFT) <Tuỳ chọn>

Chức năng điện thoại rảnh tay (HFT) <Hỗ trợ tùy chọn đối với một số loại xe>

Trong khi có cuộc gọi đến điện thoại rảnh tay:

- Ấn nút **☎** (NHẮC MÁY) để trả lời cuộc gọi.
- Ấn nút **☎** (GÁC MÁY) để từ chối cuộc gọi.
- Trong khi nói chuyện điện thoại rảnh tay:
- Ấn nút **☎** (GÁC MÁY) để kết thúc cuộc gọi.



Chú ý

Chức năng của từng nút phụ thuộc vào loại xe và kết nối.

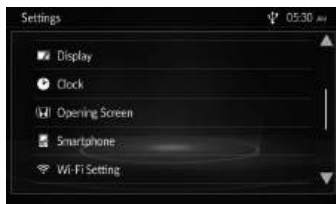
Cài đặt



(1) Trên Màn hình chính (⇒ Trang 6) bấm **Settings**.



(2) Bấm vào một mục để cài đặt.



Các mục cài đặt

Language	Cài đặt ngôn ngữ (⇒ Trang 42)
Bluetooth®	Cài đặt Bluetooth® (⇒ Trang 43)
Device List	Cài đặt danh sách thiết bị (⇒ Trang 47)
Audio	Cài đặt âm thanh (⇒ Trang 48)
Volume	Cài đặt âm lượng (⇒ Trang 48)
Display	Cài đặt màn hình (⇒ Trang 49)
Clock	Cài đặt đồng hồ (⇒ Trang 50)
Opening Screen	Cài đặt màn hình mở (⇒ Trang 51)
Wi-Fi Setting	Cài đặt Wi-Fi (⇒ Trang 52)
Rear Camera	Cài đặt camera lùi (⇒ Trang 53)
LaneWatch	Cài đặt quan sát làn đường (⇒ Trang 54)
DAB	Cài đặt phát thanh kỹ thuật số (DAB) (⇒ Trang 55)
RDS	Cài đặt hệ thống dữ liệu Radio (⇒ Trang 56)
Software Information	Cài đặt thông tin phần mềm (⇒ Trang 57)
Open Source Licences	Cài đặt giấy phép mã nguồn mở (⇒ Trang 57)
Factory Reset	Khôi phục cài đặt gốc (⇒ Trang 58)

Cài đặt ngôn ngữ

Thay đổi cài đặt ngôn ngữ như sau.



- (1) Bấm **Language** trên màn hình Cài đặt.



- (2) Màn hình Cài đặt ngôn ngữ xuất hiện.
 - Bấm vào ngôn ngữ bạn muốn.

Cài đặt Bluetooth®

● Màn hình cài đặt Bluetooth®

Bạn có thể xác nhận và thay đổi các cài đặt Bluetooth®.

● Khi chưa có thiết bị nào được ghép đôi



(1) Chọn các mục cần cài đặt.

- Hãy tham khảo bảng bên phải để biết các mục cần cài đặt.

● Khi thiết bị được ghép đôi



(1) Chọn các mục cần cài đặt.

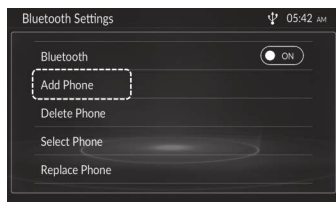
- Hãy tham khảo bảng bên phải để biết các mục cần cài đặt.
- Bấm  để cuộn xuống phía cuối màn hình.
- Bấm  để cuộn lên phía trên màn hình.



Nút	Tên nút	Chức năng
	Bluetooth® (BẬT/TẮT)	Bật hoặc tắt Bluetooth®.
Add Phone	Thêm điện thoại	Ghép đôi điện thoại.
Delete Phone	Xóa điện thoại	Xóa điện thoại.
Select Phone	Chọn điện thoại	Chọn/thay đổi điện thoại.
Replace Phone	Thay thế điện thoại	Thay thế điện thoại.
	Tải danh bạ điện thoại	Bật hoặc tắt Tải danh bạ điện thoại.

- Khi đang lái xe, có một số nút không chọn được. Hãy dừng xe và gài phanh đỗ.
- Tải danh bạ điện thoại sẽ xuất hiện khi điện thoại thông minh được kết nối.

● Thêm thiết bị mới



- (1) Bấm **Add Phone** để thêm điện thoại Bluetooth® của bạn vào hệ thống.

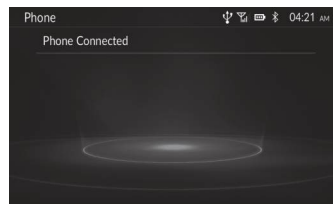


- (2) Khi màn hình này xuất hiện, tiến hành dò tìm thiết bị từ điện thoại Bluetooth® của bạn.

- (3) Nhập mã bảo mật hiển thị trên màn hình vào máy nghe nhạc của bạn. Sau đó, bấm **Pair** trên điện thoại của bạn.

- Với những điện thoại Bluetooth® tương thích SSP (Ghép đôi bảo mật đơn giản) sẽ không yêu cầu nhập mã bảo mật. Tùy loại điện thoại Bluetooth® được kết nối, trên màn hình điện thoại Bluetooth® của bạn có thể xuất hiện thông báo yêu cầu xác nhận việc đăng ký. Xác nhận và thao tác trên điện thoại Bluetooth® theo thông báo xác nhận.

- Nếu bạn muốn hủy thêm mới thiết bị, bấm **Cancel** trên điện thoại của bạn hoặc **Quit** trên màn hình.



- (4) Khi kết nối hoàn tất, màn hình này sẽ xuất hiện.

- Sau khi ghép đôi thành công, hệ thống sẽ tự động kết nối với điện thoại Bluetooth® của bạn mỗi khi bạn khởi động xe.

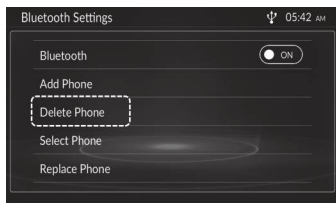


Chú ý

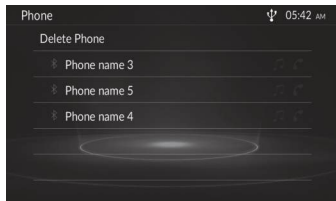
- Để biết chi tiết về dò tìm thiết bị cho điện thoại Bluetooth® của bạn, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng điện thoại Bluetooth®.
- Khi bạn ghép đôi điện thoại của bạn, âm thanh Bluetooth® sẽ bị ngắt.
- Nếu điện thoại Bluetooth® có cả chức năng gọi điện Bluetooth® và âm thanh Bluetooth®, cả hai chức năng này sẽ được đăng ký cùng một lúc. Nếu thông báo xuất hiện trên màn hình, hãy làm theo thông báo và đăng ký một trong hai chức năng hoặc cả hai chức năng gọi điện Bluetooth® và âm thanh Bluetooth®.
- Phương pháp ghép đôi sẽ khác nhau tùy thuộc vào phiên bản Bluetooth® của điện thoại.
 - Đối với điện thoại có Bluetooth® 2.1: Bạn có thể ghép đôi điện thoại với Màn hình giải trí bằng SSP (Ghép đôi bảo mật đơn giản), cách này chỉ yêu cầu xác nhận.
 - Đối với điện thoại có Bluetooth® 2.0: Bạn cần nhập mã PIN trên cả điện thoại và Màn hình giải trí để ghép đôi.

● Xóa một thiết bị Bluetooth®

Bạn có thể xóa điện thoại Bluetooth® đã ghép đôi.



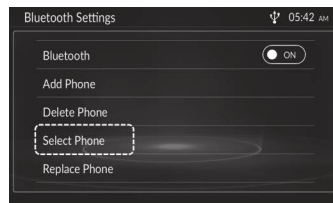
(1) Bấm **Delete Phone** để hiển thị danh sách điện thoại.



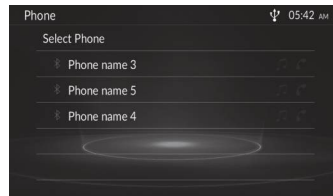
(2) Chọn điện thoại muốn xóa.

● Chọn thiết bị Bluetooth®

Bạn có thể chọn điện thoại Bluetooth® đã được ghép đôi.



(1) Bấm **Select Phone** để hiển thị danh sách điện thoại.



(2) Chọn thiết bị muốn xóa.

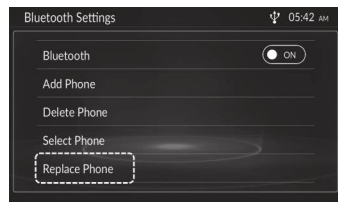


Chú ý

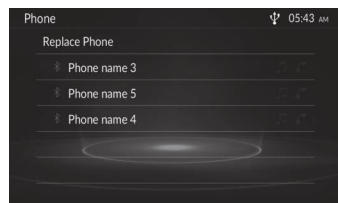
Khi bạn xóa điện thoại Bluetooth®, danh bạ điện thoại cũng sẽ bị xóa.

● Thay thế điện thoại Bluetooth®

Bạn có thể thay thế điện thoại Bluetooth® đã ghép đôi bằng một điện thoại mới.

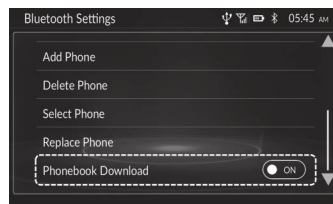


(1) Bấm **Replace Phone** để hiển thị danh sách điện thoại.



(2) Chọn thiết bị muốn thay thế.

● Tải danh bạ điện thoại



● Tải danh bạ điện thoại sẽ không xuất hiện khi không có thiết bị nào được kết nối.

Tải danh bạ điện thoại

- ON (Mặc định): Bật tải danh bạ điện thoại.
- OFF: Tắt tải danh bạ điện thoại.



Chú ý

Khi Tải danh bạ điện thoại ở ON

- Danh bạ điện thoại tự động truyền sang khi điện thoại được kết nối.
- Danh bạ của điện thoại được kết nối sẽ được hiển thị. Sau khi cho phép trên điện thoại, tiến trình tải danh bạ sẽ bắt đầu.

Khi Tải danh bạ điện thoại ở OFF

- Danh bạ điện thoại không tự động truyền sang khi điện thoại được kết nối.

Cài đặt danh sách điện thoại

Hiển thị các điện thoại được kết nối với hệ thống âm thanh.



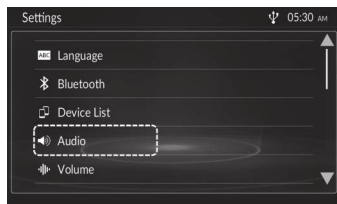
- (1) Bấm **Device List** để hiển thị danh sách điện thoại.



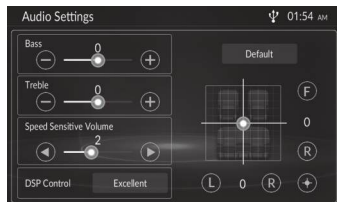
- (2) Chọn điện thoại để kết nối.

Cài đặt âm thanh và âm lượng

● Cài đặt âm thanh

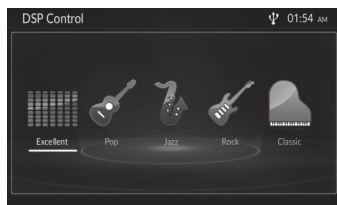


- (1) Bấm **Audio** trên màn hình Cài đặt.



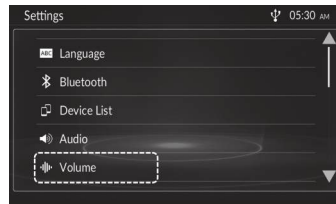
- (2) Màn hình Cài đặt âm thanh xuất hiện và bạn có thể điều chỉnh vị trí của loa.

- [Bass] Điều chỉnh âm trầm.
- [Treble] Điều chỉnh âm bổng.

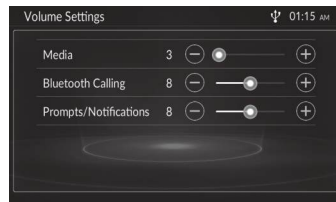


- [DSP Control] Điều chỉnh DSP âm thanh (Chuẩn/Pop/Jazz/Rock/Cổ Điển).
- [Speed Sensitive Volume] Điều chỉnh mức SVC (âm lượng tự điều chỉnh theo tốc độ xe).
Mục này có ở một số xe.
- [Default] Thay đổi cài đặt âm thanh về mặc định.

● Cài đặt âm lượng



- (1) Bấm **Volume** trên màn hình Cài đặt.



- (2) Màn hình Cài đặt âm lượng xuất hiện.

- [Media] Điều chỉnh âm lượng phát âm thanh đa phương tiện.
- [Bluetooth® Calling] Điều chỉnh âm lượng phát ra của cuộc gọi rảnh tay Bluetooth®.
- [Prompts/Notifications] Điều chỉnh âm lượng phát ra của hướng dẫn hoặc thông báo.

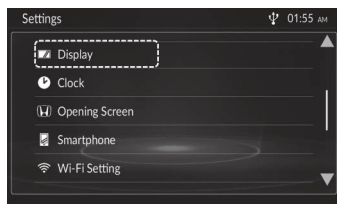


Chú ý

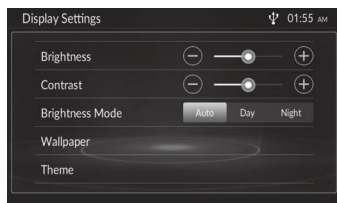
Cài đặt âm lượng khác nhau tùy thuộc vào loại xe.

Cài đặt màn hình hiển thị

● Cài đặt màn hình hiển thị

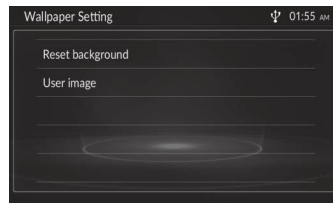


(1) Bấm **Display** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Màn hình Cài đặt màn hình hiển thị xuất hiện.

- [Brightness] Điều chỉnh độ sáng.
- [Contrast] Điều chỉnh độ tương phản.
- [Brightness Mode] Chọn chế độ chiếu sáng (Tự động, Ban ngày, Ban đêm)
- [Wallpaper] Tùy chọn hình nền.
- [Theme] Tùy chọn chủ đề.



(3) Màn hình Cài đặt hình nền xuất hiện.

- [Reset background] Chọn để cài đặt lại hình nền về mặc định.
- [User image] Tùy chọn hình ảnh lưu trong USB để làm hình nền.



(4) Màn hình Cài đặt chủ đề xuất hiện.

Tùy chọn một trong ba chủ đề Xanh lam, Xanh lục hoặc Đỏ. (Xanh lam là màu mặc định.)

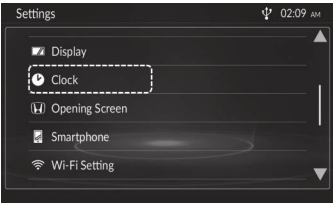


Chú ý

- Tham khảo “Đa phương tiện và Dữ liệu có thể sử dụng được trên Hệ thống âm thanh” để biết chi tiết về các định dạng file được hỗ trợ (⇒ Trang 65).
- Không thể hỗ trợ các file hình ảnh không được mô tả trong “Đa phương tiện và Dữ liệu có thể sử dụng được trên Hệ thống âm thanh” (⇒ Trang 65).
- Độ phân giải của hình ảnh được hỗ trợ là 800x480 pixel.
- Có thể điều chỉnh độ sáng màn hình theo điều kiện chiếu sáng hiện tại khi cài đặt Chế độ chiếu sáng ở “Tự động”. Độ sáng của chế độ Bản đồ cũng sẽ được điều chỉnh.

Cài đặt đồng hồ

Bạn có thể cài đặt đồng hồ như sau.



(1) Bấm **Clock** trên màn hình Cài đặt.



(2) Màn hình Cài đặt đồng hồ xuất hiện.

- **[Time Auto Setting]** Ấn ON để cài đặt ngày và giờ tự động.
- **[Time Zone Select]** Cài đặt múi giờ của từng quốc gia.
- **[Clock Adjust]** Cho phép điều chỉnh ngày và giờ theo cách thủ công.
- **[On-Screen Clock]** ON/OFF Nút này điều khiển chỉ báo đồng hồ ở phía trên bên phải màn hình.
- **[24-Hour Time]** ON/OFF Các nút này thay đổi kiểu hiển thị đồng hồ “24 tiếng” hoặc “12 tiếng”.



(3) Màn hình Điều chỉnh đồng hồ hiển thị khi bấm nút **[Clock Adjust]**.

- Sau khi cài đặt giờ/ngày, ấn nút **Enter** để lưu giá trị.

Phạm vi giá trị và giá trị mặc định như sau:

Mục	Nội dung điều chỉnh	Phạm vi giá trị	Mặc định
Điều chỉnh đồng hồ	Cài đặt ngày giờ (giờ/phút/ngày/tháng/năm).	11:59 trưa đến 12:00 trưa 11:59 đêm đến 12:00 đêm 1-1-2000 đến 31-12-2069	12:00 trưa 1-1-2023
Đồng hồ trên màn hình	Cài đặt bật hoặc tắt hiển thị đồng hồ trên màn hình.	ON/OFF	ON
24 Tiếng	Cài đặt kiểu hiển thị đồng hồ trên màn hình.	12/24 Tiếng	OFF (12 Tiếng)

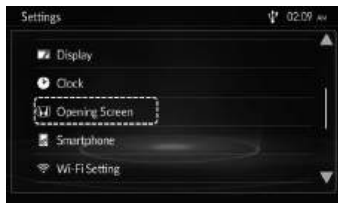


Chú ý

Cài đặt giờ tự động và lựa chọn múi giờ tùy thuộc vào loại xe.

Cài đặt màn hình mở

● Cài đặt màn hình mở



(1) Bấm **Opening Screen** trên màn hình Cài đặt.

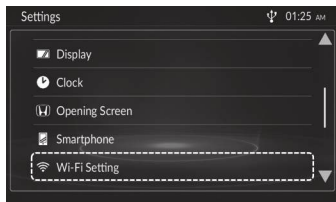


(2) Màn hình Cài đặt màn hình mở xuất hiện

- **Honda logo** Cài đặt màn hình mở là Honda logo.
(Mặc định là Honda logo.)
- **User image** Tùy chọn màn hình mở bằng hình ảnh lưu trong USB.

Cài đặt Wi-Fi

Bạn có thể cài đặt mật khẩu Wi-Fi như sau.



(1) Bấm **Wi-Fi Setting** trên màn hình Cài đặt.



(2) Bấm **Password Reset** để tự động tạo mật khẩu.

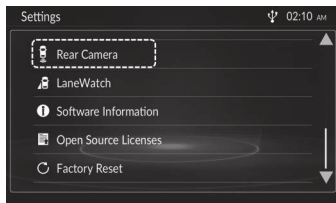


Chú ý

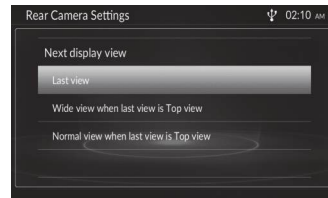
Cài đặt Wi-Fi có thể có hoặc không tùy thuộc vào loại xe.

Cài đặt camera lùi

Bạn có thể cài đặt camera lùi như sau.



- (1) Bấm **Rear Camera** trên màn hình Cài đặt.



- (2) Màn hình Cài đặt camera lùi xuất hiện.

● **Last view**

Chế độ xem chính là chế độ xem lần gần đây nhất khi sang số LÙI (R).

● **Wide view when last view is Top view**

Nếu chọn chế độ xem lần gần đây nhất là Từ trên xuống trước khi bạn tắt động cơ, chế độ xem Rộng sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi xoay khóa điện sang BẬT và sang số LÙI (R).

● **Normal view when last view is Top view**

Nếu chọn chế độ xem lần gần đây nhất là Từ trên xuống trước khi bạn tắt động cơ, chế độ xem Thường sẽ được chọn vào lần tiếp theo khi bạn xoay khóa điện sang BẬT và sang số LÙI (R).

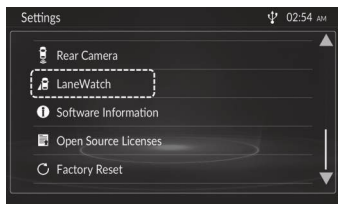


Chú ý

Chức năng camera lùi có ở một số loại xe.

Cài đặt quan sát làn đường

Bạn có thể cài đặt Quan sát làn đường như sau.



(1) Bấm **LaneWatch** trên màn hình Cài đặt.



(2) Màn hình Cài đặt quan sát làn đường xuất hiện.

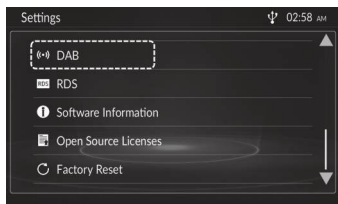
- **Show with Turn Signal**
Màn hình Quan sát làn đường sẽ xuất hiện khi bật xi nhan.
- **Display Time after Turn Signal Off**
Bạn có thể đặt khoảng thời gian hiển thị của màn hình Quan sát làn đường sau khi tắt xi nhan.
- **Reference Line**
Bạn có thể cài đặt bật hoặc tắt vạch khoảng cách.

Chú ý

Chức năng Quan sát làn đường có ở một số loại xe.

Cài đặt phát thanh kỹ thuật số (DAB)

Bạn có thể cài đặt DAB như sau.



(1) Bấm **DAB** trên màn hình Cài đặt.



(2) Màn hình Cài đặt DAB xuất hiện.

- DAB-FM Link / DAB-DAB Link có chức năng nhận các kênh giống nhau của đài FM/DAB khi tín hiệu DAB đang nhận bị mất.
- Bản tin giao thông DAB có chức năng nhận các bản tin giao thông.

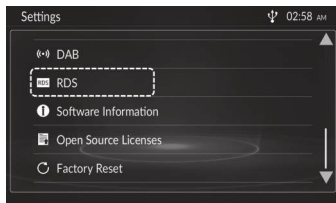


Chú ý

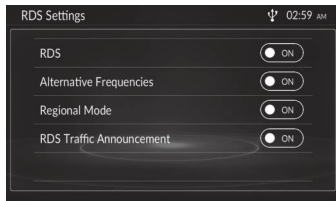
Chức năng DAB có ở một số loại xe.

Cài đặt hệ thống dữ liệu radio (RDS)

Bạn có thể cài đặt RDS như sau.



(1) Bấm **RDS** trên màn hình Cài đặt.



(2) Màn hình Cài đặt RDS xuất hiện.

- [RDS] Cài đặt bật hoặc tắt chức năng RDS
- [Alternative Frequencies] Cài đặt bật hoặc tắt tự động theo dõi thay đổi tần số
- [Regional Mode] Cài đặt tự động theo dõi điều kiện hoạt động
 - ON: Bao gồm phạm vi mã phát sóng
 - OFF: Không bao gồm phạm vi mã phát sóng
- [RDS Traffic Announcement] Cài đặt bật hoặc tắt tạm dừng TA

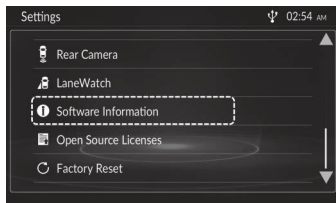


Chú ý

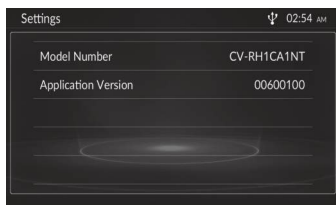
Chức năng RDS có ở một số loại xe.

Thông tin phần mềm và Giấy phép mã nguồn mở

Bạn có thể xem thông tin Phần mềm như sau.

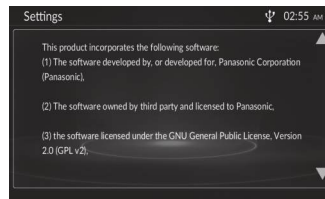


(1) Bấm **Software Information** trên màn hình Cài đặt.



(2) Màn hình Thông tin phần mềm xuất hiện.
Thông tin sau sẽ hiển thị.

- [Model Number] (Số đời xe)
- [Application Version] (Phiên bản phần mềm)



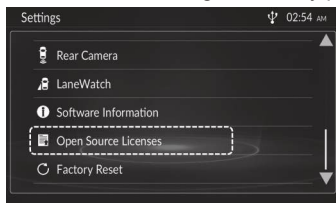
- Giấy phép mã nguồn mở
- Về iAuto



Chú ý

[Open Source Licenses] Hiển thị nội dung Giấy phép mã nguồn mở.
[About iAuto] Hiển thị biểu tượng iAuto và thông tin công ty.

Bạn có thể xem thông tin về Giấy phép mã nguồn mở như sau.



(1) Bấm **Open Source Licenses** trên màn hình Cài đặt.

Khôi phục cài đặt gốc

Khởi tạo tất cả các cài đặt bạn đã thực hiện, sau khi khởi tạo, tất cả các cài đặt và dữ liệu trước đó sẽ bị mất.



(1) Bấm **Factory Reset** trên màn hình Cài Đặt.



(2) Màn hình Khôi phục cài đặt gốc xuất hiện.

Để thực hiện việc Khôi phục cài đặt gốc

1. Ấn [Factory Reset] trên màn hình Cài đặt.
2. Thông báo xác nhận sẽ xuất hiện. Bấm nút [Yes] để tiếp tục.
3. Thông báo <Initializing> (Khởi tạo) xuất hiện.
4. Hệ thống âm thanh của chiếc xe này sẽ khởi động lại khi tiến trình khôi phục cài đặt gốc hoàn tất.

Thông báo lỗi

Nếu xảy ra lỗi trong khi đang sử dụng thiết bị, thông báo sẽ xuất hiện. Thao tác phù hợp theo thông báo/biện pháp khắc phục/danh sách nguyên nhân sau đây.

Thông báo	Thông báo xuất hiện khi:
In initialization...	Mô-đun WebLink chưa chuẩn bị xong và không sử dụng được.
Media Library loading	Thư viện Đa phương tiện đang tải, xin vui lòng chờ trong giây lát.
No Playable Tracks	Trong thiết bị iPod của bạn không có bài hát nào có thể phát được.
No USB Memory	Chưa kết nối USB.
No Playable Files	Trong USB của bạn không có bài hát nào có thể phát được.
Check the USB device	Khi xảy ra lỗi, không thể tiếp tục phát nhạc lưu trong USB được kết nối.
Not support USB HUB	Cổng chia USB được kết nối.
Device No Response	Thiết bị không phản hồi một lúc lâu.
Device connection exception! Please check USB interface is correct and restart the vehicle.	Xảy ra quá dòng.
Unsupported Device	Khi bạn kết nối thiết bị iPod iAP1.

Thông báo	Thông báo xuất hiện khi:
Pairing Failed	Không ghép đôi và không kết nối được điện thoại Bluetooth®.
5 Phones had added	5 Điện thoại đã được kết nối với Màn hình giải trí.
Not connected	Không kết nối được điện thoại Bluetooth® sau khi đã chọn.

Xử lý sự cố

Không phải tất cả các sự cố rõ ràng đều là nghiêm trọng. Kiểm tra các mục sau trước khi gọi trung tâm dịch vụ.

- Khi vận hành các thiết bị được kết nối, hãy tham khảo các hướng dẫn đi kèm các bộ phận kết nối (và các hướng dẫn được đi kèm với các thiết bị được kết nối).

Tình trạng	Giải pháp
Tình trạng tổng quát	
Loa không phát ra âm thanh.	⇒ Điều chỉnh âm lượng đến mức cao nhất. ⇒ Kiểm tra dây và kết nối.
USB	
Trên màn hình không xuất hiện "Reading" (đang đọc).	⇒ Tắt và bật lại nguồn.
Khi đang phát bài hát, âm thanh thỉnh thoảng bị chập chờn.	⇒ Việc sao chép các bài hát vào USB chưa đúng. Sao chép lại các bài hát và thử lại.
Các bài hát không phát theo thứ tự bạn muốn.	⇒ Thứ tự phát lại có thể khác khi sử dụng máy phát nhạc khác.
iPod/iPhone	
Loa không phát ra âm thanh.	⇒ Ngắt kết nối iPod/iPhone, sau đó kết nối lại. ⇒ Chọn sang chế độ khác, sau đó chọn lại "iPod".
iPod/iPhone không bật hoặc không hoạt động.	⇒ Kiểm tra kết nối. ⇒ Cập nhật phiên bản phần mềm. ⇒ Sạc pin. ⇒ Cài đặt lại iPod/iPhone.
Âm thanh bị méo.	⇒ Tắt bộ chỉnh âm trên thiết bị này hoặc trên iPod/iPhone.
Có nhiều tiếng ồn.	⇒ Tắt (bỏ chọn) "Voice Over" (Chế độ dành cho người khiếm thị) trên iPod/iPhone. ⇒ Để biết chi tiết, truy cập trang < http://www.apple.com >.
Không thể thực hiện bất kỳ thao tác nào khi đang phát bài hát chứa hình ảnh.	⇒ Vận hành thiết bị sau khi tải xong hình ảnh.

Tình trạng	Giải pháp
WebLink	
WebLink không bật hoặc không hoạt động.	⇒ Tối thiểu phải là mạng 3G. ⇒ Kiểm tra kết nối. ⇒ Cập nhật phiên bản phần mềm. ⇒ Sạc pin. ⇒ Cài đặt lại điện thoại thông minh.
Khi kết nối WebLink lần đầu tiên, có thể mất nhiều thời gian tùy thuộc vào điện thoại và mạng.	⇒ Hãy thử kết nối lại USB hoặc khởi động lại ứng dụng.
Radio	
Thu sóng radio kém	Điều chỉnh ăng ten để thu sóng tốt nhất.
Bluetooth®	
Chất lượng âm thanh điện thoại kém.	⇒ Rút ngắn khoảng cách giữa thiết bị và điện thoại di động Bluetooth®. ⇒ Lái xe đến nơi thu sóng tốt hơn.
Âm thanh bị gián đoạn hoặc không nghe được trong khi đang sử dụng máy phát nhạc Bluetooth®.	⇒ Rút ngắn khoảng cách giữa thiết bị và máy phát nhạc Bluetooth®. ⇒ Ngắt kết nối thiết bị được kết nối với điện thoại Bluetooth®. ⇒ Tắt, sau đó bật thiết bị. (Khi âm thanh chưa được khôi phục) kết nối lại máy nghe nhạc.
Không điều khiển được máy nghe nhạc đã được kết nối.	⇒ Kiểm tra xem máy phát nhạc Bluetooth đã kết nối có hỗ trợ AVRCP (Cấu hình điều khiển từ xa âm thanh/video) không.

Tình trạng	Giải pháp
Bluetooth®	
Điện thoại Bluetooth® không phát hiện thiết bị.	⇒ Tìm kiếm lại từ điện thoại Bluetooth®.
Thiết bị không ghép đôi với điện thoại Bluetooth®.	⇒ Đối với các thiết bị tương thích với Bluetooth® 2.1: Đăng ký thiết bị bằng mật khẩu. (➡ Trang 44) ⇒ Đối với các thiết bị tương thích với Bluetooth® 2.0: Nhập cùng mật khẩu cho cả điện thoại và thiết bị mục tiêu. ⇒ Tắt điện thoại Bluetooth, sau đó bật lại.
Thiết bị không phản hồi khi bạn sao chép danh bạ điện thoại sang thiết bị.	⇒ Có thể bạn đã sao chép trùng số liên hệ (đã được lưu) vào thiết bị.

Thông số kỹ thuật

Kích thước màn hình giải trí 1.4DIN	: 216 mm x 132,2 mm x 160 mm (W x H x D)
Trọng lượng	: 1,5 kg
Điện áp vận hành	: 12 V (cho phép 10 V tới 16 V)
Mức tiêu thụ dòng điện tối đa	: 10 A
Phạm vi nhiệt độ hoạt động	: -30°C tới +70°C
Loại	: AH2201/BH2201
Tên nhà sản xuất	: Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd
Địa chỉ nhà sản xuất	: 101 Moo 2 Teparak Rd, T. Bangsaotrong, A. Bangsaotrong, Samutprakarn 10570 Thái Lan

<Các phần chung>

Công suất tối đa	: 40 W x 4 ch
Công suất định mức	: 20 W x 4 ch (10 %T.H.D.)
Trở kháng loa thích hợp	: 4 Ω

<Bộ thu sóng FM>

Dải tần số nhận được	: 87,50 MHz tới 108,00 MHz / 87,50 MHz tới 107,90 MHz
Độ nhạy khả dụng	: 10 dB (μV)
Tỷ số tín hiệu trên nhiễu	: 45 dB

<Bộ thu sóng AM>

Dải tần số nhận được	: 531 kHz tới 1602 kHz / 530 kHz tới 1710 kHz
Độ nhạy khả dụng	: 37 dB (μV)
Tỷ số tín hiệu trên nhiễu	: 40 dB

<Phần bộ nhớ USB>

Tiêu chuẩn USB	: USB 2.0 Tốc độ cao
Hệ thống file	: FAT 32
Dòng cấp nguồn tối đa	: DC 5 V 1,5
Bộ giải mã âm thanh	: MP3/WMA/AAC/WAV/FLAC/APE
Bộ giải mã video	: 3GP/MP4/AVI/MOV/FLV

<Bluetooth®>

Công nghệ	: Bluetooth® 4.2
Tần số	: 2,402 GHz tới 2,480 GHz
Công suất ra	: 4 dBm (MAX), Nguồn Class 2
Phạm vi truyền dữ liệu tối đa	: Đường truyền thẳng xấp xỉ 10 m
Bộ mã hóa âm thanh	
Cấu hình	: BC : HFP (V 1.7) (Hands Free Profile) (Cấu hình rảnh tay) A2DP (V 1.3) (Advanced Audio Distribution Profile) (Cấu hình phân phối âm thanh nâng cao) AVRCP (V 1.6) (Audio/Video Remote Control Profile) (Cấu hình điều khiển âm thanh/Video từ xa) GAP (Generic Access Profile) (Cấu hình truy cập chung) PBAP (Phone Book Access Profile) (Cấu hình truy cập danh bạ điện thoại) SPP (V 1.2) (Serial Port Profile) (Cấu hình cổng nối tiếp)

<Wi-Fi>

Tiêu chuẩn kỹ thuật	: IEEE 802,11 a/ac/n
Tần số hoạt động	: 5745 MHz - 5825 MHz

<Phần màn hình hiển thị>

Loại màn hình hiển thị	: 8 in-sơ TFT LCD
Kích thước drive	: 174,0 mm x 104,4 mm (H x V)
Độ phân giải màn hình	: WVGA
Số pixel	: 800 x 480 (H x V)
Bảng điều khiển cảm ứng	: Bảng điều khiển cảm ứng loại màng điện dung

Đa phương tiện và Dữ liệu có thể sử dụng trên Hệ thống âm thanh

1 Đa phương tiện

Thông số kỹ thuật của các USB, v.v có thể sử dụng với thiết bị này được mô tả bên dưới.

USB

Định dạng, tiêu chuẩn và hạn chế của các USB có thể sử dụng được mô tả dưới đây.

Định dạng USB	USB 2.0 HS
Định dạng file	FAT 32
Loại dữ liệu	Loại lưu trữ lớn



Chú ý

- Thiết bị này có thể không phát các file lưu trong USB một cách hiệu quả khi sử dụng cấp mở rộng USB.
- Không thể sử dụng những USB được trang bị các chức năng đặc biệt như chức năng bảo mật dữ liệu cho thiết bị này.
- Không sử dụng USB có từ 2 phân vùng trở lên.
- Tùy thuộc vào hình dạng của USB và cổng kết nối, một số USB có thể không được cắm đúng cách hoặc kết nối có thể bị lỏng.
- Thiết bị này có thể không nhận dạng thẻ nhớ được lắp vào đầu đọc thẻ USB.
- Không sử dụng USB nếu ảnh hưởng đến lái xe an toàn.
- Không được rút và cắm USB nhiều lần trong khi trên màn hình đang hiển thị “Reading” (Đang Đọc).
- Sốc tĩnh điện khi đang kết nối USB có thể làm cho thiết bị phát bất thường. Trong trường hợp này, rút USB ra sau đó cài đặt lại thiết bị này và USB.
- Sự vận hành và nguồn có thể không hoạt động như mong muốn đối với một số USB.
- Không để USB trong xe, hoặc tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời hoặc nhiệt độ cao để tránh bị biến dạng hoặc hư hỏng.

2 Định dạng file có thể phát

Bảng dưới đây đưa ra các định dạng file đa phương tiện có thể phát trên thiết bị này.

○ Biểu thị định dạng có thể phát.

Hạng mục	Định dạng file	Đa phương tiện
	Phân mở rộng file	USB
Nhạc	.mp3	○
	.wma	○
	.m4a	○
	.wav	○
	.flac	○
	.ape	○
Video	.3gp	○
	.mp4	○
	.avi	○
	.mov	○
	.flv	○
Hình ảnh	.PNG	○
	.JPG	○



Chú ý

Chỉ sử dụng hạng mục “Hình ảnh” để thay đổi hình nền và thay đổi màn hình mở.

3 Thông số kỹ thuật dữ liệu

Đa phương tiện âm thanh có thể phát

Bộ mã hoá \ Định dạng		AAC	WMA	MP3	APE	FLAC	WAV	Ghi chú
		.m4a	.wma	.mp3	.ape	.flac	.wav	
Audio	MP3	-	-	Y	-	-	-	MPEG1 Layer3(32kHz, 44.1kHz, 48kHz) MPEG2 Layer3(16kHz, 22.05kHz, 24kHz)
	PCM (WAV)	-	-	-	-	-	Y	SampleRate: 8kHz~48kHz
	AAC-LC (*1)	Y	-	-	-	-	-	(*1) AAC chỉ cho (.m4a) file âm thanh
	WMA Tiêu chuẩn	-	Y	-	-	-	-	Phiên bản cấu hình: V9.2
	APE	-	-	-	Y	-	-	
	FLAC	-	-	-	-	Y	-	

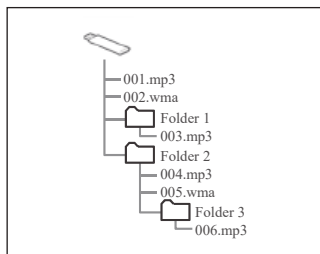
Phương tiện video có thể phát

Bộ mã hoá \ Định dạng		3GP	MP4	AVI	MOV	FLV	Ghi chú
		.3gp	.mp4	.avi	.mov	.flv	
Video	Hình ảnh MPEG-4	-	Y	Y	Y	-	
	H.264	-	Y	-	Y	Y	
	H.263	Y	-	-	Y	-	
Audio	MP3	-	Y	Y	Y	Y	
	AAC	Y	-	-	Y	Y	
	LPCM	-	Y	Y	Y	-	

- DRM không được hỗ trợ
- Hỗ trợ độ phân giải video 1080P
- Hỗ trợ tốc độ khung hình video 30FPS

Giới hạn ghi dữ liệu bộ nhớ USB và Cấu trúc thư mục.

Số lượng cấp bậc tối đa trong thư mục	8
Số thư mục tối đa	255 (bao gồm thư mục gốc và thư mục trống)
Số lượng file tối đa trong một thư mục	255
Số lượng file tối đa	2.500
Số lượng hình ảnh tối đa	1.000



● Số lượng ký tự tối đa (khi các ký tự là 1 byte):

- Tên thư mục: 64 ký tự
- Tên file: 64 ký tự

- Thứ tự phát của file lưu trong USB theo cấu trúc ở hình bên trái như sau:

001. mp3 → 002. wma... → 6. mp3

- Thứ tự thay đổi tùy thuộc vào phần mềm mã hóa dữ liệu máy tính và Nhạc được sử dụng.

CÁC ĐIỀU KHOẢN

● MP3

MP3 (MPEG Audio LAYER3) là định dạng chuẩn của công nghệ nén âm thanh. Sử dụng định dạng MP3 cho phép các file được nén đến khoảng 1/10 kích thước ban đầu của chúng.

● WMA

WMA (Windows Media Audio) là định dạng nén file được phát triển bởi Microsoft. Định dạng này có thể nén các file đến kích thước thậm chí nhỏ hơn MP3.

● AAC

AAC (Advanced Audio Coding) (Mã hóa âm thanh nâng cao) là định dạng chuẩn của công nghệ nén âm thanh được sử dụng cho MPEG4. Thiết bị này có thể phát các file AAC được tạo bằng MPEG4.

● ID3 TAG

Siêu dữ liệu được gọi là thẻ ID3 có thể được nhập vào file MP3 để lưu trữ thông tin như tiêu đề bài hát và tên nghệ sĩ.

● WMA TAG

Siêu dữ liệu được gọi là thẻ WMA có thể được nhập vào file WMA để lưu trữ thông tin như tiêu đề bài hát và tên nghệ sĩ theo cách tương tự với thẻ ID3.

● AAC TAG

Siêu dữ liệu được gọi là thẻ AAC có thể được nhập vào các file AAC để lưu trữ thông tin như tên bài hát, tên nghệ sĩ và tên album theo cách tương tự với thẻ ID3.

Thương hiệu và Giấy phép



Sử dụng thương hiệu Made for Apple có nghĩa là một phụ kiện có chức năng kết nối riêng biệt với (các) sản phẩm của Apple, được chứng nhận thương hiệu và được các công ty sáng lập chứng nhận đã đáp ứng các tiêu chuẩn vận hành của Apple. Apple không chịu trách nhiệm cho hoạt động của thiết bị này hoặc việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và theo quy định.

Lưu ý rằng việc sử dụng phụ kiện này với sản phẩm của Apple có thể ảnh hưởng đến vận hành không dây.

Apple, Apple TV, Apple Watch, iPad, iPad Air, iPad Pro, iPhone và Lightning là các nhãn hiệu của Apple Inc được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. tvOS là thương hiệu của Apple Inc.

- Google, Android, và Android Auto là thương hiệu của Google LLC. Để sử dụng Android Auto trên màn hình ô tô, bạn cần có điện thoại Android có hệ điều hành Android 6 trở lên, gói dịch vụ dữ liệu và ứng dụng Android Auto.

● Bluetooth®

Nhãn hiệu và biểu tượng Bluetooth® là thương hiệu đã được đăng ký bởi Bluetooth SIG, Inc. và mọi việc sử dụng thương hiệu như vậy của Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd., đều được cấp phép. Các thương hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.

● Microsoft Media Audio (WMA)

Sản phẩm này được bảo vệ bởi một số quyền sở hữu trí tuệ của Tập đoàn Microsoft và các bên thứ ba. Việc sử dụng hoặc phân phối công nghệ đó bên ngoài sản phẩm này đều bị cấm nếu không có giấy phép từ Microsoft.

● MPEG4 Visual

Sản phẩm này được cấp phép theo giấy phép danh mục đầu tư bằng sáng chế của MPEG-4 cho mục đích sử dụng cá nhân của người tiêu dùng hoặc mục đích sử dụng khác mà người sử dụng không phải trả phí để

(i) mã hóa video tuân thủ Tiêu chuẩn hình ảnh MPEG-4 ("Video MPEG4") và/hoặc

(ii) giải mã Video MPEG-4 đã được mã hóa bởi khách hàng tham gia hoạt động cá nhân và/hoặc được lấy từ nhà cung cấp video được cấp phép cung cấp Video MPEG-4.

Không được cấp phép hay ngụ ý cấp phép cho bất kỳ mục đích sử dụng nào khác. Bạn có thể thu thập thêm thông tin từ MPEG LA, L.L.C. Xem tại <http://www.mpegla.com>

● MPEG4 AVC (H.264)

Sản phẩm này được cấp phép theo giấy phép danh mục đầu tư bằng sáng chế của AVC cho mục đích sử dụng cá nhân của khách hàng hoặc mục đích sử dụng khác mà người sử dụng không phải trả phí để

(i) mã hóa video tuân thủ Tiêu chuẩn của AVC ("Video AVC") và/hoặc

(ii) giải mã Video AVC được mã hóa bởi khách hàng đã tham gia hoạt động cá nhân và/hoặc có được từ nhà cung cấp đã được cấp phép cung cấp Video AVC. Không được cấp phép hay ngụ ý cấp phép cho bất kỳ mục đích sử dụng nào khác.

Bạn có thể thu thập thêm thông tin từ MPEG LA, L.L.C. Xem tại <http://www.mpegla.com>

Luật và Quy định

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động của thiết bị tuân theo hai điều kiện sau: (1) thiết bị có thể không gây nhiễu có hại và (2) thiết bị này phải nhận bất cứ nhiễu nào thu được, gồm cả nhiễu có thể gây ra hoạt động không mong muốn.

Thiết bị này đã được kiểm tra và đảm bảo tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị số Loại B, theo phần 15 của các Quy tắc FCC. Những giới hạn này được đưa ra để tránh bị nhiễu có hại khi lắp đặt ở khu dân cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng tần số radio, nếu không lắp đặt và sử dụng đúng theo các hướng dẫn sẽ gây ra nhiễu sóng có hại cho hệ thống dữ liệu radio. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nhiễu vẫn có thể xảy ra khi bạn lắp đặt đúng cách. Để xác định xem thiết bị này có gây nhiễu có hại khi thu sóng radio hoặc vô tuyến hay không, hãy tắt và bật lại thiết bị, sau đó người dùng nên xử lý nhiễu theo một trong các cách sau đây:

- Xoay hoặc dịch chuyển ăng ten thu sóng.
- Đặt thiết bị và máy thu cách xa nhau.
- Cắm thiết bị và máy thu vào hai ổ cắm trên hai mạch điện khác nhau.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc nhờ thợ sửa chữa radio/TV có kinh nghiệm hỗ trợ.

Lưu Ý Của FCC: Bất cứ sự thay đổi hoặc chỉnh sửa nào chưa được bên chịu trách nhiệm tuân thủ chấp thuận một cách rõ ràng sẽ khiến người dùng không vận hành được thiết bị.

Không đặt hoặc vận hành bộ truyền phát này với bất kỳ ăng-ten hoặc máy phát nào khác.

Tuyên bố phơi nhiễm bức xạ:

Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ FCC cho môi trường không được kiểm soát. Phải lắp đặt và vận hành thiết bị cách xa kết nước và cơ thể bạn với khoảng cách tối thiểu là 20cm.

Bổ sung (bản quyền)

Sản phẩm này kết hợp các phần mềm sau:

- (1) Phần mềm được phát triển bởi, hoặc phát triển cho Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd.,
- (2) Phần mềm thuộc sở hữu của bên thứ ba và đã cấp phép cho Panasonic,
- (3) Phần mềm được cấp phép theo Giấy phép công cộng GNU, Phiên bản 2.0 (GPL v2),
- (4) Phần mềm được cấp phép theo Giấy phép công cộng GNU, Phiên bản 2.1 hoặc Giấy phép công cộng thư viện GNU, Phiên bản 2 (LGPL v2) và/hoặc,
- (5) Phần mềm mã nguồn mở khác với phần mềm được cấp phép theo GPLv2 và/hoặc LGPL.
- (6) Sản phẩm này bao gồm Monkey's Audio được cấp phép theo các điều khoản và điều kiện mà bạn có thể tìm thấy ở trang dưới đây.

<http://www.monkeysaudio.com/license.html>

Đối với phần mềm được phân loại là (3), (4) và (5), vui lòng tham khảo các điều khoản và điều kiện của GPL v2 và LGPL, tùy từng trường hợp tại

- GPL (Giấy phép công cộng GNU):
<http://spdx.org/licenses/GPL-2.0>
- LGPL (Giấy phép công cộng thư viện GNU):
<http://spdx.org/licenses/LGPL-2.0>
- LGPL (Giấy phép công cộng GNU hạn chế):
<http://spdx.org/licenses/LGPL-2.1>

Phần mềm được phân loại là (3), (4) và (5) ở trên được cấp bản quyền bởi nhiều người. Vui lòng tham khảo các trang web dưới đây liên quan đến thông báo bản quyền của những người đó.

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/jk79/license>

Phần mềm được cấp phép theo GPL/LGPL ("Phần mềm GPL/LGPL") được phân phối với mục đích mang lại sự hữu ích, chứ KHÔNG CÓ BẤT KỲ ĐẢM BẢO NÀO, thậm chí không có đảm bảo ngầm định nào về TÍNH THƯƠNG MẠI hoặc SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ.

Ít nhất là ba (3) năm kể từ khi giao sản phẩm, Panasonic sẽ cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào liên hệ với chúng tôi theo Thông tin liên hệ được cung cấp dưới đây, với chi phí không vượt quá chi phí phân phối mã nguồn thực tế của chúng tôi, một bản sao hoàn toàn có thể đọc được bằng máy của mã nguồn tương ứng được bảo vệ theo GPL v2 và/hoặc LGPL.

Xin lưu ý rằng chúng tôi không thể trả lời bất kỳ truy vấn nào liên quan đến chi tiết mã nguồn, v.v.

Ngoài ra, người dùng cuối cần cung cấp kết nối Internet của riêng họ. Người dùng cuối chịu trách nhiệm cho bất kỳ chi phí kết nối hoặc đường dây phát sinh thông qua các trang web duyệt hoặc tải xuống.

<Địa chỉ liên hệ>

Giám đốc phát triển sản phẩm, Phòng nghiên cứu và Phát triển,
Panasonic Automotive Systems Asia Pacific Co., Ltd

101 Moo 2 Teparak Rd, T.Bangsaothong A.Bangsaothong Samutprakarn
Thái Lan 10570

Ngoài ra, mã nguồn tương ứng có sẵn miễn phí cho bạn và bất kỳ thành viên nào trong cộng đồng tại trang web dưới đây:

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/jk79/license>

Xem trang web dưới đây để biết về các điều khoản và điều kiện của giấy phép và các thông tin khác liên quan đến OSS dưới đây và các OSS khác có trong Sản phẩm này:

<http://microsite.panasonic.co.th/smartphone/honda/wl/OSS.html>

Phần mềm được phân loại là (5) ở trên có chứa các phần mềm nguồn mở khác nhau (OSS) bao gồm các phần mềm sau:

Lưu ý về giấy phép phần mềm

Các giấy phép cho phần mềm mã nguồn mở được sử dụng trong sản phẩm này được trình bày dưới đây. Để đảm bảo chính xác, ở đây chúng tôi có đính kèm các văn bản gốc (bằng tiếng Anh).

Bản quyền (C) 2010-2014 của tyPoland Lukasz Dziedzic (team@latofonts.com) với Tên phông chữ riêng "Lato". Phần mềm phông chữ này được cấp phép theo Giấy phép phông chữ mở SIL, Phiên bản 1.1. Giấy phép này có đường link ở bên dưới và cũng có FAQ ở: (<http://scripts.sil.org/OFL>) Bản quyền (C) 2017 của Honda R&D Americas, Inc., với Tên phông chữ Reserved "HondaGUI".

Mục lục

A

A2DP.....	Trang 19
AAC.....	Trang 67
AM.....	Trang 9
AVRCP.....	Trang 19

Â

Âm lượng.....	Trang 3
Âm thanh.....	Trang 48
Âm Thanh Bluetooth®.....	Trang 19

B

Bật nguồn.....	Trang 2
Bluetooth®.....	Trang 26

C

Cài đặt màn hình hiển thị.....	Trang 49
Camera.....	Trang 24, 53, 54

D

Danh bạ điện thoại.....	Trang 33
Danh sách sử dụng.....	Trang 8
DSP.....	Trang 48

Đ

Điện thoại thông minh.....	Trang 39
Đồng hồ.....	Trang 50

F

FM.....	Trang 9
---------	---------

G

GAP.....	Trang 27
----------	----------

H

HFP.....	Trang 27
----------	----------

I

iPod.....	Trang 15
-----------	----------

L

Lặp lại.....	Trang 14, 23
Liên hệ.....	Trang 33

N

Ngẫu nhiên.....	Trang 14, 23
Nút bấm cảm ứng.....	Trang 8
Nút điều khiển âm thanh trên vỏ lăng.....	Trang 40
Nút màn hình chính.....	Trang 5

P

PBAP.....	Trang 27
Phát nhạc MP3.....	Trang 67

Q

Quét.....	Trang 9
Quét kênh Radio.....	Trang 9

R

Radio.....	Trang 9
Rảnh tay.....	Trang 26

S

SPP.....	Trang 27
----------	----------

T

Trộn bài.....	Trang 17
---------------	----------

U

USB.....	Trang 11
----------	----------

W

WMA.....	Trang 67
----------	----------



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MÀN HÌNH GIẢI TRÍ CHO MODEL RS

Nội dung

Thông tin an toàn	1
Các lưu ý	1
Để đảm bảo sự an toàn	1
Trước khi sử dụng	3
Các lưu ý khi sử dụng thiết bị này	3
Các thao tác cơ bản	4
Nút thao tác	4
Thao tác bật nguồn	5
Thiết lập khu vực	5
Điều chỉnh âm lượng	6
Thao tác điều khiển bằng cử chỉ	7
Chế độ tắt nguồn	8
Chế độ tắt màn hình	8
Mô tả màn hình chính	9
Màn hình All Source (Tất cả nguồn)	10
Mô tả màn hình điều khiển nguồn	12
Màn hình danh sách	12

Kết nối	13
Kết nối có dây	13
Điều khiển Bluetooth	14
Thông tin về cách sử dụng thiết bị Bluetooth®	14
Đăng ký thiết bị Bluetooth	15
Cài đặt Device List (Danh sách thiết bị)	16
Thiết lập Bluetooth	16
Phát thiết bị âm thanh Bluetooth	19
Chức năng rảnh tay	21
Thiết lập điện thoại	25
WebLink	26
Thiết lập WebLink	26
Các phương thức kết nối khác	26
USB	28
Kết nối với thiết bị USB	28
Thao tác trên thiết bị USB	28
Thao tác tìm kiếm tệp	29

iPod/iPhone	31
Thiết lập iPod/iPhone	31
Kết nối iPod/iPhone	31
Thao tác trên iPod/iPhone	32
Thao tác tìm kiếm tệp	32
Apple CarPlay	33
Thiết lập Apple CarPlay	33
Quy trình khởi động	33
Thao tác trên Apple CarPlay	34
Android Auto™	35
Thiết lập Android Auto	35
Quy trình khởi động	35
Thao tác trên Android Auto	36
Chuyển chế độ màn hình trên Android Auto	36
Đài radio	37
Quy trình khởi động	37
Thao tác trên đài radio	37
Quy trình cài đặt sẵn kênh	38

Đài radio kỹ thuật số (chỉ dành cho mẫu xe tương thích với DAB)	40
Quy trình khởi động	40
Thao tác trên thiết bị DAB	40
Thiết lập DAB	41
Camera	42
Sử dụng camera	42
Hiển thị màn hình hình ảnh camera	42
Hiển thị màn hình điều khiển	45
Cài đặt	46
Hiển thị menu Settings (Cài đặt)	46
Công tắc điều khiển trên vô lăng	51
Thông số kỹ thuật	53
Phụ lục	55
Xử lý sự cố	57
Giới thiệu về thiết bị này	61
Thông báo quan trọng về phần mềm	64
EULA	65

Thông tin an toàn

Các lưu ý

QUAN TRỌNG

Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này trước khi vận hành sản phẩm để đảm bảo sử dụng đúng cách.

Để đảm bảo các vấn đề về an toàn khi sử dụng sản phẩm, tài liệu hướng dẫn này sử dụng các biểu tượng sau đây để biểu thị những thông tin quan trọng mà bạn cần lưu ý.



NGUY HIỂM

Cảnh báo về những tình huống có thể gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tuân thủ.

Để giảm thiểu nguy cơ thương tích, vui lòng chú ý đến các thông tin này.



THẬN TRỌNG

Cảnh báo về những tình huống có thể gây tai nạn, thương tích cá nhân hoặc hư hỏng xe.



LƯU Ý

Mô tả các hạng mục mà bạn cần chú ý khi sử dụng sản phẩm để đảm bảo an toàn.

Để đảm bảo sự an toàn

▲ NGUY HIỂM

- Người lái không nên nhìn vào màn hình hiển thị hoặc vận hành hệ thống trong khi lái xe bởi vì người lái có thể bị phân tâm hoặc gây ra tai nạn.
Trước khi nhìn vào màn hình hiển thị hoặc vận hành hệ thống, người lái nên dừng xe ở một vị trí an toàn và sử dụng phanh đỗ.
- Không ghép đôi thiết bị Bluetooth trong khi lái xe. Dừng xe ở nơi an toàn trước khi thực hiện ghép đôi.
- Không cố gắng tự lắp đặt hoặc tháo thiết bị. Để đảm bảo các vấn đề về an toàn, hãy liên hệ với đại lý để nhận được lời khuyên về việc lắp hoặc tháo thiết bị.
- Nếu thiết bị có bất kỳ dấu hiệu bất thường nào, như không có nguồn điện, không có âm thanh, có tiếng ồn lạ, hoặc có mùi, hãy tắt thiết bị ngay lập tức và tham khảo ý kiến đại lý hoặc trung tâm dịch vụ gần nhất.
- Không đặt vật lạ vào trong sản phẩm. Nếu có các vật lạ ở bên trong sản phẩm, hãy tham khảo ý kiến đại lý hoặc trung tâm dịch vụ gần nhất.
- Giữ âm lượng ở mức độ phù hợp để nhận biết điều kiện đường sá và giao thông trong khi lái xe. Thiết bị này được thiết kế để sử dụng dành riêng trên ô tô.

⚠ THẬN TRỌNG

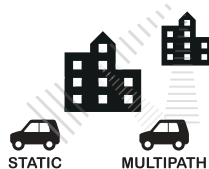
- Vận hành hệ thống âm thanh trong một thời gian dài khi tắt động cơ sẽ làm ắc-quy hết điện.
- Không tự tháo rời, điều chỉnh hoặc sửa chữa sản phẩm. Đảm bảo tham khảo ý kiến đại lý hoặc trung tâm dịch vụ gần nhất.
- Không để chất lỏng lọt vào bên trong sản phẩm. Các chất lỏng sẽ gây ra điện giật và làm hư hỏng sản phẩm.

📖 LƯU Ý

- Sẽ có một số sự khác biệt trong nội dung của hướng dẫn sử dụng này do sự phát triển kỹ thuật và cải tiến phần mềm. Hãy làm theo màn hình hiển thị chức năng thực tế. Hướng dẫn sử dụng này chỉ dành cho người dùng tham khảo cách vận hành.

📺 Về khả năng thu sóng đài FM

- Khi nghe các đài FM trên xe đang chạy, điều kiện thu sóng liên tục thay đổi tùy theo công trình xây dựng, địa hình, khoảng cách từ đài phát và tiếng ồn từ các phương tiện khác.
- Các hiện tượng thu sóng FM sau đây là bình thường và không cho thấy chính đài có sự cố.



📖 LƯU Ý

- Suy giảm và lệch tín hiệu: Phạm vi của sóng FM là khoảng 40 km (25 dặm), ngoại trừ các trạm phát sóng công suất cao. Nếu xe di chuyển ra xa khỏi đài phát, tín hiệu có xu hướng suy giảm và/hoặc lệch.

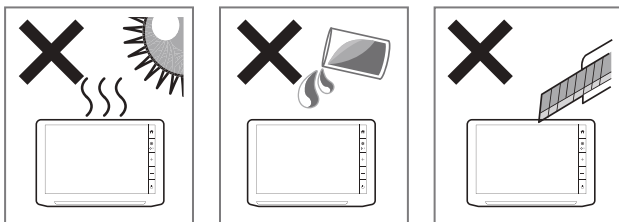
Đây là điều bình thường đối với việc phát sóng FM và có thể kèm với hiện tượng méo tiếng. Có thể dò một tín hiệu mạnh hơn để giảm thiểu hiện tượng suy giảm và lệch tín hiệu.

- Nhiều và chập chờn: Khi liên kết truyền thẳng giữa đài phát và xe bị che khuất bởi các tòa nhà lớn, v.v., âm thanh phát sóng có thể có hiện tượng nhiễu hoặc chập chờn. Bạn cũng có thể gặp phải hiện tượng chập chờn trong khi lái xe dọc theo một con đường ngợp bóng cây. Có thể giảm âm bổng để giảm thiểu tác động của hiện tượng nhiễu và chập chờn đối với âm thanh.
- Đa đường truyền: Do đặc tính phản xạ của tín hiệu FM, các tín hiệu trực tiếp và tín hiệu phản xạ có thể đến ăng-ten cùng một lúc (hiện tượng này được gọi là đa đường truyền) và triệt tiêu lẫn nhau. Khi xe di chuyển qua một vị trí như vậy, có thể xảy ra hiện tượng chập chờn hoặc mất khả năng thu sóng trong chốc lát.
- Hoán đổi đài: Khi hai đài FM nằm gần nhau trên dải tần số và tín hiệu hiện tại bị gián đoạn bởi một điểm mù sóng điện tử do hiện tượng nhiễu tĩnh hoặc đa đường truyền gây ra, tín hiệu mạnh hơn có thể tự động được chọn cho đến khi tín hiệu ban đầu trở lại. Hiện tượng hoán đổi đài cũng có thể xảy ra khi xe di chuyển ra xa khỏi đài phát và hướng tới một đài phát khác có tín hiệu mạnh hơn.
- Các nút bấm và biểu tượng trên thiết bị này sẽ được mô tả bằng chữ in đậm, ví dụ: **Chức năng đài radio**, hoặc **Màn hình hệ thống**.

Trước khi sử dụng

Các lưu ý khi sử dụng thiết bị này

- Phải thao tác xử lý cẩn thận thiết bị cơ khí chính xác này.
- Tránh sử dụng thiết bị này ở nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp vì có thể gây ra trục trặc hoặc lỗi. Không để các vật bằng kim loại và chất lỏng tiếp xúc với thiết bị, và các va đập mạnh có thể làm hỏng thiết bị.



Vệ sinh thiết bị

- Không sử dụng các chất lỏng dễ bay hơi như cồn hoặc dung môi pha sơn để vệ sinh thiết bị vì có thể làm xước vỏ hoặc làm mờ các chữ in trên bề mặt.
- Hãy cẩn thận làm theo các hướng dẫn nếu sử dụng khăn lau tấm hóa chất.

Vệ sinh màn hình hiển thị

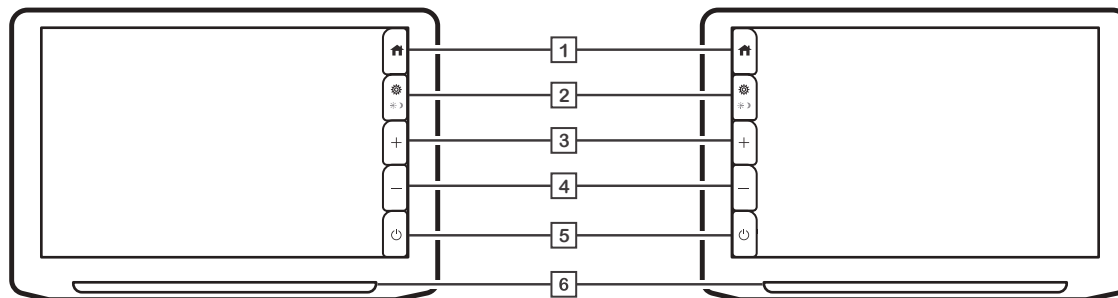
- Vệ sinh màn hình bằng khăn mềm khô, như khăn silicon.
- Chà màn hình bằng khăn thô ráp có thể làm xước bề mặt.

Bảo vệ màn hình

- Không dùng bút bi hoặc các dụng cụ tương tự có đầu nhọn để vận hành thao tác trên màn hình để bảo vệ màn hình không bị hư hỏng.
- Dán miếng dán bảo vệ lên màn hình có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động của tấm cảm ứng.

Các thao tác cơ bản

Nút thao tác



Vô lăng bên phải *

Vô lăng bên trái

Số	Phím chức năng	Tên	Chức năng
1		Màn hình chính	• Ấn một lần để hiển thị màn hình chính. • Ấn giữ để vào chế độ tắt màn hình. Để thoát chế độ tắt màn hình, ấn một lần vào bất kỳ vị trí nào trên màn hình hoặc bất kỳ công tắc điều khiển nào trên vô lăng.
2		Cài đặt	• Ấn một lần để vào màn hình menu Settings (Cài đặt). • Ấn giữ để chuyển đổi giữa “Chế độ ban ngày” và “Chế độ ban đêm”.
3		Tăng âm lượng	• Điều chỉnh tăng âm lượng. • Âm lượng sẽ tăng lên mức 25 khi tiếp tục giữ ấn.
4		Giảm âm lượng	• Điều chỉnh giảm âm lượng.
5		Nguồn	• Ấn một lần để chuyển đổi giữa Tắt tiếng và Bật lại tiếng. • Ấn giữ để vào chế độ tắt nguồn. Để thoát chế độ tắt nguồn, ấn một lần vào bất kỳ vị trí nào trên màn hình hoặc công tắc điều khiển trên vô lăng.
6	-	Thanh chiếu sáng	• Tăng cường môi trường ánh sáng trong xe. Có thể điều chỉnh màu sắc trong menu Settings (Cài đặt). • Đưa ra thông báo cho các cuộc gọi đến và khi hiển thị màn hình camera quan sát làn đường.

* Các trang tiếp theo sử dụng hình minh họa cho vô lăng bên phải.

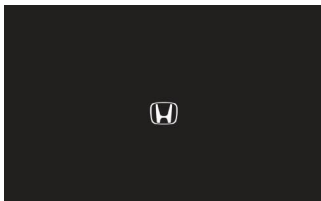
Thao tác bật nguồn

Thiết bị sẽ tự động bật khi khởi động xe.

- 1 Ấn nút Start và khởi động xe.



- 2 Thiết bị trung tâm sẽ hiển thị cùng hiệu ứng động khi PHỤ KIỆN ở vị trí BẬT.



- 3 Đọc các thông báo về biện pháp phòng ngừa và chạm vào [Agree] (Đồng ý) hoặc chạm vào [Language] (Ngôn ngữ) để thay đổi ngôn ngữ hiển thị.

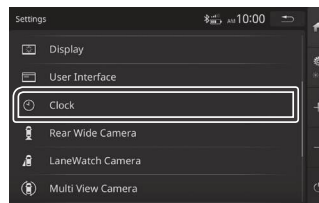


Thiết lập khu vực

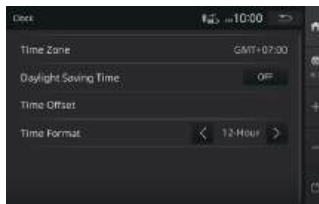
- 1 Ấn một lần nút  để hiển thị menu Settings (Cài đặt).



- 2 Chạm vào [Clock] (Đồng hồ).



- 3 Cài đặt từng mục.



■ Time Zone (Múi giờ)

Chọn múi giờ.

■ Daylight Saving Time (Giờ tiết kiệm ánh sáng ban ngày)

Bật để đảm bảo thời gian chính xác trong quá trình chuyển đổi giờ mùa hè (DST).

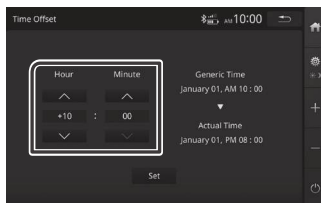
■ Time Offset (Bù thời gian)

Điều chỉnh thời gian bằng tay.

■ Time Format (Định dạng thời gian)

Chọn định dạng hiển thị giờ. (12-Hour (12 giờ) hoặc 24-Hour (24 giờ))

■ Điều chỉnh mục Time Offset (Bù thời gian)



- 1 Chọn [Time Offset] (Bù thời gian) trên màn hình Clock (Đồng hồ).
- 2 Điều chỉnh bù thời gian bằng cách chạm vào các nút mũi tên. (Hour (Giờ): -11 đến +11 / Minute (Phút): 00 đến 59)
- 3 Chạm vào [Set] (Thiết lập) để lưu cài đặt hiện tại và quay lại màn hình trước đó.

Điều chỉnh âm lượng

Ấn $\oplus$ và $\ominus$ để điều chỉnh tăng hoặc giảm âm lượng.

Ấn $\oplus$ để tăng âm lượng và ấn $\ominus$ để giảm âm lượng (0-40).

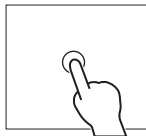
Giữ $\oplus$ để tăng âm lượng liên tục lên mức 25.

Ấn từng nấc một để điều chỉnh mức âm lượng từ 26 đến 40.

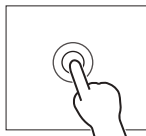


Thao tác điều khiển bằng cử chỉ

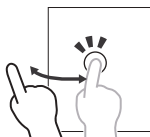
- Chạm vào phím chức năng tương ứng trên màn hình cảm ứng.



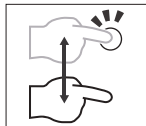
- Chạm và giữ phím chức năng tương ứng trên màn hình cảm ứng.



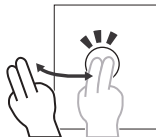
- Vuốt nhanh và lướt theo hướng mũi tên trên màn hình cảm ứng.



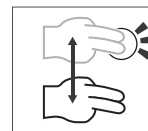
- Chạm và kéo theo hướng mũi tên trên màn hình cảm ứng.



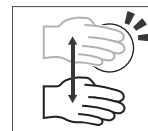
- Chạm bằng hai ngón tay theo hướng mũi tên trên màn hình cảm ứng để chuyển đến nội dung trước đó hoặc tiếp theo trong các nguồn đài radio và âm thanh. * 1



- Chạm bằng hai ngón tay theo hướng mũi tên trên màn hình cảm ứng để điều chỉnh tăng và giảm âm lượng. * 1



- Chạm bằng bốn ngón tay theo hướng mũi tên trên màn hình cảm ứng để tắt tiếng hoặc bật lại tiếng. * 1



CHÚ Ý

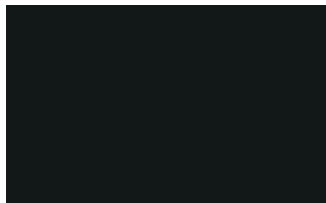
- Nếu bạn ấn vào một điểm khác trong khi ngón tay đang chạm vào tấm cảm ứng, thao tác này sẽ được nhận diện là “thao tác chạm 2 điểm” và có thể dẫn đến hoạt động sai.

*1 Các thao tác điều khiển bằng cử chỉ hai ngón tay và bốn ngón tay không khả dụng đối với Android Auto.

Chế độ tắt nguồn

Khi vào chế độ tắt nguồn, màn hình sẽ chuyển sang màu đen.

1 Ấn giữ nút . (Nguồn AV tắt và màn hình tắt.)



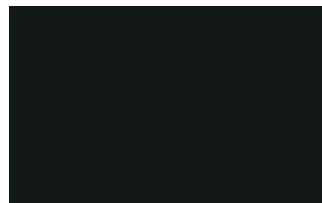
2 Quay lại màn hình ban đầu.

Ấn một lần vào bất kỳ vị trí nào trên màn hình hoặc công tắc điều khiển  trên vô lăng.

Chế độ tắt màn hình

Khi vào chế độ tắt màn hình, màn hình sẽ chuyển sang màu đen.

1 Ấn giữ nút . (Nguồn AV bật và màn hình tắt.)



2 Quay lại màn hình ban đầu.

Ấn một lần vào bất kỳ vị trí nào trên màn hình hoặc bất kỳ công tắc điều khiển nào trên vô lăng.

Mô tả màn hình chính

Có thể thực hiện hầu hết các chức năng từ màn hình chính.

1 Ấn một lần nút .



- 1 Thông tin về giờ, ngày tháng, la bàn, độ nghiêng dọc, độ nghiêng ngang và đồng hồ đo độ cao.
Chạm để thay đổi Đồng hồ kỹ thuật số và lịch (Mặc định)
⇒ Đồng hồ kim và lịch ⇒ La bàn và Pitch/Roll (độ nghiêng dọc/ngang) ⇒ La bàn và Altimeter (đồng hồ đo độ cao).



Trong quá trình hiệu chuẩn:



Màn hình sau đây sẽ hiển thị trong quá trình hiệu chuẩn cảm biến 6 trục.

Điều kiện bắt buộc để thực hiện hiệu chuẩn ban đầu cho Pitch/Roll (độ nghiêng dọc/ngang):

- 1) Lái xe trên đường thẳng với tốc độ khoảng 45 km/h.
- 2) Thực hiện rẽ tại một vài giao lộ.
- 3) Nhận tín hiệu GNSS.

Thiết lập lại phương ngang

- Thiết lập lại con quay hồi chuyển khi Pitch (độ nghiêng dọc) hoặc Roll (độ nghiêng ngang) không chính xác.
- Thực hiện thiết lập lại khi đỗ xe trên bề mặt phẳng.
- Cần thực hiện hiệu chuẩn ban đầu để hiển thị thông số chính xác của Pitch/Roll (độ nghiêng ngang dọc/ngang).

CHÚ Ý

- Thông tin tiện ích chỉ mang tính chất tham khảo.

2 Hiển thị thông tin của nguồn hiện tại. Chạm để hiển thị màn hình điều khiển của nguồn hiện tại.

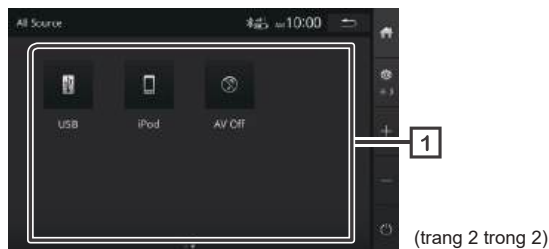
3 Các biểu tượng lỗi tắt nguồn.

Màn hình All Source (Tất cả nguồn)

Bạn có thể hiển thị biểu tượng của tất cả các nguồn phát.

1 Ấn một lần nút .

2 Chạm vào .



1 Hiển thị các nguồn khả dụng.

Vuốt sang trái hoặc phải để chuyển trang.

2 Quay lại màn hình chính.

Từ màn hình này, bạn có thể chọn các nguồn và chức năng sau đây.

	• Chuyển sang Android Auto từ thiết bị Android™ đã kết nối. *1
	• Chuyển sang Apple CarPlay từ iPhone đã kết nối. *1
	• Chuyển sang WeLink từ iPhone hoặc thiết bị Android đã kết nối.
	• Phát đài radio.
	• Phát đài radio kỹ thuật số (DAB). *2
	• Hiển thị màn hình rảnh tay.
	• Phát trình phát âm thanh Bluetooth.
	• Hiển thị màn hình camera đa hướng. *3
	• Phát từ tệp trên thiết bị USB.
	• Phát iPod/iPhone.
	• Tắt nguồn AV.

*1 Biểu tượng hiển thị màu xám khi chưa kết nối Apple CarPlay hoặc Android Auto. Biểu tượng chuyển sang màu trắng khi thiết bị được kết nối thông qua Apple CarPlay hoặc Android Auto.

*2 Chỉ dành cho mẫu xe tương thích DAB.

*3 Chỉ dành cho xe trang bị camera đa hướng.

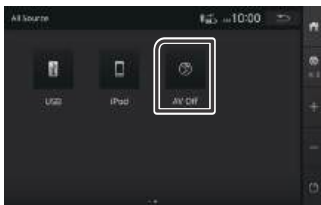
- Để chọn các biểu tượng lỗi tắt nguồn trên màn hình chính.



- 4 biểu tượng ngoại trừ biểu tượng [All Source] (Tất cả nguồn) được đặt trên màn hình chính.
- Ngoại trừ biểu tượng [Apple CarPlay] và [Android Auto], bạn có thể tùy chỉnh màn hình lựa chọn All Source (Tất cả nguồn) để thay đổi các biểu tượng hiển thị ở vùng này.

- Để tắt nguồn AV (Âm thanh-Hình ảnh)

- 1 Ấn một lần nút .
- 2 Chạm vào .
- 3 Chạm [AV Off] (Tắt AV).



- Tùy chỉnh các biểu tượng lỗi tắt nguồn trên màn hình chính.

Bạn có thể sắp xếp các biểu tượng lỗi tắt nguồn trên màn hình chính.

- 1 Ấn một lần nút .
- 2 Chạm vào .
- 3 Chạm vào và giữ biểu tượng mà bạn mong muốn và di chuyển tới vùng tùy chỉnh.



Mô tả màn hình điều khiển nguồn

Có thể thực hiện một số chức năng từ hầu hết các màn hình.



1 Tắt tiếng

Biểu tượng tắt tiếng hiển thị khi tắt tiếng thiết bị này.

2 Trạng thái điện thoại qua Bluetooth đã kết nối

Trạng thái tín hiệu điện thoại và pin.

3 Quay lại

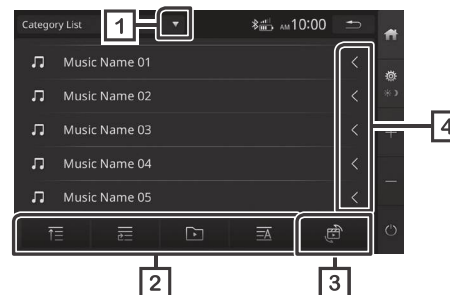
Quay lại màn hình trước đó.

4 Cuộn văn bản

Cuộn văn bản được hiển thị.

Màn hình danh sách

Có một số nút chức năng thông thường trong màn hình danh sách của hầu hết các nguồn.



1 Hiện thị danh sách loại lựa chọn

2 Các phím thao tác

Các nút với chức năng khác nhau được mô tả bên dưới.

- Di chuyển lên trên cùng.
- Di chuyển lên cấp cao hơn.
- Phát tất cả các bài nhạc trong thư mục chứa bài nhạc hiện tại.
- Tìm kiếm theo bảng chữ cái

3 Chuyển đổi tệp nhạc/video

4 Cuộn văn bản

Cuộn văn bản được hiển thị.

CHÚ Ý

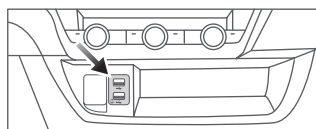
- Một số nút chức năng có thể không hiển thị tùy theo nguồn hoặc chế độ hiện tại.

Kết nối

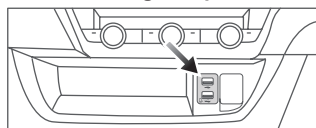
Kết nối có dây

Có thể kết nối thiết bị này với các thiết bị bên ngoài.
Kết nối thiết bị bên ngoài thông qua phụ kiện sau đây.

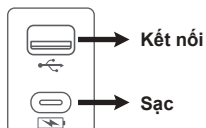
Hình minh họa thay đổi tùy theo loại xe.



Vô lăng bên phải



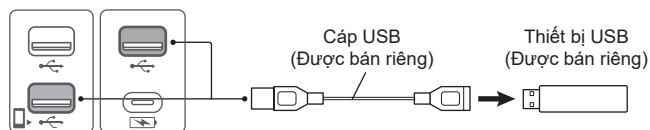
Vô lăng bên trái



CHÚ Ý

- Một đầu nối chỉ được sử dụng để sạc.

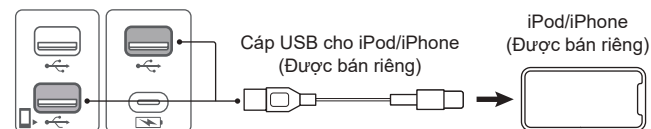
Kết nối thiết bị USB (xem T. 28)



CHÚ Ý

- Hãy cắm thiết bị USB tùy theo loại cổng USB. Không cố dùng lực ép thiết bị USB vào cổng. Cắm thiết bị USB nghiêng hoặc ngược có thể làm hỏng cổng USB và gây ra trục trặc.

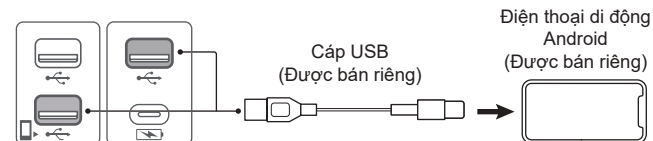
Kết nối iPod/iPhone (xem T. 31)



CHÚ Ý

- Tùy theo đầu nối của iPod/iPhone, hãy sử dụng cáp Lightning-USB chính hãng Apple hoặc cáp USB chuyển từ USB-C® sang USB-A được chứng nhận bởi USB-IF. Nếu sử dụng cáp không được chứng nhận, thiết bị có thể không hoạt động bình thường.

Kết nối điện thoại thông minh Android (xem T. 35)



Điều khiển Bluetooth

Thông tin về cách sử dụng thiết bị Bluetooth®

Bluetooth là công nghệ liên lạc vô tuyến không dây tầm ngắn dành cho các thiết bị di động như điện thoại di động, máy tính xách tay và các thiết bị khác.

Có thể kết nối các thiết bị Bluetooth mà không cần cáp và giao tiếp với nhau.



⚠ THẬN TRỌNG

- Không thực hiện các thao tác phức tạp như quay số, sử dụng danh bạ, v.v. trong khi lái xe. Hãy dừng xe ở nơi an toàn khi thực hiện các thao tác này.

CHÚ Ý

- Điều kiện kết nối có thể thay đổi tùy theo các môi trường khác nhau.
- Một số âm thanh Bluetooth có thể bị giới hạn bởi định dạng của ứng dụng trên thiết bị di động.
- Thiết bị này có thể không hoạt động với một số thiết bị Bluetooth.
- Khi tắt thiết bị này, một số thiết bị Bluetooth sẽ ngắt kết nối.

■ Cấu hình Bluetooth được hỗ trợ

Thiết bị này tuân thủ các thông số kỹ thuật Bluetooth sau đây.

Phiên bản

- Bluetooth phiên bản 5.3

Cấu hình (Điện thoại di động)

- HFP (V1.8) (Cấu hình rảnh tay)
- PBAP (V1.2.3) (Cấu hình truy cập danh bạ điện thoại)

Cấu hình (Trình phát âm thanh)

- A2DP (V1.4) (Cấu hình giao thức truyền âm thanh nâng cao)
- AVRCP (V1.6.2) (Cấu hình điều khiển từ xa âm thanh/video)

Cấu hình (WebLink)

- A2DP (V1.4) (Cấu hình giao thức truyền âm thanh nâng cao)
- AVRCP (V1.6.2) (Cấu hình điều khiển từ xa âm thanh/video)
- HID (V1.0) (Thiết bị giao diện người dùng)
- SPP (V1.2) (Cấu hình cổng nối tiếp)

Đăng ký thiết bị Bluetooth

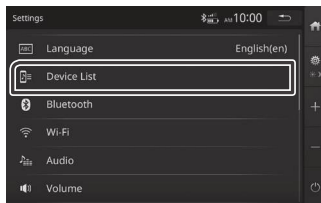
Trước khi sử dụng chức năng Bluetooth, vui lòng đăng ký thiết bị phát âm thanh Bluetooth hoặc điện thoại di động vào thiết bị. Bạn có thể đăng ký tối đa 10 thiết bị Bluetooth.

CHÚ Ý

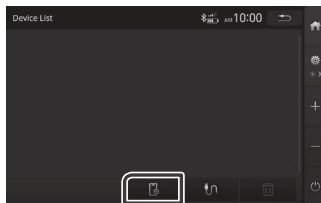
- Có thể đăng ký tối đa 10 thiết bị Bluetooth. Khi đăng ký thiết bị Bluetooth thứ 11, thiết bị Bluetooth không được sử dụng trong thời gian lâu nhất sẽ tự động bị xóa.

1 Ấn một lần nút  để hiển thị menu Settings (Cài đặt).

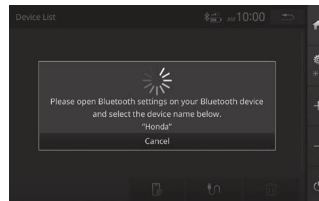
2 Chạm vào [Device List] (Danh sách thiết bị).



3 Chạm vào nút  trên màn hình Device List (Danh sách thiết bị).

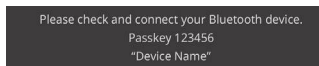


4 Tìm kiếm tên thiết bị (Honda) từ thiết bị di động của bạn.



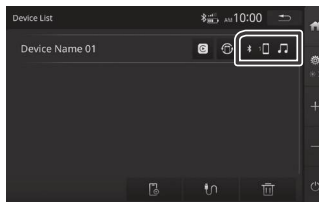
* Bạn có thể ấn [Cancel] để dừng thao tác.

5 Xác nhận yêu cầu trên cả thiết bị và thiết bị di động.



* Trên thiết bị di động của mình, bạn sẽ được hỏi để cho phép chia sẻ danh bạ điện thoại (Allow/Not allow) (Cho phép/Không cho phép). Chọn [Allow] (Cho phép).

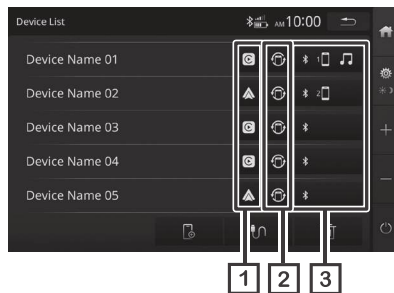
6 Các chức năng sẽ được chọn đồng thời làm mặc định. ( Phone1 (Điện thoại 1)/ Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth))



CHÚ Ý

- Nếu điện thoại di động hỗ trợ giao thức PBAP, dữ liệu danh bạ điện thoại sẽ được tải xuống tự động. Màn hình giải trí sẽ tự động xác định và chọn Phone1 (Điện thoại 1) hoặc Phone2 (Điện thoại 2).

Cài đặt Device List (Danh sách thiết bị)



1 Hiển thị các nút Apple CarPlay hoặc Android Auto.

■   (Nút không có viền bao quanh):
Đã ngắt kết nối thiết bị.

■   (Nút có viền bao quanh):
Thiết bị được kết nối và đang được sử dụng.

* Khi được kết nối, thiết bị sẽ hiển thị dưới dạng nút Apple CarPlay hoặc Android Auto tùy theo hệ thống điện thoại di động.

2 Hiển thị các nút WebLink.

■  (Nút không có viền bao quanh):
Đã ngắt kết nối thiết bị.

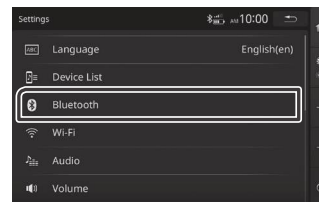
■  (Nút có viền bao quanh):
Thiết bị được kết nối và đang được sử dụng.

3 Chạm vào để hiển thị màn hình chọn cấu hình. (xem T. 17)

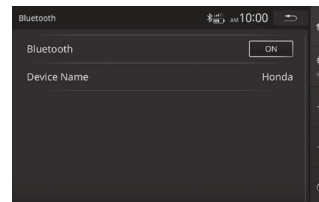
Thiết lập Bluetooth

1 Ấn một lần nút để hiển thị menu Settings (Cài đặt).

2 Chạm vào [Bluetooth].



3 Cài đặt từng mục như sau.



■ Bluetooth

Cài đặt có sử dụng chức năng Bluetooth không.
(ON/OFF (BẬT/TẮT)) (Mặc định: ON (BẬT))

■ Device Name (Tên thiết bị)

Thay đổi tên thiết bị.

Điều khiển Bluetooth

Kết nối thiết bị Bluetooth

- 1 Ấn một lần nút  để hiển thị menu Settings (Cài đặt).
- 2 Chạm vào [Device List] (Danh sách thiết bị).



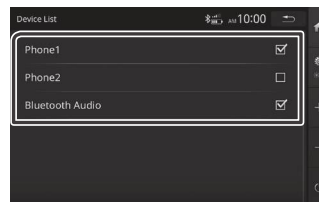
- 3 Chạm vào thiết bị mà bạn muốn kết nối.



CHÚ Ý

- Nếu biểu tượng sáng lên, nghĩa là thiết bị sẽ sử dụng thiết bị đó.
- Có thể sử dụng đồng thời
-2 thiết bị rảnh tay.
(có thể nhận cuộc gọi trên cả hai thiết bị thông qua thiết bị trung tâm)
-5 thiết bị âm thanh Bluetooth/4 thiết bị âm thanh Bluetooth và 1 thiết bị WebLink.

- 4 Cài đặt từng mục như sau.



■ Phone1/Phone2 (Điện thoại 1/Điện thoại 2)

Có thể kết nối đồng thời 2 thiết bị rảnh tay.

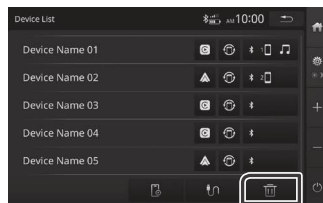
■ Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth)

Đánh dấu tích vào hộp kiểm để sử dụng âm thanh Bluetooth.

- 5 Chạm vào  để lưu cài đặt hiện tại và quay lại màn hình Device List (Danh sách thiết bị).

Để xóa thiết bị Bluetooth đã đăng ký

1 Chạm vào .



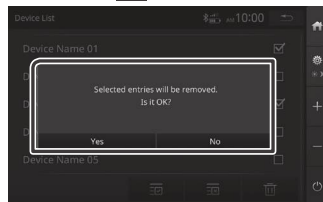
2 Chọn tên thiết bị cần xóa.



Chọn tất cả các thiết bị Bluetooth.

Xóa tất cả các dấu tích đã chọn.

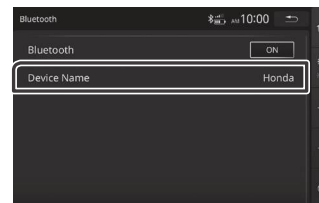
3 Chạm vào và thông báo xác nhận xuất hiện.



4 Chạm vào [Yes] (Có).

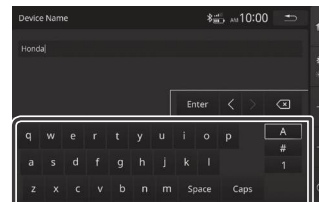
Thay đổi tên thiết bị

1 Chạm vào [Device Name] (Tên thiết bị).



2 Chạm vào để xóa chữ.

3 Nhập tên thiết bị.



4 Chạm vào [Enter].

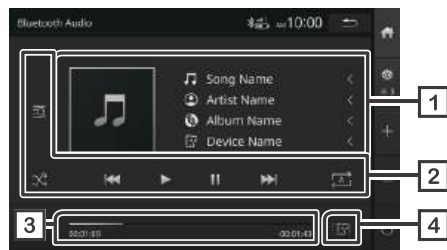
Phát thiết bị âm thanh Bluetooth

Chạm vào biểu tượng Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth) trên màn hình lựa chọn nguồn.

CHÚ Ý

- Khi mục Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth) đang phát, nếu bạn kết nối điện thoại Android hoặc iPhone vào cổng USB và bật Android Auto hoặc Apple CarPlay, mục Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth) sẽ bị ngắt kết nối.
- Trong trường hợp này, bạn sẽ không thể chọn biểu tượng Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth) từ màn hình All Sources (Tất cả nguồn), tức là bạn sẽ không thể chuyển sang mục Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth).
- Để phát mục Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth), bạn cần ngắt kết nối điện thoại Android hoặc iPhone khỏi cổng USB.

Vận hành Bluetooth cơ bản



1 Màn hình thông tin bài nhạc

Hiển thị thông tin bài nhạc hiện tại, bao gồm tên bài hát, tên nghệ sĩ, tên album và tên thiết bị được kết nối.

2 Các phím thao tác

- Tìm kiếm bài nhạc/tệp.
- Phát ngẫu nhiên.
- Tắt phát ngẫu nhiên.
* Chức năng phát ngẫu nhiên có thể không hiển thị tùy theo thiết bị di động.
- Chuyển sang nội dung trước đó/tiếp theo
Ấn giữ để tua nhanh tới trước hoặc tua nhanh ngược về sau.
* Cũng có thể thực hiện thao tác này bằng điều khiển trên vô lăng.
* Nếu thiết bị di động không hỗ trợ chức năng này, bạn sẽ không thể thực hiện thao tác này trên thiết bị.

- Phát.
- Tạm dừng.
- Lặp lại tất cả các tệp.
- Lặp lại một tệp.
- Tắt lặp lại.

* Chức năng lặp lại có thể không hiển thị tùy theo thiết bị di động.

3 Thời gian phát

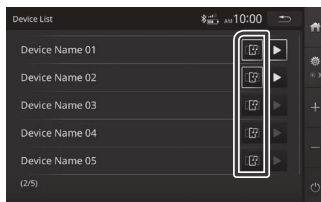
Hiển thị vị trí thời gian phát hiện tại.

4 Chuyển đổi thiết bị âm thanh Bluetooth.

Thay đổi thiết bị âm thanh Bluetooth

Có thể kết nối và chuyển đổi tối đa năm thiết bị Bluetooth.

- 1 Chạm vào  và danh sách các thiết bị đã đăng ký sẽ hiển thị.
- 2 Chạm vào tên thiết bị bạn muốn kết nối.



- Chạm vào  ở bên phải của thiết bị đã kết nối.

-  (Nút không có viền bao quanh):

Đã ngắt kết nối thiết bị.

-  (Nút có viền bao quanh):

Thiết bị được kết nối và đang được sử dụng.

-  (Nút bị vô hiệu hóa):

Các thiết bị từ thứ 6 trở đi.

* Có thể sử dụng đồng thời tối đa năm thiết bị.

- 3 Chạm vào .



- Thiết bị có thể bắt đầu phát khi có nút có viền bao quanh.

-  (Nút không có viền bao quanh):

Đã kết nối thiết bị.

-  (Nút có viền bao quanh):

Thiết bị trong quá trình phát lại âm thanh.

-  (Nút bị vô hiệu hóa):

Đã ngắt kết nối thiết bị.

- 4 Chạm vào  để quay lại thao tác với mục Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth).

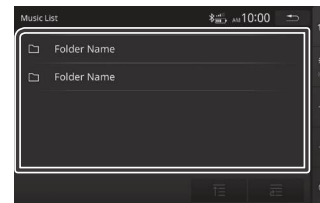
CHÚ Ý

- Khi âm thanh Bluetooth được chuyển đổi sang thiết bị khác, các cài đặt âm thanh hiện tại sẽ bị xóa và cài đặt kết nối mới sẽ được khôi phục.

Tìm kiếm tệp

- 1 Chạm vào .

- 2 Chạm vào tệp hoặc thư mục đã chọn.



- 3 Chạm vào mục đã chọn trong danh sách nội dung và bắt đầu phát.

Chức năng rảnh tay

Sử dụng chức năng điện thoại bằng cách kết nối điện thoại Bluetooth với thiết bị.

Thực hiện cuộc gọi điện thoại

1 Ấn một lần nút .

2 Chạm vào .

3 Chạm vào [Phone] (Điện thoại).

CHÚ Ý

- Nếu điện thoại di động hỗ trợ giao thức PBAP, thiết bị có thể hiển thị danh sách danh bạ điện thoại và lịch sử cuộc gọi sau khi kết nối điện thoại di động với thiết bị.
 - Danh sách danh bạ điện thoại tối đa 1.000 mục nhập.
 - Lịch sử cuộc gọi tối đa 50 mục nhập.
- Thiết bị này được thiết kế để sử dụng chức năng gọi điện thoại được cài đặt trên điện thoại thông minh. Chức năng nhắn tin tức thời từ bên thứ ba không thuộc phạm vi hỗ trợ.

4 Chọn chức năng vận hành.



1 Chuyển đổi sang điện thoại di động khác.

Bạn có thể chuyển qua lại giữa các điện thoại di động khi kết nối hai điện thoại di động.

2 Lịch sử

Gọi từ cuộc gọi đi, cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi nhớ.

3 Danh bạ điện thoại

Gọi từ danh bạ điện thoại được tải từ điện thoại xuống.

4 Bấm số

Gọi bằng cách nhập số điện thoại.

5 Phone Setup (Thiết lập điện thoại)

Màn hình Phone Setup (Thiết lập điện thoại) xuất hiện. (xem T. 25)

CHÚ Ý

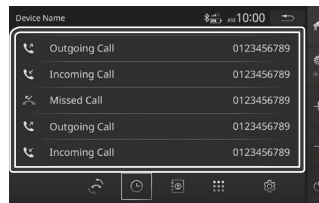
- Tình trạng điện thoại di động và điều kiện của nhà mạng sẽ ảnh hưởng tới chất lượng âm thanh và hiệu suất của chế độ rảnh tay Bluetooth.
- Trạng thái pin và khả năng thu nhận tín hiệu có thể khác với thông tin hiển thị trên điện thoại di động.

■ Sử dụng lịch sử cuộc gọi

Gọi từ cuộc gọi đi, cuộc gọi đến hoặc cuộc gọi nhớ.

1 Chạm vào .

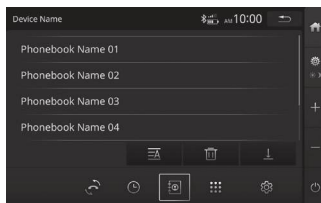
2 Chọn số điện thoại từ danh sách.



Sử dụng danh bạ điện thoại

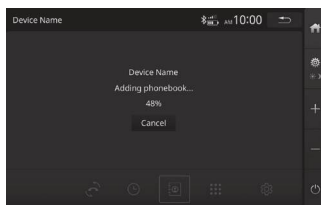
Bạn có thể sử dụng danh bạ điện thoại để thực hiện cuộc gọi. Trước khi bắt đầu sử dụng, hãy đảm bảo tải xuống dữ liệu danh bạ điện thoại.

1 Chạm để vào màn hình danh bạ điện thoại.



-  Tìm kiếm theo bảng chữ cái.
-  Xóa danh bạ điện thoại.
-  Tải danh bạ điện thoại xuống thiết bị.

2 Chạm vào và bắt đầu tải xuống.



3 Bạn có thể bắt đầu sử dụng danh bạ điện thoại để thực hiện cuộc gọi sau khi tải xuống dữ liệu danh bạ điện thoại.

CHÚ Ý

- Có thể tải xuống tối đa 1.000 mục nhập danh bạ điện thoại. Nếu danh bạ điện thoại chứa hơn 1.000 mục nhập, các mục nhập còn lại sẽ không được chuyển.
- Có thể lưu trữ tối đa 10 thiết bị Bluetooth trong thiết bị.
- Khi bạn kết nối điện thoại di động có dữ liệu danh bạ được tải xuống trước đó thì dữ liệu đã tải xuống trước đó sẽ hiển thị.
- Hệ thống chỉ có thể truy cập các liên hệ được lưu trữ trên thẻ SIM hoặc thiết bị di động được kết nối. Hệ thống không truy cập các liên hệ từ tài khoản e-mail hoặc các ứng dụng khác.
- Để cập nhật các liên hệ mới được thêm trên thiết bị (tức là các liên hệ được thêm sau lần tải xuống danh bạ điện thoại trước đó), hãy tải xuống lại danh bạ điện thoại.

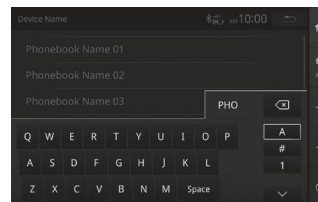
Sử dụng danh bạ điện thoại để gọi

1 Chạm vào .

2 Chạm vào .

3 Chọn chữ cái đầu.

- Không sử dụng các ký tự đặc biệt để tìm kiếm.
- Có thể sử dụng các ngôn ngữ khác nhau có ký tự đầu tiên mang dấu tương đương để tìm kiếm, nhưng không thể dùng để tìm kiếm từ ở giữa.

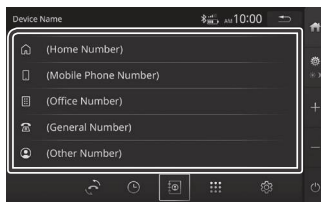


Điều khiển Bluetooth

4 Chọn tên từ danh sách.



5 Chọn số điện thoại từ danh sách.

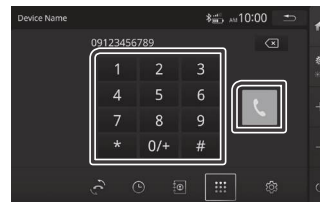


6 Chạm vào để quay lại màn hình danh bạ điện thoại.

Nhập số điện thoại để thực hiện cuộc gọi

1 Chạm vào .

2 Nhập số điện thoại bằng bàn phím số.



* Số điện thoại có thể gồm tối đa 25 chữ số.
Bàn phím số sẽ bị vô hiệu hóa khi vượt quá 25 chữ số.

3 Chạm vào .

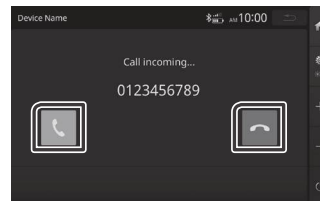
Nhận cuộc gọi đến

Khi có cuộc gọi đến, thanh chiếu sáng sẽ tự động chuyển sang màu xanh lục.

Thanh sẽ nhấp nháy cho đến khi bạn chạm vào , sau đó thanh sẽ sáng liên tục.

Thanh sẽ trở về màu chủ đề trước đó sau khi kết thúc cuộc gọi.

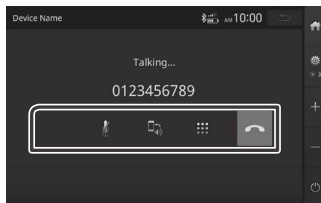
1 Chạm vào để trả lời cuộc gọi điện thoại, hoặc chạm vào để từ chối cuộc gọi đến.



CHÚ Ý

- Trong một số trường hợp, tên người gọi có thể không hiển thị do không có dữ liệu hoặc có sự sai lệch giữa ID người gọi của nhà mạng và mục nhập đã lưu trong danh bạ điện thoại. Để tránh sự cố này, hãy thêm mã quốc gia vào từng liên hệ.

Thao tác khi thực hiện cuộc gọi



Điều chỉnh tăng và giảm âm lượng tiếp nhận.

Cũng có thể thực hiện thao tác này bằng điều khiển trên vô lăng. Ấn **+** và **-** hoặc dùng hai ngón tay vuốt lên màn hình. Vuốt lên để tăng âm lượng và vuốt xuống để giảm âm lượng.

Tắt tiếng

Chạm vào  để tắt tiếng hoặc bật lại tiếng nói.

Chuyển âm thanh

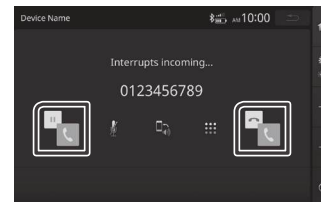
Chạm vào  /  để chuyển âm thanh từ loa sang điện thoại di động hoặc từ điện thoại di động sang loa.

Phát âm báo bấm số

Chạm vào  để hiển thị bàn phím số.

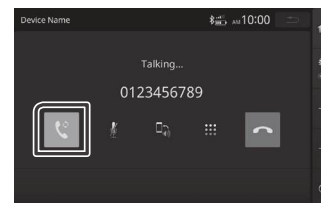
Kết thúc cuộc gọi

Chạm vào  để kết thúc cuộc gọi.



Cuộc gọi đến xen ngang

- Khi đang đàm thoại và nhận được một cuộc gọi đến mới, bạn có thể trả lời cuộc gọi mới nhận bằng cách chạm vào . Cuộc gọi hiện tại sẽ được chuyển sang chế độ chờ.
- Chạm vào  để cúp cuộc gọi đến xen ngang và giữ nguyên cuộc gọi hiện tại.

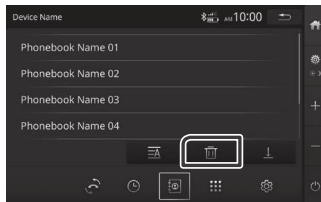


Xử lý nhiều cuộc gọi

- Mỗi lần chạm vào  sẽ chuyển sang người gọi còn lại.

Để xóa thông tin danh bạ điện thoại

1 Chạm vào .



2 Chọn tên danh bạ điện thoại cần xóa.



Chọn tắt cả thông tin của danh bạ điện thoại.

Xóa tất cả các dấu tích đã chọn.

3 Chạm vào và thông báo xác nhận xuất hiện.

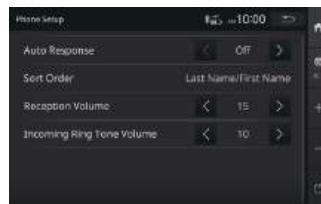


4 Chạm vào [Yes] (Có).

Thiết lập điện thoại

1 Chạm vào .

2 Cài đặt từng chức năng như sau.



Auto Response (Tự động trả lời)

Cài đặt thời gian tự động trả lời cuộc gọi đến.

Off (Tắt) (Mặc định): Tắt tính năng tự động trả lời.

1 / 5 / 10 / 15 / 20 / 25 / 30 giây: Cài đặt thời lượng chờ chuông.

Sort order (Thứ tự sắp xếp)

Cài đặt cách sắp xếp dữ liệu danh bạ điện thoại.

First Name/Last Name (Tên/Họ): Sắp xếp dữ liệu theo tên.

Last Name/First Name (Họ/Tên) (Mặc định): Sắp xếp dữ liệu theo họ.

Reception Volume (Âm lượng tiếp nhận)

Điều chỉnh âm lượng tiếp nhận. (0-40) (Mặc định: 15)

Incoming Ring Tone Volume (Âm lượng nhạc chuông cuộc gọi đến)

Điều chỉnh âm lượng nhạc chuông cuộc gọi đến. (0-40) (Mặc định: 10)

WebLink

Bạn có thể kết nối điện thoại thông minh với WebLink thông qua kết nối có dây hoặc không dây. Bạn có thể sử dụng WebLink để hiển thị màn hình của điện thoại thông minh trên thiết bị và cũng có thể sử dụng các ứng dụng tương thích khác trong WebLink.

Thiết lập WebLink

- 1 Tải xuống “WebLink Host” từ App Store (đối với iPhone) hoặc trên Google Play (đối với điện thoại Android).**



- “WebLink Host” là ứng dụng miễn phí.
- WebLink có thể không hoạt động với một số phiên bản iOS hoặc Android nhất định.
- Hãy kiểm tra khả năng tương thích tại: <https://hellowebblink.com>

- 2 Ghép đôi điện thoại thông minh với thiết bị thông qua Bluetooth.**

- Đăng ký thiết bị Bluetooth (xem **T. 15**)
- Cài đặt Device List (Danh sách thiết bị) (xem **T. 16**)

- 3 Màn hình WebLink xuất hiện. Kết nối thành công với WebLink.**

CHÚ Ý

- Điều khiển cảm ứng 2 chiều có thể không hoạt động với một số điện thoại thông minh do phiên bản hệ điều hành hoặc thông số kỹ thuật của điện thoại thông minh.
- Một số ứng dụng video hoặc nội dung video trên điện thoại thông minh không thể hiển thị trên màn hình giải trí do thông số kỹ thuật hoặc chính sách bản quyền của ứng dụng.
- Nếu nhận thấy điện thoại thông minh của mình bị nóng, hãy ngừng sử dụng WebLink và ngắt kết nối USB.
- Nếu không có kết nối Bluetooth, sẽ không thể thực hiện được một số chức năng, như thao tác điều khiển.

Các phương thức kết nối khác

■ Kết nối USB

- 1 Kết nối điện thoại thông minh với thiết bị thông qua cáp USB.**
- 2 Mở ứng dụng WebLink trên điện thoại thông minh.**
- 3 Xác nhận ủy quyền.**
- 4 Màn hình WebLink xuất hiện. Kết nối thành công với WebLink.**

■ Kết nối với điện thoại thông minh (Chỉ điện thoại Android)

- 1 Chạm vào ứng dụng WebLink trên điện thoại thông minh.**
- 2 Kết nối với WebLink.**
- 3 Xác nhận ủy quyền.**
- 4 Màn hình WebLink xuất hiện. Kết nối thành công với WebLink.**

■ Kết nối không dây

- 1 Ấn một lần nút .**
- 2 Chạm vào [WebLink].**
- 3 Chạm vào [Wireless setup] (Cài đặt không dây).**



- 4 Mở ứng dụng WebLink trên điện thoại thông minh.**
- 5 Xác nhận ủy quyền.**
- 6 Màn hình WebLink xuất hiện. Kết nối thành công với WebLink.**

CHÚ Ý

- Bạn có thể xem hướng dẫn “cách sử dụng” trên trang web “HelloWebLink” <https://helloweblink.com/> dành cho màn hình giải trí.
- Trong lần sử dụng WebLink đầu tiên, điều khoản dịch vụ của WebLink sẽ hiển thị trên điện thoại thông minh. Bạn cần đồng ý với các điều khoản dịch vụ của WebLink để sử dụng chức năng này.
- Khi sử dụng chức năng WebLink bằng iPhone, các thao tác sau đây sẽ làm ngắt hoạt động của WebLink. Để tiếp tục sử dụng các chức năng WebLink, hãy ngắt kết nối cáp USB và thử kết nối lại.
 - Nhận cuộc gọi.
 - Dừng chức năng ghi màn hình của iPhone.
 - Tắt màn hình của iPhone.
- Một số ứng dụng có thể không có âm thanh do giới hạn của điện thoại thông minh.
- Không thể sử dụng đồng thời cả WebLink và nguồn iPod.
- Không thể sử dụng đồng thời cả WebLink và nguồn Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth).
- Sau khi sử dụng xong chức năng WebLink, hãy dừng phát sóng trên chức năng ghi màn hình của iPhone. Nếu không, các nguồn phát iPod, Apple CarPlay và Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth) có thể không hoạt động đúng cách.

CHÚ Ý

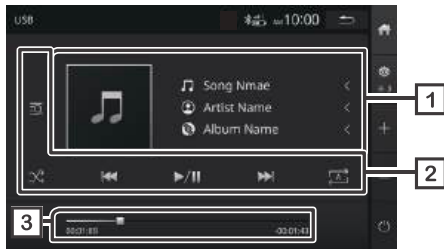
- Người dùng iPhone chỉ có thể mở một ứng dụng tại một thời điểm do giới hạn của hệ điều hành iOS. Khi sử dụng ứng dụng định vị, hãy hạn chế sử dụng các ứng dụng khác vì việc này sẽ làm gián đoạn các hoạt động của WebLink.
Ví dụ: nếu bạn sử dụng Waze cùng với Spotify, màn hình giải trí sẽ ngừng hiển thị màn hình ứng dụng định vị Waze và màn hình giải trí chỉ phát ra âm thanh Spotify.
- Nếu dùng tay chuyển iPhone sang chế độ ngủ, kết nối sẽ bị mất. Bạn nên đặt tính năng tự động khóa của iPhone thành “Không”.
(Cài đặt → Màn hình & Độ sáng → Tự động khóa)
- Trong khi lái xe, các nội dung và chức năng khả dụng sẽ bị hạn chế khi sử dụng “WebLink Host”.

USB

Kết nối với thiết bị USB

- 1 Kết nối thiết bị USB với cổng USB. (xem T. 13)
- 2 Ấn một lần nút .
- 3 Chạm vào .
- 4 Chạm vào [USB].
 - Cấu hình USB được hỗ trợ là FAT16, FAT32.

Thao tác trên thiết bị USB



1 Màn hình thông tin bài nhạc

Hiển thị thông tin bài nhạc hiện tại, bao gồm tên bài hát, tên nghệ sĩ, tên album, tên tệp và tên thư mục.

* Chỉ hiển thị một tên tệp và một tên thư mục nếu không có thông tin thẻ.

2 Các phím thao tác

-  Tìm kiếm bài nhạc/tệp

-  Phát ngẫu nhiên
-  Tắt phát ngẫu nhiên
-  Chuyển sang nội dung trước đó/tiếp theo

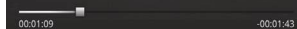
Ấn giữ để tua nhanh tới trước hoặc tua nhanh ngược về sau
* Cũng có thể thực hiện thao tác này bằng điều khiển trên vô lăng.

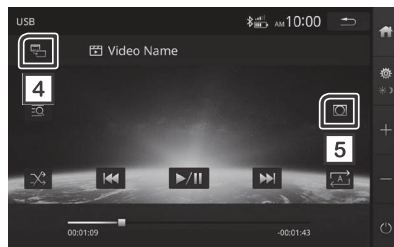
-  Phát hoặc tạm dừng
-  Lặp lại tất cả các tệp
-  Lặp lại một tệp
-  Lặp lại các tệp trong thư mục

3 Thời gian phát

Hiển thị vị trí thời gian phát hiện tại.

Bạn có thể kéo điểm vị trí sang trái hoặc sang phải.

-  : Phát
-  : Tạm dừng



4 Ấn (Chỉ tệp video)

Ấn toàn bộ thông tin trên màn hình.



CHÚ Ý

- Chạm để hiển thị màn hình điều khiển.

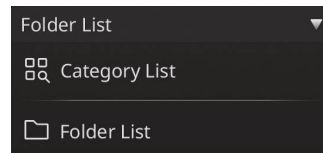
5 Chế độ tỷ lệ khung hình

-  Chế độ bình thường (Mặc định)
Hiển thị theo tỷ lệ khung hình gốc vừa vặn theo chiều rộng hoặc chiều cao.
-  Chế độ thu phóng
Kéo giãn video theo tỷ lệ khung hình gốc cho đến khi video lấp đầy toàn bộ màn hình. Chế độ này có thể cắt bớt một số phần của hình ảnh.
-  Chế độ toàn màn hình
Kéo giãn video đều trên toàn màn hình.

Thao tác tìm kiếm tệp

Bạn có thể tìm kiếm tệp âm nhạc hoặc video bằng các thao tác sau.

- 1 Chạm vào  .
- 2 Chạm vào  để chọn một loại được liệt kê.



- 3 Chạm vào mục đã chọn trong danh sách nội dung.

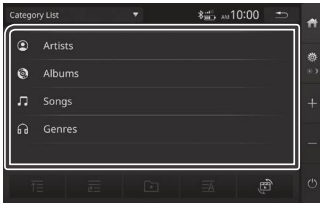
CHÚ Ý

- Đối với thao tác vận hành màn hình danh sách. (xem T. 12)

Tìm kiếm theo danh mục

Bạn có thể tìm kiếm tệp bằng cách chọn danh mục.

- 1 Chạm vào [Category List] (Danh sách danh mục).
- 2 Chọn danh mục bạn muốn tìm kiếm.



Chuyển đổi tệp nhạc/video

- 3 Chạm để chọn mục mong muốn trong danh sách.
Lặp lại bước này cho đến khi tìm được tệp mong muốn.

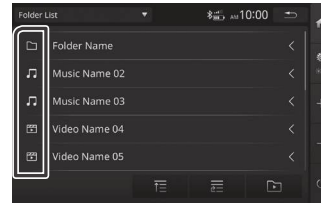
CHÚ Ý

Danh sách tương ứng với lựa chọn của bạn sẽ xuất hiện.

Tìm kiếm theo thư mục

Bạn có thể tìm kiếm tệp theo hệ thống phân cấp.

- 1 Chạm vào [Folder List] (Danh sách thư mục).
- 2 Chạm vào thư mục bạn muốn chọn.



-  Thư mục tệp
-  Tệp âm nhạc
-  Tệp video

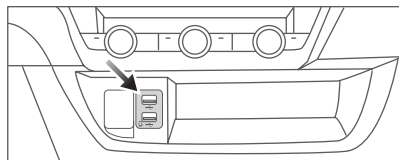
CHÚ Ý

- Tệp tiếp theo sẽ tự động phát, bất kể đó là tệp âm nhạc hay video trong danh sách thư mục.
- Hệ thống phân cấp sắp xếp kết quả từ thư mục → tệp.

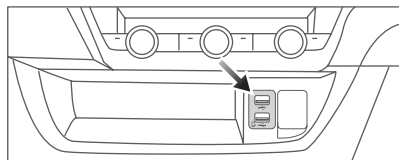
iPod/iPhone

Thiết lập iPod/iPhone

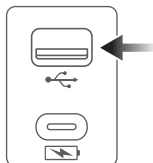
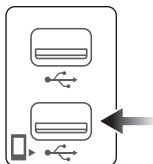
Hãy kết nối iPod/iPhone bằng cáp USB tương thích vào cổng USB loại A. (xem T. 13)



Vô lăng bên phải



Vô lăng bên trái



CHÚ Ý

- Hình minh họa thay đổi tùy theo loại xe.

Kết nối iPod/iPhone

CHÚ Ý

- Các kiểu máy không được hỗ trợ bao gồm.
 - Từ iPhone 8 trở về trước
 - iPhone SE (thế hệ thứ 1)
 - Từ iPod touch 5G trở về trước
 - Tất cả các mẫu iPod khác

1 Kết nối iPod/iPhone vào đầu nối.

2 Ấn một lần nút .

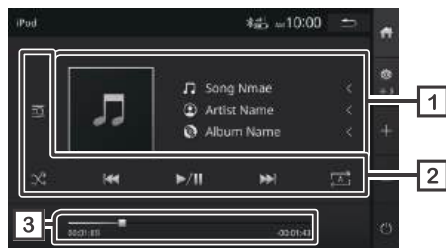
3 Chạm vào .

4 Chạm vào [iPod].

⚠ NGUY HIỂM

- Đảm bảo cố định chắc chắn iPod/iPhone khi lái xe. Không để iPod/iPhone rơi xuống sàn xe, bị kẹt dưới bàn đạp phanh hoặc chân ga.

Thao tác trên iPod/iPhone



1 Màn hình thông tin bài nhạc

Hiển thị thông tin bài nhạc hiện tại, bao gồm tên bài nhạc, tên nghệ sĩ và tên album.

2 Các phím thao tác

- Tìm kiếm bài nhạc/tập
- Phát ngẫu nhiên
- Tắt phát ngẫu nhiên
 - * Chức năng phát ngẫu nhiên có thể không hiển thị tùy theo thiết bị di động.
- Chuyển sang nội dung trước đó/tiếp theo
 - Ấn giữ để tua nhanh tới trước hoặc tua nhanh ngược về sau.
 - * Cũng có thể thực hiện thao tác này bằng điều khiển trên vô lăng.
 - * Nếu thiết bị di động không hỗ trợ chức năng này, bạn sẽ không thể thực hiện thao tác này trên thiết bị.
- Phát hoặc tạm dừng
- Lặp lại tất cả các tập
- Lặp lại một tập
- Tắt lặp lại
 - * Chức năng lặp lại có thể không hiển thị tùy theo thiết bị di động.

3 Thời gian phát

Hiển thị vị trí thời gian phát hiện tại.

Bạn có thể kéo điểm vị trí sang trái hoặc sang phải.

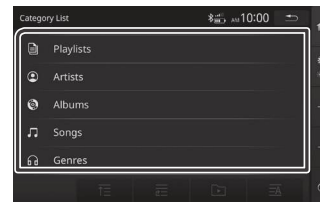
- : Phát
- : Tạm dừng

Thao tác tìm kiếm tập

Bạn có thể tìm kiếm tập bằng cách chọn danh mục.

1 Chạm vào .

2 Chạm vào danh mục mong muốn.



Apple CarPlay

Thiết lập Apple CarPlay

Có thể sử dụng Apple CarPlay trên iPhone tương thích được kết nối với thiết bị thông qua cáp USB được chứng nhận và kết nối không dây.

Apple CarPlay có thể không khả dụng ở một số quốc gia hoặc khu vực. Để biết thông tin chi tiết về Apple CarPlay, hãy truy cập trang web chính thức:

<https://www.apple.com/ios/feature-availability/#apple-carplay>

<https://www.apple.com/ios/carplay/>

CHÚ Ý

- Apple CarPlay khả dụng trên các mẫu iPhone chạy iOS 13 trở về sau.
- Các kiểu máy không được hỗ trợ bao gồm:
 - Từ iPhone 8 trở về trước
 - iPhone SE (thế hệ thứ 1)
- Các nhà cung cấp ứng dụng chịu trách nhiệm về nội dung và chức năng của Apple CarPlay.
- Các nhà cung cấp ứng dụng quyết định giới hạn sử dụng Apple CarPlay khi lái xe.

Quy trình khởi động

■ Kết nối USB

- 1 Kết nối thiết bị di động tương thích Apple CarPlay với thiết bị thông qua cáp USB.** (xem T. 13)
- 2 Chạm vào [Apple CarPlay].**
- 3 Màn hình Apple CarPlay xuất hiện.**

■ Kết nối không dây

- 1 Kết nối và ghép đôi thiết bị di động với thiết bị qua Bluetooth.** (xem T. 15)
- 2 Chạm vào [Apple CarPlay].**
- 3 Màn hình Apple CarPlay xuất hiện.**

Thao tác trên Apple CarPlay

Các mục hiển thị và ngôn ngữ sử dụng trên màn hình khác nhau tùy theo các thiết bị được kết nối.



1 **Hiện thị menu Apple CarPlay bằng một lần chạm phím.**

Chạm và giữ phím sẽ khởi chạy chức năng điều khiển bằng giọng nói.

Cũng có thể thực hiện thao tác này bằng điều khiển trên vô lăng.

2 **Chạm để hiển thị màn hình CHÍNH.**

CHÚ Ý

- Honda không chịu trách nhiệm đối với việc mất dữ liệu trong iPhone khi sử dụng chức năng này. Hãy sao lưu dữ liệu iPhone định kỳ.
- Không để iPhone trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời trong thời gian dài. Việc này có thể dẫn đến sự cố iPhone do nhiệt độ cao.
- Hãy tắt chức năng Apple CarPlay trong phần cài đặt bằng cách thao tác trên iPhone nếu không sử dụng chức năng này.

Android Auto

Thiết lập Android Auto

Chỉ có thể sử dụng Android Auto trên điện thoại di động Android tương thích được kết nối với thiết bị thông qua cáp USB được chứng nhận và kết nối không dây.

Ứng dụng Android Auto có thể không khả dụng ở một số quốc gia hoặc khu vực.

Để biết thông tin chi tiết về Android Auto, hãy truy cập trang web chính thức:

<https://support.google.com/androidauto>

Khả năng tương thích với Android Auto

■ Kết nối USB

Điện thoại Android chạy hệ điều hành Android 9.0 (Pie) trở lên và có gói dữ liệu di động ở trạng thái đang hoạt động.

Cáp USB chất lượng cao.

Quan trọng: Android Auto được tích hợp trong điện thoại chạy hệ điều hành Android 10 trở lên. Bạn sẽ không cần tải ứng dụng này xuống.

■ Kết nối không dây

Điện thoại Android tương thích, có gói dữ liệu di động ở trạng thái đang hoạt động và hỗ trợ Wi-Fi băng tần 5 GHz. Trình chiếu không dây tương thích với các phiên bản Android sau:

Điện thoại chạy hệ điều hành Android 11.0

Điện thoại Google Pixel hoặc Samsung chạy hệ điều hành Android 10.0 Samsung Galaxy S8, Galaxy S8+, hoặc Note 8, chạy hệ điều hành Android 9.0

Lưu ý:

Hãy liên hệ với nhà sản xuất để biết điện thoại của bạn có hỗ trợ Wi-Fi băng tần 5 GHz không.

Quan trọng: Android Auto được tích hợp trong điện thoại chạy hệ điều hành Android 10 trở lên. Bạn sẽ không cần tải ứng dụng này xuống.

Quy trình khởi động

Kết nối USB

1 Kết nối thiết bị di động tương thích Android Auto với thiết bị thông qua cáp USB. (xem T. 13)

2 Chạm vào [Android Auto].

3 Màn hình Android Auto xuất hiện.

Kết nối không dây

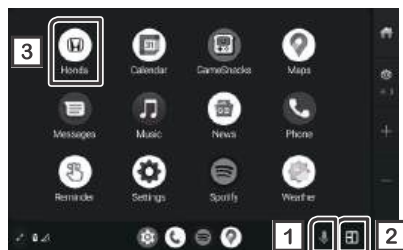
1 Kết nối và ghép đôi thiết bị di động với thiết bị qua Bluetooth. (xem T. 15)

2 Chạm vào [Android Auto].

3 Màn hình Android Auto xuất hiện.

Thao tác trên Android Auto

Nếu chức năng này được thiết lập, Android Auto sẽ tự động khởi chạy khi thiết bị di động tương thích được kết nối với thiết bị này. Các mục hiển thị và ngôn ngữ sử dụng trên màn hình khác nhau tùy theo các thiết bị được kết nối.



- 1 **Chạm vào biểu tượng micro để khởi chạy Google Gemini.**
- 2 **Chạm vào biểu tượng đa cửa sổ để xem màn hình chia đôi.**
Chạm vào sẽ quay lại menu ứng dụng.
- 3 **Chạm để hiển thị màn hình CHÍNH.**

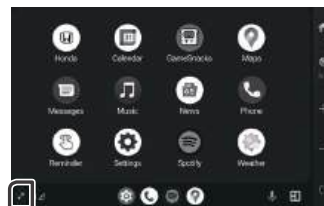
CHÚ Ý

- Honda không chịu trách nhiệm đối với việc mất dữ liệu trong thiết bị di động khi sử dụng chức năng này. Hãy sao lưu dữ liệu thiết bị di động định kỳ.
- Không để thiết bị di động trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời trong thời gian dài. Việc này có thể dẫn đến sự cố thiết bị di động do nhiệt độ cao.
- Hãy tắt chức năng Android Auto trong phần cài đặt bằng cách thao tác trên điện thoại Android nếu không sử dụng chức năng này.

Chuyển chế độ màn hình trên Android Auto

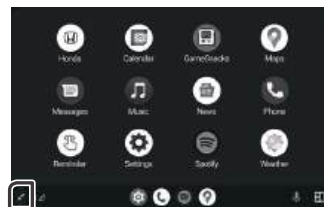
■ Màn hình Android Auto hiển thị ở chế độ bình thường

Chạm vào để hiển thị màn hình Android Auto ở chế độ toàn màn hình; thanh chức năng sẽ KHÔNG hiển thị.



■ Màn hình Android Auto hiển thị ở chế độ toàn màn hình

Chạm vào để hiển thị màn hình Android Auto ở chế độ màn hình bình thường; thanh chức năng sẽ hiển thị.



CHÚ Ý

- Khi kết nối lần đầu tiên, chế độ màn hình Android Auto là bình thường, thanh chức năng hiển thị. (Mặc định là "chế độ bình thường")
- Sau khi ngắt kết nối và kết nối lại điện thoại thông minh có Android Auto, chế độ màn hình Android Auto được giữ nguyên.
- Chế độ màn hình Android Auto được giữ nguyên sau khi tắt và bật PHỤ KIỆN.

Đài radio

Quy trình khởi động

- 1 Ấn một lần nút .
- 2 Chạm vào .
- 3 Chạm vào [Radio].

Thao tác trên đài radio

Có thể thu nhận và phát đài FM hoặc AM.

RDS/RBDS

RDS/RBDS cho phép các đài phát thanh FM gửi thông tin bổ sung cùng với tín hiệu chương trình thông thường. Đài radio và bộ dò sóng có chức năng RDS/RBDS có thể thu nhận và hiển thị thông tin RDS/RBDS, chẳng hạn như tên đài, tên dịch vụ chương trình hiện tại hoặc thể loại chương trình.

CHÚ Ý

- Tính khả dụng của chức năng RDS/RBDS tùy thuộc vào quốc gia hoặc loại xe.
- Không phải tất cả các đài phát thanh FM đều cung cấp dịch vụ RDS/RBDS và các đài này cũng không cung cấp cùng một loại dịch vụ.



1 TI *1

Thông tin giao thông (Bật/Tắt).

2 Tự động cài đặt sẵn

Đài phát thanh cài đặt sẵn tự động lưu trữ 6 đài phát thanh gần nhất.

3 Màn hình hiển thị thông tin *1

Hiển thị thông tin đài phát thanh hiện tại.

-  Chuyển đổi trang thông tin
-  Tên bài hát
-  Tên nghệ sĩ
-  Thể loại chương trình
-  Văn bản RDS

4 Các phím thao tác

-  Tìm kiếm PTY (xem T. 39) *1
-  Chuyển bằng tay tới tần số trước đó/tiếp theo.
Chạm và giữ để tự động dò đài phát thanh có khả năng thu sóng tốt.
Trong tiện ích màn hình chính, bạn có thể chọn đài phát thanh cài đặt sẵn đã đăng ký.

- **BAND** Chuyển đổi băng tần (FM1 / FM2 / AM)
-  Cài đặt đài radio *1

5 Đài cài đặt sẵn

Gọi lại đài đã ghi nhớ.

Khi chạm và giữ trong 2 giây, đài đang thu nhận hiện tại sẽ được lưu vào bộ nhớ.

*1 Chỉ các mẫu xe tương thích RDS/RBDS

Không có RDS/RBDS

Một số quốc gia không hỗ trợ RDS/RBDS.

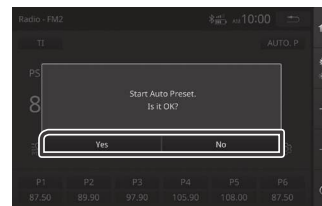
Thiết bị sẽ chỉ hiển thị thông tin tần số.



Quy trình cài đặt sẵn kênh

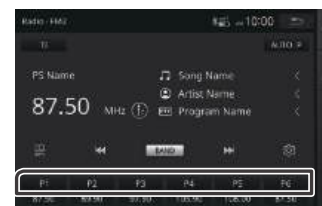
Quy trình tự động cài đặt sẵn

- 1 Chạm vào [AUTO.P] (Tự động cài đặt sẵn).
- 2 Xác nhận thông báo và chạm vào [Yes] (Có).



Quy trình cài đặt sẵn bằng tay

- 1 Chọn tần số kênh bạn muốn cài đặt sẵn vào một phím.
- 2 Chạm vào một phím (P1)-6 trong 2 giây.



Tìm kiếm PTY (Chỉ các mẫu xe tương thích RDS/RBDS)

Bạn có thể dò đài bằng cách sử dụng PTY (Thẻ loại chương trình).

1 Chạm vào .

2 Chọn một trong các mục sau đây.

Thẻ loại RDS

- News (Tin tức)/Current Affairs (Thời sự)/Information (Thông tin)/Sports (Thể thao)/Education (Giáo dục)/Drama (Chính kịch)/Culture (Văn hóa)/Science (Khoa học)/Varied (Đa dạng)/Pop Music (Nhạc Pop)/ Rock Music (Nhạc Rock)/Easy Listening Music (Nhạc nhẹ)/Light Classical (Nhạc cổ điển nhẹ)/Serious Classical (Nhạc cổ điển thính phòng)/Other Music (Dòng nhạc khác)/Weather (Thời tiết)/Finance (Tài chính)/Children's Programmes (Chương trình thiếu nhi)/Social Affairs (Vấn đề xã hội)/Religion (Tôn giáo)/Phone In (Chương trình tương tác qua điện thoại)/Travel (Du lịch)/Leisure (Thư giãn)/Jazz Music (Nhạc Jazz)/Country Music (Nhạc Đồng quê)/National Music (Nhạc Dân tộc)/Oldies Music (Nhạc xưa)/Folk Music (Nhạc Dân gian)/Documentary (Tài liệu)/All Speech (Chuyên thoại)/All Music (Chuyên âm nhạc)

Thẻ loại RBDS

- News (Tin tức)/Information (Thông tin)/Sports (Thể thao)/Talk (Trò chuyện)/Rock (Nhạc Rock)/Classic Rock (Nhạc Rock cổ điển)/Adult Hits (Nhạc thịnh hành)/Soft Rock (Nhạc Rock nhẹ)/Top 40 (40 ca khúc thịnh hành nhất)/Country (Nhạc Đồng quê)/Oldies (Nhạc xưa)/Soft (Nhạc nhẹ)/Nostalgia (Nhạc hoài niệm)/Jazz (Nhạc Jazz)/Classical (Nhạc cổ điển)/Rhythm and Blues (Nhạc R&B)/Soft R&B (Nhạc R&B nhẹ)/Foreign Language (Ngoại ngữ)/Religious Music (Nhạc tôn giáo)/ Religious Talk (Trò chuyện tôn giáo)/Personality (Kênh cá nhân)/Public (Kênh công cộng)/College (Kênh của đại học)/Hablar Espanol (Trò chuyện tiếng Tây Ban Nha)/Musica Espanol (Nhạc tiếng Tây Ban Nha)/Hip-Hop (Nhạc Hip-Hop)/Weather (Thời tiết)/All Speech (Chuyên thoại)/All Music (Chuyên âm nhạc)

3 Chạm vào [Search] (Tìm kiếm).



CHÚ Ý

- Chức năng này chỉ khả dụng khi chọn bộ dò sóng FM.

Đài radio kỹ thuật số (chỉ dành cho mẫu xe tương thích với DAB)

Quy trình khởi động

- 1 Ấn một lần nút .
- 2 Chạm vào .
- 3 Chạm vào [DAB].

Thao tác trên thiết bị DAB

Có thể thu nhận và phát DAB.



1 TI

Thông tin giao thông (BẬT/TẮT).

2 Đèn báo chuyển đổi DAB/RDS

Hiện thị  khi tín hiệu DAB kém và có sẵn đài RDS thay thế.

3 Màn hình hiển thị thông tin

Hiện thị thông tin đài phát thanh hiện tại.

-  Chuyển đổi trang thông tin
-  Tên bài hát
-  Tên nghệ sĩ
-  Nhấn động
-  Nhấn tập hợp
-  Thẻ loại chương trình
-  Chất lượng âm thanh

4 Các phím thao tác

-  Danh sách đài
-  Chuyển bằng tay sang dịch vụ trước đó/tiếp theo.
Chạm và giữ để tự động dò tìm kênh trước đó/tiếp theo có khả năng thu nhận tốt.
Trong tiện ích màn hình chính, bạn có thể chọn đài phát thanh cài đặt sẵn đã đăng ký.
-  Chuyển đổi băng tần (DAB1 / DAB2 / DAB3)
-  Cài đặt DAB

5 Đài cài đặt sẵn

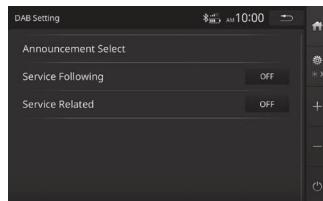
Gọi lại đài đã ghi nhớ.

Khi chạm và giữ trong 2 giây, đài đang thu nhận hiện tại sẽ được lưu vào bộ nhớ.

Thiết lập DAB

1 Chạm vào .

2 Cài đặt từng chức năng như sau.



■ Announcement Select (Chọn thông báo)

Bạn có thể chọn loại thông báo.

Đài được chọn ban đầu sẽ tự động được khôi phục sau khi chọn loại thông báo.

■ Service Following (Theo dõi dịch vụ)

Nếu hệ thống không thể dò đài vì bất kỳ lý do gì (ví dụ: tín hiệu yếu), hệ thống sẽ tiếp tục thử dò đài đó.

Duy trì cùng một nội dung âm thanh hoặc dữ liệu mà người dùng đã chọn trong các điều kiện thu nhận khác nhau.

(ON/OFF) (BẬT/TẮT)

■ Service Related (Dịch vụ liên quan)

Khi hệ thống không thể tìm thấy dịch vụ thay thế bằng tính năng Theo dõi dịch vụ, hệ thống sẽ chuyển sang dò một dịch vụ DAB có liên kết mềm.

(ON/OFF) (BẬT/TẮT)

Camera

Chức năng này khả dụng trên các xe được trang bị các camera cụ thể, bao gồm camera góc rộng phía sau, camera quan sát làn đường, hoặc camera đa hướng. Hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng riêng để biết thông tin chi tiết về hoạt động của camera đa hướng.

Sử dụng camera

Các lưu ý khi lái xe

Các camera này đóng vai trò là thiết bị phụ trợ giúp người lái quan sát khu vực xung quanh xe. Trước khi lái xe, hãy đảm bảo luôn kiểm tra trực tiếp bằng mắt khu vực xung quanh xe thông qua gương trước khi vận hành xe. Hãy quan tâm đến các lưu ý và hướng dẫn sau đây khi sử dụng camera.

THẬN TRỌNG

- Người lái không được chỉ phụ thuộc vào các camera. Có thể có một số sai lệch nhất định giữa hình ảnh trên màn hình và vật thể thực tế.
- Khi sử dụng màn hình camera, bạn không nên chỉ tập trung vào màn hình mà còn phải sử dụng các gương xe và quan sát bằng mắt để kiểm tra tình trạng thực tế.
- Vị trí của đường kẻ dẫn hướng hiển thị trên màn hình có thể khác với tình trạng thực tế. Hãy coi đường kẻ dẫn hướng thực tế như là thông tin tham khảo và phải kiểm tra trực tiếp bằng mắt.
- Vị trí đường kẻ dẫn hướng hiển thị trên màn hình cũng có thể bị sai lệch khi thay đổi kích thước lốp.

LƯU Ý

- Không sử dụng vòi nước áp lực cao để rửa các camera nhằm tránh hư hỏng.

- Khoảng cách giữa xe và các vật thể có thể khác với khoảng cách thực tế.
- Sẽ không hiển thị trên màn hình camera những điểm mù xung quanh xe.

Hiện thị màn hình hình ảnh camera

Camera góc rộng phía sau (RWC)

Khi chuyển số sang vị trí lùi (R), màn hình camera sẽ tự động hiển thị. Chạm vào nút quan sát để chuyển đổi giữa các chế độ quan sát Rộng/Thường/Từ trên xuống.



Quan sát rộng (Mặc định)



Quan sát thường

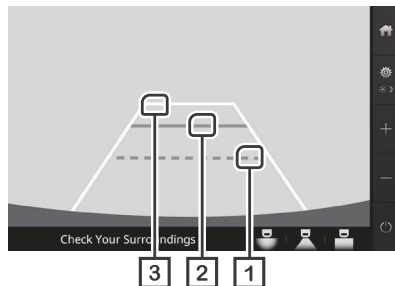


Quan sát từ trên xuống

CHÚ Ý

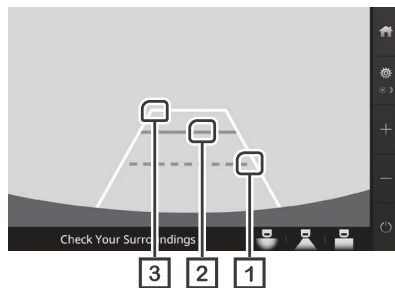
- Khoảng cách thực tế có thể chênh lệch đôi chút tùy theo mẫu xe.
- Bạn có thể chọn tắt đường kẻ dẫn hướng. (xem **T. 49**)

■ Quan sát rộng (Mặc định)



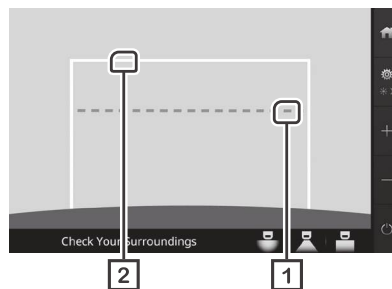
Số	Chức năng
1	• Khoảng cách khoảng 0,5 m tính từ mép tấm cản.
2	• Khoảng cách khoảng 1 m tính từ mép tấm cản.
3	• Khoảng cách khoảng 1,8 m tính từ mép tấm cản.

■ Quan sát thường



Số	Chức năng
1	• Khoảng cách khoảng 0,5 m tính từ mép tấm cản.
2	• Khoảng cách khoảng 1 m tính từ mép tấm cản.
3	• Khoảng cách khoảng 1,8 m tính từ mép tấm cản.

■ Quan sát từ trên xuống

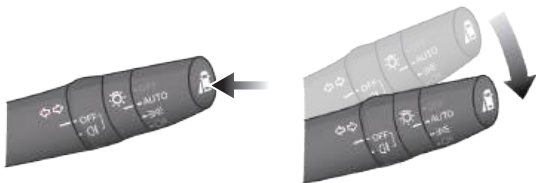


Số	Chức năng
1	• Khoảng cách khoảng 0,5 m tính từ mép tấm cản.
2	• Khoảng cách khoảng 1 m tính từ mép tấm cản.

■ Camera quan sát làn đường (LWC)

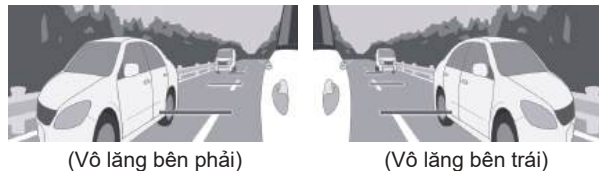
Hệ thống hỗ trợ quan sát làn đường giúp tăng cường khả năng nhìn ở các khu vực bên hông phía sau xe. Khi được kích hoạt, hệ thống sẽ hiển thị hình ảnh từ camera trên gương phía hành khách, đưa ra thêm một cách để kiểm tra khu vực xung quanh và nâng cao mức độ an toàn khi chuyển làn.

- 1** Ấn nút công tắc LWC ở đầu cần xi-nhan hoặc bật đèn xi nhan phía hành khách khi xe đang ở chế độ P/N/D.
(Xem T. 50)



2 Góc quan sát phía hành khách xuất hiện.

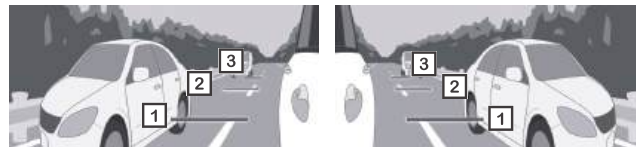
- Khi màn hình LWC hiển thị, màu của thanh chiếu sáng sẽ tạm thời chuyển sang màu cam.
- Vô lăng bên phải : Chạy từ phải sang trái
Vô lăng bên trái : Chạy từ trái sang phải



- 3** Ấn lại nút công tắc LWC hoặc kéo cần xi nhan về phía sau để tắt màn hình LWC.

■ Đường tham chiếu LWC

Có ba vạch giúp bạn nhanh chóng ước lượng khoảng cách tương đối. Nếu vật thể gần vạch **1** trên màn hình, thì vật thể đó đang ở gần xe hơn. Nếu vật thể gần vạch **3**, thì vật thể đó ở xa hơn.



CHÚ Ý

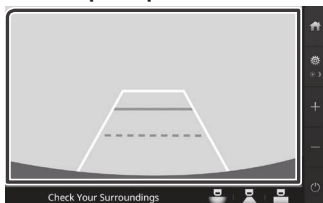
- Bạn có thể chọn tắt đường tham chiếu. (xem T. 50)

Hiển thị màn hình điều khiển

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng, độ tương phản và màu sắc của hình ảnh camera.

1 Chạm vào khu vực bất kỳ có hộp lựa chọn.

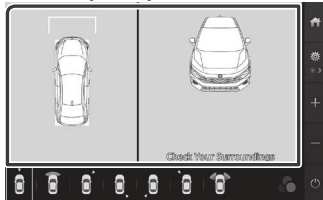
■ Khu vực chạm RWC



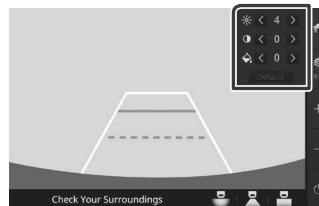
■ Khu vực chạm LWC



■ Khu vực chạm MVC



2 Điều chỉnh độ sáng, độ tương phản và màu sắc.



■ ☀ Độ sáng

Điều chỉnh độ sáng. (-7, -6, -5, -4, -3, -2, -1, 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7)
(Mặc định: Mức 4 ở chế độ ban ngày/mức -4 ở chế độ ban đêm)

■ ⓘ Độ tương phản

Điều chỉnh độ tương phản. (-4, -3, -2, -1, 0, 1, 2, 3, 4)
(Mặc định: Mức 0 ở chế độ ban ngày/mức 0 ở chế độ ban đêm)

■ 🎨 Màu sắc

Điều chỉnh màu sắc. (-4, -3, -2, -1, 0, 1, 2, 3, 4)
(Mặc định: Mức 0 ở chế độ ban ngày/mức 0 ở chế độ ban đêm)

Cài đặt

Bạn có thể điều chỉnh nhiều mục cài đặt ở menu chính.

Hiện thị menu Settings (Cài đặt)

- 1 Ấn một lần nút  để hiện thị menu Settings (Cài đặt).



CHÚ Ý

- Để đảm bảo các vấn đề về an toàn, không thực hiện cài đặt khi xe đang chạy.
Hãy dừng xe ở nơi an toàn và gài phanh đỗ nếu muốn điều chỉnh cài đặt.

Cài đặt Language (Ngôn ngữ)



- Chạm vào ngôn ngữ bạn muốn chọn.

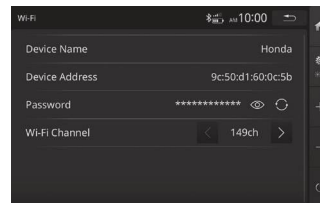
Cài đặt Device List (Danh sách thiết bị)

Xem T. 15 - 16.

Cài đặt Bluetooth

Xem T. 16 - 18.

Cài đặt Wi-Fi



Device Name (Tên thiết bị)

Thay đổi tên thiết bị. (Xem T. 18)

Device Address (Địa chỉ thiết bị)

Hiện thị địa chỉ thiết bị.

Password (Mật khẩu)

- Chạm vào  để hiện thị/ẩn mật khẩu.
- Chạm vào  để tạo mật khẩu mới.

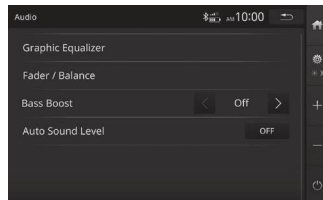
Wi-Fi Channel (Kênh Wi-Fi)

Chuyển đổi giữa các kênh Wi-Fi 149 và 161.

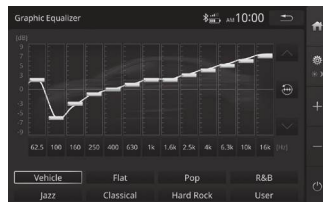
CHÚ Ý

- Mức độ khả dụng của cài đặt Wi-Fi tùy theo quốc gia.

Cài đặt Audio (Âm thanh)



Graphic Equalizer (Bộ chỉnh âm thanh bằng đồ họa)



Chọn cài đặt sẵn

- Chọn một mục bên dưới.

Vehicle (Tối ưu cho xe)/Flat (Âm thanh phẳng)/Pop (Nhạc Pop)/R&B (Nhạc R&B)/Jazz (Nhạc Jazz)/Classical (Nhạc cổ điển)/Hard Rock (Nhạc Rock mạnh)/User (Người dùng)

Tùy chỉnh

- Chạm vào tần số của từng thanh để điều chỉnh mức gia tăng (-9~9).

Có thể điều chỉnh mức gia tăng bằng cách chạm vào  / , hoặc chạm và kéo điểm điều khiển trên thanh mức gia tăng.

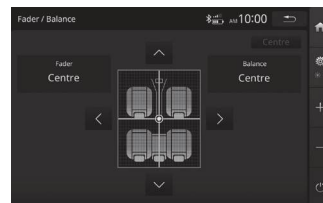
- Để lưu các cài đặt, hãy ấn và giữ nút **[User]** (Người dùng).

Đặt lại

- Ấn  để đưa các giá trị về 0. Chế độ sẽ trở thành **[Flat]** (Âm thanh phẳng).

Fader / Balance (Giảm âm/Cân bằng)

Fader (Giảm âm) và Balance (Cân bằng) điều chỉnh cường độ âm thanh phát ra từ mỗi loa. Balance (Cân bằng) điều chỉnh cường độ âm thanh hai bên (Trái-Phải) và Fader (Giảm âm) điều chỉnh cường độ âm thanh trước-sau.



- Chạm vào  /  để điều chỉnh cân bằng loa phía trước và phía sau.
- Chạm vào  /  để điều chỉnh cân bằng loa bên trái/phải.
- Bạn cũng có thể chạm và kéo điểm điều khiển đến vị trí phù hợp, hoặc chạm vào **[Centre]** (Trung tâm) để đặt lại về mặc định.

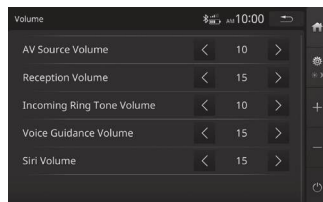
Bass Boost (Tăng cường âm trầm)

Điều chỉnh khả năng tăng cường âm trầm. (Off (Tắt)/1/2/3)
(Mặc định: Off (Tắt))

Auto Sound Level (Mức âm thanh tự động)

Mức âm thanh được tự động điều chỉnh cho phù hợp với tốc độ hiện tại của xe để giảm tiếng ồn từ mặt đường khi lái. (ON/OFF (BẬT/TẮT)) (Mặc định: OFF (TẮT))

■ Cài đặt Volume (Âm lượng)



■ AV Source Volume (Âm lượng nguồn AV)

Điều chỉnh âm lượng nguồn âm thanh. (0-40) (Mặc định: 10)

■ Reception Volume (Âm lượng tiếp nhận)

Điều chỉnh âm lượng tiếp nhận. (0-40) (Mặc định: 15)

■ Incoming Ring Tone Volume (Âm lượng nhạc chuông cuộc gọi đến)

Điều chỉnh âm lượng nhạc chuông cuộc gọi đến. (0-40) (Mặc định: 10)

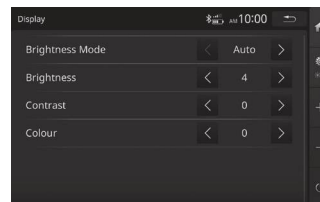
■ Voice Guidance Volume (Âm lượng hướng dẫn bằng giọng nói)

Điều chỉnh âm lượng hướng dẫn của Apple CarPlay và điều khiển bằng giọng nói của Android Auto. (0-40) (Mặc định: 15)

■ Siri Volume (Âm lượng Siri)

Điều chỉnh âm lượng Siri trong Apple CarPlay. (0-40) (Mặc định: 15)

■ Cài đặt Display (Màn hình hiển thị)



■ Brightness Mode (Chế độ sáng)

Chuyển đổi chế độ sáng. (Auto (Tự động)/Day (Ban ngày)/Night (Ban đêm)) (Mặc định: Auto (Tự động))

■ Brightness (Độ sáng)

Điều chỉnh độ sáng. (-7, -6, -5, -4, -3, -2, -1, 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) (Mặc định: Mức 4 ở chế độ ban ngày/mức -4 ở chế độ ban đêm)

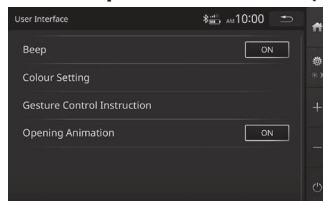
■ Contrast (Độ tương phản)

Điều chỉnh độ tương phản. (-4, -3, -2, -1, 0, 1, 2, 3, 4) (Mặc định: Mức 0 ở chế độ ban ngày/mức 0 ở chế độ ban đêm)

■ Colour (Màu sắc)

Điều chỉnh màu sắc. (-4, -3, -2, -1, 0, 1, 2, 3, 4) (Mặc định: Mức 0 ở chế độ ban ngày/mức 0 ở chế độ ban đêm)

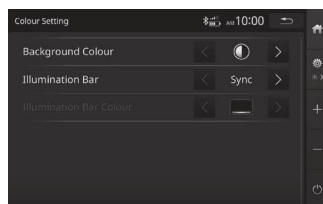
Cài đặt User Interface (Giao diện người dùng)



Beep (Tiếng bíp)

Tiếng bíp khi rẽ. (ON/OFF (BẬT/TẮT)) (Mặc định: ON (BẬT))

Cài đặt Colour (Màu sắc)



Background Colour (Màu sắc nền)

- Điều chỉnh màu sắc nền.  Yellow (Vàng) (Mặc định)/Blue (Xanh dương)/Red (Đỏ)

Illumination Bar (Thanh chiếu sáng)

- Điều chỉnh thanh chiếu sáng. (Sync (Đồng bộ)/User (Người dùng)/Off (Tắt)) (Mặc định: Sync (Đồng bộ))

[Sync] (Đồng bộ): Màu của thanh chiếu sáng sẽ tự động thay đổi theo sự điều chỉnh của màu sắc nền.

[User] (Người dùng): Bạn có thể điều chỉnh riêng biệt màu sắc nền và màu thanh chiếu sáng.

[Off] (Tắt): Thanh chiếu sáng sẽ bị tắt.

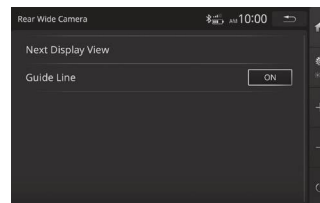
Màu thanh chiếu sáng

- Khi chọn **[User]** (Người dùng) cho mục Illumination Bar (Thanh chiếu sáng), hãy điều chỉnh màu thanh chiếu sáng.  White (Trắng)/Blue (Xanh dương)/Red (Đỏ)

Cài đặt Clock (Đồng hồ)

Xem T. 5 - 6.

Cài đặt Rear Wide Camera (Camera góc rộng phía sau)



Next Display View (Góc quan sát hiển thị tiếp theo)

Góc quan sát cuối cùng

- Duy trì chế độ quan sát cuối cùng khi chuyển số sang vị trí LÙI (R).

Góc quan sát rộng khi góc quan sát cuối cùng là từ trên xuống

- Nếu sử dụng góc quan sát cuối cùng từ trên xuống trước khi tắt động cơ, chế độ quan sát rộng sẽ được chọn trong lần tiếp theo bật khóa điện sang ON (BẬT) và chuyển số sang vị trí LÙI (R).

Góc quan sát thường khi góc quan sát cuối cùng là từ trên xuống

- Nếu sử dụng góc quan sát cuối cùng từ trên xuống trước khi tắt động cơ, chế độ quan sát thường sẽ được chọn trong lần tiếp theo bật khóa điện sang ON (BẬT) và chuyển số sang vị trí LÙI (R).

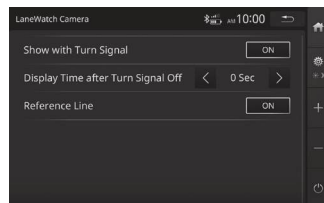
Guide Line (Đường kẻ dẫn hướng)

Điều chỉnh để bật hoặc tắt các đường kẻ dẫn hướng. (ON/OFF (BẬT/TẮT)) (Mặc định: ON (BẬT))

CHÚ Ý

- Chức năng camera góc rộng phía sau khả dụng trên một số xe.
- Góc quan sát từ trên xuống chỉ có chức năng ghi nhớ trong các tình huống sau:
 - Chế độ góc quan sát cuối cùng
 - Các chế độ khác: Khi tốc độ <10 km/h trong cùng một chu kỳ ACC.

■ Cài đặt LaneWatch Camera (Camera quan sát làn đường)



■ Show with Turn Signal (Hiện thị cùng xi nhan)

Màn hình quan sát làn đường hiển thị khi xi nhan bật. (ON/OFF (BẬT/TẮT)) (Mặc định: ON (BẬT))

■ Display Time after Turn Signal Off (Thời gian hiển thị sau khi xi nhan tắt)

Bạn có thể cài đặt thời gian hiển thị quan sát làn đường sau khi xi nhan tắt. (0 Sec (0 giây)/2 Sec (2 giây)) (Mặc định: 0 Sec (0 giây))

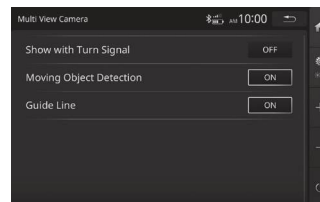
■ Reference Line (Vạch tham chiếu)

Điều chỉnh để bật hoặc tắt các đường kẻ dẫn hướng. (ON/OFF (BẬT/TẮT)) (Mặc định: ON (BẬT))

CHÚ Ý

- Chức năng camera quan sát làn đường khả dụng trên một số xe.

■ Cài đặt Multi View Camera (Camera đa hướng)



■ Show with Turn Signal (Hiện thị cùng xi nhan)

Màn hình đa hướng hiển thị khi xi nhan bật. (ON/OFF (BẬT/TẮT)) (Mặc định: OFF (TẮT))

■ Moving Object Detection (Phát hiện vật thể di chuyển)

Phát hiện các vật thể đang di chuyển và hiển thị hướng của vật thể bằng các khung màu vàng trong góc quan sát từ trên xuống. (ON/OFF (BẬT/TẮT)) (Mặc định: ON (BẬT))

■ Guide Line (Đường kẻ dẫn hướng)

Điều chỉnh để bật hoặc tắt các đường kẻ dẫn hướng. (ON/OFF (BẬT/TẮT)) (Mặc định: ON (BẬT))

CHÚ Ý

- Chức năng camera đa hướng khả dụng trên một số xe.

■ Software Information (Thông tin phần mềm)

Hiện thị thông tin phần mềm của thiết bị.

■ Open Source Licenses (Giấy phép mã nguồn mở)

Hiện thị thông tin giấy phép mã nguồn mở.

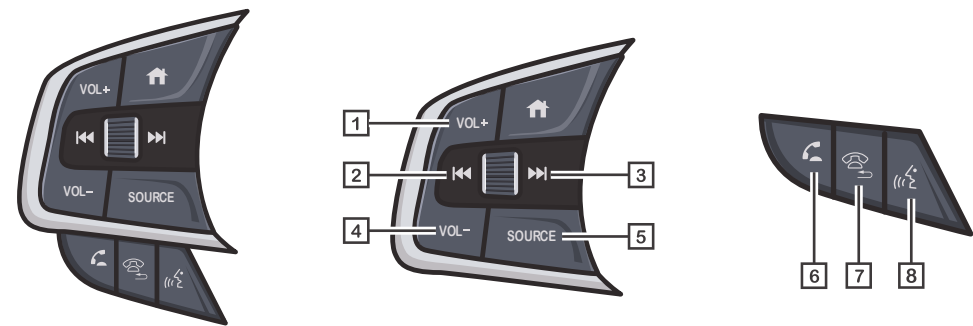
■ Restoring Factory Default (Khôi phục dữ liệu gốc)

Khôi phục dữ liệu gốc và chạm vào [Yes] (Có) để xóa dữ liệu cá nhân và dữ liệu riêng tư, sau đó quay về cài đặt mặc định ban đầu.

Công tắc điều khiển trên vô lăng

Có thể vận hành thiết bị này bằng các nút trên vô lăng.

* Hình minh họa thay đổi tùy theo loại xe.



Số	Ấn một lần	Ấn giữ (Giữ)
1	Điều chỉnh tăng âm lượng.	Tăng âm lượng liên tục. Âm lượng sẽ tăng tối đa lên mức 25. Sau mức 25, bạn phải ấn một lần để tăng dần lên đến mức 40.
2	Đài radio: Chọn kênh cài đặt sẵn trước đó. Apple CarPlay hoặc Android Auto, USB, iPod, âm thanh Bluetooth: Chọn bài nhạc trước đó.	Đài radio: Tự động dò lùi. USB, iPod, âm thanh Bluetooth: Tua nhanh ngược về sau.
3	Đài radio: Chọn kênh cài đặt sẵn tiếp theo. Apple CarPlay hoặc Android Auto, USB, iPod, âm thanh Bluetooth: Chọn bài nhạc tiếp theo.	Đài radio: Tự động dò tiến. USB, iPod, âm thanh Bluetooth: Tua nhanh tới trước.
4	Điều chỉnh giảm âm lượng.	Giảm âm lượng liên tục.

Số	Ấn một lần	Ấn giữ (Giữ)
5	Chuyển đổi nguồn AV OFF (TẮT AV) ➤ Apple CarPlay^{*1} / Android Auto^{*1} / WebLink^{*1} ➤ DAB1^{*2} ➤ DAB2^{*2} ➤ DAB3^{*2} ➤ FM1 ➤ FM2 ➤ AM ➤ Bluetooth Audio (Âm thanh Bluetooth)^{*2} ➤ iPod/USB^{*2} ➤ AV OFF (TẮT AV) ^{*1} Màn hình sẽ không thay đổi khi chuyển đổi nguồn phát trong lúc đang sử dụng Apple CarPlay, Android Auto và WebLink. ^{*2} Chế độ này sẽ chỉ hiển thị khi thiết bị được kết nối hoặc chức năng khả dụng.	Chuyển đổi giữa Tắt tiếng và Bật lại tiếng.
6	[Khi không đàm thoại]: Chuyển sang màn hình lịch sử cuộc gọi. [*] Không xảy ra hoạt động nào khi đang kết nối Apple CarPlay. [*] Chuyển sang màn hình Android Auto – điện thoại khi đang kết nối Android Auto. [Khi đang đàm thoại]: Không áp dụng [Cuộc gọi đến]: Nhận cuộc gọi đến. [Bấm số]: Không áp dụng	
7	[Khi không đàm thoại]: Quay lại màn hình trước đó. [*] Chỉ có hiệu lực khi nút quay lại hiển thị trên màn hình. [Khi đang đàm thoại]: Kết thúc cuộc gọi. [Cuộc gọi đến]: Từ chối cuộc gọi đến. [Bấm số]: Kết thúc cuộc gọi.	
8	Hành vi tùy theo mẫu điện thoại thông minh. [*] Không xảy ra hoạt động nào khi không kết nối Apple CarPlay hoặc Android Auto. Apple CarPlay: Ấn một lần nút điều khiển bằng giọng nói để kích hoạt Siri. Ấn một lần nút điều khiển bằng giọng nói để tắt Siri. ----- Android Auto: Ấn một lần nút điều khiển bằng giọng nói để kích hoạt Gemini. Ấn một lần nút điều khiển bằng giọng nói để tắt Gemini.	Hành vi tùy theo mẫu điện thoại thông minh. [*] Hiển thị hộp thoại chờ ghép đôi Bluetooth khi không kết nối thiết bị Bluetooth nào. Apple CarPlay: Ấn giữ nút điều khiển bằng giọng nói để kích hoạt Siri. Ấn giữ nút điều khiển bằng giọng nói để kích hoạt lại Siri. ----- Android Auto: Ấn giữ nút điều khiển bằng giọng nói để kích hoạt Gemini. Ấn giữ nút điều khiển bằng giọng nói để kích hoạt lại Gemini.

Thông số kỹ thuật

■ Phần màn hình hiển thị

Loại màn hình hiển thị

: 10,1 inch TFT LCD

Kích thước màn hình hiển thị

: 217 mm (R) x 135,6 mm (C)

Độ phân giải màn hình hiển thị

: WXGA

Số lượng điểm ảnh

: 1280 × 800 (N × D)

■ Phần giao diện USB

Tiêu chuẩn USB

: USB 2.0 tốc độ cao

Hệ thống tệp

: FAT16/32

Dòng điện cấp nguồn tối đa

: DC 5 V $\pm$ 1,5 A

Bộ giải mã âm thanh

: MP3/WMA/AAC/WAV/FLAC

Bộ giải mã video

: MPEG1/MPEG2/MPEG4/WMV/H.264/MKV

■ Phần Wi-Fi

Tiêu chuẩn mạng LAN không dây

: IEEE 802.11 a/n/ac

Dải tần số

: Băng tần đơn (5 GHz)

■ Phần Bluetooth

Công nghệ

: Bluetooth phiên bản 5.3

Tần số

: 2,402 – 2,480 GHz

Phạm vi giao tiếp tối đa

: Tầm nhìn thẳng khoảng 10 m

Chuẩn mã hóa âm thanh

: SBC

Cấu hình (Hỗ trợ nhiều cấu hình)

- HFP (Cấu hình rảnh tay) 1.8
- SPP (Cấu hình cổng nối tiếp) 1.2
- A2DP (Cấu hình giao thức truyền âm thanh nâng cao) 1.4
- AVRCP (Cấu hình điều khiển từ xa âm thanh/video) 1.6.2
- PBAP (Cấu hình truy cập danh bạ điện thoại) 1.2.3
- HID (Thiết bị giao diện người dùng) 1.0

Phần bộ dò sóng FM

Dải tần số

: 87,5 – 108,0 MHz

Phần bộ dò sóng AM

Dải tần số

: 531 – 1602 kHz

Phần âm thanh

Công suất đầu ra tối đa

: 40 W × 4

Công suất đầu ra định mức

: 16 W × 4 (10% THD)

Trở kháng loa

: 4 Ω

Thông tin chung

Điện áp hoạt động

: Ác-quy 12 V một chiều (cho phép 10–16 V)

Dòng điện tiêu thụ tối đa

: 15 A

Phạm vi nhiệt độ hoạt động

: -30°C – +70°C

Kích thước

: Khung: 180 mm (R) × 50 mm (C) × 140,3 mm (S)

: Bảng phía trước: 250 mm (R) × 168,1 mm (C)

Trọng lượng

: 1,6 kg

CHÚ Ý

- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Phụ lục

Định dạng tệp video	Cấu hình	Kích thước hình ảnh tối đa	Tốc độ bit tối đa	Định dạng âm thanh
MPEG-1 (.mpeg)	-	352x240, 352x288	1,5 Mbps	MPEG Audio Layer 2
MPEG-2 (.mpeg)	MP@ML	720x480, 720x576	8 Mbps	MPEG Audio Layer 2
H.264/MPEG4-AVC (.mp4,.avi,.mkv)	Cấu hình cơ sở, Cấu hình chính	1920x1080 (30fps)	8 Mbps	MP3, AAC
MPEG-4 (.mp4,.avi,.mkv)	Cấu hình đơn giản nâng cao	1920x1080 (30fps)	8 Mbps	MP3, AAC
WMV (.wmv,.mkv)	Cấu hình chính	1920x1080 (30fps)	8 Mbps	WMA

- Tệp video có thể không phát đúng cách tùy theo môi trường tạo tệp.
- Các tệp video có tốc độ bit cao có thể bị dừng phát một phần hoặc âm thanh có thể bị bỏ qua hay gián đoạn.

Định dạng tệp âm thanh	Chuẩn mã hóa âm thanh	Tốc độ lấy mẫu (kHz)	BPS (kbps)	Bit	Chú ý
MP3	MPEG PS	16 - 48	8 - 320	16-bit	
AAC	AAC-LC / HE-AAC	16 - 48	8 - 320	16-bit	adts / loas / latm
		16 - 48	8 - 320	16-bit	adif / raw: no tricky play (không hỗ trợ thao tác phát đặc biệt)
WMA	Windows Media Audio	16 - 48	8 - 320	16-bit	Không hỗ trợ: • WMA v1 • WMA lossless • WMA voice
WAV	LPCM IMA-ADPCM	16 - 192	—	16-bit, 24-bit	
FLAC	FLAC	16 - 192	—	16-bit, 24-bit	

Xử lý sự cố

Hãy kiểm tra các hạng mục trong bảng sau trước tiên khi bạn gặp sự cố. Các sự cố phổ biến nhất được liệt kê bên dưới. Nếu vẫn không khắc phục được sự cố ngay cả sau khi kiểm tra hạng mục thích hợp, hãy liên hệ với đại lý.

Trong trường hợp xảy ra lỗi (chẳng hạn như cầu chì nổ), hãy đảm bảo liên hệ với đại lý để được sửa chữa. Nếu cố gắng thay đổi hoặc sửa chữa cầu chì, bạn có thể gây ra nhiều hư hỏng hơn.

Tình trạng	Hạng mục kiểm tra
Khi thiết bị hiển thị một trong các tình trạng sau: ➤ Màn hình tối hoàn toàn. ➤ Thiết bị không chuyển sang chế độ ban đêm mặc dù đèn chiếu sáng đã bật.	Màn hình hiển thị có đang tắt điện không? ➤ Ấn một lần vào vị trí bất kỳ trên màn hình hoặc công tắc điều khiển trên vô lăng . (xem T. 8) Đã cài đặt đúng Brightness Mode (Chế độ sáng) chưa? ➤ Kiểm tra Cài đặt Display (Màn hình hiển thị): Cài đặt Brightness Mode (Chế độ sáng) thành Auto (Tự động) (xem T. 48). Nếu cách này không khắc phục được sự cố, hãy tắt rồi bật lại thiết bị. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy tham khảo ý kiến đại lý.
Khi màn hình có các đốm nhỏ hoặc điểm sáng.	Đây không phải là lỗi của thiết bị. ➤ Đây là hiện tượng cụ thể của màn hình tinh thể lỏng. Màn hình LCD được chế tạo bằng công nghệ có độ chính xác cao và có số điểm ảnh hiệu quả từ 99,99% trở lên. Tuy nhiên, các điểm ảnh đôi khi có thể bị lỗi ở tỷ lệ 0,01% trở xuống, hoặc một số điểm ảnh có thể bị "kẹt" ở một màu cố định.
Khi hình ảnh hiển thị không rõ nét.	Đã điều chỉnh đúng độ sáng màn hình hiển thị chưa? ➤ Hãy tham khảo cách điều chỉnh độ sáng màn hình hiển thị đối với màn hình RWC/LWC/MVC. (xem T. 45) ➤ Hãy tham khảo cách điều chỉnh độ sáng màn hình hiển thị đối với màn hình Thông tin chung. (xem T. 48)

Tình trạng	Hạng mục kiểm tra
Khi âm thanh chỉ phát ra từ một loa.	Đã điều chỉnh đúng âm lượng âm thanh chưa? ► Điều chỉnh âm lượng cho loa trước/sau và phải/trái. (xem T. 47)
Không có nguồn điện vào thiết bị.	Cầu chì bị nổ. ► Hãy tham khảo ý kiến của đại lý.
Không có âm thanh.	Thiết bị có đang ở trạng thái tạm dừng hoặc tắt tiếng không? ► Tắt trạng thái tạm dừng hoặc đặt sang trạng thái bật tiếng.
Xuất hiện hiện tượng âm thanh ngắt quãng hoặc nhiễu.	Có bộ phát sóng điện từ, chẳng hạn như điện thoại di động, ở gần thiết bị hoặc đường dây điện của thiết bị. ► Giữ bộ phát sóng điện từ, chẳng hạn như điện thoại di động, tránh xa thiết bị và hệ thống dây điện của thiết bị. Nếu không thể loại bỏ nhiễu do bó dây dẫn điện của xe, hãy tham khảo ý kiến của đại lý. Phát các tệp VBR (Tốc độ bit biến đổi) có thể gây ra hiện tượng âm thanh ngắt quãng. ► Phát các tệp không phải VBR.
Không thực hiện được một số thao tác.	Không thực hiện được một số thao tác trong các chế độ cụ thể. ► Đọc kỹ hướng dẫn vận hành và hủy chế độ đó. Nếu thiết bị vẫn gặp sự cố, hãy tham khảo ý kiến của đại lý.
Thiết bị Bluetooth không thể kết nối với thiết bị.	Có thể sử dụng thiết bị Bluetooth với thiết bị không? ► Hãy đảm bảo đọc kỹ hướng dẫn sử dụng của thiết bị Bluetooth để xác nhận không có vấn đề tiềm ẩn nào. Nếu thiết bị Bluetooth là thiết bị âm thanh di động, có thể kết nối thành công bằng cách thay đổi phương thức kết nối.

Tình trạng	Hạng mục kiểm tra
Không phát hiện được USB.	Có thể không hỗ trợ thiết bị bộ nhớ lớn hơn 32 GB. ➤ Hãy sử dụng thiết bị bộ nhớ có dung lượng từ 32 GB trở xuống. Có thể do định dạng không được hỗ trợ. ➤ Hệ thống hỗ trợ định dạng USB FAT16 và FAT32. Hãy định dạng lại thiết bị của bạn bằng định dạng được hỗ trợ.
iPod/iPhone hoạt động không đúng cách.	➤ Rút Pod/iPhone khỏi thiết bị và kết nối lại iPod/iPhone sau khi đặt lại thiết bị. Hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng của iPod/iPhone để biết phương pháp đặt lại iPod/iPhone.
Một số tệp có thể không phát đúng cách tùy theo loại tệp.	➤ Kiểm tra định dạng tệp. (xem T. 55 - 56)
Khó nhìn hình ảnh của camera sau.	Xe có thể đang ở khu vực tối. ➤ Hãy đưa xe ra khỏi khu vực có ánh sáng không đều hoặc tránh ánh nắng trực tiếp. Có giọt nước hoặc yếu tố bên ngoài (bùn, v.v.) trên camera. ➤ Hãy lau nhẹ camera bằng nước và khăn mềm.
Hình ảnh của camera sau bị mờ.	Bụi bẩn hoặc các yếu tố bên ngoài (như giọt nước, tuyết và bùn, v.v.) bám vào camera. ➤ Hãy lau nhẹ camera bằng nước và khăn mềm.
Hình ảnh của camera sau bị lệch.	➤ Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.
Các đường kẻ dẫn hướng bị lệch.	Vị trí camera có thể bị lệch. ➤ Hãy mang xe đến đại lý để kiểm tra.

Tình trạng	Hạng mục kiểm tra
WebLink không phát ra âm thanh.	➤ Xác nhận đã chọn thiết bị cài đặt WebLink trong phần thiết lập kết nối Bluetooth. ➤ Tăng âm lượng trên điện thoại thông minh. ➤ Thử ứng dụng nghe nhạc khác. Một số ứng dụng không hỗ trợ phát lại qua WebLink. (Ứng dụng Apple Music không hỗ trợ phát lại qua WebLink.)
Không thể vận hành WebLink bằng thao tác trên tấm cảm ứng.	➤ Các chức năng hoạt động khả dụng có thể khác với các chức năng được vận hành trên thiết bị. ➤ Một số chức năng có thể không khả dụng trên thiết bị này tùy theo thiết bị được kết nối.
Khi kết nối điện thoại Android thông qua cáp với WebLink, biểu tượng WebLink vẫn chưa bị đóng khung  .	➤ Điện thoại Android không hiển thị khung là do giới hạn tín hiệu, nhưng chức năng vẫn hoạt động bình thường.
Khi sử dụng điện thoại Android, kết nối với WebLink và sử dụng ứng dụng trong WebLink. Bạn không thể sử dụng bàn phím trong ứng dụng khi đang lái xe.	➤ Hãy kiểm tra xe ở trạng thái dừng. ➤ Khi đang lái xe, hãy sử dụng chức năng giọng nói để thay thế cho chức năng bàn phím.

Giới thiệu về thiết bị này

■ Nhân hiệu và giấy phép



Tên mẫu nhà sản xuất

DMXHC105

DMXHC116

- Nhân và logo Bluetooth® đã được đăng ký thương hiệu do tập đoàn Bluetooth SIG sở hữu và việc sử dụng các nhân này của tập đoàn JVCKENWOOD đều được cấp phép. Các nhân hiệu và tên thương mại khác được đăng ký theo công ty sở hữu tương ứng.
 - Windows Media là nhân hiệu đã đăng ký hoặc nhân hiệu của tập đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
 - Sản phẩm này được bảo hộ bởi các quyền sở hữu trí tuệ nhất định của Microsoft. Không được phép sử dụng hoặc phân phối sản phẩm này ra bên ngoài nếu không có giấy phép từ Microsoft.
 - Việc sử dụng huy hiệu Made for Apple có nghĩa là một phụ kiện đã được thiết kế để kết nối cụ thể với (các) sản phẩm của Apple được xác định trong huy hiệu và đã được nhà phát triển chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất của Apple. Apple không chịu trách nhiệm về việc hoạt động của thiết bị này hay việc tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn và quy định. Xin lưu ý rằng việc sử dụng phụ kiện này với một sản phẩm của Apple có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của mạng không dây.
 - Apple, Apple CarPlay, iPhone, Siri và Lightning là các nhân hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
 - App Store là một nhân hiệu dịch vụ của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
 - IOS là nhân hiệu hoặc nhân hiệu đã được đăng ký của Cisco tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác và được sử dụng theo giấy phép.
 - Android, Google Play, Android Auto, Pixel và các nhân khác là các nhân hiệu của Google LLC. Yêu cầu có điện thoại Android tương thích và gói dữ liệu di động tương thích ở trạng thái đang hoạt động.
- Kiểm tra phản hồi. Yêu cầu có cài đặt. Khả năng tương thích và khả dụng có thể thay đổi.18+.
- Để sử dụng Android Auto trên màn hình hiển thị của xe, bạn sẽ cần một điện thoại Android chạy hệ điều hành Android 8 trở lên, một gói dữ liệu di động ở trạng thái đang hoạt động và ứng dụng Android Auto.

- Một số tính năng có thể không khả dụng ở tất cả các quốc gia và có thể thay đổi tùy theo xe và/hoặc nhà sản xuất thiết bị. Có thể yêu cầu có kết nối Internet. Sử dụng các tính năng khi an toàn.
- USB Type-C® và USB-C® là các nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của USB Implementers Forum.
- Wi-Fi® là nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của Wi-Fi Alliance®.
- Logo Wi-Fi CERTIFIED™ là nhãn chứng nhận của Wi-Fi Alliance®.
- WebLink là nhãn hiệu đã đăng ký bản quyền của Abalta Technologies, INC, tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- SẢN PHẨM NÀY ĐƯỢC CẤP PHÉP THEO GIẤY PHÉP DANH MỤC BẢNG SÁNG CHẾ AVC ĐỂ NGƯỜI TIỂU DÙNG SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH CÁ NHÂN HOẶC CÁC MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KHÁC MÀ KHÔNG NHẬN ĐƯỢC THỦ LAO NHẢM (i) MÃ HÓA VIDEO THEO TIÊU CHUẨN AVC ("VIDEO AVC") VÀ/HOẶC (ii) GIẢI MÃ VIDEO AVC ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA BỞI NGƯỜI TIỂU DÙNG THAM GIA HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN VÀ/HOẶC ĐƯỢC LẤY TỪ MỘT NHÀ CUNG CẤP VIDEO ĐƯỢC CẤP PHÉP CUNG CẤP VIDEO AVC. KHÔNG CẤP PHÉP HOẶC NGỤ Ý CẤP PHÉP CHO BẤT KỲ MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NÀO KHÁC. CÓ THỂ XEM THÊM THÔNG TIN TỪ MPEG LA, L.L.C. TRUY CẬP [HTTP://WWW.MPEGLA.COM](http://WWW.MPEGLA.COM)
- libFLAC

Bản quyền (C) 2000,2001,2002,2003,2004,2005,2006,2007,2008, 2009 Josh Coalson

Việc phân phối lại và sử dụng dưới dạng mã nguồn và mã nhị phân, có hoặc không có sửa đổi, được phép với điều kiện đáp ứng các yêu cầu sau:

- Việc phân phối lại mã nguồn phải giữ nguyên thông báo bản quyền nêu trên, danh sách các điều kiện này và tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây.
- Việc phân phối lại dưới dạng mã nhị phân phải tái hiện thông báo bản quyền nêu trên, danh sách các điều kiện này và tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây trong tài liệu và/hoặc các tài liệu khác được cung cấp kèm theo.

- Không được sử dụng tên của Xiph.org Foundation cũng như tên của các bên đóng góp để chứng thực hoặc quảng bá sản phẩm được phát triển từ phần mềm này nếu không có sự cho phép cụ thể trước bằng văn bản.

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP BỞI CÁC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN VÀ CÁC BÊN ĐÓNG GÓP TRONG TÌNH TRẠNG "NGUYỄN TRẠNG" VÀ MỌI BẢO ĐẢM RÕ RÀNG HOẶC NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM NGỤ Ý VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC HÀNG VÀ SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐỀU BỊ TỪ CHỐI. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, FOUNDATION HOẶC CÁC BÊN ĐÓNG GÓP KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT KỲ THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP, NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT, MANG TÍNH TRỪNG PHẠT HOẶC HẸ QUẢ NÀO (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở VIỆC MUA SẮM HÀNG HÓA HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ; MẤT QUYỀN SỬ DỤNG, DỮ LIỆU HOẶC LỢI NHUẬN; HOẶC GIÁN ĐOAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH) BẮT KỂ NGUYỄN NHẬN VÀ THEO BẤT KỲ CƠ SỞ TRÁCH NHIỆM NÀO, DÙ LÀ TRONG HỢP ĐỒNG, TRÁCH NHIỆM NGHIÊM NGẶT, HAY VI PHẠM DÂN SỰ (BAO GỒM CẢ SƠ SUẤT HOẶC HÌNH THỨC KHÁC) PHÁT SINH DƯỚI BẤT KỲ HÌNH THỨC NÀO TỪ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, NGAY CẢ KHI ĐÃ ĐƯỢC CẢNH BÁO VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA THIẾT HẠI NHƯ VẬY.

⚠ LƯU Ý THẬN TRỌNG CỦA FCC

- Các thay đổi hoặc sửa đổi không được bên chịu trách nhiệm về tuân thủ phê duyệt có thể khiến người dùng mất quyền vận hành thiết bị đó.

CHÚ Ý

- Thiết bị này đã được kiểm thử và tuân thủ các giới hạn dành cho thiết bị kỹ thuật số Loại B, theo phần 15 của Quy tắc FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ hợp lý chống lại nhiễu có hại trong hệ thống lắp đặt tại khu dân cư.
- Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát bức xạ năng lượng tần số vô tuyến, và nếu không được lắp đặt và sử dụng theo hướng dẫn, có thể gây nhiễu có hại cho thông tin liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng sẽ không xảy ra nhiễu trong một hệ thống lắp đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho việc thu nhận sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có thể xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người dùng được khuyến khích thử khắc phục hiện tượng nhiễu bằng một hoặc nhiều biện pháp sau:
 - Định hướng lại hoặc di chuyển vị trí ăng-ten thu nhận.
 - Tăng khoảng cách giữa thiết bị và máy thu sóng.
 - Kết nối thiết bị vào ổ cắm trên mạch điện khác với mạch điện mà máy thu sóng đang kết nối.
 - Tham khảo ý kiến đại lý hoặc kỹ thuật viên sóng vô tuyến/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thiết bị phát sóng này không được đặt cùng vị trí hoặc hoạt động kết hợp với bất kỳ ăng-ten hoặc thiết bị phát sóng nào khác.

⚠ THẬN TRỌNG

- Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ của FCC được đặt ra cho một môi trường không kiểm soát và đáp ứng Hướng dẫn về phơi nhiễm tần số vô tuyến (RF) của FCC. Khi lắp đặt và vận hành thiết bị này, phải để bộ phận phát xạ cách xa thân người ít nhất 20 cm trở lên.

Tuyên bố hợp chuẩn của nhà cung cấp

Tên thương mại: KENWOOD
Sản phẩm: MÀN HÌNH GIẢI TRÍ
Tên mẫu sản phẩm: DMXHC105/DMXHC116
Bên chịu trách nhiệm: TẬP ĐOÀN JVCKENWOOD HOA KỲ
4001 Worsham Avenue, Long Beach, CA 90808,
HOA KỲ
SỐ ĐIỆN THOẠI: 1-800-252-5722

THIẾT BỊ NÀY TUÂN THỦ PHẦN 15 CỦA QUY ĐỊNH FCC. HOẠT ĐỘNG CỦA THIẾT BỊ PHẢI ĐẢM BẢO HAI ĐIỀU KIỆN SAU:

- (1) THIẾT BỊ NÀY KHÔNG GÂY RA NHIỀU SÓNG CÓ HẠI, VÀ
- (2) THIẾT BỊ NÀY PHẢI CHẤP NHẬN CÁC NHIỀU SÓNG THU NHẬN ĐƯỢC, KỂ CẢ LOẠI NHIỀU SÓNG CÓ THỂ GÂY RA CÁC HOẠT ĐỘNG KHÔNG MONG MUỐN.

Thông báo quan trọng về phần mềm

Giấy phép phần mềm trên sản phẩm này

Phần mềm được tích hợp trong sản phẩm này bao gồm một số thành phần phần mềm độc lập, mỗi thành phần đều thuộc bản quyền của tập đoàn JVCKENWOOD hoặc của bên thứ ba.

Sản phẩm này sử dụng các thành phần phần mềm dựa trên Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối (sau đây gọi là “EULA”) do tập đoàn JVCKENWOOD và các bên thứ ba quy định.

EULA quy định tính có sẵn của mã nguồn của các thành phần phần mềm tự do như một điều kiện tiên quyết để phân phối các thành phần này ở dạng có thể triển khai theo các điều khoản của Giấy phép công cộng chung GNU hoặc Giấy phép công cộng chung hạn chế (sau đây gọi là “GPL/LGPL”). Để có thông tin về các thành phần phần mềm tuân theo các điều khoản của GPL/LGPL, vui lòng truy cập trang web sau:

URL của trang web <https://www2.jvckenwood.com/gpl/>

Các thắc mắc liên quan đến nội dung của mã nguồn hoặc tương tự sẽ không được chấp nhận.

Xin lưu ý rằng các thành phần phần mềm dựa trên EULA không tuân theo các điều khoản của GPL/LGPL hoặc những thành phần đã được phát triển hoặc tạo ra bởi tập đoàn JVCKENWOOD sẽ bị loại trừ khỏi phạm vi công bố mã nguồn.

Do giấy phép sử dụng các thành phần phần mềm được phân phối theo GPL/LGPL được cung cấp cho khách hàng miễn phí, nên khách hàng không được cung cấp bảo hành nào, dù là rõ ràng hay ngầm định, trong phạm vi của luật pháp hiện hành.

Trừ khi có quy định khác bởi luật pháp hiện hành hoặc được thỏa thuận bằng văn bản, các chủ sở hữu bản quyền hoặc những người có quyền sửa đổi và phân phối lại các thành phần phần mềm không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ và tất cả các thiệt hại phát sinh từ việc sử dụng hoặc từ việc không thể sử dụng các thành phần này.

Để biết thêm thông tin về các điều kiện sử dụng của các thành phần phần mềm, các hạng mục tuân thủ bắt buộc và các vấn đề khác, vui lòng tham khảo GPL/LGPL.

Những khách hàng có nhu cầu tự sử dụng thành phần phần mềm tuân theo GPL/LGPL được tích hợp trong sản phẩm này được khuyến khích đọc các điều kiện của giấy phép tương ứng trước khi sử dụng.

Vì mỗi giấy phép riêng lẻ do một bên thứ ba không phải tập đoàn JVCKENWOOD quy định, bản gốc (tiếng Anh) của giấy phép được trình bày.

Thỏa thuận cấp phép phần mềm

Tập đoàn JVCKENWOOD (sau đây gọi là “Bên cấp phép”) nắm giữ bản quyền đối với phần mềm nhúng hoặc quyền cấp phép thứ cấp cho phần mềm đó. Thỏa thuận này thiết lập các điều kiện mà theo đó khách hàng sử dụng “Phần mềm được cấp phép” này.

Khách hàng phải đồng ý với các điều khoản của thỏa thuận cấp phép này trước khi tiến hành sử dụng Phần mềm được cấp phép. Thỏa thuận này được coi là có hiệu lực khi khách hàng (sau đây gọi là “Người dùng”) đã sử dụng triển khai một sản phẩm có Phần mềm được cấp phép.

Phần mềm được cấp phép có thể chứa phần mềm mà Bên cấp phép đã được cấp phép sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các bên thứ ba. Một số bên thứ ba có thể có các điều kiện sử dụng được quy định cho khách hàng của họ, ngoài Thỏa thuận cấp phép phần mềm này.

Thỏa thuận này không áp dụng cho phần mềm như vậy. Hãy tham khảo phần “Thông báo quan trọng về phần mềm” được trình bày riêng.

Điều 1 (Điều khoản chung)

Bên cấp phép cấp cho Người dùng quyền sử dụng không độc quyền, không thể chuyển nhượng đối với Phần mềm được cấp phép trong phạm vi quốc gia nơi Người dùng mua Sản phẩm (sau đây gọi là “Quốc gia”) (ngoại trừ trường hợp ngoại lệ quy định tại Khoản 1, Điều 3).

Điều 2 (Quyền sử dụng)

1. Quyền sử dụng được cấp theo thỏa thuận này là quyền sử dụng Phần mềm được cấp phép trong sản phẩm này.
2. Người dùng không được tạo bản sao, sao chép, sửa đổi, thêm vào, dịch hoặc thay đổi khác, hoặc cho mượn Phần mềm được cấp phép và tài liệu liên quan toàn bộ hoặc một phần.
3. Việc sử dụng Phần mềm được cấp phép bị giới hạn trong phạm vi riêng tư, và Phần mềm được cấp phép không được phân phối, cấp phép hoặc cấp phép thứ cấp cho bất kỳ mục đích nào, bao gồm cả mục đích thương mại.

4. Người dùng phải sử dụng Phần mềm được cấp phép theo số tay hướng dẫn hoặc các hướng dẫn được cung cấp trong tệp trợ giúp và không được sử dụng hoặc tạo bản sao dữ liệu vi phạm các quy định của Luật Bản quyền hoặc các luật chi phối khác bằng cách sử dụng Phần mềm được cấp phép toàn bộ hoặc một phần.

Điều 3 (Điều khoản cấp phép)

1. Khi chuyển nhượng sản phẩm này, Người dùng không được giữ lại bản gốc của Phần mềm được cấp phép đã nhúng (bao gồm tài liệu liên quan, các bản cập nhật và nâng cấp) và bất kỳ bản sao nào cũng như tài liệu liên quan đối với quyền sử dụng Phần mềm được cấp phép. Người dùng chỉ được chuyển giao Phần mềm được cấp phép với điều kiện ràng buộc bên nhận chuyển giao phải tuân thủ các điều khoản của Thỏa thuận cấp phép phần mềm này.
2. Người dùng không được phép thực hiện kỹ thuật đảo ngược, gỡ mã máy, biên dịch ngược hoặc phân tích mã nguồn của Phần mềm được cấp phép theo cách khác.

Điều 4 (Quyền đối với Phần mềm được cấp phép)

Tất cả các quyền đối với Phần mềm được cấp phép và tài liệu liên quan, bao gồm cả bản quyền, sẽ thuộc về Bên cấp phép hoặc chủ sở hữu quyền ban đầu đã cấp Quyền sử dụng và quyền cấp phép thứ cấp cho Bên cấp phép (sau đây gọi là “Chủ sở hữu quyền ban đầu”), và Người dùng không có bất kỳ quyền nào khác ngoài Quyền sử dụng được cấp theo thỏa thuận này đối với Phần mềm được cấp phép và tài liệu liên quan.

Điều 5 (Miễn trừ trách nhiệm cấp cho Bên cấp phép)

1. Bên cấp phép và Chủ sở hữu quyền ban đầu không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các thiệt hại gây ra cho Người dùng hoặc bên thứ ba từ việc Người dùng khai thác các quyền của giấy phép được cấp theo thỏa thuận này, trừ khi có quy định trái ngược lại của pháp luật.

2. Bên cấp phép không bảo đảm Phần mềm được cấp phép có thể bán được, tương thích và phù hợp cho các mục đích cụ thể.

Điều 6 (Trách nhiệm đối với bên thứ ba)

Nếu các tranh chấp về việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba, chẳng hạn như quyền tác giả và quyền bằng sáng chế, phát sinh từ việc Người dùng sử dụng Phần mềm được cấp phép, Người dùng phải tự giải quyết các tranh chấp này bằng chi phí của mình, đồng thời giữ cho Bên cấp phép và Chủ sở hữu quyền ban đầu không bị tổn hại.

Điều 7 (Nghĩa vụ bảo mật)

Người dùng phải giữ bí mật Phần mềm được cấp phép được cung cấp theo thỏa thuận này, thông tin chứa trong tài liệu liên quan hoặc tương tự và các điều khoản của thỏa thuận này chưa được công chúng biết đến, đồng thời không được tiết lộ hoặc làm rõ rí những thông tin này cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản từ Bên cấp phép.

Điều 8 (Hủy bỏ thỏa thuận)

Bên cấp phép bảo lưu quyền hủy bỏ thỏa thuận này ngay lập tức và yêu cầu Người dùng bồi thường các thiệt hại do việc hủy bỏ đó gây ra khi Người dùng:

- (1) Vi phạm bất kỳ điều khoản nào của thỏa thuận này, hoặc
- (2) Đã nhận được đơn yêu cầu kê biên, kê biên tạm thời, biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc bất kỳ hình thức cưỡng chế thi hành án bắt buộc nào khác.

Điều 9 (Tiêu hủy Phần mềm được cấp phép)

Nếu thỏa thuận này bị chấm dứt theo quy định tại khoản trước, Người dùng phải tiêu hủy Phần mềm được cấp phép, cùng với tất cả tài liệu liên quan và các bản sao của phần mềm, trong vòng hai (2) tuần kể từ ngày chấm dứt.

Điều 10 (Bảo vệ bản quyền)

1. Bản quyền và mọi quyền sở hữu trí tuệ khác liên quan đến Phần mềm được cấp phép sẽ thuộc về Bên cấp phép và Chủ sở hữu quyền ban đầu, và trong mọi trường hợp không thuộc về Người dùng.

2. Người dùng phải tuân thủ các luật liên quan đến bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ khi sử dụng Phần mềm được cấp phép.

Điều 11 (Kiểm soát xuất khẩu)

1. Không xuất khẩu Phần mềm được cấp phép và tài liệu liên quan hoặc tương tự đến các địa điểm bên ngoài Quốc gia (bao gồm cả việc truyền tải ra bên ngoài Quốc gia qua mạng Internet hoặc tương tự).
2. Người dùng đồng ý rằng Phần mềm được cấp phép tuân theo các biện pháp kiểm soát xuất khẩu do Quốc gia và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ áp đặt.
3. Người dùng đồng ý tuân thủ tất cả các luật pháp quốc tế và trong nước áp dụng cho phần mềm này (Quy định quản lý xuất khẩu của Hoa Kỳ và các quy định do Hoa Kỳ, Quốc gia và các cơ quan chính phủ của các quốc gia này thiết lập liên quan đến việc sử dụng bởi người dùng cuối và các điểm đến xuất khẩu).

Điều 12 (Điều khoản khác)

1. Ngay cả khi thỏa thuận này bị vô hiệu một phần theo pháp luật, tất cả các điều khoản khác sẽ vẫn có hiệu lực.
2. Bên cấp phép và Người dùng sẽ tham khảo ý kiến lẫn nhau một cách thiện chí để giải quyết bất kỳ vấn đề nào không được quy định trong thỏa thuận này hoặc các thắc mắc phát sinh từ việc diễn giải thỏa thuận này.
3. Bên cấp phép và Người dùng đồng ý rằng thỏa thuận này được chi phối bởi pháp luật Nhật Bản và mọi tranh chấp liên quan đến các khiếu nại và nghĩa vụ có thể phát sinh từ thỏa thuận này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Tòa án quận Tokyo làm tòa án sơ thẩm.

HONDA